

LINDA GRANT



SHORTLISTED FOR THE 2008 MAN BOOKER PRIZE

Ngô Thị Tố Uyên dịch



THE CLOTHES ON THEIR BACKS

ÁO KHOÁC VÀ NGƯỜI



dbooks
A Division of PACE



HỘI NHÀ VĂN

ÁO KHOÁC VAI NGƯỜI



Nguyên tác: The Clothes On Their Backs

Tác giả: Linda Grant

Người dịch: Ngô Thị Tố Uyên

Nhà xuất bản Hội Nhà Văn - 2012

ebook©vctvegroup

10-08-2018

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

“Hấp dẫn và được viết với phong cách đả kích xã hội nhẹ nhàng mà sâu sắc và chua cay; cuốn tiểu thuyết đã thành công trong việc khắc họa một câu chuyện gia đình thông qua những thăng trầm trong cuộc đời nhân vật chính trong một giai đoạn ngắn ngủi đầy dữ dội của thế kỷ 20... Nói cách khác, đây là một tác phẩm hiếm có, một tiểu thuyết của những tư tưởng lớn không bao giờ quên vai trò kể chuyện lõi cuốn của nó. Bất kỳ một chiếc áo choàng hay áo khoác bông nào mà ta tình cờ bắt gặp trên đường đều đơn giản giống như một lớp kem phủ bên ngoài một chiếc bánh.”

• The Evening Standard

“Chủ đề truyện không hề tầm thường nhưng lại được tạo dựng một cách tinh tế, khéo léo đến nỗi ta hầu như hoàn toàn không cảm thấy là mình đang đọc một đề tài lớn. Cốt truyện cũng được xây dựng vô cùng linh hoạt và lôi cuốn. Và, giống như bất kỳ cuốn sách xuất sắc nhất nào, các tư tưởng lớn được đề cập trong cuốn tiểu thuyết này sẽ đọng lại trong ta rất lâu sau đó... Đây là một tác phẩm tuyệt vời; được viết một cách chặt chẽ, vẽ nên đời sống tâm lý tình cảm của một phụ nữ đồng thời lồng vào đó những vấn đề chính trị, lịch sử, đạo đức... Đặc biệt, tiểu thuyết này là một lời nhắc nhở nhẹ nhàng trước những mối nguy của thói đạo đức giả. Chẳng có ai hoàn toàn tốt, cũng chẳng có người nào hoàn toàn xấu. Một bộ cánh lịch sự có thể đánh bóng vẻ bề ngoài của con người ta quá mức.”

• **The Observer**

“Cuốn tiểu thuyết sống động thú vị và liên tục gây bất ngờ này cũng giống như truyện của Anita Bookner với nhiều trang viết về tình dục. Thái độ vừa yêu mến, trân trọng vừa kinh tởm cuộc sống của nhân vật Sándor ngụ ý những điều sâu xa vượt ngoài phạm vi câu chuyện về một lối sống tham vọng khó ngờ và hấp dẫn”.

• The Telegraph

“Chúng ta thể hiện mình là ai qua những gì mà ta khoác lên người vì quần áo tiết lộ tính cách của chúng ta; nhưng, như ngài bút Grant đã chỉ rõ khi dẫn dắt bạn đọc qua một mê cung những lý luận đạo đức làm ta choáng váng, quần áo còn che đậy bản chất thật, con người thật của chúng ta... Trong cuốn tiểu thuyết công phu và có bố cục phức tạp tở mĩ này, đằng sau những miêu tả của Grant về cách ăn mặc, về quần áo bề ngoài, những gì mà tác giả muốn nói đến không đơn thuần chỉ dừng ở ý nghĩa giản đơn hời hợt đó”.

• TheTimes

“Cốt truyện của Grant giàu tình tiết đến nỗi cuốn tiểu thuyết đã gói gọn trong nó cơ man nào là chuyện... Ngược lại, ý nghĩa của những mạch truyện khác đôi khi có vẻ như khó hiểu một cách kỳ lạ.

Nhưng, đó mới thực sự là chủ đề chính của tác phẩm này: cuộc sống tự thân nó không phải là thứ rõ ràng, minh triết. Ta cố gắng vận hết khả năng phân tích nó nhưng đôi khi, ta không thể nhìn xuyên qua được lớp vỏ bên ngoài của sự vật, hiện tượng.”

• The Sunday Times

“Một tiểu thuyết xuất sắc, tràn đầy hơi thở cuộc sống cùng các nhân vật sống động”.

• **The Mail on Sunday**

“Được viết với một trí tưởng tượng phong phú... lập tức, tiểu thuyết này của Grant trở thành một công trình nghiên cứu tỉ mỉ tuyệt vời về tính cách con người, một lịch sử chua xót về một dòng họ, một bức tranh miêu tả cuộc sống sinh động giàu tính liên tưởng... Thật vui khi đón chào một cuốn sách gây ấn tượng sâu sắc và khơi gợi nhiều suy ngẫm như vậy.”

• The Independent

“Giống như tiền, quần áo cũng có giá trị tâm lý, biểu tượng và thực thể. Linda Grant hiểu thấu những giá trị này và đã khéo léo lồng vào cuốn thuyết mới nhất của mình nhận thức sâu sắc về vai trò của quần áo trong việc phản ánh tính cách và giá trị tự thân của mỗi con người... Tia sáng soi rọi đặc biệt này của riêng Grant đã phát lộ cách chúng ta hình thành nhận thức về cái tôi của mình từ những gì được phản chiếu ngược tới chúng ta, thông qua gương hoặc qua những mối quan hệ với người khác. Tác giả đã miêu tả nếp uốn lượn đầy mê hoặc của váy áo sành sỏi không kém gì viết về tình trạng căng thẳng xã hội.”

• The Sunday Telegraph

Lời dịch giả

Áo khoác vai người - cuốn tiểu thuyết đầy nữ tính, nhưng qua một câu chuyện kể rất hấp dẫn đã đặt ra rất nhiều những vấn đề lớn.

“Tôi hoàn toàn không hay biết mình có một người họ hàng cho đến tận năm tôi 10 tuổi”. Đây không phải là dòng đầu tiên của cuốn tiểu thuyết này vì quả thực mãi đến chương 3, chi tiết này mới xuất hiện; nhưng, chính từ đây, câu chuyện về một hành trình tưởng chừng như bất tận đi tìm và khẳng định cái tôi bản ngã, câu chuyện về một niềm khát khao “sống” mãnh liệt, trọn vẹn theo đúng nghĩa đen lẫn nghĩa bóng của từ này mới thực sự bắt đầu.

Nhân vật “tôi” dẫn chuyện là một người phụ nữ Anh gốc Do Thái tên Vivien Kovaks còn người họ hàng là ông bác ruột đặc biệt của Vivien - Sándor Kovaks. Từ mối quan hệ là trung tâm của câu chuyện này, bạn đọc được dẫn dắt khám phá thế giới nội tâm của các nhân vật với bao cung bậc tình cảm hi, nộ, ái, ố rất đời; với những ưu tư, băn khoăn, dằn vặt; với những nuối tiếc giằng xé khôn nguôi; với nỗi cô đơn tột cùng đến mức ám ảnh; với những giành giật, lừa lọc, bí mật và phản bội; với những thống khổ và đấu tranh sinh tồn khắc nghiệt; với tình yêu và cả nhu cầu tình dục rất trần tục của con người.

Vivien sinh ra trong một gia đình người Hungary Do Thái nhập cư vào Anh năm 1938 với tư cách là dân tị nạn. Nhân vật “tôi” lớn lên giữa những con người lập dị, “trong một môi trường cô độc”, một bầu không khí cô đơn, khép kín đến mức

ngọt ngọt và lặng lẽ đến mức nhàm chán, tẻ nhạt. Không gian sống tuổi thơ của Vivien chủ yếu gói gọn trong căn phòng ngủ nhỏ bé của chính nhân vật; người bạn duy nhất của Vivien là một bức tượng ông già Trung Hoa bằng ngà; trò chơi ưa thích của Vivien là nằm tĩnh lặng hàng giờ trên giường, chơi đùa với những ý nghĩ tưởng tượng trong đầu. “3 người chúng tôi - bố mẹ và con gái - sống chậm chạp và lặng lẽ như ba hòn bi uế oải lăn trên sàn nhà lát vải sơn”. “Bố tôi khiếp hãi sự thay đổi, xáo trộn. Trong khi nó vẫn còn ở tận đâu tận đâu... bố tôi đã khổ sở chịu đựng mối lo âu rồi. Ông sợ rằng bất cứ một chút xáo trộn trong hoàn cảnh của mình cũng có thể làm cho mọi thứ sa sút”. Vì vậy, *“khi đã chắc chắn bước qua phía bên kia của cánh cửa nhà mình, hai vợ chồng họ liền khóa chặt nó lại và cố gắng ra ngoài càng ít càng tốt”*. Và cặp vợ chồng già, “gàn dở”, “kỳ quặc” này - nói như lời của Vivien - đã nuôi nấng, dạy dỗ đứa con duy nhất của mình trở thành “một con chuột nhắt” giống họ, tồn tại chứ không phải sống giữa cuộc đời. *“Tôi chưa từng đi tàu hỏa bao giờ. Tôi không hề bước ra ngoài phạm vi London mãi cho đến năm tôi 18 tuổi”*.

Chính hoàn cảnh sống đó đã tạo nên một thiếu nữ Vivien bên ngoài “tỏ ra là một kẻ thờ thượng trải đời, một dân London chính gốc, lớn lên ngay giữa trung tâm thủ đô, đầy tự tin và cá tính độc đáo. Nhưng bên trong toàn là những sợ hãi, dao động và khó hòa nhập với xã hội. Người ta bảo tôi có một kiểu thu hút xa cách, khó gần... Nhưng tất cả những gì tôi cảm thấy lại là một nỗi cô đơn nhức nhối của những chân trời vĩnh viễn xám xịt một màu”. Mất phương hướng sống, Vivien trải qua một loạt những rối loạn hành vi và tâm lý.

Không ít lần, nhân vật “tôi” tìm cách thoát khỏi cuộc sống chật hẹp, ngọt ngào là căn nguyên của nỗi cô đơn, u uất, chán

ghét kéo dài lê thê trong tâm hồn cô - từ quyết định học đại học xa nhà cho đến việc kết hôn lần đầu chóng vánh khi chưa định rõ mình đã thật sự yêu người đàn ông mình lấy làm chồng hay không. Thậm chí, Vivien còn tìm đến sự giải thoát trong tình dục với không ít lần trải nghiệm quan hệ hoàn toàn xác thịt, không tình yêu; nhưng, tất cả chỉ càng làm cho cô thêm loay hoay, bế tắc trên con đường đi tìm và định hình cái tôi của mình nhằm khẳng định nỗi khát khao được sống một cuộc sống đầy màu sắc như đặc tính tự nhiên vốn có của nó.

Vì vậy, chẳng có gì quá ngạc nhiên khi nhân vật nữ chính này bị cuốn hút mạnh mẽ về phía người bác Sándor của mình - một người trái ngược hoàn toàn với ông bố, từ ngoại hình, tính cách cho tới những trải nghiệm sống; một chủ nhà trọ ổ chuột bị tống vào tù vì tội bóc lột, ngược đãi người thuê nhà; một kẻ bị nguyên rủa là mang khuôn mặt của quỷ sứ; một tên dốt mồi cho gái làng chơi; một nạn nhân sống sót qua nạn diệt chủng tàn bạo của Đức Quốc xã, trở nên giàu có, nổi tiếng trong giới thượng lưu để rồi cuối đời lại thành một kẻ giết người và chết vì những gì mắt mình nhìn thấy.

Có thể nói, điểm thú vị, hấp dẫn nhất của cuốn tiểu thuyết này là những đoạn tranh luận giữa Vivien và ông bác của mình hay đúng hơn là sự đấu tranh không ngừng giữa những giá trị đạo đức, những niềm tin, những quan điểm sống trái ngược nhau, giữa cái tốt và cái xấu, cái thiện và cái ác. Dù có lúc Vivien muốn hành động giống như bố mẹ mình - sợ hãi, ghê tởm, tránh xa người bác bị người đời xem là hiện thân của quỷ dữ - nhưng cuối cùng cô vẫn không cưỡng lại được sự tò mò muốn tìm hiểu về nhân vật đầy màu sắc cá tính này. Để rồi cuối cùng, chính từ những hiểu biết đó, Vivien dần dần cảm thông với ông bác Sándor của mình, nhận ra ông là một người đáng

thương hơn đáng trách vì ông không phải hoàn toàn là một con quái vật vô nhân tính như miệng lưỡi người đời. Thậm chí, cô còn nhận thấy mình phát triển nhiều tính cách giống người bác: thích làm một con tê giác đắm mình trong bùn lầy của những cánh rừng hơn là một con chuột nhắt trốn chui trốn nhủi ở xó nhà; khát khao sống, dám sống và quyết tâm sống trong mọi hoàn cảnh. Vivien dần dần lột xác từ một người tự ti, nhút nhát, suốt ngày chìm trong thế giới sách vở lý thuyết với những tưởng tượng viễn vông thành một người chín chắn, trưởng thành và thực tế hơn. Bởi vì, cô nhận chân một điều: những nỗi đau thể xác lẫn tinh thần là một điều hiển nhiên tất yếu của cuộc sống vốn dĩ đa dạng; ta nên bình thản đón nhận để vượt qua và liên tục tái sinh tâm hồn mình. Dù cuộc đời, theo như cách ví von của Sándor, giống như một chiếc bánh mà luôn có một phần nào đó ngon hơn bị người ta giấu đi, không muốn cho ta tìm thấy và đôi khi ta phải giành giật, chớp lấy ngay khi có cơ hội, thì nó vẫn rất đáng để sống hết mình. Dù con người ta có phải chết vì những gì mắt mình nhìn thấy nhưng ta vẫn cứ dám nhìn thẳng vào nó để thấy bao điều sinh động thay vì nhắm mắt, rúc đầu vào một xó nào đó để rồi lây lất chết mòn trong nỗi cô đơn, buồn chán, tẻ nhạt của một sự tồn tại vô nghĩa.

Với ý nghĩa này, đề tài truyện mang tính phổ quát chung cho toàn nhân loại và có giá trị chân lý bất biến theo thời gian. Cái tài của tác giả Linda Grant ở đây là biết lồng nó khéo léo, nhẹ nhàng qua những đối đáp, tranh luận hay suy nghĩ của các nhân vật về đủ mọi vấn đề - từ chính trị, lịch sử, tôn giáo, đức tin, nạn phân biệt chủng tộc cho đến triết lý sống. Đủ để không biến tiểu thuyết thành quá khô khan với những lời giáo điều lên gân lên cốt mà vẫn đảm bảo chuyển tải một thông điệp

manh mẽ, rõ ràng. Bộ cục truyện khá chặt chẽ với những tình tiết giàu kịch tính, lôi cuốn, hấp dẫn được dẫn dắt theo trục thời gian. Quá khứ, hiện tại đan xen một cách mạch lạc với nhau thông qua kết nối từng mảnh đời của các nhân vật - những chân dung được khắc họa một cách sống động, đầy cá tính riêng.

Trong đó, quần áo cũng được nhân cách hóa thành một tuyến nhân vật mang đầy tính ẩn dụ. Giống như cuộc đời, con người chúng ta chẳng ai hoàn toàn tốt hay hoàn toàn xấu. Cái thiện, cái ác luôn tồn tại song hành trong mỗi con người như hai mặt không tách rời của một chỉnh thể. Quần áo nói riêng hay vẻ bề ngoài nói chung có thể ví như một lớp giáp bọc bảo vệ con người ta khỏi những mối đe dọa từ bên ngoài, giúp người ta che giấu được phần nào đó con người thực của mình, những ẩn chứa sâu kín trong lòng mình: bí mật chôn giấu, nỗi đau thâm kín, bất an, mâu thuẫn nội tâm giằng xé hay toan tính, dục vọng tâm thường, v.v... Như tác giả Linda Grant từng nói trong một cuộc trả lời phỏng vấn của báo chí Anh, quần áo bên ngoài có thể xóa mờ nhân dạng thực của một người. Ta có thể thay đổi nhân dạng của mình để nguy trang thành những con người khác nhau nhờ thay đổi lớp vỏ bọc bên ngoài. Nhưng, nếu ta cứ thay đổi liên tục như một con tắc kè hoa, ta sẽ đánh mất luôn bản sắc riêng có của mình. Qua hàng chục năm, nhân vật Vivien vẫn không thể nào định hình được một phong cách riêng cho mình. Nhìn sâu hơn vào vấn đề này, ta có cảm tưởng như tác giả muốn mượn Vivien để nói rộng ra tới xã hội Anh bất ổn trước những biến động xã hội, đặc biệt vào những năm 70 của thế kỷ trước, và chưa hết loay hoay xác định một bộ mặt phát triển mang dấu ấn riêng của mình.

Đây không phải là lần đầu tiên hình ảnh quần áo xuất hiện

trong các trang viết của Linda Grant. Ta có thể bắt gặp nó trong nhiều tiểu thuyết khác của tác giả. Riêng trong tác phẩm này, quần áo còn tượng trưng cho những điều tươi mới, tích cực của một tương lai tốt đẹp hơn. (Truyện mở đầu bằng hình ảnh Vivien ghé vào một cửa hàng thời trang trong bộ dạng già nua, mệt mỏi và kết thúc bằng hình ảnh nhân vật nữ chính bước đi với một chiếc túi xách đựng một chiếc váy mới, tâm trạng bình thản hơn dù vừa trải qua liên tiếp hai biến cố đau buồn trong cuộc đời, tin tưởng vào một khởi đầu mới sáng sủa hơn). Chỉ có điều hơi đáng tiếc là “nhân vật” đặc biệt này được khắc họa chưa được rõ nét lắm.

Nhân vật Vivien trong truyện mang nhiều dáng dấp của chính tác giả, một công dân Anh lớn lên tại thành phố Liverpool, con gái một cặp vợ chồng người Nga - Ba Lan Do Thái di cư sang Anh vào năm 1900. Như Linda Grant chia sẻ, là thế hệ dân nhập cư thứ hai tại Anh, tác giả từng trải nghiệm phức cảm giằng xé giữa một bên là giữ lại những giá trị Do Thái của một người gốc Đông Âu và một bên là thay đổi để hòa nhập với phong cách, lối sống Anh. Ở chừng mực nào đó, khi đi ra bên ngoài gia đình, Linda Grant cảm giác như mình đang nguy trang trong một vỏ bọc. Về nhà, bà lại cảm giác như một người xa lạ với thế giới trong gia đình. Tác giả thừa nhận phức cảm này mạnh đến nỗi nó tự nhiên thấm đẫm trong các trang viết của bà, định hình thành một giọng văn tiểu thuyết riêng. Và cũng chính từ lý do này, Linda Grant chọn đề tài viết về những trải nghiệm cuộc sống của cộng đồng Do Thái sau Thế chiến thứ II; về thân phận của phụ nữ trong những phong trào chính trị lớn hay vào những thời khắc biến đổi lịch sử lớn, về hành trình khẳng định bản ngã, cái tôi nữ tính và khát khao được sống của họ; về những con người bị gạt ra bên lề xã hội.

Đi vào những đề tài này, tiểu thuyết của Linda Grant luôn đọng lại trong bạn đọc nhiều suy ngẫm, nhiều cảm xúc mãnh liệt, dữ dội sau khi khép lại trang cuối cùng. Tiểu thuyết này cũng không phải là một ngoại lệ.

• **Ngô Thị Tố Uyên**

Vẫn còn đó cho em
Giữa màn đêm tĩnh lặng
Làn xiêm y cháy sáng
Mãnh liệt: một linh hồn.

• **GEORGE SZIRTES**
- trích *Dressing*

1

Sáng nay, lần đầu tiên sau nhiều năm, tôi mới đi ngang qua cái cửa hàng đó trên phố Seymour. Một tấm biển u sầu treo trước cửa sổ thông báo cửa hàng đang chuẩn bị đóng cửa hẳn. Qua lớp cửa kính, tôi thấy những giá treo đồ bỏ trống đến quá nửa, tưởng chừng như những chiếc váy đầm, áo khoác, áo cánh và áo len đã đào thoát đêm qua, vô phần phật những cánh tay trống rỗng và mất tăm xuống phố.

Eunice đang ở đó, đằng sau quầy tính tiền, vuốt vuốt những ngón tay sơn nhũ bạc lên mái tóc nhuộm màu xanh đen. Trông bà ấy mới già nua, lẻ loi và cô độc làm sao! Cảm bà gục xuống ngực trong chốc lát.

Rồi tôi thấy Eunice choàng tỉnh, ngẩng lên, một tay khum khum đỡ lấy cằm. Bà nói to đôi ba từ với chính mình. *Cố gắng lên nào!*

Một sự thôi thúc, một nỗi nhói đau mãnh liệt của niềm thương cảm, dẫn tôi vượt qua cánh cửa. Tôi bước vào trong. Căn phòng sực nức mùi nước hoa, thứ mùi không thể lẫn vào đâu của Eunice, nước hoa eau de nil & gold của Revlon's Aquamarine.

– Cô đấy ư, Vivien? Có thực là cô không, sau cả ngàn ấy năm trời? – Eunice thốt lên.

– Vâng, là cháu đây.

– Tôi đoán đúng mà. Mà sao trước đây tôi không bao giờ thấy cô nhỉ?

– London rộng lớn lắm, cô Eunice à. – Tôi đáp.

– Ai đó có thể biến mất dễ dàng chứ tôi thì không đâu. Tôi vẫn cứ ở đây suốt. Cô biết tìm tôi ở đâu mà.

– Nhưng cháu không định tìm cô, thưa cô Eunice. Cháu xin lỗi.

Cháu chưa bao giờ đến xem Eunice sống như thế nào sao? – giọng ông bác tôi hét vang trong đầu tôi. Cháu đã bỏ cô ấy trở lại một mình như một con chó. Ôi! Eunice của ta! Cháu thậm chí còn không thể tạt vào cửa hàng để mua một đôi găng tay hay sao?

– À, cũng phải thôi. Tôi với cô chẳng có chuyện gì để nói với nhau cả – Eunice nói, ném vào tôi một cái nhìn chòng chọc kiêu kỳ, mũi hếch lên còn vai thì so lại. – Thế gia đình cô thì sao rồi?

Đôi vai của Eunice căng lên dưới lớp áo vest trong lúc bà cúi xuống vuốt vuốt cho phẳng mấy cái ly hộp của chiếc váy. Ba chiếc cúc mạ vàng khắc hình hoa huệ tây sáng lấp lánh ở tay áo vest, phía trên chỗ xương cổ tay của bà lồi lên lắm tấm tàn nhang. Tôi nhận ra chiếc đồng hồ vàng Eunice đang đeo. Bác tôi đã tặng nó cho bà. Đó là chiếc đồng hồ hiệu Omega, nhãn hiệu ưa thích của bác tôi. Nó vẫn chạy đều, tích tắc.

– Bố cháu mất hồi tuần trước – tôi trả lời Eunice. Thật là lạ khi nói về ông như một người đã thuộc về dĩ vãng và phải làm quen với ý nghĩ rằng tôi sẽ không bao giờ được gặp lại người cha khó tính của mình. Bất kể điều gì còn mắc mứu giữa ông và tôi, điều đó sẽ mãi tồn tại như vậy cho đến khi hai bố con gặp lại nhau ở thế giới khác, đúng vậy, ở thế giới bên kia.

– Tôi mới gặp ông ấy có hai lần. Chẳng lần nào dễ chịu cả, cô cũng biết đấy. Nhưng mẹ cô thì lại rất khác với cha cô. Bà vẫn còn sống chứ?

– Không. Mẹ cháu mất cách đây 16 năm rồi.

– Ôi, thật là đáng buồn! Bà ấy quả đúng là một quý bà. Tôi rất lấy làm tiếc là mẹ cô ra đi quá sớm. Thế còn anh ta? Điều gì đã xảy ra với anh ta? Ô, đừng có nhìn tôi ngây thơ như vậy. Cô biết ý tôi muốn nói đến ai mà.

Phải, tôi nhớ chứ. Nhớ tiếng cười bất thành linh phá lên, để lộ hàm răng nhọn nhỏ và cái miệng gợi tình. Nhớ đôi tay anh ta đang vê vê điệu thuốc lá. Nhớ đôi giày ống vải canvas màu đỏ. Nhớ mái tóc đen dựng đứng của anh ta. Cả chiếc áo phông, chiếc mũ lưỡi trai và cái bể cá của anh ta nữa. Nhưng thứ mà tôi đặc biệt nhớ như in là mùi của anh ta và những thứ ẩn chứa trong cái mùi hương ấy: toàn bộ thứ mùi làm khuấy động rạo rức không yên của anh ta đã ngập tràn trong huyết quản tôi, đột ngột thổi bùng bùng lên trong tôi một nỗi thèm khát dục vọng mãnh liệt đáng xấu hổ.

Đợi cho cơn thèm muốn cháy bỏng nguội bớt, tôi cất lời: “Cháu không biết chuyện gì đã xảy ra với anh ta. Chắc bây giờ anh ta đã gần 40 tuổi rồi”. Một dư vị buồn xuất hiện khi tưởng tượng một chàng trai đầy nhục cảm gợi tình nay đã trở thành một người đàn ông đứng tuổi vì anh ta vốn chẳng có gì ngoài tuổi trẻ và sự sôi nổi xác thịt.

– Cô đúng là người vô tâm, Vivien. Cô vẫn thế, chẳng thay đổi gì.

– Ô, Eunice! Cô có biết gì về cháu đâu. Gần ba chục năm rồi còn gì. Cô chụp mũ cháu thế nào cũng được, nhưng đừng nói cháu vô tâm. Cháu không phải là người như vậy. Nhất định không phải vậy.

– Thôi được, thôi được. Tôi rút lại câu đó vậy. Thế cô đã sống ở đâu suốt thời gian qua?

– Cháu ra nước ngoài vài năm nhưng giờ thì cháu quay về lại London.

– Sống trong căn hộ ở góc đường đó à?

– Ồ không. Dĩ nhiên là không. Cháu có một chỗ gần Công viên Regent's.

Eunice nhìn tôi từ đầu đến chân rồi lại từ chân lên đầu. Tôi biết bà ấy đang nghĩ gì. Rằng tôi ăn mặc chẳng hề giống như một quý bà của khu Công viên Regent's. Đâu rồi những chiếc vòng cổ ngọc trai, túi xách hiệu Chanel, hoa tai kim cương và áo khoác lông thú? Eunice biết chính xác những gì giới nhà giàu thường khoác lên người mỗi sáng họ thức dậy. Bà ấy đọc tất cả các tạp chí thời trang. Còn tôi thì sao? Gần như là rách rưới. Tôi tàn trong bộ đồ jeans đó!

Và rồi Eunice, người đã dành gần trọn cuộc đời cho công việc bán lẻ, không phải không biết cách làm sao để nắm bắt một cơ hội. Một người phụ nữ giàu có ăn mặc sơ sài cần phải có một nữ bán hàng thông minh. “Chà chà,” - bà nói - “cô có muốn mua một bộ không? Tôi có vài thứ hợp với cô đây. Chỗ tôi đang còn rất ít hàng vì chuẩn bị đóng cửa hẳn mà. Nhưng không sao, tôi sẽ chọn cho cô một món hời.”

Tôi mỉm cười. Tôi, một người như tất cả mọi người, đang được chào mời mua một chiếc đầm. Đã từ lâu, tôi chẳng buồn liếc xem mình trông ra sao mỗi khi lướt qua các cửa sổ của các cửa hàng chứ đừng nói đến chuyện soi mình trong chiếc gương lớn trong phòng thử đồ với những bóng điện sáng choang ở phía trên đầu. Mà nếu tôi có quan tâm đi nữa thì hẳn là tôi sẽ không nhận ra những gì mình thấy trong gương. Người đàn bà sần thảm với những vết chân chim quanh mắt, với quần jeans, giày ống và áo khoác da, với đôi tay nứt nẻ, thô ráp và chiếc cổ

tàn tạ đang leo lên từng bậc thang ở ga tàu điện ngầm kia là ai? Người đàn bà đứng tuổi với mái tóc nhuộm không được đậm màu ở chân tóc mà ta thấy đang tần ngần trước những tín hiệu đèn giao thông khi cố băng qua giao lộ Regent-Oxford đông đúc đó là ai?

Thỉnh thoảng, độ vài tháng hay có lẽ là lâu hơn, tôi cho phép mình được sống tự do thoải mái, đơn giản chỉ là trôi xa khỏi ý nghĩ thậm chí trông mình như thế nào, giải phóng bản thân khỏi một cái “tôi” đã từng chăm chú sẫm soi ngắm nghía mình trong gương, quên đi bàn tay từng tự tin cầm cây cọ chuốt mi, quên đi một con người từng quan tâm đến việc mình xuất hiện như thế nào trước mọi người.

Cũng có vài tình huống tôi tỏ ra thư thái nhẹ nhàng nhưng đó không phải là con người thật của tôi. Một năm trước đây, chính xác là 13 tháng rưỡi, chồng tôi mất và sau đó là bố tôi. Quá nhiều sự chết chóc len vào từng chân tóc, luồn vào từng hốc từng kẽ trong cánh mũi, bám vào từng lớp quần áo. Một vị mặn đắng đọng lại nơi cuối họng. Bố tôi là một ông già đã rụng sạch răng, hay vụng áo chùng và chiếc quần nhem nhuộm vết dơ. Còn chồng tôi là một người đàn ông có cánh tay cuộn cuộn cơ bắp, mái tóc vàng hoe đỏ và cái cổ to khiến anh khó khăn lắm mới tìm ra được áo có cổ vừa vặn cho mình. Anh mạnh mẽ, tràn trề sức sống và có khiếu hài hước, luôn sẵn sàng tham gia vào mọi việc mà không cần biết mình có làm được hay không để rồi sau đó tếu táo tự giễu về những thất bại của chính mình. Chỉ có Vic mới có thể xem mọi chuyện nhẹ nhàng đến vậy.

Vậy là điều này đã hai lần xảy ra với tôi. Đến nửa đời người, mọi thứ lại quay trở về vạch xuất phát ban đầu. Cái chân trời xám xịt không thể phân biệt đâu là nơi bắt đầu đâu là nơi kết thúc lại xuất hiện.

Và hôm nay, một ngày như mọi ngày, trên đường đến căn hộ của bố tôi để chuẩn bị sẵn sàng cho nhân viên dọn nhà đến, một người phụ nữ mà tôi đã không để mắt tới suốt gần 30 năm đang nhìn tôi từ đầu xuống chân, từ chân lên đầu và hồi tưởng về hình ảnh của tôi thuở còn là một thiếu nữ tuổi đôi mươi vô tâm vô tư như lời bà buộc tội. Còn nữa, tôi của khi ấy là một cô gái tò mò, đầy khát khao, hoài bão, đầy đam mê, hi vọng, đầy giận dữ, phẫn nộ, đầy xét đoán, chỉ trích và rất làm cao, đầy ý thức về tội lỗi và dĩ nhiên, đầy cả mối quan tâm về việc không nên mặc thứ gì. Thế nhưng, giờ này, tôi đang đứng đây với mái tóc bạc ở chân, trong chiếc quần jeans sờn cũ và quần chiếc khăn tơ tằm xanh lá quanh chiếc cổ đã nhão. Vì đâu còn ai nhìn tôi giống cái cách mà Vic đã ngắm tôi. Và, dù đang đứng trên đôi chân cứng cáp, dù nhận thấy được sự hiện diện của khối mỡ quanh eo, tôi vẫn cảm thấy mình giống như một bóng ma, nửa hư nửa thực.

Nhưng Eunice nổi tiếng là người luôn luôn muốn một phụ nữ phải xuất hiện trong bộ dạng đẹp nhất, rạng ngời nhất bất chấp người đó có những khiếm khuyết gì do tạo hóa hay do tự bản thân người đó tạo ra. “Tôi không nghĩ cô vẫn là một cô gái mảnh mai như hồi lần cuối tôi gặp cô nhưng cô chỉ hơi đẩy ra một chút thôi.” – Eunice nhận xét – “Nhìn này, cái này hợp với cô đấy. Tôi sẽ để cho cô với giá phải chăng.”

Chiếc đầm mà bà ấy đưa cho tôi có màu đỏ, màu của rượu vang sẫm màu đựng trong chai thủy tinh khi phơi ra ánh sáng. Tôi ngập ngừng cầm lấy nó, xoa xoa lớp vải giữa hai ngón tay đoạn ướm thử lên người mình. Tôi thực sự không muốn mua nó. Tôi không thể hình dung làm sao nó hợp được với mình.

– Khi treo trên móc thì nó trông nó cũng thường thôi, – Eunice nói – nhưng cứ mặc vào đi, rồi cô sẽ thấy. Đó đúng là

màu của cô, rất hợp với màu tóc đen của cô. Nếu siết chặt nó quanh eo thì nó sẽ nâng mông lên. Chiếc đầm này là đầm ôm. Cô chưa bao giờ thấy cái nào như một trong mấy cái này phải không? Kiểu này bây giờ đang là mốt đấy. Làm bằng lụa jecxi nên nó sẽ tôn mông lên tuyệt vời. Rồi cô sẽ thấy. Nào, mặc thử đi!

Tôi thường mặc đồ vội vàng vào buổi sáng và hiếm khi buồn trang điểm ngoại trừ bôi ít sáp để môi khỏi nứt nẻ. Hai đứa con gái của tôi tặng cho tôi kem dưỡng da mà chúng đã đọc thấy trên các tạp chí và dành dụm để mua cho tôi một suất thư giãn cuối tuần tại một spa, mà lâu nay tôi chưa bao giờ bỏ thời gian để đặt chỗ. Chúng hóa ra là những đứa con gái đáng yêu. Chúng tự tin hơn, thẳng thắn hơn và đảm thắm hơn tôi hồi ở tuổi như chúng. Đó là bởi vì chúng có một người cha tốt để cảm thấy mình thật may mắn và bởi chúng là sản phẩm của một cuộc hôn nhân thành công (dù hầu như không hoàn hảo). Nước da sáng của Vic đã truyền lại cho cả hai đứa. Cả mái tóc hung hung đỏ, cái cằm hồng hào và nụ cười có lúm đồng tiền cũng vậy.

– Cô sắp đóng cửa hàng này à? – Tôi hỏi Eunice, mắt nhìn quanh cố hình dung lại hình ảnh của nó thời hoàng kim, khi tôi đến đây lần cuối vào thập niên 70. Nó có vẻ như chẳng khác xưa là mấy. Có lẽ chỉ màu tường và thảm là thay đổi. Nhưng, hãy thẳng thắn nhìn nhận mà xem, ngay cả tôi đây cũng còn thay đổi nhiều hơn nó nữa là.

– Phải, sắp đóng. Sau ngân ấy năm, bà Post – chủ cửa hàng – đã chết rồi. Cô con gái Carolyn tiếp quản nhưng cô ta không phải là dân kinh doanh. Cô ta chẳng biết phải làm thế nào để quản lý. Rồi thì mấy quý bà thường vào đây để mua sắm, khách hàng thân thiết của tôi ấy – nào là bà Cohen, bà Frame và cả bà Parker đi phẫu thuật thẩm mỹ độn bộ ngực giả – tôi nhớ hết tất

cả các bà ấy, nhưng, họ không đến đây nữa. Các bà ấy giờ chỉ quanh quẩn trong căn hộ của mình. Thôi thì cũng chẳng trách được. Cứ nhìn tôi đây này. Ở cái tuổi này rồi mà tôi vẫn phải tự lo lấy cho mình. Thôi, cô đi thử chiếc áo đầm đó xem. Thử ngay đi.

– Nhưng cháu không muốn mua một chiếc đầm mới. Cháu đã có đầy đủ quần áo mình cần rồi.

– Cô thật ngốc nghếch làm sao! – Eunice nhìn tôi với đôi mắt sẫm đầy vẻ dò hỏi. – Thế bây giờ cô bao nhiêu tuổi rồi? – bà vặn hỏi. Tôi nói cho Eunice số tuổi của mình. “Trông cô không hẳn là một người già xấu như vậy đâu” – Eunice nhận xét – “Tiếc là cô đã để cho làn da đó có nếp nhăn dù kem tốt không phải là không tốt.”

– Vâng. Còn cô thì trông thật tuyệt, cô Eunice! – Tôi thốt lên với vẻ ngưỡng mộ dành cho ý chí sắt đá của bà ấy. Eunice không bao giờ đầu hàng trước những gì mà bà có thể chinh phục được bằng ý chí của riêng mình. Vũ khí của bà là cây chì kẻ mắt, cây son môi và đôi tất chân không hề có một đường chỉ sút. Nhưng ngược lại, con trai của Eunice chẳng ra sao và bà sống chẳng vì cái gì cả. Cuộc đời bà, xét theo hướng ấy, thật khác với tôi.

– Là tôi cố gắng giữ gìn đấy, Vivien! – Eunice đáp – Tôi dám chắc là cả đời, tôi chưa bao giờ để móng tay mình bị gãy hay để giày mình phải đóng đế. Nhiều hôm về nhà lúc đêm, tôi không ăn tối để giặt khô sạch sẽ bộ đồ vest bán hàng của mình. Mà cô có định thử chiếc đầm đó không đấy?

– Cháu béo quá. Cô nhìn xem này, cháu béo cứ như cái thùng phuy ấy!

Thật ra là tôi đã cường điệu. Dù tôi có lên độ chục cân so với

lần cuối cùng Eunice trông thấy tôi nhưng ngược lại, tôi lấy làm ngạc nhiên thấy dạo này mình mảnh mai hẳn. Tôi lướt hai bàn tay qua phần áo lót của những chiếc đầm mà mình đã từng mặc. Tôi chẳng có bộ ngực đáng để tự hào. Chuyện sinh con đẻ cái làm phụ nữ tròn hẳn ra. Nhưng tôi không tăng cân đến độ trông ra thành lồi thoi vì tôi vẫn tự đối xử tệ bạc với chính tôi, tự bỏ bê bản thân mình.

– Đừng có vớ vẩn như thế! Đã là phụ nữ thì không có ai béo mà không mặc được đầm đẹp. Chiếc đầm này sẽ làm cho cô trông gầy đi vài cân đấy. Rồi cô xem.

Và Eunice, người đàn bà lớn tuổi đang đối mặt với sự trống vắng vì phải về hưu bắt buộc, đứng đó với chiếc đầm trên tay. Bà cầm chiếc đầm và thúc giục tôi thử nó. Eunice đang gọi cho tôi nhớ đến những gì mà tôi đã từng cảm nhận sâu sắc, tường tận nhưng rồi lại lãng quên: chính là sự phấn khích dâng tràn đó, cảm giác ngất ngây đó, niềm vui sâu kín đó. – Bởi một chiếc đầm mới làm thay đổi tất cả *mọi thứ*.

– Vào trong đó thử đồ đi! Thử chiếc đầm đáng yêu đó xem nào!

Một mình trong căn phòng nhỏ với chiếc ghế bọc nhung, với những cái móc để tôi treo quần áo của mình lên, với chiếc gương phẳng lì và với những bóng đèn rất tôn da, tôi kéo khóa quần jeans và tụt nó qua đôi chân phủ những sợi lông đen mượt mà hàng tháng trời tôi quên không cạo hay wax. Tôi thậm chí không thể nào nhớ lại được lần cuối cùng mình mua một món gì đó mới mới là vào khi nào. Nhưng, hình ảnh chiếc đầm đỏ cũng đủ làm tôi bối rối, rụt rè. Tôi phải mặc nó như thế nào đây?

Tôi gọi to cho Eunice.

– Thấy chưa? – Bà hỏi.

Ta xỏ tay qua tay áo và luồn thắt lưng qua chiếc lỗ ở bên hông, những ngón tay lóng ngóng vụng về chồng đầu thắt lưng này lên đầu thắt lưng kia vòng quanh eo và siết chặt lại bằng một cái khóa. Trong khi tôi cố làm xong động tác rắc rối đó thì chiếc đầm đã tìm được cuộc sống riêng của mình, gánh trách nhiệm chăm nom cho cơ thể tôi, xếp đặt nó lại sao cho đạt được một hình dáng hoàn toàn khác. Ngực vun lên, eo thắt lại. Tôi trông như gọn đi ít nhất 3-4 cân.

Chiếc đầm tạo cảm giác hết sức mềm mượt, cứ như thể nó sẽ bám chặt lấy tôi mãi mãi. Và trong gương, hiện lên hình bóng gây giật mình sững sốt của một người mà ban đầu tôi gần như không nhận ra hay không nhớ ra, con người mà tôi đã để đi mất. Cô gái mảnh mai, sôi nổi đó, tôi của ngày xưa đó, đã hiện ra lấp lánh, óng ánh như bạc trong gương, mỉm cười với người đàn bà 53 tuổi có mái tóc bạc ở phần chân tóc. Vivien Kovaks!

Chiếc đầm đỏ rực rỡ giống như màu hồng ngọc sáng lên trên nền da của tôi. Tôi nhón chân giống như đang đi giày cao gót. Tôi đưa chân phải ra trước và đặt đôi tay mình lên chỗ mà lần cuối cùng tôi còn nhớ đã nhìn thấy xương hông. Chẳng có khăn choàng cổ tơ tằm để che chắn ngực trang, chiếc cổ đầy nếp nhăn của tôi bị phơi ra, nhưng làn da trên xương ức không hề có dấu vết của những đường chùng nhão. Ôi! Cơ thể ta đang chơi những trò mới ma mãnh làm sao! Trò đùa tinh nghịch mà nó đang chơi với ta làm ta phải phì cười. Ồ, không, không hẳn là như vậy.

– Cô thấy thế nào? – tôi hỏi Eunice.

Bà nhìn tôi từ đầu đến chân với ánh mắt chăm chú đánh giá của một người bán hàng. Đoạn, Eunice nhào tới, đôi tay thoăn

thoắt sửa lại đường viền cổ áo. “Thấy chưa? Giờ thì mông cô đã được tôn cao lên rồi đó. Cô cần phải có một cái áo ngực tốt nữa. À, tiện thể tôi cho cô biết là cửa hàng Selfridge đang bày một bộ sưu tập hay lắm. Nhưng phải nhớ thử trước khi mua bất cứ món gì đó nhé! Cô đang mặc sai cỡ đấy.”

Chiếc đầm tan ra, quện vào da thịt tôi. Ai mà biết được đâu là da của tôi, đâu là lụa jecxi nữa? Tôi đang mê mẩn một mảnh vải một cách hết sức buồn cười.

– Cháu sẽ lấy chiếc đầm này.

– Không cần phải mua nó để làm phước cho tôi đâu. Tôi được bà Post trả lương hưu khá lắm. Tôi không muốn bất cứ thứ gì nữa.

Tôi để ý thấy có một vết màu be ở đường viền cổ áo. Một khách hàng nào đó đã dây đồ trang điểm lên áo nhưng Eunice đã không nhìn thấy, vết bẩn này sẽ sạch bay sau khi giặt khô. Thế nhưng, tôi vẫn cảm thấy một nỗi buồn tê tái dâng lên. Cả một đời tự mình để mắt kiểm tra quần áo rất chặt chẽ, Eunice giờ đây đã chẳng còn tinh anh nữa. Con người trong mắt bà đã phủ một lớp màng mờ đục màu sữa. Tôi lặng thinh không nói gì về vết bẩn nhưng Eunice dường như đã cảm nhận thấy chút phiền lòng trong tôi - một sự phê bình, có lẽ về bà. Cán cân cân bằng một lần nữa lại tự điều chỉnh và lần này không nghiêng về tôi.

– Thế hôm nay sao cô lại đến đây? - Eunice hỏi bằng giọng già nua sắc lạnh mà tôi còn nhớ, như thể đang bị vô số những tinh thể đá hình kim đâm bể nát. - Cô thấy cửa hàng đang đóng cửa nên nghĩ rằng cô có thể kiếm chác được một món hời lần cuối chứ gì?

– Cháu chỉ đi ngang qua thôi - tôi trả lời - Đơn giản chỉ là

vậy. Chỉ đi ngang qua đây thôi.

– Nhưng trước giờ cô có đi ngang qua đây đâu?

– Cháu nói thật lòng nhé, cô Eunice - tôi giải thích - cháu luôn đi đường khác hay băng sang phía bên kia đường. Tôi không muốn trông thấy cô.

– Đến mức thế đấy! Cô thậm chí còn không thể nhìn vào mắt tôi nữa đấy.

– Ôi chao! Thôi nào! Cô nói cháu đã sai. Nhưng cháu không...

– Cô! Cô đúng là đứa con gái dối trá, hiểm độc. Cô đã làm tan nát trái tim ông ấy, sau tất cả những gì mà ông ấy đã trải qua.

– Đúng là bác cháu đã có một cuộc sống khắc nghiệt nhưng không...

– Không cái gì? Không cho ông ấy được quyền sống thoải mái lúc bóng xế tuổi già mà ông ấy không bao giờ có được bởi vì, nhân đây tôi nói luôn, là do cô chĩa mũi vào, phải vậy không?

Bà ném phịch chiếc đầm xuống quây tính tiền rồi tổng thẳng vào một cái túi mà chẳng buồn gấp nó lại, cũng chẳng lấy giấy lụa bọc vào.

– 120 bảng. Tiền mặt hay thẻ?

Tôi rút thẻ tín dụng của mình ra.

– Ái chà! *Thẻ bạch kim* à. Cô đã lo cho mình tốt đấy. Tiền luôn đi với tiền, tôi biết mà. Một anh chồng giàu, phải không?

Tới đây, hai chúng tôi - tôi và Eunice - lại trở về nơi mình bắt đầu. Sẽ không nhắc đến tạm tha, không nhắc đến tù treo nữa. Tôi vẫn là đứa cháu gái tọc mạch của ông bác tôi, người

tình đau khổ của Eunice, và vẫn là đứa con gái đã tình cờ gây ra những tất cả những bất hạnh, buồn phiền mà Eunice đã đổ lỗi là nguyên nhân khiến ông chết sớm. Bởi vì bác tôi là tình yêu một đời của bà Eunice. Họ là một cặp đôi “cọc cạch”: cô quản lý da đen của một cửa hàng quần áo trên phố Marble Arch và người đàn ông đến từ Budapest, chủ khu trọ ổ chuột dành cho dân tị nạn.

Eunice chỉ một ngón tay nổi những đường sạm màu vào tôi, những móng tay sơn bạc bong tróc, các đầu ngón tay hơi run run. Bà bắt đầu nói và rồi vô cớ, mắt bà mọng lên. Eunice bắt đầu khóc. Tôi chưa từng thấy điều này bao giờ, ngay cả trong đám tang của bác tôi. Khuôn mặt của Eunice khi đó giấu sau một chiếc mũ có mạng đen nhỏ điểm lốm đốm những bông hồng đen. Nhưng giờ đây, tất cả quá khứ đang ùa về, xâm chiếm toàn bộ con người bà. Tình yêu mà Eunice dành cho bác tôi, người đã nằm yên dưới một nấm mồ, trở nên tan chảy trong lòng ngực bà.

– Cô không biết cảm giác mà một người đàn ông nhìn ngắm tôi theo cách riêng của ông ấy là như thế nào sau... cái điều kia.
– Eunice nói.

– Điều kia là điều gì? – tôi hỏi lại. Nhưng, những giọt nước mắt của Eunice chưa kịp trào ra đã dừng lại. Nét mặt bà ấy liền phủ một lớp mặt nạ nâu nhẵn với một nỗi buồn xưa cũ khắc sâu trên đấy, giống như những vết bản mà ta không sao gỡ bỏ được.

– Tôi sẽ bọc cái áo đầm tử tế cho cô, – bà nói – tôi xin lỗi vì nỗi cău với cô, Vivien.

– Không sao ạ, – tôi đáp – cháu hiểu mà.

Bác tôi đã mất gần 30 năm nay rồi mà Eunice vẫn còn đau

khổ trong chừng ấy thời gian. Có phải đây cũng là điều mà tôi sẽ phải đối mặt: 30 năm đau khổ khôn nguôi đang ở phía trước?

Ngập ngừng, tôi vươn ra chạm vào cánh tay của Eunice. Xương của bà thật yếu ớt dưới lớp áo vest và tôi sợ rằng nếu tôi ôm bà thì chúng sẽ gãy ra mất. Trước đây, chúng tôi chưa bao giờ chạm vào nhau, ngoại trừ cái bắt tay đầu tiên trên phố bên ngoài nhà của bác tôi, bàn tay đeo găng màu xanh da trời của Eunice khi đó nằm trong tay tôi.

Eunice để im cho tôi đặt tay lên áo vest của mình. Lớp vải lụa nơi tay áo cam chịu một cách yếu ớt. Rồi bà ngẩng mặt lên nhìn tôi, vẻ đầy sinh động và rạng rỡ.

– Tôi có quá nhiều tình cảm dành cho người đàn ông đó. Ngày nào tôi cũng nghĩ về ông ấy. Cô đã bao giờ viếng mộ ông ấy chưa? Tôi thì có đấy. Mỗi năm một lần. Tôi đặt mấy viên đá để dẫn ông ấy xuống, không cho ông ấy ngồi dậy và đi lang thang đau khổ trên cõi đời này nữa. Trong căn hộ của tôi, tôi luôn cắm một bình đầy hoa tươi và đặt một tấm danh thiếp trên bệ lò sưởi để nhớ về ông ấy. Cô thấy không này, tôi vẫn giữ chiếc đồng hồ mà ông ấy tặng tôi, chiếc đồng hồ mặt trái tim bằng vàng, dây đính hạt kim cương nhỏ. Tôi chỉ tháo chuỗi đồng hồ đeo cổ đó ra khi cần lau rửa. Cả chiếc bật lửa của ông ấy, tôi cũng vẫn giữ nó dù tôi không còn hút thuốc nữa. Nếu bán mấy thứ này đi, tôi có thể kiếm được khoản tiền kha khá, nhưng tôi sẽ không bao giờ làm vậy. Chúng là tất cả những gì mà tôi có được từ ông ấy, từ người đàn ông *tuyệt vời* ấy.

* * *

Tôi thả bộ ngược lên phố Marylebone High. Quai của chiếc túi đựng đồ đựng đưa. Chiếc túi đựng cái áo đầm lụa jecxi màu đỏ hồng ngọc của tôi.

Sáng nay, tôi buộc phải đi theo đường khác vì cảnh sát đã lập một hàng rào phong tỏa do lo ngại xảy ra một vụ khủng bố. Một người đàn ông đang đứng trên một ban công với chiếc khăn tắm quấn quanh thắt lưng. Cảnh sát đeo mặt nạ đang chĩa súng vào ông ta. Người ta cho rằng có một cơ sở chế tạo bom trong căn hộ phía sau người đàn ông đó. Năm ngoái, có nhiều vụ nổ, ở những hành lang sâu xuống các ga điện ngầm giống như lời của Claude đã tiên đoán cách đây gần 30 năm. Mùi thịt bị cháy khét lẹt và sau đó là những thi thể bị rửa ra ở tuyến đường tàu điện ngầm Piccadily nằm sâu dưới đất.

Sự bắt buộc phải thay đổi đường đi vì vụ tình nghi khủng bố đã dẫn dắt tôi gặp lại Eunice và chiếc đầm đỏ này.

Tôi rẽ sang góc phố quen thuộc, góc phố của tôi. Tôi đã lớn lên ở đây và những con đường này là của tôi. Tôi là người London. Tôi chấp nhận thành phố này với tất cả những hỗn loạn không thể kiểm soát và tất cả những hình ảnh kém cỏi dơ bẩn của nó. Nó để cho ta được ở yên một mình làm những gì mình thích. Liệu có nơi nào khác mà ta có thể dám chắc một điều như vậy hay không?

* * *

Và đây là tòa nhà Benson Court, nơi tôi sinh ra. Những cư dân hay âm ỉ, om sòm sống trong các căn hộ bên trong chưa bao giờ thống nhất được với nhau về một chương trình hiện đại hóa hay tân trang lại tòa nhà. Vẫn những chiếc đèn bằng đồng

bụi bặm treo lủng lẳng trên trần nhà, vẫn những bức tranh chép của Canaletto^[1] đóng trong những cái khung mạ vàng xỉn màu treo trên tường. Cả chiếc thang máy với cánh cửa kim loại kêu lạch cạch mỗi khi đóng vào mở ra, những sợi cáp rệu rã rên rĩ, cái buồng ván gỗ với chiếc ghế bọc da ngả được ra sau cũng vẫn còn y nguyên như thế. Năm ngoái có một người thuê nhà đã chết ở đó. Bố tôi nhấn nút thang máy để đi xuống và cái xác chạy lên, ngồi đó trong bộ dạng thẳng lưng ngay ngắn, bên cạnh những món hàng vừa mua. Đó là một nữ diễn viên ballet đã về hưu. Bà ấy chết, đầu ngoẹo sang một bên. Bà cô già ấy quả là luôn luôn biết cách tạo dáng.

Tôi bước vào. Không gian lặng phắc như tờ. Rồi bụi. Đủ thứ mùi khác nhau. Ký ức ùa về. Tôi bước vào nhà bếp, căn phòng tồi tàn nhất, để pha một tách trà. Các thứ để trong tủ lạnh vốn không thuộc về nơi đó. Từ sách và bút mà cha tôi đã từng dùng để viết những lá thư kỳ quặc cho các tờ báo cho đến những mẫu quảng cáo cắt ra từ những quyển tạp chí bỏ đi bị vứt chỏng chơ bên mấy cái thùng - những mẫu quảng cáo có hình một bàn tay đang khoe một chiếc đồng hồ kim cương.

Tôi ngồi xuống bàn và uống trà. Cái bếp lò mà mẹ tôi đã đun không biết bao nhiêu hộp súp cứ nằm trơ ra như thể nó không hề biết rằng chỉ vài ngày nữa thôi, khi những người dọn nhà kéo đến, nó sẽ bị đập vụn vỡ thành đồ phế liệu. Giờ đây chẳng còn ai thèm dùng đến cái thứ bám đầy muội đen đúa và nhớp nháp dầu mỡ với những ống ga kêu xì xì đó nữa. Đến cả viện bảo tàng cũng chẳng màng. Chồng tôi, Vic, đã từng có lần thử làm món trứng ốp la trên cái bếp đó và khẳng định có thứ gì đó ở bộ chia lửa của nó bị hỏng nặng. Anh bảo nó cháy chập chờn như nến sắp tàn ấy. Tôi thèm đến chết một bữa trứng ốp la của anh, món trứng có rắc hẹ hay điểm những cục giăm bông màu

hồng béo ngậy. Một ngày kia, tôi sẽ thử lại món ấy nhưng ở một nơi khác, phải, một nơi khác.

Đến thứ sáu, tất cả mọi thứ rồi sẽ biến mất. Tất cả mọi vết dấu của bố mẹ tôi cùng với quãng thời gian gần 60 năm sống trong 4 căn phòng này của họ sẽ biến mất dưới những lớp sơn mới. Vài sơn lót sàn cũ sẽ bị xé bỏ. Cả căn nhà được phun thuốc tẩy trùng. Căn hộ này gắn với cuộc đời chúng tôi. Tôi đã rời nơi đây từ rất lâu rồi. Mẹ tôi cũng đã ra đi được 16 năm. Bố tôi trút hơi thở cuối cùng khò khè nặng nhọc trên chiếc ghế bành trước ti vi, trên tay vẫn cầm một tờ *Radio Times* khi tôi phát hiện ra ông vào ngày hôm sau. Ôi, 60 năm thuê nhà dang dẳng. Thật là kỳ lạ khi con người ta có thể ổn định một nơi lâu dài đến vậy mà chẳng có điều gì, kể cả một quả bom, có thể khiến họ dời đi. (Bom đã rơi nhưng không phải ngay căn hộ này mà ở căn bên cạnh trong một cuộc oanh tạc dữ dội. Bố mẹ tôi ở dưới lòng đất, trong hầm tránh bom ngoài vườn và trở lên thang máy ngay sáng hôm sau để vào bếp đúng giờ cho bữa ăn sáng). Đến cuối tuần, sẽ chẳng còn lại thứ gì. Và, chỉ trong một tháng nữa thôi, nơi đây sẽ toàn người lạ. Rồi, suốt quãng đời còn lại của mình, tôi sẽ đi ngang qua Benson Court mà không có chìa khóa để mở cánh cửa trước, không được phép đi lên thang máy nữa. Hẳn nhiên là người ta sẽ quảng đi tắm tắm chùi chân bằng vải đay cũ và thay vào đó một cái mới.

Tiếng gió thổi than ngoài cửa sổ. Phía đối diện, một tấm màn rủ xuống trông buồn u uẩn. Thang máy vẫn đứng lặng yên, không lên không xuống khỏi tầng nhà đó. Cả tòa nhà lớn lặng phắc như tờ và chỉ có mỗi mình tôi ở đó, chẳng có ai đi cùng ngoại trừ chiếc đầm mới. Tôi nghĩ thầm: “*Mình phải mặc thêm đồ thôi. Mình lạnh lắm.*”

2

Một tiếng chuông vang lên ngoài hành lang. Giọng bác tôi vang vọng khắp căn hộ. Tôi nghe thấy tiếng ông một cách đột ngột, giống như một ảo giác.

Bác tôi, tình yêu một đời của Eunice - người phụ nữ quản lý cửa hàng quần áo trên phố Marble Arch. Bác tôi, người có thể đã bị giết bằng nhiều cách khác nhau, người đã chết nhưng không chịu yên nghỉ, giờ đây đang cất lên tiếng nói, *đang gào thét*.

Tôi vẫn không quên mùa hè tôi ở cùng với ông, khi tôi học được sự thật duy nhất có nghĩa: khổ hạnh không hề cao quý và kẻ sống sót tồn tại được nhờ vào sức mạnh, thủ đoạn hay sự may mắn của mình chứ không phải nhờ tính thiện, càng không phải nhờ sự ngây thơ trong sạch.

Và rồi tôi bật cười, vì ông *đang* ở đó. Gần 30 năm, bác tôi đã giấu mình trong một hộp bìa các tông. Tôi đã tự tay mang nó về căn hộ vài tháng sau khi ông chết và đặt nó vào tủ quần áo của mẹ tôi, đẩy tít sâu vào bên trong.

Tôi vào phòng ngủ và lật mở quần áo của mẹ để tìm nó, lật qua chiếc áo chèn bằng vải nỉ màu nâu của bà, qua cây gậy gỗ của bà mà bố tôi đã không chịu vứt đi. Từ ngày mẹ tôi mất tới giờ, hôm nay tôi mới lại thấy cây gậy này. Tôi với tay lấy nó, ban đầu còn ngập ngừng, rồi nhẹ nhàng vuốt tay lên từng thớ gỗ. Tôi cảm nhận được những hao mòn của cây gậy gỗ mà đôi tay mẹ đã bám chặt trong một quãng thời gian dài: một đường cong dễ chịu ở chuôi cầm - nơi mẹ tôi đã tì một phần cơ thể

mình lên đó.

Ông bác tôi đây rồi. Ông ấy đã tới yên nghỉ trong tủ quần áo của cô em dâu, bên cạnh cây gậy, vật đầu tiên làm ông chú ý đến bà và dẫn đến kết quả là bà lấy bố tôi. Sau đó, bố mẹ tôi rời Budapest đến London rồi sinh ra tôi. Tiếp theo, các con gái tôi chào đời. Dù mọi chuyện đã kéo theo sau đó.

Nói đúng nghĩa đen thì bác tôi không ở trong tủ quần áo. Ông ấy vẫn nằm dưới tấm bia cẩm thạch ngoài nghĩa trang, nhưng, giọng nói của ông vẫn còn sống, bên trong một loạt băng ghi âm và những trang giấy tôi đã cẩn mẫn gỡ lại từng lời, và dĩ nhiên có cả bút tích của riêng ông, những phần mà ông đã cố tự mình viết ra.

Này đây những cuộn băng ghi âm. Này đây cây gậy. Những món đồ vật này, đồng đồ bỏ tâm thường thuộc về những người đã mất, vẫn tiếp tục sống sau khi họ ra đi. Và cả cô gái mà tôi đã cho vào lãng quên cũng vẫn còn ở đâu đó quanh đây, chỉ chờ tôi khoác lên mình một chiếc đầm lụa jecxi đỏ là cô ấy xuất hiện ngay tức khắc. Tôi đang chờ đợi cô gái ấy. Cô ấy đang ở đâu đó trong căn hộ này và không phải là một bóng ma vì tôi vẫn còn sống đây, hiện diện bằng xương bằng thịt ngay giữa thế giới này. Cuộc sống của tôi không nhẹ nhàng hay lặng lẽ. Xét cho cùng, tôi vẫn là máu mủ với bác mình. Chẳng có điều gì ông làm mà không để lại một dấu ấn.

* * *

Đây là nơi tôi sinh ra, chính tại tòa nhà lớn nằm trên Đại lộ Marylebone này. Mẹ tôi đã trở dạ trong thang máy trong khi bố tôi đang đi làm. Bà ở đó, hết quần quai, la hét lại lăn lên lộn

xuống. Các cánh cửa sắt mở ra như một cây đàn phong cầm và một bác sĩ phẫu thuật làm ở bệnh viện Middlesex đã trông thấy bà nằm giữa một vũng nước ối. Ông bác sĩ vội đưa mẹ tôi vào căn hộ của mình và đỡ tôi ra đời ngay trên trường kỷ. Tôi chào đời, mắt nhìn chăm chăm vào cây đèn trang trí bằng nhựa Bakelite thời tiền chiến và một bức tranh sơn dầu treo trên lò sưởi vẽ một bầy gia súc của vùng cao nguyên Scotland. Đó là một ngày giữa mùa hạ, ngày 19 tháng 7 năm 1953 và tôi được đặt tên là Vivien, theo tên vợ ông bác sĩ.

Vào 2g30 chiều, vị bác sĩ gọi đến chỗ làm cho bố tôi để báo tin nhưng mãi đến 5 giờ bố tôi mới về, đúng như lệ thường, mặc cho ông chủ của bố tôi là Axelrod đã cho phép ông về nhà ngay. Tôi có thể hiểu được thái độ bướng bỉnh nhất quyết không phá bỏ thói quen của ông. Bố tôi khiếp hãi sự thay đổi, xáo trộn. Với sự không chắc chắn thì bất kỳ điều gì cũng có thể xảy ra. Thế nhưng, chưa gì mà bố tôi đã khổ sở chịu đựng mối lo âu rồi. Ông sợ rằng bất cứ một chút xáo trộn trong hoàn cảnh của mình cũng có thể làm cho mọi thứ sa sút. Nào là căn hộ, nào là người vợ, nào là công việc, nào là cô con gái mới sinh rồi chính cái thành phố London và cả nước Anh nữa. Và ông có thể trôi xuống dưới trong bản đồ thế giới, quay trở lại Hungary, những ngón tay bấu chặt một cách vô vọng và buồn cười lên bề mặt trơn láng, xoay vòng vòng của quả địa cầu.

Được xây khoảng đầu thế kỷ 20, Benson Court là một tòa nhà làm bằng gạch đỏ cầu kỳ. Phía sau nó là một khu vườn mọc đầy những bụi cỏ hiếm khi được cắt xén cùng đôi ba luống hoa mà nếu đứng từ căn hộ của chúng tôi thì không thể trông thấy được. Từ bếp nhà mình, chúng tôi có thể nhìn thấy một bên của tòa nhà lân cận. Những phòng khác thì nhìn ra ngoài phố, một ngõ tắt yên tĩnh dành cho khách bộ hành có biển báo đường

một chiều ở cuối đường ngăn hầu hết các phương tiện giao thông qua lại nơi đây. Người ta không thể lái xe từ cửa trước nhà chúng tôi đến bất cứ nơi nào cần thiết như đại lộ Marylebone hay đường Euston. Mà thế thì đã sao? Cả bố lẫn mẹ tôi đều không biết lái xe chứ đừng nói đến chuyện có xe riêng.

Tôi là con của một cặp bố mẹ già, một đôi vợ chồng người châu Âu gàn dở, kỳ quặc với những suy nghĩ khác thường chẳng giống ai. Tư tưởng nặng nề đó hình thành từ niềm u uẩn lê thê. Bố tôi trở nên hết sức điên khùng trong những năm cuối đời khi không còn chịu sự ảnh hưởng kiềm chế bớt của mẹ tôi. Không còn bà, ông tự bơm đầy vào mình một luồng khí xuất phát từ những suy nghĩ của chính riêng ông rồi thả mình trôi lơ lửng vào một thế giới khác. Cuối cùng, ông trở thành một người hâm mộ cuồng nhiệt Tổng thống Mỹ George W. Bush. Ông đã nhận xét Bush “không phải là một người thông minh nhưng đúng là người mà thiên hạ cần đến. Điều cuối cùng mà ta cần phải làm là ủng hộ giới trí thức nắm giữ quyền lực. Để bố nói con nghe, có một vài ý tưởng lố bịch đến nỗi chỉ có những giáo sư mới nuốt nổi”. Từ ngày nghỉ hưu, bố tôi bắt đầu nghiên viết những lá thư lem nhem mực gửi cho các tờ báo, những lá thư mà ông đã nhờ tôi gửi đi nhưng tôi chẳng bao giờ thực hiện điều đó. Có nghĩa gì đâu kia chứ? Thư thì không thể đọc được còn người viết thì gàn như không tự mình đọc nổi tờ báo.

Căn hộ của chúng tôi là nhà thuê với một cái giá rẻ mạt. Những quý bà đội mũ tròn của Đội nữ tình nguyện viên Hoàng gia Anh (WRVS) đã tìm cho bố mẹ tôi căn hộ này khi họ mới chân ướt chân ráo tới Anh vào năm 1938 với tư cách là dân tị nạn trẻ đến từ Budapest. Có một bức ảnh chụp bố mẹ tôi đang mở khóa cửa trước, miệng mỉm cười gượng gạo, cứng đờ như những hộp thư bằng gỗ. Khi đã chắc chắn bước qua phía bên

kia của cánh cửa, họ liền khóa chặt nó lại và cố gắng ra ngoài càng ít càng tốt. Họ đem theo duy nhất một món đồ: tượng một ông già Trung Hoa bằng ngà cầm cần câu bằng gỗ mun. Đó là quà cưới mà bà dì của mẹ tôi đã tặng. Để xem lễ đăng quang của Nữ hoàng Anh, bố mẹ tôi mua một chiếc ti vi mà họ luôn nâng niu với một mối quan tâm thấp thỏm thường trực. Họ lo nếu để ti vi tắt quá lâu, nó sẽ không chịu bật lên nữa bởi vì ti vi thời đó cần phải “khởi động cho nóng máy”. Biết đâu nó sẽ nguội quá thì sao? Biết đâu nó sẽ chết hẳn để trả đũa cho sự lơ là thiếu quan tâm săn sóc của họ?

Chủ nhà trọ là một nhà hảo tâm có nhiều bất động sản ở khắp London. Mỗi tuần, ông ấy cử một người đàn ông mặc áo bành tô vải tuyết hiệu Harris và đội mũ nỉ đi thu tiền thuê nhà mà bố mẹ tôi đã để sẵn trong một phong bì. Chưa bao giờ bố mẹ tôi trả tiền trễ hạn. Ông chủ nhà trọ đã cố tăng tiền nhà lên nhằm buộc bố mẹ tôi phải dọn đi song bố mẹ tôi vẫn trả đầy đủ mà không hề hé răng than phiền lấy một tiếng to nhỏ nào. Nội thất bên trong nhà chẳng được sửa sang, thay đổi. Mọi thứ đồ đạc dần trở nên lỗi thời nhưng bố mẹ tôi không quan tâm. Họ chưa bao giờ may mắn ngờ rằng một căn hộ trên đại lộ Marylebone, chỉ cách giao lộ Regent - Oxford, các nhà ga và hãng tin BBC vài bước đi bộ có thể đáng giá hàng núi tiền. Họ thành thật nghĩ rằng nhà hảo tâm kia (và kế tiếp là những người thừa kế của ông này, sau khi ông chết vào năm 1962) sẽ cho một lớp người tị nạn mới khác đến thuê lại căn hộ một khi họ đi xa. Họ hoàn toàn chẳng biết gì hết.

Lý do của sự ngây thơ này là vì bố tôi suốt cả ngày chỉ cầm cú tập trung nhìn vào một điểm nhỏ, cách mũi ông vài ba centimet. Bố tôi là một thợ kim hoàn bậc thầy làm việc trong một gian phòng phía sau của một cửa hàng kim hoàn trên phố

Hatton Garden - một con phố ở khu Farringdon, nơi người ta đến mua vàng và kim cương được cân tỉ mỉ bằng những cái cân bé xíu. Vàng và kim cương được chuyển tới từ Antwerp bởi những người đàn ông khoác áo đen, để râu đen, đội mũ đen, xách cặp đen có khóa xích vào cổ tay, nói chuyện điện thoại di động bằng đủ thứ tiếng và đầu óc thì cực nhạy với số má. Nhưng, bố tôi hoàn toàn chẳng dính dáng gì đến những người này. Ông lúc nào cũng cặm cụi làm việc trong gian xưởng bụi bặm chật kín những hộp và giấy tờ, ngồi dưới một ngọn đèn chói lọi, phục chế dây chuyền hồng hay gắn những viên đá cũ vào những kiểu tạo tác mới. Đó là công việc mà bố tôi đã làm suốt từ năm ông 16 tuổi cho đến khi ông không thể nhìn được nữa lúc ông 81 tuổi, khi một tấm màng đen phủ xuống đôi mắt ông cứ như thể Chúa đã gửi đến ông một trong những yêu sách của Người.

Qua nhiều năm, nhiều người đã chuyển khỏi Benson Court. Vị bác sĩ và bà vợ của ông dọn tới Finchley khi tôi lên 5. Dù có một tấm thiệp vẫn được gửi đến tôi vào ngày sinh nhật nhưng cuối cùng họ vẫn rời sang Canada và thế là chúng tôi mất luôn liên lạc. Qua cánh cửa sổ nhà bếp nhìn ra con đường giữa hai tòa nhà, những tấm màn mới, những bức màn mới, những con người mới xuất hiện. Chúng tôi chưa gặp gỡ bất kỳ ai trong số họ. Một lần, tôi thấy một người phụ nữ đứng đó khóc một mình giữa đêm khuya. Mascara của bà chảy xuống còn ánh đèn huỳnh quang ở phía trên đầu làm cho mái tóc vàng của bà ấy ngả thành màu xanh lục. Năm 1968, một đứa bé mặc quần soọc đỏ kiểu chú hề trèo lên bờ tường, giữ thăng bằng được một chốc rồi lại loạng choạng ngã hết bên này sang bên kia. Nó cứ đi trên bờ tường như thế cho đến khi một cánh tay to lớn vòng qua người nó, bồng nó đến một chỗ an toàn. Có một dạo, một

chính trị gia đã sống ở đó. Tôi từng có lần thấy ông ta xuất hiện trong bản tin trên ti vi ngoài phòng khách và rồi một phút sau, khi tôi vào nhà bếp để pha một tách cà phê, tôi lại thấy ông ta đang bình dị đun nước.

Năm tháng trôi qua, hết người này đến rồi kẻ khác ra đi. Cô phát thanh viên có giọng nói thanh thanh và anh bạn trai là một anh hùng chiến đấu được trao huân chương đặc biệt chuyển đến. Rồi đến bà vũ công ballet già cùng lão chồng là một tay buôn thảm Ba Tư đang làm ăn khấm khá, tôi đoán thế vì bà ấy có thói quen gọi lão ta là “đại gia nhà tôi” chứ không phải là “chồng tôi”. Cả Gillbert, anh họa sĩ vẽ biếm họa cho báo hay thể hiện chân dung các chính trị gia với cái mũi dài độc địa bất kể họ sự thật có cái mũi như vậy hay không. Ta thấy họ chạy lên chạy xuống cầu thang. Ta nghe thấy tiếng ồn ào tiệc tùng, nhìn thấy những gương mặt nổi tiếng. Và còn nhiều những người khác giấu mình sau cánh cửa, uống rượu, khóc lóc hay điều hành những công ty có những thương vụ mờ ám. Đôi khi, ta nghe thấy giọng ngoại quốc trong thang máy. Một tùy viên đại sứ quán Ấn Độ đã giấu cô đầm tóc vàng của mình trong một căn hộ.

Nhưng trong suốt thời gian đó, tôi là đứa nhóc duy nhất trong tòa nhà. Tôi không hiểu tại sao như thế. Có lẽ có một thứ gì đó trong những ống chì làm người ta mất khả năng sinh sản dù bố mẹ tôi đã cố gắng tìm đủ mọi cách để có tôi. Hay có lẽ đơn giản bởi tại Benson Court là nơi mà người ta đến chỉ vì cô đơn và cần được tiếp chút kích thích hào hứng của thành phố. Hay có lẽ vì họ chỉ tạm dừng chân ở nơi này. Hay có thể chính sách không sinh con đẻ cái vướng bận đã thắng thế trước bố mẹ tôi, những người tị nạn. Tôi biết ở đây cũng không có những con vật nuôi lớn hay nếu có, người ta cũng giấu chúng rất kỹ.

Tôi lớn lên trong một môi trường cô độc. Tôi sống chủ yếu trong căn phòng ngủ nhỏ bé của mình, một căn phòng nhìn ra ngoài phố có một chiếc giường đơn hẹp dành cho trẻ con cùng một tấm drap trải giường bằng vải bông trắng. Trên tường đối diện là một bức tranh đóng khung, vẽ một cảnh trong *Hồ thiên nga*, tuyệt tác ballet với những con thiên nga con, với tuyết và mặt nước loáng thoáng hồng. Trên tủ com-mốt là sách vở của tôi, nằm ngay ngắn nhờ một cặp chặn sách hình ngựa bằng thạch cao đã mẻ và một món đồ trang trí - một chú chó Trung Quốc bóng bẩy, giống chó Spaniel, tôi nghĩ thế. Người bạn duy nhất của tôi là ông già Trung Hoa bằng ngà ở phòng khách mà bố mẹ tôi đã mang theo từ Hungary. Tôi gọi lão là Simon và lão thường nói chuyện với tôi. Tôi không kể cho bố mẹ nghe về chuyện này.

Quần áo trong tủ đều rất kỳ lạ. Hầu hết là quần áo cũ từ Đội nữ tình nguyện viên Hoàng gia Anh: váy vải tuyết và áo cánh vải tơ tổng hợp màu ngà có cổ kiểu Peter Pan. Tất cả đều có cúc ngọc trai kín cổ và được viền bằng những dải ren bạc màu trông giống như tuyết bản. Chẳng có bức hình nào chụp tôi trong những bộ đồ đó. Bố tôi chưa bao giờ có một cái máy ảnh hay biết cách dùng máy ảnh như thế nào. Theo như tôi biết, chẳng có một bằng chứng nào về việc tôi từng là một đứa trẻ.

Những gì mà tôi nhớ đến mỗi khi hồi tưởng lại chính là Benson Court chứ không phải thời thơ ấu của mình. Và tôi khi đó đang ở tại hành lang tòa nhà, trong khu vườn công cộng hay trong phòng của mình với cuốn từ điển mà bố mẹ tôi đã trao cho tôi trong bọc giấy căng phồng như thể nó là chìa khóa mở cửa vào Vương quốc Anh. (Đối với họ, những người mà tiếng mẹ đẻ không phải là tiếng Anh, quả thực đúng là như thế). Vậy là, niềm yêu thích ngôn ngữ đã hình thành trong tôi, một đặc

điểm của dân nhập cư. Tôi cố gắng lý giải nhiều điều bí ẩn về cuộc sống đơn giản của mình. Tôi chỉ nằm đó và suy nghĩ, không phải về bài tập ở nhà mà là chơi đùa với những ý nghĩ trong khi một đứa trẻ khác, một đứa trẻ thích thể thao hơn nằm dài suy nghĩ, hẳn sẽ liên tục dùng vợt tennis đánh một quả bóng nảy vào tường hay ném bóng vào vòng. Tôi nằm đó, nghĩ về khoảng cách giữa ta với mặt trời rồi giữa ta với mặt trăng, tiếp đến là với và nhiều thứ khác nữa cho đến khi tôi đặt một ngón tay lên chóp mũi và tập xem mình có thể giữ cho đầu ngón tay sát gần chóp mũi đến cỡ nào mà vẫn không chạm vào nó, xem liệu có đo được khoảng cách đó không. Mọi thứ cảm giác như rất gần nhưng đồng thời cũng xa xôi đến lạ. Thế giới bên ngoài trông như thể được nhìn qua lớp kính cửa sổ dày của một đoàn tàu tốc hành hay chí ít là giống như một trải nghiệm được miêu tả trong một cuốn sách vì tôi chưa từng đi tàu hỏa bao giờ. Tôi không hề bước ra ngoài phạm vi London mãi cho đến năm tôi 18 tuổi.

Tôi bỗng bênh trôi qua thời gian và không gian. Tôi có những giấc mơ rối rắm, đôi khi là những cơn ác mộng. Tôi nghĩ mình đã nhìn thấy ma trong thang máy. Tôi dễ bị kích động thần kinh, rụt rè, nhút nhát, dễ bị cảm lạnh, cảm cúm và viêm amidan. Tôi thích nằm tĩnh lặng trên giường hơn với tấm drap, tấm chăn bông vào mùa đông - khoảng không khép kín của căn phòng và cả những miền không gian mỗi lúc một nhỏ hơn.

Đây khao khát nhưng không được thỏa mãn toại nguyện về những điều mà tôi không thể nói hết thành lời hay không thể thấu hiểu, tôi gặm nhấm mọi thứ trong nỗi thất vọng. Tôi cắn móng tay và suốt vài tuần năm tôi 11 tuổi, tôi gặm cả cốc uống nước khiến miệng tôi chảy máu. “Ở đâu ra mà hàm con bé khỏe thế?” - bố tôi thốt lên và ngăn tôi lại.

Có một dạo, ở tuổi dậy thì, tôi mắc phải một chứng mà bây giờ người ta gọi là rối loạn ăn uống. Tôi toàn ăn những thứ có màu trắng hay màu vàng. Và thế là thực đơn của tôi chỉ gói gọn trong bánh mì, bơ, khoai tây, thịt gà và bánh. Tôi đâm béo ra chứ không hề gầy đi. Rồi đột nhiên tôi lại quay sang nghiền màu đỏ: thịt bò, cà chua, táo và đậu nướng. Bố mẹ tôi nói chuyện về tôi khi tôi đã lên giường đi ngủ. Tôi nghe lỏm được cuộc nói chuyện của họ khi đang đi ra hành lang đến nhà vệ sinh đi tiểu đêm. Họ bất đồng về việc có nên đưa tôi đi tư vấn bác sĩ hay không. Mẹ tôi nói có còn bố tôi thì bảo không. “Đừng lo” - ông nói - “rồi con bé sẽ tự qua khỏi thôi.” “Nếu anh lo về chuyện tiền nong thì anh không phải chi tiền đâu, anh biết rồi mà” - mẹ đáp. “Chẳng liên quan gì đến chuyện đó cả. Con bé ổn mà. Bọn con gái đều dờ dờ ương ương như thế cả. Dĩ nhiên là trừ em ra, Bertha.” Rốt cuộc, tôi cũng điềm tĩnh lại và bắt đầu nhìn đời bình thản hơn, bắt đầu nhận thức được rằng nỗi đau sinh tồn là bình thường và hiển nhiên.

* * *

Đến tuổi thanh niên tôi đã có ý thức về bản thân và bắt đầu tự ngắm mình trong những ô cửa sổ của các cửa hàng trên đường đi học về. Tôi bắt đầu quan sát những người khác, lần trong đám đông hay đứng riêng từng người một, và học được cách hòa vào phần còn lại của thế giới loài người. Tôi dè dặt kết thân với những đứa con gái trong trường, những đứa bơ vơ lạng lã, và gia nhập một nhóm siêng năng học tập thường đến rạp chiếu phim Academy trên phố Oxford vào cuối tuần để xem những bộ phim nói đủ thứ ngoại ngữ mà chúng tôi đang học.

Sau đó, chúng tôi ra Soho uống một tách cà phê sủi bọt. Rồi tôi về nhà ở Benson Court nơi bố mẹ tôi đang ngồi xem những chương trình giải trí nhẹ nhàng, những chương trình đố vui, những bộ phim nhiều tập suốt mướt hay những tập phim hài dài nửa tiếng trên ti vi với một khay đồ ăn khuya để trên đui. Những chương trình chính luận nghiêm túc tuyệt nhiên không phải là lựa chọn của họ.

Mẹ tôi sinh ra đã bị chân cao chân thấp. Tôi chưa bao giờ thấy bà rời cây gậy nâu và cái áo chèn vải nỉ màu nâu do bà tự may 'để giữ ấm lưng'. Một hôm, trên đường từ trường về nhà, tôi thấy bà đang cố băng qua Đại lộ Marylebone, gần quán rượu, khi mật độ xe cộ rất cao. Bà không nhìn thấy tôi. Trong khi bà đang bồn chồn chờ cho những chiếc xe con và xe tải chạy chậm lại, chống cây gậy xuống lề vỉa hè, chuẩn bị xuống thấp một chút thì bỗng nhiên, một con chim sẻ đậu ngay xuống đầu bà. Chắc hẳn là mẹ tôi cũng cảm nhận được những cái móng bầu vào đầu mình nhưng bà không la lên. Bà chỉ đưa tay lên và chạm những ngón tay vào đôi cánh khô lạnh của nó. Con chim chẳng hề hoảng sợ bay đi hay thử mổ vào mắt bà. Nó chao lượn một lát, cách vài tấc trên mái đầu nâu sẫm của bà, rồi bay đi, để lại một cục phân trắng nhỏ xíu trên tóc bà.

Cảm thấy xấu hổ khi phải đi về nhà, tay quàng tay, với một người đàn bà có phân chim trên đầu; một người đàn bà không chỉ có phân chim mà còn cả một cây gậy gỗ nặng trĩch với một đầu bịt cao su; một người đàn bà nắm lấy cánh tay con gái rồi khoạc tay mình vào đó một cách tự động vì bà nghĩ đó là cách mẹ và con gái cùng đi dạo phố, để thể hiện tình cảm - không muốn bị người ta nhìn thấy là đang đi với mẹ mình, tôi quay ngược lại dọc phố Moxon và liên tục rẽ phải để trở về đúng vị trí cũ rồi về nhà vài phút sau đó.

Tôi thấy mẹ trong phòng tắm. Bà đang gội đầu, mỉm cười và hát một đoạn nhạc trên đài. “Con biết không” - bà nói - “mẹ vừa được một chú chim nhỏ viếng thăm. Mới đầu, mẹ thấy nó không đáng yêu cho lắm nhưng khi chuyện này xảy ra, mẹ nghe nói nó sẽ mang vận may tới. Ngày mai mẹ sẽ gặp may mắn cho mà xem.”

Quả đúng là như vậy. Một lá thư được chuyển tới trong chuyến thư buổi sáng: chúng tôi đã trúng 10 bảng tiền xổ số định kỳ của công trái không có tiền lời. “Nhờ con chim đó đấy” - mẹ tôi nói. - “Cảm ơn mày, con chim nhỏ!”

Mẹ tôi là thế.

3

Tận đến năm 10 tuổi tôi vẫn hoàn toàn không biết mình có một người bà con. Rồi một ngày kia chuông cửa reo lên. Bố tôi ra mở cửa bình thường, theo cái cách mà ông vẫn mở cho tất cả mọi người: để nguyên dây xích khóa và nhòm ra qua khe cửa.

“Ai đấy?” – ông hỏi bằng giọng cao lanh lạnh của dân nhập cư với những nguyên âm trọ trạ. “Tôi biết người nào ở ngoài đấy là không đàng hoàng vì hôm nay không phải ngày trả tiền nhà. Đừng có vờ đến đây thu tiền.”

Mấy ngón tay to bè luôn qua khe hở và nắm lấy khuỷu tay khô ráp của bố tôi. “Ervin, cho anh vào. Là anh đây, anh trai của em đây.”

Ngay khi bố tôi nghe thấy giọng nói đó, ông liền đóng cửa đánh sầm một cái, làm rung chuyển cả căn hộ và khiến cả mẹ lẫn tôi vội chạy ra ngoài hành lang xem có chuyện gì xảy ra.

– Không có anh em em em gì sất! – bố tôi hét to, mồ hôi bỗng túa ra trên mũi ông. – Cút đi không tôi gọi cảnh sát bây giờ.

– Ervin, anh vừa mới mua một thanh chocolate rất tuyệt. Chờ xem, em sẽ thấy nó to như thế nào. Để anh vào rồi anh em mình ngồi nói chuyện.

– *Khasene hobn solst du mit dem malekh hamovesis tokhter!* – bố tôi gào lên.

– Ha ha! Cậu ấy muốn anh lấy con gái của Thần chết – ông bác tôi quay sang nói với một cô gái mà ông đưa đi cùng. Đoạn,

ông hôn lên má cô này bằng đôi môi run run.

– *Fransn zol esn dein layb!* – bố tôi quát và mở tung cửa để người anh trai có thể cảm nhận được hết sức mạnh trong giọng nói của ông, cái giọng mà ông biết là hơi nhỏ và cần một sắc thái liên mạch, không ngắt quãng để nó khuyếch đại lên. Ông vừa quát vừa khạc nhổ nước bọt.

Tôi đứng đó, tay đặt lên khung cửa, trố đôi mắt to tròn nhìn chăm chăm vào vị khách. Cả đời tôi chưa từng thấy ai ăn mặc như ông, chưa kể đến cô gái. Một người đàn ông vận bộ đồ ni angora xanh da trời tươi trẻ, đi đôi giày da lộn khâu tay màu đen, cổ tay sáng lên một đồng hồ tuyệt đẹp được gắn vào một vòng xuyên nạm kim cương. Còn cô gái da đen đang đứng ngả vào cánh tay ông thì mặc áo khoác nylon da báo hợp với cái mũ tròn nhỏ đội trên đầu, tay xách một chiếc túi nhựa dẻo giả da cá sấu có khóa mạ vàng.

Ồ! Một ông bác mới lạ làm sao!

Người đàn ông nhìn tôi còn tôi thì nhìn chăm chăm không chớp mắt vào khuôn mặt tai tái của ông ấy. Tôi – một đứa bé gái nhỏ, da ngăm đen giống mẹ; còn ông ấy và bố tôi đều có nước da trắng và mái tóc hung hung đỏ. Cuộc gặp mặt dữ dội này đẩy tôi rơi vào một trạng thái sốc rối loạn tâm lý. Tôi không thể nói cũng chẳng thể cử động. Chúng tôi *chưa bao giờ* có khách, trừ người đàn ông hay đi thu tiền cho thuê nhà. Tôi chưa từng gặp ai ngoại trừ những cư dân thanh lịch của Benson Court. Một vài người trong họ đã từng nói chuyện với tôi và cho tôi kẹo, sau khi bị bố mẹ tôi sấm soi kĩ càng. Bởi thế nên bây giờ tôi cứ đứng ngây ra đó, đờ người ra vì bất ngờ. Cứ như thể mặt trăng, quả cầu óng ánh bạc, đã tự hạ từ trên trời xuống bằng dây và ròng rọc. Rồi người đàn ông ở Mặt trăng mở cửa sập, leo ra, bước xuống hành lang nhà tôi.

– Anh ta nói gì thế, anh? – cô gái hỏi bằng một giọng khàn khàn.

– Cậu ấy cầu cho anh bị giang mai – bác tôi vừa dịch lại cho cô gái vừa đảo tròn mắt. Cô gái cười khúc khích rồi bật ho.

– Thật quá đáng! Ngay trước mặt trẻ con! – bố tôi rít lên – Vivien, về phòng ngay.

Nhưng tôi không nhúc nhích. Tôi không biết giang mai nghĩa là gì. Tôi nhắm từ đó trong miệng, và ghi vào trong óc, để lát nữa, tôi có thể hỏi cuốn từ điển – quà sinh nhật của bố mẹ tôi tặng cho tôi.

– Nào, Vivien, ra đây với bác Sandy nào. Bác có chocolate cho cháu đây.

Ông bác tôi mở cái khóa mạ vàng của chiếc túi giả da cá sấu trên tay cô gái rồi lấy ra một thanh Toblerone to và nặng như một cái búa. “Bác đoán là cháu chưa bao giờ thấy cái nào như cái này ở cửa hàng ngoài kia. Nó là chocolate Thụy Sĩ đấy. Cháu biết không, ở đó người ta làm những thanh chocolate giống hình quả núi!”

– *Migigul zolst in hengrayhter, by tog zolst du hengen, un bay nacht zolst du brenen.*

– Giờ thì cậu ấy muốn anh biến thành đèn chùm, treo lủng lẳng vào ban ngày và cháy ban đêm. Ôi, cậu em của tôi!

Bác tôi chộp lấy đũng quần nỉ rồi giật phắt “của quý” của mình lên. Cô gái bắt đầu cười lớn. Cô ta há miệng, tuôn cả tràng cười the thé và cứ sau mỗi tràng cười lại ngớp thật sâu lấy hơi. Tôi nhìn thấy được cả bên trong cái miệng màu hồng của cô ta, cả cái lưỡi to hồng và những vết trám kim loại trên răng.

– Ông đó là anh em gì với tôi sất, đồ chó sói! – bố tôi đã phát khùng. Tôi chưa bao giờ thấy ông giận dữ đến vậy. Mi mắt

ông căng lời ra, đẩy tới trông mắt kính viên đen bụi bặm của ông. Tôi lùi lại xa hơn về phía cửa nhưng không hề có ý chạy vụt đi. Tới lúc đó, tôi chưa bao giờ được vào rạp hát nhưng tôi nghĩ cảnh ở đó hẳn cũng giống như thế này: có quát tháo, gào thét và có điệu bộ, cử chỉ mạnh bạo. Người ta biến đổi thành một con người khác.

– Cậu nói gì vậy? – bác tôi hỏi rồi cười lớn, chiếc môi dưới trề rung lên rung xuống. – Anh với cậu đều cùng được mẹ đẻ ra, đều cùng dòng máu cả.

– Để cho mẹ được yên nghỉ. Đừng có xúc phạm mẹ bằng cái mồm bẩn thỉu của ông!

– Thôi mà, Ervin. Để cho anh vào đi!

– Ông đừng hòng đặt chân vào cái nhà này. Chừng nào tôi còn một hơi thở.

Nói rồi bố tôi đóng sầm cửa, bỏ đi vào phòng khách, mở ti vi tới mức to nhất, to hơn cả mức ông từng dám mở từ trước đến giờ.

Ở bên ngoài cửa trước, bác tôi buông một tiếng thở dài cường điệu giả tạo rồi nhún vai, quay đi, bước xuống cầu thang trong chiếc giày da lộn khâu tay. Tôi vẫn có thể nghe thấy tiếng cô gái hỏi ông sẽ làm gì với thanh chocolate. “Cho em đấy” – bác tôi nói với cô gái. Tôi chạy ra phía cửa sổ và trông theo họ ở dưới phố. Cô gái Tây Ấn đứng trên vỉa hè, chocolate dính quanh mặt còn bác tôi thì đi tới chiếc xe tuyệt đẹp của ông, một chiếc Jaguar bạc, mở cửa phía tay lái và gọi cô gái vào chứ không mở cửa đứng chờ ở phía bên kia như một quý ông lịch lãm. Đó là vì bác tôi không phải một quý ông còn cô ta chỉ là một gái điếm vị thành niên. Cái cảnh đó, buổi sáng thứ bảy ngập nắng trước cửa tòa nhà Benson Court năm 1963, vẫn lưu lại trong trí nhớ

của tôi đến tận ngày hôm nay.

Tám tháng sau, bác tôi vào tù. Thật là một nỗi *cực hình* với bố mẹ tôi khi bị buộc phải xem tin tức về vụ án trên truyền hình hết đêm này đến đêm khác suốt năm tuần liền mà không dám tắt ti vi đi vì như thế, cả phòng khách sẽ biến thành một cái nhà mồ với sự im lặng không tài nào phá vỡ. Và họ đã cố gắng nhưng thất bại trong việc bảo vệ con gái mình khỏi người đàn ông đang ngồi trong ghế bị cáo, người cùng mang một cái họ gần như giống mình, người đến từ cùng một nơi như mình, người nói tiếng Anh bằng một chất giọng giống mình, người mà tôi đã tận mắt thấy xuất hiện ngay nước cửa căn hộ nhà tôi, cãi nhau với bố tôi và gọi bố tôi là em trai.

Một người có con gái thì anh trai của người đó chính là bác của đứa bé. Chẳng thể nào khác được. Vậy là tôi có một người bà con.

– Cái ông đó đã làm gì hả bố? – ngay lập tức tôi hỏi.

– Đừng có hỏi vặn hỏi vẹo! Những người hay thắc mắc này nọ có ai sống yên ổn đâu, mà sống không bình yên thì đâu phải là sống.

Nhưng, cuộc sống của bố mẹ tôi cũng chẳng thể gọi là êm ả, phẳng lặng. Với tôi, đó là sống ì. Cả một phần tư thế kỷ chìm trong lặng lẽ, ù lì.

4

Suốt quãng đời thơ ấu còn lại của tôi, ba người chúng tôi - bố mẹ và con gái - sống chậm chạp và lặng lẽ như ba hòn bi uế oải lăn trên sàn nhà lót vải sơn. Trong khi đó, ở tầng dưới, người khách trọ lâu đời nhất của khu chung cư vẫn lặng lẽ đi lại một trong một khung cảnh tranh tối tranh sáng triền miên, trên đầu là trần nhà có một bông hồng thạch cao và những đường gờ trang trí. Những chiếc đèn bàn của bà ấy được lắp những bóng đèn tròn công suất thấp và được phủ khăn choàng tua rua để làm dịu bớt ánh sáng thành quầng mờ ảo màu hổ phách, giống như đèn pha trước của xe hơi trong một buổi sáng sương mù. Thỉnh thoảng, bà ấy mở một đĩa máy hát không thể nhận ra là nhạc gì. Mỗi tối, cứ khoảng 8 giờ, bà khách trọ lại choàng lên người một tấm áo khoác da cáo, đi một đôi giày da lộn cao gót có gấn nơ xa tanh màu xám rách tơi tả để lang thang qua những con phố đêm của London. Người đàn bà phiêu lãng đó chỉ trở về nhà sau bình minh, khi ta vừa bị đánh thức dậy khỏi những cơn mơ quay cuồng bởi tiếng thang máy lách cách, tiếng sập cửa trước đánh sầm và tiếng cửa sổ kính màu rung lách cách trong khung gỗ.

Đố ai biết được vì sao bà ấy có giờ giấc sinh hoạt kỳ quặc như vậy hay vì sao bà vẫn tự mình trang điểm với đôi tay run rẩy yếu ớt? Đôi mắt trên khuôn mặt nhăn nheo của người đàn bà lạ lùng đó nhòe nhoẹt phấn kohl^[2]; gò má nổi lên hai đốm phấn hồng tròn xoe như búp bê; đôi môi cong giống như cánh cung của thần Tình yêu thoa son màu đỏ máu, trông cứ như thể bà

ấy đã cắn vào da thịt của ai đó và hút hết tinh chất của họ. Có lẽ có một con ma sói bên trong bà ấy. Con người ta ai cũng có những thôi thúc thầm kín, giống như những con chó đang cắn xé gan ruột họ. Tôi biết mình cũng vậy.

Từ lúc trở về nhà sau bình minh cho đến giữa chiều, người đàn bà kỳ bí ấy chỉ ngủ hoặc nếu không thì nằm dài, mắt mở to, nhớ lại những gì mình đã trông thấy trong những cuộc lang thang phiêu bạt khắp thành phố. Người ta đã thấy bà ấy đi xa tới tận Kilburn, leo lên phố, tiếp tục lê bước xa hơn nữa về hướng bắc rồi gục xuống vì kiệt sức khi ánh bình minh ló dạng. Sao bà ấy cứ lang thang độc hành như thế nhỉ? Vì mục đích gì? Bà ấy đang kiếm tìm điều gì hay đang trốn chạy khỏi một cái gì? Tôi chẳng thể nào biết được, ngay cả bây giờ, sau 40 năm.

Một buổi tối, năm tôi 17 tuổi, tôi về nhà muộn sau buổi tổng duyệt một vở kịch của trường, vở kịch về Công chúa Anastasia^[3] (hay nói đúng hơn là về một cô gái nông dân người Ba Lan tên là Franzisca Schanzkowska tự nhận mình là Công chúa Anastasia). Tôi không diễn trong vở đó mà chỉ là một người nhắc kịch, một vai thoại không xuất hiện trên sân khấu. Đó là đêm ngày 5 tháng 11^[4]. Pháo hoa bắt đầu được bắn lên ở ngoài những khu vườn sau. Một màn pháo hoa nổ vang trời đang được đốt trên đồi Primrose. Presscot, người đàn bà bí hiểm, đứng trên bậc tam cấp của Benson Court, đang cài chặt cúc áo khoác thì một tiếng nổ lớn làm rung động cả con phố vang lên từ phía sau tòa nhà đối diện. Bà ấy đứng đó, lặng câm, run rẩy.

- Bà không sao chứ ạ? – tôi hỏi.
- Ta không thích tiếng nổ, – bà đáp, giọng mông tang.
- Cháu đoán là nó gợi cho bà nhớ về chiến tranh – tôi trả lời, đầy cảm thông, vì đây là điều mẹ tôi năm nào cũng nhắc

đến. ('Những quả bom khủng khiếp!')

Bà lắc đầu: "Ta chưa bao giờ thích tiếng nổ."

– Có lẽ bà không nên ra ngoài tối nay, – tôi nói. – Sẽ có tiếng nổ khắp nơi đấy ạ.

– Ta thích ánh sáng đầy màu sắc. Ta chỉ ước gì chúng yên lặng. Ta chỉ thích nhìn, chứ không thích nghe.

Cơn mưa bạc xối xuống những cái chụp ống khói. Một quả pháo rít lên. Người đàn bà rùng mình. Nỗi sợ hãi của bà tác động lên tôi, gợi cho tôi nhớ về những năm tháng cô đơn trong phòng ngủ. Bà ấy có mùi hoa hồng, phấn đánh mặt và cả mùi nỗi buồn. Những mùi hương ấy tóm lấy và giữ chặt tôi, ngay trên bậc tam cấp này. Tôi chỉ cao gần 1m63. Vậy mà, tôi vẫn đứng cao hơn hẳn bà.

– Ta nghĩ là cháu nói đúng. Ta sẽ không đi cho đến lúc hết bắn pháo hoa, – bà nói.

Bà quay lại. Tôi nhận ra đôi môi cong hình cánh cung Thần tình yêu của bà lem màu đỏ sang những vết nhăn phía trên miệng như thế nào. Trước đây, tôi chưa bao giờ được nhìn thật gần điều này vì mẹ tôi cũng có nếp nhăn nhưng không bao giờ trang điểm. Tôi nghĩ bà ấy phải dành hàng giờ trước gương tô son lên những nếp nhăn bằng một cây chổi nhỏ xíu. Cần phải có một đôi mắt tinh anh và đôi bàn tay vững để làm việc này. Thế nhưng, có vẻ như bà chẳng có được thứ nào trong hai điểm này vì bà vẫn tiếp tục run rẩy và mắt thì nhìn tôi chăm chú như thể đã từng biết tôi.

– Bà ở căn hộ dưới nhà cháu, – tôi nói – Thỉnh thoảng, cháu nghe thấy bà mở nhạc.

– Ta không mở nhạc gì cả.

– Bà có mà.

– Không phải ta. Đây là một vị khách.

Tôi chưa bao giờ thấy khách nào nhưng hồi đó có phải ai cũng nhìn thấy ông bác Sándor của tôi đâu.

Chúng tôi đi lên thang máy.

– Bố cháu là người nói giọng lơ lớ phải không? - bà hỏi.

– Vâng ạ.

Cánh cửa thang máy lạch cách mở ra ở tầng hai.

– Chắc là cháu muốn uống với ta một ly rượu sherry^[5] chẳng - bà quay sang tôi nói lúc bước ra khỏi thang máy.

Tôi theo người đàn bà vào căn hộ, bước vào một không gian tranh tối tranh sáng. Bà rót rượu sherry vào một cái ly và một con nhện chết nổi lên lềnh bềnh trên mặt ly. Tôi thò mấy ngón tay vớt nó ra rồi vớt xuống sàn nhà, cạnh ghế tôi ngồi. Tôi liếm lớp rượu bên trong cốc với một vẻ thận trọng để thử xem mùi vị của rượu. Nó ngọt và hăng. Bà lặng im quan sát tôi vài phút. Tôi chẳng hề thấy phiền vì bố tôi vẫn hay làm thế. Đoạn, bà cố gắng mở miệng vài lần, vừa chuẩn bị thốt lên một từ thì đã ngưng lại. Thoáng chốc sau, bà lại bắt đầu và cuối cùng cũng cất được lời: “Sao cháu lại ăn mặc như thế?”

– Đây là đồng phục đi học của cháu.

– Ý ta là khi cháu không đi học kìa.

– Cháu không biết. Cháu chỉ mặc đồ có trong tủ quần áo.

– Cháu biết ta muốn gì không? Ta muốn gội đầu cho cháu đây.

– Sao ạ? Đầu cháu sạch mà.

– Ta muốn tạo kiểu tóc kia. Đi nào!

Người đàn bà nhẹ nhàng đặt bàn tay mình lên cánh tay tôi. Đôi mắt bà, đôi mắt màu xanh nhạt như có nước, toát lên nét

dịu dàng chứ không hề điên khùng. Bà giống như Bà cô già Havisham^[6] nhưng là Havisham của đường phố lộng gió, hỗn loạn, đầy hiểm nguy. Nếu bạn lớn lên ở Benson Court, bạn hiển nhiên sẽ thấy rằng mọi người đều khác biệt, hoàn toàn chẳng có ai giống ai. Người đàn bà ấy thật kỳ dị và bố mẹ tôi cũng vậy. Bà ấy vừa mỏng manh lại vừa mạnh mẽ; mỏng manh về thể chất nhưng vẫn đủ mạnh mẽ để chống chọi lại màn đêm.

Tôi đứng dậy, theo bà vào phòng tắm. Bà mở vòi nước và ấn nhẹ đầu tôi xuống chậu. Dòng nước chảy qua đầu tôi và tôi cảm thấy dầu gội lành lạnh trên da đầu. Những ngón tay đột nhiên trở nên mạnh mẽ của bà bắt đầu xoa đám chất lỏng thành bọt. Cả người tôi ngập trong một cảm giác nhôn nhột khoan khoái.

Khoảng vài phút sau, bà dùng khăn tắm lau đầu cho tôi rồi bắt đầu uốn tóc tôi quanh những ống cuộn lớn. Những ngón tay của bà biết chính xác những gì chúng đang làm. Tôi nhìn vào gương. Đầu tôi đã phồng ra với vô số ống lô kim loại lớn được ghim chặt bằng những cái kẹp.

– Giờ thì ngồi lại gần lò sưởi đi, – bà nói – chờ cho nó khô hẳn.

Một quãng thời gian rất lâu trôi qua. Bên ngoài, những tiếng nổ mỗi lúc một đình tai nhức óc hơn, lũ mèo gào thét âm ỉ vì hoảng sợ còn đám chó thì sủa như phát rồ. Bà đưa tay lên bịt tai và co rúm người lại sau tấm nệm. Những ánh chớp, tia lửa và một trận mưa ánh sáng xuyên qua tấm rèm cửa.

– Pháo hoa sẽ bắn hàng giờ ấy.

– Mỗi năm nó nổ mỗi lớn.

Sau cùng, bà tháo những ống cuộn và bắt đầu chải tóc tôi.

– Xem kìa – bà vừa nói vừa chỉ vào gương.

Tôi đã bước vào căn hộ này với một mái đầu đen rậm rạp,

những lọn tóc quăn, rối bù, được ép phẳng và nén xuống bằng những cái kẹp xước nâu và cặp trâm cài tóc làm bằng mai rùa. Giờ thì tôi có một mái tóc trông giống như đang đội một cái mũ đen láng mượt những gợn sóng. Tôi thấy mình thành ra hai nửa, một nửa ở bên trong còn nửa kia ở bên ngoài cái đầu của chính mình. Thoạt đầu, đó là một cảm giác xa lạ sâu sắc, một cơn khủng hoảng tâm lý mạnh đến nỗi tôi bắt đầu đứng không vững, ngã tới ngã lui trên những chiếc đế cao su của đôi giày đi học.

– Cháu thấy chưa? Khi mới bắt đầu, cháu chỉ là một đứa con gái khá xấu xí và nhợt nhạt nhưng giờ trông cháu hết như Elizabeth Taylor^[7] vậy. Ta sẽ cho cháu thấy cháu giống cô ấy như thế nào.

- Đây là cháu thật sao?
- Dĩ nhiên rồi. Đây mới thật là cháu.
- Cảm ơn bà.
- Có gì đâu, ta thích làm vậy mà.

Những tiếng pháo tắt dần, chỉ còn một tiếng nổ thoảng vang lên phá vỡ màn đêm.

Người đàn bà mặc áo khoác lên.

– Giờ thì ta có thể đi được rồi, - bà nói. Hai chúng tôi cùng rời khỏi căn hộ. Bà đi xuống bằng thang máy còn tôi leo bộ lên những bậc thang còn lại tới tầng nhà mình. Tôi nghe nói bà về nhà muộn hơn mọi khi rất nhiều, vào khoảng 7g30 sáng, vì bà đã khởi hành trễ vào tối hôm trước.

Mẹ tôi kêu lên thất thanh khi bà trông thấy tôi còn bố thì tái bệch đi. “Con đã làm cái gì vậy hả?” bà hét lên. “Ai làm thế này cho con?”

- Sao, giờ mà thành đồ đĩ thò ra rồi đấy phỏng? - bố tôi

mắng. - Mà đi với trai đấy à?

- Một đứa bạn gái cùng trường làm cho con, - tôi đáp. - Bố mẹ đừng có bắt con đi gọi đầu vì con không làm thế đâu. Con đã 17 tuổi rồi. Con sẽ làm những gì con thích.

Bố mẹ tôi lặng người. Họ không nuôi một đứa con gái để nó cãi lại bố mẹ như thế. Họ thấy tôi đang xuống dốc ở cõi đời này, nơi mà với họ, giống như một khu rừng tăm tối trong truyện cổ tích, đầy rẫy những bầy sói, những đám yêu tinh xấu xa và những loài vật gớm ghiếc khác của đêm trường Trung cổ châu Âu rình rập. Năm trước, ban nhạc rock Rolling Stones đã tổ chức một buổi hòa nhạc cách công viên Hyde Park vài bước đi bộ. Tiếng guitar và trống vọng đến tận Marylebone, qua cả những cửa sổ của Benson Court nơi bố mẹ tôi đang ngồi, nắm tay nhau, như thể tiếng nhạc là âm thanh của một đội diễu hành dẫn đầu một đoàn quân đến để xử bắn họ.

Ngày hôm sau, lúc đã tan học, tôi đến hiệu thuốc tây Boots, mua một thỏi son đỏ có vỏ màu vàng rồi thoa son lên môi mỗi tối lúc làm bài tập về nhà. Vài ngày sau, tôi đánh bạo bước vào thế giới của mascara sau khi được bà bán hàng chỉ cho cách sử dụng. Tôi chưa bao giờ dùng bất cứ thứ gì trong những món đồ trang điểm này khi bước chân ra khỏi căn hộ nhà mình. Thế nhưng, tôi đã bắt đầu dừng lại trước những cửa hàng quần áo và ngó nghiêng vào bên trong. Tôi cố gắng làm tóc theo kiểu mà bà Prescott đã tạo mẫu cho tôi nhưng không mấy thành công. Sau cùng, tôi tìm đến người thợ cắt tóc vẫn cắt cho tôi ba tháng một lần để hỏi xin lời khuyên. Cô ta bán cho tôi một chai dưỡng tóc để bôi sau khi gội đầu và còn chỉ cho tôi chỗ mua một chiếc máy sấy tóc giá rẻ đã qua sử dụng. Từ đó, tôi bắt đầu dành nhiều thời gian đuổi thẳng tóc.

Giống như Louis Jourdan trong phim *Gigi*, chính Gilbert, anh

họa sĩ chuyên vẽ tranh biếm họa cũng sống trong Benson Court, là người đầu tiên nhận ra cô gái nhỏ giờ đã lớn phổng phao. Anh ta mời tôi đi uống ở 4G và sau đó hút cần sa. Tôi đi xuống đại lộ Marylebone trong trạng thái phê lâng lâng và khoảng một giờ sau, tôi đã trải qua lần đầu trình trắng với Gilbert. Đó là một buổi chiều mưa xối xả làm ngập hết cống rãnh và sấm sét đã đánh trúng một chú chim câu trong khu vườn công cộng. Sau đó, anh ta làm cho tôi bánh mì nướng với mắm trứng cá tống rồi vẽ tôi cho bộ sưu tập phác họa riêng của anh ta. Tôi làm điều đó chỉ vì tôi đã đọc rất nhiều về tình yêu trong sách vở. Nhưng, nó không hề đem lại cảm giác mãn nguyện mà ngược lại, ứt át và khó chịu. Dù vậy, nó thu hút sự chú ý của tôi về những lần tiếp theo có khả năng xảy ra. Trong căn hộ đó, tôi đã sớm phát triển thành kiểu người mà người ta gọi là *người sành sỏi*.

Thiên hạ kháo rằng ta sẽ tỏa sáng một khi đã làm tình. Tôi ắt hẳn là như vậy vì giờ đây cả đám dê già trong khu nhà đã theo đuổi tôi. Bà vũ công ballet già về hưu thường ra ngoài ăn trưa hai lần một tuần tại nhà hàng Fountain Room của Trung tâm thương mại Fortnum & Mason để gặp gỡ hàn huyên với những người bạn cũ, ôn lại những ngày tháng xa xưa khi họ còn đóng vai nàng công chúa thiên nga Odette trong vở Hồ Thiên nga hay nàng Giselle trong vũ kịch cùng tên. Lão chồng “đại gia” của bà ấy rình mò ở các dãy hành lang để tìm gặp tôi. “Anh muốn cho em xem cuốn sách đầu tay của anh” - lão nói. Lão ta là một tên già béo ị chuyên thất cà vạt hồng và có một trong số những chiếc máy điện thoại trả lời tự động thế hệ đầu tiên mà vợ lão không biết dùng thế nào. Nhờ vậy, lão ta có thể sắp xếp được một đời sống tình ái phức tạp.

Tôi có kế hoạch theo học triết học ở trường đại học. Tất cả

bởi vì những suy nghĩ cô đơn trong phòng ngủ của mình. Nhưng rồi, tôi bắt đầu đóng vai các nhân vật trong tiểu thuyết độ đôi ba ngày để xem chúng có hợp với tôi không. Tôi ăn mặc như những nhân vật này, nghĩ như những nhân vật này, giả làm Emma Bovary^[8] đi loanh quanh mà chẳng biết tí gì về đời sống tỉnh lẻ hay nghề nông. Nhưng, sự buồn chán thì tôi hiểu rất rõ.

Lần cuối tôi gặp bà Presscot là lúc bà ấy đang loanh quanh ở bậc tam cấp, dáng vẻ trông mệt mỏi. Chỉ nhờ giờ khuya tôi mới có thể biết bà đang về nhà hay sắp đi.

– Ta đã làm được trò ảo thuật – bà nói, giọng mỏng tang như giấy lụa. – Giờ thì trông cháu khá hơn nhiều rồi đấy.

– Cháu cảm ơn bà.

– Ta nghĩ cháu nên ăn chút thịt đỏ. Cháu cần sắt và protein. Cháu sắp sửa trở thành một cô gái hết sức khỏe mạnh rồi. Đây là tạng người cháu, khung xương cháu. Cháu xuất thân từ gia đình nông dân.

– Cháu không nghĩ thế.

– Ô, đúng thế đấy. Ta khá chắc với cháu như vậy.

– Cháu đi cùng bà được không?

– Đi đâu?

– Nơi bà đang đến ấy.

– Không, cháu yêu ạ. Ta không muốn thế.

Rồi bà nhẹ nhàng đi xuống phố, nhanh hơn tôi nghĩ. Tôi đi theo bà một đoạn, đến phố Edgware rồi quay về. Tôi thấy bà đứng chờ dưới những ngọn đèn đường ở góc công viên Hyde Park. Mái tóc bà óng ánh dưới làn mưa phùn.

Mọi thứ đều được chiếu rọi bằng một thứ ánh sáng màu hổ

phách: những trụ đèn giao thông có vẻ như mãi mãi giữ cái màu hổ phách ấy. Tôi bỗng ngập trong một niềm hân hoan bất chợt hết như một người vừa tỉnh dậy sau cơn hôn mê. Đó là niềm vui thích được sống, một niềm khoái lạc.

“Bà Prescott,” - tôi gọi - “nói cho cháu nghe...” Nhưng bà ấy đã chạy qua đường và dù tôi có đuổi theo nhanh đến thế nào đi nữa, tôi cũng không thể bắt kịp bà. Đêm đó hay đêm khác cũng vậy.

Bà ấy là một nhà truyền đạo, một con người viễn chinh. Bà ấy là một nhà thám hiểm, là một nữ thợ săn, vinh quang đến với bà và vinh quang bà để lại cho tôi. Mười ngày sau đó, bà chết như một tấm vé tàu hết hạn, trên đường Edgware, tại góc phố Frampton, không một lời giải thích.

Mọi đồ đạc của bà Prescott được một người đàn ông mặc áo chèn da ố màu, đi ủng đinh đến dọn đi. Khi ông ta nhấc một chiếc rương, cái đáy mục nát của nó bung ra, vải đầy ra hành lang nào là lụa, xa tanh, nhung, nào là đồ thêu kiểu Anh, ren và cả lông cài mũ. Tất cả bày ra với đủ màu sắc, hết màu đào, màu mơ, màu nho đến màu mận. Một cơn mưa quần áo thời trang giàu sang trong phút chốc làm lóa mắt đến nỗi mẹ tôi liền chạy tới, vơ hết vào tay mình rồi phóng như bay lên cầu thang, đóng sầm cửa lại, đoạn thở dốc.

“Bà ấy biến mẹ thành kẻ cắp, kẻ đi trộm quần áo người chết, - mẹ tôi thì thâm - nhưng mà nhìn xem này, Vivien, xem chúng đẹp nhường nào! Mẹ chưa bao giờ thấy những thứ thế này trừ quần áo mấy minh tinh Hollywood khoác lên người. Lại đây giúp mẹ nào. Chúng ta có gì đây nhỉ? Cúc bằng vàng, à không, mạ vàng. Con mà cào là nó tróc ra đấy.” Một mùi hương của hoa lan chuông, những bông hoa thời tiền chiến xa xưa, dậy lên, át đi thứ mùi ảm mốc ảm vào chiếc rương.

Mẹ tôi ướm thử một chiếc đầm lên người nhưng khổ người bà rộng vượt ra ngoài đường chỉ may. “Quá bé! Mẹ biết mà. Chà, những thứ này tuyệt quá, bỏ đi thì phí lắm nhưng mẹ e là chúng không vừa với mẹ. Vivien, con phải thử đi. Để đi dự tiệc.”

Sau khi tôi đã khai thác hết mọi khả năng tận dụng đồ của bà Prescott và bắt đầu hình thành một khiếu thẩm mỹ về thế nào là trang phục nghiêm chỉnh, giản dị, thế nào là đồ cắt xéo, thế nào là váy dài ngang bắp chân, là áo khoác lửng, là quần lưng cao ống rộng kiểu Katherine Hepburn^[9], là áo độn vai phong cách Dietrich^[10], tôi bắt đầu thường xuyên lui tới những cửa hàng quần áo cũ, nơi mà thời đó người ta vẫn có thể dễ dàng tìm thấy những món đồ phù hợp cho mình dù chúng được tạo ra từ trước đó hàng kỷ nguyên. Cư dân sống trong nhiều khu nhà ở London chết đi, tủ quần áo của họ - những chiếc tủ đựng váy ren, mũ dạng quả chuông, hay đôi khi là tấm áo choàng lụa xếp li của nhà thiết kế Fortuny thuộc về chủ nhân là những cô gái mới lớn - được những người họ hàng đang đau buồn dọn trống trơn sạch sẽ rồi sau đó được những nhân viên dọn nhà mang đi, cũng chính những người đã đến dọn đồ của bà Prescott trước khi mẹ tôi nhanh tay chớp được.

Chúng tôi - những người say mê với thứ mà bây giờ người ta gọi là “thời trang cổ điển”, những người từ chối khoác lên mình những bộ cánh theo phong cách thời thượng kinh khiếp với ve áo rộng, thân áo thùng thình màu sắc nhạt nhạt, cổ áo khổng lồ và đều toàn có màu nâu hoặc cam - kín đáo chuyen tay nhau một vài địa chỉ nhất định cứ như thể đây là hang ổ của những tay buôn ma túy. Tiếp theo, chỗ được tìm đến nhiều nhất là những nơi ta bấm chuông cửa bên và được quẳng vào một căn phòng dơ dáy bản thủ nằm bên trên một cửa hàng, nơi hàng giá của bâu bị xếp bừa bãi với nhau: những bộ đồ lông

thú cũ mèm nằm bên cạnh áo vest hiệu Schiaparelli^[11]. Các chủ hàng biết chính xác họ có những gì. Họ là những người buôn bán quần áo cũ, những người bán đồ đã qua sử dụng. Họ không hiểu sao cả bấy các cô gái trẻ lại dạo lên cầu thang nhà họ và chìa ra những tờ bảng Anh gấp gập để trả cho những thứ rác rưởi vô dụng. Trong khi đó, những món hàng thời trang mới toanh luôn được trưng ra thoải mái ở cửa tiệm bên dưới. Chúng tôi hẳn là khá khùng điên hoặc nếu không thì cũng nghèo khổ rớt mồng tơi. Nhưng dân buôn bán bọn họ đủ thông minh để hiểu rằng một số nhãn hiệu nhất định luôn bán được giá hời. Việc chúng được gắn vào đâu, dù ở một chiếc áo cánh nhỏ hay một cái áo khoác mùa đông được may theo kiểu ăn chắc mặc bền không chạy theo mốt, không quan trọng. Nhãn hiệu mới là yếu tố quyết định.

Hầu như không có cái gọi là phòng thay đồ. Chỉ có một tấm rèm nhỏ được căng ra ở một góc cửa hàng. Sau một hồi tính toán góc của tấm gương trên trần nhà thẳng với một tấm gương khác ở bên ngoài vành đó, nếu sành sỏi việc này, ta có thể thay hết bộ này đến bộ khác mà thực sự không cần phải cởi quần áo lót.

Nơi mà tôi thường lui tới nhiều hơn cả là cửa hàng nằm trên phố Endell ở quận Covent Garden, phía trên một hàng thịt. Mùi thịt lợn, thịt cừu, thịt bò, gan và cật ám chặt vào quần áo đến nỗi ta phải đem giặt vài lần hay đem đi giặt khô mới có thể mặc được. Chủ cửa hàng quần áo cũ này là một ông lão người Ba Lan râu ria xồm xoàm, quanh năm suốt tháng đi ủng và mặc đồ da cừu trừ những ngày hè nóng bức tột độ buộc ông phải khoác áo vải tuýt và đội mũ lưỡi trai. Nếu ta lui tới thường xuyên, ông chủ già sẽ mời bạn một cốc rượu bắn thủ rót từ một chai sherry của đảo Síp và sẽ cười đầy vẻ hàm ơn khi bạn từ chối.

Tiếng Anh của ông ấy thật là tệ. Chẳng ai có thể hiểu nổi bất cứ từ nào mà ông ấy nói còn quần áo thì chẳng bao giờ để sẵn giá. Mỗi khi khách hỏi, ông ấy sẽ nhìn vào bộ đồ rồi quay sang nhìn khách, đoạn viết gì đó lên một mẫu giấy. Khách xem xong thì gật hoặc lắc. Ông ấy gói tất cả mọi thứ vào những bọc giấy nâu, buộc dây hằn hoi. Cảm giác cứ như là một bí mật khi đi xuống cầu thang với gói đồ cũ. Rồi sau đó về nhà, ta mở ra xem thực sự mình có được những gì, dưới ánh sáng bình thường chứ không phải là ánh đèn huỳnh quang trong căn phòng bừa bộn, ám khói và đầy mùi thối đó. Thường thì sẽ có những vết bẩn mà trước đó ta không nhận ra và đôi khi không giặt sạch được. Nhưng cuối cùng, ta có được một chiếc áo khoác nhỏ với cái mác thời trang danh tiếng CHANEL PARIS gắn bên trong.

Tôi mặc một chiếc đầm dạ tiệc bằng lụa crêpe de Chine đến trường đại học và ngay lập tức gây ra một ấn tượng nổi bật. Tôi nghĩ giờ thì cuộc sống mới bắt đầu. Và quả thực là như vậy.

5

Trong khuôn viên trường đại học trung thấp đúc bê tông nằm ở vùng ngoại ô “thành phố” York cổ kính (thực ra nó chẳng lớn hơn gì một thị trấn), tôi tỏ ra là một kẻ thời thượng trải đời, một dân London chính gốc, lớn lên ngay giữa trung tâm thủ đô, đầy tự tin và cá tính độc đáo. Nhưng bên trong toàn là những sợ hãi, dao động và khó hòa nhập với xã hội. Người ta bảo tôi có một kiểu thu hút xa cách, khó gần. Người ta cũng kể là đã bắt gặp tôi lang thang quanh hồ nước nhân tạo, nơi vịt và những giống thủy cầm khác sinh sống, hay những cánh đồng trống trải chạy dài đến tận chân trời. Nhưng tất cả những gì tôi cảm thấy lại là một nỗi cô đơn nhức nhối của những chân trời vĩnh viễn xám xịt một màu. Xa hơn về một phía của những chân trời đó là rặng Pennines^[12] với những ngọn đồi trọc lóc, trơ đất nâu, còn quay sang hướng Đông là Biển Bắc.

Dù thế nào chẳng nữa, tôi đã có một sự lựa chọn bất hạnh, hoàn toàn chịu ảnh hưởng bởi một thầy giáo, người chỉ đơn thuần giới thiệu cho tôi về sự tuyệt vời của khoa tiếng Anh. Tôi là một “con gà công nghiệp” chỉ quanh quẩn ở thành phố London. Quãng đường xa nhất mà tôi đã từng đi là chuyến đi từ London đến Brighton kéo dài 1 giờ. Trước đó, tôi chỉ mới thấy bò, cừu, ngựa, lợn và gà trên tranh ảnh. Những cánh đồng thường có màu xanh, đôi khi ngả vàng vào mùa lúa mạch. Các chuyến đi ra ngoài của tôi là đoạn đường nối trạm xe buýt với cửa trước khu chung cư Benson Court. Những công viên nằm rạp mình bằng phẳng như thể đang yên nghỉ và không tỉnh dậy

lại nữa.

Tôi không biết giải thích thế nào về người bố người mẹ là dân tị nạn của tôi, về cái áo chèn nỉ của mẹ, về bầu không khí đáng sợ của Benson Court, về bà Prescott, về Gilbert cùng những điều cần sa và tập kí họa của anh ta, về nỗi lo lắng bồn chồn không yên của mình đối với những khoảng không gian rộng mở và một bầu không khí trong lành. Quần áo của tôi giống như một cái vỏ cứng, một tấm giáp mà tôi dùng để bảo vệ cơ thể yếu đuối bên trong. Nhưng cách ăn mặc của tôi khiến một người chặn tôi lại lúc tôi đang dạo bộ quanh hồ vào một chiều thu muộn lộng gió và hỏi tôi có hứng thú gia nhập vào giới kịch nghệ hay không. Không phải với tư cách là một diễn viên mà là một nhà thiết kế trang phục. Không giấu được vẻ ngạc nhiên, tôi trả lời rằng mình không hề biết may. Nhưng chuyện may vá thực sự không phải là điều người ta đặt nặng. Nhiệm vụ của tôi đơn giản chỉ là lũng sục các cửa hàng bán đồ cũ. Vậy là chính tôi đã thiết kế trang phục cho vở diễn nổi tiếng *Câu chuyện mùa đông*^[13] vốn sống suốt nhiều năm trong ký ức của những người tham gia vì trạng thái vô cùng căng thẳng nhục dục mà nó thể hiện cùng với những chiếc vòng bạc, những chiếc khăn choàng tung bay trong gió và nhiều món đồ lòe loẹt rẻ tiền khác.

Chính thông qua giới kịch nghệ mà tôi đã học được cách làm thế nào để đạt được những kỹ năng xử lý khéo léo bản ngã xung đột, giằng xé giữa một bên là niềm khát khao mãnh liệt thầm kín và một bên sự hoảng loạn ẩn giấu ở bên trong. Giới đồng tính nam cho tôi sự can đảm dám sống đúng là con người thật Vivien, hay nói đúng hơn là phát triển cô gái ấy từ một con số không, từ nhiều chất liệu khác nhau để cho tôi tùy ý sử dụng. Tôi nghĩ mình đã trở thành một biểu tượng của “thế giới thứ

ba”, thành bạn tình ảo của dân đồng tính nam. Nếu họ định có một trải nghiệm cuối cùng với người khác giới để xác định chắc chắn về xu hướng tình dục của mình trước khi gắn bó với những gã trai khác thì người mà họ tìm đến sẽ là tôi. Tôi đã quá mệt mỏi với những chiếc khăn quàng cổ tung bay và những chiếc vòng bạc. Thế nhưng, tôi lại cảm thấy khá thoải mái với việc trút bỏ xiêm y và được dò xét kỹ với một thái độ tò mò xen lẫn chút khó chịu của một người đang nhìn ngắm phiên bản mẫu khác giới.

* * *

Một ngày hè cuối năm hai đại học, tôi đang nằm dài trong bồn tắm hút thuốc thì một anh chàng tóc vàng cao gầy học ở khoa Sinh hóa xộc vào, hết sức bức xúc muốn “giải quyết nỗi buồn” của mình trong khi đang đi trả sách giáo khoa cho một trong những người bạn cùng phòng của mình.

Anh ấy đã lựa chọn tôi chứ không phải tôi lựa chọn anh ấy. Một quyết định lựa chọn tức thì và dứt khoát:

Và anh thấy em ở đó, nằm dài bên cạnh bình hoa phi yến trên bệ rửa mặt. Khung màu đỏ của cửa sổ kính ố bẩn hắt bóng thành một đường nghiêng nghiêng chạy qua ngực em. Mọi thứ mờ mờ ảo ảo trong làn hơi nước. Em đang hút thuốc với những ngón tay dầm nước. Sơn môi dính trên đầu mẫu. Tay kia té nước lên người. Em trông giống hệt như trong một bức tranh của Modigliani^[14] mà có lần anh đã xem. Cả căn phòng như tan chảy thành màu đỏ. Lúc đó trong đầu anh chỉ thắc mắc mỗi một điều cô ấy là ai, cô ấy đang tư tưởng điều gì.

Chúng tôi thành một cặp không xứng với nhau lắm. Nhưng

thế thì đã sao? Nhiều cặp cũng vậy mà.

Anh chàng đó là Alexander Amory. Nếu để cho ta chọn lựa thì người con trai ấy dường như là người đặc biệt nhất: có đầu óc thông minh, bảo thủ và tự tin. Giờ thì tôi nghĩ anh hơi hơi hợm nhưng theo một cách hết sức phức tạp. Đôi khi anh vô cùng cứng nhắc, bất di bất dịch trong một số suy nghĩ nhất định, nói đều đều về khoa học và tiến bộ, về đề tài nghiên cứu protein của anh. Lúc khác, anh lại nằm dài trên trường kỷ, gác hai chân cao hơn hai cánh tay, đọc sách bên ngọn đèn bàn, cười khúc khích về một bài báo rồi đọc to một đoạn, nhại những lời phát biểu nực cười của các chính trị gia.

Có lần Alexander nói rõ anh không nghĩ môn học của tôi là môn học khách quan thực tế và theo anh, văn chương không phải là một môn học thực tế. Chẳng hạn như ta có thể nói về văn chương với một sự chính xác từng li từng tí nếu ta rút tĩa từ nó những ý tưởng về triết lý chính trị. Mỗi lần Alexander đọc một cuốn sách, tôi có cảm giác như anh ấy đang thọc tay vào chiếc bánh Giáng sinh, lựa ra phần ngon nhất, giơ ra ánh sáng và kiểm tra dò xét thật kỹ lưỡng trước khi cho vào miệng^[15]. Chịu ảnh hưởng dẫn dắt của sự phức tạp, rắc rối trong bản chất của con người, anh xem cuốn sách đó là không chính xác, hầu như là vô dụng. Anh cho cách đọc sách của tôi là hài hước. Bằng cách này hay cách khác, tôi cố gắng thâm nhập vào *trong* cuốn sách mình đọc và cảm nhận nó, thưởng thức nó. Tôi trở thành chính các nhân vật trong đó. Hiểu nghệ thuật là một điều quá nặng về trực giác đến nỗi Alexander không thể cảm nhận được.

Nếu tôi là một cây hoa lan được trồng trong nhà kính, phát triển ở môi trường trong nhà, ưa cuộn mình trước lò sưởi đọc sách vào mùa đông thì Alexander lại thích ngồi hàng giờ trong màn sương mù lạnh giá ngắm nhìn những con ngỗng Canada

trôi lên từ mặt hồ ở khuôn viên trường đại học, lắng nghe tiếng vỗ cánh của chúng đội lại khắp mặt hồ lổn nhổn băng tuyết. Rồi anh ấy về nhà, hà hơi lên mấy ngón tay và thử sáng tác một bài thơ. Đoạn, anh hỏi tôi: “Thơ văn là lĩnh vực của em chứ không phải của anh. Cho nên, em phải cho anh biết là em thấy thế nào? Em là chuyên gia mà.”

Alexander nói, anh thấy thơ khác hẳn với những câu chuyện sườn sượt trong tiểu thuyết và khẳng định những bài thơ do anh sáng tác là những tác phẩm giá trị, hay tài tình, đầy tính trừu tượng và ẩn chứa một thứ gì trong đó, giống như ánh sáng nứt ra một đường bên dưới khe cửa. Tôi thán phục anh nhưng không thích những bài thơ đó. Tôi chỉ thực sự thích thú khi anh cố mô tả những cấu trúc protein trong đề tài nghiên cứu của anh ấy. Alexander cho rằng thơ và protein hết sức giống nhau. Anh giải thích chúng giống những lớp băng dày đóng trên một ô cửa mùa đông như thế nào. “Giờ thì em thấy chưa?” - anh nói. Tôi chỉ hiểu được phần nào.

Điều mà tôi thực sự ngưỡng mộ Alexander là việc anh mê đắm tôi nhiều đến thế nào. Anh thú nhận chưa bao giờ từng gặp một ai giống như Vivien Kovaks. Chính thứ mà anh cho là thiếu logic ở tôi đã hấp dẫn anh. Cứ như thể tôi là một bài toán vô cùng khó, một phương trình toán học mà anh ấy cố gắng giải ra. Alexander luôn hỏi tôi về chính bản thân tôi, tìm mọi cách soi rọi trí thông minh lạnh lùng sáng sủa của mình vào mọi khía cạnh trong tính cách của tôi.

Chẳng hạn như: “Tất cả mọi đôi găng tay phong cách Fair Isle^[16] mà em mang cuối cùng đều có lỗ thủng ở đầu ngón tay” - Alexander vừa nói vừa nâng đôi tay tôi - “rồi sau đó em mua găng tay mới. Tất cả chỉ vì em không bao giờ cắt móng tay. Vì sao vậy, Vivien? Sao em không cắt móng tay? Đừng có nhìn anh

như thế. Không phải là anh phê bình em đâu. Anh chỉ muốn biết thôi mà.”

– Em không để ý nó dài thế nào. Đến lúc phát hiện ra thì nó đã quá dài rồi.

– Có lý do nào sâu xa hơn không? Chẳng hạn như em không thích để mấy ngón tay của mình bị nhốt trong đó?

– Không, chỉ là do em lười và quên cắt thôi.

– Thì anh cũng biết vậy rồi. Nhưng mà tại sao?

– Em cũng không biết nữa.

– Lúc nào em cũng mơ mộng lãng đãng. Anh chỉ muốn biết là em đang nghĩ gì?

Tôi đang nghĩ mình may mắn như thế nào khi thoát khỏi Benson Court, thả bộ xuống phố, tay trong tay với chàng trai này - một anh chàng người Anh tóc vàng, dáng người cao gầy, để râu quai nón theo một rất thịnh hành hồi đầu thập niên 70, đôi chân dài hẹp xỏ trong đôi giày ống da lộn kiểu nhà binh, mái tóc mỏng nhưng mượt còn đôi mắt thì có màu xanh lơ. Có một cái gì đó hết sức gợi tình về hình ảnh của Alexander mà chính bản thân anh rõ ràng không cố ý tỏ vẻ khêu gợi. Anh đã cứu tôi ra khỏi tay đám bạn trai đồng tính có nước da xanh xao vàng vọt của tôi, những người mà Alexander không phản đối một cách nguyên tắc nhưng cho rằng tôi đã đại dột khi cho phép mình trở thành một trạm thử nghiệm trong lĩnh vực khoa học khám phá thiên hướng tình dục.

Bố của Alexander là một cha xứ của hạt Hereford. Người thân của anh là kiểu người tôi chỉ mới biết qua sách báo. Họ hiện lên từ không gian hai chiều thành những con người bằng xương bằng thịt trong thực tế làm ta khó chịu, bức dọc. Chẳng hạn như mẹ Alexander có thú vui là nuôi một giống chó lông

dài và thích khoe chúng tại Hội thi chó Crufts^[17]. Ngôi nhà toàn mùi chó, mùi thức ăn chó và mùi nấm mốc. Họ toàn ăn những bữa ăn nhỏ đạm bạc với những lát thịt giảm bông màu hồng có những màng mỡ lớn màu trắng, khoai tây luộc, tủy hầm và bánh pudding gạo trắng miệng. Sau bữa tối, một người chị của Alexander chơi đàn xenlo còn một người chị khác chơi viola. Tất cả mọi người hoặc là gà gật theo hoặc là đọc bản nhạc. Tôi ngủ trong một căn phòng lạnh giá, cuộn mình trong một tấm chăn lông vịt, dưới tượng chúa Giê-su với hai cánh tay dang rộng, nhỏ máu cứng đờ ở trên tường phía bên trên giường tôi. Buổi sáng, bố của Alexander ăn trứng luộc lòng đào. Lòng đỏ trứng còn lòng màu vàng đậm dính li ti lên bộ râu của ông. Bà mẹ thì ôm một con chó trong lòng, hôn lên miệng nó. Chẳng ai mảy may chú ý đến chuyện này. Con chó le lưỡi liếm vào lưỡi bà. Người và chó vươn tới gần để liếm nhau.

Tuy nhiên, tôi không tài nào hình dung con trai của một cha xứ sẽ gặp gỡ người đàn ông đeo cặp kính bụi bặm, đọc những tờ *Radio Times* có vết đánh dấu và khoanh tròn ở những chương trình phát buổi tối như thế nào.

Chúng tôi đón một chuyến tàu đi London và tôi dẫn Alexander đi qua cửa trước tòa nhà Benson Court. Trước đây, tôi chưa bao giờ để ý đến các loại mùi ở đây, nào là mùi nước tẩy rửa, mùi mồ hôi của những nữ nhân viên tạp vụ quét dọn và hương anh đào của mẹ tôi trong căn hộ nhà mình. “Em gần như được sinh ra ngay tại cái thang máy này” - tôi nói với Alexander khi chúng tôi đang đi lên. Buồng thang máy màu gụ trông giống như một cỗ quan tài lộn ngược. Anh vươn hai bàn tay ra chạm vào các bên của thành buồng rồi buông lời nhận xét: “Cái ‘dạ con’ này, cái lồng ấp này của em lớn gớm nhỉ! Tốt ghê!”

Bố mẹ tôi lặng câm trước sự xuất hiện của chàng thanh niên lịch lãm người Anh có những nếp nhăn dọc theo khóe miệng hằn sâu mỗi khi cười, đôi chân ống sậy vắt chéo trên chiếc ghế rẻ tiền trong lúc anh kiên nhẫn giải thích về những protein và những gì anh đang làm với chúng.

“Thế nó có biết gì không?” - bố tôi xuống nhà bếp thì thầm hỏi. Tôi đang ở trong bếp giúp mẹ xếp bánh bông lan cuộn mua sẵn ngoài tiệm lên đĩa và lau sạch bụi một chiếc cốc uống rượu đi kèm với miếng lót cốc, phòng khi Alexander muốn uống một chút gì và một trong số ba người trong gia đình tôi sẽ phải chạy ra cửa hàng mua một chai gì đó.

“Biết tường tận, thưa bố” - tôi đáp. Alexander đã hỏi tôi về cái họ Kovaks và thắc mắc liệu tôi có họ hàng gì với gã chủ nhà trọ ổ chuột khét tiếng tên Sándor Kovacs hay không. Anh biết câu chuyện về Sándor Kovacs vì nó đã được đài báo đưa tin nhưng Alexander quả quyết với tôi rằng trong đầu anh không hề có ý nghĩ cho rằng giữa tôi và người đàn ông kia có mối quan hệ gì với nhau. Anh nói cái họ Kovaks chẳng liên quan gì với cái họ Kovacs. Ý nghĩ cho rằng hai họ này có quan hệ huyết thống với nhau là một suy đoán mê muội như thời Trung cổ. Và chắc là anh biết vì anh quan sát máu dưới kính hiển vi.

Khi bố tôi ở độ tuổi 58-59, ông đã cố gắng bằng mọi giá đổi họ của toàn bộ gia đình chúng tôi từ Kovacs sang Kovaks thông qua một chứng thư có duy nhất một đương sự ký. Ông nói với mẹ tôi: “Anh chỉ đổi duy nhất một ký tự. Giờ thì chúng ta chẳng có dây mơ rễ má gì với hần nữa”. Bố tôi nghĩ ông đang đánh lừa ai cơ chứ? Chắc chắn là lừa chính bản thân ông. Mẹ tôi không bao giờ thực sự nuốt nổi chuyện đó và vẫn giữ tên mình như cũ. Bố tôi thì khó tính hơn. Ông giải thích với tôi lý do mẹ không muốn đổi họ là vì bà không biết đọc. Bố cưới mẹ con rồi

mà tới giờ bà ấy vẫn không biết đánh vần tên bố là gì. Ông cười lớn và nháy mắt với mẹ tôi còn bà thì phớt lờ, không thèm để ý đến những gì bố nói.

Tôi chỉ cho Alexander thấy chữ “k” và chữ “c” khác biệt giữa hai cái họ nhưng khi tôi xin cấp hộ chiếu để đi nước ngoài, chuyến đi nước ngoài đầu tiên của tôi (một tuần ở Paris, chứ còn nơi nào khác nữa), anh đã nhìn thấy giấy khai sinh của tôi.

– “K” hay “c”, chữ nào nào? – Alexander hỏi – “Anh sẽ không trả cho em chừng nào em chưa giải thích rõ cho anh.”

Thế là tôi buộc phải giải thích về ông bác của mình, người đàn ông mặc đồ vải nỉ angora đi cùng một cô gái điếm mặc đồ họa tiết da báo.

– Rồi nó phản ứng thế nào? – bố tôi hỏi giọng căng thẳng, mắt đăm đăm nhìn quanh cánh cửa nhà bếp, cảm thấy không thoải mái trước sự hiện diện của một người lạ trong căn hộ của mình. – Thế nó có muốn tiếp tục hẹn hò với con không?

– Vâng có. Anh ấy dường như chẳng quan tâm chút nào.

– Thế nó có biết chuyện đi tù và tất cả mọi thứ khác không?

– Vâng biết hết.

– Con có chắc là nó hiểu không?

– Có mà bố.

– Thôi được. Giờ thì tốt hơn là con nên dính chặt với nó. Con không thể nào biết thằng con trai tiếp theo nào về sau phản ứng như thế nào đâu. Nói với nó là lúc nào gia đình mình cũng chào đón nó.

Cả hai chúng tôi đều bắt đầu làm luận án sau đại học. Tôi nghiên cứu về những nhân vật phụ của nhà văn Charles Dickens, những nhân vật bị xem là “kỳ cục” mà tôi cảm thấy quen thuộc từ trải nghiệm của riêng mình lớn lên trong môi

trường tại Benson Court. Tôi cứ mơ mộng vẩn vơ và lười biếng cho nên việc viết luận án tiến triển chậm chạp. Trong khi đó, Alexander lại chạy đua để hoàn thành luận án của mình với một phong thái làm việc chăm chỉ, kỷ luật, vùi đầu suốt 12 tiếng mỗi ngày trong nhiều ngày trời ở phòng thí nghiệm và thư viện.

Anh được mời làm việc ở đại học Johns Hopkins ở Baltimore, bang Maryland, Mỹ với tư cách là một thành viên của nhóm nghiên cứu. Anh hỏi tôi có đồng ý cưới anh không. Lời cầu hôn trình trọng đó được đưa ra trong bữa ăn tối tại một nhà hàng Italy có rượu và có cả màn tặng nhẫn - một chiếc đính hạt kim cương nhỏ xíu. Alexander không muốn đi Mỹ mà không có tôi đi cùng. Anh nói tôi là ánh sáng của cuộc đời anh, là một con khỉ đen nhỏ đẹp kỳ lạ có những ngón tay cong lại với niềm thích thú khi cô ấy vui sướng và tranh luận với một niềm đam mê tinh lạnh không nói ra về những gì cô ấy quan tâm: văn chương, quần áo, màu son môi. Với anh, tôi là một cô gái nghiêm trang mà nhẹ dạ, đầy hứng thú và gợi tình, quyến rũ, phải nói là vô cùng quyến rũ, v.v... Tôi thốt lên: “Có phải đây là cách anh thực sự nhìn nhận em không?”. “Ừ.” - anh đáp, ngạc nhiên vì tôi không hiểu đó chính là con người tôi. Tôi có thực sự cần anh trở thành một tấm gương cho tôi soi hay không cơ chứ?

Bố tôi lo lắng về nhiệm vụ đặt tôi tới trao cho chú rể trong lễ cưới tại nhà thờ, về việc đi giữa hai bên dãy ghế trong bộ cánh đuôi tôm đi thuê khi mọi con mắt đều đổ dồn về phía ông. Ông căng thẳng đến nỗi điều đó làm cho ông phát ốm. Ông bắt đầu mọc một cái nốt độc và lo lắng về nó.

Ông nói với ông chủ của mình là Axelrod: “Ông biết không, tôi không thích điều đó tí nào. Tôi không có giấy chứng nhận

rửa tội giống như chúng tôi đã làm một cái cho Vivien khi con bé mới chào đời. Nó có đủ giấy tờ, còn tôi thì không. Đó là điều mà anh không nên làm nếu anh không có giấy chứng nhận. Người ta có thể dựa vào đó mà nói những lời lẽ không hay về anh.”

Bố tôi gắn sai đá quý vào một chiếc vòng cổ. Thay vì gắn kim cương, ông lại gắn ngọc bích màu xanh lơ. Đây là lần đầu tiên bố tôi nhầm lẫn trong gần suốt 40 năm làm việc trung thành cho duy nhất một công ty. Ông chủ Axelrod của bố tôi nói đám cưới đang ám ảnh đày đọa ông. Axelrod cho rằng bố tôi đã phát ốm vì lo lắng. “Theo chỗ tôi nghĩ, anh đang gặp vấn đề về tâm lý. À mà nhân tiện đây cho tôi hỏi Hereford là ở đâu ấy nhỉ? Herefordshire thì tôi có nghe rồi nhưng Hereford thì chưa bao giờ nghe đến. Con bé cưới để làm gì kia chứ? Nó còn quá trẻ cơ mà,” - Axelrod bình phẩm với bố tôi về đám cưới.

– Tôi đã nói với ông rồi. Thằng bé ấy có một công việc ở Mỹ, làm ở một phòng thí nghiệm.

– Có phải nó sắp tìm ra cách chữa bệnh ung thư không?

– Ông cũng biết à? Chính xác là như vậy đấy. Để tôi nói cho ông biết nhé, nó làm trong một nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu chữa bệnh ung thư.

– Đội nhóm kiểu như trong bóng đá hay cricket chứ gì.

– Vâng, nhưng đây là một kiểu đội nhóm khác, nhóm nghiên cứu khoa học. Lúc mà họ hoàn thành, tất cả mọi căn bệnh đều sẽ không còn gây chết người nữa, đơn giản là như vậy đấy.

– Thế thì đến lúc đó, con người sẽ chết vì cái gì?

– Làm sao mà tôi biết được! Có lẽ khi đó chúng ta sẽ trường sinh bất tử.

– Ý anh nói là tôi sẽ phải chịu đựng anh vì anh làm ở đây mãi mãi à?

– Cái gì, bây giờ ông định đuổi tôi chỉ vì tôi sống bất tử sao?

Tôi phải tự mình đi dọc xuống hai bên hàng ghế trong nhà thờ. Bố tôi sẽ nôn đầy ra váy cưới của tôi nếu tôi bắt ông phải làm cái việc đầy thử thách này. Thế là hoàn toàn chỉ có một mình, tôi bước đi trong bộ váy cưới dài bằng xa tanh màu xám, tới chỗ chú rể của mình, trong khi anh đứng đợi ở đó với bộ comple mới, tóc cắt sát gáy, má cạo sạch sẽ.

Vậy là xong. Bố tôi ngồi xuống đánh thụp và cầm tờ giấy in bài hát thánh ca của mình quạt lấy quạt để. “Berta này” - ông thì thầm với mẹ tôi - “tất cả mọi rắc rối của chúng ta đã qua hết rồi. Giờ thì chúng không thể chạm tới chúng ta được nữa.”

– Xin anh đấy, Ervin! - mẹ tôi đáp - đừng có mà đi khoe khoang với ông anh của anh về việc này đấy nhé.

* * *

Bố mẹ tôi mua cho chúng tôi vé đi hưởng tuần trăng mật, xem như là quà cưới. Điều này thật cảm động vì bản thân họ chưa bao giờ đi nghỉ ở đâu, hầu như chưa bao giờ rời London suốt gần 40 năm chứ đừng nói đến chuyện ra nước ngoài, ngoại trừ nơi mà họ đã rời đi để đến Anh. Nhưng làm cách nào mà họ có thể tìm được một khách sạn và biết được nơi nào lý tưởng để hưởng tuần trăng mật? Còn việc sắp xếp cho chuyến đi thì sao? Ý tưởng tổ chức một tuần trăng mật như thế nào có thể xuất phát từ những chương trình ti vi. Bố mẹ tôi biết trăng mật chắc chắn phải có món cocktail, có những ly sâm panh và có những buổi ngắm hoàng hôn gần như hiển nhiên là ở một

bãi biển nào đó hay chỉ ít là cũng tại một nơi có khung cảnh nhìn ra biển. Họ nhất định chọn nơi có cảnh biển. Từ trước đến giờ, bố mẹ tôi mới chỉ thấy nước chảy ở một nơi không phải trong bồn tắm của mình có một lần. Đó là khi họ có một chuyến đi biển dữ dội băng qua Eo biển Anh hồi trước chiến tranh. Họ ở dưới boong tàu suốt cuộc hành trình, thỉnh thoảng liếc vội đây vè kính hải qua ô cửa sổ ở mạn tàu để nhìn ra ngoài mặt biển đen cuộn cuộn sóng. Nhưng bố mẹ tôi biết rằng biển không phải là như vậy. Chẳng hạn như phải có một loài cây họ cọ nào mọc ở đó dù họ không thể quyết định đó là cây gì: chà là, dừa hay là chuối?

Sau nhiều đêm bàn bạc, bố tôi quyết định đi đến một việc mà đối với ông là một bước đi lớn: ông quay sang những người duy nhất mà cả hai biết có thể giúp đỡ được họ. Đó là những người hàng xóm vui mừng hồ hởi, đặc biệt là những người sống lâu năm ở Benson Court vốn đã từng chứng kiến tôi lớn lên như thế nào, nô đùa âm ỉ một mình ở các dãy hành lang trải thảm, tinh nghịch nhấn nút thang máy và chạy vòng quanh khu vườn công cộng trong thế giới tưởng tượng của tôi ra sao.

Gilbert, người đã lấy đi trình tiết của tôi và vui mừng chuyển tôi cho một anh chồng, đã thu xếp một cuộc họp tại căn hộ của anh ta để quyết định nơi chúng tôi sẽ đi hưởng tuần trăng mật. Bà nữ diễn viên ballet đã có mặt ở đó. Rồi tiếp đến, lão chồng “đại gia” của bà ấy, cô phát thanh viên đài BBC và một vị bác sĩ phẫu thuật chỉnh hình bước vào. Một số người quan tâm và có đầu óc bảo thủ cũng đến. Cả thảy có 10 người, không tính bố mẹ tôi - hai con người chưa một lần nào đặt chân sang căn hộ của người khác trong khu chung cư. Họ hoàn toàn chẳng hề biết những người khác đã sống dưới cùng một mái nhà theo cách này: với bàn uống cà phê, bộ chén bát ăn tối, tranh, thảm,

đồ trang trí, rèm thêu kim tuyến, trường kỷ bọc vải hoa sặc sỡ, giá sách, tủ chè và tua trang trí.

Sau một hồi tranh luận kịch liệt - hết hai bình cà phê và một bầu rượu mà bố mẹ tôi không hề đụng đến nhưng thay vào đó là ăn chocolate đen nguyên chất bọc giấy bạc - họ chọn Riviera của Pháp, đặc biệt là Nice, khách sạn Negresco. Rồi một cuốn sách quảng cáo mỏng với chú thích về giá cả được gửi đến bố mẹ tôi. Cả hai cùng đặt tay lên ngực như thể họ sắp lên cơn đau tim rồi kêu lên thất thanh bởi sốc trước biểu giá. Tiếp đó là thư từ, điện tín và giấy đặt cọc tiền. Họ đặt ba đêm nghỉ tại một căn phòng nhìn ra biển và có ban công, kèm ăn sáng và một bữa tối.

Gilbert nói:

- Được đấy. Cô ấy sẽ thích cho mà xem.
- Nơi mà con sắp đến nổi tiếng lắm đấy - bố tôi nói. - Đó là tất cả những gì con cần phải biết. Chà! Nổi tiếng!
- Nổi tiếng để làm gì kia chứ? - Alexander hỏi khi chúng tôi xuống một chiếc taxi và đi vào sảnh khách sạn. - Để trở thành thô bỉ à?
- Nhưng em thích nơi này - tôi đáp, mắt nhìn quanh.
- Cái gì cơ? Em thích cái gì?

Tôi thích tất cả mọi thứ: quầy bar ốp gỗ, những cái đèn chùm nặng trĩu, những tấm thảm thêu, tháp thủy tinh rượu whisky, một không khí ăn chơi xa xỉ, sang trọng và chây lười hưởng thụ. Tôi thích một đứa bé khó chịu mặc áo khoác lông chồn nhỏ xíu đang thơ thẩn dạo chơi phía trước tượng điêu khắc tác phẩm cẩm hoa; thích những phụ nữ tóc vàng mặc đồ vải tuyết, đeo ngọc trai giản dị, ngồi trong ghế bành có bọc nhung ở tay ghế để nhâm nhi cocktail; thích tên của những

món ăn trên thực đơn đặt ở một cái khung mạ vàng ngoài phòng ăn.

Và hơn hết thảy, tôi thích hình ảnh phản chiếu của chúng tôi trong gương mỗi khi chúng tôi đi ngang qua: một anh chồng trẻ người Anh mặc áo sơ mi trắng để hở cổ, khoác áo vest vải linen màu xanh da trời, sánh vai cùng cô vợ ngăm đen thích thoa son đậm ở môi trên và có đôi mắt màu nho khô. Làn da tai tái cô ấy được bù đắp lại bằng đôi môi son đỏ tươi. Cô ấy mặc một chiếc áo khoác len nỉ boucle, váy ngắn bằng vải nhiễu màu xanh đậm và đi giày hai màu.

– Giờ thì em vui như cá gặp nước rồi đấy nhé! – Alexander nói – Em ăn mặc rất hợp với khung cảnh ở đây.

Chúng tôi tản bộ dọc theo vịnh Các Thiên thần^[18]. Tôi nghĩ thầm giờ thì mình đã thành người có gia đình, giờ thì mình là bà Vivien Amory chứ không phải là cô Vivien Kovacs nữa. Và, mình đã được tự do. Thế nhưng, tôi vẫn không hiểu hết vì sao Alexander lại say mê tôi. Dù anh có phản ánh thật chi tiết về con người tôi đi chăng nữa, tôi cũng không tài nào hiểu thấu.

Tôi hỏi anh:

– Sao anh hết sức chắc chắn là mình sẽ thành đôi khi anh tình cờ gặp em ở bồn tắm hôm đó vậy? Làm cách nào mà anh biết chắc ngay từ lần đầu tiên?

– Chúng mình rất có duyên có nợ với nhau. Chúng mình là ông và bà Amory, – Alexander vừa trả lời vừa vòng một tay ôm tôi rồi đặt một nụ hôn lên đỉnh đầu tôi. Nhiều khách bộ hành mỉm cười với chúng tôi vì rõ ràng vầng hào quang hạnh phúc tân hôn vẫn còn tỏa ra từ anh và tôi. Alexander lại tiếp tục giải thích cho tôi: “Thế hệ nào của dòng họ Amory cũng cưới người tóc vàng cao ráo. Thế là dòng họ nhà anh cứ mỗi ngày một dài

ra, trắng ra cho đến khi mọi người trông giống như những con giun. Khi anh sắp sửa học đại học, bố anh mới bảo ‘con có thể hạ thấp chiều cao đó được không? Và nhớ tìm lấy một chút máu đỏ cho huyết quản nhà ta’. Vậy là em xuất hiện. Ngay ở đó, đang tắm. Dĩ nhiên là em hoàn toàn chẳng như những gì bố anh hình dung trước đó trong đầu nhưng anh không thể ngừng yêu em.”

– Thế bố anh hình dung gì vậy?

Đáp lại câu hỏi của tôi, Alexander chỉ cười vang.

6

Buổi trưa. Benson Court tĩnh lặng. Bà vũ công ballet già về hưu đã thức dậy sau một giấc ngủ ngắn. Hôm đó không phải là ngày bà ra ngoài ăn trưa tại nhà hàng Fountain Room còn lão chồng “đại gia” của bà thì đang ngồi trong thư phòng viết thư cho những cô bồ nhí của lão. Gilbert đang làm việc. Anh chàng họa sĩ vẽ tranh biếm họa quen quẹt đưa những nét bút mực dày vẽ khinh thị, hiểm ác lên một mảnh giấy. Gilbert muốn cho con mắt của ông thủ tướng lồi ra thêm nữa. Anh thấy ghét họ, những chính trị gia. Với anh, tất cả bọn họ, dù béo hay gầy, cũng đều là phường dối trá và lừa gạt. Bố tôi vẫn đang cặm cụi làm việc ở khu phố kim hoàn Hatton Garden, sắn soi những viên kim cương qua con mắt đeo kính lúp phóng to. Đố ai biết được những gì chạy qua đầu ông suốt hàng giờ ngồi dính chặt bên chiếc bàn với những cục than chì lạnh lẽo?

Tôi cố đọc một cuốn sách, cuốn sách mà tôi đã đọc qua rồi. Đôi lúc bỗng dưng tôi khóc rồi lại lấy tay áo quẹt nước mắt. Những kỷ niệm về thành phố Nice trở nên hao mòn thành những miếng vàng dát mỏng. Đôi mắt Alexander mở to nhìn tôi dưới hàng lông mi hoe vàng lúc anh chết. Đôi mắt giờ đã được khóa chặt trong một chiếc hòm còn chiếc hòm thì nằm trong một cái lỗ dưới lòng đất. Và một số biến đổi của cơ thể Alexander đang diễn ra. Anh đang được tái tạo lại, quay trở về thành những protein và các protein này sẽ nuôi dưỡng đất, nuôi dưỡng những cây thủy tùng của nghĩa trang, những cây bồ công anh và những cây hoa hồng được trồng trang trí ở cổng

vào. Gò đất bên trên cơ thể anh sẽ nhẹ nhàng lún xuống. Chẳng bao lâu sau, xương sườn của anh sẽ tiêu tan bên dưới lớp đá cẩm thạch.

Alexander đã chết. Anh chết ngay đêm thứ hai của tuần trăng mật, trong một tai nạn khủng khiếp. Con người ta sơ suất: nhìn sai hướng lúc băng qua đường hay súc miệng bằng nước tẩy thay vì bằng nước súc miệng. Ôi, ngớ ngẩn làm sao những cánh cửa khép hờ giữa sự sống và cái chết. Cái mong manh vô cùng của sự sống đều hiện diện ở khắp mọi nơi quanh ta cứ như thể ta bước mãi không ngừng trên sàn nhà đang vỡ ra răng rắc.

Chàng trai đẹp đẽ đó đã chết và sẽ không bao giờ dậy trở lại nữa. Tôi không thể tin được, cứ đứng trân ra giữa bao nhiêu người cùng đổ mắt nhìn Alexander. Anh nằm đó, bất động, câm lặng và mãi mãi không chuyển trò. Tôi vẫn còn ướt sau màn ái cuối cùng với anh trên chiếc giường trăng mật. Quần áo của tôi và anh vút lung tung vương vãi khắp sàn và đôi giày đỏ cao gót mũi nhọn vướng víu vào tấm trải giường gây phiền toái bực bội.

Tôi vui trước việc mình vẫn còn lưu giữ chút hình ảnh về Alexander vì anh chỉ để lại một vết dấu thoáng qua ngắn ngủi và không sâu đậm trên cuộc đời này. Thế nhưng, nhiều năm sau, sau tất cả mọi thứ xảy ra kể từ ngày anh mất, rất lâu sau đó, đôi lúc trước khi đi ngủ, tôi vẫn thấy khuôn mặt anh với đôi mắt nhỏ màu xanh lơ, mái tóc mỏng và nụ cười mỉm. Tôi vùi mặt vào một cánh tay áo rộng.

Tôi trở về nhà một mình, trở về căn hộ khép kín đầy mùi bấp cải luộc ấy. Bố mẹ tôi còn sốc hơn cả tôi. Họ lo biết đâu còn có một điều đáng sợ hơn nữa xảy ra. Cứ như là cảnh sát thành linh xuất hiện và bắt tôi vì tội ít nhiều có liên quan đến vụ sát hại

một quý ông người Anh thật sự.

Mẹ tôi nói: “Con biết không, thời chiến tranh con không thể biết mình có sống được đến cuối tuần hay không. Bom đạn ác liệt lắm.”

Ông lão Trung Hoa bằng ngà cầm cần câu gỗ mun - cái lão tượng đã vàng vọt theo thời gian, đã có lần bị vỡ và được đôi bàn tay khéo léo bậc thầy của bố tôi sửa lại một cách tinh tế đến nỗi không thể nhận ra dấu vết nứt vỡ - đang nhìn tôi bằng cặp mắt đen nhỏ xíu. Lão Simon ấy từng nói đủ thứ trong đầu tôi nhưng sau đó thì nín lặng suốt nhiều năm. Ngay lúc này đây, lão lại tìm được giọng nói của mình: “Bà ấy sắp sửa nói tới một điều gì đó tồi tệ lắm đấy. Hãy chú ý nhé cô bé!”

- Thật vậy ư, mẹ? Con cứ nghĩ mọi chuyện hầu như chỉ xảy ra ở Khu Đông^[19] chứ?

Tôi đốt một điếu thuốc. Kể từ khi từ Nice trở về, tôi hút thuốc rất nhiều. Các khớp ngón tay tôi ám khói vàng khè còn móng tay thì bị tôi gặm cụt sát đến chân móng. Mẹ tôi cứ phải liên tay xoa bớt khói thuốc. Cả bố và mẹ đều cho đó là thói quen “dơ dáy” nhưng tôi vẫn cứ tiếp tục lấp đầy gạt tàn bằng với những tàn thuốc và đầu mẫu dính sơn môi đỏ tươi của mình.

- Không, không, không đâu. Nó có mặt ở khắp mọi nơi, - mẹ tôi đáp. - Giờ thì mẹ nghĩ về điều đó nhiều lắm, vì những quả bom của Ireland.

- Con cũng nghĩ vậy - tôi đáp, cố giữ khói thuốc trong phổi mình càng lâu càng tốt. Tôi cảm thấy một nỗi khoái cảm khổ dâm khi những tế bào trong tôi bị đốt cháy.

- Đúng là như vậy đấy. Con biết không, thời gian đó thật là khủng khiếp. Khủng khiếp lắm - mẹ tôi nói tiếp - ta phải có nghĩa vụ chăm lo cho bản thân mình trước nhất.

– Vâng - tôi ậm ừ trả lời.

– Bất cứ một phụ nữ nào nghĩ đến chuyện sinh ra một đứa trẻ trên đời này cũng đều phải suy đi tính lại trong những hoàn cảnh như thế.

– Con cũng đoán thế.

Những lời của mẹ tôi cứ thì thầm giống như đủ thứ âm thanh của chính Benson Court: tiếng khò khè của những đường ống, tiếng cọt kẹt của ván sàn, tiếng khép vào, mở ra của các cánh cửa dọc những hành lang, tiếng hỗn hển của thang máy chạy lên, tiếng ken két của cánh cửa kim loại mở ra, đóng vào ở thang máy - những âm thanh là đời sống và linh hồn của tòa nhà. Còn căn hộ này - căn hộ với bộ trường kỷ bọc da nâu, giấy dán tường đã bạc màu đến mức khó có thể nhìn thấy hoa văn tre trúc trên đó, ván sàn gỗ sồi được phủ thảm rẻ tiền, tủ chè trống trơn chẳng có lấy một cái chai hay bình thon cổ đựng rượu, cũng chẳng có bộ chén bát ăn tối nào trưng bày trong đó, những tấm màn nhung thậm chí còn bạc màu hơn cả giấy dán tường - chẳng có một thứ gì chứng tỏ nó là một mái ấm chứ không phải là một cái nhà cho thuê rẻ mạt. Tất cả đều cũ kỹ, tồi tàn ngoại trừ bức ảnh màu đóng khung chụp tôi trong bộ mũ áo tốt nghiệp màu xám, tay cầm chặt bằng tốt nghiệp được cuộn tròn. Bức ảnh được chụp bằng máy của Alexander. Bên phải tôi là một con ngỗng Canada đang cố đạp lên lưng một con mái đứng trên bãi cỏ cạnh cái hồ nhân tạo.

Lão người Trung Hoa nhắm mắt lại ngủ sau khi đã cảnh báo tôi về một ẩn ý đang diễn ra trong căn phòng này.

– Chẳng hạn như nếu phát hiện mình có mang thì ta có thể phải suy nghĩ về tình hình của mình khá là cẩn thận đấy, - mẹ tôi nói.

Tôi ngược nhìn lên. Mái đầu của bà vẫn còn cúi xuống chiếc tất nâu.

– Phải vậy thôi. Ta có thể sẽ phải tự hỏi bản thân xem mình có chịu đựng nổi tất cả mọi chuyện hay không, liệu đứa bé có chết cùng với nỗi sợ hãi trong ta hay không vì bom lúc nào cũng dội xuống. Đứa bé đó sẽ chẳng muốn ra đời chút nào.

– Chuyện này đã xảy ra với ai rồi hở mẹ? – tôi hỏi.

– Ai ư?

– Vâng, với ai vậy mẹ?

– Nhưng mà cái gì xảy ra mới được chứ?

– Những gì mẹ đang nói đến ấy.

– Không phải mẹ đang nói chuyện vặt vãnh đâu. Mẹ chỉ quan sát và thấy thế thôi. Thời chiến tranh, bố mẹ phải ăn những thứ thật là khủng khiếp. Không hề có hoa quả tươi. Chỉ có chút thịt. Bố con thấy khó mà làm được món gì vì không có bơ. Chanh cũng không có nốt để mà pha trà. Mẹ nghĩ đối với bố con, đó là điều tồi tệ nhất. Cà phê thì tôi hết chỗ nói. Hồi đó, mẹ nghĩ, bố mẹ chỉ có toàn rau diếp xoăn thôi.

– Mẹ con mình đang nói về chuyện con cái mà.

– Ờ phải. Đúng là mẹ con mình đang nói về chuyện đó. Nếu một người nào đó chuẩn bị có con nhưng không phải trong một tình huống tốt thì người ta cần phải cân nhắc nên làm cái gì.

– Ý mẹ nói là phá thai à? Thế không phải thời chiến tranh phá thai là trái pháp luật sao mẹ?

– Có chứ. Dĩ nhiên là trái pháp luật chứ. Đó là một tội vô cùng nghiêm trọng. Người ta có thể bị đi tù nếu làm vậy.

– Thế người ta làm gì?

– Họ làm những gì phải làm – mẹ tôi nhún vai, trả lời.

– Sao bây giờ mẹ lại nói với con chuyện này?

– Ô, Vivien! Mẹ chỉ muốn nhắc con nhớ rằng có một số điều cần phải suy xét từ mọi góc độ.

– Sao lại là con?

Cuối cùng, mẹ tôi ngược nhìn lên khỏi chiếc tất nâu. “Con có ngốc nghếch không đấy, Vivien? Mẹ thì không đâu.”

– Nhưng mà con không...

– Chẳng lẽ con nói dối mẹ? Hay là con cũng dối luôn với cả bản thân mình?

Tôi đứng dậy, ra khỏi phòng và đứng một lúc ở ngoài hành lang, tựa người vào khung cửa, trải qua một cảm giác kỳ lạ mà tôi đã từng cảm nhận lúc còn bé: cảm giác đột nhiên bị kéo dài ra. Đôi chân cách rất xa cái đầu và có lẽ ngược lại đầu tách xa cái chân. Tôi chẳng còn là mình nữa, hoàn toàn không phải là mình. Cuối cùng, tôi cũng trở vào được phòng mình, nằm xuống tấm trải giường vải bông trắng dọc theo bức tranh *Hồ Thiên nga*. Những vũ công ballet hóa thân thành những con thiên nga con đang đứng trên đầu ngón chân, eo thon gọn còn chân thì mảnh mai. Tôi sờ tay lên ngực ép mạnh nhưng hai bầu vú rất đau còn bụng tôi thì to ra.

Bị ám ảnh bởi một sinh linh sống đang bám chặt bên trong cơ thể mình, tôi nhìn quanh bốn bức tường mà tôi đã từng tự nguyện giam mình trong đó và cảm thấy cánh cửa lồng giam sập xuống đánh rầm. Lòng trắc ẩn thâm kín rung lên một cách đau đớn. Những ý nghĩ quay trở lại, giống như búa tạ nện dồn dập trong đầu tôi. Tôi lại đưa một ngón tay chạm nhẹ lên ngực và hình dung ra một cái miệng ướm và ẩm đang bú. Trong tôi tràn ngập một nỗi sợ hãi, hoảng loạn và tuyệt vọng. Tôi chẳng có nơi nào để đi nhưng tôi đã biết một nơi sẽ đến.

Lâu sau, mẹ tôi lại trở vào phòng khi trời đã sập tối và bố tôi đã trở về nhà, vừa ngồi xem chương trình đố vui ưa thích của ông vừa viết ra những câu trả lời và đánh dấu vào những lựa chọn đúng.

– Con có muốn ăn chút gì không? Súp nhé?

– Không, con không ăn.

– Có một chỗ trên đường Tottenham Court. Thỉnh thoảng mẹ có đi ngang qua đó. Mẹ thấy các cô gái đi vào rồi mẹ lại thấy chúng đi ra. Chỗ đó trông dễ chịu, sạch sẽ, vệ sinh và lành mạnh. Nhưng nhìn con kìa, cứ trắng bệch như tờ giấy. Con hãi à? Đừng hãi, mẹ không để ai làm con đau đâu. Mẹ hứa là sẽ ở đó suốt thời gian người ta làm cho con. Mẹ đã từng phải đi một mình, chẳng có bà ngoại con ở bên cạnh để giúp đỡ mẹ đâu. Con đừng lo, con sẽ có mẹ ở bên.

Mẹ tôi cúi sát mặt mình xuống mặt tôi. Làn da bà nhăn nheo còn mái tóc nâu sẫm đã điểm vài sợi bạc. Tôi là đứa con ra đời sau lần mang thai thứ ba của bà. Hai lần trước mẹ tôi đều phá.

– Thế bố có biết không mẹ?

– Bố con đấy à? Con nghĩ ông ấy có thể sống được với những chuyện biết được như vậy sao? Nếu mà biết thì đêm nào ông ấy cũng lo sợ có cảnh sát đến bắt. Thôi đi tắm đi con! Rồi con sẽ cảm thấy khỏe hơn. Mai, mẹ con mình sẽ gọi điện thoại đến đó hẹn lịch.

Tôi xoa xà phòng tắm Camay lên cơ thể mình. Cái rèm ở bồn tắm in hình những con vịt màu vàng. Tôi cảm giác như nếu ở trong đây thật lâu thì chúng sẽ mở lòi đôi mắt của mình ra.

Mẹ tôi bước vào và ngồi xuống thành bồn tắm. Bà trấn an:

– Không có gì ghê gớm đâu con. Thực sự đó chỉ là một thủ thuật nhỏ đơn giản thôi ấy mà. Đừng quá lo lắng!

- Đời con thật là tệ.
- Đừng có vợ vắn như vậy. Có ai muốn giết con đâu.

Tôi trở về giường và nằm cuộn mình dưới những lớp chăn. Tôi nghe thấy tiếng xoay nắm đấm cửa và mẹ tôi lại vào, ngồi xuống giường sát cạnh tôi và hát một bài hát ru mà tôi thường nghe thuở còn bé.

– À ơi, à ơi, bé con ơi, con có thích ông trăng xuống đây chơi với con không? Hay con muốn chơi trò chạy trốn cùng với sao trên trời? Ngủ đi, ngủ đi nhé, con ngoan.

Hát xong, mẹ tôi lại phân tích, khuyên nhủ:

– Sau khi làm xong, con sẽ có một khởi đầu mới. Con sẽ thấy điều đó. Dĩ nhiên, đó là một nỗi tủi hổ lớn đối với Alexander nhưng để mẹ nói cho con biết, cuộc sống đối với những người như chúng ta là rất khó khăn. Không ai nên làm cho con tin rằng nó rất thoải mái, dễ chịu. Nó không hề dễ dàng như vậy đâu, không hề đâu con.

- Ý mẹ nói những người như chúng ta là sao?
- Mình là dân nhập cư từ nước ngoài.
- Nhưng con không phải là người từ nước ngoài đến.
- Con nghĩ thế sao?

7

Trong suốt quãng đời dài vô tận của bố tôi, từ khi sinh ra cho đến khi ông mất ở tuổi 86, tôi có cảm giác mình là một người lạ đối với ông. Ý tôi không phải là ông không yêu thương tôi. Tôi biết là ông có yêu tôi, nhưng ông rất nghèo cách thể hiện bất kỳ một tình cảm nào. Có quá nhiều điều trong tính cách của bố tôi đã cản trở ông làm điều đó. Chúng nhiều đến nỗi ông cảm thấy tốt nhất, dễ dàng nhất là chỉ đơn giản ngồi xuống rồi ngắm nhìn tôi qua đôi mắt kính bám bụi đen sì của mình. Khi đó, ông nghĩ tôi cũng đang chăm chú giống hệt như ông vẫn thường như vậy trước màn hình ti vi.

Tối nào cũng vậy, bố tôi đi làm về với đôi mắt sưng húp, bật ti vi lên và ăn những gì mà mẹ đặt trước mặt ông. Một lúc sau, dường như ông mới chú ý đến sự hiện diện của tôi.

– Vivien, con vẫn đang làm gì ở đây thế?

– Kìa bố! Con ở đây mà.

– Dĩ nhiên là bố phải cho con gái một mái nhà để trú ngụ nhưng ý bố hỏi là sao giờ này con vẫn chưa đi tìm việc chứ? Con nghĩ đi làm là tủi nhục lắm à?

– Dạ không, con có nghĩ thế đâu.

– Những kẻ không thích đi làm đều là người xấu. Đó là kinh nghiệm mà bố thấy.

– Con biết bố đang nói đến ai rồi.

– Ai? Bố nói đến ai chứ?

– Bác...

– Đừng có nhắc đến cái tên đó trong nhà ta. Dù gì chẳng nữa, bố cũng không có ý nhắc đến cái ngữ đó. Bố muốn nói đến phở ăn không ngồi rồi mà bố thấy trên ti vi, đó là chưa kể đến những kẻ có công ăn việc làm mà không chịu đựng chân tay. Chẳng hạn như cái đám thợ mỏ ấy.

– Đừng có nhắc đến chính trị đấy, – mẹ tôi chen vào. – Em buộc phải nhắc anh bây giờ, ngay tại chỗ này.

Bố mẹ tôi đã nuôi tôi trở thành một con chuột nhắt. Để tỏ lòng biết ơn đối với nước Anh vì đã cho họ một nơi nương tựa, họ chọn cách sống như những người có lá gan chuột nhắt và điều kiện sống như chuột: không nói chuyện nhiều (với người ngoài và với nhau), sống lặng lẽ và giản đơn, chăm chỉ và phục tùng. Và họ mong muốn tôi cũng trở thành người như vậy. Dù ông bác Sándor như thế nào đi chẳng nữa, ông cũng không phải là một con chuột. Nếu ví ông với một con vật gì đó thì ông phải là một con tê giác, đắm mình trong lớp bùn của sông, húc nhau, giành giật nhau. Thậm chí lúc ông ngủ, nếu ông trở đôi vai rộng của mình thì mặt đất cũng rung chuyển.

– Ông đó là ai vậy bố? – tôi đã từng hỏi bố tôi câu này sau khi ông đóng sập cửa, chấm dứt cuộc viếng thăm bất ngờ của ông bác Sándor vào năm 1963.

– Chẳng là ai cả. Quên đi!

Nhưng tôi vẫn nhằng nhằng đeo bám:

– Bố, ông ấy là ai vậy? Nói cho con biết đi, bố!

Rồi tôi leo vào lòng bố tôi, điều mà tôi ít khi dám làm vì nó sẽ làm cho ông nổi giận (Bố không thấy màn hình gì cả. Bố lỡ hết mọi thứ rồi. Tránh ra xem nào!) hoặc ông sẽ vùi mặt vào tóc tôi ngửi, đoạn nói với mẹ: “Con bé có ngon lành để ăn thịt được không?”. “Có” – bà đáp bằng một câu trả lời quen thuộc

trong không biết bao nhiêu lần họ nói đùa về tôi - “ăn với xốt chocolate và kem ấy”. Qua nhiều năm tôi cứ ngỡ rằng có lẽ họ thực sự muốn ăn thịt tôi. Ta không thể nào dám tin tưởng chắc chắn vào họ. Có lẽ đó là truyền thống cổ xưa của người Hungary: nấu thịt con gái mình để phục vụ cho bữa tối, giống như mụ phù thủy già trong quyển truyện tranh đã bắt hai anh em Hansel và Gretel nhốt trong ngôi nhà đồ sộ của mụ.

Ngay cả khi đã biết những gì ông bác Sándor của mình làm (không lâu sau cuộc viếng thăm bất ngờ, tôi biết qua tin tức trên ti vi, điều mà bố mẹ tôi không thể che đậy tôi được), tôi vẫn hết sức tò mò muốn tìm hiểu vì sao bố tôi lại phản ứng mạnh mẽ đến vậy. Tôi biết bố không phải là người nóng tính và ghim gút trong lòng nhiều mối hận thù ác cảm truyền kiếp với những người mà tôi chưa bao giờ gặp mặt, những người đã chết trước khi tôi ra đời. Nhưng chưa bao giờ tôi thấy ông bùng nổ giận dữ giống núi lửa đang sục sục phun trào như vậy. Tôi cũng chưa bao giờ thấy ông tuôn cả một tràng tiếng nước ngoài mà ban đầu tôi cứ nghĩ là tiếng Hungary nhưng hóa ra là không phải.

- Thế con phải nói thế nào khi người ta hỏi con có quan hệ gì với ông ấy không hả bố? - Tôi hỏi lúc sắp đi học đại học. - Bố có nghĩ là nên cho con biết thêm một chút được không? Bố nói là ông ấy đã nói dối khi khẳng định mình là anh trai của bố...

- Thì con đừng có nói một lời nào về con người đó, - mẹ tôi xen vào - không nên hé răng lấy một lời nào, con à.

- Con không có ý sẽ kể với người ngoài chuyện gia đình ta. Dĩ nhiên là con sẽ không kể gì rồi. Nhưng bố mẹ có nghĩ là bây giờ con có quyền được biết không? Ông ấy cũng là người nhà mình cả mà.

- Người nhà hả? Quân đó chẳng còn là người nhà từ lâu lắm

rồi, trước khi con sinh ra cơ.

– A ha!

– Ôi, xem kìa! Xem con đã gài bẫy để bố nói ra kìa.

Tôi bắt đầu cười phá lên. Qua mặt ông già thật không dễ dàng chút nào. Thường thì ông hay dựng lên một bức tường từ ngữ không thể nào xuyên thủng được.

– Cuối cùng thì ông ấy cũng là một người họ hàng với mình, phải không bố?

– Thứ họ hàng mà con có thể từ. Ai biết đó là họ hàng nào?

– Còn gần hơn thế nữa... vì... vì ông ta là anh trai của bố!

Bố tôi chẳng nói gì và tôi biết lần đầu tiên mình đã đánh bại ông.

– Hãy nghĩ tới những gì mà người bố tội nghiệp của con đã phải chịu đựng suốt bao nhiêu năm qua, – mẹ tôi cất lời. – Con phải biết rằng *người đàn ông đó* có thể đem đủ thứ tai họa giáng xuống đầu chúng ta. Con có biết không, bố mẹ tránh ông ta càng xa càng tốt là vì con đấy, Vivien.

– Hạng người đó là phường độc địa, – bố tôi nói tiếp. – Lúc nào cũng vậy. Chưa bao giờ hấn tốt đẹp cả.

– Thế ông ấy có chạy sang Anh cùng với bố mẹ không?

– Không, hấn ta không nhìn thấy những gì sắp xảy ra giống như chúng ta. Mình thông minh và mình đọc sách, phải không Berta? Bố mẹ tập trung chú ý và không hão huyền nghĩ rằng mình có thể tìm được phép màu từ những thứ khủng khiếp đang xảy ra. Bố mẹ hiểu rằng một khi người ta đã có những suy nghĩ chính trị trong đầu mình thì sớm muộn gì họ cũng trở thành người của súng ống chứ không phải chỉ có ý nghĩ nữa. Và, khi gặp người nào có những ý nghĩ và súng ống như vậy thì, chà chà, ta lập tức phải chạy đi, chạy thực mạng, chạy đến huyệt

hơi để hấn không còn trông thấy ta nữa. Nhưng cái đồ chết tiệt ấy thì không! Ngay cả khi chiến tranh đã qua rồi mà hấn ta vẫn bám riết ở đó. Hấn trụ lại mãi đến năm 56 mới chạy. Đồ ngu xuẩn!

– Thế điều gì đã xảy ra với ông ấy trong chiến tranh hở bố?

– Ừ thì hấn phải sống khổ sống sờ. Bố sẽ nhượng bộ hấn ở điểm đó nhưng không thể lấy khốn khó ra để bào chữa cho hấn được ở chỗ nào.

– Thôi được, bố. Nhưng cái gì...?

Một tiếng chuông điện thoại reo lên, cắt ngang câu hỏi của tôi. Và bố mẹ tôi - những người chỉ tin Chúa một cách chừng mực, miễn đó là một vị Chúa để cho họ yên, không soi mói vào chuyện riêng của họ hay nhất mực cho rằng họ có thể xem ti vi, một vị Chúa dễ chịu không thuộc riêng bất kỳ một giáo phái nào - xem giây phút điện thoại đổ chuông là một phép màu. Việc này chỉ xảy ra vài lần một năm. Đại lý của ông chủ nhà gọi tới để thông báo người của họ sắp đến để thay cáp thang máy bị đứt. Họ muốn bố mẹ tôi không phải lo lắng, không đòi mấy người thợ phải cho xem giấy chứng minh hay gọi cảnh sát như lần trước.

Sau nửa giờ ngâm nga trao đổi kéo dài giữa bố mẹ tôi với gia đình là chủ sở hữu căn hộ này - những người đại hảo tâm không mong chờ lòng biết ơn của những người thuê nhà mà thực sự chỉ muốn tránh càng xa càng tốt những bất động sản cho thuê của mình để trốn trong những căn biệt thự riêng ở miền Nam nước Pháp, rõ ràng là chủ đề về ông anh của bố tôi, ông chủ nhà trọ ổ chuột khét tiếng, không thể được khơi gợi tiếp được nữa. Chẳng còn đà để nói chuyện.

Tôi vào giường mà đầu óc vẫn vẫn vợ suy nghĩ về ông bác

của mình. Tôi thêu dệt một vài cuộc gặp gỡ tưởng tượng giữa tôi và ông ấy mà qua đó, cuối cùng tôi cũng phát hiện được chính xác bố mẹ tôi là người thế nào lúc họ còn ở Budapest, chính xác là họ đã chọn đi theo con đường này hay vận mệnh run rủi làm thay đổi cuộc đời họ.

Những ý nghĩ mơ tưởng hão huyền thật nhẹ nhàng dễ chịu, đưa tôi vào giấc ngủ thanh bình với đủ hình bóng màu sắc sắc sỡ nhảy múa trong đầu. Rồi sau đó, tôi đi học đại học, cưới chồng và quên bằng chuyện về ông bác cho đến khi tôi quay trở lại trên chiếc giường thuở thơ ấu với những ý nghĩ xưa cũ tìm về.

* * *

Nếu ta thất nghiệp, nếu ta đối mặt mỗi sáng với nỗi u sầu ngày nào cũng như ngày nấy, ta hẳn sẽ nhận thấy việc đọc sách cũng không thể kéo dài đủ để lấp kín tất cả mọi giờ thừa thãi. Đó là vì, tình trạng không có công ăn việc làm và gần như cũng chẳng có bạn bè, buộc bố mẹ già ốm yếu của ta phải nai lưng đi làm để nuôi đứa con ăn không ngồi rồi tác động kỳ lạ lên tinh thần ta. Ta nhận ra ngày dài đằng đẵng đến thế nào và trách nhiệm của chính ta là phải lấp đầy những ngày dài ấy bằng những trò tiêu khiển của riêng mình. Nhưng hóa ra những trò tiêu khiển ấy eo hẹp một cách sừng sốt, đến độ nào ta trở thành một kẻ vờ vịt, dối trá như thế nào, ta đã lừa phỉnh chồng mình ra sao, lừa phỉnh người đã tin tưởng ta, người đã cho rằng ta quan tâm cân nhắc đến những ý nghĩ nhiều như anh ấy.

Và thế là ta tìm thấy một người bạn trung thành trong các quân bài. Ta bày chúng lên bàn trong những ván chơi bất tận

của sự kiên nhẫn cho đến khi chán ngấy tận cổ những quân át, bích, cơ, nhép, rô đến già, đầm... Tất cả cứ hết đen rồi đỏ, đỏ rồi đen. Ta chán, chán đến nỗi thấy chúng bày lúc nhúc trước mắt rồi đứng dậy để tự nhảy bổ vào ta với những vẻ mặt vương giả thiếu cận mà tự mãn, đầu quay sang một bên nhìn vào rìa quân bài.

Tôi mua một bộ Kinh Dịch cũ - một loại sách cổ xem tử vi vốn thịnh hành vào thời đó - và úp hai bàn tay vào nhau, gieo quẻ với những đồng xu. Chưa một lần nào tôi gieo được quẻ tốt. Kinh Dịch không phán được chính xác tương lai nào thực sự dành cho tôi. Nó không nói được điều gì sẽ đến sau khoảng độ một năm nữa khi tôi cuống cuống lên vì không sử dụng thời gian của mình một cách có ích, hoàn thành bản luận án sau đại học để bắt đầu cuộc đời đi làm hay chí ít là cũng dồn thời gian đọc tất cả sách của Proust hay Tolstoy thay vì chơi với những đồng xu hay với những con chữ tượng hình Trung Quốc. Nhưng trong thế giới của những đại văn hào xuất chúng, tôi càng cảm thấy mình vô dụng và tầm thường hơn. Tôi chỉ muốn đóng sách lại và bỏ xa khỏi chúng, chui vào chăn và nằm mãi không dậy cho đến khi mẹ tôi gõ cửa và kêu lên: “Sao? Con định nằm thối cả ngày trên giường đấy à?”

Thế là tôi dậy đi bộ.

Tôi bước nặng nề về hướng nam, xuôi xuống phố Oxford, lang thang qua những hành lang của khu mua sắm Selfridges mà chẳng có một đồng xu dính túi. Tôi đi xuống một đường hầm dành cho người đi bộ rồi đi lên ở Marble Arch và đi xuống tiếp tới Công viên Hyde Park để ngắm những con thiên nga trên hồ Serpentine và lắng nghe những diễn giả kỳ quặc, lập dị đứng trên những cái bục tam ở góc Speaker's Corner hay đôi khi ở phía Đông hoặc phía Tây trung tâm thành phố, dọc theo

phố Marylebone, giữa khoảng cách của các ga xe lửa. Đầu óc tôi trống rỗng, chẳng có cái gì ở trong, hoàn toàn không có một thứ gì hết. Đôi lúc, tôi tìm thấy một ghế đá, ngồi xuống và ngủ thiếp đi. Khi ta ngủ trên ghế đá ngoài đường, ta biết mình đang gặp vấn đề rắc rối.

- Y như bà Prescott vậy, - mẹ tôi than. - Con đang trở thành người giống như bà ấy, con có hiểu không? Có thể là bà ấy cũng có những nỗi đau buồn, nhưng nhìn xem, con mà cứ đi lang thang mãi như thế này thì sẽ điên mất thôi, giống hệt bà ấy đấy.

Ta đã biết gì về đau buồn sâu khổ nào? - tôi nghĩ thầm. Ta vẫn chưa sống, chưa thực sự sống bao giờ. Ta chẳng có tí khái niệm thế nào là sống. Ta không biết nó như thế nào mỗi sớm mai thức dậy và trông thấy ánh sáng xuyên qua rèm, cảm thấy mặt trời đang ngập ngừng gieo những mảng nắng lên các bức tường, tinh thần ta phấn chấn trước vẻ rực rỡ của một ngày mới nhưng rồi chợt nhớ ra những gì ta đã biết: chẳng có *một ngày mới* nào cả, hoàn toàn chỉ là một sự lặp lại của ngày hôm trước mà thôi. Ta sẽ không bao giờ được mơ màng nghe thấy Alexander nói về những protein của anh hay nhẹ nhàng tra khảo anh về thời thơ ấu của anh. Không bao giờ còn được cùng nhau đi dạo trong Công viên Hyde Park hay cùng nhau lên máy bay, vút bổng lên trời rồi hạ xuống một thế giới mới được nữa. *Không bao giờ, không bao giờ nữa.* Anh sẽ không hôn ta. Anh sẽ không khăng khăng đòi ta phải đi đôi giày đỏ mũi nhọn bo tròn kín gót, cao lênh khênh mà anh gọi là giày *nhức mới* nữa.

Anh sẽ không pha trà buổi sáng và đem đến tận giường cho ta. Ta sẽ không bao giờ đi tìm tặng anh đĩa hát mà anh thích có Glen Gould^[20] chơi những Khúc biến tấu Goldberg và chứng kiến niềm vui trên gương mặt anh khi anh mở gói quà. Ta sẽ

không bao giờ cắt móng chân cho anh khi cái lưng của anh đau đến nỗi không thể cúi xuống được sau hàng giờ liền ngồi gập người quan sát qua kính hiển vi. Ta sẽ không bao giờ còn được đọc những bài thơ mới về lũ ngỗng trời vì sẽ không bao giờ có những bài thơ mới nào nữa. Anh sẽ không bao giờ nhìn thấy mặt đứa con của mình và dĩ nhiên cả ta cũng vậy.

(Đó là một nỗi đau sâu thẳm hay chỉ là một sự tàn phá mà một người cảm nhận được khi quay trở về nhà và phát hiện mình bị ăn trộm, ti vi bị lấy đi còn căn phòng thì bữa bãi rác rưởi?)

Đi mà tìm một việc gì làm đi, mẹ tôi nói thế. Một cô gái có tấm bằng đại học có thể tìm được bất kỳ công việc gì cô ấy chọn nếu cô ấy thực sự muốn xem thứ đó là công việc. Đó là vì tấm bằng giống như một chiếc vé đặc biệt mà ta giơ ra cho những người có quyền cao nhất. Và, ngay lập tức, khi vừa trông thấy nó, họ đã biết ta được phép vào trong. Suy nghĩ của mẹ tôi là như vậy đấy. Một người có tấm bằng tốt nghiệp (đặc biệt là tốt nghiệp Đại học York), một người rất am hiểu về Charles Dickens, luôn được xếp vào bậc cao nhất của ngành nghề lao động. Mẹ tôi không biết chính xác những cơ hội việc làm nào đang sẵn có nhưng bà tin chắc rằng bất kể chúng là gì thì chúng vẫn là cơ hội của tôi, dành cho tôi chọn lựa. Chẳng qua là chính cái tính ngang ngạnh bướng bỉnh của riêng tôi đã cản trở tôi tìm một công việc mà thôi.

Hai tuần một lần, tôi đến thư viện trên phố Marylebone để đọc các trang tuyển lao động đăng trên tờ *Times* rồi viết vào sổ tay của mình địa chỉ những chỗ mà tôi nghĩ mình có thể nộp đơn vào. Tôi gửi đến đó lý lịch trích ngang của mình với mục kinh nghiệm việc làm để trống. Tôi chưa bao giờ có một công việc gì thuộc bất cứ một hình thức nào. Tôi gửi hồ sơ đăng ký

làm người nghiên cứu tại hãng tin BBC, làm trợ lý biên tập cho một tạp chí văn học, làm người quảng cáo sách cho nhà xuất bản Faber & Faber. Tôi thậm chí chẳng thể xin được một cuộc phỏng vấn.

Một ngày, tôi nuốt cục tự trọng của mình xuống, nộp đơn xin làm một chân bán bưu thiếp tại cửa hàng ở National Portrait Gallery^[21]. Thư xin việc của tôi bị trả lại.

Hết sức giận dữ, tôi gọi điện thoại cho họ. “Sao các anh thậm chí còn không xem đơn xin việc bán hàng của tôi?” - tôi hỏi - “Tôi biết mấy tấm bưu thiếp đó. Tôi biết tên của từng người có chân dung treo tại phòng tranh. Tôi thuộc nằm lòng bức chân dung Chandos của Shakespeare. Tôi có thể nhắm mắt tả nó vach vách.”

- Thật ư? - một giọng nói sắc lẹm vang lên ở đầu dây bên kia. - Có 169 ứng viên nộp đơn cho vị trí này và tới 52 người có bằng lịch sử nghệ thuật.

Tất cả mọi thứ trong tôi đều khao khát, mong mỏi kéo bản thân tôi ra khỏi vũng bùn nhưng tôi vẫn bị mắc kẹt ở đó. Tôi đâm ra ghét chính mình. Tôi sợ rằng nếu tôi đánh mất sinh khí của một tôi cách đây một tháng, khi còn đính hôn với Alexander thì vĩnh viễn suốt quãng đời còn lại, tôi sẽ vĩnh viễn bị giam trong con người của một Vivien Kovaks. Rồi tôi sẽ cưới một người nào đó trong Benson Court, dành một tiếng mỗi tối thăm bố mẹ, lên lên xuống xuống trong cái thang máy đó, cứ vươn lên mãi mà chẳng tới được đâu cả. Hoặc tệ hơn nữa, tôi ở trong căn hộ của mình và trở thành bà Prescott. Có lẽ quần áo của bà ấy đã ăn sâu vào tâm hồn tôi rồi.

* * *

Thư viện đầy những người lạnh lùng, nhạt nhẽo và những người không biết nơi nào để đi. Trên tường có nhiều tấm biển cấm khạc nhổ. Đạo này, tôi tuyệt nhiên chẳng thấy có ai khạc nhổ cả, huống hồ là bất kỳ một cảnh báo cấm. Nhưng rồi thì người ta cũng khạc nhổ vào khăn tay mùi soa, và một màn khói nâu xanh lửng lơ trong không khí bên dưới bóng đèn tuýp huỳnh quang làm ngạt phổi những người không hút thuốc lá. Một anh chàng có nước da màu tươi sáng, mặc quần vải tuyết dính đầy vết dơ đến thư viện vào buổi trưa, xách theo một cái túi dây đan đựng một panh^[22] sữa và một hộp thức ăn cho mèo. Nhân viên thư viện nhắc nhở anh ta lúc nào cũng phải đặt tay trên bàn bất luận anh ta đang đọc sách gì.

Nhưng thư viện cũng có những khả năng mở ra những phát hiện tình cờ may mắn. Chúng dẫn dắt ta tới những phát hiện đó. Vừa đứng vừa đưa tay dò thư mục sách, tôi nhìn thấy trong học chữ k có một cái tên quen thuộc, tên của tôi. Tôi quỳ xuống nền nhà lót vải sơn, cạnh giá sách bằng kim loại và bắt đầu đọc một cuốn sách ngắn nhưng khá giật gân. Bất chấp cái tựa đề hấp dẫn “Kovacs, tên trùm tội phạm”, nó thực ra là một cuốn kể về một cuộc điều tra thực trạng nhà ổ chuột ở khu Tây London. Có một trang rời nhỏ ở giữa sách in hình ảnh của bác tôi, những bức hình chụp qua cửa sổ chiếc Jaguar màu bạc của ông, khuôn mặt phê đang nhìn chăm chăm qua lớp kính màu tối. Trang kế tiếp là nội dung in lại của một bài báo đăng trên tờ *Evening Standard* cũng có một bức ảnh giống trang trước nhưng lần này đi kèm với một cái tit in hoa:

“CÓ PHẢI ĐÂY LÀ GƯƠNG MẶT CỦA QUÝ?”

Tôi nhìn kỹ các nét trong bức ảnh: một người đàn ông to lớn chắc nịch có cái môi dưới trề xuống và cái cổ béo trông giống như Alfred Hitchcock^[23] bên trên chiếc cà vạt được thắt một

cách hoa mỹ đang nhìn lại tôi. Tôi gần như ngay lập tức có thể nhận ra ông ấy chính là bác mình, người đã bấm chuông cửa nhà tôi và xuất hiện với thanh chocolate nhãn hiệu Toblerone bọc giấy bạc màu vàng cùng một cô gái Tây Ấn. Khi đó, tức cách đây đã nhiều năm, ông đứng trên tấm thảm chùi chân trước nhà tôi với một vẻ tràn trề sinh lực và tươi trẻ trong bộ đồ vest màu xanh da trời tươi sáng và cổ tay đeo đồng hồ vàng nạm kim cương lấp lánh. Người bác trong cuốn sách này bị một vết mực đen ố nhòe ăn mất một bên mắt của ông ấy. Những đốm ảnh của bức hình chụp lại có cũng chẳng dành cho ông chút thiện cảm. Chúng khiến ông trông như bị rỗ hoa trong khi theo như tôi nhớ thì da của bác tôi tái nhưng mịn, sực nức mùi nước hoa dùng sau cạo râu đắt tiền.

Đó là một hình ảnh hết sức khốn khổ, tội nghiệp. Kính cửa sổ xe hơi đã hắt bóng lên người bác tôi rồi mà ảnh lại còn được in lại trên thứ giấy láng rẻ tiền của một nhà in có vẻ như là vô danh tiểu tốt. Người đàn ông trong ảnh gợi tôi nhớ đến những tên sát nhân già và những ngôi nhà đầy xác chết được phát hiện giấu dưới ván sàn.

Theo tác giả, bác tôi là một kẻ hoàn toàn tàn nhẫn, một tên côn đồ ti tiện và tham lam, một con quỷ hút máu người keo kiệt. Ông không chỉ là một lão chủ khu trọ ổ chuột mà còn là một kẻ phân biệt chủng tộc đẩy những người thuê nhà da đen của mình vào những điều kiện sống tồi tệ không thể nào tả nổi. Không chỉ có thế, đó còn là một tay anh chị chuyên đi thuê những tên vai u thịt bắp ở trong vùng hành hung những người thuê nhà khốn khổ không thể trả tiền nhà đúng hạn. Danh sách liệt kê các vai trò tội ác vẫn chưa dừng lại ở chủ khu trọ ổ chuột, kẻ phân biệt chủng tộc, tên côn đồ hung tợn, tay anh chị khét tiếng mà còn tiếp tục dài thêm: một tên ma cô dắt mối cho gái

điểm vị thành niên của các nhà thổ khắp khu Tây London. Một cô gái kể cô ta đã ba lần sinh con nhưng hai đứa đã chết vì viêm phế quản trong điều kiện sống ẩm thấp và chật chội triền miên. Một đứa trẻ khác ngã từ cầu thang bị mục nát và bị gãy lưng. Một người cha có bảy đứa con chặm nộp tiền nhà và bọn đầu gấu chuyên đi đâm chém mướn của bác tôi đã đánh ông ta bằng dây xích. Còn bác tôi thì sáng sáng thức dậy, cạo râu, thoa lên khuôn mặt giống như Hitchcock của mình nước hoa eau de Cologne mua ở phố Jermyn, xỏ chân vào đôi giày da bê Lobb, bước ngang qua những chiếc đồng hồ và đồ nội thất mạ vàng trong căn biệt thự trên Đại lộ Bishops, tiến đến cái bàn làm việc kiểu Chippendale^[24] mà bao quanh là những thùng gỗ đựng hàng còn đóng kín, bên trong chứa toàn những thứ xa xỉ ông đã vô tư mua chịu và thậm chí chưa bao giờ thèm liếc đến chúng lấy một lần.

Những miêu tả về tội ác ghê sợ của bác tôi làm tôi thấy ớn lạnh đến tận xương tủy còn tim thì đông cứng lại. Trước đây, tôi thực sự không biết về mức độ tàn bạo của ông. Những bài phỏng vấn các nạn nhân của bác tôi thấm thiết đến độ xé nát con tim. Những bức hình chụp cảnh bản thủ bên trong những ngôi nhà cho thuê của ông thật đáng ghê tởm. Một số người khai rằng sống trong các trại tù binh của Nhật trong Thế chiến thứ II ở Burma - Myanmar, phải, chính là những trại tù binh kinh khủng đó, còn khá khảm hơn là sống ở đây. Và sách đã kể lại rằng bác tôi phá lên cười khi ông nghe thấy điều này. Chi tiết đó chứng tỏ tính khí nhẫn tâm của một kẻ bị bệnh thần kinh. Tôi lật tới trang cuối:

“Với việc bắt giữ và sau đó là kết án đối với Sándor Kovacs vào năm 1964, một trong những chương đen tối nhất trong lịch sử khu Tây London đã kết thúc. Chính sách quy hoạch lại

thành phố của chính phủ hứa hẹn cung cấp nhà ở mới, hợp vệ sinh với giá thuê chấp nhận được đối với tất cả mọi người. Một nước Anh hiện đại đang được hình thành. Một trong những bóng đen của quá khứ, của những kẻ nước ngoài vô liêm sỉ bòn rút làm giàu trên những thân phận nghèo nhất, yếu nhất đang được nhanh chóng dọn sạch mãi mãi. Một bình minh mới, một sự bình đẳng mới. Thế lực của Sándor Kovacs cùng tay chân và họ hàng hẳn đã tới hồi kết thúc.”

* * *

Có một số điều trong bài viết mà tôi không thích lắm dù tôi không thể chỉ ra nó sai ở điểm nào. Nhìn vào những gì mà chúng ta có ngày hôm nay, về những khu nhà ổ chuột vốn là 60 nhà ở xã hội đã mọc lên trên những căn nhà ổ chuột mà người ta đã phá để xây cái mới, có vẻ như có một thực tế sờ sờ nhúc nhối là các chương trình của những nhân vật chính trị nhìn xa trông rộng luôn luôn kết thúc trong thất vọng. Nhưng dù sao, tôi vẫn thấy ấn tượng một cách buồn nôn với hai cụm từ “những kẻ nước ngoài” và “họ hàng”.

Vì vẫn còn đó nguyên sơ trong đầu tôi hình ảnh cô gái da đen mặc áo khoác nylon họa tiết da báo, cầm chiếc túi giả da cá sấu có khóa mạ vàng. Tôi cũng còn nhớ như in thanh chocolate hiệu Toblerone và sức nặng của nó trong tay bác tôi khi ông cố đưa nó cho tôi, như thể nó là một thỏi vàng thật. Tôi vẫn còn mừng rỡ rõ mồn một hình ảnh đôi giày da lộn khâu tay của bác tôi và cách ông nhìn tôi một cách vừa thiết tha vừa buồn rầu và bồn chồn lo lắng. Cả cái cảnh bố tôi hét lên còn bác tôi thì cười to không kém. Tất cả những thứ này đối với tôi còn

chân thật sống động hơn cả Sándor Kovacs trong cuốn sách.

8

Alexander và tôi từng có lần cùng đi dự đám cưới, tại đây, ngay ở London, sau khi chúng tôi đính hôn, trong một dịp giao du với tầng lớp thượng lưu. Đó là đám cưới của một người bạn trước đây từng học chung với Alexander. Trong khi anh đang ở trên sàn nhảy dù chệ của chú rể thì một người phụ nữ đang chống hai khuỷu tay để đỡ người, trông như đã ngà ngà say, nhìn vào thiệp ghi chỗ ngồi của tôi và nói: “Ta phải nói với cháu rằng ta biết bố cháu và ta cũng phải nói là ta thật sự nghĩ những gì xảy ra với ông ấy thật khủng khiếp.”

– Bố cháu ư? Làm sao mà bà biết bố cháu?

– Thôi đi, bé yêu! Bố cháu chắc chắn biết hết thầy mọi người. Những gì mà người ta rêu rao trên báo về ông ấy đều là đồ rác rưởi. Lúc đó, người ta vẫn thấy vui mừng, vinh hạnh được bắt tay ông ấy. Ý ta là dù bất cứ điều gì đang diễn ra, ta vẫn có thể gặp gỡ sánh vai để vui chơi với người mà mình ưa thích. Ai quan tâm đến chuyện đó nào? Ta biết một số người khá là mê mết trước sự quyến rũ của bố cháu và hẳn sẽ sẵn sàng sống chết theo ông ấy nếu ông ấy chịu nỗ lực xoay sở bằng mọi cách. Dù sao, với ta, ông ấy luôn luôn cực kỳ quyến rũ.

– Nhưng bà không thể nào gặp bố cháu được. Ông không bao giờ đi chơi bên ngoài.

– Ở bây giờ thì không, có lẽ thế. Nhưng đầu những năm 60, đi đâu người ta cũng đụng phải ông ấy.

– Thế mẹ cháu đâu? Bà đã gặp mẹ cháu chưa?

– À cháu có biết không. Thực sự là ta chưa bao giờ nghe nói về mẹ cháu cả. Ông ấy không nói gì nhiều. Ta cứ tưởng là bà ấy đã chết rồi. Nhưng có lẽ là ta nhầm. Nói thật nhé, ta không nghĩ là mình đã hỏi ông ấy thật sự về chuyện đó. Người ta luôn cho rằng ông ấy là một người phóng túng, ý ta là về chuyện tình ái ấy mà. Mặc dù ông ấy hơi xấu trai, tha lỗi cho ta nói thật, nhưng ông ấy trông lúc nào cũng khá là vui vẻ. Người ta thấy ông ấy khá hấp dẫn dù theo một cách thô lỗ. Phải công nhận là ta ngưỡng mộ ông ấy. Ta có thể dành hàng giờ ở bên ông ấy. Ta chưa bao giờ lên giường với ông ấy nhưng một người bạn của ta thì đã rồi. Dù sao, cháu hãy nói cho ta biết đi, ông ấy bây giờ thế nào rồi?

– Cháu xin lỗi nhưng bà có thể nói cho cháu biết bà nghĩ ai là bố cháu thế?

– Sao? Dĩ nhiên là Sándor Kovacs rồi. Chứ cháu nghĩ ta với cháu đang nói về ai?

Người đàn bà này - người đàn bà có dáng vẻ hoạt bát nhanh nhẹn và nói năng như khiếu, trông tươi tắn dưới ánh đèn chùm thủy tinh, ngồi phía bên kia chiếc bàn bày bữa bái những tách cà phê và muống cà phê bằng bạc - là một người có mái tóc vàng hoe, trông mỏng manh yếu ớt và dễ vỡ, loại phụ nữ hút thuốc như điên và dành rất nhiều thời gian tắm nắng ở Cannes vào thập niên 50, 60. Làn da của bà ta chảy xệ, nhăn nheo thành bao nhiêu đường, bao nhiêu nếp khúm khiếp trên mặt và cổ. Người ta gọi bà ấy là bà Simon Chase.

– Chị gái ta sinh cùng thời với mẹ của chú rể. Chúng ta dường như đều dính dáng đến những người đó theo cách này hay cách khác kể từ trước chiến tranh. Nhưng họ may mắn hơn

ta là có hôn nhân bên chặt còn ta là một người đã ly dị sống tự do phóng túng.

Người đàn bà dụi tắt điều thuốc lá vào chút nước cà phê trong chiếc đĩa nhỏ lót tách rồi nhìn quanh xem có còn gì để uống thêm nữa không.

– Lại bánh ga tô nhỏ chết tiệt. Cháu có thấy phát ngấy khi trông thấy chúng không? Đi đâu cũng thấy bánh ga tô nhỏ và lúc nào cũng chỉ có một kiểu y hệt nhau. Ấy vậy mà không phải không có người động đến chúng đâu nhé.

– Sándor Kovacs không phải là bố cháu - tôi nói. - Tên bố cháu là Ervin. Ông làm ở cửa hàng sửa chữa kim hoàn trên phố Hatton Garden, gắn đá cũ vào đồ mới, hiện đại. Ông sống với mẹ cháu trong một căn hộ ở phố Marylebone High Street.

– Ôi! Lạy Chúa! Cháu có chắc không vậy? - người đàn bà ngược lên nhìn tôi. Mái tóc của bà ấy, mái tóc như cái cái mũ lưới bằng vàng nguyên chất được giữ cứng nếp bằng keo xịt tóc, đứng dựng và bóc khỏi da đầu còn khuôn mặt bên dưới rũ xuống vì sức nặng bởi sau một lát nhìn tôi chăm chăm, đôi mắt bà ấy lại sụp xuống, đảo quanh bàn tìm thêm rượu.

– Chắc - tôi đáp bằng một giọng sôi nổi không e dè kiểu cách của một người hết sức trẻ trung và tràn đầy sức sống, đã vượt qua sự hờ hững, lãnh đạm và dĩ nhiên là không còn điềm nhiên bình tĩnh.

– Nhưng mà, bé yêu ơi, ông ấy kể với ta suốt về đứa con gái nhỏ này mà. Ông ấy nói nó có mái tóc đen, đen huyền. Ông ấy còn nhắc đến tên của nó. Bắt đầu bằng chữ V. Chẳng phải là Vivien hay sao? Chắc chắn không phải là Vera rồi. Hay là Veronica? Không, không thể nào. Ta nhớ khá rõ là ông ấy đã nói cháu được đặt tên theo Vivien Leigh^[25]. Cháu thấy không,

rõ ràng phải là Vivien rồi. Ta không thể nào nhầm lẫn được.

– Kovacs là họ phổ biến của người Hungary. Sándor Kovacs không phải là bố cháu và cháu cũng không được đặt tên theo Vivien Leigh.

– Ta thấy chuyện này hơi kỳ lạ đó. Cháu cũng chưa bao giờ nghe tới tên ông ấy à?

– Dĩ nhiên là có chứ. Cháu đã *nghe* về ông ấy rồi nhưng mới chỉ trên ti vi.

Tôi nhìn quanh. Alexander vẫn đang di chuyển lẹ làng quanh sàn nhảy với phong cách duyên dáng quý phái thuộc tầng lớp thượng lưu của anh.

– Thế ông ấy là người thế nào? – tôi hỏi nhanh.

– Ừ thì ta đã nói rồi đấy, hết sức phong trần, ông ấy mặc toàn những bộ đồ đặc biệt nhất, đeo đồng hồ hào nhoáng nhất. Một người giàu khủng khiếp mới phát. Nhưng mà đám nhà giàu mới phát ấy đều thế cả. Họ có tiền để mà đốt và khoe mẽ chưng diện hết cỡ. Cháu có biết không, cái cô ả minh tinh béo mập đang lên với lão chồng là người khu Đông London ấy, bọn họ tên gì nhỉ? Tự nhiên giờ ta chẳng tài nào nhớ ra. Ờ, kiểu như những tay trùm bingo ở sòng bạc Bethnal Green ấy. Có một điều mà cặp đó không dám nói nhiều trên báo vì sợ tai tiếng lùm xùm là lão chồng rất thích mấy cô nàng da màu...

– Sao điều đó lại thành một chuyện bê bối ạ?

– Vì còn ai vào đây ngủ với họ nữa hả, cô bé? Một số người đang ở ngay trong phòng này nhưng ta sẽ không nói tên họ ra đâu. Nhất là vào lúc này, sau tất cả những gì đã xảy ra. Có một điều về Sándor là ta nghĩ mình chưa bao giờ thấy ông ấy cặp kè với một người đàn bà da trắng nào trước mặt mọi người dù ông ấy thực sự có ngủ với họ khi có cơ hội. Cả những cô nàng được

nuôi dạy đàn hoàng tử tế cũng thế. Về điểm này thì ông ấy giống như một tay đi săn chiến tích tình trường hơn. Đơn giản chỉ là thêm vào bảng thành tích của ông ấy mà thôi. Rồi với món quà tặng là mũ miện nhỏ, nếu ông ấy xoay xử được, ông ấy luôn đá họ một cách tử tế nhất có thể vào sáng hôm sau. Một người bạn của ta kể ông ấy có những vết sẹo kinh khủng, kinh khủng thật sự ở lưng. Chiến tranh đấy. Khủng khiếp quá! Mấy cô nàng da màu mà ông ấy lôi theo vây quanh càng khiến cho ông ấy thêm tái mét, nhợt nhạt, ít nhất là trong giới của ta. Nhưng cháu có biết không, khi ta gặp ông ấy, ta không thể không nhận ra rằng ông ấy có đôi mắt vô cùng dịu dàng trìu mến. Chí ít là ta nghĩ như vậy. Một đôi mắt màu nâu tuyệt đẹp, giống như chocolate loại khá hảo hạng, về cá nhân ta thì ta nghĩ ông ấy là một nhà hảo tâm được nhiều người biết đến.

Alexander quay lại bàn.

- Hai người đang nói về ai thế? - anh hỏi.
- Sándor Kovacs, - bà Chase đáp.
- À phải. Một đề tài hấp dẫn đây, - Alexander bình luận.
- Cậu biết không, người ta nói ông ấy là quý sứ, - bà Chase tiếp - nhưng tôi thì không, không bao giờ nghĩ như vậy. Thiên hạ bàn tán quá nhiều những chuyện vô lý vớ vẩn. Cậu thấy có phải không?
- Vâng - Alexander đáp một cách hồ hững.

* * *

Chính trong lúc ở vào tình trạng đau buồn và chán nản tột cùng, cảm thấy mình hết sức thất bại và vô tích sự vào đầu mùa hè năm 1977 đó, tôi quyết định sẽ đi tìm ông bác mình. Tại sao

lại không chứ? Tôi chẳng có việc gì khác để mà làm. Càng nghĩ về ông ấy, tôi càng hình dung rõ hơn tấm ảnh và những từ trong cái trang sách ấy - *Có phải đây là khuôn mặt của quý sứ?* - và tôi càng suy nghĩ nhiều hơn về những câu hỏi vượt ra ngoài tầm hiểu biết về sự đời còn hạn chế của tôi. Tôi chưa từng gặp quý sứ bao giờ, chỉ mới đọc trong sách, trong những vở kịch của William Shakespeare. Nhưng thậm chí nếu nhân vật tàn độc Macbeth^[26], kẻ bị ám ảnh với nỗi sợ một hồn ma, hiện ra là một con người bằng xương bằng thịt thì hẳn ta cũng vẫn trôi nổi ở tận đâu tận đâu.

Và thế là tôi tìm kiếm ông bác mình qua niên giám điện thoại. Ngạc nhiên làm sao, tên ông ấy có ở đó.

* * *

Các buổi sáng đã bớt đi vẻ u ám, ưu phiền. Mùa hè bắt đầu và tôi thức dậy mỗi ngày một sớm hơn. Sự tĩnh lặng của thành phố bị vài chiếc xe hơi lơ thơ trên đường thỉnh thoảng phá tan. Tiếp đó là tiếng xe cộ rền rĩ đổ ra những con đường giao thông huyết mạch, tiếng tàu lửa về đến hay rời khỏi những sân ga, tiếng lóc cóc của những đôi giày cao gót gõ xuống vỉa hè bên ngoài cửa sổ nhà tôi - các cô các bà đang ráo bộ đến công sở. Chiếc xe tải nhỏ của người hốt rác nghiền phanh kin kít. Động cơ điện của xe giao sữa vang lên. London vào buổi sáng.

Bố tôi đã rời khỏi nhà cho một ngày dài làm việc của mình còn mẹ tôi thì ở trong bếp, mặc một chiếc áo choàng màu nâu và ngồi uống cà phê sữa. Đầu tóc bà lúc nào cũng rối xù. Trông bà mới thật nặng nề và già nua làm sao. Tôi nhìn thấy những cái vụn vẹo đôi bàn tay đầu tiên của mẹ. Có lẽ chúng viêm khớp

mãn tính tăng dần bắt đầu hành hạ thêm cơ thể bà.

– Con biết không, mẹ nghĩ là mình cần phải sơn lại cái ghế đầu đó - mẹ tôi nói. - Bố mẹ đã mua nó khi bố mẹ mới đến đây nhưng giờ thì nó trông cũ kĩ, tàn tạ quá rồi. Mẹ sẽ sơn lại nó khi mẹ còn đủ sức làm được.

– Sơn màu gì hở mẹ?

– Mẹ cũng không biết nữa. Có lẽ là màu xanh lá cây.

– Vậy thì sơn màu xanh lục bảo hay xanh cỏ đi mẹ.

– Nhưng sơn vậy thì chói quá!

– Mình có thể cải tạo vài thứ quanh đây cho sáng sủa hơn mà mẹ.

– Con nghĩ chúng ta là những người sống buồn tẻ nhàm chán sao?

– Vâng, mẹ ạ.

– Có lẽ là con nói đúng. Khi người ta lúc nào cũng nghĩ có lẽ chỉ cần giữ cho mọi thứ sạch sẽ là đủ rồi thì ai mà quan tâm đến chuyện chúng trông ra sao kia chứ.

Thỉnh thoảng, mẹ tôi cũng kiếm được vài việc vặt ở các cửa hàng như phục vụ ở quầy hàng nhưng bố tôi luôn luôn tìm ra một lý do để kéo bà ra khỏi đó. Một người đàn ông Tây Ban Nha vô cùng đẹp trai có mái tóc đen xẹt keo bóng mượt chải ngược ra sau đã từng thích mẹ tôi. Tôi nghĩ ông ta chỉ cảm thấy bà cần vài lời tâm bồi để vui vẻ, phấn chấn lên. Ông ta khích lệ mẹ tôi mua một chiếc khăn lụa thật sự. Sau chuyện này, bố tôi trở nên hết sức om sòm rối rít, quan trọng hóa về chuyện lau chùi nhà cửa. Ông đưa ngón tay lên khắp các bề mặt trong nhà rồi nói với mẹ: “Berta, bà nhìn này, nhà cửa cứ như thể là nhà hoang khi bà cứ ra ngoài làm việc”. Thế là mẹ tôi bỏ việc để mỗi sáng bò ra lau chùi, cọ rửa tấm vải sơn lót sàn và chiều chiều ngồi

đan móc những thứ mà không còn ai thềm mặc nữa.

Quãng thời gian vui vẻ của mẹ tôi kéo dài được 10 tuần, trọn trong mùa hè đó. Có lần bà đưa một cái chổi lông chạm vào chóp mũi của bố tôi rồi cười ông.

– Berta, bà có mất trí không đấy? Hay để tôi kêu bác sĩ cho bà?

– Thôi, có gì mà anh làm âm ỉ lên như vậy. Có một tí nhựa thông dính ở đây này. Anh chùi nó đi nếu anh hay quan trọng hóa đến thế.

– Thế hôm nay con định làm gì? – Mẹ quay sang hỏi tôi lúc bà đang đun nước, mắt nhìn ra ngoài cửa sổ hướng sang căn hộ đối diện phía bên kia, nơi những tấm rèm vẫn buông ỉu rũ, u sầu còn những người sống ở đó thì hiếm khi trông thấy.

– Con sẽ ra ngoài – tôi trả lời mẹ.

– Ô, mẹ vui khi nghe thấy con nói điều này. Mà con đi đâu lúc mới sớm thế này?

– Con đi bộ, mẹ à.

– Lại đi bộ nữa. Con đã gầy lém rồi mà cứ đi bộ rồi không ăn không uống gì cả. Mà con có còn đau không, ở dưới đó đó?

– Không, con không còn đau nữa mẹ ạ.

– Vậy là chỉ còn đau ở trong tim thôi. Mẹ giờ này cũng vẫn đau vì những gì mình đã làm. Mà với mẹ, những hai lần cơ.

Tôi chạy khỏi nhà bếp và khỏi căn hộ, xuất hiện trên phố High, băng qua phố Marylebone rồi đi xuống công viên Regent's.

Bao quanh công viên là nhiều tòa nhà tráng lệ màu trắng. Lũ sư tử trong một sở thú ở đằng xa gằm vọng lại. Băng qua đường, tôi gằn như lập tức đến một cái hồ để đi chơi thuyền,

nơi có nhiều ngỗng trời giống như những con mà Alexander đã say mê tìm hiểu và sáng tác nhiều bài thơ ca ngợi. Ta có thể đi bộ từ mạn bắc sang mạn nam London xuyên qua các công viên của thành phố, hết Hampstead Heath, Parliament Hill Fields, Primrose Hill xuôi xuống Regent's rồi tới Hyde Park, Công viên Thánh St Jame's Park, Green Park - những công viên nằm gần sông - và đi bộ lên mạn tây để tới những không gian bao la rộng mở của Richmond, Clapham và Wandsworth. Công viên này có hươu nai, công viên kia có phòng trưng bày tranh còn những cái khác thì lại có nhà hát, sân khấu hòa nhạc ngoài trời hay sở thú. Chúng là thiên nhiên của tôi - những bãi cỏ được cắt xén, những bục đàn nhạc, những cái hồ để đi chơi thuyền, những chiếc xe bán kem, những quán cà phê đóng cửa vào mùa đông.

Những con ngỗng trời kêu âm ỉ vào sáng sớm mùa hè hôm đó, đòi tôi phải chú ý đến chúng. Tôi ngồi xuống một băng ghế để ngắm nhìn chúng và nghĩ về những gì Alexander đã trông thấy. Những đôi mắt nhỏ của chúng nhìn lại tôi, những đôi chân có màng của chúng lạch bạch đi qua bãi cỏ. Đàn ngỗng tụm lại quanh những chỗ có vụn bánh mì rơi vãi. Alexander từng có lần nói với tôi rằng ta không thể tưởng tượng được chúng đang nghĩ gì vì não của chúng nằm ở đôi cánh. Chúng có la bàn ở đó. Cả bản đồ nữa. Chúng biết chính xác những gì mình đang làm.

- Xin lỗi, quý cô trẻ tuổi! Đây là ghế của tôi. Ngày nào tôi cũng ngồi đây - một giọng đàn ông vang lên.

Và, ông ấy đứng ngay ở đó, trong chiếc áo khoác không thấm nước, một bên nách kẹp một bìa cứng bọc da. Mái tóc ông ấy đã ngả hoa râm và thưa mỏng, khuôn mặt tái xanh, môi dưới giật giật. Tất cả sức nặng trong lồng ngực to như cái trống và trên

đôi vai như bị đè căng ra dưới lớp vải cotton của chiếc áo sơ mi ông ấy mặc. Đôi chân và cả bàn chân của ông trông giống như chân của những con chim kia: những cái chi dưới thừa thãi, vô dụng. Ông ấy đấy, bác của tôi đang ở ngay đấy.

Tôi chưa từng trông thấy một người xanh xao, nhợt nhạt ở tù ra bao giờ. Chẳng có điều gì bác tôi có thể làm được để lấy lại làn da đầy sức sống như trước nữa. Nhà tù đã biến ông ấy thành ra bức họa một màu. Giọng bác tôi cứ ung úng lúc ông ấy nhìn tôi còn đôi tay thì giữ chặt cái bì da, ép mạnh vào bụng mình. Giờ thì tôi trông thấy cái mũi với cánh mũi dày giống như của mình. Ông có chung đặc điểm này với bố tôi và cũng là đặc điểm di truyền của họ cho thế hệ sau: một cái mũi không to, tẹt và béo tròn. Tất cả những điểm khác thì tôi thừa hưởng từ mẹ mình. Ông bác có khổ người hoàn toàn khác bố tôi với đôi bàn chân nhỏ bé. Điều này quả thật là lạ vì hai bàn tay của ông ấy căng tròn giống như đôi găng tay cao su phồng đầy nước.

– Được rồi – tôi nói, họng khít rịt. – Cháu sẽ dịch ra một chút để nhường chỗ cho bác.

Ông ấy ngồi xuống, vẫn để im không cởi cúc chiếc áo khoác không thấm nước cũng chẳng mở khóa kéo tập bì cứng bên trong đựng một xấp giấy kẻ và một cái móc giữ một cây bút bằng vàng. Tôi không thể dời mắt khỏi nó. Đây là tất cả Sándor Kovacs mà tôi biết với những món đồ trang trí hào nhoáng và cuộc sống xa hoa trong vàng bạc, kim cương.

– Đẹp chứ hả? – ông bác Sándor vừa nói vừa đưa cây bút ra cho tôi xem. – Nó được làm ở chỗ mà ta gọi là Cartier, chỗ cực tốt đấy. (Ông uốn âm “r” hết như cách bố tôi phát âm). Họ sản xuất đồng hồ, đủ các loại, nhưng chỉ toàn làm bằng vật liệu tốt nhất thôi. Cô thấy thế nào?

– Cháu thấy nó rất trơn láng dễ cầm.

– Chính xác. Đồ tinh xảo, chất lượng mà! Đó là cách mà ta đánh giá thứ gì đắt rẻ chứ không phải dựa vào chuyện nó tốn bao nhiêu tiền hay nó được làm bằng vật liệu gì.

Tôi có thể ngửi thấy mùi của bác mình vì ông ấy đang ngồi quá gần. Vẫn là cái mùi nước hoa dùng sau khi cạo râu đắt tiền như khi xưa, mùi hương ngọt gắt gây nôn nao ấy. Người ruột thịt thứ ba của tôi.

Ông bác tôi bắt đầu viết một cách chậm chạp. Bàn tay béo ụ thịt của ông di chuyển qua một câu. Thật là mệt mỏi khi nhìn ông viết như vậy.

– Ừ, phải rồi, tôi viết rất chậm - ông nói, ngược lên nhìn tôi.

– Chậm không phải ở đầu óc mà là ở ngón tay. Tôi bị tê cứng vì sương giá hồi chiến tranh. Vài sợi cơ vận động hơi không chuẩn. Đây là lý do vì sao tôi buộc phải có một cây bút tốt. Nếu không, tôi sẽ đánh rơi bút ngay.

– Cháu thấy rồi.

Ông ấy tiếp tục viết trong khoảng một phút nữa rồi dừng lại, xoa bóp mấy ngón tay.

– Cô đến công viên này thường xuyên à? Cô đi dạo đều đặn ở đây phải không?

– Không, cháu chỉ đi tắt qua đây thôi.

– Tôi thì sáng nào cũng đến đây. Tôi bị mất ngủ, không ngủ ngon được cho nên cứ tinh mơ là tôi đã dậy và đến đây đi bộ rồi. Tôi hay ngồi bên hồ này, chỉ có tôi với lũ chim kia. Tôi và chúng cùng ngắm mặt trời lên trên thành phố London. Phải, tôi thì ngắm cảnh còn chúng thì có việc riêng của chúng để mà quan tâm chú ý. Cái hình ảnh gì mà ta hay nói ấy nhỉ, là nước đọng ẩm ướt lên cành cây ngọn cỏ ấy, trông rất đẹp.

– Là sương.

– Phải rồi, sương.

Ông ấy lại cúi đầu xuống viết. *Tôi phải thừa nhận rằng mình không phải là một người tốt.*

– Xin lỗi bác nhưng ở đây còn thiếu một chữ a - không kiếm được cái tính tự cho mình là cái gì cũng giỏi, cũng biết, tôi lại ngứa mồm chỉ.

– Cô nói là thiếu một chữ “a” hả?

– Vâng.

– Thế chữ “a” thiếu chỗ nào đâu?

– Trong từ “thừa nhận” ấy, sau chữ “ư”.

– Cô chỉ cho tôi đi.

Ông ấy đưa cho tôi cây bút bằng vàng và tôi viết từ “thừa nhận” ra cho ông. Khi tôi viết xong, ông đánh vần thật to từ đó. THỪANHẬN.

– Thế mà khi tôi đánh vần từ này, miệng tôi vẫn không phát âm thấy chữ “a”.

– Cái chữ “a” đó có thể tinh quái như vậy đấy.

– Cảm ơn cô. Đó cũng là một sự giúp đỡ đấy. Tôi đánh vần không giỏi chút nào. Viết cũng vậy. Đây này, cô nhìn xem tôi đã viết loằng ngoằng như cua bò sáng trắng bao nhiêu chỗ như thế nào này.

– Bác đang viết gì đấy ạ?

– Tự truyện.

– Bác viết tự truyện vì mình là người nổi tiếng à? - Tôi hỏi và chờ đợi giây phút để lộ mình là cháu gái của ông, người đã biết chính xác ông là ai, bởi vì tôi muốn nghe thấy lời đầu tiên ông sẽ nói gì với tôi, sẽ kể điều gì về chính bản thân mình nếu ông tỏ ra hối hận; nếu ông thể hiện mình là một kẻ ăn năn hối

cải hay nếu ông bịa ra những lý do bào chữa cho tội lỗi của mình.

– Phải, tôi đã từng nổi tiếng.

Tôi đưa ra một cái cớ để ông nói dối.

– Bác là diễn viên à?

– Không, tôi làm kinh doanh.

– Bác nghỉ hưu rồi à?

– Tôi thôi làm cách đây ít lâu. Nhưng, trước đó, tôi cũng có vài năm huy hoàng. Tất cả mọi người đều được quyền gắn tên tuổi của mình với những năm tháng vàng son đó nếu họ có thể có được nó, và để nâng niu gìn giữ kỷ niệm, hãy làm cho chúng tươi sáng rực rỡ.

Tôi nghĩ đến thanh chocolate Toblerone trong chiếc hộp vàng, đến những món đồ lặt vặt mạ vàng, đến chiếc răng vàng ở tận sâu trong hàm của ông bác mình và chợt hiểu ra với một sự thương hại bất ngờ rằng ký ức này đối với ông cũng quý như vàng. Tôi cũng nhận ra những năm tháng đó mới ngần ngừ làm sao. Tất cả chỉ vền vẹn có bảy năm, kể từ khi bác tôi rời thoát khỏi Hungary cho đến lúc cuối cùng bị bắt, bị xét xử và bị ở tù.

– Thế bác kinh doanh cái gì? – Tôi hỏi.

– Bất động sản và giải trí.

Tôi nghĩ thầm ông không nhớ ra mình. Sao ông nhớ được chứ? Khi xưa, tôi chỉ là một đứa bé gái còn bây giờ tôi đã là một phụ nữ trưởng thành, hay đó là cách mà tôi nghĩ về mình.

Có một vài thời điểm trong cuộc chuyện trò này, lẽ ra tôi đã có thể nói cho bác tôi biết mình là ai và cũng có nhiều lần, như về sau tôi được biết, lẽ ra bác tôi cũng nói thật với tôi về ông vì hóa ra ông nhận ra tôi ngay từ lúc mới tình cờ gặp mặt. Không

phải vì ông có một trí nhớ tốt mà vì bố tôi trước đó đã hã hê vào tù gặp ông những ba lần, lần nào cũng đẩy ra cho bác tôi thấy những bức ảnh chụp tôi lúc vào đại học, tốt nghiệp đại học và đính hôn với Alexander. Tất cả để cho bác tôi phải lác mắt trước thành công mà bố tôi đã tự thân tạo dựng được thông qua tôi. Nhưng lúc đó, tôi không hề biết điều này.

Tôi cũng không nói rằng “Cháu chính là Vivien Kovacs, cháu gái của bác, đứa cháu bé xíu mà bác đã từng có lần đến thăm”. Tôi không thể tìm ra lời nào để nói dù những lời đó rất đơn giản. Ông bác tôi thật là... Tôi không biết phải nói sao. Trước đây, khi tôi trông thấy bài báo trong thư viện, khi tôi đọc cuốn sách đó về ông, ông chỉ là một khái niệm chứ không phải là một con người, chỉ đơn giản là một loạt những ý kiến về nhà ổ chuột.

Trước đây, khi tôi tưởng tượng về cuộc gặp này, luôn có trao đổi trò chuyện bằng lời mà trong đó, tôi sẽ nói cho bác tôi biết mình là ai, đồng thời tôi cũng nghĩ ra câu trả lời của ông. Nhưng, hóa ra trong cuộc đời thực, ông không phải là những ý kiến mà là một con người bằng xương bằng thịt, với những móng tay và lông mũi có thật.

Và bây giờ thì tôi hiểu rằng bác tôi tin là ông có thể chuẩn bị một ấn tượng tốt, ông muốn tự bào chữa trước tòa án dư luận và trước sự phán xét của tôi rằng ông có lý do để hành động như thế. Ông không muốn cầu xin khoan hồng đặc biệt vì ông là bác tôi, là anh trai của bố tôi. Ông hết sức muốn tôi biết rằng ông không phải là gương mặt của quý nhưng là một thứ gì đó nhìn chung phức tạp hơn nhiều.

– Tôi có rất nhiều kỷ niệm – ông nói. – Đó là lý do vì sao tôi viết. Tôi muốn viết tất cả ra giấy để có một cái gì đó ghi giữ lại, để người ta sau này được biết.

- Người ta là ai?
- Dĩ nhiên là cả thế giới và bất kỳ người nào quan tâm.
- Thế những người đó có thể là ai?

Ông bác tôi do dự. Nhưng rồi ông quay sang nhìn tôi với đôi mắt tựa hồ như có nước, đôi mắt từng có màu chocolate đen nguyên chất nhưng giờ đây đã phai nhạt thành màu nâu vàng, với cái môi ướm và chiếc cằm run run.

- Em trai tôi.

Khi bác tôi xuất hiện ngay trước ngưỡng cửa nhà tôi và hai anh em quát thét âm âm vào mặt nhau, tôi đã cảm lạnh đi hoàn toàn trước sự hiện diện của ông, sự xuất hiện đột ngột từ một cõi hư vô (như tôi phát hiện, ông từng ở trong một chốn hư vô, một sự trống rỗng khủng khiếp, rất gần với cái chết, gần đến nỗi giống như thể đã chết rồi, thậm chí còn tăm tối hơn cả cái chết - sự trống rỗng được soi sáng bằng nỗi khiếp sợ). Chuyện bố tôi căm ghét anh trai mình thì đã rõ. Một bên là ông thần lùn giữ của đeo kính đã cặm cụi lao động suốt 25 năm trời mà vẫn không được ai để ý nhận ra bất cứ thứ gì mà ông đã làm và một bên là tên gangster tàn bạo, một kẻ cướp bất ngờ xuất hiện từ quá khứ, từ một quãng thời gian có vẻ như giống một ảo giác hơn là quá khứ có thực. Nhưng ba từ “em trai tôi” nghe có vẻ hơi là lạ đối với tôi. Bởi là con một nên tôi có cảm giác hơi sốc vì ghen tị với những thứ đã từng có giữa họ, một mối quan hệ anh em máu mủ ruột rà mà tôi không bao giờ được trải nghiệm.

- Thế bác định làm gì với tự truyện của mình khi bác viết xong? - Tôi nói, vẫn chưa dám đi xa tới từ em trai.

- Dĩ nhiên là tôi sẽ cho in thành sách. Tôi muốn nó phải được in thành sách, có tên tôi hẳn hoi ở ngoài bìa.

- Thế bác đã viết được tới đâu rồi?

– 11 trang, cần phải viết bao nhiêu trang thì mới thành sách được?

– Cháu không biết. Nhưng cháu nghĩ chắc là phải khá nhiều đấy.

– Quả là vấn đề khó khăn đây, vì tôi vẫn còn nhiều điều muốn kể lắm.

– Rồi bác cũng sẽ viết xong thôi.

– Tôi viết chậm lắm, chậm vô cùng.

– Thế bác dành cả ngày để viết tự truyện à?

– Không, chỉ viết vào buổi sáng thôi, ngay tại đây, ở công viên này. Tôi không thể chịu nổi cảnh một mình ở trong phòng. Tôi không thích giam mình ở trong phòng, đặc biệt là nếu căn phòng ấy nhỏ bé, chật chội.

Đôi mắt của ông lại bắt đầu chảy nước.

– Không phải là tôi khóc đâu. Tôi có bệnh ở mắt. Cách đây hai ngày, tôi giẫm phải mắt kính của mình cho nên bây giờ tôi không thể nhìn thấy rõ để viết lách gì cho đến lúc bác sĩ nhãn khoa làm lại cho tôi một cặp kính khác. Tôi đang chờ có kính mới nhưng tôi cũng không muốn bỏ lỡ một ngày nào. Nhất định không. Làm sao tôi biết được mình còn sống được bao lâu nữa để kể hết tất cả những gì tôi cần phải kể cơ chứ? Ta không thể để uổng phí. Phung phí là rất tệ. Cô có hiểu không? Có hiểu không, quý cô đáng mến? – Ông quay sang tôi với một vẻ mặt của một người đã mất khả năng biểu đạt bằng lời và đang cố gắng giao tiếp truyền đạt một điều gì đó rất khẩn thiết bằng đôi mắt của mình.

– Có, cháu hiểu. Điều đó thật là tôi tệ.

Cuộc đời tôi chẳng ra một thứ gì, chỉ toàn là một sự phung phí.

Khuôn mặt bác tôi thay đổi, trông bối rối.

– Cô đã kết hôn hay yêu đương tìm hiểu ai chưa?

– Cháu là một người vợ góa. Chồng cháu đã mất rồi.

– Gì cơ? – ông ngả sụp người ra sau băng ghế, thốt lên với vẻ bị sốc – Sao lại thế này được chứ? Một cô gái trẻ như cô mà đã thành người góa chồng sao? Thật là một điều đáng tiếc, hết sức đáng tiếc. Thế điều gì đã khiến cô thành quả phụ?

Tôi kể lại câu chuyện cho ông nghe.

– Chuyện sao mà khó tin vậy!

– Đúng vậy đấy, bác ạ.

– Cậu ấy chết vì một miếng thịt bò ư? Bị nghẹn tới chết trong một nhà hàng lúc cả hai đang đi hưởng tuần trăng mật ư?

– Vâng.

– Không ai làm được gì sao?

– Người ta cứ vỗ vỗ mãi ở lưng anh ấy nhưng chẳng có tác dụng gì.

– Ôi, trời ơi! – bác tôi thốt lên.

Ông đưa một tay ra như thể muốn cầm lấy bàn tay tôi nhưng tôi đã thu tay lại, hai cùi chỏ khuyên ra hai bên. Tôi không muốn ông chạm vào mình.

Tôi nhớ mình đã quay ra từ phòng tắm sau khi chải tóc và thoa lại son môi. Alexander luôn cảm ghét đồ ăn nguội lạnh. Bố anh bao giờ cũng cầu nguyện lâu như hàng thế kỷ trước giờ ăn. Rau chỉ còn âm ỉm còn nước sốt thì đã đông nguội. Vì vậy cho nên anh cứ ăn trước, không chờ tôi. Tôi thấy anh nằm ngả sóng soài ra sau ghế, hai chân quẩy đạp còn tay thì đấm thình thình xuống mặt bàn như thể anh đang cố thu hút sự chú ý. Đôi mắt anh trợn ngược ra phía sau đầu còn miệng thì há hốc thành

hình chữ O vô vọng.

– Sao vậy, anh làm sao vậy? – Tôi la lên.

Nhưng Alexander chỉ quay sang nhìn tôi với ánh mắt trừng trừng buộc tội như vậy.

Một người bồi bàn bắt đầu đập mạnh thùm thụp vào lưng anh một cách vụng về trong khi Alexander lắc đầu giận dữ và tự đâm mạnh vào bụng mình, ngay dưới xương sườn. Đĩa thức ăn bị đẩy tới chỗ lọ muối. Miếng thịt lườn bò đã bị cắt mất một góc và những miếng khoai tây rán vương vãi khắp khăn trải bàn. Anh nhào người tới mép bàn rồi gục đầu xuống, mắt ầng ậng nước. Người bồi bàn tiếp tục hết đập lại vỗ.

Tôi trông thấy lông trên cánh tay Alexander ánh lên một màu bạc dưới ánh sáng của nhiều ngọn đèn; cả cổ tay áo trắng có khuy măng sét là quà sinh nhật lần thứ 21 cùng chiếc nhẫn cưới vẫn còn lạ lẫm và hơi lỏng trên tay trái của anh. Tôi chứng kiến cảnh anh đang lịm dần. Tôi chỉ biết đứng nhìn trong khi anh thấy sự sống đang đóng lại ngay trên đầu mình, rơi xuống một màn đen đặc. Và trong lúc tôi cứ đứng trơ ra đó, mắt anh đã khép lại, não chết vì thiếu ôxy còn tim thì ngừng đập.

Cuộc đời sao thật bất ngờ. Ta bước vào phòng tắm lúc một cô gái không quen biết đang nằm tắm trong bồn, cạnh một bình hoa phi yến và cô ấy gợi cho ta nhớ đến một bức tranh mà ta đã từng nhìn thấy. Để rồi, 3 năm sau, cũng bởi vì cái sự bất ngờ đó, cũng bởi vì chính cô gái ấy mà ta chết khi tuổi mới tròn 24. Không phải là một cái chết đến từ từ, kéo dài chừng một năm mà là chết ngay tức khắc. Chết vì nghẹn một miếng thịt bò bít tết chỉ độ 2-3cm, chết mà không thể nói được để chỉ cho người ta biết cách cấp cứu bằng thủ thuật đẩy bụng Heimlich.

– Điều đó thật khủng khiếp - bác tôi cất lời chia sẻ. - Bản

thân tôi cũng tận mắt chứng kiến cảnh người ta chết mà tôi không thể làm được gì cho họ. Và chuyện này vẫn đeo bám ám ảnh ta, không cho ta được yên. Nó khiến ta cứ day dứt ân hận nghĩ về những việc lẽ ra mình nên làm. Thế bây giờ thì chuyện gì xảy ra với cô?

– Cháu không thể đi Baltimore. Cháu không có công việc nào ở đó. Thậm chí nếu cháu tìm được việc thì cũng không thể trả nổi tiền cho căn hộ mà chúng cháu đã thuê. Cháu quay về London và hiện sống với bố mẹ.

– Cô có việc làm chứ?

– Không, cháu thất nghiệp.

– Cô có học hành chuyên ngành gì không?

– Cháu có bằng cử nhân ngành văn chương Anh và đang làm luận án cao học.

– Vậy là từ nãy đến giờ tôi đã tiếp chuyện với một quý cô học cao biết rộng. Cô hẳn đã đọc rất nhiều sách. Thế mà tôi đã chẳng hỏi gì. Chắc là cô đã rành rẽ mấy chuyện mảnh mung đó.

– Chuyện mảnh mung gì cơ?

– Là về sách đó. Viết như thế nào rồi xoay xử xuất bản ra sao.

– Không, cháu chỉ biết về Dickens, Shakespeare, đại loại là những nhà văn như thế. Cháu không biết nhiều về các tác giả đương đại.

– Cách đây nhiều năm tôi có xem một bộ phim của ông ấy. Phim “Henry V” có tài tử Laurence Olivier đóng đó. Tôi không hiểu lắm. Tiếng Anh mà người ta nói trong bộ phim đó toàn từ cổ làm tôi khó nghe quá. Nhưng hình như ông ấy là vua gì đấy, phải không? Một ông vua rất nhân hậu. Cô thấy không, chẳng có thứ gì giống với đời thực cả.

– Cháu không biết nhiều về đời thực - tôi đáp.

– Sao cơ? Còn tôi thì chẳng biết gì về Shakespeare. Chúng ta ai cũng có giới hạn riêng của mình, phải không? Tôi nói có đúng không? - ông dò hỏi.

Lũ chim kêu quang quác âm ã khắp mặt hồ và đập cánh kinh hoàng. Cả một bầu trời đông gây huyền não om sòm. Có lẽ chúng nghe được những âm thanh mà chúng ta không thể nghe thấy. Một quả bom phát nổ trong những ga tàu điện ngầm chẳng hạn. Năm trước, đã có nhiều quả bom như thế phát nổ rồi.

– Máy con kia là ngỗng trời đấy - ông bác tôi chỉ vào những con có cái đầu đen. - Tôi biết vì người ta có để một tấm bảng dán hình đủ thứ lên đó kèm cả chú thích bên dưới nữa.

– Chồng cháu đã từng làm thơ về lũ ngỗng trời đó - tôi kể.

– Về ngỗng trời à? Ta có thể làm thơ về những thứ như vậy sao? Tôi chưa bao giờ biết điều này. Tôi cứ nghĩ thơ là về tình yêu chứ.

– Ta có thể sáng tác thơ về bất cứ thứ gì ta thích.

– Thế tại sao lại về ngỗng?

– Anh ấy cố gắng đi vào bên trong chúng, sâu xuống tận đáy tâm hồn chúng.

– Chim mà cũng có tâm hồn sao?

– Vâng, Alexander tin rằng chúng có tâm hồn. Anh ấy nghĩ về chúng rất nhiều.

– Nghĩ về cái gì?

– Tất cả mọi thứ. Anh ấy viết rất nhiều bài thơ ngắn về chúng. Nào là vận tốc không khí đập vào cánh chúng, bộ xương chúng nhẹ như thế nào, trọng lượng của mỏ chúng, những thứ

chúng cần làm với đôi mắt của mình cho đến chuyện chúng bay lượn, di trú. Cả về nước và khả năng định hướng của chúng nữa. Cháu phải nói đó là một nghiên cứu khoa học về loài ngỗng được viết theo lối văn hoa bóng bẩy ẩn dụ.

Bác tôi lại nhìn đàn ngỗng lần nữa. Ông dõi mắt vào chúng một lúc rồi lắc đầu. “Cô thấy đấy, tôi đang ngắm nhìn lũ chim đây này nhưng tôi chỉ thấy chúng là chim thôi. Cô có nhìn thấy điều gì khác không? Đây là lý do tại sao thật quan trọng phải lắng nghe dân trí thức nói. Một người như tôi có thể thu lượm được nhiều thông tin bổ ích dù tôi không biết làm cách nào mình có thể nặn đâu ra chút hữu ích gì từ lũ chim ấy ngoài chuyện rán vàng chúng lên với khoai tây hay nấu chúng thành món súp. À mà cô cũng làm thơ đấy chứ?”

- Không, cháu chỉ phân tích thơ thôi.
- Phân tích thơ là gì?
- Là tách nó ra để xem nó có ý nghĩa như thế nào.

Nhưng bác tôi chẳng còn hứng thú về thơ ca nữa. Ông đang suy tính một kế hoạch. Các kế hoạch thường đến với ông hết sức nhanh chóng. Đó là cách mà bộ óc của một nhà kinh doanh hoạt động. Những ý tưởng xuất hiện giống như tia chớp. Chúng vụt lóe lên rực sáng chói lòa. Ta chỉ thấy một thứ là bóng tối đen đặc mới cách đây một giây trước nhưng đầu óc thiên tư thiên phú nhạy bén của dân kinh doanh thì đã nảy ra những ý tưởng như tia chớp kia rồi. Họ giữ nó thành một hình ảnh trong đầu và phác thêm chi tiết tỉ mỉ, tiếp tục tưởng tượng ra những gì mà ta thấy.

- Cô này, tôi vừa mới chợt nghĩ nếu cô không có công việc gì thì liệu cô có muốn đến làm cho chỗ tôi không?
- Nhưng mà làm việc gì mới được chứ? – Tôi hỏi với một vẻ

ngạc nhiên sửng sốt. Vận mệnh cuộc đời tôi mới xuống chó làm sao khi tôi nhận được lời đề nghị làm người đi thu tiền thuê nhà cho ông bác mình.

– Tôi nghĩ có lẽ cô sẽ giúp tôi viết sách.

– Làm sao cháu làm được chuyện đó?

– Tôi sẽ mua một cái máy ghi âm và một cái máy đánh chữ. Tôi kể với cô tất cả mọi thứ còn cô thì đánh lại cho đúng. Tất cả các từ phải được đánh vần theo thứ tự chính tả đúng của nó. Không để xảy ra một lỗi nào. Cô mở lại băng, nghe và đánh máy tất cả ra giấy cho đúng, cho đẹp.

– Và bác sẽ trả tiền công cho cháu chứ?

– Tiền công à? Dĩ nhiên rồi. Tôi sẽ trả. Cô nghĩ tôi là người thế nào hả?

– Thế khi nào cháu bắt đầu?

– Sớm muộn tùy theo cô thích. Hay Thứ hai cô đến đi.

– Đến đây ư?

– Không, tốt hơn là đến nhà tôi. Chúng ta cần phải có điện để chạy máy ghi âm.

– Vâng, thế cũng được.

– Tôi là Sándor Kovacs - bác tôi tự giới thiệu mình với tôi. Tôi thấy trong đôi mắt ông hiện lên rằng trái tim của ông đang ngập tràn cảm xúc. Điều này khiến cho tôi lúc ấy thấy ngạc nhiên.

– Rất vui được gặp bác - tôi vừa nói vừa rà kiếm trong đầu một cái tên rồi cuối cùng nhớ tới một cô gái ở trường có suối tóc vàng mượt mà. - Còn cháu là Miranda Collins.

– Meeranda - ông nhắc lại - Meeranda. Tôi không biết cái tên này. Tên của tiếng nước nào vậy?

9

Nếu ta cố gắng, nếu trong tận sâu thẳm ta sẵn sàng để cho cái tôi của mình được ra đi biến mất hoàn toàn thì ta sẽ bước vào được tâm tư đầu óc của người khác. Điều này đòi hỏi phải có một thói quen suy nghĩ nhất định được hình thành qua nhiều năm đọc sách theo cách của tôi: kiểu đắm chìm vào trong sách (mà Alexander đã từng giễu). Phải đọc theo cách đó để chúng không ăn vào trong đầu ta quá nhiều mà thay vào đó, chúng chỉ là một giấc mơ còn ta thì đi vào trong chúng.

Đây là cái trò mà tôi thường chơi mỗi khi buồn chán hay phải ngồi chờ đợi trên xe buýt, tàu hỏa hay tại phòng đợi khởi hành ở sân bay: luyện thành thói quen đoán khi nào một người chuẩn bị đứng dậy đi mua một tờ báo, một tách cà phê hay lấy giấy tờ gì đó khỏi cặp. Tôi cũng có một khả năng kỳ lạ là luôn luôn biết lúc đó là mấy giờ mà không cần phải xem đồng hồ treo tường hay đeo tay. Alexander có lần giải thích với tôi rằng đó là một ý nghĩ tư duy logic lóe lên trong đầu với vận tốc ánh sáng. Nó vụt qua nhanh đến nỗi không thể ghi lại được. Tôi thấy vui khi nghe giải thích này của anh vì trước đó tôi cứ lo sợ mình bị một chứng rối loạn thần kinh. Có vài lần tôi thực sự lo lắng nghĩ không biết mình có bị điên, không biết bố mẹ mình đã làm cho mình hóa rồ hay đơn giản là mình sinh ra đã như vậy, hay chính cái không khí tù túng ngột ngạt khép kín của Benson Court khiến mình thành thế này. Mỗi khi bước tới ngưỡng cửa 30 ổn định cuộc sống hơn với hôn nhân và con cái, tôi mới thôi nghĩ ngợi lo lắng như vậy.

Giờ thì tôi không cho là mình bị điên bao giờ. Chỉ là tôi có một trí tưởng tượng phong phú quá mức của một đứa trẻ. Có phải lúc nào ta cũng hiểu đúng về người khác khi ta cố gắng tưởng tượng mình là họ? Đó lại là một vấn đề khác. Nhưng, rõ ràng là ta càng luyện thành người khác thì cuộc sống của ta sẽ càng trở nên thú vị dù cũng khó mà chịu đựng hơn, vì ta hiểu ra rằng hầu hết con người chúng ta đều chạm tới giới hạn của riêng mình nhanh như thế nào, không thể đạt được những ước vọng bùng cháy của mình ra sao.

Giờ đây, 30 năm sau, tôi nghĩ về việc bác tôi đã chuẩn bị chờ đón tôi đến. Chắc hẳn những gì có ý nghĩa đối với ông là biết rằng cuối cùng tôi cũng đến nhà ông. Đứa cháu gái bé nhỏ ngày nào ông có lần trông thấy bầu chặt cạnh cửa đang mở, đứa cháu gái giờ đã khôn lớn và mang trong mình bao nỗi đau buồn, sầu muộn xé nát tâm can rốt cuộc cũng đặt chân tới nhà ông. Lần nào tới cửa hàng Harrods^[27], tôi cũng thấy ông đến thang máy lên tầng ba. Hồn ma của ông ngụ ở chỗ đó. Tôi mong là như vậy.

Ông thích bước vào tòa nhà đó lúc sáng sớm, vừa ngay khi những người đàn ông mặc đồng phục mũ chóp cao áo khoác đẩy cửa bước vào khảo giá. Ông biết ông được an toàn ở đó, nơi mà ông gọi là cửa hàng tốt nhất thế giới, nơi ta có thể mua bất cứ thứ gì ta muốn, thậm chí là chó, mèo hay chim, cá trong lồng, trong chậu. Đôi khi, ông bỏ cả ngày trời chỉ để nhìn ngắm tất cả những thứ đẹp đẽ mà ông từng sở hữu trước lúc vào tù hay từng xem là chuyện vặt, chẳng đáng phải bận tâm. Dù cảm thấy chúng giống như nước chảy qua kẽ tay nhưng ông vẫn thấy vui với việc cầm nắm chúng trong chốc lát cho đến khi có một thứ khác thu hút ánh mắt chú ý của ông.

Rảo bước qua các sảnh, ông ngửi thấy đủ loại nước hoa, ông

ngắm nhìn những phụ nữ xinh đẹp diện váy áo thời trang mùa xuân và điệu dàng với những đôi giày cao gót. Ông trông thấy một phụ nữ trẻ có mái tóc đỏ và má lúm đồng tiền, bước đi trên đôi giày da màu đen tinh xảo gót cao và bo tròn. Cô gái quay sang và bắt gặp ánh mắt của người đàn ông đang dõi theo mình. Ngay lúc ấy, ông nghĩ cô ấy sắp sửa la toáng lên và gọi nhân viên bảo vệ. Nhưng không, cô chỉ tự mỉm cười với mình vì cô hiểu rằng mình được ngưỡng mộ, thậm chí bởi một người như ông, một ông già có chiếc môi dưới trề xuống. Và bác tôi cũng dám khẳng định ngay tức thì rằng cô ấy là một phụ nữ đứng đắn. Ông nghĩ nếu họ được giới thiệu với nhau, ông sẽ hôn lên tay cô ấy giống như có lần đã từng hôn lên tay của Shirley Bassey^[28]. Ông đứng đấy, giữa những cô nàng có khuôn mặt tô son điểm phấn, toàn bộ trong lòng ao ước, khao khát chỉ cần được đặt khế miệng hôn phớt lên làn da cô gái giống như đối với một nữ hoàng.

Đến chủ nhật, bác tôi nghỉ ngơi và nghĩ ngơi, ông thắc mắc vì sao tôi lại tự giới thiệu mình với một cái tên giả. Tại sao lại là Collins? Có lẽ Collins là gọi theo họ chồng tôi. Nhưng còn cái tên Miranda thì sao? Ông đã từng gặp nhiều người dùng nhiều biệt hiệu vì đủ thứ lý do khác nhau nhưng ông không nghĩ một cô gái trẻ cũng cần đến tên giả, trừ phi cô ấy muốn chạy trốn khỏi London, bỏ lại sau lưng bố mẹ và chồng, những người mà cô ấy muốn không tìm ra cô.

Bác tôi lật qua lật lại trong đầu đủ mọi phỏng đoán khác nhau cho đến khi rốt cuộc, như về sau tôi phát hiện ra, ông tìm ra được một giải thích khả dĩ nhất: tôi đang ngắm theo dõi ông cho một người nào đó.

Tôi hình dung ra ông ở trên giường đêm đó cùng Eunice.

– Theo dõi anh hả? Mà nó làm việc cho ai chứ nhỉ? – Eunice

hỏi bác tôi. Ông ngả người dựa vào đầu giường làm bằng mây. Dưới ánh sáng của ngọn đèn bàn để cạnh giường mà Eunice đã mua cho ông, chiếc đèn có đế là một chậu bé bằng sứ đen bóng đang giương cao một chiếc ô lụa đỏ tức chao đèn, tôi thấy đôi mắt ông chảy nước.

– Có thể là cho mấy tờ báo.

– Anh Sándor này, - Eunice vừa nói vừa thoa kem dưỡng da tay lên da mình rồi xoa lên tận hai khuỷu tay - báo chí chẳng còn hứng thú với chuyện của anh từ đời nào đời nào rồi.

– Ừ, đúng là như vậy - ông thừa nhận và biết rằng chỉ có mỗi Eunice mới dám nói thẳng thừng điều này vào mặt ông. Một người phụ nữ táo bạo, thẳng thắn không thích những chuyện mơ mộng tưởng tượng mà chỉ quan tâm đến thực tế, thực tại. Đó cũng chính là điểm mà bác tôi khâm phục cô bồ trẻ của mình.

Bác tôi không thể chờ đến thứ Hai mới gặp lại tôi. Và tôi cũng biết chắc một điều là tôi cũng háo hức gặp ông không kém.

* * *

Bố mẹ tôi hỏi han muốn biết tôi đang đi đâu. Tôi giải thích rằng mình vừa mới tìm được một công việc bán thời gian đằng sau những cuốn sách, làm cho một người đàn ông có thư viện riêng, cụ thể là sắp xếp thành thư mục cho bộ sưu tập sách của ông ấy. Bố mẹ tôi tin vào lời tôi giải thích, an tâm thấy tôi ra khỏi nhà thay vì nhăn nhó, khóc lóc và ngủ lì. Tâm trạng tôi thay đổi hoàn toàn: Tôi lại tìm thấy một thứ để sống vì nó: đầu óc cực kỳ tò mò của tôi về người đàn ông bị cho là có gương mặt

của quý dữ nhưng kỳ thực lại có lỗ mũi đầy lông, chiếc môi dưới bị tật rung giật và một đôi mắt lòa. Có hàng nghìn câu hỏi mà tôi muốn đặt ra về bố mẹ tôi cùng thời trẻ của họ ở Budapest sống vô tư chẳng chút lo lắng bận tâm đến thế giới, quãng thời gian trước khi họ trở thành những người tị nạn ẩn dật luôn trốn sau cửa chính nhà mình và rụt rè biết ơn bất cứ một sự ân cần tử tế nào. Sau tất cả những khoảng trống và thình lạng mà tôi đã lớn lên cùng với chúng và buộc phải xem là điều hiển nhiên, cuối cùng tôi cũng sắp sửa có được hàng núi câu trả lời để hiểu về những bí mật che giấu.

Tôi biết mình chuẩn bị gặp một con quý, một kẻ tàn bạo thực sự. Những tội ác tợn thân chúng đã nói lên tất cả, còn con quý kia thì bị nhốt trong cơ thể một người đàn ông chớm bước tới tuổi già, người đàn ông có những ngón tay đau nhức mỗi khi cầm bút và hay mắc lỗi chính tả.

Người đàn ông ấy sắp sửa thú nhận với tôi về tội lỗi của mình, hay nói đúng hơn là những lời bào chữa về tội ác biến thành lời thú tội. Khi đó, tôi sẽ cần phải vận hết tất cả trí thông minh hiểu biết của mình, vượt ra ngoài trải nghiệm cuộc sống ít ỏi đáng thương có được trong quá trình lớn lên ở Benson Court rồi cứ thế học hành, vào thẳng một ngôi trường đại học xây bằng bê tông và lộng gió cách đây chưa đầy 8 năm. Vậy nên, tôi ước gì Alexander còn sống để anh đan các ngón tay của mình vào nhau (anh thừa hưởng thói quen này từ người cha làm cha xứ của mình) và giải thích rằng luôn có một sự phân biệt rạch ròi giữa đúng và sai, ta có thể phân biệt được bằng cách suy nghĩ rõ ràng và logic. Có một núi những tài liệu sách vở nói về chủ đề này, thứ mà anh đã chìm đắm mình vào đọc thuở còn là một cậu thanh thiếu niên, lúc anh thoát khỏi sự kiểm soát của lý thuyết để lạc vào đại dương mênh mông

không bờ bến của thuyết vô thân và đòi hỏi phải có một chuẩn mực đạo đức mới, thứ mà cho tới lúc đó vẫn chưa được truyền lại cho thế hệ sau qua những văn bản khắc trên đá.

Logic là thứ mà không một ai trong gia đình tôi từng xem là một đặc điểm đáng để trau dồi rèn luyện hay là một phương pháp luận gắn liền với bất kỳ một mục đích rõ ràng nào. Ta làm việc dựa trên bản năng và cảm xúc, chủ yếu là cảm xúc sợ hãi và nhát gan. Nguyên tắc là để dành cho người khác, loại người có tử chèo và bình thon cổ đựng rượu cùng những tập giấy tờ có tên của họ trên đó, những giấy tờ mà không một ai mặc sức phụng có thể hỏi han hạnh họ. Họ sống trong cảnh giàu sang nhưng lụn bại, chẳng hạn như luôn có hoa tươi cắm trong bình và thường đi ăn bên ngoài ở các nhà hàng. Ta có thể khao khát một ngày nào đó trở thành một người có địa vị và thu nhập rủng rỉnh sau thuế đủ cao đủ lớn để định ra một nguyên tắc. Nhưng, nền tảng của sự tồn tại của chúng ta là sự ngờ vực. Hơn nữa, ta chỉ có thể làm được điều đó nếu ta được trời phú cho đầu óc ranh khôn.

Đặc điểm thừa kế này là tất cả những gì tôi có sẵn để tùy nghi sử dụng theo ý mình trước khi đến gặp bác tôi, một tên quý sù. Ngoài ra, tôi chỉ có sách. Tôi nghĩ bác mình giống như Fagin^[29], kẻ sống trên mồ hôi xương máu của băng nhóm trẻ đường phố mà hấn chần dặt. Trừ có một điều, tôi luôn luôn cảm thấy có một nỗi cảm thông nhất định nào đó với người đàn ông lịch sự đó, người có vẻ như ít tàn bạo hơn nhân vật Fagin đã nhốt cậu bé mồ côi Oliver Twist vào trong quan tài khi cậu đi ngủ mỗi đêm. Ít nhất thì đám tay chân của bác tôi cũng có tự do, được cười đùa, trở ngón nghề chợ búa và móc túi.

Căn nhà nơi bác tôi ở nằm trong một dãy nhà cao và hẹp xây theo phong cách đầu triều đại Nữ hoàng Victoria^[30] bên kia

phố Parkway, gần trạm xe điện ngầm - một nơi nhếch nhác, dơ bẩn và đầy gió của London, một trong những vùng lân cận có mùa xuân đến muộn và mùa đông đến sớm của thành phố. Những căn nhà đó thời nay đáng giá hàng đồng tiền nhưng hồi đó ta có thể mua chúng với giá rẻ mạt. Người ta nhốt trong nhà những con vật nuôi kỳ dị, ngược đời chẳng theo thói thường và những con chó, con mèo đó trông ốm đói và bị bỏ rơi. Phải mất một lúc ông bác Sándor của tôi mới xuống hết các bậc cầu thang. Ông mở cửa cho tôi, mặt mày trắng bệch và thở hổn hển, mặc một chiếc áo len đan màu hạt dẻ có khóa kéo cao và mang đôi dép bọc nhung dùng để đi trong nhà có họa tiết thêu chỉ xanh da trời và vàng đồng ở mũi, thứ mà ta đánh cắp từ một khách sạn.

Ông nhìn tôi như thể tôi là một cảnh sát, sẫm soi dò xét xem tôi có dấu hiệu mang theo lệnh truy nã hay không.

- Là cháu, Miranda đây, - tôi cất tiếng - bác đã bảo cháu đến mà.

- Vâng, tôi biết rồi - ông nói - cô đừng lo, tôi không quên đâu. Tôi đã mua tất cả các thứ cần thiết rồi. Thôi, cô vào nhà đi!

Dọc theo hành lang là một dãy cửa, chiếc nào cũng có một con số ở trên đó. Bác tôi quay lại với công việc kinh doanh bất động sản theo một cách thức nhỏ lẻ. Ông sở hữu ba căn nhà ở Camden nhưng cho đủ thứ người thuê phòng ở đó còn mình thì sống tách xa khỏi những căn hộ cho thuê. Tôi không biết làm cách nào mà ta có thể nhét nhiều căn hộ vào tầng trệt của một căn nhà như vậy nên định mở miệng hỏi ông. Thế nhưng, bác tôi đã đẩy tôi về phía trước, bước lên một dãy cầu thang, đi ngang qua một bức tường có dán giấy nhựa vinyl màu xanh lá cây pha màu đồng, ngang qua những bức tranh in cảnh săn bắn có đóng khung và lướt qua một mùi sơn mới. Khung cảnh hoàn

toàn chẳng như tôi nghĩ. Đây không phải là một khu ổ chuột. Đây là một căn nhà tốt, được trang trí dễ chịu. Ý tôi là chẳng có thứ gì trông gớm ghiếc ở đây cả. Dù nó nhàn nhạt nhưng thường thì người ta đều chấp nhận cái sự nhàn nhạt ấy. Thà nhạt nhẽo còn hơn là chen chúc trong những căn hộ có mái bị dột, tay vịn cầu thang bị mục khô, gãy nát, nhà vệ sinh bị tắc, hệ thống lò hơi sưởi ấm bị hỏng, nổ tung gây chết người.

– Tới nơi rồi - bác tôi vừa nói vừa xoay chìa khóa trong ổ. - Tôi hi vọng là cô thích đồ đạc trong nhà. Một cô bạn đã chọn cho tôi.

– Hàng song mây. Nó dễ chịu đấy - tôi nhận xét với vẻ thận trọng.

– Cô ấy bảo tôi là ta sẽ cảm thấy giống như ở xứ sở nhiệt đới với bàn ghế làm bằng song mây. Cô cứ nhìn ngắm đi, quay sang đây này. Thấy cái gì ở đây không?

Món quà tuyệt vời này, món quà dành tặng cho một người đàn ông từng phải chong chong mắt bao nhiêu năm lên bức tường nhà tù, là một bức bích họa, một bức tranh vẽ cảnh hoàng hôn trên một hòn đảo ở Caribe, thứ mà ta có thể bắt gặp trong các nhà hàng Jamaica ở Brixton hay Notting Hill^[31], nơi phục vụ món gà nướng đặc sản Jamaica^[32] và nhiều món khác làm từ thịt dê.

– Cô thấy thế nào?

– Tuyệt vời ạ!

– Xem người ta vẽ nó khéo chưa này, khéo đến mức trông như nó đem lại cảm giác ta đang dạo bộ trên tường và thấy mình như đang ngồi trên bãi biển, thưởng thức rượu pân mạnh đựng trong một quả dừa. Cô có thích bức tranh đó không? Tôi thấy cô đã mỉm cười.

– Bức tranh thú vị lắm, thưa bác. Thế bác muốn cháu ngồi đâu?

– Bất kỳ chỗ nào cô thích. Cô không phải trả tiền chỗ ngồi đâu.

Tôi ngồi vào một trong những chiếc ghế song mây, không phải chiếc ghế rõ ràng là dành cho ông - một ngai vàng được đan bằng liễu gai có thành tựa lưng giống như đuôi một con công.

– Cô có muốn uống cà phê không?

– Vâng, có ạ. Cho cháu xin tí cà phê, thưa bác.

– Dạ thưa là từ mà chúng ta hiếm nghe thấy ngày nay. Cô hẳn đã được nuôi dạy nề nếp, gia giáo. Thế gia đình cô làm nghề gì?

Tôi đã luyện tập tất cả điều này tối hôm trước, tự bịa ra cho mình một lý lịch đơn giản, dựa trên những gì xảy ra với cô bạn tóc vàng Miranda có thật ngoài đời mà đôi lần tôi từng trò chuyện khi đi cùng xe buýt trên đường từ trường về nhà.

– Dạ, làm khung tranh ạ.

– Đó là một nghề cũng khá tốt đấy. Đòi hỏi phải khéo tay. Kiểu người làm việc với đôi tay của mình. Tôi nói có đúng không? Bố cô có những ngón tay nhanh nhẹn chứ?

– Vâng, có ạ.

– Và ông ấy hẳn cũng phải có đôi mắt cũng phải tinh tường nữa - bác tôi mỉm cười một cách giấu cợt. Tôi nghĩ ông bắt đầu nháy mắt với tôi để ra hiệu đồng ý nhưng kỳ thực trong bụng lại nghĩ khác.

– Giờ thì uống pha cà phê đã. Cô sẽ xem tôi pha cà phê theo kiểu cũ trong một cáiphin với bột cà phê như thế nào chứ? Tôi

không thể chịu được cái kiểu pha mới, pha vào bình. Thật là kinh tởm. À mà cô có muốn ăn thứ gì không? Ngay tại đây.

Trước đó, bác tôi đã mua một cái bánh.

– Tôi muốn mua một thứ bánh ngọt gì đó nhưng vì tôi bỏ quá nhiều thời gian chọn máy cassette ghi âm và máy đánh chữ nên tôi quên khuấy luôn cả việc đi xuống gian hàng bán thực phẩm. Tôi mua cái này ở một cửa hàng góc đường. Tôi không biết nó có ngon chút nào hay không. Người ta gọi nó là bánh Battenberg. Nào, ăn thử một miếng đi!

– Cháu không thích bánh nhưng không phải là không thích loại bánh đó.

– Tôi biết ý cô muốn nói là gì. Nghe có vẻ như là bánh của Đức. Tôi cũng thấy vậy. Nhưng người ta nói thực ra nó không phải là bánh của Đức đâu. Chỉ có cái tên thôi.

– Bác không thích nước Đức à?

– Tôi chưa từng bao giờ ở đó. Vậy nên, nói về nơi này thì tôi không có ý kiến gì. Đường chỉ là đường, nhà chỉ là nhà, đồng chỉ là đồng và cây chỉ là cây mà thôi. Còn người đi dạo lại là một vấn đề khác. Lần sau, tôi sẽ mua một cái bánh thật sự để cô thấy bánh là như thế nào. Nói về bánh thì tôi biết tất tần tạt mọi thứ. Lĩnh vực của tôi mà. Có thể nói đó là một kiểu biết thưởng thức. Chẳng hạn như, một số người thưởng thức nghệ thuật và âm nhạc nhưng với tôi thì lại là bánh ngọt.

Bác tôi cắt một miếng bánh và nhai một cách nóng nảy, bực dọc. Miếng bánh xộp ướm dính vào lợi của ông và ông súc sạch nó bằng cà phê đặc.

– Được rồi, bây giờ thì bắt đầu công việc nào. Cô có muốn làm một điều không? – ông giơ một bao thuốc lá hiệu Benson & Hedges đựng trong hộp vàng đắt tiền ra mời tôi. Thuốc lá của

tôi là loại rẻ tiền nhất mà tôi có thể mua được - thuốc lá hiệu Players No. 6. - Hồi trước tôi hút Balkan Sobranie Black Russians^[33], hương vị rất thơm. Nhưng loại đó đã đứt hàng từ lâu lắm rồi. Thế nên tôi chuyển sang hút thứ này. Cũng được, nhưng không có gì đặc biệt lắm. - bác tôi nhận xét.

Tôi rút một điếu và châm lửa. Nó cực kỳ êm. Tôi đậm nhớ cái luồng khói gắt và sít sít cổ họng của những điếu Players.

Bác tôi đã sắp xếp tất cả mọi thứ trên một cái bàn gần cửa sổ: máy cassette ghi âm, máy đánh chữ và một tập giấy đánh chữ.

—Trước đây cô đã thấy thứ nào giống cái này chưa? - ông hỏi khi chúng tôi nhìn vào chiếc máy cassette ghi âm.

— Dạ có, nhưng thực ra cháu chưa từng sử dụng nó bao giờ.

— *Thực ra.* Ô, đây là một từ tiếng Anh chính cống. Bản thân tôi chưa dùng từ này bao giờ nhưng tôi đã nghe người khác nói rồi. Có lẽ là tôi sẽ bắt đầu dùng nó. Cô có nghĩ là nó sẽ khiến cho tôi có vẻ bớt giống một người nước ngoài chính hiệu không?

Tôi để ý thấy bác tôi dường như muốn gây ấn tượng với tôi nhiều như thế nào. Trước giờ, tôi chưa từng gặp một kẻ tàn bạo nào. Có lẽ đây đúng là đặc tính của hạng người này. Nhưng sao tôi vẫn cảm thấy bác mình đáng thương. Tất cả mọi thứ đang tạo ra một ấn tượng bình thường - bức tranh tường, bộ bàn ghế song mây rẻ tiền, chiếc ngai vàng bằng liễu gai xòe ra như đuôi công trông đến buồn cười, căn nhà cao nổi trội hẳn trên con phố so với những căn nhà nghèo nàn và dơ bẩn khác ở xung quanh, chiếc bánh hạnh nhân màu hồng và bột bánh dính vào lợi của ông. Người đàn ông với cổ tay áo sáng lấp lánh những viên kim cương, mang đôi giày da lộn và đi cùng cô ả người Tây Ấn đội mũ tròn nhỏ làm từ nylon có họa tiết da báo dường như

giống như một câu chuyện cổ được kể cho một đứa bé vào giờ đi ngủ và sáng hôm sau thì nó đã quên sạch.

– Chúng ta bắt đầu chứ, bác? – tôi hỏi.

– Phải, phải, tất nhiên rồi. Nhưng ai sẽ là người điều khiển máy ghi âm?

– Bác có muốn mình điều khiển không?

– Tôi không biết cách. Tôi đã xem cuốn sách đính kèm với nó nhưng tôi chẳng hiểu gì sất. Đây, cô xem này.

Những hướng dẫn vận hành máy cũng làm tôi nản chí. Có một biểu đồ chỉ dẫn những bước vận hành khác nhau mà ta cần phải làm để máy chạy được.

– Cháu thấy nó hơi chút rắc rối, – tôi nhận xét.

– Tôi để tùy cô giải quyết đấy. Cô có đầu óc học hành hiểu biết mà.

– Cháu nghĩ là cái tờ hướng dẫn sử dụng đó chẳng giúp ích được tí gì đâu. Thôi cứ thử nhấn cái nút này xem thế nào.

– Được.

Thế là tôi bấm nút “Play” và bác tôi bắt đầu kể.

– Ngày tôi đặt chân đến đây, ngày 14 tháng 12 năm 1956, là cái ngày mà tôi nhớ đến từng chi tiết.

– Đó có phải là nơi chúng ta bắt đầu không?

– Tất nhiên rồi. Đó là nơi khởi đầu câu chuyện.

– Không, không phải như vậy. Ý cháu muốn nói là nơi bắt đầu cuộc đời bác ấy.

– *Cuộc đời tôi ư?* Đây không phải là thứ mà chúng ta đang nói đến.

– Thế thì là cái gì?

– Sự nghiệp của tôi.

– Nhưng nếu muốn có một cuốn sách xuất bản được thì nó không đơn giản chỉ là một bảng liệt kê các sự kiện theo ngày tháng. Nó phải soi rọi ánh sáng vào thân phận con người.

– Nghe này, quý cô. Tôi chỉ muốn kể với cô một vài sự kiện, những sự kiện bị bỏ qua và công chúng không biết đến.

– Thôi được, đây là câu chuyện của bác, không phải của cháu. Nhưng, sự kiện không hấp dẫn bằng sự thật ẩn bên trong.

– Sự thật nào? – bác tôi hét lên, giọng nghe khàn khàn và cộc cằn. – Thưa quý cô, người ta thích nghe sự thật nhưng chẳng hiểu tí gì về sự thật cả. Sự thật sẽ làm cho họ phát ốm nếu họ biết được nó. Sự thật không dễ chịu chút nào. Nó dành cho người lớn chứ không phải cho trẻ con. Cô nghĩ sự thật là thứ gì đó tôi quẳng ra, giống như những đồng xu thí cho một thằng ăn mày ư? Người ta sẽ phải chôn chặt nó trong lòng cho đến tận ngày xuống mồ.

– Vậy thì bác muốn ghi lại những gì nào? – tôi hỏi, giọng lạnh tanh – Một câu truyện thần tiên chắc?

– Phải, đúng vậy, một câu truyện thần tiên mà người ta sẽ để mắt đến. Bởi vì, chỉ có thứ rác rưởi đó mới đủ vừa cho họ. Nó là tất cả những gì mà họ xứng đáng được nhận.

– Khinh thường độc giả không phải là một cách khởi đầu tốt đâu.

– Thế cô muốn gì ở tôi? – ông hỏi. Và con quý Sándor Kovacs già đột ngột xuất hiện ngay ở đó. Tôi biết điều này bởi vì tôi cảm thấy bị đe dọa một cách kinh hãi, đáng sợ.

– Truyện của bác – tôi nói, cảm thấy khó khăn hơn khi phải giữ sự biết điều lúc thốt ra những từ ngăn ngại này.

– Truyện hả?

– Vâng ạ.

– Thế câu “truyện của bác” nghĩa là gì hả? – ông nhìn tôi bằng đôi mắt nâu mờ đục mà giờ đây đang ném ra những tia lửa vàng xuyên thấu trái tim tôi. Tôi hầu như không thể đáp trả ánh mắt chằm chằm đó. Tôi cảm thấy một con người bằng xương bằng thịt khác và một linh hồn đang lảng vảng rình mò ở bên trong.

– Sao vậy? – ông nói, gần như quát lớn – Cô có ổn không đấy?

– Không có gì đâu ạ.

– Cô ốm à?

– Không, bác cứ tiếp tục đi.

– Cô trông không khỏe chút nào – một bàn tay giơ lên một lúc rồi sau đó lại thả xuống.

– Cháu khỏe mà.

– Được rồi – ông lại ngồi xuống chiếc ngai vàng hình đuôi công giống như một ông vua đã kiệt sức. Thuở trước, khi ông còn giàu sụ, ông đã từng có một chiếc ghế bành thếp vàng mà tay dựa là hai chân của một con sư tử. Có người đã nói với ông là nó xuất xứ từ một cung điện ở Italy và được làm từ thời xưa.

– Thế tại sao đột nhiên cô lại thiếu não như thế? Tôi đoán chẳng hạn như ai đó trong gia đình cô bị ốm phải không?

– À, bác biết không... – tôi nói một cách gập gáp để khóa lấp nỗi khiếp sợ của mình.

– Biết gì?

– Bố cháu không còn là người như trước đây nữa. Lời giải thích lấp lửng mơ hồ này thành linh đến với tôi vừa đủ để quật ngã ông bác. Đây là một thủ thuật mẹ tôi hay dùng để tạo ra một sự hiểu lầm nho nhỏ khiến đầu óc người ta trở nên dễ dao động vì nghi nghi hoặc hoặc còn ta thì đạt được mục đích là đổi

đề tài, lạc hẳn sang một hướng khác mà không cần phải giải thích bất kỳ điều gì mang ý nghĩa chuẩn xác.

– Thế ông ấy bị bệnh gì vậy? – Ông bác Sándor hỏi tôi. Trông ông giống như một người vừa mới bị tuyên án tử hình. Điều này khiến tôi ngạc nhiên vì tôi cứ nghĩ là ông và bố tôi căm ghét nhau nhưng bây giờ thì tôi đã hiểu tất cả những tình cảm đó là một kiểu gắn bó họ hàng máu mủ và nếu bố tôi khi đó có sắp mất thì những tình cảm mãnh liệt đó sẽ trở thành một bóng ma gào khóc cho một thi thể.

Tôi hạ giọng giống như kiểu thăm thì của một bác sĩ:

– Bác biết đấy...

Ông nghĩ bố tôi bị bệnh ung thư. Tôi thấy điều này trong đôi mắt của ông.

Ervin, thằng em đê tiện, đang chết! Chẳng bao lâu nữa, ông - Sándor - và cô gái trẻ đang đứng trước mặt ông sẽ là những người cuối cùng còn sống của dòng họ Kovacs. Ngay lúc đó, ông đột nhiên cho rằng tôi đến đây với tư cách là một người bí mật theo dõi cuộc sống của ông để về báo lại với bố tôi. Lý do có thể là cuối cùng Ervin, lúc sắp tàn cuộc đời, muốn dùng con gái của mình làm công cụ để hàn gắn, cải thiện quan hệ họ hàng. Chính người em trai đó đã cho phép người khác được nói lên sự thật về quá khứ, câu chuyện bắt đầu vào một thời điểm khác, tại một đất nước khác. Vì ông là cây cầu duy nhất còn lại nối giữa hai thế hệ. Ông - Sándor, sẽ trở nên bất tử bằng cách kể lại câu chuyện này, gửi nó lại cho thế hệ tương lai mai sau. Đây là cách duy nhất chúng ta trường tồn, cách duy nhất người chết nói chuyện được với người sống.

– Thôi được, để tôi bắt đầu bằng một sự kiện - ông nói và ngồi xuống chiếc ghế đuôi công, mở chiếc hộp sắt chứa đựng

quá khứ của mình. - Tôi sinh ngày 27 tháng 2 năm 1916. Đó là ngày sinh nhật của tôi. Và năm nay tôi 61 tuổi.

- Bác sinh ở đâu?

- Tại một ngôi làng, ở Zemplen Hills, thuộc miền Đông Hungary, gần Tokaj, nơi người ta sản xuất rượu. Cô có nghe đến loại rượu đó chưa? Ngon lắm, rất ngọt. Người ta hay gọi đó là rượu của vua chúa. Giờ thì cô đã có một sự thật rồi nhé. À không, còn nhiều hơn cả một đấng chứ! Giờ thì cô cảm thấy vui vẻ chưa?

- Tên của ngôi làng là gì ạ?

- Cô chắc là không tin đâu nhưng đúng là ngôi làng có tên là Mad^[34]. Đúng là như vậy đấy. Nhưng đó không phải là một nơi điên khùng mà thật ra nó rất đẹp.

- Kể cho cháu nghe thêm về nó đi.

Đã nhiều năm trôi qua kể từ ngày bác tôi nghĩ về làng quê cũ của mình cho nên kiểu gì thì nó cũng đã phai nhạt trong trí nhớ của ông. Nhưng không, nó đã trở lại đây, ngay tức thì, khi ông hồi tưởng về nó.

- Đó là một ngôi làng êm ả và thanh bình. Không khí thơm ngát, một mùi hương dễ chịu phủ lên tất cả mọi thứ. Những chùm nho ấm áp trong nắng mặt trời lúc chúng đang chín mọng. Những cây mận đang mùa trổ hoa. Tôi nhớ về chúng rõ như in ấy. Mùa xuân, chúng nở những bông hoa tuyệt đẹp trong vườn và sau đó thì đậu quả. Chúng quả thật là ngọt ngào. Những quả mận ngon nhất mà ta được nếm trong đời. Cô biết không, bố tôi thường nâng tôi trên cánh tay của ông để tôi với tới và hái một quả mận cho ông ăn, rồi sau đó, tôi cũng hái một quả khác cho mình. Chà chà, những quả mận đó mới ngon tuyệt làm sao!

– Thế người ta dùng mận để làm gì?

– Chẳng để làm gì cả. Người ta chẳng làm gì với chúng cả, chỉ để ăn thôi. Có lẽ là làm mứt và làm bánh kuchen, một loại bánh mà tất cả phụ nữ trong làng đều làm. Cho mận lên trên cục bột nhào có rất nhiều đường rồi đặt nó vào lò, một cái lò bằng sắt rất lớn, không giống như bếp gas hiện đại ngày nay đâu. Còn nho mới là thứ quan trọng, là nơi để ra tiền. Những vườn nho ấy.

– Người ta làm rượu vang ngay tại làng ư?

– Dĩ nhiên rồi. Rượu vang là toàn bộ công việc kinh doanh của làng. Nhưng không phải là loại rượu thường, không phải là thứ mà ta uống trong mấy quán rượu ở Budapest đâu. Đó là rượu thánh vì họ là những người làm rượu vang Do Thái. Họ sản xuất rượu để gửi sang miền Đông, tới tận Ukraine và Nga, cho những người theo đạo Do Thái chính thống để cầu chúc những điều phúc lành. Rượu lúc nào cũng có màu đỏ sẫm.

– Thế gia đình bác có kinh doanh rượu không?

– Có, bố tôi thì có. Cầu Thánh Allah phù hộ cho linh hồn ông được an nghỉ. Ông làm việc cho ông nội tôi, một trong số những thương nhân buôn bán rượu vang trong làng. Bố tôi giúp ông nội điều hành mảng kinh doanh, cụ thể là lo giấy tờ vận tải hàng bằng đường thủy. Ông thảo thư từ trao đổi với giới chức Nga bằng tiếng Nga và tiếng Kirin, hai thứ tiếng mà ông biết và dĩ nhiên là cả tiếng Hungary nữa. Bố tôi có thể nói là một người khá là có học, một người vô cùng hiền lành hòa nhã. Không giống tôi, nhỉ?

– Bác nói là mình có một người em trai.

Ông đã nói liên tục không ngừng suốt vài phút. Tôi nhận thấy mình có thể lên dây cót cho ông chạy đều đặn giống như

một chiếc đồng hồ và ông sẽ dừng khi hết dây.

– Ô, cô biết không. Tôi sống trong thiên đường cho đến khi mình lên 4 tuổi - bác tôi kể tiếp. - Khi đó chúng tôi có một cuộc sống hết sức đặc biệt. Những người hàng xóm, những người theo đạo Thiên chúa giáo, tất cả đều sống thân ái, hòa thuận với nhau. Một số người trong số họ là dân Hy Lạp vì người Hy Lạp thời đó cũng đóng vai trò rất lớn trong ngành kinh doanh rượu vang ở Hungary. Tôi không biết bây giờ có còn như vậy nữa hay không. Ta nhìn đâu cũng thấy những cánh đồng tươi đẹp, những vườn nho, những ngọn đồi phủ đầy cây cối. Và hoa nữa, cũng hết sức tuyệt đẹp. Tất cả mọi thứ đều bình lặng trừ những chiếc xe bò chất đầy những thùng rượu vang bằng gỗ miệt mài chạy về miền đông. Nếu tôi được sống lại một giây phút nào đó trong cuộc đời mình thì tôi sẽ sống lại quãng thời gian tôi lên 4 bởi vì chỉ giây phút sau đó, mẹ tôi, một người phụ nữ rất béo và to lớn, sẽ đi đến giường và từ bụng của bà sẽ chui ra một thằng, một thằng oắt con là em trai tôi - Ervin. Cô có muốn xem hình của nó không?

Tôi chưa từng thấy bất kỳ một tấm ảnh nào của bố lẫn mẹ tôi trước khi họ đến London, ngay khi chiến tranh sắp sửa xảy ra. Những tấm chân dung được lồng trong khung bạc sau lớp kính của ông bà tôi, những bức ảnh được chụp trong studio, được bố mẹ tôi để trong phòng ngủ của họ. Chúng đã ố mờ thành một màn sương màu chocolate sữa lờ nhờ lốm đốm, bay màu tới tận ngoài rìa.

– Đây này - bác tôi nói và lấy ra từ một chiếc hộp tráng men cũ có họa tiết hoa hướng dương trang trí một bì thư màu nâu bay mùi nước nho ép trước khi lên men thành rượu, mùi mồ hôi và phảng phất cả mùi nhựa cây.

Tôi gần như nhận ra ngay bà nội của mình. Bên một đầu gối

của bà là một cậu bé khỏe mạnh có chiếc môi dưới dày, mái tóc bôi một lớp sáp thơm trong ốp ngược ra sau. Tôi có thể gọi đó là một dáng vẻ thể hiện con người ưa phiêu lưu mạo hiểm. Trên tay bà là bố tôi đang quần tã, hé mặt ra ngoài lớp khăn len trắng - khuôn mặt của một đứa bé mới vài tháng tuổi nhưng dường như đã muốn tìm kiếm đôi mắt kính của mình.

Tôi phá lên cười.

– Cô thấy bức ảnh buồn cười lắm sao? Cuộc đời tôi chấm dứt khi nó ra đời. Ervin. Ôi chao! Thằng em cái kỉnh!

– Ông ấy bị làm sao vậy?

– Nó là một thằng lúc nào cũng gào khóc. Nó cứ kêu gào inh ỏi rồi lại khóc nhai nhải. Nó không bao giờ rời lấy mẹ tôi nửa bước. Cô biết không, có một lần, nó tìm thấy một hộp hồ dán, giống như cái mà người ta dùng để dán nhãn lên mấy cái chai rượu vang đó. Tất cả mọi người ai cũng đều để thứ này quanh nhà. Nó tự bôi hồ dán lên người rồi chạy đến chỗ mẹ tôi, ép chặt mình nó vào mẹ để nó và bà có thể hoàn toàn dính chặt vào nhau. Phải mất nhiều ngày mẹ tôi mới gỡ được hồ dán ra khỏi quần áo nó.

– Ông ấy có ghen tị với bác không?

– Đố ai mà biết được? Nó thật là điên khùng. Đầu óc đầy những nỗi sợ hãi. Chẳng có thứ gì xảy ra trong cuộc đời nó để biến nó trở thành một thằng đàn ông thực sự, không giống tôi chút nào. Với tôi, chắc hẳn cuộc đời đó đã đi theo hướng khác. Những hoàn cảnh có thể đã khác.

– Bác vẫn còn giữ liên lạc với ông ấy chứ?

– Có lẽ chúng ta nên dừng ghi âm và nghe lại xem nó như thế nào để chắc chắn là mọi thứ đều chạy tốt.

– Vâng, được - tôi trả lời, hụt hơi trước tất cả những điều

tiết lộ, thứ mà tôi chẳng biết tí gì, hoàn toàn không biết một chút nào. Bố tôi sinh ra tại một ngôi làng ư? Ông ư? Ngôi làng có những cây mận và nho ư?

Tôi nhấn một cái nút có ghi chữ “Stop” trên chiếc máy ghi âm rồi sau đó lại ấn nút “Play” một lần nữa. Chẳng nghe thấy gì. Chỉ toàn là một sự im lặng.

– Thử vặn cái núm chỉnh âm lượng xem. Có lẽ vấn đề ở chỗ đó.

Vẫn chẳng có tiếng nào vang lên.

– Có vấn đề gì với cái máy này thế nhỉ? Đây, đọc lại cuốn sách này lần nữa xem.

Tôi nhìn vào sách.

– Ô. Có vẻ như là ta phải nhấn hai cái nút cùng một lúc. Không phải chỉ nhấn nút “Play” không thôi mà còn phải nhấn cả nút “Recorder” nữa. Nhất cả hai nút này.

Tôi ấn mạnh ngón tay của mình xuống hai nút. Một ánh sáng khác xuất hiện.

– Bác nói thử một điều gì đi.

– Thằng em trời đánh Ervin của tôi. Cái thằng nhãi lúc nào cũng gào khóc, ha ha. Nói thế đủ chưa?

Tiếng của ông sau đó vang lên: “*Thằng em trời đánh Ervin của tôi. Cái thằng nhãi lúc nào cũng gào khóc, ha ha. Nói thế đủ chưa?*”

Trước đây, bác tôi chưa nghe thấy giọng mình như thế này bao giờ. Ông biết ông không phát âm giống như một người Anh hay giống như một người có học bởi vì ông chưa hề được học hành giống tôi. Thế nhưng, lần đầu tiên khi ông nghe giọng mình phát ra từ cái máy ghi âm, ông chợt hiểu ra lý do vì sao không ai tin vào bất cứ điều gì ông nói ở tòa. Cái giọng đầy âm ỹt hâu, nghe lỗ mãng và nặng đến nỗi thậm chí đến chính ông

cũng không phân biệt được một số từ.

Tôi nhận thấy bác tôi đã chịu đựng đủ rồi. Ông thối mệ và không muốn nói thêm nữa. Ông trông như thể đã xé một phần tâm hồn mình và trao nó cho tôi, như thể ông đã đưa cho tôi lá gan hay hai quả thận của mình, ông trông không khỏe chút nào.

– Chúng ta sẽ bắt đầu lại vào ngày mai – ông bảo tôi. – Một sự khởi đầu mới.

Bác tôi đã chuẩn bị sẵn tiền trong một bì thư có đề tên của tôi trên đó.

– Tôi trả cô 40 bảng Anh một tuần nhưng mỗi ngày tôi sẽ thanh toán một phần, giống như cô nương trong truyện cổ tích *Nghìn lẻ một đêm* ấy. Cô ấy luôn luôn giữ lại phần kết câu chuyện đến đêm hôm sau mới kể tiếp. 8 bảng Anh không đủ để sống. Bằng cách này, ngày mai, cô sẽ buộc phải quay lại đây.

– Dĩ nhiên là ngày mai cháu sẽ trở lại.

– Có lẽ nếu câu chuyện cuộc đời tôi kéo dài đủ để có tiền mua một chiếc xe hơi nhỏ thì đó sẽ là một khởi đầu tốt cho cô trong cuộc sống.

* * *

Vì bố mẹ tôi không bao giờ trả lời bất cứ câu hỏi nào về quá khứ (*Chuyện đó xong rồi. Nó đã qua rồi và giải quyết xong rồi. Giờ thì con đang ở Anh. Cái nơi đó chẳng có gì liên quan đến con cả. Ngừng bận tâm đầu óc đến cái thứ rác rưởi này đi. Câu trả lời là không, không và không*) nên tôi đã học được cách ngừng đặt câu hỏi và cuối cùng tôi quên hẳn về nhu cầu muốn hỏi. Rồi bỗng dưng, một cái rương đầy châu báu mở ra và tràn ra ngoài tất cả

những thứ quý giá này. Tôi thấy no nê với tất cả những gì mà bác tôi đã kể cho tôi. Nó không chỉ liên quan đến bố mẹ tôi, những người đột nhiên có thêm một chiều thời gian mà liên quan cả đến tôi. Trong quá khứ của tôi có những giáo sĩ Do Thái, có mận, có nho và có cả rượu vang. Tất cả mọi thứ bây giờ đều đã khác. Tôi cảm giác giống như mình vừa ăn hết cả một con ngựa.

Tôi không thể về nhà ngay. Vì vậy, tôi đi xem một bộ phim rồi lang thang dọc phố Bond, ngắm nhìn những bộ quần áo người lớn buồn tẻ nhưng đắt tiền không thể mua nổi được trưng bày sau những khung cửa sổ, những bộ đồ tôi không muốn mua nhưng vẫn thích nhìn những người khác đi vào rồi lại đi ra với những chiếc túi đựng hàng và đoán xem thứ gì có ở trong đó. Cái trò này làm tôi dịu lại và nguội xuống. Đó là một không gian trung hòa giữa nhà tôi và căn hộ của bác tôi. Khi tôi trở về Benson Court, bố mẹ tôi đã dọn gần xong món cá cuộn^[35] ăn kèm với nước sốt cà chua và món đậu đút lò lên một cái mâm đặt trước ti vi.

– Công việc có tốt không con? – mẹ tôi hỏi – Con có một ông chủ đáng kính chứ?

– Đừng để ông ta lợi dụng chỉ vì ông ta trả lương cho con một cách thậm thụt vì lén lút trốn thuế – bố tôi cảnh báo. – Loại người vi phạm pháp luật như vậy không phải là người tử tế đâu.

– Con bé không đóng thuế – mẹ tôi nói.

– Đúng là điều anh muốn nói tới đấy. Người ta có thể bắt con bé vì chuyện trốn thuế đó.

Tôi ngồi xuống một chiếc ghế bành cạnh bố mẹ và chúng tôi xem tin tức trên ti vi.

– Anh phải nói là anh thấy bà này khá hấp dẫn đấy – bố tôi bình phẩm. – Em thì thấy sao, hả Berta?

– Bà ấy nên đội một chiếc mũ. Nó sẽ khiến cho bà ấy nổi bật hơn, giống như Nữ hoàng khi ở giữa một đám đông lớn.

– Một nhận xét tốt đấy. Có lẽ anh sẽ viết một lá thư.

– Đó chỉ là một ý kiến thôi mà. Nhưng anh định gửi thư đến đâu?

– Đến nhà bà ấy.

– Hay là anh cứ bỏ thẳng vào hộp thư nhà bà ấy. Đỡ phải mất một con tem.

– Ta không thể đơn giản đi bộ đến thẳng trước nhà người ta rồi nhét thư vào hộp thư của họ được, phải không nào? Chả nhẽ không có cảnh sát canh gác, bảo vệ bà ấy khỏi những kẻ ám sát à?

– Những kẻ ám sát nào cơ?

– Máy tên Ireland ấy.

– Ồ, phải rồi. Đúng là những kẻ man rợ đó.

– Vivien – bố tôi quay sang tôi hỏi. – Con có thể nói cho bố mẹ biết điều gì về chuyện này được không? Con đi ra ngoài nhiều hơn bố mẹ mà.

Tất cả chúng tôi đều biết sẽ chẳng có lá thư nào được gửi đi, cả thư có dán tem lẫn thư không dán tem.

– Con hầu như không đi ra ngoài nữa – tôi trả lời.

– Bà ấy trông đúng là một phụ nữ xinh đẹp – mẹ tôi lại cất lời khen. – Margaret, một cái tên thật đáng yêu.

Tôi không thích mái tóc, bộ trang phục, hàm răng hay đôi mắt điên dại của người đàn bà đó.

– Bà ấy nói cứ như đang sửa vậy – tôi nói. – Bố mẹ cứ nhìn

bà ấy xem. Bà ấy giống như một người nào đó mà ta trò chuyện trên xe buýt. Bố mẹ cứ ngỡ người ta khá tử tế cho đến khi người ta nói đùng đến một điều gì khiến bố mẹ nhận ra đó là một kẻ điên trốn thoát khỏi bệnh viện tâm thần hay đại loại là như thế.

– Con đào ở đâu ra cái ý kiến xấu xa kinh tởm như vậy hả? – bố tôi vặn hỏi.

– Ý kiến nào cơ ạ? Đó không phải là một ý kiến.

– Đó là một quan điểm.

– Không, không phải, bố ạ. Chỉ là một cảm nghĩ mà thôi.

– *Cảm nghĩ* à? – bố tôi nhắc lại. Tôi biết chính xác điều gì sẽ xảy ra tiếp theo. Bố tôi mở miệng nói. Tôi có thể nhìn thấy chiếc lưỡi đỏ của ông chuyển động quanh khoang miệng. – Ý tưởng là thứ tồi tệ và khi chúng gắn liền với cảm nghĩ thì khi đó ta sẽ có thảm họa.

– Con bé chắc hẳn là bị tiêm nhiễm từ một trong số bạn bè của nó, – mẹ tôi nói và đứng dậy đi kéo các tấm rèm cửa.

– Còn nói về quý bà đáng yêu này, người ta cũng có cảm nghĩ, nhưng là cảm nghĩ về những người bạn.

Bố mẹ tôi không tin tưởng vào bạn bè. “Bố đã từng có một người bạn,” – bố tôi kể. – “Cậu ta mượn xe đạp của bố rồi lén đạp xe về vùng quê chơi. Khi cậu ta trả xe lại cho bố, sơn xe tróc hết cả ra. Cậu ta chưa bao giờ nói cho bố biết là cậu ta đã đạp xe của bố đi chơi xa khỏi thành phố. Sau đó, bố nói với cậu ta: ‘Cậu với tớ đến đây là chấm hết’.”

Sự việc này xảy ra vào năm 1935. Người bạn cũ của bố tôi đã nhận được một lá thư đoạn tuyệt tình bạn. Trong thư, bố tôi chỉ rõ những điều khoản từ bỏ quan hệ, bao gồm việc trả lại các album sưu tập tem, v.v..., ngưng lui tới những quán cà phê nhất định nơi bố tôi đã từng ghé qua để uống cà phê và thưởng thức

bánh ngọt, cắt đứt với toàn bộ thành phố trong phạm vi địa hạt Bạn và Tôi. Đó là lá thư thành công nhất của bố tôi: có bắt đầu, có kết thúc, có ký tên (Ervin Kovacs), có gửi đi và đến được địa chỉ cần gửi.

– Bố sẽ tha thứ cho cậu ta nếu cậu ta xin lỗi - bố tôi nói. - Cánh tay bố vẫn rộng mở.

– Ít nhất thì anh ta cũng phải gửi thư hồi âm cho anh chứ - mẹ tôi hòa theo. - Anh ta chẳng thèm gọi điện thoại để khẳng định sẽ phớt lờ anh, ngay cả khi đã nhận được một lá thư từ bạn như thế.

Tôi về phòng mình và cố gắng đọc sách nhưng đầu óc tôi đầy những ý nghĩ về thế giới ảo huyền của ông bà mình và tôi đã tìm kiếm rất lâu tám bản đồ của Hungary trong các tập bản đồ của mình. Chưa bao giờ bằng lúc này, tôi ước Alexander còn sống để chúng tôi được cùng nhau ngồi bên chai rượu vang và tôi có thể kể cho anh nghe tất cả mọi chuyện. Anh sẽ lại vắn vẹo những ngón tay dài xanh xao của mình, gật gù và suy nghĩ một chốc trước khi phát biểu về tình hình. Ban đầu tôi có thể phản đối nhưng chắc chắn là tôn trọng cách nhìn nhận vấn đề của anh. Tôi hồ nghi không biết liệu mình có chống lại ý kiến của anh không nhưng tôi sẽ ngấm lặt đi lặt lại vấn đề trong óc của mình để thử nhìn mọi sự theo một vài cách khác.

Mặc dù thời trẻ, tôi đã quyết định trở thành một người trí thức có bằng đại học trong gia đình để đương đầu với tất cả những oán giận điên dại, những cơn thịnh nộ và hờn dỗi, sự quát tháo, những ám ảnh và cưỡng bách của bố mẹ nhưng điều đó không có nghĩa là bản thân tôi hoàn toàn có lý trí.

Khi tôi còn là một đứa trẻ, tôi có tập truyện Struwwelpeter gồm những câu truyện đầy những cảnh báo nhân quả đối với những nhân vật xấu xa, độc ác như *Frederick tàn bạo*, *Cậu bé*

mút tay và Những cậu bé đen như mực^[36] (vì mẹ tôi cũng có cuốn sách này khi bà còn là một cô bé giống tôi. Thế là tôi biết tất cả về những truyện thần tiên, những khu rừng rậm và những mụ phù thủy. Tôi đã tới tất cả những nơi ghê rợn đó trong bóng tối và giống như *Những người khờ dại*, tôi gặm như lạc lối ở đó. Tôi chưa bao giờ thật sự chắc chắn về thái độ đạo đức của mình.

10

Sáng hôm sau, tôi lại ngồi vào chiếc ghế song mây và đã thành thạo cách sử dụng chiếc máy ghi âm. Chúng tôi lại bắt đầu từ đầu. Bác Sándor lại kể cho tôi nghe lần thứ hai về những cây mận và rượu vang. Ông vẫn nhớ tất cả mọi thứ mà ông cứ ngỡ là mình đã quên, chẳng hạn như ngôi thánh đường Do Thái có trang trí hình những con vật ở bên trong, những con sư tử và những con quái vật sư tử đầu chim phía bên trên hộp đựng pháp điển. “Bên trong thánh đường là một màu xanh dương tuyệt đẹp” - ông hồi tưởng - “Cô có biết cái màu gọi là xanh dương hoàng gia đó không? Chính nó đó. Đó là một chốn linh thiêng nhưng cô biết đấy, đối với một đứa trẻ thì nó rất là hấp dẫn vì tất cả những cảnh trang hoàng của nó. Và phía bên ngoài có hai cửa sổ. Chúng giống như một cặp mắt nâu sẫm lúc nào cũng nhìn tôi và chú ý đến tất cả mọi thứ. Lúc tôi còn sống ở làng, ngôi thánh đường đã có hơn 100 năm tuổi.

Trong suốt thời gian diễn ra phiên tòa xét xử bác tôi vào năm 1964, thông qua những gì được người ta đề cập về ông cộng với những hồ nghi của tôi về việc chúng tôi có quan hệ họ hàng với nhau, tôi nhận ra rằng chắc phải có một lý do nào đó ngoài chuyện tăn tiện mà bố mẹ không nấu gà tây vào dịp Giáng sinh, không tặng cho tôi một chiếc tất treo cuối giường và bỏ đầy quà vào đó. Bố mẹ tôi cũng chẳng mua trứng phục sinh bằng chocolate vào dịp lễ Phục sinh.

- Con nghe này - bố tôi nói trong một lần tôi cật vấn ông trước khi tôi rời khỏi nhà để đến trường đại học - khi bố mẹ

đến đây, đến nước Anh này, bố mẹ có một sự lựa chọn. Đó là lựa chọn giữa cơ quan phụ trách về người Do Thái tị nạn và những quý bà tử tế đến từ WRVS. Mẹ con đã ngó ngang bên này rồi lại để ý tìm hiểu bên kia. Và bà ấy đã đi đến một quyết định. Bỗng ủng hộ mẹ cả hai chân hai tay và con nhìn xem, mọi thứ trở nên ra sao nào? Chẳng còn làm phiền chúng ta nữa! Bố nghĩ, đó là một việc đúng cần làm. Và giờ thì con đã thành người Anh rồi. Chẳng còn liên quan đến thứ gì khác nữa.

Vậy nên, ở một mức độ khá hơi hợt, tôi hiểu rằng bố mẹ tôi là người Do Thái nhưng tôi thì không, bởi có một sự thật rằng, ngay trước khi tôi sinh ra đời, bố mẹ tôi phát hiện ra tôi được phép rửa tội theo luật giáo hội Anh. Vậy là, bố mẹ tôi đã đến một nhà thờ ở địa phương và để cho tôi được tắm nước thánh. Điều này về sau đã xua tan bớt phần nào mối nghi ngại của bố mẹ Alexander về tôi và cho phép chúng tôi được làm đám cưới trong một nhà nguyện nhỏ của thánh đường Hereford. Bố mẹ tôi để tôi được rửa tội vì sau khi kết thúc nghi lễ này, ta sẽ có một tờ giấy chứng nhận. Bố mẹ tôi chẳng thích một loại giấy tờ chính thức nào hơn tờ giấy chứng nhận này có đầy đủ tên của cả hai người trên đó, thứ mà họ có thể trình ra cho các nhà chức trách nếu bị những người này đến nhà yêu cầu cho xem giấy tờ.

Nhưng niềm tin tôn giáo cần phải đi xa hơn đó để bám trụ trong tâm hồn ta, nơi nó có giá trị. Và rồi, cả Thiên chúa giáo lẫn Do Thái giáo đều không làm được điều đó. Dù vậy, tôi vẫn cảm thấy bị hấp dẫn và bị sốc trước những gì ông bác Sándor phải kể về việc bố tôi được nuôi dạy trong môi trường như thế nào. Bố mẹ tôi thuộc tuýp người thành thị luôn tránh xa chỗ có cỏ vì “ai cần đến cỏ kia chứ?”. Họ chưa từng bao giờ đi trên xa lộ nhưng họ khâm phục ý tưởng xây dựng đường cao tốc.

Nhưng giờ thì hóa ra bố tôi biết tất cả về những vườn cam, vườn nho và những con ngựa. Bà Prescott đã nói khá đúng về hình thức bề ngoài đậm chất nông dân của tôi. Đôi bàn tay to bè vuông vức, đôi bàn chân thô kệch. Đích thị là đặc điểm nguồn gốc dân quê lao động.

Ban đầu, quá trình phỏng vấn ông bác Sándor đã đem lại cho tôi một khả năng lắng nghe mà không ngắt lời, sử dụng đôi tai thay vì hai mắt. Thỉnh thoảng, tôi hỏi ông một câu nhưng phần lớn thời gian, tôi giữ im lặng. Tôi để ông nói. Tôi đã tìm thấy một cách lèo lái ông như thể ông là một con tàu chạy ở đây một chút, ở kia một chút và cứ như thế, ông nói, nói và nói liên tục, không thể ngừng lại. Sau này, bác tôi nói với tôi rằng ông cảm thấy như mình đã nuốt phải một con rắn và con rắn đó đang rút sạch dưỡng chất bên trong con người ông. Bất cứ thứ gì ông nuốt vào, con vật đó cũng ngốn sạch và thế là ông chẳng còn lại một chút chất dinh dưỡng nào. Ông cần tôi bắt con rắn đó ra khỏi người ông. Con rắn đó giờ đây đang thò ra khỏi miệng ông với cái đuôi lờ lờ ra trước, từng phân từng phân một. Còn cái đầu của nó thì đang bị vùi tận trong lòng trong ruột của ông. Có lẽ đây chính là thứ gây ra chứng rối loạn tiêu hóa kinh khủng ở ông - bác tôi đoán và mỉm cười buồn bã.

– Trước tiên, cô cần phải có một bài học lịch sử nho nhỏ để hiểu được những gì xảy ra với chúng tôi - ông bắt đầu nói.

– Vâng, cháu xin chăm chú lắng nghe bằng cả hai tai.

– Cô có học lịch sử chứ?

– Dĩ nhiên là cháu có ạ.

– Nhưng chỉ toàn nói về mấy ông vua, bà hoàng Anh với Pháp của cô mà thôi, không phải lịch sử đúng nghĩa. Giờ thì cô nghe này, trong Thế chiến thứ nhất, khi tôi còn là một đứa bé

con, chúng tôi sống tách biệt với tất cả mọi thứ. Một số thanh niên ra đi chiến đấu cho hoàng đế nhưng thật sự chúng tôi như bị bỏ rơi vậy. Cuộc chiến bùng nổ trong làng cũng là cuộc tranh cãi giữa bố tôi với ông nội tôi. Khi đó là vào năm 1922, tôi đã sáu tuổi còn thằng Ervin thì mới lên hai. Cô có biết là chúng tôi đã có một cuộc cách mạng nhỏ của Cộng sản ở Hungary không? Đúng vậy đấy, cái ông Bela Kuhn^[37] cho rằng chúng tôi nên đi theo con đường giống như nước Nga Xô Viết... Thế là ông ta gây ra một cuộc đại náo loạn giống như những người luôn luôn có nhiều ý tưởng trong đầu, những ý tưởng kêu vo vo giống như những con ong, buộc họ phải để cho chúng bay ra khỏi miệng; bằng không, họ sẽ phát điên với những tiếng kêu trong đầu đó. Nhưng ông ta chẳng làm được trò trống gì ngoại trừ việc bắt đầu gây đảo lộn công việc kinh doanh cá thể của người dân. Thế rồi dân người ta cũng nhận ra bản chất của vấn đề và quay lưng với ông ta. Đột ngột lắm. Dĩ nhiên làm sao chúng ta biết được đôi khi một cơn cảm lạnh lại có thể biến thành một chứng bệnh ung thư? Không thể nói trước được.

“Dù sao chẳng nữa, ông nội tôi cũng là một người rất sùng đạo. Ông có một bộ râu thơm mùi thuốc rê và quần phủ xuống hai tai. Ông tin rằng đấng Messiah - tức Đấng cứu thế - sắp sửa quay trở lại trần gian vào bất cứ lúc nào. Vì thế, điều thực sự đáng cho là vấn đề chính là những gì mà đám tiện dân ở Budapest suy nghĩ, bởi họ đang bị lừa dối. Thế mà bố tôi lại tìm đến những cuốn sách. Không phải để tìm hiểu về chính trị vì ông không khoái cái món đó. Ông bắt đầu đọc về những tôn giáo khác, về hàng xóm láng giềng theo đạo Cơ đốc của chúng tôi, vì như tôi đã nói, thời đó người ta sống với nhau chan hòa lắm. Đặc biệt là người Hy Lạp, chúng tôi luôn luôn thích họ. Sau đó, bố tôi lại bắt đầu tìm hiểu về các tín đồ đạo Hồi, đạo

Hindu và đạo Phật, tất tần tật mọi thứ hiện diện trên thế giới này. Ông thường xuyên gửi thư đặt mua sách tận Budapest và đem về, ông nghiền ngẫm chúng trong lúc mẹ tôi giặt giũ hay lau chùi. Đầu óc ông lúc nào cũng để ở trong một cuốn sách nào đó và rồi ông bắt đầu nói tất cả những điều điên khùng về thánh Allah, về Phật, về thần Shiva. Không ai hiểu ông đang nói gì. Mẹ tôi úp hai tay bà lên đôi tai tôi mỗi khi bố bắt đầu mở miệng. Tôi còn nhớ đôi tay bà có mùi nước giặt xà phòng từ công việc giặt giũ.

“Cuối cùng, mọi sự trở nên quá sức chịu đựng đối với ông nội tôi. Là một người vô cùng mộ đạo, đối với ông, chỉ có duy nhất một thứ có ý nghĩa. Đó là lời răn đầu tiên của đấng Messiah. Cô có biết lời răn đó không?”

– Người không được hãm hại người khác? – tôi hỏi lại ông bác Sándor.

– Không, không phải. Đó không phải là lời răn đầu tiên. Lời răn đầu tiên là “Ta là Đức Chúa, Thiên Chúa của người. Người không có Thiên Chúa nào khác ngoài Ta”. Cô có nghe điều răn này chưa? Đối với ông tôi, đây là một thông điệp tối hệ trọng. Vậy cho nên khi thằng con trai của ông bắt đầu nói về Chúa Giê-su, về Phật và về thần Shiva, mọi thứ hết như thể thằng con trai đó đang trở thành một tên Đức Quốc xã dù rằng về sau ông chẳng biết tí gì về phát xít Đức. Chuyện này xảy ra nhiều năm trước khi có nạn tàn sát người Do Thái của Đức Quốc xã.

“Một ngày nọ, ông tôi và bố tôi cãi nhau ngoài đường, trước mặt tất cả mọi người. Cả làng dừng lại xem. Đó là một cuộc đấu kiêu hùng giữa cha và con. Tôi cố gắng lắng nghe họ cãi nhau nhưng mẹ tôi đã lấy tay bịt tai tôi. Trong lúc tôi đang vạy vẹo mình, tìm cách chạy xa khỏi bà vì tôi là một thằng bé rất mạnh thì thằng nhãi Ervin em tôi gào thét inh ỏi. Chẳng phải vì cái gì

ghê gớm, chỉ là muốn có một mẩu bánh mì và mật ong. Thế là, cô thấy đấy, tai tôi đã bị mẹ tôi lấy tay bịt chặt còn thằng em nhãi nhép thì cứ quác quác cái mồm. Nó làm âm ỉ quá khiến tôi không tài nào nghe được chuyện gì đang xảy ra. Nhưng rồi tôi thấy ông tôi bốc một cục phân ngựa trên đường. Cô phải nhớ rằng ông tôi là một người hết sức sạch sẽ, sạch sẽ nhất luôn, ông rửa tay cả ngày và cầu nguyện với đôi tay sạch sẽ chấp lại trước ngực. Ông chẳng làm bất kỳ việc gì dính dáng tới lũ súc vật, chỉ với nho và giấy tờ mà thôi. Ấy thế mà ông đã bốc cục phân ngựa và ném cái thứ cặn bã dơ bẩn ấy vào bố tôi.

“Ôi không”, mẹ tôi kêu lên thất thanh còn thằng nhãi Ervin vẫn nhai nhải gào khóc đòi bánh mì và mật ong. Tôi cố luôn ra khỏi cửa để nhìn rõ hơn vì người ta đứng chắn hết lối. Toàn người lớn. Thế nên tất cả những gì tôi có thể thấy là nhìn qua chân của họ khi họ không chạy qua chạy lại vòng quanh. Tôi muốn thấy bố tôi sẽ làm gì. Ông có dám bốc phân ném lại ông tôi hay không? Nhưng bố chẳng làm gì cả. Ông chỉ đứng im ở đấy và bắt đầu chửi mắng những người đang bu quanh xem. Ông chửi họ là đồ xấu xa, là phường dốt nát. Rồi bố tôi bước nhanh như chạy khỏi đường cái. Không ai theo kịp ông ngoài lũ chó. Ông đi ra xa tới những vườn cam và mất dạng sau những lùm cây.

“Và sau đó, gia đình tôi rời khỏi làng, rời khỏi nơi chôn nhau cắt rốn của tôi. Tôi không bao giờ được ngắm nhìn lại quê hương của mình lần nữa. Chúng tôi chuyển đến Budapest. Mỗi quan hệ giữa chúng tôi và vùng đất Zémpelen đến đây là chấm hết. Thôi, giờ thì ta nghỉ, làm một tách cà phê và chút bánh bích quy. Hay là cô muốn ăn một miếng bánh của Đức? Xin lỗi là tôi vẫn chưa tới cái chỗ người ta bán bánh ngọt hảo hạng.”

– Dạ không, cháu cảm ơn.

– Tôi không trách cô đâu. Thứ bánh này tệ quá mà. Thôi, kiểm tra lại cho chắc chắn mọi thứ vẫn chạy tốt.

Tôi tua lại băng ghi âm và giọng của bác tôi từ trong chiếc máy phát ra: “...Và phía bên ngoài có hai cửa sổ. Chúng giống như một cặp mắt nâu sẫm lúc nào cũng nhìn tôi và chú ý đến tất cả mọi thứ...”

– Là giọng tôi đấy à? – Ông bác Sándor hỏi, cảm thấy như đang nhìn mình trong gương. Khi ông làm vậy, ông nhìn thấy một khuôn mặt phệ và chiếc môi dưới trề xuống. Chiếc máy ghi âm cho ông biết giọng của ông nghe như thế nào và nó đã làm ông thất vọng, chùng xuống.

– Hình như có ai đang gõ cửa phải không bác? – tôi hỏi

– Hả? Ừ đúng. Có tiếng gõ cửa. Để tôi đi xem ai.

Bác Sándor chỉ mở hé hé cánh cửa. Tôi không thể thấy người đứng ngoài kia là ai.

– Ồ, ra là mày – bác tôi thốt lên với một vẻ mỉa mai – lại đến nữa.

– Cái cửa sổ vẫn bị hư – một giọng nói cao và sắc nhưng không ẻo lả, nữ tính, vang lên từ phía bên kia cánh cửa. Các từ bay ra giống như những mũi tên bằng kim loại thoát khỏi cái miệng mà tôi không nhìn thấy.

– Làm gì mà mày cứ nhằng nhít cả lên như thế hả? Không khí trong lành sẽ tốt cho mày đấy. Mày nên để mở cửa sổ suốt đêm mà ngủ. Đến tao cũng định làm thế nữa là – ông bác Sándor quay sang nháy mắt với tôi.

Một tràng cười ngắn và cộc lốc vang lên:

– Vậy thì ông đừng hòng thu tiền thuê nhà chừng nào ông chưa sửa cửa sổ.

– Ái chà. Dám đe dọa cơ đấy. Cô nghe thấy không, Miranda? Thôi! Bién đi mà lái cái tàu lửa vớ vẩn của mày. Tao đang bận. – Bác tôi đóng sập cửa vào mặt người khách.

– Có phải anh chàng đó ngủ trong phòng có cửa sổ bị hư không hả bác? – tôi hỏi với một vẻ hào hứng vì tôi cho rằng mình vừa mới phát hiện một bằng chứng không thể chối cãi được chứng tỏ ông bác của mình là một người cho thuê nhà xấu xa.

– Thằng ranh con đó ở phòng có cửa sổ là may mắn lắm rồi. Nó đã có không khí thông thoáng rồi còn gì. Tôi ấy à, có lúc tôi còn phải ngủ trong một cái hố, hố đúng nghĩa nữa ấy chứ.

– Dạ thưa bác, đó là chuyện hồi xưa, xảy ra ở bất kỳ một nơi nào khác nhưng bây giờ ở đây, ở ngay thủ đô London này, bác phải có trách nhiệm của một người cho thuê nhà. Đã có luật làng hoàng. Bác không thể...

Bác tôi nhìn tôi, đứa cháu gái đã học đại học, nghiên cứu về Shakespeare và trước đó đã thừa nhận không biết gì về cuộc sống. Ông nghĩ rằng đã đến lúc tôi cần phải nghe một số sự thật về luật pháp. Ông không muốn để cho tôi ngu ngơ, không biết gì vì theo kinh nghiệm của ông, những kẻ khờ khờ như vậy thường dễ bị lừa gạt, hiếp đáp và ông không muốn điều đó xảy ra với tôi. Ông muốn tôi biết cách tự bảo vệ mình như thế nào chứ không phải trở thành một nạn nhân. Trong suy nghĩ của ông, nếu ta chủ tâm muốn làm rối tung đầu óc của một người và làm cho anh ta trở thành một kẻ mất trí bằng những điều vô lý, xằng bậy, ta nên bắt đầu thử thực hành trước trên dân trí thức, những kẻ khờ khạo nhất.

Một người trí thức chẳng biết tí gì về cách làm sao tự chăm sóc mình khi thời cuộc khó khăn vì anh ta tin rằng suy nghĩ

quan trọng hơn hành động. Ngược lại, bác tôi biết rằng thực tế hoàn toàn trái ngược với việc đó.

– Phải rồi, luật pháp - ông nói nhẹ nhàng, ban đầu cố để không làm tôi sợ. Thế nhưng, ông thực sự đã làm tôi thấy hãi vì hai bên khóe miệng ông đã bắt đầu xuất hiện bọt trắng. - Cô muốn nói với tôi về luật pháp à? Thế cô chỉ cho tôi xem luật có chỗ nào quy định một người cho thuê nhà phải kiếm lợi nhuận nào?

– Luật pháp không phải được xây dựng để bảo vệ kẻ mạnh, nó được làm ra để bảo vệ người yếu.

Tôi không phải là người quan tâm đến chính trị, hoàn toàn không. Giống như bố mẹ mình, tôi chưa bao giờ đi bầu cử. Thế nhưng, những ý nghĩ kiểu như thế này là sản phẩm thu được từ đời sống sinh viên. Ta không thể tránh né chúng được.

– Ái chà! Ái chà! Ái chà! Tôi hiểu rồi. Giờ thì tôi hiểu ý cô rồi. Chủ nghĩa xã hội chứ gì. Nghe này, cô sắp sửa được nghe về chủ nghĩa xã hội ngay thôi, khi chúng ta đi đến phần đó trong câu chuyện của tôi. Rồi cô sẽ không ưa những gì tôi buộc phải kể ra với cô đấy.

– Cháu không quan tâm đến chính trị đảng phái này nọ. Nhưng dù sao, đó không phải là chủ nghĩa xã hội. Đó là chủ nghĩa cộng sản. - Alexander đã nói với tôi như vậy.

– Cũng thế cả thôi.

– Không, không phải giống nhau đâu. Chủ nghĩa cộng sản là nhà nước toàn quyền lãnh đạo còn cái mà cháu muốn nói là những bộ luật bảo vệ...

– Lợi nhuận của tôi? Thế có bộ luật nào bảo vệ điều đó không? Không. Chỉ đối với lũ ăn xin cố ăn bám ăn chực tôi mới có luật bảo vệ chúng mà thôi. Còn đối với tôi thì chẳng có bộ

luật nào.

– Tại sao trên thế gian này cần phải có một bộ luật bảo vệ lợi nhuận của bác? Tất cả mọi người ai cũng có quyền được có một mái nhà che mưa che nắng. Lợi nhuận không phải là thứ lương thiện. – Đây là một trải nghiệm mới đối với tôi: sự phẫn nộ về đạo đức.

– Ô, thế ra cô không muốn một người cho thuê nhà kiếm lời à? Cô nghĩ ông ta là một nhà từ thiện chắc? Mà tại sao phải bố thí chứ? Tại sao người ta phải trở thành nhà hảo tâm thiện nguyện? Hội từ thiện đầy những kẻ chẳng có gì tốt hơn để làm vì phường đó không cần đến lợi nhuận. Chúng đã có sẵn tất cả những gì chúng cần và thế là mở một hội từ thiện. Tốt thôi, hãy để chúng làm chủ nhà đi còn tôi sẽ tìm một việc khác kinh doanh. Nhưng quay lại chuyện bây giờ, có một thằng oắt con đến chỗ tôi và nói với tôi rằng nó nghe nói tôi có một phòng cho thuê. Tôi nói cho nó biết giá thuê nhà và nó trả lời “Được, tôi thuê nhà, tôi chịu giá này”. Thế còn tại sao giá thuê nhà lại là 6 bảng Anh? Vì chính phủ bảo tôi rằng tôi không được phép cho thuê cao hơn 6 bảng. Đó là luật, luật của cô đấy. Thế là, trong khi tôi không thể kiếm một đồng lời nào với cái giá cho thuê 6 bảng đó thì cái thằng nhãi ranh đó lại đòi hỏi phải sửa cửa sổ, không phải ngày mai hay hôm nay mà cái chính là nó muốn cái cửa sổ đó không bao giờ bị hỏng nữa. Nếu tôi có chút tiền lời, tôi đã sửa cái cửa sổ cho nó rồi.

Gương mặt tôi lộ ra một sắc thái cảm xúc mà bác tôi đã từng nhiều lần nhận ra trước đó, khi người ta nhìn vào ông. Ông biết nó rất rõ, đó là một sự pha trộn lẫn lộn nửa sợ hãi, nửa khinh thường, một cảm giác buồn nôn tởm lợm trước một thứ gì đó mà ta không muốn chạm vào, hay nếu thực sự buộc phải chạm vào thì ta sẽ lấy một mẫu giấy, chụm các ngón bốc nó lên rồi

sau đó đi rửa tay.

Chính trị chẳng có ý nghĩa gì với ông bác của tôi cả. Con người này quả thực là một lão Fagin. Và bây giờ thì có lẽ tôi cần phải đánh giá lại những suy nghĩ trước đây của mình về kẻ tội phạm hung ác thời Nữ hoàng Victoria này.

– Tôi xin lỗi vì đã làm cô sợ – ông bác Sándor nói, giọng run run. – Thôi đừng để ý đến điều đó nữa. Cô phải hiểu rằng tôi không phải là một người hung bạo. Tôi chỉ hơi cao giọng chút thôi. Thỉnh thoảng ấy mà.

Bác tôi lau mồ hôi. Ông rút khăn giấy trong chiếc hộp để trên bàn và tự lau cho mình. Những lớp khăn giấy màu đỏ tía mủn ra, dính khắp da ông. Đôi mắt ông mờ đục và nhìn tôi với một nỗi sợ hãi.

– Được rồi, chúng ta tiếp tục công việc thôi – tôi nói. Tôi đã nghe đủ rồi và tôi cũng đã biết bác tôi là loại người như thế nào.

Tất cả những gì mà bố tôi đã kể cho tôi nghe về bác tôi là đúng, chỉ qua tình huống một lần trong đời như thế này cũng đủ để miễn cưỡng công nhận như vậy. Kế hoạch của tôi sẽ như sau: sáng mai, tôi sẽ đến lấy 8 bảng Anh tiền công của tôi và chấm dứt trải nghiệm này. Tôi không xem bác tôi là một *con quỷ*, đó là sự đặt điều vô lý của những kẻ thích gây giạt gân. Ông chỉ là một kẻ hết sức khó ưa, một con người gây khiếp đảm và tôi không muốn dính dáng thêm chút nào với ông. Hải lòng với những thông tin mà ông đã cho tôi biết về ông bà tổ tiên mình ở một làng quê nông thôn, tôi biết rằng bất cứ thứ gì khác ông có thể kể tiếp cho tôi cần được trả với cái giá quá cao – một kiểu ô ướ do một người mà tôi không còn đủ sức chịu đựng để ở đây thêm nữa gây ra. Bố mẹ tôi yêu tôi và họ đã đúng khi cố bảo vệ tôi khỏi người họ hàng khủng khiếp này.

Nhưng bác tôi không để mọi việc dừng lại ở đó. Đối với ông, phải làm cho tôi hiểu là một điều hết sức quan trọng.

– Không, trước tiên cô phải nói cho tôi biết vì sao cô quan tâm đến mấy cái mớ luật này?

– Bởi vì chúng công bằng - tôi cảm thấy hài lòng với cái lý đơn giản trong câu trả lời của mình. Nếu Alexander mà còn sống, hẳn anh cũng phải công nhận đây là một câu trả lời sắc bén, ngắn gọn và dứt khoát.

– Công bằng à? Thế nó có nghĩa gì nào?

Tất cả mọi người đều biết công bằng có nghĩa là gì. Nó là nền tảng cơ sở của xã hội Anh, là bản năng của người Anh trong việc đánh giá đúng sai. Tất cả những người di dân đều hiểu điều đó, ngay khi họ vừa bước chân khỏi thuyền tị nạn. Đó là đối xử đàng hoàng, mã thượng và tất cả chỉ đơn giản có vậy. Bố mẹ tôi tán thành cái ý kiến được số đông nhiều người ủng hộ. Mẹ tôi đã từng có lần nhấn mạnh đảng quốc xã không bao giờ tin vào lý tưởng này. Chúng sẽ cười vào điều đó.

Nhưng chính xác công bằng là cái gì? Trước đây, tôi vẫn thường cho rằng mình hiểu được ý nghĩa của từ này nhưng sau ngày hôm nay, tôi sẽ về tra lại từ điển để chắc chắn.

– Cháu không dám chắc đó là thứ mà ta có thể định nghĩa, - tôi trả lời bác mình - nhưng cháu cho rằng công bằng là chuyện liên quan đến tôn trọng người khác.

– Công bằng là thứ cần phải giành giật mới kiếm được.

– Tại sao lại như vậy?

– Ta phải có những phẩm chất bên trong mà người khác nể trọng.

– Chẳng hạn như?

– Sức mạnh, trí tuệ thông minh. Trong rừng, sư tử được tất cả những loài vật khác nể trọng.

– Đó không phải là nể trọng mà là khiếp sợ.

– Cũng thế cả mà thôi.

– Cháu thử lấy một ví dụ nhé, bác có tôn trọng cái anh chàng vừa gõ cửa nhà bác không?

– Thằng ranh con đó à? – ông bác Sándor bắt đầu cười lớn. – Cô nghe này, nó không phải là một thằng tồi nhưng tôi phải tôn trọng nó ư? Vì lẽ gì cơ chứ? Nó mới 20 tuổi đầu và mặc độc cái áo khoác da bốc mùi.

– Tại sao không? Anh ấy cũng là một con người cơ mà.

– Người thì sao nào?

– Là người cho nên anh ta đáng được tôn trọng.

– Tại sao?

– Vì anh ấy là anh ấy. Đơn giản chỉ là thế.

Tôi lắc lắc đầu.

– Ôi, Miranda, cô chỉ mới bắt đầu bước vào ngưỡng cửa cuộc đời thôi. Tin tôi đi, nơi tôi đến...

– Bác đến từ đâu không quan trọng. Tất cả cũng như nhau cả thôi.

– Không hề giống nhau đâu. Thôi được, hãy nghe lại băng ghi âm. Có lẽ nếu cô nghe lại, cô sẽ thấy một quan điểm khác.

– Được rồi, thì nghe lại – tôi nói, giọng lạnh tanh. – Chúng ta đến đâu rồi nhỉ? À, phải rồi, tới đoạn bác rời khỏi làng quê của mình. Thế tiếp theo thì điều gì xảy ra?

– Điều gì xảy ra tiếp theo ư? Chúng tôi – tôi, bố tôi và thằng em trai của tôi – dọn đến Budapest.

Chắc hẳn là bác tôi đã cảm thấy rằng mối quan hệ giữa tôi và

ông lúc trước mới là tốt đẹp nhất chứ không phải hiện tại, vào lúc này, vì khi đó, ông vẫn còn là một ẩn số và còn chứa đựng một thứ gì đó mà ông biết là tôi rất muốn tìm hiểu khám phá ra. Đó chính là quăng đời đầy bí ẩn mà những người không muốn dẫn tôi quay trở về nó, những người từ chối trao tặng cho tôi món quà này, đã sống trước khi tôi được sinh ra. Và bác tôi đã bắt đầu thích thú với một số kỷ niệm quá khứ, thứ đã đưa ông về với một thời kỳ vô cùng dễ chịu trong khi tương lai chỉ là một loạt những cánh cửa mà ta sẽ phải mở với toàn những điều bất ngờ không dễ chịu đang chờ đợi ở phía bên kia.

Bác tôi không hiểu ra rằng giữa chúng tôi đã kết thúc. Tất cả đã chấm hết ngay buổi sáng thứ hai gặp nhau.

– Bố tôi hoàn toàn cắt đứt với ông nội tôi, với ngôi làng, với tất cả mọi thứ, kể cả công việc buôn bán rượu vang - ông bác Sándor tiếp tục kể. - Thế là chúng tôi đón tàu hỏa lên thành phố. Tôi chưa từng đi tàu hỏa bao giờ. Tôi chưa từng thấy một nơi nào lớn hơn Tokaj. Cô có biết một nơi như Budapest hồi đó là như thế nào không? Cô đã từng trông thấy nơi đó chưa?

– Dạ chưa.

– Thế thì đừng có đến đó mà làm gì. Bây giờ nó đúng là một cái hang thối tha cứt đá. Nhưng hồi đó thì khác. Hồi đó nó thực sự là một thành phố. Có một dòng sông chảy qua, là sông Danube đấy, với những cây cầu bắc ngang và tất cả những tòa nhà tuyệt đẹp. Cô có biết đó là hai thành phố khác biệt nhau, Buda và Pest, hay không? Ờ, rồi tôi trở thành một thằng bé ở Pest. Tôi bắt đầu trở thành dân của cái thành phố đó xuất phát từ những điều rắc rối và thôi không là người ở đó cũng vì những điều rắc rối. Rắc rối. Cô có hiểu không?

– Vâng, cháu hiểu ạ.

Bác tôi để ý thấy tôi hơi mỉm cười và đã cảm thấy bất sợ hãi. Ông cho rằng có hai loại người. Một loại dễ bực mình, nóng tính giống như lửa diêm bén vào cỏ khô và bùng cháy nhanh, sáng, dữ dội nhưng chỉ một chốc là xong: đó là ông. Loại người thứ hai có ngọn lửa giận dữ dồn nén dưới đám tro tàn cháy âm ỉ suốt năm này qua năm khác: đó là bố tôi. Ông hi vọng tôi giống ông, nóng bùng mãnh liệt nhưng chóng nguội. Ông đã đúng. Tính cách con người tôi chính xác là như vậy trong khi bố tôi thì không bao giờ tha thứ, không bao giờ quên và luôn luôn giữ sự oán hận trong lòng.

* * *

Rồi bác tôi cứ tiếp tục câu chuyện đáng quan tâm của ông và tôi phải thừa nhận rằng mình không thích con người cực kỳ xấu xa này nhưng tôi vẫn miễn cưỡng bị cuốn mỗi lúc một sâu hơn vào thế giới của ông. Với tôi, nó giống như một bộ phim hay một cuốn tiểu thuyết mà ở đó tôi đang dần bị choán hết tâm trí. Bác tôi là một người kể chuyện kỳ lạ. Ông có thể khiến từng khoảnh khắc của quá khứ trở nên sống động, ông có cái tài ăn nói hoạt ngôn bẻm mép của một kẻ dụ dỗ. Tôi có thể tưởng tượng ra bằng con mắt bên trong mình cảnh ông đặt chân đến nhà ga tàu hỏa thông qua miêu tả của ông và hình dung ra tất cả những người mà ông trông thấy - chỉ riêng tại ga đường Do Thái vào những dịp lễ lớn, ông đã trông thấy không biết cơ man nào là người và tất cả họ đều đi lên, đi xuống như thể đang có việc gấp gáp cần phải giải quyết, nhảy lên, nhảy xuống xe điện và hối hả chạy khắp nơi. Toàn bộ thành phố đều trở nên sống động như thật! Bà nội tôi đang

bồng bố tôi trên tay vì ông đã ngủ lúc ở trên tàu và khi bà cố gắng đánh thức ông dậy, ông bắt đầu gào khóc nên bà phải bồng ông. Bố tôi ngủ lại ngay tức thì. Vì vậy, ông không bao giờ được trông thấy những gì mà ông bác Sándor của tôi nhìn thấy ngay trong cái giờ đầu tiên họ đặt chân đến Budapest.

– Cô có chắc là cái máy này vẫn đang chạy tốt đấy chứ? - bác Sándor hỏi sau một lúc hồi tưởng thật lâu về cuộc đời mình trước đây.

– Bác có muốn cháu cho chạy lại bằng kiểm tra không?

– Ừ, chạy lại đi cho chắc ăn.

Tôi nhấn vào cái nút tua lại và để cho băng chạy trở về trước trong khoảng một, hai giây, “...với những cây cầu bắc ngang và tất cả...”

– Nó chạy tốt lắm ạ, - tôi nói. - Thế bác sống ở đâu và làm sao bố của bác tìm được một căn hộ và một công việc để sống?

Chúng tôi còn 40 phút nữa. Vì vậy, có lẽ tôi sẽ cố moi tất cả càng nhiều thông tin càng tốt trước khi tôi rời khỏi đây. Tôi nghĩ khi tôi trở về nhà, tôi sẽ ghi chú lại một số điều, chỉ để dành riêng cho mình, không vì một lý do nào khác.

– À, điều này thì tôi chưa bao giờ khám phá ra được. Tôi chỉ biết là ông viết thư, viết rất nhiều thư. Một số thư ông nhận được hồi âm và một số thư thì không có câu trả lời nhưng rốt cục thì ông cũng có được một công việc ở một công ty sản xuất mũ. Ông làm một chân thư ký kiêm kế toán, cô biết rồi đấy, và ông cũng phụ trách cả phòng xuất khẩu vì ông nói được tiếng Nga.

– Sản xuất loại mũ nào vậy ạ? Mũ cho phụ nữ à?

– Không, không, không. Mũ phớt mềm, thấp. Thời đó, đàn ông người nào cũng có một chiếc. Chúng là những chiếc mũ

chất lượng hảo hạng và người ta xuất khẩu chúng đi khắp mọi nơi. Và thời gian ấy thì cái công ty đó nhận bố tôi vào làm việc.

Cô nên nhớ rằng lúc này là vào năm 1924. Người ta nghĩ rằng họ sẽ vẫn xuất khẩu được mũ phớt sang Nga nhưng họ không biết một điều là, trước hết, người Nga không muốn đội một loại mũ nào, ngoại trừ thứ mà mấy tay công nhân hay đội, mũ lưỡi trai ấy. Thứ hai, ngay cả khi họ muốn mua một chiếc mũ phớt, họ cũng sẽ chọn cái sản xuất tại Moskva chứ không phải là mũ do tư bản làm ra. Bố tôi đã giải thích tất cả điều này cho công ty sau khi ông chẳng tìm được khách hàng nào ở Liên Xô để mà bán mũ. Và bây giờ thì ông làm quen rất nhanh với nhiều ngôn ngữ, nhân tiện phải nói rằng ở điểm này thì ông với tôi đều giống nhau. Ông học tiếng Đức, đêm nào cũng học qua sách và đi đến các quán cà phê để luyện nghe vì thời đó có nhiều người nói tiếng Đức. Chẳng bao lâu sau, bố tôi thành lập phòng xuất khẩu sang thị trường Đức. Lúc này, ông đích thực trông giống một người Hungary, chẳng râu ria, chẳng để gì cả. Công ty đặt ở quận Erzsébetváros, quận thứ bảy của Budapest, và đó cũng là nơi mà chúng tôi có một căn hộ trong một tòa nhà cũng không đến nỗi là tồi tàn. Đây là nơi mà tôi bắt đầu cuộc sống mới với tư cách là một thằng bé thành thị.

Bác tôi kể tiếp cho tôi nghe ông buộc phải ngưng cách nói chuyện như một đứa trẻ nông thôn như thế nào. “Tôi muốn trở thành một người Hungary, giống như tất cả những người khác xung quanh. Điều này vô cùng quan trọng đối với tôi, trở thành một người Hungary chứ không phải một người Do Thái. Tôi cần phải nói ngôn ngữ của họ, không phải tiếng Đức cổ của người Do Thái ở Trung và Đông Âu, thứ tiếng mà chúng tôi đã nói thuở còn bé. Và bố tôi cũng không thích nói thứ tiếng cũ vì ông không còn thích thú với chuyện là người Do Thái nữa. Ban

ngày, ở công ty, ông bán mũ. Đêm về, ông đọc đủ các loại sách tôn giáo và ông thích đạo Phật nhất, ông nói các tín đồ đạo Phật là những người tử tế, trầm lặng, hòa nhã, không bao giờ làm hại đến ai. Dĩ nhiên, mẹ tôi chẳng may may buồn để tâm đến điều này. Bà giữ tất cả những giáo lý Do Thái giống như bà vẫn luôn theo từ trước đến nay.

– Thế còn em của bác thì sao, ông Ervin ấy? Ông ấy đã thích nghi với cuộc sống mới như thế nào?

– Chắc, ngay từ đầu nó đã là một con gà công nghiệp ở thành thị rồi, vì nó là cái thằng bám váy mẹ, mà một thằng bám váy mẹ thì không thể nào sống nổi ở làng quê. Nên nhớ, nó lúc nào cũng là một đứa làm người ta khó chịu. Nó đúng là một thằng nhãi tai ương! Mới chỉ nhớ lại về nó mà tôi đã muốn cười phá lên rồi. Tôi nhớ là khi nó bắt đầu đi học, mẹ tôi phải đứng ở ngoài cửa lớp trong khi nó gào khóc với bà rằng đừng bỏ nó, đừng bỏ một em bé còn nhỏ. Nhưng có một điều khôi hài là, cô biết không, tôi - một thằng từng chạy lông nhông khắp các cánh đồng, nhảy nhót suốt cả ngày dưới những giàn nho và tót tới những chuồng ngựa để nhìn ngắm lũ súc vật này - hóa ra lại thích đi học khi đến Budapest. Tôi không phải là một đứa ngu dốt. Tôi đứng đầu lớp trong nhiều môn học, kể cả môn toán, thứ mà lúc nào đối với tôi cũng dễ như bỡn. Các con số cứ nhảy múa trong đầu tôi giống như những vũ công. Nếu tôi nhắm mắt lại, tôi có thể thấy chúng đang nắm tay nhau và sau đó, khi chúng đã nắm tay nhau xong rồi, chúng biến thành những con số khác. Tôi chưa bao giờ hiểu được rằng chỉ có tôi mới thấy được điều này trong đầu. Tôi cứ ngỡ là ai cũng vậy nhưng có nhiều thằng con trai khác lại rất chậm với mấy con số và ta luôn luôn có thể lừa gạt được chúng, giống như cái trò bịp với ba cái cốc và quân xúc xắc. Còn Ervin ấy à, nó là một đứa

hoàn toàn khác. Nó học hành ở trường không ra sao nhưng tay chân nó thì lại rất khéo. Lúc nào tay nó cũng bận táy máy một thứ gì đó, lúc nào cũng sơn cũng vẽ.

– Vẽ ư?

– Phải. Quả là một điều ngạc nhiên lớn, phải không?

– Cháu không biết có chuyện này. Bác không kể về ông ấy có vẻ như là một nghệ sĩ.

– Tôi không nói nó là một nghệ sĩ. Tôi chỉ nói nó hay vẽ tranh. Nhưng nói vậy không có nghĩa là tranh của nó đẹp.

– Thế chúng trông thế nào ạ?

– Ờ thì, cô biết không, nó lấy ra một cái bát đựng hoa quả vào đó rồi vẽ một bức tranh. Kiểu gì đi chăng nữa thì nó cũng vẽ như thể muốn hoa quả trong bức tranh của nó giống như hoa quả bày trong cái bát nhiều hơn là giống với hoa quả thật ở ngoài đời; như thể nó đang cạnh tranh với thiên nhiên. Đây cũng là điều mà tôi đã nói với nó và nó liền nổi đóa lên với tôi. Mẹ tôi cũng giận vì bà bảo tại sao tôi có thể đối xử không tốt với đứa em trai nhỏ bé của mình như vậy? Lẽ ra ta nên khuyến khích nó mới phải. Đó là mẹ tôi, bà là một phụ nữ vô cùng nhẹ nhàng, mềm mỏng theo kiểu những bà mẹ. À mà mấy giờ rồi nhỉ?

– 11 giờ rưỡi.

– Thôi được rồi. Dừng ở đây thôi. Cô nên bắt đầu đánh máy lại đi. Cô cần phải rời khỏi đây lúc một giờ chiều cho nên phải nhanh lên thôi. Tôi sắp sửa có khách rồi.

* * *

Tôi ngồi xuống cái bàn trông ra ngoài phố. Lũ trẻ con đang chơi đùa, lũ chó đang sủa ăng ẳng, lũ mèo đang lim dim ngủ còn một con chuột và một người chuyên đi mua đồ đồng nát đánh một chiếc xe ngựa thô chạy ngang qua.

Bác tôi đi vào phòng ngủ nằm. Tôi nghĩ ông thấy buồn ngủ. Tôi bắt đầu nhiệm vụ nặng nề mệt mỏi là đánh lại những gì đã ghi vào băng ra máy đánh chữ, mỗi lần nửa câu, tua lại băng từng centimet một. Giọng bác tôi vang khắp căn hộ và cũng cái giọng ấy đang ngáy nhẹ, lọt ra ngoài cánh cửa phòng ngủ. Nghe lần đầu thật là thú vị nhưng khi nghe lại lần nữa, tôi bắt đầu chú ý cách ông tạo câu. Và rồi, cái giọng đầy âm sắc yết hầu làm tôi thấy chói tai khó chịu vào lần đầu tiên nghe thấy ấy bắt đầu đi vào trong đầu tôi. Tôi có thể nghe thấy một bộ óc đang tái tạo quá khứ từ chất liệu bí ẩn của nó.

Nhưng nó cũng đang thấm mệt. Khi bác tôi ngủ dậy, tôi nói với ông qua cánh cửa phòng ngủ. “Một giờ đúng rồi. Cháu xong việc rồi. Cháu về đây”.

– Đợi đã - ông nói. - Chờ tôi chút xíu. Có một người mà tôi muốn cô gặp.

Bác tôi vội vàng mặc quần áo và bước ra khỏi phòng ngủ trong bộ comple xanh da trời, chiếc áo sơ mi màu hồng và cà vạt tơ tằm màu tía. Tóc ông chải bóng mượt ngược ra sau còn da thì thơm mùi nước hoa đắt tiền. Tôi chưa từng biết một người đàn ông có mùi thơm nào khác ngoài mùi xà phòng tắm. Da của Alexander có mùi của chính anh và mùi của sợi vải quần áo, còn miệng thì thơm mùi kem đánh răng.

– Tôi trông được chứ? - ông hỏi.

– Rất đẹp ạ.

– Tôi đang đợi một quý cô. Đàn ông lúc nào cũng cần phải

ăn mặc bảnh bao để tháp tùng phụ nữ. Họ không muốn thể hiện sự mất tôn trọng đối với phụ nữ mà. Thôi nhanh lên nào.

– Vậy là cuối cùng bác cũng đã thực sự hiểu tôn trọng là thế nào rồi - tôi nói lúc tôi và ông đi xuống cầu thang, ngang qua những bức tranh vẽ cảnh săn bắn.

– Chuyện đó khác.

– Thế bác sẽ gặp cô ấy ở đâu?

– Cô ấy đang đợi ở hành lang. Rồi cô sẽ gặp cô ấy. Cô ấy lúc nào cũng dậy sớm, từ lúc tinh mơ. Eunice đúng là người như thế đó. Đây, cô ấy đây rồi.

– Eunice này - bác tôi giới thiệu - anh muốn em gặp Miranda, người mà anh đã kể cho em nghe rồi đấy, người đang giúp anh viết tất cả mọi thứ ra, tất tần tật mọi thứ, như ta đã bàn với nhau ấy.

– Rất vui được gặp cô - Eunice nói và chìa ra một bàn tay đeo găng tay da màu xanh da trời.

Đây là lần đầu tiên tôi gặp người đàn bà của bác tôi và cảm thấy cái bàn tay có xương nhỏ nhắn, thanh tú nằm trong tay tôi giống như một cái muống bạc. Khi đó, Eunice là một phụ nữ xinh đẹp và thanh lịch hơn bất kỳ một người nào mà tôi đã từng biết. Bà ấy mặc một bộ comple xanh nước biển đi cùng với một chiếc áo kiểu màu trắng, mang đôi găng tay xanh nước biển có ba chiếc cúc ở cổ tay. Tóc của Eunice trông như một cái mũ óng mượt với những gợn xoắn màu đen pha xanh nước biển. Bên dưới mái tóc đó là một đôi mắt thăm nhìn tôi như thể đang chụp hình để chuẩn bị phóng to ra rồi sau đó dùng kính lúp mà sẫm soi kiểm tra.

– Cô nghe thấy chứ? - ông bác Sándor hỏi tôi lúc Eunice chào hỏi. - Cô có biết cô ấy đến từ đâu không?

– Từ xứ Wales ạ?

– Chính xác, từ Wales đấy, giống như nữ danh ca Shirley Basey. Vịnh Tiger^[38]. Cùng một nơi. Thế cô nghĩ thế nào về nơi đó? – Ông hỏi và đặt một nụ hôn lên khuôn mặt Eunice. Nhờ đó, tôi biết bà ấy là bạn đặc biệt của ông, bạn gái của ông, rất khác với cô ả gái điếm non choẹt mà ông đã dẫn tới căn hộ của gia đình tôi khi xưa.

– Anh có một món quà cho em – ông nói với cô bạn gái đặc biệt của mình. – Anh sẽ cho em thấy khi chúng mình đến đó.

Ánh nắng mặt trời chiếu lên mái tóc của Eunice. Trông bà ấy giống như một món đồ trang trí bằng sơn mài đen. Họ cùng đi xuống phố với nhau, tay trong tay, giữa ánh nắng mặt trời mùa xuân ấm áp.

Trong lúc tôi trông theo bác Sándor và Eunice cùng nhau đi xuống phố thì giọng nói của anh chàng đã gõ cửa nhà bác Sándor vang lên: “Này, cô em là ai vậy?”

Tôi quay sang. Anh ta vừa mới ra khỏi căn hộ của mình và đang ngồi ở bậc thềm nhà, cửa vẫn để mở ở sau lưng. Ấn tượng đầu tiên của tôi về anh chàng này là khuôn mặt góc cạnh cùng đôi mắt xanh lơ, mái tóc đen cắt hết sức ngắn hất ngược từ trán ra sau, mấy ngón tay đang kẹp điếu thuốc rê đưa lên môi hút và cái miệng đỏ đang nở một nụ cười phóng đảng. Một chàng trai 21 tuổi mang phong thái tự tin gợi tình, tự mãn và sắc sảo của một người biết rõ rằng anh ta luôn luôn phải để ý thể hiện mình là số một, vì sẽ chẳng ai khác làm điều đó cho anh ta cả.

Tôi không biết phải trả lời câu hỏi của anh ta thế nào. Cần phải suy nghĩ một chút mà tôi thì giật mình vì bị hỏi quá đường đột nên không biết cách nào để giới thiệu về mình.

– Trong khi đang lục tìm trí nhớ cho tên mình, cô em có

muốn lại đây ngồi chơi chút không?

– Ngồi đâu cơ?

– Ở đây này, ngồi luôn chỗ cái bậc thềm này nếu như cô em không chê nó quá cứng cho cái mông của mình. Dù sao thì tôi trông cô em mông má cũng ngon lành đấy – Anh ta bật cười. Tiếng cười ngắn và sắc, chẳng có chút vui thú hay hài hước nào.

Thế nhưng, sau hàng giờ ở căn phòng bên trên của ông bác – hàng giờ chìm trong đám bụi mờ quá khứ của dòng họ Kovacs, những ký ức hoen ố xưa cũ, những tấm ảnh đã phai nhạt, ánh mặt trời băng giá – tôi cũng bật cười theo. Và dĩ nhiên, không phải là tôi cũng không có một động cơ thâm kín. Tôi muốn nghe từ chính miệng của một trong những người thuê nhà nhận xét người đàn ông mang tên Sándor bây giờ là người thế nào. Đây là người đang có chuyện bất bình, than phiền về ông bác của tôi. Vì vậy, tôi ngồi xuống.

– Cô em có muốn làm một điếu rê không? – anh ta vừa hỏi vừa chìa cho tôi một lon sợi thuốc lá. – Nếu cô em thích, tôi có thể quán cho cô em một điếu.

– Ồ không, cảm ơn anh. Tôi có thuốc lá của mình rồi. Thế anh sống ở đây lâu chưa?

– Vài tuần.

– Anh thấy có được không?

– Không, chẳng được tí nào. Lão già đó đúng là đồ vô lương tâm. Lão ta có thể ngửi được mùi của tờ một bảng Anh từ cách đó cả ba, bốn mét, – Anh ta vê vê hai ngón tay vào nhau như thể đang sờ tờ tiền. Một cử chỉ thể hiện thái độ bất mãn, khó chịu. – Thế cô em đang làm gì trong căn hộ của lão ấy đấy?

– Tôi làm việc cho ông ấy.

– Làm gì?

– Làm công việc giấy tờ ấy mà, – tôi trả lời.

– Ra thế.

Tôi châm một điếu thuốc lá và chúng tôi ngồi vài phút, lặng im hút trong khi người ta đi qua đi lại trên phố. Như thể các lỗ chân lông của tôi đã ngấm đầy ông bác, tôi cố gắng tống ông ấy ra bằng mỗi hơi thở. Khi tôi về đến nhà, tôi sẽ tắm rửa, ngâm mình trong bồn và nằm mơ màng giữa những con vịt vàng trên tấm rèm che bồn tắm, cố gắng nghĩ về những gì, nếu có bất kỳ thứ gì mà tương lai có thể mang lại cho tôi. Một con mèo đen ngồi sát xuống đất và tè vào một cái cây bên kia đường. Xong việc, nó quay sang găm gù vào chân một người qua đường.

– Cô em có muốn xem cái cửa sổ của tôi không? – anh chàng thuê nhà đề nghị. Điếu thuốc rê của anh ta đã cháy hết nên anh ta cẩn thận vút nó vào chiếc lon đựng sợi thuốc của mình. – Thôi nào tôi không cần cô em đâu mà sợ, dù tôi cũng thích căn lắm đấy, – Anh ta lại cười, tiếng cười sắc và thô cứng, để lộ ra hàm răng nhọn nhỏ.

Tôi tò mò muốn biết ông bác Sándor của mình đã cố gắng xoay sở nhồi nhét nhiều căn hộ vào ngôi nhà này như thế nào. Thế nên tôi đứng dậy. “Đi nào, chỉ cho tôi xem”.

Cánh cửa căn hộ anh chàng thuê nhà ở nằm ở sau hành lang. Một căn phòng mà ban đầu được xây rộng rãi, đẹp đẽ và hết sức cân đối hài hòa với trần nhà cao và những đường gờ thanh thoát, nhưng sau đó bị bằm thành vài miếng nhỏ giống như miếng thịt của người đồ tể, với một phần ba của cái mà trước đây từng là một cửa sổ có khung kính trượt rõ ràng là nhìn ra mảnh vườn.

– Lạnh buốt phải không? – anh ta hỏi tôi. – Tôi đi đặt ấm nước đây. Rồi cô em có thể thấy điều gì đã xảy ra: kính phía ô

cửa trên cùng có một đường nứt chéo. Tôi cứ nghĩ không biết điều gì sẽ xảy ra nếu ta đẩy nó bằng một ngón tay nhỉ? Rồi nó vỡ ra. Nhìn này, chỗ vỡ ấy đấy.

Mảnh vườn tối tăm và um tùm cỏ dại, phủ đầy những cây con do hạt tự phát tán mọc lên và những cành cây bị gãy rụng qua những trận bão vào mùa đông. Chẳng hề có thảm cỏ hay lối đi. Trên mặt đất hiện lên một khoảng hình tam giác rõ ràng bị ép mạnh xuống đám lá tầm ma, bồ công anh và chút chút. Khoảng xanh phản chiếu ánh sáng có ba góc kỳ dị hắt ngược ánh sáng chói lóa lên bầu trời đang thả chút mây trên bề mặt của nó. Còn khung cửa sổ thì trống một lỗ hình tam giác mà từ đó, những cơn gió nhẹ đầu hè đã thổi qua.

Căn phòng chẳng bài trí gì nhiều: một chiếc giường đơn, một cái bàn có tráng men ở trên mặt với một cái bếp hâm và một chiếc ấm điện, một chiếc ghế bành cứng, nhỏ bọc vải nhung lông màu hạt dẻ và có hai tay ghế nhuộm màu gụ, một cái tủ com mốt bằng gỗ dán bày một dây nệm, sáu cuốn sách, toàn là truyện kinh dị. Chèn giữa cái giường và cửa sổ là một cái bể thủy tinh nhỏ trong đó thả vài con cá vàng nhiệt đới màu sắc óng ánh như huỳnh quang.

– Máy thứ đó là gì vậy?

– Dĩ nhiên là cá của tôi rồi. Cô em có muốn lại đây cho chúng ăn không?

– Ồ, không. Mà tại sao anh lại đem cá đến đây vậy? Chỗ này còn khó mà đủ chỗ để dang tay ra nữa là.

– Tôi có đem chúng theo tới đâu. Ở nhà, tôi còn có nhiều hơn nữa kia. Nhưng cái bể cá đó lớn quá so với căn phòng này nên tôi phải bắt đầu nuôi lại đám khác. Đây là một sở thích. Tôi thích ngắm nhìn chúng. Chúng đẹp và im lặng nữa, không hề

om sòm, âm ỉ gì cả.

– Thế còn mấy con kia thì sao?

– Có người đang chăm sóc chúng. Chúng sống tốt. Nhưng mà cái cửa sổ của tôi thì sao? Cô em có thể nói giùm lão già ấy sửa cho tôi chứ?

– Tôi chẳng có chút ảnh hưởng gì đến ông ấy cả.

Chúng tôi đứng sát vào nhau gần cái bể cá. Tôi có thể cảm nhận thấy hơi thở của anh ta phả vào cổ mình. “Tôi nghĩ là anh chàng cá xanh kia hơi thích cô rồi đấy. Nhìn xem cái cách chàng ta bơi vòng quanh vòng quanh theo hình tròn kia. Cô em đã khiến chàng ta trở về đúng với trạng thái của mình. Chàng ta chưa quen với khách nữ mà. Thật sự cô em là người đầu tiên mà chàng ta nhìn thấy ngoài tôi kể từ khi chàng ta rời cửa hàng bán cá cảnh đấy.

Không gian chật chội của căn phòng nhỏ bé, sự hiện diện thể xác của anh ta sát bên cạnh tôi, hình ảnh đôi cánh tay có những sợi lông màu đen và bàn tay có những ngón dài đang chỉ vào chiếc bể cá, cái mùi tổng hợp xạ, chanh và da thuộc kỳ lạ, gây kích thích khuấy động của anh ta làm cho tôi xáo trộn. Hơi thở của tôi tưởng như bị kẹt chặt trong lồng ngực.

– Cô em đã nghỉ chưa? – anh ta hỏi – Cô em vẫn chưa uống tí trà nào hết.

– Tôi phải đi về thôi.

– Tôi cũng chuẩn bị đi ra ngoài đây. Tôi sẽ đi bộ cùng cô em nếu cô em thích.

Tôi không thể ngăn anh ta được. Đây là một đất nước tự do và bất cứ ai cũng có quyền đi xuống phố.

* * *

Chúng tôi bắt đầu thả bộ dọc phố Parkway tới ga tàu điện ngầm Camden, đi ngang qua cửa hàng bán thú cảnh nơi anh ta đã mua mấy con cá vàng. Những chiếc lồng treo trên khung cửa sổ đầy những vật nuôi bị nhốt.

– Nếu có thể được, cô em thích mình có con gì, vẹt hay là khỉ? – anh ta hỏi tôi.

Lũ vẹt sặc sỡ đủ màu sắc và có những con mắt bé tí vốn dĩ di truyền từ thủy tổ của chúng. Tôi không thấy có con khỉ nào ở đó nhưng những bàn tay của chúng làm tôi thấy phiền.

– Tôi thích có một con ngỗng, – tôi trả lời – một con ngỗng Canada.

– Đó cũng là chim nhưng không phải là chim vẹt.

– Đúng là không phải chim vẹt.

– Còn tôi, tôi sẽ chọn một con khỉ. Tôi sẽ để nó ngủ trên giường mình. Chắc chắn đó phải là một con khỉ cái rồi. Có ai muốn “của quý” của một con khỉ chọc vào người mình giữa đêm đâu. Nhưng với cô nàng khỉ kia thì cũng không có trò khỉ gì đâu, chỉ là ôm ấp, vuốt ve thôi.

– Có vẻ như anh đang cần có bạn gái đấy nhỉ – tôi chòng ghẹo. Câu chuyện tầm phào của anh ta đang làm cho tôi cảm thấy dịu bớt căng thẳng sau hàng giờ phiền nhiễu với ông bác của mình.

– Tôi đã có một cô bạn gái – anh ta nói, gương mặt có vẻ như hơi ửng đỏ.

– Thế cô ấy sống ở đâu? – tôi hỏi.

– Cô ấy đã trở về nhà, nơi tôi ra đi.

– Thế cô ấy có định quay lại London để ở cùng anh không?

– Tôi không nghĩ vậy.

Dường như đó là một chuyện bịa không ổn, thậm chí tôi tự hỏi liệu cái cô bạn gái ấy của anh ta có tồn tại hay không. “Thế thì có lẽ cô ấy chẳng còn là bạn gái của anh nữa rồi” - tôi nói.

- Không, cô ấy vẫn là bạn gái của tôi đấy chứ. Thế còn tên cô em là gì?

- Miranda. Còn anh?

- Tôi là Claude. Được rồi, cứ cười đi, ai cũng thế mà. Mẹ tôi lấy ý tưởng đặt cái tên này từ phim ảnh. Có một ông nghệ sĩ nào đó đóng vai một người Pháp trong một bộ phim mà bà xem nhưng ngay cả ông ấy không phải là người Pháp. Chỉ là do mẹ tôi tưởng vậy mà thôi.

- Chuyện hơi buồn cười đấy nhỉ. Chẳng nhẽ anh không có một cái tên lót mà anh có thể sử dụng được à?

- Có chứ, Louis. Nói tắt của Louise, là cái tên người ta gọi tôi ở trường. Cô em thấy đấy, cái tên của tôi bị kẹt chặt ở cả hai đầu. Tôi bị kẹt với cái tên Claude. Ta phải học cách sống chung với nó.

Claude cao hơn tôi và anh ta bước nhanh, vai chùng xuống, hai tay đút trong túi quần jeans như thể đầu anh ta đang rẽ không khí, đẩy nó ra đằng sau để lướt về phía trước. Cái tên của anh chàng này thể hiện đúng khuôn mặt của anh ta và anh ta thách thức bất cứ ai tiếp xúc với nó, như thể một người xấu xí học cách sống với cơ thể của mình, biến nó thành một thứ gì đó hấp dẫn và thú vị.

Chúng tôi đi xuống thang cuốn ở ga tàu điện ngầm Camden và chờ ở sân ga. “Tôi sẽ bắt đầu làm ở đây vào tuần tới, - Claude vừa nói vừa châm điếu thuốc nhỏ của mình - “với tư cách là một người gác tàu.”

Lũ chuột chạy lên chạy xuống đường ray. Tàu tới cùng với

một luồng không khí lạnh kéo dọc theo đường hầm. Âm thanh ồn ào tràn ngập không gian nhỏ hẹp. Chúng tôi lại đi trở lên phố Bond lúc trời trưa nắng ấm tuyệt đẹp và gió nhẹ thổi suốt. Hai bên vỉa hè các con đường đẩy ta về phía trước giống như những động mạch đẩy máu lưu thông không ngừng.

“Chuyện cái cửa sổ của tôi” - Claude nói - “Cô em thấy...”. Nhưng tôi đã trôi xa khỏi chuyện đó và chìm vào suy nghĩ riêng tư của mình, nhớ lại những gì ông bác Sándor đã kể với tôi: quãng đời thơ ấu của hai anh em lúc ở ngôi làng, việc dọn đến Budapest, chuyện bố tôi khéo léo về đôi tay còn bác tôi thì giỏi về cái đầu. Tôi thậm chí không biết cái thành phố đó trông ra sao. Tôi không thấy tò mò về cái nơi mà bố mẹ tôi đã rời bỏ để đến đây, ngoại trừ một chuyện mà tôi biết là nó lạnh, tối tăm, khắc nghiệt và xấu xa tột độ. Ở đó có những quảng trường và hầm rượu, là nơi người ta bắn giết người khác. Trong những tháng cuối cùng của cuộc chiến tranh, người ta ẩn nấp ở khắp mọi nơi, bất kỳ nơi nào mà họ có thể tìm thấy chỗ giấu mình. Năm 1956, người ta nổi dậy chống lại Liên Xô và đã bị đè bẹp. Tôi không thể hình dung ra cảnh đó và cho đến bây giờ cũng không bao giờ muốn nghĩ đến điều đó.

Rồi thì, tôi phát hiện ra tôi và Claude đã lạc nhau trong đám đông vì tôi chỉ còn đi một mình trên vỉa hè. Thế là tôi quay ngược lên phố Harley dù tôi nghĩ rằng mình đã bắt gặp ánh mắt thoáng qua của anh ta từ trong một quán rượu nhìn ra, dõi theo tôi khi tôi đang bước vội vã dọc theo con phố.

Sốc và bối rối là tâm trạng của mọi người ở Benson Court khi tôi trở về sau tuần trăng mật trong hình ảnh một góa phụ. Cư dân của chung cư này cảm thấy hẳn đó là lỗi của họ vì đã giới thiệu chúng tôi đến khách sạn Negresco để rồi ký vào một bản án tử hình, giống như cái cách mà bà vũ công ballet già diễn tả. Bà ấy bắt chéo hai tay qua ngực một cách điệu bộ như đóng kịch và nghiêng đầu về một bên khi chặn tôi ở cầu thang lên xuống để nói lời an ủi chia buồn với tôi.

Tôi đến gặp Gilbert. “Em đã đau khổ dần vặt lắm phải không, người yêu tội nghiệp?” - anh ta hỏi. “Thôi, đến đây uống chút gì đi.” Bệ lò sưởi đầy những thư mời đi dự tiệc còn sàn nhà thì bày đầy sách đọc dở.

Tôi kể với anh ta về nỗ lực tìm việc làm của mình và về tất cả hồ sơ mà tôi đã gửi đi nhưng Gilbert nói:

– Ôi dào, hồ sơ hả, bé yêu, chẳng nhẽ em không nhận thấy là xin việc không phải theo cách như vậy sao?

– Thế thì phải theo cách nào?

– Cô bé gốc ghêch ơi, phải có quan hệ quen biết.

– Nhưng em không có mối quan hệ quen biết nào hết.

– Có, em có đấy, nhiều nữa là khác. Bắt đầu từ anh đây này. Thế em có muốn anh xem thử có việc gì ở báo không?

– Một công việc ở tờ *Times* à?

– Có thể anh không xin được một công việc chính thức hẳn hoi nhưng hẳn là anh sẽ tìm được một việc gì đó tự do cho em

làm. Anh dám nói chắc về chuyện này. Thế em nghĩ sao về việc phê bình sách? Em có nghĩ việc đó hợp với mình không?

Tôi có thể làm một nhà phê bình sách, một người phê bình văn học cho báo chí, và tôi sẽ đi đến các bữa tiệc, gặp gỡ những con người thú vị và giao lưu kết bạn rồi kiếm được một căn hộ cho riêng mình ở đâu đó! Đột nhiên trong tôi lại dâng lên một niềm say mê đọc sách trở lại, một nhu cầu được đắm chìm sâu trong sự nuôi dưỡng của sách. Nhưng tôi có cần phải làm việc cho tờ *Times* để được giao một cuốn sách mà bình luận? Liệu người ta có giao cho tôi một cuốn sách nếu tôi không đóng bảo hiểm và thuế, nếu tôi có mã số bảo hiểm và mã số thuế khác? Bố tôi có số bảo hiểm và thuế cùng những tấm thẻ. Ông chủ Morris Axelrod của ông đã làm thẻ cho ông. Gilbert giải thích với tôi rằng không cần những thứ đó vì tôi sẽ làm công việc của một người làm nghề tự do mà tự do thì bao trùm cả cái thế giới này. Vì vậy, nghề tự do là để dành cho tôi.

Với một vẻ biết ơn khiêm nhường, tôi đồng ý để Gilbert lấy ra những bức tranh mà anh ta đã vẽ tôi thuở tôi 17 tuổi. Chúng tôi cùng ngắm tranh và anh ta hỏi liệu tôi có còn trông giống như xưa khi tôi trút bỏ quần áo. Tôi không chắc chắn. Cô gái trong các bức tranh có một thân hình trông giống như một thân cây đang đâm chồi nảy lộc. Cô ấy đang nảy nở còn đôi chân của tôi giờ đây đã có nhiều nốt chai sần và những vết sẹo mờ; đôi mắt dường như trông đã khác hoàn toàn. Tôi nghĩ “chúng ta không nên nói về những gì mà thời gian đã in dấu lên ta có được không?”, nhưng Gilbert là người thân mật và là tuýp người mà tôi biết rằng không thể làm hại tôi hay làm tôi tổn thương. Bộ ngực nhợt nhạt của anh ta sẽ áp vào ngực tôi ấm nóng. Và thế là chúng tôi lên giường nhưng phần lớn thời gian, tôi cố gắng nghĩ về một điều khác. Giữa chừng, chiếc

đồng hồ đứng to của Gilbert gõ 11 giờ. Tôi nằm ở đó, trên giường, thầm đếm trong đầu từng tiếng chuông. Xa xa, chiếc đồng hồ Big Ben cũng hòa nhịp điểm theo. Tiếng chuông rè rè của nó vang vọng khắp thành phố.

Ngày hôm sau, Gilbert về nhà, đem theo một cuốn sách cho tôi đọc phê bình. Đó là một cuốn tiểu thuyết viết về một phụ nữ trẻ tật nguyền phải lòng những anh chàng cao to, khỏe mạnh nhưng không quan tâm gì đến cô ta. “Thứ này có vẻ như hơi rác rưởi” - Gilbert nói - “nhưng rõ ràng bà ta là nhà văn nổi tiếng và thiên hạ sẽ chấm nó là hay. Em có muốn tạt qua đây tối nay uống chút gì không?”

- Không, cảm ơn anh. Em nghĩ em sẽ bắt đầu làm việc với cuốn này.

- Thôi, tùy em.

Tôi nằm trên giường đọc cuốn tiểu thuyết mà theo tôi thấy là hết sức ngớ ngẩn. Tôi dồn hết tất cả mọi sự khắc nghiệt của một người lần đầu tiên bình luận sách để cố gắng cho điểm bà nhà văn. Với tôi, không có chuyện e ngại trước danh tiếng của tác giả vì trong suy nghĩ đầy kiêu hãnh của mình, tôi không thể hiểu được tại sao một người mà theo như những dòng giới thiệu về tiểu sử tác giả là đã tốt nghiệp hạng ưu cả hai trường danh tiếng - cao đẳng Somerville và đại học Oxford - lại có thể hạ mình viết ra một thứ ngốc nghếch như thế này, sau khi bà ta đã đọc những tác giả mẫu mực như Virginia Woolf và George Eliot. Tôi chắc chắn sẽ không bao giờ viết tiểu thuyết, một thứ được xếp vào hàng tuyệt đỉnh trong văn chương. Dứt khoát sẽ có những người mà những yêu cầu đòi hỏi của nghệ thuật vĩ đại chỉ làm lộ ra những giới hạn về trí tuệ của họ.

Chưa từng có ai viết một bài phê bình chua cay đến thế về những cái dở của một cuốn tiểu thuyết. Chưa từng có ai bảo vệ

văn chương một cách tôn kính như vậy từ góc độ người đang thực hành nó. Đây là một sự khởi đầu, khởi đầu trong lĩnh vực phê bình văn học mà tôi hi vọng có thể dần dần biến tôi thành một *người viết sách*, khi giới xuất bản thán phục những bài phê bình sâu cay của tôi và mời tôi đi ăn trưa để đề nghị liệu tôi có thích viết tiểu thuyết hay không. Thế nhưng, cuối ngày hôm sau, bài phê bình được trả về cho tôi với một dòng ghi chú ngắn gọn: “Lần sau, cố gắng viết bằng tiếng Anh”.

Tôi gọi điện thoại cho biên tập viên văn học. “Bài phê bình của tôi có gì không được? Tôi đã bỏ cả hai ngày để viết nó.”

– Phải, tôi cũng đoán là vậy. Thế “giá trị thặng dư của chủ nghĩa tân thời” nghĩa là gì? Mà thôi, làm ơn đừng có giảng giải với tôi nữa. Nghe này, cô bạn, tất cả những gì chúng tôi muốn thấy chỉ là chủ đề của sách là gì, một chút ý kiến về cốt truyện, các nhân vật là ai và liệu tác giả có làm nổi bật được những gì mà các nhân vật đó cần phải phô bày hay không. Tất cả chỉ có thế. Và nếu cô có thể viết sao cho bài phê bình của mình thành thú vị, hấp dẫn muốn đọc thì rõ ràng điều đó sẽ hữu ích.

– Nhưng chưa có ai trong giới phê bình văn học hiện nay...

– Tôi đã nói rồi. Nếu cô muốn phê bình sách, cô cần phải biết công việc phê bình sách là gì đã. Cứ đi mà đọc vài cuốn đã, được chứ? Vài tuần sau thì gọi lại cho tôi. Và cô có thể vui lòng gửi cuốn sách lại cho chúng tôi qua đường bưu điện hay ghé ngang qua chỗ chúng tôi gửi lại cũng được. Tôi cần phải đưa nó cho người khác.

Ngay lúc đó, tôi dường như đang đi giật lùi về phía sau và chẳng thể làm được gì để đảo ngược hướng đi của cuộc đời mình. Công việc của tôi không tốt và một lần nữa, tôi lại phải ngủ dưới mái nhà căn hộ của bố mẹ ở Benson Court, thậm chí có vài lần ngủ trên giường của Gilbert nữa. Chẳng bao lâu nữa,

tôi sẽ quay lại với mớ đồ mặc thừa linh tinh mà mẹ tôi đã mua về cho tôi và vẫn còn treo trong tủ quần áo.

Tôi thấy một người đàn ông hôn vào mũi một phụ nữ khi họ đang nắm chặt thanh vịn trên một chiếc xe buýt lắc lư trông trành. Người phụ nữ mỉm cười và người đàn ông lại vươn tới, hôn vào tai cô ta. Tôi trông thấy những xô đựng hoa trong một cửa hàng bán hoa, và trông thấy cả những bó hoa đang được làm để dành tặng cho ai đó được người khác yêu thương. Tôi trông thấy những phụ nữ cặp cặp đẹp đẽ đựng tài liệu từ dưới các bậc thang của lối ra vào ga điện ngầm Oxford Circus tuôn ra và đi bộ lên phía bắc, ngược phố Regent tới đường Portland Place để vào những cánh cửa của tòa nhà trụ sở hãng tin BBC. Tất cả mọi người đang trong trạng thái hoạt động, có việc để làm, có nơi để đi. Họ đang yêu nhau, làm tình với nhau, có những ý nghĩ mới mà nước đó chưa từng có ai nghĩ ra. Mọi thứ cứ thế tiếp diễn. Hàng hóa mới được đem đến các cửa hàng. Người ta đang kiếm tiền từ công việc của mình để mua những thứ hàng hóa đó. Người ta đang giao dịch thuê căn hộ, mua nhà và hơn hết thảy, họ hôn nhau trên những chuyến xe buýt của thành phố London. Tất cả mọi người, tất cả mọi việc đều bận rộn trong khi tôi thì lại ngồi trên một băng ghế trong khu vườn công cộng ngắm nhìn những bông hoa đang mọc hết sức chậm chạp trước mắt mình. Nhưng ít ra thì chúng cũng lớn lên.

Người đàn ông mà tôi yêu đã chết và tôi thậm chí cũng chẳng còn chắc chắn rằng mình đã từng yêu anh hay đó chỉ là một trò chơi con trẻ, sự vào vai của một người phụ nữ trưởng thành sống chung trong một căn hộ với bạn trai của mình, hứa hôn, kết hôn rồi đi hưởng tuần trăng mật. Tôi càng cố hồi tưởng lại thì càng cảm thấy như những kỷ niệm đó là giả. Tôi không còn hoàn toàn chắc chắn liệu những sự kiện mà chúng

gợi nhớ lại có thực sự xảy ra với tôi hay là với một nhân vật trong phim hoặc trong sách. Tôi không còn tin rằng mình đã từng rời khỏi Benson Court, đi học đại học, gặp Alexander và làm lễ cưới với anh trong nhà nguyện của nhà thờ. Dường như không thể có chuyện tôi đã từng dẫn dắt hàng loạt những điều không chắc có thực như vậy xảy ra. Chỉ duy nhất việc phá thai là vẫn còn hiện hữu rất thực. Nó luôn tồn tại sờ sờ như vậy và mẹ tôi cũng trải nghiệm cảm giác này.

Và một buổi sáng, khi tôi ngồi xuống bàn ăn sáng và mẹ tôi rót cho tôi một cốc nước cam có đường, tôi nhấm nháp từng chút một và nghe thấy một tiếng nứt lớn lan ra tới mặt ngoài chiếc cốc, tôi thấy bố mẹ nhìn nhau, gật đầu đầy hàm ý. Lúc đó, tôi quyết định tốt hơn cả là tôi nên quay lại làm công việc ghi chép thư ký cho ông bác Sándor vì ở đó, ít nhất tôi cũng có được 40 bảng Anh một tuần và hoàn thành nốt câu chuyện mà dấu sao cũng vẫn còn hấp dẫn đối với tôi: câu chuyện kể cho tôi biết mình là ai, mình từ đâu đến, về vùng đất mờ mịt tồn tại trước khi tôi sinh ra.

* * *

– Cô đã không đến. Tôi đã đợi suốt cả 6 ngày trời, – bác tôi nói lúc xuống mở cửa cho tôi – Tôi đã mua một chiếc bánh kem tươi thế mà cô lại không đến. Tôi cứ ngồi đợi mãi. Tôi không thích chờ đợi. Cái bánh hư mất rồi.

Bác tôi trông có vẻ như bị ốm. Nước da thậm chí còn nhợt nhạt hơn cả những gì mà tôi nhớ về ông, còn đôi tay thì quăn những lớp băng trắng, xù xì như bông tuyết.

– Cháu xin lỗi, – tôi nói – việc chẳng đặng chẳng đừng nên

cháu mới nghĩ.

- Thế thì cho tôi biết lý do tại sao đi?
- Cháu ở trong một quán rượu và một quả bom phát nổ.

Đúng là đã có một vụ nổ bom tại một quán rượu ở Islington, một vụ nổ nhỏ không gây thiệt hại gì đáng kể đã được đưa trên tin tức buổi tối. Không có ai thiệt mạng ngoại trừ một con mèo đang nằm ngủ trong một cái hộp đựng đồ nghề bỏ đi. Nó bị thổi tung lên trời. Cái đuôi của con vật quăn quanh một chiếc giày nữ đế thấp còn đôi mắt của nó thì bị hất văng vào một cái gạt tàn thuốc lá. Như tôi đã nói, việc tự đưa mình vào sự kiện này có vẻ như là một dấu hiệu nữa cho thấy tôi tách mình khỏi thế giới thực. Tôi càng ngày càng cố gắng một cách tuyệt vọng để quay lại cái thế giới thực tại hiện hữu ở ngay nơi này và ngay bây giờ, thế giới chẳng khác gì một nơi để tôi tự bịa đặt, kịch tính hóa.

– Sao? Cô bị thương ư? Bị thương thế nào? Người ta đã làm gì cô?

Một lần nữa tôi nhận thấy cơn xúc động mạnh của bác tôi đã xui khiến ông giơ cánh tay ra chạm vào người tôi nhưng một lần nữa, tôi lại tỏ ý ngần ngại né tránh, ông cũng nhận ra điều này và hạ cánh tay xuống.

– Cháu không bị thương, không ai bị hề hấn gì, ngoại trừ một con mèo.

– Ồ, phải. Tôi cũng có nghe nói về vụ đánh bom này. Thế nếu cô không bị thương thì tại sao lại không đến đây? – Mắt bác tôi lại chảy nước và ông đưa ống tay áo lên chùi.

– Cháu bị sốc. Mà mắt bác bị làm sao thế? – tôi chuyển đề tài.

- Tôi không biết nữa. Chắc là bị bệnh tăng nhãn áp. Bệnh

này cuối cùng cũng sẽ làm ta mù lòa nhưng tay bác sĩ nhãn khoa thì lại bảo khác.

– Thế mình cứ đứng luôn ở hành lang như thế này nói chuyện hả bác?

– Ồ không, không. Dĩ nhiên là không rồi. Lên tầng trên đi. Thôi, mời cô. Tôi sẽ pha cho cô loại cà phê Hungary đậm đà và ngon hảo hạng. Cô cũng nên thử một miếng bánh. Đường và chất béo rất tốt cho ta khi ta bị sốc.

Chúng tôi đến căn hộ của ông và ngồi vào chỗ cũ: bác tôi ngồi ở cái ngai mây xòe như đuôi công còn tôi thì điều khiển cái máy ghi âm.

– Thế chúng ta đã dừng ở chỗ nào rồi ấy nhỉ? - ông hỏi.

– Tới đoạn cả nhà bác dọn tới Budapest ạ.

– Phải rồi, Budapest. Thế cô muốn biết điều gì tiếp theo nào?

– Bác làm gì sau khi rời khỏi ghế nhà trường?

– Đây này, ăn bánh đi. Tôi vừa mới mua ở tiệm Battenberg đấy. Tôi ước gì mình mua được loại ngon hơn để đãi cô.

– Bác đừng bận tâm ạ. Cháu không đói đâu.

– Lẽ ra cô đói mới phải đấy. Cô trông gầy quá.

– Dạo gần đây cháu hơi sút cân.

– Vậy thì chắc chắn là ngày mai tôi sẽ mua một cái bánh ngọt thực sự. Ừ, được rồi, ta vào việc thôi. Điều đầu tiên cô phải nhớ là thời điểm tôi học xong vào năm 1934 cũng là lúc mà quy định hạn chế số người Do Thái làm việc trong các cơ quan, tổ chức, cơ sở kinh doanh bắt đầu xuất hiện. Vậy nên tôi mới nói với bố mình rằng tại sao chúng ta cần phải giữ lại cái họ Klein? Cô biết đấy, đó là họ của chúng tôi ngày còn ở quê nhưng trong

khi nhiều người Do Thái đang thay tên đổi họ để Hungary hóa tên tuổi của mình thì tại sao chúng tôi không đổi tên họ mình thành khác? Bố tôi không quan tâm đến chuyện tên của mình ra sao. Mẹ tôi thì chẳng bày tỏ ý kiến gì. Thằng em trai Ervin của tôi thì đang đi học và tôi không hỏi nó về chuyện này. Vậy là chúng tôi trở thành họ Kovacs, một cái họ rất đẹp, dễ dàng khắc sâu vào trí nhớ. Chuyện đổi họ là do tôi làm. Thế là từ cái tên Sándor Klein, giờ thì tôi đã trở thành Sándor Kovacs và tôi bắt đầu đi tìm việc làm.

Tôi có thể thấy là trong suốt thời gian kể chuyện, bác tôi không ngừng nhìn tôi và lần đầu tiên tôi tự hỏi liệu ông có biết tôi là ai không. Đây là lần đầu tiên tôi thấy ngỡ ngợ. Tuy nhiên, tôi bị quá cuốn hút vào câu chuyện đến nỗi không tiếp tục để ý đến cảm giác ngỡ vực này, bởi đây là tiết lộ cho thấy cái tên của tôi mới chỉ ra đời cách đây ít lâu và trước đó, chúng tôi hoàn toàn mang họ khác. Tôi là người đầu tiên của dòng họ Klein sinh ra mang họ Kovacs.

– Cô có muốn dùng thêm cà phê hay hút một điếu thuốc không? - bác tôi hỏi.

– Không, cảm ơn bác. Bác kể về công việc đầu tiên của mình đi.

– Công việc đầu tiên của tôi là một công việc rất tốt, tại một văn phòng giao dịch bất động sản. Đó là năm 1934. Lúc đó, người ta đã không thích người Do Thái rồi nhưng ta có thể làm gì để thay đổi điều đó được cơ chứ? Có lẽ là người Do Thái chúng tôi không được đáng mến cho lắm. Thế còn cô thì nghĩ sao?

– Về cái gì ạ?

– Về việc người Do Thái không được đáng mến cho lắm ấy?

– Cháu chẳng có ý kiến gì cả, – tôi đáp – bác kể tiếp đi.

– Thôi được, – bác tôi hơi mỉm cười và nhìn tôi một cách hiền lành, thậm chí là dịu dàng thương hại, cái nhìn mà tôi không thể nào giải mã được hàm ý của nó. – Khi đó tôi mới 18 tuổi. Tôi sắp sửa quay ngược về quãng thời gian mà chắc chắn là đẹp nhất trong cuộc đời tôi vì thậm chí khi tôi sống trong giàu sang phú quý ăn ngon mặc đẹp, tại căn nhà ở đại lộ Bishops, tôi vẫn cảm thấy lo lắng không yên bởi những cơn ác mộng, tôi phải thừa nhận là như vậy. Công việc của tôi là cả ngày đi cho thuê những căn hộ ở khắp thành phố. Tôi thuộc khu Pest như lòng bàn tay, thuộc từng con đường. Chúng tôi in hình ảnh một số căn hộ tuyệt đẹp trong những cuốn sách quảng cáo của mình. Cô biết không, những tòa nhà đó có nhiều khuôn mặt bằng đá trang trí ở trên. Đúng vậy đấy, những khuôn mặt nhìn ra ngoài phố và nhìn xuống ta. Một số là mặt của những hiệp sĩ thời xưa và hầu như tòa nhà nào cũng đều có kiểu trang trí như vậy. Thế là ban ngày, tôi đạp xe đạp chạy quanh khắp thành phố, đưa cho những người thuê nhà xem hình những căn hộ cho thuê và đêm xuống, đây là lúc tôi thực sự sống. Ở Budapest có nhiều quán cà phê. Bây giờ vẫn còn nhưng chẳng còn giống chút nào với những quán cà phê thời trước chiến tranh. Với tôi, chúng giống như những cung điện có những người bồi bàn ăn vận rất bảnh bao, rất đẹp... Tôi dùng từ “ăn vận” có đúng không?

– Vâng, đúng rồi bác ạ.

– Các quán cà phê đầy những người kỳ lạ, nhà báo, nhà văn, chính trị gia, toàn những người kỳ quặc. Các bà các cô mặc áo choàng lông thú, đội mũ lông thú và cái mũ hất bóng xuống mặt họ giống như viên đăng ten. Đây mới là chỗ học tập của tôi, không phải là ở trường đại học mà là tại những quán cà phê

ở Budapest. Ở Anh, chẳng có thứ gì giống như vậy cả. Lúc tôi mới đặt chân đến đây, tôi đã tìm kiếm những quán cà phê và tôi đến quán Kardomath. Chỉ thấy rặt mấy bà nội trợ và ban đêm thì người ta lại đóng cửa.

– Thế lúc đó bác đọc sách gì?

– Lúc nào cơ?

– Lúc ở Budapest, vào những năm 30 ấy.

– Đọc sách ư? Tôi ư? Đâu có. Tôi đâu có đọc thứ gì đâu.

– Thế tại sao bác lại muốn trở thành một trong số những người thuộc giới trí thức đó?

– Tôi thích nghe người ta trò chuyện. Tôi thích học những gì họ nói. Để góp nhặt những mảnh lời. Cô thấy đấy, nếu ta lắng nghe mấy người trí thức nói chuyện, ta sẽ học lỏm được cách tán chuyện phiếm và điều này hết sức quan trọng cho công việc của tôi. Tôi có làm cô khó chịu không? Tôi chợt nhớ ra chính cô cũng là một trí thức.

Và bây giờ, chúng tôi đi đến phần câu chuyện ông bác Sándor buộc phải đưa ra một quyết định. Một đứa bé gái đã đứng ở cửa trước, những ngón tay nhỏ xíu bấu chặt vào khung cửa, mắt chăm chăm nhìn bác của mình trong khi bố cô gào lên những lời chửi rủa, lảng nhục ông bác bằng tiếng nước ngoài. Ông bác muốn cho cô bé kẹo chocolate nhưng không được phép. Phần tiếp theo của câu chuyện kể về những tội ác của bác tôi, những hành động kinh khủng mà thỉnh thoảng ông xen vào những lời tự bào chữa cho mình. Bào chữa cho những cáo trạng của mình chỉ là một phần chủ đích của bác tôi. Cái chính là ông muốn đứa cháu gái bé nhỏ da ngăm đen ngày nào và giờ đây là một phụ nữ trẻ tuổi, da vẫn ngăm đen và thích đánh son bóng mờ ở môi trên, biết rằng người bố tôn trọng luật pháp của

cô là một kẻ đạo đức giả và hợm hĩnh. Nếu điều đó có làm cho tôi xa lánh bác tôi thì ông cũng chẳng buồn bận tâm. Cần phải có một ai đó được biết. Eunice đã biết nhưng sau này sẽ chẳng có ai thèm đếm xỉa đến ý kiến của bà ấy, bởi dẫu Eunice một người đàn bà đẹp nhưng dù sao thì bà ấy cũng chỉ là người da màu làm ở một cửa hàng và có một người con trai đang đi tù.

Từ chỗ kinh nghiệm hầu tòa, bác tôi rút ra được một điều rằng ý kiến của một số người có trọng lượng hơn những người khác như thế nào và cô gái ở trước mặt ông có bằng văn chương của trường đại học York. Ông đã tìm hiểu ra, dẫu không phải là bằng của trường Oxford hay Cambridge, phải thừa nhận là như vậy, nhưng thế cũng là rất tốt rồi.

– Thôi được, nghe này. Tôi sẽ kể cho cô nghe về những quán cà phê, - bác tôi nói, đôi mắt nâu nhìn thẳng vào tôi. Đôi mắt đó có thể lơ đãng như đã chết hay hoạt bát sống động tùy thuộc vào tâm trạng của ông. Nhưng, chúng luôn luôn sống động vào tất cả những khoảnh khắc tạm nghỉ, lúc bác tôi uống một ngụm lớn cà phê đậm và suy nghĩ về những gì ông sẽ nói tiếp. Ta sử dụng những câu chuyện phiếm nghe lỏm được như thế nào nhỉ? Hẳn thêm thắt vào là cách tốt nhất.

– Tôi không kiếm được nhiều tiền khi làm việc cho văn phòng nhà đất. Tôi có công việc nhưng loại công việc này sẽ không biến tôi thành triệu phú được. Để trở thành triệu phú, tôi cần phải có công việc làm ăn của riêng mình. Ta không thể tự mình làm giàu được nếu làm theo sự sai khiến, chỉ bảo của người khác. Tôi có nhiều sức lực nhưng tôi chưa thể thấy một cơ hội nào. Giờ thì đến lúc tôi nhìn thấy một cơ hội rồi. Nghe này, Miranda, chưa bao giờ trong cuộc đời mình tôi là một người đàn ông đẹp trai. Tôi chưa bao giờ trông giống một ngôi sao điện ảnh. Nhưng có một lý do nào đó mà phụ nữ thích tôi.

Họ thích nói chuyện với tôi. Tôi cảm thấy thoải mái với họ và điều này khiến họ thấy thoải mái với tôi. Đó là cách mọi chuyện diễn tiến. Tôi gặp rất nhiều phụ nữ trẻ trong các quán cà phê, thôi thì đủ mọi hạng người. Một số còn độc thân, một số đã lập gia đình. Một số đã có công ăn việc làm, một số thì chưa. Tôi có rất nhiều mối quan hệ quen biết. Một người đàn ông thoải mái với mọi người, có sức lực, thuộc thành phố như lòng bàn tay, hiểu biết về những căn hộ trống thì người này sẽ có một cơ hội. Cô hiểu chứ?

– Không, cháu không hiểu gì cả.

– Chắc, tôi phải nói trắng ra thôi. Những quý bà quý cô mà tôi gặp đấy, đôi khi họ muốn có tiền để sắm một chiếc mũ, đôi khi muốn có tiền để thuê nhà. Ở phía kia là các quý ông đã có vợ nhưng bà vợ đang đau ốm, đang có mang, vừa mới sinh con hay không thích mấy chuyện giường chiếu nữa. Hai người này được sắp xếp để gặp nhau chỉ khi có một người nào đó đem họ lại với nhau. Và họ gặp nhau ở chỗ nào? Không phải ở chỗ của bà cũng không phải ở chỗ của ông. Tôi thì biết nơi nào có căn hộ trống và tôi có chìa khóa. Và đây là cách mà công việc kinh doanh của tôi khởi đầu.

Suốt bấy nhiêu năm qua, tôi nghĩ bác mình là một kẻ cho thuê nhà ổ chuột, một kẻ tư bản hung hăng bóc lột những người yếu nhất. Thế mà giờ đây, ông thậm chí còn tệ hơn nữa: lòng tham của ông được nuôi dưỡng bằng xương thịt của đồng loại.

– Bác là một kẻ dốt mồi.

– Từ đó xấu xa lắm. Tiếng Hungary gọi là *strici*. Không có ai ở Budapest dùng từ này để chỉ tôi cả. Đây là lần đầu tiên tôi nghe thấy từ này, từ miệng của cô.

Lời này của bác tôi thực sự là không đúng. Ông bị bắt vì đã sống bằng những cách kiếm tiền xấu xa đồi bại. Biết thế nhưng tôi vẫn giữ miệng, không cãi lại. Tôi chỉ nhìn ông với một sự ghê tởm lạnh lùng. Ông đúng là đồ cặn bã bỏ đi. Giờ thì tôi nhận ra cái lý của bố mẹ mình.

– Thôi được rồi, cô... ờ, cô Collins, cô có muốn kết thúc không? – bác tôi hỏi bằng giọng lạnh lùng vì nhận ra rằng tôi cũng chẳng hơn gì bất kỳ một người nào khác, một người có sự thông hiểu và trí tưởng tượng hạn chế.

– Kết thúc hôm nay ạ?

– Không, kết thúc hẳn. Cô không thích ngồi uống cà phê với một tên dốt mồi mà, phải không? Cô muốn tìm một công việc khác đúng không? Thôi, cứ đi mà làm biên tập viên cho tờ *Times* nếu công việc ấy thích hợp hơn với cô.

Hắn không có một lời thóa mạ nào cay độc hơn những lời bác tôi vừa nói. “Cháu có nói nghĩ làm gì đâu, cháu...”

– Để tôi nói cho cô biết kẻ dốt mồi là ai, hẳn làm gì. Một tên dốt mồi là kẻ...

– Bác thấy đấy, chúng ta thực sự không cần phải bàn đến chuyện này. Cháu chỉ là một thư ký mà thôi.

– Không, không phải chỉ có vậy. Cô đóng vai trò còn hơn thế nữa. Thư ký chỉ ghi chép lại văn từ chữ nghĩa. Đây không phải là con chữ mà đây là trái tim của tôi. Tôi đã xé nát...

Tuy nhiên, bác tôi nhận ra rằng mình đã đi quá xa. Đây là lần thứ hai tôi nghĩ có lẽ ông biết tôi là ai. Dù vậy, tôi vẫn lặng im không nói một lời nào.

— ... Gọi là xé nát cái gì, cái gì ấy nhỉ?

– Thôi, bác ơi, cho qua đi. Sao chúng ta không đơn giản là cứ tiếp tục công việc nhỉ?

– Tiếp tục à?

– Vâng, tiếp tục.

– Nói về những tên dốt mồi, nếu cô muốn nhưng đầu tiên tôi...

– Cháu sẽ không đánh máy phần ghi âm này, bác biết đấy. Cháu không đánh máy các câu hỏi của cháu hay bất cứ thứ gì cháu nói.

– Thôi được, thế thì cô chỉ cần phải hiểu như thế này. Tôi biết những kẻ dốt mồi là gì. Thời tôi, chưa từng có cô gái nào dây vào làm ăn với một kẻ dốt mồi. Các cô gái của tôi tự lo công việc của họ. Tôi chỉ làm mỗi việc là dẫn khách hàng tới cho họ và cung cấp phòng. Tôi hưởng phí quản lý. Tất cả mọi người đều hiểu điều này. Tất cả chúng tôi đều biết rất rõ về những luật lệ này. Tôi không ép buộc họ phải làm điều gì hay cho họ chơi ma túy.

– Vâng, bác cứ nói tiếp đi, - tôi bảo, các sợi dây thần kinh của tôi vẫn còn nhức bưng bưng vì sốc trước tiết lộ này.

– Được rồi, để tôi kể cho cô nghe về thằng em trai Ervin của tôi. Cô có thể nghe về đường đời của nó. Có thể nói đường đời trong sạch thật thà nhất là đường đời của nó chứ không phải của tôi. Nó gặp cô gái đầu tiên và dính hôn luôn với cô ấy. Đó là một cô gái bị tật đi khập khiễng cùng với một cái gậy nhưng là một người rất tốt. Lúc nào tôi cũng thích Bertha hơn thằng em của mình nhiều. Nó có được một công việc tập sự trong ngành kim hoàn và nó rất, rất may mắn khi giữ được công việc này vì bố tôi giờ đây đã bị sa thải khỏi công ty sản xuất mũ. Công việc kinh doanh của họ không tốt. Họ phải cho nghỉ bớt nhân viên. Họ có hai nhân viên người Do Thái và theo các bộ luật về sắc tộc có hiệu lực lúc đó thì một người phải ra đi. Và vì phòng xuất

khẩu không còn là bộ phận mà người ta muốn do một người Do Thái tiếp tục điều hành thế nên bố tôi đành phải nói lời chia tay sau 14 năm gắn bó với công ty này. Nhân tiện đây tôi cũng muốn nói là mọi sự xảy ra với tôi cũng y hệt như vậy. Tôi chỉ làm cho một công ty nhỏ. Người ta không thể thuê một lao động Do Thái nào nữa nhưng tôi là người luôn biết cách vượt qua khó khăn nguy khốn như thế nào. Càng lúc công việc làm ăn của tôi càng liên quan tới việc sắp xếp các cô gái vào các căn hộ vì tôi vẫn còn có khả năng xoay xở để biết được căn hộ nào hay phòng nào đang trống, và tôi vẫn cố gắng để có được chìa khóa vì tôi không thể làm mọi chuyện một cách đường đường chính chính.

“Giờ thì bố tôi không thể bán mũ được nữa. Tất cả những gì ông làm suốt một ngày là đọc sách. Sách vở chữ nghĩa bày đầy quanh tôi. Và chính xác là tôi đã cố gắng vượt qua nghịch cảnh, cố gắng xoay xở kiếm tiền về để thanh toán tiền thuê nhà giúp bố mẹ vì nếu không có tiền, chắc chắn họ sẽ chết đói. Ervin không thể chịu đựng nổi việc này. Nó có một công việc! Nó là một người đáng kính trọng! Nó có một người vợ sắp cưới! Hàng đêm, nó trở về nhà và bắt đầu kiếm chuyện đánh nhau với tôi. Nó không bao giờ nói ra trực tiếp vấn đề của nó là gì mà chỉ hỏi: Tại sao lại không có sữa? Anh đã uống hết sữa rồi phải không Sándor? Đồ chó đẻ ích kỷ. Giờ thì mẹ tôi yêu thương cả hai đứa con trai đều nhau. Bà không thể chịu nổi bất cứ điều gì khiến hai chúng tôi huynh đệ tương tàn. Tôi nói với bà: Mẹ à, cứ để nó đi đường của nó còn con đi đường của con. Bây giờ, con đã 22 tuổi rồi. Đã đến lúc con cần phải dọn ra ở riêng, có một căn hộ cho riêng mình.

– “Ôi” - mẹ tôi kêu lên khi nghe thấy tôi nói điều này. Nhưng tôi nói với mẹ: Mẹ ơi, mẹ nghe con nói này, con có một

căn hộ ngay trên cùng phố này thôi. Con sẽ đến thăm mẹ mỗi ngày. Và đây là những gì xảy ra. Tôi có một căn hộ của riêng mình. Thực ra không phải một căn hộ mà chỉ là một căn phòng, nhưng là phòng tốt, rất tốt. Bố mẹ tôi ở đường Sip utca còn tôi ở đường Dob, chỉ quanh một góc phố. Hằng ngày, tôi đến văn phòng làm việc của mình, chính là quán cà phê ở khách sạn Astoria.

– Đó là trụ sở hoạt động của bác - tôi nói. Câu chuyện giờ đã trở nên vô cùng hấp dẫn.

Hấp dẫn vì nó đem lại một hình ảnh về bố mẹ tôi trong khoảng thời gian vài tháng trước khi họ rời khỏi Hungary và chụp hình bên ngoài cánh cửa trước căn hộ của chúng tôi ngay trước khi đóng sầm nó lại.

– Đúng đấy. Có nhiều người khác nhau đến đây vào buổi tối. Tôi quan sát tất cả bọn họ.

– Thế mẹ của bác có biết bác đang làm gì không?

– Đây mới thực là chuyện. Thằng Ervin lúc nào cũng đe dọa tôi. Nó hét lên “Tôi sẽ kể, tôi sẽ kể hết cho mà xem”. Ý nó là sẽ kể cho mẹ tôi biết làm cách nào mà tôi vẫn có tiền trong túi và vẫn có những bộ cánh bảnh bao. Tôi hỏi nó “Vì sao? Sao mà lại muốn ton hót với mẹ hả?”. Nó trả lời: “Để mẹ biết”. “Biết cái gì?”. “Biết là tôi có một thằng anh như thế nào”. “Sao mà ỷ chuyện đó hả” - tôi hỏi nó và nó đáp “Vì tôi có danh tiếng”. Danh tiếng gì cơ chứ? Nó làm việc trong một cái xưởng ở phía sau một cửa tiệm kim hoàn. Cuối cùng thì tôi cũng lật tẩy được động cơ của nó. Đó là vì cái cô Bertha, vợ sắp cưới của nó. Nó không muốn gia đình cô ấy phát hiện ra.

“Rồi một đêm, tôi tình cờ đụng mặt nó trên phố Karoly Korut khi đang trên đường đi làm về. Tôi thử tỏ ra thân thiện

với nó và nói lại đây, làm chút cà phê với anh ở khách sạn Astoria. Thế là chúng tôi đi và uống cà phê với nhau. Tôi cố đối xử tử tế với thằng em của mình. Sau khi uống xong cà phê, tôi mời nó uống. Như thường lệ, Ervin từ chối không uống nhưng tôi nói hãy làm một ly Tokaj để nhớ lại thời thơ ấu của hai anh em. Vậy nên nó mới gật đầu. Rồi sau đó, chúng tôi lại uống thêm một ly nữa. Đây là lần đầu tiên tôi thấy thằng em Ervin của mình chệnh choáng và đỏ ửng. Một cô gái mà tôi biết đã đến và ngồi xuống. Ervin vào nhà vệ sinh để đi tiểu. Tôi nói với cô gái, đây là thằng em trai của tôi, hãy đối xử tốt với nó và tôi cho cô ấy vài tờ bạc.

Ông bác Sándor bắt đầu cười to và lấy một miếng khăn giấy trong chiếc hộp để trên bàn để lau hai mắt.

– Sao bác lại cười? – tôi hỏi.

– Chỉ là tôi cảm giác như đang nhìn thấy thằng Ervin đứng trước mặt tôi giống như hồi lúc đó.

– Thế ông ấy trông như thế nào? – tôi hỏi một cách hào hứng. Tôi nghĩ mình đã quên bém mắt bản thân đến nỗi chiếc mặt nạ giờ đã nằm dưới bàn, để lộ ra một cô gái trẻ chẳng biết gì về nghệ thuật giả vờ.

– Nó không phải là một thằng đàn ông to lớn, ngay cả bây giờ cũng vậy. Lúc đó, nó nhỏ thó và gầy gò. Ống tay áo của nó phủ trùm tới các đốt ngón tay vì nó là thằng hà tiện. Nó cứ nghĩ là mình sẽ còn cao lớn nữa dù lúc đó nó đã 18 tuổi rồi. Nó mặc thế để không phải mua áo vest mới. Tất cả quần áo của nó đều rộng thùng thình quá cỡ so với nó cũng chỉ vì lý do này. Nó lúc nào cũng nhắc tôi nhớ tới cái con, ờ mà gọi là gì ấy nhỉ, con vật mà có cái vỏ mang trên lưng ấy?

– Con ốc sên phải không ạ?

– Không, con lớn hơn kia.

– Rùa?

– Đúng là con vật đó đấy. Cái mặt đã già khú già khảm của thằng Ervin nhô ra khỏi cổ áo sơ mi. Dù gì đi nữa thì tôi cũng phải đi để lo vài chuyện của tôi và tôi đã thấy nó cùng với cô gái ấy rời khỏi quán cà phê. Sau đó, cũng trong buổi tối hôm đó, cô gái quay lại khách sạn Astoria. Cô ấy nói với tôi rằng tất cả mọi thứ đều diễn ra rất tốt nhưng thằng em Ervin của tôi vẫn còn “dzin”. Vì vậy, cô ấy chẳng có nhiều việc để làm. Tất cả mọi sự đều tốt và nhanh chóng còn bây giờ thì nó đã đi về nhà.

Ta cứ nghĩ bố mẹ ta sống đây chỉ để yêu thương và làm ta bực mình phát cáu. Ta thấy họ giống như những vệ tinh quay quanh mặt trời là ta. Ta cố gắng chạy trốn khỏi thái dương hệ đó trong khi họ đuổi bắt theo ta. Vào cái thời trước khi tôi ra đời, thành phố mà tôi chưa từng một lần đặt chân đến, đất nước vốn chỉ là một cái hình được tô màu trên bản đồ, là một mảnh đất như trong phim thời sự trắng đen, mờ nhạt. Thời gian là một thứ thật lạ kỳ. Lúc này, tôi đang ở thời điểm hiện tại, đang đi bộ ngang qua Regent's Park, trên tay xách một chiếc đầm mới còn năm 1977, thời điểm xảy ra những sự kiện mà tôi đang miêu tả, đã trở thành quá khứ xa lắc xa lơ giống như so nó với năm 1938 vậy. Chuyện này có thực hay là do tưởng tượng đây? Bố tôi, khi đó còn là một thanh niên trẻ tuổi, lại đi quan hệ với một ả gái điếm sau tất cả những gì ông nói về ý định rời khỏi Hungary. Liệu có chuyện gạ gẫm ăn nằm nào lộ bịch hơn thế không?

– Cô có ổn không? Cô có muốn uống chút nước không? Tôi không muốn cô cũng gặp phải chuyện giống như đã xảy ra với chồng cô đâu.

– Ô, không, không sao. Cháu ổn mà, - tôi đáp.

– Tôi cứ ngỡ là cô nuốt mất lưỡi rồi chứ.

– Thôi, bác cứ kể tiếp đi. Cháu đang lắng nghe đây.

– Vài ngày sau, mẹ tôi đến gõ cửa nhà tôi. Ba đang ở trong trạng thái kinh hoàng. Ervin chuẩn bị di cư. Nó sắp sửa rời khỏi Hungary. Tôi phải về căn hộ của gia đình ngay lập tức. Tôi nói với mẹ là được, cứ để xem nó phải nói gì đây. Và, không phải đến lúc này cái thòng lọng ở Hungary mới siết chặt mà đúng hơn, đây là lần đầu tiên chúng tôi chú ý nhận ra có một sợi dây thòng lọng đang ở trên cổ chúng tôi. Thằng Ervin gõ gõ cái muống vào tách trà mà nó đang uống và nói rằng đang có một mối nguy hiểm đột ngột xuất hiện đối với người Do Thái ở Hungary nên nó và Berta cần phải đi ngay lập tức.

– “Nói với nó là đừng có đi” - mẹ tôi kêu lên. Bố tôi thì chỉ ngồi lặng thinh, chẳng nói câu gì. “Được rồi, Ervin” - tôi hỏi - “mày nói cho cả nhà nghe thử xem mày thấy mọi sự đang diễn ra ở cái đất Hungary này như thế nào nào?”. Rồi nó bắt đầu kể câu chuyện lớn lao về những gì đang xảy ra ở châu Âu. Nó nói về Đức và Liên Xô.

“Tôi nói với nó: “Có vẻ như mày vừa mới đọc báo. Chắc là mày đã cầm rế ở quán cà phê rồi chứ gì”. Nghe tới đây, nó trở nên cáu tiết, vốc một nhúm đường ở trong cái bát để trên bàn ném vào tôi. Tôi cười to. ‘Không có đường của mày thì tao cũng đã đủ ngọt ngào rồi’. - tôi nói với nó. Thế nhưng mẹ tôi đã mất cả đêm mới xoa dịu được cơn giận dữ của nó. Thế là bây giờ thì hàng xóm láng giềng đều biết rằng Ervin Kovacs và vợ sắp cưới của nó chuẩn bị rời khỏi Hungary, chạy trốn khỏi nạn tàn sát người Do Thái. Nhưng ở quán cà phê, thiên hạ lại kháo nhau một câu chuyện khác. Ở đó, người ta nói rằng Ervin rời khỏi

Budapest vì nó hải chuyện vợ sắp cưới của nó phát hiện ra sự thật nó ngủ với gái điếm.

Và đây chính là câu chuyện về thằng em của tôi. Sự việc mà chúng ta sẽ nghe tiếp theo là nó đã đến London với tư cách là dân chạy nạn. Mà chạy nạn gì mới được cơ chứ? Nạn buôn chuyện.”

Vậy ra là như thế. Tất cả những năm tháng sống ru rú nhui nhủi đằng sau những cánh cửa đóng kín, sự khép nép, sự phục tùng và nỗi khiếp sợ mà ông bác Sándor tạo ra trong đầu bố tôi không phải chỉ xuất phát từ việc ông bác là một tên gangster, một kẻ cho thuê nhà ổ chuột, một người sống bằng những khoản tiền xấu xa, đồi bại kiếm được mà còn vì ông bác biết được con sâu trong nồi canh hôn nhân của bố mẹ tôi mà dựa vào đó mới sinh ra lời nói dối nho nhỏ kia.

– Nhưng em trai bác đúng đấy chứ ạ? – tôi nói, nghĩ về tất cả những thứ tôi biết đã từng bắt đầu xảy ra tại châu Âu và những gì không hề trở nên tốt hơn mà ngược lại còn tồi tệ hơn.

– Đúng về cái gì?

– Về việc rời khỏi Hungary, về thời điểm ông ấy ra đi.

– Đúng là như vậy, nhưng ra đi vì những lý do sai trái. Cho tới giờ tôi vẫn không thể nào thông cảm được với nó.

– Bởi vì nếu bác cũng rời đi đúng vào lúc đó thì mọi sự hẳn đã rất khác đối với bác.

– Làm sao cô biết mọi thứ sẽ hóa ra như thế nào?

– Ý cháu muốn nói đến chiến tranh. Bác sẽ không phải ở Hungary trong suốt thời gian chiến tranh.

– Đúng vậy.

* * *

Trong khi tôi đang ngồi ở cái bàn nhìn ra ngoài phố để đánh máy lại nội dung ghi âm buổi sáng thì ông bác Sándor ở trong phòng ngủ, mất rất lâu cho việc thay quần áo. Tôi nghe thấy tiếng nước chảy, tiếng vo vo vào mặt của ông và một mùi hương nước hoa đậm eau de Cologne tràn ngập căn hộ. Khi ông bước ra khỏi phòng ngủ, ông không còn mặc chiếc áo len đan có dây khóa kéo nữa mà thay vào đó là một bộ comle màu xanh da trời, không giống bộ đồ vải ni angora ông đã mặc trong lần tới nhà tôi cách đây rất lâu, mà là bộ đồ có 2 tông màu xanh da trời và đen, hợp với đôi giày da ông đang đi.

– Bác diện trông thật bảnh – tôi nhận xét. Tôi thích ông như thế này, nhiều màu rực rỡ chứ không phải là một người đàn ông từ đầu đến cuối chỉ có một màu nhạt nhẽo trong chiếc áo khoác không thấm nước. Ông sinh ra để đeo cà vạt màu sắc sặc sỡ vui nhộn và đi giày ghệt.

– Tất nhiên rồi. Hôm nay là ngày tôi và Eunice đi nhảy đêm.

– Nhảy những điệu nhảy cổ điển ạ? Điệu Foxtrots và những điệu đại loại như vậy phải không?

– Phải, cả điệu Tango nữa. Chúng tôi đang học. Đôi giày này là giày đặc biệt để nhảy điệu Tango. Phải mua chúng ở một nơi đặc biệt, một cửa hàng ở đại lộ Shaftesbury, mới có đấy. Không thể mang bất kỳ một đôi giày cũ nào. Cái thứ đó là không thể chấp nhận được.

– Thế chuyện gì đã xảy ra với cái cửa sổ của anh chàng kia?
– tôi hỏi khi chúng tôi xuống sảnh dưới nhà.

– Anh chàng nào?

– Là cái anh Claude đang sống ở đây đấy.

– Sao cô lại quan tâm tới cái cửa sổ của cái thằng nhãi đó?

– Theo luật thì...

– Chuyện gì xảy ra với cô thế? Tôi đã cố giải thích mà sao cô không bao giờ chịu hiểu ra nhỉ. Nói như một câu thành ngữ là vào mắt này ra mắt nọ.

– Tại chứ sao lại là mắt, – Eunice đang đứng đợi ở sảnh lên tiếng chỉnh ông bác Sándor. Bà ấy xuất hiện với vẻ bề ngoài đẹp đến mức không thể tưởng tượng được: mặc một chiếc đầm sa tanh màu be dài hơi quá đầu gối, đôi chân màu nâu thon dài tuyệt đẹp đi tất da mịn. Còn chân của tôi thì giống như củ chuối vậy.

– Cô gái này – ông bác Sándor nói với Eunice – sống một cuộc đời được bảo bọc rất kỹ, không giống như chúng ta, em nhỉ? Cô ấy muốn anh sửa cửa sổ cho cái thằng ranh con đã tự mình làm vỡ nó.

– Nó đã bị nứt từ trước rồi, – tôi cãi.

– Cô đã biết gì về chuyện này nào?

– Anh ấy chỉ cho cháu xem.

– Cô đã ở đó với cái thằng nhãi thô lỗ cục mịch ấy sao?

– Vâng, sao lại không ạ?

– Có một số người không biết ai là bạn của họ, – Eunice nói, ra chiều hiểu ý.

Làm cách nào mà tôi biết được Eunice không thích hoặc không tin tưởng tôi dù chúng tôi hiếm khi gặp nhau? Bà ấy yêu ông bác tôi như điên như dại. Sándor là tình yêu một đời của Eunice. Họ là một đôi kết hợp cộc cạch kỳ quặc: một kẻ đến từ Budapest chuyên sống bằng đồng tiền bòn rút từ người khác và một cô gái da đen nói giọng xứ Wales đến từ Vịnh Tiger, một phụ nữ hết sức quý phái trang nhã, cực kỳ sành điệu, đặc biệt

quan tâm đến chuyện chải chuốt chẵn chu hoàn hảo, từ mái tóc, móng tay, son phấn cho đến lông mày; một người hay sắm soi tỉ mỉ, phát hiện ra từng sợi chỉ nhỏ bị lỏng, từng chiếc cúc bị lung lay hay từng vết dầu mỡ dính trên quần áo; một người luôn giữ dáng sao cho lưng lúc nào cũng thẳng (thói quen hình thành trong những buổi học võ lòng tại trường dạy cách đi đứng, ứng xử Miss Halliburton ở Stockwell, lớp học mà Eunice đã phải dành dụm từng xu tiền lương của mình để đóng học phí).

Qua nhiều năm, Eunice đã vươn từ địa vị một thợ uốn tóc tầm thường lên vị trí một nữ quản lý hết sức được tin cậy của một cửa hàng quần áo thời trang nữ trên phố Seymour, sau Marble Arch, nơi các khách hàng thân thiết từ các tòa nhà lớn trên phố Marylebone High Street, đều bị thu hút đổ về đó và thật sự là các bà các cô trong tòa nhà Benson Court cũng nằm trong số những vị khách “ruột” thường xuyên lui tới nơi này. Cửa hàng được mở vào đầu thập niên 50, khi quần áo vẫn còn được may với số lượng hạn chế và các bà các cô ở Khu Tây London^[39] vẫn gõ bước lọc cọc trên những đôi giày cao gót, diện những chiếc váy bông giống kiểu váy múa ballet, dùng nước hoa Yardley^[40] và tô son môi màu hồng đào.

Ông bác Sándor đưa cô tình nhân trẻ của mình đến những nơi sang trọng nhất, nơi có người bồi bàn mặc áo khoác đen đẩy chiếc xe dọn các món tráng miệng vòng quanh phục vụ thực khách và Eunice chọn một ly kem mút nhỏ vị cà phê từ vô số những món hấp dẫn bày trên xe, đoạn ăn kem bằng một chiếc thìa bạc. Bác tôi cũng mua cho Eunice những món đồ nho nhỏ: một đồng hồ hiệu Omega, một bật lửa hiệu Colibri đựng trong một chiếc bao bằng vải nhung. Ông đối xử với người tình giống như đối với một nữ hoàng.

Và vào lần đầu tiên Eunice trông thấy ông trong trạng thái khỏa thân, người phụ nữ ấy đã chạm vào những nơi vẫn còn đau trên lưng ông với một niềm thương cảm, những vết dấu của đòn roi. “Ôi! Sándor!” – Eunice thốt lên – “cả anh và em đều là nô lệ ở mảnh đất Ai Cập”.

Rồi thì tôi xuất hiện. Đứa cháu gái mưu mô giả dối đang theo dõi ông bác mình vì nhiều lý do mà cả hai vẫn chưa tìm hiểu được và là người mà Eunice đôi khi vẫn nghĩ rằng người tình lớn tuổi của mình đã đâm ra yêu thương, sau khi ông kể cho bà ấy nghe về những lần làm việc của chúng tôi. Vì sao mới đầu, Eunice chẳng hiểu gì hết. Cho đến một đêm, khi ông rên lên trong giấc ngủ và khóc, Eunice đã trông thấy nước mắt lăn trên gương mặt ông trong lúc ông đang ngủ. Người đàn bà này nhận ra rằng tất cả chỉ vì ông là người chẳng có con cái, là người biết rõ ràng một ngày nào đó ông sẽ chẳng còn là gì ngoài nắm xương nằm trong một cái hòm và chẳng có gì để lại cho mai sau, ngoại trừ tôi, những ký ức của tôi về ông. Tôi là một kẻ nguy hiểm. Tôi có sức mạnh để làm tổn thương ông. Eunice biết tất cả về điều đó.

– Nhưng cô gái này không có những trải nghiệm như chúng ta đâu, em à – ông bác Sándor của tôi nói tiếp. – Cô ấy sống một cuộc đời được bảo bọc ở trường đại học, với sách vở và luận về mọi thứ theo cách mà em biết đấy, giống hệt như cách mà các nhà tư tưởng hay bình luận. Cô ấy chẳng biết gì đâu. Làm sao mà cô ấy biết được chứ?

– Nhưng cái mà thiên hạ biết thì họ cũng phải biết chứ – Eunice vặn lại, nhìn chiếc áo váy bằng vải tơ tằm màu xanh da trời ố bẩn và chiếc áo vét vải denim của tôi.

– Em này, có lẽ cô ấy nên đi cùng chúng ta, nhỉ? – ông bác Sándor đề nghị.

– Tới chỗ khiêu vũ à? – Eunice hỏi lại, đôi mắt mở to đến nỗi lòng trắng như đảo lộn, hòa quyện với tròng đen.

– Ừ, tại sao lại không nào?

Có bao giờ ta thấy mèo vẫy đuôi rối rít chưa?

– Cô ấy không thể đi nhảy với trang phục như thế được. Trông chẳng giống ai cả. Cô ấy sẽ biến anh thành trò cười cho mà xem.

– Em nói đúng đó, không thể ăn mặc như thế được. Chúng ta có thể tìm ra một thứ gì đó phù hợp với cô ấy ở cửa tiệm của em.

– Cháu không có đủ tiền để mua những chiếc váy áo đó đâu ạ, – tôi nói trong trạng thái hết hoảng.

– Đừng lo, tôi sẽ trả mà, – ông bác Sándor trấn an. – Đi nào, Miranda, đi và nhìn thấy cuộc đời, thứ mà cô đã nói với tôi là cô chẳng biết gì về nó cả.

– Còn chúng mình thì lại biết rất nhiều, người yêu của em nhỉ, – Eunice nói, ngoắc cánh tay mình vào cánh tay của người tình và nhìn tôi với gương mặt của một con mèo Ba Tư.

– Hãy tìm thứ gì đó thật đẹp dành cho một cô gái trẻ nào, – bác Sándor vừa nói vừa đảo mắt nhìn quanh. – Tốn bao nhiêu không thành vấn đề. Eunice, tùy em chọn đấy.

Đây là lần đầu tiên tôi đặt chân vào cửa hàng quần áo thời trang do Eunice quản lý trên phố Seymour, cửa hàng trước giờ tôi vẫn đi ngang qua mà không hề để ý. Cửa hàng nằm ngay trên đường tôi đi đến một nơi nào đó quan trọng hơn, tôi không hề ngó đến nó và không nhận ra hàng đoàn những quý bà quý cô giàu có lũ lượt tấp nập ra vào cánh cửa kim loại chạm trổ.

Eunice đang trở đúng sở trường của mình.

– Bộ này trông rất đáng yêu đối với cô gái này đấy! – Eunice nói, các ngón tay lướt một cách thành thạo qua những giá treo đồ và nhanh như cắt, lấy ra một chiếc váy áo tơ tằm màu xanh lá cây. – Bộ này sẽ hợp với mắt của cô ấy và nó có sắc lấp lánh dễ chịu. Không quá phô trương lòe loẹt.

– Đẹp lắm – ông bác Sándor thốt lên khen. – Mặc thử đi, nhanh lên nào!

– Thế còn giày thì sao? – Eunice hỏi tiếp sau đó – Không thể mang giày đế mềm như thế. Cô có đôi nào ở nhà không?

Ở dưới gầm giường, trong một cái hộp, vẫn có một đôi giày đế làm bằng da rắn màu đỏ mà tôi mới chỉ mang duy nhất có một lần vào cái đêm Alexander chết. Tôi không thể nào quên được cái cách anh cứ tiếp tục ngắm nhìn chúng sau khi chúng tôi làm tình rồi mặc đồ để xuống dưới ăn tối. Anh nói với tôi: “Em nên sắm thêm nhiều đôi giày như thế này”.

Đôi khi vào ban đêm, lúc bố mẹ tôi đã đi ngủ, còn lại một mình trong phòng của mình với bộ đồ ngủ trên người, tôi lại xỏ chân vào đôi giày đỏ và ngắm nhìn chúng. Đủ thứ ý nghĩ kỳ dị xuất hiện trong đầu tôi, những ký ức, những suy nghĩ, những cảm giác mà tôi không có từ ngữ nào diễn tả nổi. Tuy nhiên, chúng đem lại cho tôi một niềm an ủi oái oăm trái khoáy: khiêu vũ trong bóng tối bên trên nắm mồ của anh với cái vật là biểu tượng tươi sáng rực rỡ này cho cuộc hôn nhân ngắn ngủi của chúng tôi vào chính cái thời khắc dâng trào cảm xúc yêu đương đó.

– Cháu có một đôi – tôi nói. – Cháu có thể về nhà lấy. Cháu sống không xa đây đâu.

– Chúng ta sẽ chờ – bác tôi nói. Và, chỉ khi bước ra đường, tôi mới chợt nhận ra rằng lẽ ra tôi không nên nói mình đang

sống ở đâu để phòng bác tôi xâu chuỗi hai việc lại với nhau và bắt đầu nghĩ tôi có thể là Vivien, cháu gái của ông. Và tôi thật ngây thơ, ngây thơ đến nỗi chưa bao giờ nghĩ tới chuyện thật là kỳ cục khi cho rằng một người đàn ông như Sándor Kovacs sẽ mua cho một cô gái trẻ chiếc váy áo đắt tiền nếu như ông không có một lý do nào đó.

* * *

Nơi chúng tôi sắp đi tới không quá xa, chỉ qua 3 trạm dừng tàu điện ngầm, nhưng ông bác tôi mắc chứng sợ tàu điện ngầm. Nguyên do không đơn giản chỉ vì những năm tháng sống trong một không gian rào kín của nhà tù, thậm chí không phải là nỗi khiếp sợ bệnh hoạn đối với các đường hầm. Một cái hào đất hẹp nào đó ở Ukraine, bác tôi không nhớ chính xác nó ở đâu, đã đổ ập lên người ông vào khoảng năm 1942. Ông bị chôn sống vài giờ. Dù đây chưa phải là điều tồi tệ nhất xảy ra với bác tôi hồi chiến tranh nhưng đó là thứ mà ông thường xuyên nhớ lại giữa những cơn ác mộng về đêm của mình trong khi những trải nghiệm vượt qua cú sốc đau thương khác tới và nằm im, không bị xáo trộn tại một chiếc hộp kim loại đóng chặt kín đặt trong chiếc tủ com mốt nặng trĩu của ông.

Không phải những lý do đã kể ở trên. Điều làm bác tôi thấy lo lắng là một thứ thực tế hơn: ông sợ ngã. Ngay lúc ông bước xuống những bậc thang cuốn đang chuyển động để đưa ta xuống các ga tàu điện ngầm, ngay khi bàn chân phải của ông bước tới và bàn chân trái bước tiếp theo, tay phải bấu chặt vào thanh vịn đang chạy của thang cuốn, nếu ông không hết sức cẩn thận phối hợp động tác với giây phút bước ra khỏi thang

cuốn, điều mà ông cảm thấy mình không thể làm được, đặc biệt là với đôi mắt kèm nhèm, mờ đục thì ông sẽ bị mất thăng bằng rồi ngã nhào mà chết. Đó là di sản để lại của nhà tù: nỗi sợ những bậc thang bằng sắt.

– Ông ấy không dám đi tàu điện ngầm thêm chút nào nữa, – Eunice thì thầm nói với tôi. – Tôi đã cố gắng giúp ông ấy nhưng ông ấy vẫn thấy hãi. Ông ấy mua vé nhưng rồi sau đó phải vứt nó đi. Vừa mới nhìn xuống bên dưới là ông ấy đã toát cả mồ hôi hột rồi.

Thế là chúng tôi đón một chiếc taxi, loại xe taxi màu đen đặc trưng của thành phố London mà trước đây tôi mới chỉ đi duy nhất một lần trong đời mình. Đó là khi bố mẹ tôi và tôi lên đường khởi hành tới ga Paddington, rồi Hereford để làm đám cưới cho tôi. Đôi tay bố tôi run run lúc ông trao cho người tài xế lái taxi hai tờ bảng Anh.

Tôi ngồi vào chiếc ghế lật còn ông bác Sándor và cô nhân tình Eunice của ông tay trong tay ngồi đối diện tôi. Mái tóc xanh đen như bện tổ chim của Eunice ngả vào đôi bờ vai to lớn nặng nề trong bộ đồ bảnh nhất của bác tôi.

Chúng tôi sắp sửa đi đến một nơi mà tôi chẳng hề có tí khái niệm nào về nó: một căn phòng lớn nằm bên trên một cửa hàng bán đồ sắt ở một con phố bên kia đường Sussex Gardens, gần ga Paddington. Ta nhấn vào một cái chuông ở cửa phụ và một bàn tay vô hình đẩy cửa cho ta vào. Mọi người đang đến. Một số đem theo giày khiêu vũ đựng trong túi giấy, số khác đã nhún nhảy trong lúc nhón chân đi như lướt trên đường.

– Xem mấy cô nàng xinh đẹp nhỏ nhắn kia kìa! – bác tới nói với vẻ thán phục khi một cặp hai cô gái da đen trẻ trung lướt ào qua chúng tôi, lên cầu thang. Mái tóc họ tỏa ánh sáng hào quang quanh đầu giống như các vị thánh trong những bức

tranh cổ.

Nhưng Eunice đã bấu những ngón tay sơn màu bạc vào cánh tay bác tôi để nhắc nhở ông nhớ rằng một phụ nữ ở tuổi bà ấy không thích ông chú ý quá nhiều đến mấy cô trẻ trung vừa tới.

– Cứu tôi với, Miranda! – Bác tôi cười nói. – Hãy lên tiếng bảo vệ tôi đi. Cô biết chuyện này đối với tôi là như thế nào mà. Mỗi lần tôi nhìn thấy mấy cô gái này, tôi cảm thấy giống như mình là một người đàn ông mới. Tôi nhớ đến lần đầu tiên tôi vừa mới từ Budapest đặt chân tới London và trông thấy mấy nữ hoàng đáng yêu này khoe làn da đang nổi gai ốc, miệng cười thật rộng, hò hét, chạy nhảy vòng quanh phấn khích như phát điên. Tôi nhớ mình đã nghĩ rằng *giờ đây* ta đã đặt chân đến thành phố.

Eunice lên tiếng hừ hừ tỏ vẻ khó chịu.

– Em yêu, em nghĩ là mấy cô gái đó nhìn anh à? Không hề có chuyện đó đâu. Mà anh cần gì phải thêm muốn đi chơi với mấy cô đó khi anh đã có em rồi, người yêu dấu nhất đời của anh? Chỉ là nhìn thôi ấy mà. Đàn ông có thể nhìn được, phải không nào? – Ông bác Sándor quay sang nháy mắt với tôi.

Những móng tay màu bạc lại bấu mạnh hơn vào cánh tay ông nhưng ông chỉ quay sang cô người tình, cười to rồi đặt lên má Eunice một nụ hôn.

Chúng tôi leo lên cầu thang rỉ sét và giăng đầy mạng nhện, không khí sực nức đến oi nồng, ngọt ngào các loại mùi mỹ phẩm khử mùi thân thể và nước hoa rẻ tiền hương sặc sạt. Tôi thấy bác tôi đột nhiên giống như cá được về với nước. Vận bộ đồ gangster của mình, ông bước lên các bậc thang của tòa nhà chung cư; đôi bàn tay béo núc của ông nắm chặt trong túi áo; các ngón tay nóng lòng được nghịch tiền, những tờ giấy bạc;

những đồng xu lẻ kêu loảng xoảng trong lòng bàn tay ông. Cứ thế, chúng tôi đi lên. Ông thở hổn hển, bám chặt vào Eunice như thể cô nhân tình là một cái cây hay một cái gậy.

Tiếng cười nói ồn ào và tiếng nhạc dội về phía chúng tôi. Cả ba bước vào một căn phòng - nơi những người đàn ông bảnh bao trong những bộ com lê và những đôi giày có ít nhất hai màu, những phụ nữ nhỏ nhắn, những quý bà quý cô nặng ngoài chín mươi ký lô đang giữ thăng bằng trên những đôi chân béo múp bị lún sâu vào những đôi giày cao gót, những cô nàng da nâu gầy nhảnh như que củi chẳng thấy hông đâu - đang hút thuốc, trò chuyện, uống trà rót từ một cái bình kim loại ra những cốc giấy, cẩn thận cầm chúng bằng những ngón tay. Người ta nói chuyện xôn xao trong khi từ dàn âm thanh nổi có hai chiếc loa lớn, nhạc nền chỉ vẳng ra khe khẽ bài "Hernando's Hideaway" do dàn nhạc của Victor Sylvester chơi.

Một người phụ nữ đi ngang chúng tôi. Bà ấy mặc một cái áo choàng dài trang trí những miếng bản tròn hình đồng xu màu xanh da trời tươi vui và đi một đôi giày hợp với bộ đồ đang mặc; đôi giày cũng có những chi tiết hình đồng xu được gắn lên lớp vải lụa trắng bằng keo và chúng rớt ra khi người phụ nữ ấy bước đi, để lại một vệt trống như gàu màu xanh dương. "Anh, nhìn kìa," - Eunice vừa nói với bác tôi vừa cười khúc khích - "bà ấy cần phải gắn thêm một cái chổi ở đằng hông để quét sạch cái đám rơi ra phía sau."

- Ôi dào, bà ấy không quan tâm đâu, - bác Sándor đáp - bà ấy nghĩ mình là hoa khôi của sàn nhảy này và tại sao lại không cơ chứ? Cứ chờ một chút nhé, Miranda, chúng tôi sẽ tìm cho cô một bạn nhảy khi một vài người trong mấy bà mấy cô kia muốn ra ngồi nghỉ.

– Đến nhạc của mình rồi kìa anh! – Eunice nói khi một đĩa nhạc khác tiếp tục vang lên. Âm thanh được vắn to và các đôi nhảy bắt đầu ra sàn.

^tNếu tôi có một chiếc ô bằng vàng

Với ánh dương soi sáng ở bên trong

Còn mưa thì rơi ở bên ngoài\$^t

– Một chiếc ô bằng vàng – ông bác Sándor quay sang nói với tôi – đây là thứ mà tôi đã tìm kiếm suốt cuộc đời mình. Và bây giờ thì tôi đã tìm thấy nó.

Chiếc ô bằng vàng của bác tôi là một căn phòng đầy mùi mồ hôi, nước hoa, dầu bôi tóc, đầy những tiếng cười, những chiếc răng bít vàng, những viên kẹo Jamaica nhỏ bày trên đĩa, ấm trà, những chai rượu rum chở lậu đến từ các hòn đảo, những chiếc ghế xếp kê tựa vào tường, những sàn gỗ, những tấm màn nhung màu vàng được kéo vào để che ánh nắng buổi trưa, chiếc máy hát lớn, hàng chồng đĩa nhạc. Má của Eunice kề sát má ông, trái tim ông đập trong lồng ngực giống như một cái máy nhịp. Bàn tay của ông đặt lên lớp vải sa tanh trơn mịn ở sau lưng cô tình nhân, đôi cánh tay của Eunice tựa nhẹ lên cánh tay ông, động tác cúi chào cổ điển khi bài khiêu vũ kết thúc – một cử chỉ lịch sự kiểu Hungary của ông.

Tất cả những gì mà tôi có thể làm là ngồi xem nhưng rồi thậm chí xem không cũng không đủ đối với bác tôi vì ông nói: “Tôi muốn cô nhảy”. Nhưng tôi không biết nhảy. “Cô chưa bao giờ học nhảy ư?” – ông hỏi.

– Dạ chưa ạ.

– Thế bố mẹ cô không nhất định cho rằng cô cần phải học nhảy à?

– Chưa bao giờ bố mẹ cháu có ý nghĩ đó trong đầu.

– Thật là đáng tiếc! Thật là đáng xấu hổ!

– Khiêu vũ kiểu này đối với cháu là trịnh trọng quá. Cháu chỉ thích sống theo nếp đều đều của riêng cháu.

– Của riêng cô ư? Nghe này, cô gái. Đây không phải là nhảy mà là khoe ra tài năng, cái đẹp của mình.

– Jim sẽ dạy cho cô ấy - Eunice nói xen vào. - Jim có thể nhảy với bất kỳ người nào.

Họ gọi với một người đàn ông nhỏ con, ăn diện bảnh bao trong đôi giày hiệu màu đen và bộ đồ com lê kẻ sọc lớn màu phấn.

– Jim này - Eunice nói. - Đời đối đãi với cậu thế nào rồi? Tôi hi vọng là dễ chịu phải không?

– Không quá tệ nhưng cũng chẳng phải là tốt đẹp nhiều lắm đâu, - người đàn ông đáp.

– Còn công việc làm ăn thế nào? - ông bác Sándor hỏi.

Jim là một người chậm chạp, không phải là ngu ngốc nhưng lại có cách ăn nói trái ngược với đôi giày hiệu bóng loáng của anh ta. Vì vậy, anh ta phải một lúc mới diễn đạt được câu trả lời.

– Khách hàng chẳng tốt lành gì, - cuối cùng anh ta cũng chốt lại được ý mình.

– Thế có vấn đề gì với khách vậy? - Eunice hỏi.

Nhưng anh ta chẳng có gì để mà nói thêm. Anh ta chỉ thở dài và gõ đôi chân mang giày bóng nhoáng theo nhạc.

– Em nghĩ là anh ta muốn nói khách hàng hay ăn cắp ấy mà, - Eunice thăm thì nói.

– Bọn họ vừa mới thành linh mở ra làm ăn phải không?

Eunice nhún vai tỏ ý chẳng biết.

– Jim này, - ông bác Sándor của tôi quay sang người đàn

ông nói - cậu có gặp phải vấn đề gì khó khăn mà tôi có thể giúp được cậu hay không? Văn phòng tôi đang mở cửa đây - ông cười nhưng Jim vẫn đứng nguyên ở đó, miệng ngậm chặt.

- Rồi em sẽ moi được chuyện gì từ Jim, - Eunice nói - giữa em với anh ấy không hề có một bí mật nào. Chưa bao giờ.

- Nghe này, Jim - bác tôi nói - đây là... là thư ký của tôi, Miranda. Một cô gái rất, rất, rất thông minh và giữa cậu với cô ấy cũng có một điểm chung đó.

- Điểm chung gì ạ? - tôi hỏi.

- Hay đọc.

- Anh đọc gì, Jim? - tôi hỏi vẻ hoài nghi.

- Cậu ấy đọc báo - Eunice nói. - Jim có một sạp phát hành báo.

- À, ra thế, cháu hiểu rồi.

- Còn cô này thì đọc sách - Eunice giới thiệu với Jim về tôi.

- À, sách hay báo thì cũng đều là chữ nghĩa cả mà, - ông bác Sándor của tôi nói. - Chữ nghĩa đều giống nhau cả thôi. Nhưng cậu có thể dạy cho cô ấy nhảy được chứ? Chuyện đó có thành vấn đề không?

Jim nhìn tôi. "Tôi sẽ thử," - anh ta đáp.

- Người ta bắt đầu dạy nhạc tango rồi, - Eunice nói. - Điệu này khó lắm. Có lẽ cô ấy cần phải ngồi ngoài chờ hết điệu nhảy này đã.

Một người đàn ông có đôi chân ngắn và thân hình dài, mặc chiếc quần màu tía, quàng một túi xách da cá sấu hai mặt qua vai, giơ hai tay lên. Tất cả mọi người đều tách khỏi bạn nhảy của mình và xếp thành một hàng.

- Ông ta là ai vậy? - tôi thì thầm hỏi Eunice.

– Đó là Fabian, - Eunice trả lời - thầy dạy nhảy của chúng tôi. Ông ấy lặn lội suốt từ Argentina sang đây.

– Thế chiếc túi kia là để làm gì vậy? - tôi hỏi tiếp và Eunice khúc khích cười.

– Không, không, cô không được nói tới điều đó. Không phải như cô nghĩ đâu. Ông ấy không phải là một trong những số đó đâu.

Fabian tiến tới trước và chọn ra một người nữ để hướng dẫn một cô gái và cao lêu nghêu, có khuôn mặt dài đuồn đuồn như mặt ngựa và trông khinh khỉnh.

– Xem tôi với bạn này nhảy đây. Các bạn nghe này, tôi muốn các bạn phải chú ý, những gì tôi nói là có lợi cho các bạn đấy.

Tất cả chúng tôi dón về trước để nhìn cho rõ. Cô gái có khuôn mặt dài như mặt ngựa trông như đang chết khiếp.

– Tôi không muốn em bước về phía trước trong khi tôi đang cố dìu em. Tôi đang dìu và tôi sẽ kiểm soát em, - ông thầy dạy nhảy nói với cô gái, đoạn quay sang chúng tôi, nhấn từng câu.

– Đừng quá để ý đến từng bước nhỏ nhặt như thế, chỉ cần tập trung vào những bước lớn. Tất cả mọi kiểu cách suy nghĩ đều sẽ trở thành những điều vụn vặt, tầm thường nếu các bạn chỉ cần di chuyển những bước lớn và nhường việc suy nghĩ lại cho tôi. Khi nhảy, các bạn cần phải dẫn thân vào cuộc phiêu lưu khám phá. Các bạn không thể đoán trước được điều gì sẽ xảy ra với mình hay mình sẽ được dìu tới đâu. Và cuối cùng, tôi muốn nhắc mọi người ở đây nhớ một điều là không nhất thiết phải là một cô gái đẹp nhất, có ngoại hình ưa nhìn nhất mới nhảy được điệu tango. Các bạn có hiểu không? Có nắm được ý tôi nói không? Cái cần là phải trở thành một cô gái chịu đi theo, chịu

để bạn nhảy diu.

Cô gái có khuôn mặt ngựa cười tự mãn. Tất cả chúng tôi đều có thể nhận thấy là cô ta trông đã xinh hơn ra rồi.

– Được rồi, – ông thầy Fabian nói. – Tất cả mọi người đã hiểu hết chưa? Tôi muốn các bạn tìm một bạn nhảy cho mình và bắt đầu tập.

Jim bước lên phía trước và ôm tôi trong vòng tay của anh ta. Anh ta không cao hơn tôi bao nhiêu và có mùi rượu rum lẫn với nước hoa dùng sau cạo râu. “Cô chỉ cần làm theo những gì tôi làm,” – anh ta nói. – “Dễ lắm. Được chứ?”

Chúng tôi bắt đầu di chuyển. “Làm theo tôi,” – anh ta nói – “cứ làm theo tôi.”

Và thật là ngạc nhiên, tôi có thể nhảy được.

– Nhìn kìa, – ông bác Sándor la to lên với Eunice khi chúng tôi lướt qua họ. Hai người đang ngồi trên một trong mấy băng ghế gỗ kê sát tường. Eunice đang tự quạt cho mình bằng một cái quạt đôi môi nhỏ lấy ra từ trong túi xách của bà. “Em xem kìa. Bước này cô ấy nhảy tốt lắm. Anh nói với em rồi mà.”

Eunice hát đầu (thờ ơ). “Ừ, trông cũng được,” – bà ấy nhận xét – “một kết quả cố gắng tốt đấy.”

Fabian đi vòng quanh sàn nhảy, nhìn vai và chân của mọi người rồi chỉ vào tôi.

– Các bạn có thấy cô bạn này không? Đây là cô gái biết cần phải mặc thứ gì khi nhảy điệu tango. Đôi giày này sẽ giúp cho cô ấy có khả năng khiêu vũ, thậm chí dù cho nếu cô ấy không có năng khiếu tự nhiên.

Tất cả mọi người đổ dồn mắt vào cặp nhảy chúng tôi. Một đám đông bao nhiêu khuôn mặt mỉm cười với tôi – một cô gái trẻ da trắng đi đôi giày đỏ cao gót cột dây kỳ lạ, mặc chiếc áo

váy sáng lấp lánh mua từ cửa hàng của Eunice, khiêu vũ cùng với anh bạn nhảy thấp lùn. Hết con mắt này đến con mắt khác đang dõi theo cặp chúng tôi.

Jim ôm tôi thật chặt. Anh ta chăm sóc tôi chu đáo. Tôi cảm thấy như mình đang sống lại, rằng tôi không phải là người chỉ tồn tại giữa những trang giấy trong một cuốn sách, không phải là một con người bằng giấy. Nhạc không tươi vui, hạnh phúc mà ngược lại rất ảo não nhưng nó đã nói lên được sự tối tăm, bế tắc của cuộc đời tôi, nỗi u buồn, nỗi đau thể xác - ý nghĩa thật sự của cuộc đời. Chúng ta sinh ra là để chịu đau khổ, chúng ta không thể tránh né nỗi đau. Tất cả những gì chúng ta có thể làm là bước vào nỗi đau và hướng nó chống lại chính nó. Và đó là những gì mà tango đã làm.

– Cười lên nào - Fabian yêu cầu. - Hãy khoe răng ra đi nào.

* * *

– Nhân tiện đây anh muốn hỏi em, vấn đề khó khăn của Jim là gì vậy? - ông bác Sándor hỏi Eunice khi chúng tôi đứng trên đường chờ taxi. - Em có phát hiện ra điều gì không?

– Ôi, thật là tội nghiệp cho Jim. Là bọn đầu trọc. Chúng mới xuất hiện mỗi ngày ở sạp báo của anh ấy dạo gần đây và đập phá, ném tứ tung các thứ.

– Bọn đầu trọc nào?

– Máy thẳng vô lại.

– Sao chúng lại đập phá đồ đạc ở sạp báo của Jim vậy?

– Vì chúng không thích dân da màu.

– Anh biết quân này từ lúc còn ở Hungary. Đầu óc chúng đầy

các thứ chất độc. Toàn là phá hoại thôi. Thế mình có thể làm gì giúp cho Jim được?

– Anh ấy cần một nhân viên bảo vệ đứng canh ở cửa và không cho lũ đểu kia vào.

– Bảo vệ hả. Dễ thôi. Anh sẽ gọi cho Mickey.

– Em không thích Mickey. Đừng để anh ta dính vào việc này.

– Sao em lại không thích cậu ta nhỉ? Cậu ta vô hại và còn là người bạn chơi lâu nhất của anh ở đây.

– Anh ta kéo anh xuống ngang tầm của anh ta, Sándor yêu dấu của em à. Không có anh ta, có thể anh đã là một doanh nhân có thể lực và được kính trọng rồi.

– Ôi, Eunice. Em đúng là chẳng hiểu biết tí gì về kinh doanh cả. Thôi lại đây, hôn anh một cái nào.

Tôi nhìn họ. Tôi thấy Eunice cười và quay mặt về phía ông bác. Tôi thấy ông chạm lên đôi môi của cô nhân tình với một vẻ dịu dàng không thể nào tả hết. Tôi không biết chúng tôi đã đứng đợi ở đó bao lâu. Hai chân tôi xỏ trong đôi giày cột dây đỏ đang chảy máu. Thứ chất lỏng màu đỏ sẫm đang rỉ ra những móng chân tôi và viên một màu đỏ quanh móng. Những đám mây giống như một miếng giẻ rách lem luốc màu trên bầu trời khu vực ga điện ngầm Paddington. Vàng trắng đang mọc hiện ra những đường nét mờ ảo giữa các tòa nhà. Chúng tôi vừa trải qua một ngày dài nhất.

– Ôi, chiếc váy này mới đáng yêu làm sao! – Mẹ tôi thốt lên khi về đến nhà. – Ở đâu mà con có cái váy đó thế?

– Dạ, con mua nó từ một sạp hàng ở chợ trời phố Portobello.

– Không, không phải. Đây là một cái váy mới.

– Không phải váy mới đâu mẹ.

– Sao trông giống như là chưa từng có người nào mặc nó trước rồi vậy.

– Chắc là người ta mua về nhưng lại không thích nó nữa. Con cũng không biết được.

Tôi bị chặn lại ở hành lang, trước phòng ngủ của tôi. Lưng bà dựa vào cửa. Bà đứng đó một lúc, đoạn lẩm bẩm điều gì đó – một đoạn suy nghĩ không mạch lạc – với chính mình bằng tiếng Hungary, điều mà bà hiếm khi làm. Đôi mắt mẹ đầy vẻ ngờ vực. Rồi, mẹ để cho tôi qua.

– Mẹ không muốn thấy con không hạnh phúc, – bà nói – đó không phải là con gái mẹ.

– Vâng, thời gian qua con đã cảm thấy không vui về hạnh phúc, mẹ ạ.

– Mẹ biết điều đó.

– Vậy thì sao mẹ không thể đơn giản là để cho con được ở một mình hờ mẹ?

– Có phải ông chủ của con mua cho con cái váy này không?

– Vâng, thưa mẹ – tôi trả lời. – Đúng là mọi chuyện như vậy ạ.

– Thế ông ấy muốn gì ở con?

– Chẳng có gì cả, mẹ ạ. Đơn giản là ông ấy giàu thôi.

– Đừng để ông ấy lợi dụng con. Mẹ không cho là chuyện tình cảm yêu đương lãng mạn với một người lớn tuổi hơn con là tốt cho con đâu. Trái tim con cần phải nghỉ ngơi.

Đôi khi tôi đi ngang qua mẹ khi bà đang ngồi một mình trong nhà bếp, trầm tư uống một tách cà phê đậm, nóng bỏng; một vệt cà phê lăn xuống cằm bà. Đôi mắt mẹ đang tập trung

vào một điểm cố định trên bức tường như thể bà đang cố dịch chuyển cái điểm cố định kia bằng một cách thức di chuyển đồ vật từ xa nào đó. Thế nhưng, khi nghe thấy tiếng tôi ở cửa, bà liền đặt một tay lên mái tóc và luồn những ngón tay vào tóc. Bàn tay mẹ cũng nặng nề, thô ráp giống như bàn tay tôi. Rồi bà đứng dậy, tới chỗ bồn rửa chén để rửa tách, lau khô nó bằng một chiếc khăn dùng để lau khô bát đĩa và đặt nó vào trong chạn như thể nó là vật chứng của một điều gì đó.

Hồi đó tôi không hiểu suy nghĩ của mẹ và bây giờ, nhiều năm sau khi mẹ tôi mất, tôi cũng không cho rằng mình hiểu bà rõ hơn. Có lần tôi hỏi mẹ: “Sao mẹ lại cưới bố?”. Chẳng hiểu sao mẹ tôi lại trả lời: “Bố con từng hát cho mẹ nghe nhiều bài hát Mỹ”. “Bài hát gì hở mẹ?”. “Mấy bài hát trong các bộ phim”. “Con không tin đâu”. “À mà phải rồi, mẹ biết. Nhưng hồi xưa bố con khác lắm”.

Nếu tôi hối hận về bao nhiêu lần mình nói dối mẹ thì cũng cần phải nhớ rằng cách nói dối của bà là im lặng, bí mật. Bà giấu sự thật đằng sau những gì mà bà vờ như là khả năng giao tiếp tiếng Anh của bà rất tệ. Sự thật đúng là mẹ tôi không biểu cảm lắm nhưng đôi tay của bà thì rất tinh tế, nhạy cảm và bà hiếm khi dùng tay để chạm vào người khác. Bà thích dùng đến cơ quan xúc giác nhưng chỉ để cảm nhận đồ vật mà thôi.

– Con có thể về phòng mình được chưa mẹ? – tôi hỏi.

– Dĩ nhiên rồi. Đã bao giờ mẹ ngăn được con đừng làm bất cứ thứ gì mà con quyết tâm làm chưa? – Và mẹ tôi quay người tránh lối, nhìn tôi bước vào phòng mình. Tôi nghe thấy tiếng mẹ vẫn còn đứng đó, hơi thở của bà vọng ra phía bên kia cánh cửa.

12

– Tôi vẫn chưa mua được bánh kem đãi cô, – ông bác Sándor nói khi tôi quay lại vào sáng hôm sau. – Ngày mai, nhất định là tôi sẽ mua. Tôi có một cái bánh ga tô chocolate đây. Đợi xem nhé. Cô sẽ ngạc nhiên cho mà xem.

Tôi có thích buổi khiêu vũ không? Tôi đã nói với ông là tôi thích. Và liệu tôi có muốn đến đó nữa vào tuần tới hay không? Vâng, có thể. Buổi trưa và chiều muộn ngả về tối trong căn phòng trên phố Paddington đó là quãng thời gian đầu óc tôi thanh bình nhất mà tôi đã có được kể từ dạo Alexander mất. Và tôi yêu bộ váy mới. Đôi khi ta khoác một bộ váy lên người và nó trở thành ta; nó là da thịt ta, là máu ta. Và đó chính là những gì đã xảy ra với chiếc váy này, thay vì bị cơ thể tôi cự tuyệt nó.

– Chúng ta phải tìm cho cô một bạn nhảy trẻ trung đẹp trai – bác tôi nói. – Jim chỉ là một sự sắp xếp nhất thời thôi.

Chúng tôi dành buổi sáng để ghi lại những giây phút cuối cùng về cuộc sống thanh thoi, vô tư lự của bác tôi với cái nghề dắt mối cho khách làng chơi ở Budapest, nơi ông nổi tiếng và thành công với phụ nữ, có thể tìm được cách và phương tiện nuôi sống bố mẹ ông, tức ông bà nội tôi. Tôi thích nghe một người nào đó nói ba hoa, liến thoắng, không tiết lộ nhỏ giọt thông tin kiểu vón cục táo bón khi đứng trước một áp lực lớn. Và một khi bác tôi đã mở miệng ra nói rồi thì chẳng có thứ gì ngưng được ông lại. Ông là người thích nói. Tôi hỏi ông về bà nội của mình và ông tả ngay đó là một người phụ nữ có những đức tính dịu dàng của người mẹ và chăm chỉ, rất khéo tay

nhưng cũng có phần rất ham muốn được trở thành ngôi sao điện ảnh. Bà mê mẩn rạp chiếu phim trong những dịp hiếm hoi có cơ hội đến đó (có lẽ bố tôi đã từng theo bà nội đi xem phim và ông đã học được những bài hát Mỹ ở đó). Bà nội sưu tầm hình ảnh của những diễn viên điện ảnh người Hungary từ các tạp chí rồi dán chúng vào một album ảnh. Ông nội tôi đã trở thành người quá sức cao siêu khó hiểu đối với bà trong khi với sự tự do ở một thành phố, bà đã thôi không còn là một người đàn bà nông thôn quê mùa. Giai đoạn ấy, bà đang ở tâm điểm của thời kỳ hiện đại. Tôi hỏi bác tôi khi đó bà tôi bao nhiêu tuổi. Ông nói bà sinh năm 1896. Vậy là lúc đó bà khoảng bốn mươi mấy tuổi và vẫn mạnh mẽ, sôi nổi nhưng chiều theo ý của đàn ông trong hầu hết mọi chuyện. Và kể từ khi người bố lạc trong thế giới sách vở lý thuyết tương đối của riêng ông, Sándor nghiêm nhiên trở thành người trụ cột gánh vác gia đình.

Ông bác Sándor nhớ lại bà nội tôi có một cái hộp nhạc mà bà đã mua ở một cửa hàng trên phố Rákósiút, không lâu sau khi họ chuyển đến Budapest. Khi mở nắp hộp lên, một cặp búp bê nam nữ thành linh bật ra và nhảy điệu valse của thành Budapest, giai điệu nổi tiếng “Dòng sông Danube xanh”. Bác Sándor kể họ chỉ mở nó vào các buổi sáng chủ nhật và tất cả mọi người đều ngồi đó, bác tôi, ông bà nội tôi, bố tôi và đôi khi có cả mẹ tôi, sau khi bà đã đính hôn với bố tôi. Thế điều gì đã xảy ra với cái hộp nhạc? tôi hỏi. Nhưng bác tôi không biết. Nó không còn ở đó khi ông trở lại lúc chiến tranh kết thúc. Có lẽ ai đó đã đánh cắp nó.

Chúng tôi đang đi gần đến những chương trong cuộc đời bác tôi mà sẽ khiến ông đau đớn tột bậc khi nhớ lại. Suốt thời gian diễn ra phiên tòa xét xử ông, lúc bố mẹ tôi cố xua tôi ra khỏi phòng khi chương trình tin tức trên truyền hình phát đi, người

ta đã gián tiếp nhắc đến những trải nghiệm chiến tranh của ông. Và họ phải thừa nhận rằng với tư cách là một người tị nạn, ông đã trải qua “một cuộc chiến tranh tồi tệ”, nói theo từ của phóng viên đưa tin về phiên tòa. Điều này thì tôi không hiểu lắm vì lẽ dĩ nhiên có cuộc chiến nào chẳng kinh khủng và đáng sợ với máu me, chết chóc, tra tấn, oanh tạc dữ dội và trại tù. Nhưng nếu xem những bộ phim người ta làm như “Cuộc đào thoát vĩ đại”, “Cầu sông Kwait”, “Băng giá lạnh lòng ở Alexandna”, có vẻ như chiến tranh cũng có thể là cơ hội cho chủ nghĩa anh hùng thể hiện và cơ hội để đạt được những tấm huân chương ghi công.

“Đúng là có những việc không hay ho, dễ chịu xảy ra với anh ta,” – bố tôi nói “nhưng người ta vẫn có thể giáo dục cho anh ta trở thành một người tốt hơn. Vậy mà họ đã không làm được. Anh ta chẳng bao giờ thay đổi cả.”

Mẹ tôi chẳng nói gì. Chính bố tôi mới là người không ngừng quay trở về tìm ông bác Sándor giống như một con chó khụt khịt đánh hơi trong vườn, tìm kiếm một khúc xương cũ kỹ, mồi meo đã bị chôn.

Sáng hôm đó, tôi đã được nghe kể về nhiều chiến tích của bác mình. Nào là nhiều cô bạn gái của ông, những phi vụ làm ăn của ông, tiền bạc tích lũy trong ngân hàng, tiếng tăm của ông được nhắc đến ở các quán cà phê trong thành phố rồi đến giấy gọi ông đi lao động khổ sai, trong một đơn vị làm nhiệm vụ tiếp tế. Theo lời ông kể thì đó cũng là một đơn vị quân sự nhưng ở đó lính chỉ đeo huy hiệu màu vàng và không có súng.

– Nhưng chúng ta sẽ nói về điều này vào ngày mai, – ông nói. – Hôm nay như vậy là đủ rồi. À, nhân tiện, để tôi nói cho cô biết chiều nay sẽ có thợ đến sửa cửa sổ cho cái thằng nhãi kia. Giờ thì cô thấy thỏa mãn rồi chứ?

Tôi ngồi ở bàn, đánh lại nội dung ghi âm trong buổi sáng làm việc của mình trong khi ông bác Sándor vào phòng ngủ, nói chuyện điện thoại rất lâu với một người nào đó mà rõ ràng là ông biết rất rõ và đóng vai trò như là một người bố nhân từ nhưng vẫn là ở cương vị ông chủ, người ra mệnh lệnh, hướng dẫn chứ không phải là người nghe người khác sai bảo.

– Nửa đêm là tốt nhất – ông yêu cầu. – Và đừng có làm ba cái trò khi ngớ ngẩn đấy. Chỉ đi vào rồi ra thôi. Cậu có hiểu không?

Hai chồng giấy nhỏ đang cao dần lên, một chồng giấy in và một chồng giấy than. “Chúng ta làm được bao nhiêu trang rồi? – ông bác Sándor hỏi tôi. Tôi kiểm tra lại. 46 trang.

– Tốt lắm. Chúng ta thậm chí còn chưa bắt đầu chương đầu tiên, – ông nói – cái này rồi sẽ trở thành một cuốn sách.

Ông đưa tôi bì thư trong đó đựng 8 bản Anh. “Giờ thì tôi chuẩn bị đi tới quận Soho^[41], tới Maison Bertaux^[42] nơi người ta làm bánh ga tô dâu mà cô chưa từng thấy bao giờ. Cô có biết nơi đó không?”

– Có phải cửa hàng trên phố Greek Street không ạ?

– Đích thị là cửa hàng ấy đấy.

– Cháu đã có lần mua một chiếc bánh éclair chocolate ở đó rồi. Nó ngon tuyệt!

– Chà, loại bánh này còn ngon hơn nữa kìa. Cô cứ chờ mà xem. Sáng mai đừng ăn sáng quá no đấy.

– Vâng ạ.

Đi xuống tiền sảnh, Claude đang thoải mái cho phép mình đứng ở cửa trước. Anh ta mặc một bộ đồng phục bảo vệ và đội một chiếc mũ lưỡi trai đổ bóng xuống phần trên của gương mặt. Chiếc áo quá rộng đối với anh ta. Nó tràn lấp hai vai của

anh ta như thể đó là bộ đồ dành cho một đứa trẻ con mà bố mẹ nó đã mua với một sự tự tin rằng con trai mình sẽ còn “lớn vừa đồ”. Tôi cảm thấy tội nghiệp cho Claude vì công việc bắt buộc anh ta phải mặc những bộ đồ xấu xí đến vậy.

– Lại là anh - tôi nói. - Tôi cứ nghĩ giờ này anh đang ở chỗ làm chứ?

– Đúng là hôm nay tôi có đi làm nhưng tôi đang chuẩn bị đi thì công nhân trong công ty đình công bất ngờ nên tôi lại về nhà.

– Sao anh có thể đình công được? Anh vẫn chưa bắt đầu đi làm cơ mà?

– À, là do công đoàn. Đó là những gì họ bảo phải làm thế. Nhưng dù sao tôi cũng phải đi mua một chiếc xe đạp.

– Để làm gì?

– Để đạp đi làm. Tôi sẽ chạy bên trên tuyến đường tàu điện ngầm Northernline và trạm mà chúng ta bắt đầu khởi hành sẽ là trạm ở đường Golders Green.

– Thế tại sao anh không thể đi tàu điện ngầm?

– Cô em có ngốc nghếch không đó?

Sự thật đúng là như vậy. Tôi chẳng có chút thông minh thực tế nào cả. Đầu óc tôi chỉ toàn những ý nghĩ và cảm tưởng. Anh ta đứng đó, cười nhạo tôi, khuôn mặt khuất lấp một phần dưới cái mũ lưỡi trai. Đôi mắt của Claude màu xanh lơ giống như mắt của Alexander nhưng chúng không nhìn lên một cách sắc đẹp, mà đang cố gắng xuyên thủng cái nắp hộp bằng gỗ dái ngựa.

– Cái áo đồng phục đó trông ngứa ngáy nhỉ.

– Quả thực là như vậy. Tôi đang muốn cởi phứt nó đi cho rồi!

Một người thợ đi lên chỗ cầu thang, tay cầm một hộp đồ nghề và một tấm kính, hỏi thăm căn hộ số 5.

Tôi vô cùng ngạc nhiên khi phát hiện ra rằng mình cũng có ảnh hưởng nào đó lên ông bác Sándor vì về phần tôi, vụ tranh luận về cái cửa sổ chỉ đơn thuần là một quan điểm trừu tượng nhằm xác định liệu ông có phải là một con người xấu xa như báo chí vẽ nên hay không. Tôi không tin rằng mình đã thắng trong cuộc tranh luận về cái sự đúng sai trong việc sửa cửa sổ mà chỉ nghĩ đây là một kiểu tặng quà nào đó cho riêng tôi, giống như những cái bánh kem và chiếc váy đầm đến lớp khiêu vũ tango - mong muốn thiết tha nhưng bất lực của ông làm cho tôi vui vẻ hài lòng.

Nhưng Claude nhìn tôi lúc người thợ lắp kính cẩn thận lắp tấm kính mới vào ô cửa sổ trong căn phòng chật hẹp và nói: “Cô đã điều khiển được lão già ấy theo ý thích của mình rồi, phải không?”

– Tôi chưa từng thấy cái phòng nào bé tí hon bằng cái lỗ mũi như cái phòng ở đây - người thợ lắp kính nói. - Thế này mà cũng gọi là căn hộ à?

– Đáng khinh quá, phải không? Có muốn ra vườn một chút không, cô em Miranda? Ra ngoài không tệ đâu.

Những buổi chiều thường là dài và chán sau những giờ làm việc cùng ông bác. Tôi hay đi xem một bộ phim, đi bộ trong công viên Hyde Park hoặc về nhà, đóng cửa phòng ngủ của mình lại và đọc sách.

– Anh vào đó bằng cách nào?

– Có một cái cửa nhưng lão ta lúc nào cũng khóa im im. Tôi toàn leo ra ngoài cửa sổ rồi nhảy xuống.

Người thợ lắp kính đã gỡ tấm kính bị vỡ xuống và đang

chuẩn bị mát-tít để gắn kính. “Cô em nhìn này. Chỉ cần nhảy xuống, thấp thôi ấy mà,” - Claude nói. - “Tôi sẽ xuống trước rồi đỡ cô em. Nhưng tôi phải thay đồ đã.”

Anh ta nhìn tôi suốt thời gian rút tay khỏi cái áo đồng phục và mặc vào một chiếc áo khoác da treo trên móc đằng sau cánh cửa ra vào; nhìn tôi không rời lúc chiếc áo phong màu trắng mặc ở trong bị giật lên bên trên lưng quần vải xéc của anh ta, tôi thấy bụng anh ta tai tái nhợt nhạt, có nhiều sợi lông màu đen mọc nhô lên từ bên dưới. Dấu ấn tai tái của những cơ bụng phủ bóng khắp làn da của Claude. Anh ta nhìn mãi theo tôi lúc tụt chiếc quần dài xuống, nhấc chân ra khỏi quần rồi mặc vào một chiếc quần jeans ống tuýp; nhìn xem tôi có liếc mắt đến chiếc quần lót trắng của anh ta không. Tôi quay đầu đi, thấy xấu hổ ngượng ngùng.

- Thế cô em có định đi không nào? - anh ta hỏi, nở một nụ cười mỉm trên cái miệng nhục cảm gợi tình, những chiếc răng nhỏ cắn vào môi dưới làm cho nó đỏ lên. - Quyết định đi. Còn tôi thì dù sao cũng sẽ xuống dưới đó đây.

Tôi quan sát anh ta cúi người luôn qua gờ cửa sổ, rồi nhảy xuống, nhẹ nhàng như một con mèo, tiếp đất bằng tứ chi, đứng thẳng người dậy và chìa hai cánh tay ra.

- Đừng sợ, - anh ta la to lên với tôi - tôi đỡ giỏi lắm.

Tôi cảm thấy trong miệng mình một sự hào hứng kích động về một kết quả chưa biết trước. Quay trở về căn phòng làm việc, đi bộ qua công viên, ngồi xuống một băng ghế, ngắm nhìn lũ chim nước rồi về nhà ở Benson Court hay là trèo qua gờ cửa sổ rồi thả mình rơi xuống.

- Cô em cứ định đứng đó suốt cả ngày hay sao? Cô có muốn xuống hay không nào?

– Tôi không biết. Tôi...

Và rồi, tôi nhảy xuống. Tôi rơi vào cánh tay của Claude. Chúng ôm tôi rất chặt. Tôi cảm thấy đôi cánh tay gầy nhưng chắc. Và giờ thì mặt tôi kề sát làn da thơm mùi chanh quỳện cùng mùi thơm khuấy động của da thuộc và những chiếc khóa kéo ấm áp. Tôi đang được Claude ôm chặt. Rồi anh ta buông tôi ra.

Đứng dưới khu vườn, cỏ mọc cao tới đầu gối tôi. Những cây kế mọc vươn lên những chiếc lá mép làm chòm răng cưa và thân đầy lông có chất độc. Những bụi cỏ chút chút thô ráp mọc kế bên chúng. Bồ công anh thì lớn bé non già đủ mọi giai đoạn phát triển, từ những bông hoa đang độ tươi tắn khỏe mạnh cho đến những bông đã khô, bung ra như những núi bông xấu xí. Trên những khoảnh đất bạc màu, trơ trụi, mao lương hoa vàng và cúc đua chen nhau vươn lên cao về phía mặt trời. Những bụi hồng già cỗi bị đám quả tầm xuân màu nâu mọc từ mùa đông năm ngoái che lấp. Những cánh hồng màu đỏ khô héo nằm tả tơi lủng lẳng trên các cành. Thường xuân mọc ở khắp mọi nơi còn chồi non thì đang len lõi vươn qua các cành của một bụi kim tước để hướng lên cao. Những dây bạc hà cắm rễ sâu vào đất để giành chất dinh dưỡng và bóp nghẹt cây oải hương đang nhú ra những mầm hoa đỏ tía. Một con mèo mướp ngồi trên hàng rào và bên dưới những cái cây bị bỏ hoang không người chăm sóc là hàng đồng xương của những con chim nhỏ, chúng tích bị thảm cho lần bay đầu tiên thất bại của chúng.

Tôi ngược lên nhìn ngôi nhà, nhìn lên nhiều tầng và những khung cửa sổ bị chia cắt. Ông bác Sándor của tôi đang ở phía mặt tiền tòa nhà. Ông không thể trông thấy tôi đang ở dưới đây. Tôi không muốn ông trông thấy tôi. Tôi không muốn bị ông bắt gặp. Không phải với anh chàng này.

Trước đó, vào sáng sớm, trời đã có mưa. Tôi nghe thấy tiếng nước mưa rơi lộp bộp trên tấm kính khung cửa sổ và trở mình mãi không yên trong giấc ngủ. Đám cỏ ẩm ướt đã kết hạt và đâm ra những cái bao xoắn dài màu xanh lá nhạt mà ta hay dùng ngón tay tách ra để nhìn ngắm, xem xét những đốm nhỏ li ti, đầy lông ở bên trong, cỏ vẫn còn quá ẩm ướt đến nỗi không thể ngồi lên được nhưng Claude đã cởi chiếc áo khoác da của mình rồi trải nó ra cho tôi nằm lên.

– Chỗ này thật dễ chịu! – Claude nói. – Ở nhà, chúng tôi không có vườn, chỉ có một mảnh sân để chất thùng. Thế còn chỗ cô em thì sao?

Có một khu vườn chung đằng sau tòa nhà Benson Court. Gilbert thỉnh thoảng vẫn xách đồ uống ra đó ngồi vào buổi chiều tà và ngủ gục lên một cuốn sách. Đã có một vài ý kiến đầy tham vọng lan đi quanh khu nhà về kế hoạch tổ chức một bữa tiệc nhân lễ kỷ niệm ngày lên ngôi trị vì của Nữ hoàng Anh, có lẽ là dựng một cái rạp lớn, nhưng cuối cùng chẳng có gì xảy ra và tất cả chúng tôi xem toàn bộ là kỷ niệm trên ti vi.

- Chỗ chúng tôi ở thì có. Chúng tôi có một mảnh vườn.
- Vườn có luống hoa không?
- Có.
- Trên những luống hoa đó trông gì?
- Ờ, chỉ trông hoa thôi.

Tôi thực sự không biết tên của những bông hoa đó, ngoại trừ một thứ rõ ràng chắc chắn là hoa hồng. Khi tôi còn bé, một hôm mẹ tôi mang về một bó mù tạc và cải xoong. Thế là cả hai mẹ con chúng tôi cùng nhau xuống vườn. Tôi đã nhấn chúng xuống đất bằng chính những ngón tay của mình. Chúng tôi đợi trời mưa và rồi những cây rau ấy lớn lên. Chúng tôi cắt những

mầm non, cho chúng vào món bánh mì sandwich kẹp trứng mà tôi đem đến trường. Sau đó, chúng tôi thử gieo hạt thực quỳ nhưng chúng không mọc được. Chồi non của chúng bị sâu và chết. Tôi giữ những con sâu bướm trong một cái hộp bút chì. Thế nhưng, nhìn cảnh chúng bò ngoằn ngoèo và hóa thân thành những con nhộng, tôi cảm thấy phát ốm. Rồi sau đó, tôi học để biết đọc và khu vườn trở thành một nơi tập hợp những câu lạc bộ thể dục thể thao tưởng tượng, những con ngựa do tôi nghĩ ra và đặt cho những cái tên phức tạp lấy từ một cuốn tuyển tập những câu chuyện thần thoại Hy Lạp thời thơ ấu của tôi.

Tôi nằm ngửa lên đám cỏ. Phần hình tam giác của tấm kính cửa sổ nằm gần trên đầu tôi như thể một tấm gương phản chiếu khu vườn, tấm gương được hình thành một cách hữu cơ từ đất, đang vươn lên khỏi mặt đất. Vài đám mây mỏng tang bay nhanh bên trên tôi, lên tầng khí quyển cao hơn, hướng về bờ biển ở phía đông, trôi tới vùng cửa sông Thames rồi ra biển. Nó đang bay bên trên dòng xe cộ lưu thông. Có tiếng chim hót nghe gần hơn, lạnh lạnh và liên tục hơn. Tôi đoán có lẽ đó là một con chim hét.

– Ở đây thật dễ chịu – Claude nói. – Tôi thích ra ngoài khu vườn này. Cái sân trong nhà chúng tôi bốc toàn mùi hôi thối từ đám lon đựng thức ăn cho chó đã dùng hết. Tôi không thể chịu nổi chó.

– Tôi cũng vậy. – Nhà của Alexander cũng có mùi chó. Nó làm cho tôi buồn nôn. – Mà anh đến từ vùng nào vậy? – tôi hỏi Claude.

– Cô em đã từng nghe cái tên Isle of Sheppey bao giờ chưa?

– Chưa. Đó là ở đâu?

– Nó nằm về hướng Đông, dọc theo con sông Thames, ở vùng cửa sông. Không xa lắm đâu nhưng chẳng có ai biết cái hòn đảo ấy cả, chẳng có ai đến đó, không có một vị khách nào cũng chẳng có một người lạ nào ở đó. Ngoài bố mẹ tôi ra, dân ở đó toàn là người nhập cư từ nơi khác đến. Đó là một điều tốt vì rồi thì ít nhất ta cũng biết rằng nếu có đường dẫn đến đó thì cũng có đường dẫn ra khỏi đó. Nếu ta không cần có hộ chiếu hay đại loại là một thứ giấy tờ như vậy thì cảnh sát sẽ chẳng bắt ta úp mặt vào tường khi ta cố kiểm tra giấy tờ đó và lọt vào hạt Kent. – Claude bật lên một tiếng cười ngắn chẳng hề có chút hài hước nào mà nghe giống như tiếng sủa của một con chó cảm hận.

Anh ta càng kể về Sheppey, tôi lại càng cảm thấy rằng tôi chưa từng bao giờ nghe nói đến một nơi nào buồn thảm, ảm đạm hơn nơi đó trong cuộc đời mình. Nơi đó chỉ toàn có đầm lầy, nhà tù, bến tàu, phân chó, gió và khung cảnh trống trơn phẳng lì. Claude nói, nếu ta hét to lên, tiếng hét đó sẽ vọng xa hàng dặm ra tới biển. Nhưng chẳng có ai từng hét lên bao giờ trừ phi người ta đang choảng nhau trên đường. Dân ở đó sâu nào đến độ chẳng buồn cất giọng.

Bố Claude di cư từ Ireland tới Sheppey sau khi chiến tranh kết thúc còn mẹ anh ta xuất thân từ một gia đình thợ hàn nồi ở Kent, những người đã định cư ở hòn đảo để làm nghề mài dao và làm chần lông ngỗng, lông vịt, đôi khi là lông của những con gà mà người ta đã bắt trộm từ các nông trại hay ở các ao. Bà mẹ Claude đã từng là thí sinh trình diễn áo tắm trong một cuộc thi hoa hậu và đạt giải nữ hoàng Vịnh Herne năm 1951 nhưng sau đó thì chẳng tiến thêm một bước nào xa hơn trong các cuộc thi sắc đẹp nữa. Khi gia đình anh ta bí bách tiền tiêu thì bà ấy đi ra ngoài cùng với một người bạn của mình và bán cây thạch

nam trắng, niệm phù chú của dân Di gan vào thứ cây này để cầu may mắn cho người mua chúng và họ đã trở về nhà với tiếng cười và những đồng tiền lẻ kêu xúng xoảng trong các túi áo đầm vải cotton của mình.

Tuổi thơ của Claude đi qua với những buổi đi lễ nhà thờ đều đặn vào mỗi chủ nhật, bị bố đặt tay lên lưng, đẩy ra ngoài đường tới buổi Thánh lễ. Bà mẹ thì không bao giờ đặt chân đến thánh đường. Bà ấy thờ những vị thần khác có những cái tên mà không ai nhận ra được là thần gì và cầu nguyện bằng một thứ ngôn ngữ mà chẳng thấy có ai sử dụng. Claude nói dân Di gan thực sự đến từ Ấn Độ nhưng anh ta không biết mẹ mình là người gì. Bà ấy thích những điều huyền bí. Dù vậy, bà vẫn là một người mẹ tốt đối với anh ta và anh ta nhớ mẹ mình rất nhiều.

– Thế bố anh làm nghề gì?

– Ông làm ở các bến tàu bốc hoa quả nhưng tôi nghĩ chẳng bao lâu nữa bố tôi sẽ bị cho nghỉ việc, trở thành người vô công rồi nghề suốt cả ngày. Đó là lý do vì sao bố mẹ tôi cho tôi đi xa khỏi hòn đảo Sheppey đó để tìm một công việc.

Đó là toàn bộ câu chuyện đầy đủ về Claude. Chỉ mất có vài phút để kể nó và đột nhiên tôi thấy xuất hiện trong mình cảm giác bối rối của một người vô gốc tích, theo như cách hiểu của tôi. Ý tôi muốn nói gốc tích là lai lịch gốc gác lâu đời của dòng họ, là câu chuyện về cách thức đời người này được nối tiếp như thế nào trong những kế hoạch vĩ đại của đời người khác. Cách đây một tuần, tôi cũng là người vô gốc tích nhưng bác tôi đã làm thay đổi tất cả điều đó.

– Cô em có muốn lát nữa đi dự tiệc với anh không?

– Tôi á? Đi dự tiệc với anh á? – Tôi sửng sốt trước lời rủ rê gạ

gẫm này. Claude chỉ là một anh chàng sống ở tầng trệt, một nạn nhân của những khuynh hướng vô lương tâm của bác tôi, một anh chàng có một cái áo khoác da và một cái bể cá với những con cá cảnh sặc sỡ đủ màu. Khi anh ta mỉm cười, có hai nếp nhăn xuất hiện theo chiều thẳng đứng ở một bên miệng. Nhưng Claude không hay mỉm cười mà chỉ để bật ra những tràng cười thành linh và cộc lốc.

– Ủ, tại sao lại không chứ? Cô em nghĩ anh quá tâm thường không xứng đáng để xuất hiện cùng với cô em à?

– Thế đó là tiếc gì vậy?

– Còn sớm quá chưa nói được.

Trời lại bắt đầu đổ mưa. Một vài giọt rớt trúng mặt tôi và rồi những bụi cây bắt đầu oằn lá dưới sức nặng của những hạt mưa. Những bông hoa ngẩng đầu lên trời để uống. Tôi rùng mình rồi hắt xì mạnh đến nỗi rung hết cả xương cốt. Bởi cái hắt xì này và một cảm giác đột ngột quật vào sau gáy giống như một cú đâm thức tỉnh, tôi biết rằng mình vẫn còn sống, là một con người chứ không phải là một bóng ma.

– Chúng ta phải vào nhà thôi, - tôi nói. - Làm sao chúng ta trở vào nhà bây giờ?

– Anh hay leo lên ống thoát nước.

– Tôi không biết leo như thế đâu.

– Thế thì vẫn còn một cách. Đi nào.

Chúng tôi đứng dậy và Claude kéo một tấm ván vỡ của hàng rào sang một bên. Chúng tôi dọn đường chui qua một khu vườn kế tiếp cũng um tùm cỏ mọc giống như khu vườn vừa nãy. Cả hai chúng tôi băng qua nó đến một hàng rào xiêu vẹo khác. Cứ thế, chúng tôi đi qua bốn ngôi nhà và ra tới một ngõ nhỏ dẫn ra đường cái lớn. Cuối cùng, chúng tôi lại xuất hiện ở cửa trước

nhà ông bác Sándor.

– Rốt cuộc thì ý cô em thế nào, tối nay có đến không? - Claude hỏi khi tôi quay người bước về phía ga tàu điện ngầm.

– Không, tôi... - Tôi lại hắt xì, liên tiếp bốn cái liền. Cái lực vô tình này đã nắm chắc lấy tôi, nhắc nhở tôi một lần nữa rằng tôi vẫn chưa chết mà hãy còn sống. Nhưng sống vì mục đích, vì ý định gì? Phải sống ư? – “Có lẽ tôi sẽ đến” - tôi nói với Claude.

– Tốt lắm. 11 giờ nhé, dưới vòm cầu Hungerford. Anh sẽ đợi cô em ở đó.

– Đừng trông đợi, hi vọng gì nhiều đấy.

Claude hôn lướt một cái thật nhẹ và nhanh lên một bên má tôi rồi nhảy ba bậc thang một vào tòa nhà.

* * *

Thời đó thật khó mà thức cả đêm ở London. Bạn phải biết nơi nào có thể nhìn ngó, tìm kiếm để phát hiện những ả gái trẻ trung có sức quyến rũ mỗi chài đàn ông. Nhưng giới lái tàu điện ngầm, những người thổi còi và đóng mở các cửa ở ga tàu điện ngầm lại thấy thành phố hoàn toàn khác hẳn với những gì mà dân bình thường chúng ta sống trên mặt đất nhìn thấy. Họ lúc nào cũng di chuyển và không có những hạn chế về tinh thần như chúng ta.

Tôi cảm thấy hết sức e dè, sợ hãi. Tôi không biết cách ứng xử hay ăn mặc như thế nào. Ta không thể lớn lên ở cái thành phố London này mà không biết rằng có một thành phố bí mật tồn tại, một thế giới ngầm dưới lòng đất thay đổi kỳ lạ giống như những con đom đóm xuất hiện khi màn đêm buông xuống, một thế giới ngầm dưới lòng đất với những người đàn ông cơ

bấp lợc lưỡng, những thằng con trai đường phố thoa son môi, những đứa con gái nhuộm tóc xanh lá cây, những gã đồng tính luyến ái tóc nhuộm màu bạch kim pha vàng, những *thứ* được sơn phết màu vàng chẳng rõ thuộc về giới tính nào.

Hồi tưởng về cái mùa hè năm đó, tôi nhớ gần như tất cả mọi thứ mình đã mặc. Tôi có thể kể vanh vách tất tần tật mọi thứ trong tủ quần áo của mình nhưng đêm đó, chiếc tủ hoàn toàn trống rỗng. Tôi thay hết bộ này đến bộ khác cho đến khi chiếc giường ngủ chất đầy đồng quần áo vút ra, hàng núi những bộ đồ lụa, nhiều, nhung; dây thắt lưng; khăn quàng; giày cao gót; quần jeans; chiếc quần tây ống loe; áo lót và quần lót chèn gối. Cảm giác hết sức phân vân không biết nên mặc bộ đồ gì đã làm cho trí nhớ của tôi bị xóa sạch hết mọi nhiệm vụ và khiến tôi không tài nào hình dung ra được sự lựa chọn cuối cùng của mình là gì. Điều này quả thật là kỳ lạ vì tôi vẫn nhớ lại được tất cả mọi thứ khác. Không những thế, còn nhớ như in. Tôi vẫn thường quay trở về với miền ký ức đó mỗi khi thấy khó ngủ.

Tại cầu Hungerford, dưới vòm cầu, nơi những người nghèo hèn và những kẻ nát rượu trú ngụ, lửa đã được đốt lên từ những thứ rác dễ cháy và ánh lửa bập bùng soi sáng những bức tường thấm nước nhỏ giọt. Bên trong, cách đó khoảng chỉ hơn nửa mét, mùi nước tiểu khai nồng khai nặc xộc thẳng vào phổi người ta đến ngộp thở.

Và tôi cũng bị choáng trước hình ảnh xuất hiện của Claude, vẫn trong chiếc áo khoác da và đang đứng dựa vào tường. Hình ảnh đó chỉ có chút tì vết xấu xí vì cái cách anh ta đứng cong hai chân về phía sau trong chiếc quần jeans ống tuýp như thể đôi chân muốn đi thụt lùi trong khi cơ thể lại đang tiến lên phía trước. Đôi chân đã phủ nhận vẻ phong nhã của Claude. Nhưng ngoại trừ điểm ấy, Claude có thể trở thành mẫu để cho danh

họa Da Vinci vẽ phần đầu vì anh ta có đôi mắt mí búp, chiếc mũi sắc sảo và cái miệng đẹp hoàn hảo, gợi tình.

– Hi vọng là cô em sẽ quen với tình huống mới, – anh ta nói – chúng ta chuẩn bị đi ra sông.

– Anh chẳng báo trước cho tôi tí gì về chuyện thuyền bè cả.

– Anh cũng đâu có biết. Ta chẳng biết tí gì cho đến tận phút cuối. Anh phải gọi điện thoại tới và rồi người ta mới nói cho mình biết. Chuyện là như vậy đấy. Anh đã nói cho cô em biết chưa ấy nhỉ?

Nhưng trước đó anh ta gần như chẳng nói chút gì cho tôi biết. Anh ta là bậc thầy của việc lẩn tránh, thoái thác những điều đã biết.

Chiếc thuyền mà chúng tôi leo lên là một chiếc thuyền nạo vét. Máy của nó kêu âm ỉ, đánh tung bọt sóng ở đằng sau khi chúng tôi chống sào đẩy thuyền qua lớp phù sa của sông, rời xa Embarkment^[43].

– Mình có được phép ra đây không? – tôi hỏi.

– Không hẳn.

Đó là một kiểu tiệc tùng kỳ lạ. Chẳng có âm nhạc, chẳng có thức uống, chỉ là một đám tụ tập nhảy múa hỗn loạn không ngừng trên tàu, một cách thưởng thức cái đẹp suy đồi, sa đọa. Một cô ả thoa son môi màu bạc để ngực trần lồ lộ giữa bầu không khí ban đêm. Hai núm vú cô ta phồng lên và có màu đỏ bầm giống như những trái nho. Một gã tự trói hai chân mình bằng dây xích và khóa – một gã ảnh hưởng phong cách Houdini^[44]. Có rất nhiều ma túy, chủ yếu là thuốc lắc. “Cái này hay lắm” – Claude vừa nói vừa lựa những viên ma túy trong lòng bàn tay mình. “Nó làm mình bay được đấy, nhưng anh sợ bay lắm. Đây mới là cái mình cần, để làm cho mình thấy phần

chấn lên.”

Tôi mới chỉ hút có vài điếu bồ đề hồi ở trường đại học. Thuốc lắ với những màu sắc làm tôi thấy căng thẳng. Tôi thích được uống một ly rượu hơn nhưng ở đây chẳng có rượu, chỉ có những con người xa lạ này đứng trên boong thuyền rỉ sét cũ kĩ, bầu trời tối đen, trăng cứ hết chui ra rồi lại chui vào những đám mây.

– Uống đi nào. – Claude khuyến khích tôi – Thôi, uống đi.

Tôi lắc đầu.

– Anh sẽ không đưa cô em qua khắp các phố về nhà chỉ vì cô em buồn ngủ mơ màng đâu đấy.

– Tôi không muốn thức cả đêm. Tôi không bao giờ hợp với chuyện thức trọn cả đêm như vậy cả. Tôi không...

– Thôi, uống đi nào, em – Anh ta nói nhẹ nhàng và đặt những ngón tay mình lên đôi môi của tôi rồi tách chúng ra. “Em thực sự có một hàm răng đẹp, trắng đều tăm tắp như ngọc trai. Thôi mở miệng to ra nào. Nhanh đi nào! Nhanh lên! – Lưỡi của tôi thè ra và liếm lấy ngón tay của anh ta. Nó không thể cưỡng lại chính mình. Claude mỉm cười. “Cái đó dễ chịu lắm”. Anh ta đặt viên thuốc vào lưỡi tôi và nó trôi xuống họng tôi một cách dễ dàng.

Tôi cảm thấy như mình đã bị phê thuốc đờ đẫn, rằng thậm chí trước khi tôi uống viên thuốc từ tay Claude, tôi đã không còn giữ được đầu óc tỉnh táo nữa. Đó là bởi bầu trời đêm, dòng sông và mùi da thịt của anh ta. Tôi bị anh ta đánh thức. Thật là kỳ quái, thật là thô thiển, thật là quá sức bất ngờ.

Chất ma túy làm cho tôi say chính là vẻ đàn ông của Claude, sự tự tin và chắc chắn của anh ta – sự tin chắc vào sức hấp dẫn gợi tình của mình và cả việc chẳng có thứ gì giúp tôi hiểu về

anh ta. Đảo Sheppey, Sheerness. Những bến cảng bốc dỡ hoa quả. Người mẹ với những con dao và lông gia cầm. Bức ảnh trên bệ lò sưởi chụp bà trong bộ đồ tắm, khăn quàng vai và vương miện đội đầu. Người cha ngồi trong nhà bếp đọc sách. Cái ròng rọc để treo mỡ gia cầm và mùi của những chiếc áo lót ẩm ướt đang khô đi trong cái hơi nóng của lò lửa than. Tất cả những gì về anh ta chỉ có thế.

Chiếc thuyền nạo vét xuôi về hạ lưu. Chúng tôi đang đi về hướng đông, tới Woolwich, nơi người ta đang xây những hàng rào chắn bằng thép để chặn nước lũ. Xa hơn nữa là vùng biển bao la rộng mở của Biển Bắc. Tất cả mọi thứ đang lấp lánh rạng rỡ: những ngôi sao nhấp nháy, vàng trắng lười liềm trông giống như một con dao bạc cong cong, ánh trăng trải khắp bờ sông. Tôi cảm thấy một tình trạng không trọng lượng lẻ loi, đơn độc, như thể mình là không khí hay năng lượng. Không đói cũng chẳng khát. Con thuyền dường như tiến về trước một cách chậm chạp nặng nề và phù sa của dòng sông khuấy tung lên cản trở sự đi tới của tôi, cản trở tôi chạy dọc theo sông Thames, phóng trên mặt nước.

– Nhìn em kìa, – Claude nói.

– Em sao?

– Em đúng là phấn khích lắm rồi.

– Vậy hả? Em thấy mình khác lắm. Em thấy tuyệt, thực sự rất tuyệt nhưng miệng em có vị như là kim loại ấy. Chúng ta đang đi ngang qua cái gì đây, anh có thấy không, còn bao xa nữa chúng ta mới tới biển, cái cầu mà chúng ta sắp chui qua là cầu gì. Em không nhận ra nó khi trời tối như thế này mà thực ra em cũng chẳng biết gì về mấy cây cầu. Em không rành về phía bên kia cây cầu đâu. Đường sá ở đó rộng lớn hơn. Em nghĩ khu đó hẳn là khác nhưng em không đi đến đó, chỉ đến South

Bank^[45] xem phim, kịch hay hòa nhạc chứ chẳng có gì khác. Đây là khu em có quen một cô bạn ở Lewisham nhưng chưa bao giờ đến chơi nhà cô ta. Chúng em toàn gặp nhau ở phố và... - Hàng loạt những điều vớ vẩn tầm thường liên tục thi nhau xô ra khỏi đôi môi của tôi khiến tôi thấy phát hoảng. Tôi có thể tiếp tục nói tràng giang đại hải như thế này đến bao giờ? Tôi không thể ngừng lại được. Tôi tuôn ra bất cứ điều gì xuất hiện trong đầu.

Nhưng Claude chỉ đứng, hút một điếu thuốc rê. Anh ta trông thờ ơ và kiềm nén.

- Làm cách nào mà em trở thành người làm công cho cái lão già đó? Làm công về giấy tờ phải không?

- Em gặp ông ấy ở công viên, khi em đang đi ngang qua đó.. Ông ấy đang ở bờ hồ ngắm lũ chim nước còn em thì đang ngồi ở băng ghế của ông ấy. Thế là em với ông ấy bắt chuyện với nhau. Ông ấy đề nghị em làm một số việc và em...

- Ông ta trông trắng khiếp lên được, nhỉ? Cái vẻ ngoài thường có khi ta bị nằm khám.

- Ông ấy có ra ngoài chứ. Ông đi nhảy với...

- Em biết ý anh nói là gì mà.

Tôi đã liếm ngón tay của Claude. Tôi đã để cho anh ta chuốc ma túy. Anh ta đang đứng trên boong của chiếc thuyền sắt cũ kỹ chạy không ngừng trên sông này, dưới vầng trăng giờ đã trở nên mờ đục như sữa, trong chiếc quần jeans ống tuýp và chiếc áo khoác da, đôi ủng vải bạt đỏ, tóc cắt đầu đinh, cái miệng khêu gợi nhục tình và hàm răng nhỏ, đôi mắt xanh lơ đang dò xét tôi. Tôi cảm thấy như mình đang bị lợi dụng nhưng lợi dụng vì cái gì? Cái gì? Tất cả mọi người đang lợi dụng tôi: bác tôi đang chuyển những thông điệp của mình cho người em trai của

ông ấy thông qua tôi. Nhưng chẳng phải bị lợi dụng vẫn còn tốt hơn là vô dụng sao?

– Anh chỉ biết có mỗi một chuyện là phải gọi lão ta là Ông K như lão ta yêu cầu anh. Lão trông giống hệt như bánh bột ngô nướng ấy. Ái chà, Ông K *đặc biệt!*

– Ông ấy có một cuộc đời phức tạp – tôi nói.

– Chẳng phải tất cả chúng ta cũng đều thế cả sao?

– Đời anh phức tạp như thế nào?

– Chẳng bao giờ có thứ gì giống như vẻ bề ngoài của nó. Bà ngoại già nua của anh đã dạy cho anh điều đó trước khi bà chạy trốn về Ireland cùng với những món tiền lương của bố anh và chiếc đồng hồ vàng mà mẹ anh đã trúng trong một cuộc xổ số.

Chúng tôi đang đi xa hơn về hướng đông, qua đài thiên văn Greenwich và những đường lãnh tuyến của nó. Tất cả mọi múi giờ được suy ra từ đây. Phía trên chúng tôi là Isle of Dogs, thực ra không phải là một hòn đảo mà giống như Sheppey, nó chỉ là một ụ đất nhô ra giống như một ngón tay cái nhấn mạnh xuống dòng sông. Rồi chiếc thuyền quay đầu lại. Thân của nó hướng về hướng tây, tới Teddington. Hành khách đang chìm trong điệu nháy lạng lẽ nhưng lằng lằng mê ly trên boong. Những cái bóng hiện lên mờ mịt nhấp nhòe.

Claude vòng một tay quanh người tôi và hôn lên mái tóc tôi. Tôi biết đó là khởi đầu của một điều gì đó mà tôi không thể cưỡng lại nổi, thậm chí cũng không muốn cưỡng lại làm gì. Tôi là một cô gái 24 tuổi, một cô gái đến từ khu Tây London, là một đứa trẻ của tòa nhà Benson Court với khu vườn khép kín, thang máy sắt, bà vũ công ballet già đi lão đảo trên đầu các ngón chân vào lúc giữa trưa, những cuộc chè chén bí mật, những cô bồ nhí giấu giếm, những nỗi sợ hãi và những niềm đau khổ đằng sau

những cánh cửa đóng kín. Ở trên dòng sông với hai bên bờ sáng lên khi mặt trời bắt đầu nhú ra ở đường chân trời, tôi cảm thấy niềm phấn khởi kỳ lạ của một người thủy thủ không có bến cảng quê hương, chỉ biết đến bến cập tiếp theo bất chấp nó có thể ra sao, đủ mọi hiểm nguy và mọi khả năng xảy ra. Nhưng bản thân biển cũng là nhà. Mặt nước không bao giờ đứng im ổn định mà luôn lên xuống thay đổi, chuyển động, rúi tới rút lui theo lực hút của mặt trăng.

Đôi bàn tay của Claude sờ soạng lên bộ ngực lạnh ngắt của tôi. “Anh sẽ sưởi ấm cho em,” - anh ta nói.

* * *

Bình minh ló dạng đằng sau chúng tôi. Tại cầu Southwark, người ta đang kéo một cái bọc nặng lên khỏi sông. Claude nói đêm nào cảnh sát đường sông cũng đi tàu ra sông để tìm kiếm những người tự tử và tìm thấy những cái xác trôi nổi hay những cái tay, cái chân đang phân hủy mắc kẹt trong đám rong kết bè kết mảng. Áp phích được dán khắp thành phố và thường thì những cái xác cũng được nhận diện ra là ai nhưng thỉnh thoảng sau nhiều năm trời nằm trong nhà xác mà không có ai đến nhận, chúng được chôn xuống huyệt của những người nghèo không rõ danh tính. Một cảm giác ghê rợn phủ khắp người tôi cùng một nỗi buồn trước cảnh một người có thể chẳng có một mối dây liên hệ nào với cuộc sống, có thể bị mất tích và chẳng được ai tiếc thương nhớ đến. Khi toàn bộ sức nặng của dòng tộc rơi xuống gia đình tôi, gia đình Kovacs, cũng có nghĩa là chúng tôi đang liên quan gắn bó sâu sắc với thế giới này, thậm chí cho dù bố tôi nghĩ rằng ông đóng chặt

cửa và sống một cách ẩn dật. Nhưng nếu bà Prescott quyết định nhảy khỏi lan can đá, đầu đội chiếc mũ quả chuông, nhận chìm cái miệng cong như cánh cung thân Tình yêu xuống dưới làn nước sâu kia thì ai sẽ thông báo về sự vắng mặt của bà ấy? Lòng thương cảm trắc ẩn đang giằng xé chống lại tâm trạng phấn chấn do chất kích thích ào ạt dâng lên trong tôi.

Nhưng Claude vẫn nhìn chăm chăm vào cái hình thù trên boong tàu của cảnh sát.

– Hồi trước, mấy cái thầy hay giạt vào một bãi biển gần chỗ anh với em đang đứng đây, – Claude kể. – Khi bọn anh còn nhỏ, bọn anh hay ăn cắp ví của mấy người chết rồi hơ khô tiền trước lò sưởi. Đó là nếu trong ví có tiền, nếu ta gặp may. Ta buộc phải bỏ nhẫn và đồng hồ trả về ví vì ta không thể tống khứ chúng đi được, đó là trong trường hợp nếu ta không khá say mê chúng. Thỉnh thoảng, mấy thằng lớn cũng trấn mát của bọn anh rồi chỉ đưa cho bọn anh có 6 penni. Nhưng chuyện đó chẳng đáng để bận tâm. Còn, tiền thì lúc nào mình cũng có thể đổi được, đặc biệt là tờ 10 shilling. Ta chỉ cần nói là đổi tiền cho mẹ mình.

– Eo ôi, khủng khiếp quá!

– Sao cơ? Ý em nói bọn anh là lũ vô lương tâm ấy hả?

– Không, ý em nói là mấy cái xác kia.

– Đúng là đôi khi chúng cũng bốc mùi thật. Em biết không, lũ cá rĩa mắt đôi mắt và hòn dái vì mấy thứ đó mềm mà. Mấy người đó phần đa là những kẻ chán đời tự vẫn. Thỉnh thoảng mới có mấy tay thủy thủ bị chết đuối.

– Đó là tuổi thơ của anh hả? Đi cướp túi tiền của người chết?

– Anh có bao giờ nói là anh không có một tuổi thơ nghèo khổ, túng quẫn, chẳng có vườn hoa, chẳng có gì hết đâu. Thôi lại đây, hãy cho anh một nụ hôn nữa nào, cô gái kiêu kì!

Trời đã sáng bạch. Chiếc thuyền nạo vét nhỏ neo quay về Embarkment và chúng tôi dọn đồ để lên bờ. Trong ánh nắng mặt trời ban mai, những ả gái trẻ chuyên môi chài quyến rũ đàn ông trông bơ phờ, bệ rạc; quần áo te tua, rách rưới còn lớp sơn phấn bôi trát đêm trước thì nhòe nhoẹt khắp trên mặt. Giờ này vẫn còn quá sớm nên xe buýt vẫn chưa chạy.

Chúng tôi cuốc bộ hàng dặm cho đến khi tìm được một quán cà phê ban đêm gần một trạm xe buýt. Thành phố vẫn cửa đóng then cài. Chẳng có một thứ gì gây khuấy động. Ta có thể đi bộ xuống những vạch vàng ở giữa tim đường. Ta có thể chạy và gõ lạch cạch cửa của những nhà ga điện ngầm. Ta có thể hú giống như nữ thần báo tử ngay giữa phố Oxford Circus mà chẳng có ai nghe thấy cả. 5 giờ sáng. Tất cả đồng hồ cùng đồng loạt đổ chuông, vang lên ngân nga từng hồi.

Quán cà phê toàn những nhân vật đi chơi, đi làm đêm và những người ưa dậy sớm, những người không có nơi nào để đi. Một màn sương mù mờ ảo phủ lên tất cả mọi vật. Chiếc ghế cao mà chúng tôi đang ngồi cứ quay tròn mỗi lúc một nhanh.

– Anh sẽ nói cho em biết điều mà em sẽ thấy thích ở anh, – Claude vừa nói vừa búng nghịch điều thuốc rê nhỏ tự vấn của mình và uống trà ngọt. Giọng anh ta nghe như từ một nơi nào đó xa xôi vọng lại. – Anh đi ra khỏi cổng giống như một con chó săn thỏ.

– Ý anh muốn nói là gì cơ? – tôi hỏi, giọng như dội lại, gõ nhẹ trong đầu.

Claude cười: – Rồi em sẽ thấy.

Một tiếng sau, ở trong phòng của Claude, tôi lại có một trải nghiệm đơn giản, cởi mở của những gì đã mất kể từ khi chồng tôi qua đời. Trong vài phút, tôi bị mất ý thức và cứ nhìn quanh

để tìm ánh mắt anh ta đang nhìn tôi, đôi môi anh ta ướm át còn cặp mắt thì sầm lại. Đó là một cảm giác không thể diễn tả nổi về việc phạm phải một điều tội lỗi mà tôi không thể tha thứ được dù tôi không tin vào chuyện tội lỗi hay lỗi lầm. Nhưng tôi đã làm gì nào? Tôi đã làm tổn thương ai chưa? Tôi thích chuyện này. Tôi yêu việc này. Đơn giản chỉ có thế.

13

Chính trong buổi làm việc tiếp theo của chúng tôi, bác tôi đã nói với tôi về một điều đã gây cho tôi một ấn tượng sâu sắc. Ông nói, từ những quan sát của mình khi còn là một lao động khổ sai, ông đã nghiệm ra một điều là con người có khả năng chịu đựng giỏi hơn loài vật rất nhiều. Chẳng hạn như một con ngựa mà xương sườn vẫn có da có thịt đột nhiên rũ xuống chết giữa đường trong khi một người gầy còm ăn mặc tả tơi rách rưới vẫn cứ tiếp tục lê bước, vẫn tiếp tục gắng gượng được lâu dù trước đó lục phủ ngũ tạng của anh ta đã bị cái đói cái khát tàn phá đến mức không thể phục hồi lại được. Chỉ có những kẻ đã đánh mất nhuệ khí mới nhanh chóng bị khuất phục nhưng nếu ta có thể giữ được trí tuệ tỉnh táo minh mẫn thì ta vẫn có sức làm nên được những điều phi thường về khả năng chịu đựng.

Và bác tôi cũng hết sức lấy làm thú vị khi nhận thấy trong nhiều trường hợp con người ta cuối cùng lại trở về đúng hệt như bản chất ban đầu của mình. Bác tôi lập luận, suy cho cùng, sâu trong thâm tâm, người ta ai cũng đều quan tâm đến những điều giống nhau trong suốt cuộc đời mình: tình dục, cái ăn, quyền lực, ý tưởng - nếu đó là lợi ích của họ. Dĩ nhiên kẻ bản tính vẫn cứ là kẻ bản tính nhưng vẫn có một số người lúc nào cũng giữ nguyên bản tính lạc quan yêu đời, khiếu vui vẻ hài hước, thái độ thích thú vui đùa và tình yêu cuộc sống không thể nào hủy diệt được.

- Thế còn bác thì sao? - tôi hỏi.

– À, tôi là một trong số những người không thay đổi. Tôi bắt đầu với tư cách là một dân kinh doanh và đó cũng là cách mà tôi tiếp tục sống.

Quả là hết sức kỳ lạ khi ta nhận ra rằng trong khi ta đang xem những cuốn phim cũ trên ti vi về tên độc tài Hitler có bộ ria bàn chải huỳnh hoang đọc những bài diễn văn rỗng tuếch, về những cuộc tuần hành rầm rộ, về cách chào hỏi theo kiểu nhà binh cứng đơ và những cuộc diễu hành diễn ra ở khắp mọi nơi, về lá cờ nổi tiếng đang đứng đó thu hút sự chú ý, về mối hiểm họa nổi tiếng đó cùng với những gì mà nó gây ra - phải, trong khi ta theo dõi tất cả những sự kiện đang xảy ra này thì thiên hạ vẫn tiếp tục mua sắm giày dép, túi xách tay, váy áo dự tiệc, đĩa hát, đồ trang trí hay lựa chọn một cái xe hơi mới, một món đồ không dây mới, hay đơn giản là chỉ ngồi ở quán cà phê ăn bánh kem.

Trong lúc người ta mãi mê với chuyện mua sắm, hưởng thụ đó thì trên đường phố đã xuất hiện nhiều ký hiệu, chẳng hạn như ký hiệu là biểu tượng của lực lượng Mũi tên chữ thập^[46], thứ mà bác tôi đã vẽ ra trên một tờ giấy cho tôi xem và nó trông giống như thế này:

HÌNH 1

Tôi phải luôn nhắc mình nhớ rằng vào năm 1938, bác tôi mới chỉ 22 tuổi, tức là trẻ hơn tôi 2 tuổi vào thời điểm mùa hè năm 1977 khi tôi gặp ông. Cũng giống như tôi, bác tôi bắt đầu thử và thích thú với những bộ cánh hào nhoáng hàng “độc”. Ông muốn có những thứ đương là mốt và thường lang thang quanh các cửa hàng để lùng những món hợp thời trang nhất, thường đi xem phim và để ý rất kỹ những gì mà các ngôi sao điện ảnh đang mặc lúc đó rồi tìm xem liệu mình có thể tìm được những thứ hàng nhái giống vậy không. Thế nhưng, chỉ vài tháng sau,

ông bị bắt đưa đi lao động khổ sai, mặc một bộ đồ mà trong suốt bốn năm rưỡi tiếp theo không bao giờ rời khỏi lưng ông. Trong suốt quãng thời gian đó, ông giữ cho đầu óc của mình không bị điên bằng cách tưởng tượng mình đang nằm dài trên những chiếc ghế nằm ở quán cà phê Astoria, tán tỉnh những cô nàng của mình và ăn vận một bộ cánh đẹp đẽ. Bất cứ khi nào ông ngủ và mơ, ông đều thấy mình như vậy, quên đi thực tại là một nô lệ trong bộ dạng rách rưới, ông nghĩ đến những đôi ghệt, đến những cái cà vạt và ghim cài, những chiếc túi Oxford, những chiếc áo veston cài chéo, đến những cái gấu quần lơ vê, những đôi giày da của dân chuyên leo núi, đến những dây đeo quần thêu tay và những chiếc giày múa nhạc kịch.

Bác tôi bị bắt đi lao động khổ sai cùng với bố mình vào năm 1939 ở Đơn vị Dịch vụ lao động 110/34 của quân đội Đức Quốc xã. Người Do Thái bị liệt vào hàng những kẻ “không đáng tin cậy”. Nói cách khác, họ không đáng tin tưởng để giao súng, thậm chí là quân phục. Họ mặc đồ của riêng mình và đeo một băng tay vàng. Những đơn vị làm công việc chân tay nặng nhọc này nằm dưới quyền của các bộ tư lệnh tiểu đoàn vùng trực thuộc Bộ Quốc phòng và do các sĩ quan quân đội Hungary, thường là những hạ sĩ quan, chỉ huy. Có thể nói, chuyện được làm việc dưới quyền chỉ huy của một viên sĩ quan hiền lành, tử tế hay một kẻ tàn bạo bài Xê-mít của lực lượng Mũi tên chữ thập giống một kiểu rút thăm may rủi hay số phận, nếu ta thích gọi là như vậy.

Trong hai ba năm đầu chiến tranh, với cuộc xéng được trang bị, họ hoạt động bên trong lãnh thổ Hungary, xây dựng các tuyến đường sắt, đào hào và bẫy xe tăng, phá mìn. Những công việc thường lệ. Ông nội tôi, một nhân viên kinh doanh mũ, một chuyên gia tự học về tôn giáo so sánh, lạ thay, lại thích ứng

được với hoàn cảnh mới là tiếp tục sống ở vùng nông thôn. Và cũng đáng ngạc nhiên thay là mặc dù bố tôi được thừa hưởng khung xương nhỏ và đôi mắt cận thị từ ông nội tôi (bà nội tôi to béo hơn và bác Sándor giống bà) nhưng ông vẫn sống vá vúi và có thể chịu đựng qua được những thời kỳ dài không có thứ gì ăn. Bố tôi ắt hẳn là có đường huyết rất ổn định.

Còn bác tôi, một kẻ dốt mồi và một tay chơi ở Budapest, mới 23 tuổi mà đã có cảm nọng, cái cảm tạo nên một hình ảnh giống Hitchcock trong hồ sơ tiểu sử về sau, hình ảnh mà báo chí Anh đã đặt câu hỏi liệu đây có phải là gương mặt hiện thân cho quỷ dữ hay không. Với thân hình béo đẫy vì bánh kem và bánh kẹp kẹp sơ ri tại những quán cà phê ở Budapest, vừa ngay khi cảm tới xẻng là ông đã cảm thấy tim mình đập thành thịch rồi. Tất cả mọi người được lệnh phải mang theo một va li. Ông bác Sándor nhét đầy nào là áo sơ mi, cà vạt, rồi áo veston và cả giày vào đó. Nhưng, ngay trong ngày đầu tiên lao động, phải leo một quả đồi dốc dưới cái nắng như thiêu như đốt, ông liền vứt bỏ chúng. Kho quần áo được tuyển lựa này của bác tôi được đem trở lại thành phố và được phân phát cho bọn Mũi tên chữ thập để rồi bọn chúng diện đúng những bộ quần áo đó đến đúng những quán cà phê mà bác tôi từng thường xuyên lui tới. Vậy là, về một nghĩa nào đó, bác tôi vẫn hiện diện ở đó dù không có mặt trực tiếp với con người bằng xương bằng thịt. Và những bộ đồ mà ông để lại nhà, không mang theo vào buổi sáng năm 1939 đó cũng chính là những bộ đồ mà ông mặc khi quay trở lại Budapest vào năm 1945 dù lúc này chúng không còn theo bộ với nhau và trông giống như một loài nấm mọc ra từ da của ông.

Năm 1943, tại Starry Oskol, thành phố bị dội bom mà ngày nay thuộc về lãnh thổ của Liên bang Nga, đơn vị của bác tôi

phải dọn dẹp đồng đồ nát. Họ hành quân khắp thành phố hàng giờ liền để tìm kiếm một chỗ trú chân nhưng chẳng thấy một tòa nhà nào còn nguyên vẹn. Bữa ăn của họ là trà đen và súp bột mì. Họ ngủ ngoài trời và hơ tay trên những đồng tro tàn để sưởi ấm. Tại Pieti- Lepka, một ngôi làng nhỏ gần Veronezh, đôi chân của họ bị sưng phồng vì sương giá rét buốt. Họ đi lạc qua bao nhiêu đồng tuyết đóng băng cứng như đá và những người bị thương - mấy tên sĩ quan chỉ huy Hungary gọi là “hàng lồi” - bị bỏ lại cho chết ở đằng sau.

Đến lúc này, họ bắt đầu trở nên hơi điên khùng. Bóng đêm thăm thẳm, sự kinh hãi, nỗi khiếp sợ cái chết.

– Có phải nhờ sợ chết nên bác mới sống sót được phải không? - tôi hỏi ông bác Sándor.

– Đúng là như vậy nhưng một phần còn nhờ vào chuyện xảy ra mà chúng ta sắp nói tới.

Năm đó, họ đã đi trọn một quãng đường dài một nghìn kilomet từ Male Bikoro tới Belograd trong vòng chính xác 30 ngày, với một khẩu phần ăn chỉ có một lạng bánh mì mỗi ngày cùng với nước nóng và vài miếng cà rốt nổi lên bênh. Họ đã tới gần khu vực do Liên Xô chiếm giữ và có khả năng chạy trốn sang quân Đồng minh. Nhưng bác tôi kể lại rằng, trước đó, họ đã được cảnh báo là không nên đánh giá cao lòng hiếu khách của người Nga.

Bác tôi và ông nội tôi lúc nào cũng đi cùng nhau. Người bố hầu như im lặng suốt quãng đường di chuyển dù có một vài tối, ông ra một góc và có những cuộc bàn luận đến kiệt sức về học thuyết với một giáo sĩ Do Thái đến từ Debrecen. Ông bác Sándor của tôi đã giúp đỡ bố mình hết sức có thể nhưng khi đến Zhitomir, cả hai đều bị mắc bệnh sốt Rickettsia^[47] và được chuyển tới một trại cách ly ở Krasno Ceska. Lúc này, mọi người

đã phát điên. Một người đàn ông la hét gào rú rằng đôi chân của ông ta đã bị cắt cụt tới háng. Một người khác nói anh ta cần phải có một cái đồng hồ báo thức và anh ta kêu to một cách thảm thương rằng có ai cho anh ta một cái đồng hồ báo thức hay không. Anh ta cần phải gặp người vợ sắp cưới của mình ở nhà ga. Nếu anh ta mà ngủ thì anh ta sẽ không thể dậy đúng giờ để bắt kịp xe điện đến ga, và anh ta sẽ lỡ chuyến tàu chở người vợ sắp cưới.

Ảo giác của bác tôi là một trong những điều kỳ lạ nhất mà tôi từng nghe đến, ảo giác về thể chất. Ông nghĩ rằng cơ thể ông không hiểu sao bằng cách nào đó bị chia ra làm đôi và phần dưới cơ thể là của một người khác. Khuôn mặt, ngực, bàn tay, cánh tay là ông, Sándor Kovacs, nhưng háng, tinh hoàn, đôi chân là của một người đàn ông khác, một người xa lạ. Bác tôi cố gắng chạy trốn khỏi con người xa lạ đó nhưng ông không có chân để mà trốn thoát. Vì vậy, ông bám chặt hai tay vào bắp đùi, cố gắng nâng chúng lên khỏi thân mình, ông nội tôi đã mất ở một lúc nào đó vào ban đêm nhưng bác tôi không để ý chính xác đó là thời điểm nào. Ông đang bận rộn với chuyện cố gắng tự giải thoát mình khỏi kẻ mạo danh ông ở phần dưới cơ thể. Tới lúc ông thoát ra được khỏi ảo giác thì người bố đã chết rồi.

Sau khi ra khỏi trại cách ly, tất cả họ đều được tắm, lần tắm đầu tiên trong suốt 3 năm trời và bộ quần áo của họ, bộ quần áo mà đã khoác lên người lúc rời nhà, được lược sợi và giữ bỏ hàng triệu con rận trú ngụ trong đó.

Mặc bộ đồ sạch sẽ, họ cảm thấy đột nhiên như được tái sinh. Họ sẫm soi kiểm tra bộ quần áo tả tơi như giẻ rách của mình để tìm ra những dấu hiệu chứng tỏ họ đã từng là một con người. Liệu cái vạt này có phải là ve áo không? Đây có phải là dấu ấn

của một cái túi hay không? Một mảnh vải chỉ còn vài dấu vết mờ nhạt của thứ đã từng là vải tuyết. Quần của người đàn ông này đã từng được trưng lên cửa sổ của một cửa hàng bách hóa thời trang vào năm 1937, kèm theo một cái nhãn ghi mức giá cao. Nhưng dù những nô lệ này sạch sẽ và khô ráo, họ vẫn còn đói khát. Họ bới toạc đất để tìm cỏ ăn. Họ đang quần quai và đang chết trong những bộ quần áo đã được luộc sạch.

Ở một nơi mà bác tôi không biết địa danh, một số lính Đức xuất hiện, cắt bớt một đám người ra khỏi đoàn và lừa họ vào một tòa nhà rồi sau đó châm lửa đốt. Và khi những người nô lệ kêu gào thảm thiết chạy trốn khỏi tòa nhà thì chúng dùng họ làm bia tập bắn. Đó là điều kinh khủng nhất, bác tôi nói, đó là điều mà tôi gọi là tội ác, không phải là thứ mà ngày nay người ta viết về nó trên các báo hay thứ mà tôi thấy trên ti vi.

Dù vậy, giữa tất cả cái cảnh khủng khiếp này, bác tôi vẫn xác nhận rằng ông đã sống sót được nhờ kinh doanh đổi chác.

– Đúng vậy đấy, buôn bán kinh doanh cứ tiếp diễn không ngừng. Cô biết đấy, mặc dù chúng tôi đang thường xuyên bị đói khát nhưng cũng có lúc chúng tôi không bị đói. Đừng có hỏi tôi về logic của chuyện này. Chẳng có logic nào cả. Chuyện nó thế thì phải thế. Chúng tôi có khẩu phần và khẩu phần cũng có giá trị của nó. Một người được phát một cái hộp đựng thứ gì đó bên trong. Nếu anh ta đang đói khát thì chiều hướng phản ứng tự nhiên của anh ta là mở cái hộp ra và ngấu nghiến thứ đồ ở bên trong. Đó là điều hiển nhiên. Hay là một điếu thuốc lá, ta có thể hút nó ngay lập tức. Để dành làm gì cơ chứ? Nhưng tôi có thể nhận thấy rằng giây phút tôi nhận được khẩu phần là một thứ gì đó thì rồi sẽ có một cơ hội kinh doanh và điều cốt lõi của kinh doanh là lợi nhuận. Đây là hệ thống tư bản chủ nghĩa. Vì vậy, khi chúng tôi đến một ngôi làng và mấy tên sĩ quan cấp

phát cho chúng tôi một số nhu yếu phẩm, tôi sẽ tìm một tòa nhà và mở một quầy bán lương thực và thuốc lá cho nông dân địa phương. Rồi, cô thấy đấy, sau đó tôi có tiền mặt, tiền hản hoi thực sự luôn. Có tiền trong tay, tôi có thể nói chuyện với tụi sĩ quan đảng hoàng đồng dục hơn.

“Và bây giờ, trước hết, khi tụi sĩ quan cấp cho chúng tôi nhu yếu phẩm, chúng tôi phải đổi lại cho chúng một cái tem phiếu. Chúng tôi không biết những cái tem phiếu đó là gì. Chúng chỉ là những mẩu giấy vô giá trị mà chúng tôi ký tên mình vào đó. Nhưng cô biết không, khi mấy tên Hungary quý tộc đó trở về nhà, tụi chúng cầm những chiếc tem phiếu đến gia đình của chúng tôi và nói với họ rằng mẩu giấy này là bằng chứng chứng tỏ chúng tôi đã ký đồng ý chuyển nhượng cho người cầm giữ tem phiếu quyền tiếp quản căn hộ của mình. Nếu gia đình của chúng tôi không chịu thì chúng đe dọa báo cảnh sát đến bắt họ. Vậy là chúng tôi đã bán quyền thừa kế để đổi lấy một đĩa súp thịt hầm hồ lớn giống như những gì đã thuật lại trong Kinh thánh^[48].

“Nhưng tôi thì không, tuyệt nhiên không đời nào làm vậy. Tôi không lấy nhu yếu phẩm mà lấy đồ tiếp tế của người khác, bán chúng đi rồi chia lời cho họ. Vậy nên, chẳng có một cái tem phiếu nào có tên của tôi trên đó cả và đây là lý do tại sao khi chiến tranh kết thúc, mẹ tôi vẫn còn có một căn hộ để ở. Và giờ thì cô có hiểu tại sao những quan niệm của cô về những thứ gọi là suy đồi, xuống dốc, là tôn trọng và công bằng chỉ dành cho lũ con nít? Một thằng oắt con giống như cái thằng thuê nhà ở tầng dưới, vai u thịt bắp nhưng đầu óc ngu si, là hạng người gần giống như một con vật đột nhiên nằm rạp dưới càn xe và chết, chẳng vì một lý do nào cả. Bởi hản đã sức tàn lực kiệt. Toàn bộ những gì hản có chỉ là cái sức trâu cày lực điền. Tôi

không phải là loại người đó và tôi hi vọng cô cũng vậy. À, tiện mồm thì tôi phải nói luôn là Eunice cũng không phải thứ người đó. Nhưng đó là chuyện của riêng cô ấy chứ không phải là chuyện của tôi. Có lẽ nếu cô hỏi cô ấy thì cô ấy sẽ kể cho cô nghe.”

Nhiều năm sau đó, tôi cố lần ra con đường mà bác tôi đã bị cưỡng bức lê bước khắp vùng Đông Âu nhưng tôi đành chịu thất vọng vì lý do bản đồ. Những địa danh mà ông bác Sándor đã nói cho tôi nghe, được tôi nhắc đi nhắc lại và ghi chép cẩn thận ra giấy, không hề có trong tập bản đồ của tôi. Bản thân những địa danh đó đã hóa vật đổi sao dời; thành thị, làng mạc thay tên đổi họ qua nhiều thế hệ, qua hết cuộc chiến này đến cuộc chiến khác; và suy cho cùng thì bác tôi đang ghi âm lại chỉ những gì mà ông nhớ được. Hoặc là đám người bị nô dịch hỏi người dân địa phương ở thành thị hay nông thôn để biết nơi họ đang dừng chân lại là đâu hoặc là lũ sĩ quan hỏi. Và thường thì những câu trả lời mà họ nghe được không hề tồn tại ở bất cứ một công trình nghiên cứu bản đồ nào. Người làng chẳng màng tới chuyện ông thị trưởng vùng đó đã quyết định đặt lại tên làng tên xóm của họ theo tên một vị anh hùng nào đó của cuộc cách mạng Bôn-sê-vic.

Cũng có khi, đơn giản chỉ vì bác tôi nhận được câu trả lời là một cái tên bị đánh vần sai hoặc là ông đoán mò, hoặc ngôi làng đó đã bị phá hủy hoàn toàn trong chiến tranh hay bị bỏ hoang và chẳng để lại một vết tích gì. Nhưng sau khi bỏ ra liên vài ngày lui tới nhiều lần Thư viện quốc gia Anh, tôi có thể chấp ghép hình dung ra quãng đường của cuộc hành trình hỗn loạn vô định hướng về phương Đông, từ Hungary sâu tới Ukraine và Nga, dừng lại ở mút tận cùng là thị trấn Berdichev vào năm 1994. Chẳng hiểu vì sao bác tôi chẳng đưa ra một lời giải thích

nào về việc vì sao cuối cùng họ lại dừng tại đây. Dù sao đi chăng nữa, ông cũng chẳng quan tâm điều tra tìm hiểu làm gì vì quá vui mừng với chuyện được trở về nhà. Ông bác Sándor của tôi được thôi đi lao động khổ sai và đưa trở lại Budapest.

– Thế em trai của bác có biết những gì đã xảy ra với bác trong chiến tranh hay không? – tôi hỏi bác Sándor – Ông ấy có biết những gì mà bác vừa mới kể cho cháu nghe không?

– Có, có chứ, dĩ nhiên là nó biết. Tất tần tật mọi thứ.

– Vậy còn điều gì đã xảy ra với mẹ của bác?

– Mẹ tôi sống sót được ở Budapest. Cứ hễ có bố ráp ở nơi này thì bà lại luôn luôn ở một nơi khác. Ý tôi là bà ở đúng nơi cần ở. Lúc nào bà cũng gặp may. Quả thật là ngạc nhiên! Và đây chính là điều mà tôi chưa bao giờ hiểu tường tận ngọn nguồn, ngay cả khi bà còn sống. Bà giống như một trong số những quả bóng trong trò chơi bắn đạn Pinball, cái trò mà mấy cô cậu thanh thiếu niên hay chơi trong các quán bar cà phê ấy. Bà bay vèo vèo quanh thành phố nhưng những cái lẫy của số phận luôn luôn bắt được bà trước khi bà rơi xuống rồi đẩy bà trở lại.

– Thế bác có đến sống với mẹ mình lúc quay về Budapest không?

– Không, điều đó quá nguy hiểm. À, ý tôi là quá nguy hiểm cho bà. Tôi ở với mấy cô bạn của mình. Họ, tất cả những cô nàng xinh đẹp đó, đã chăm sóc tôi.

– Và rồi sau đó chiến tranh kết thúc.

– Đúng, đúng là chiến tranh cuối cùng cũng tàn.

– Vậy tại sao bác lại tiếp tục ở Budapest khi mình có thể đến Anh?

– À, tôi biết, tôi biết chứ. Có rất nhiều nơi mà tôi có thể đi. Hội Chữ thập đỏ đến và tìm thấy tôi, trao cho tôi một thông

điệp của thằng em Ervin với nội dung là nó sẽ bảo lãnh cho tôi. Tôi cũng có một cơ hội khác là tới Palestine hay tới Mỹ. Nhưng tôi sẽ không rời bỏ mẹ mình. Bà cứ tin chắc rằng bố tôi sẽ quay về nếu bà chờ đợi ông. Cô thấy không, dù thiên hạ người ta có nói như thế nào về tôi, tôi vẫn cố hết sức mình làm một thằng con trai có hiếu. Tôi yêu kính bà mặc dù dĩ nhiên đáng nhẽ ra tôi phải là một đứa con tốt hơn. Cô phải chắc chắn ghi đoạn này lại đây.

– Nhưng bố của bác đã chết vì bệnh sốt Rickettsia rồi cơ mà!

– Tôi biết. Ông đã chết rồi. Tôi đã nhìn thấy ông. Không phải lúc ông chết mà khi người ta chôn ông xuống một cái hố vôi.

– Thế tại sao mẹ bác vẫn cứ nghĩ là ông sẽ trở về?

– Thì tôi đã nói với cô rồi mà. Con người với con vật khác nhau lắm. Con vật khuất phục số phận nhưng con người thì không.

– Nhưng đó là ảo giác.

– Dĩ nhiên là như vậy rồi nhưng vẫn có những điều kỳ diệu xảy ra. Có nhiều vụ đánh bắn nhau hỗn loạn mà người ta vẫn trở về từ cõi chết đấy thôi. Đấy, mẹ tôi đã nói như vậy đấy. Làm sao tôi có thể nói với bà rằng chính mắt tôi đã trông thấy xác bố mình được chôn trong một cái hố chôn tập thể kia chứ? Ôi, mẹ của tôi!

– Thế còn điều gì đã xảy ra với ông bà nội bác ở Mád?

– Dĩ nhiên là vào lò thiêu người của Đức Quốc xã chứ còn đi đâu nữa?

– Còn gia đình của bà Berta?

– Cũng vậy.

Vậy ra, đây là chính là bí mật cam lạng lớn đã phủ bóng u ám

lên tuổi thơ của tôi. Giờ thì tôi đã hiểu rõ hơn một chút. Làm sao người ta có thể nói ra bất kỳ một tí sự thật nào như vậy cho một đứa trẻ? Bố mẹ tôi đã giữ tất cả những điều đó trong lòng, như thể giữ máu huyết của riêng mình.

– Vậy thì sau đó bác tiếp tục làm gì?

– Quay lại nghề cũ. Tại sao bây giờ lại bỏ nghề đó kia chứ? Tôi có nên tước đi một kế sinh nhai của các cô gái xinh đẹp trong khi họ cứu vớt cuộc đời tôi? Trong khi họ cho tôi một chỗ để nương náu?

– Làm sao mà cái nghề của bác sống được dưới thời một chế độ cộng sản?

– Câu hỏi hay đấy. Chủ nghĩa cộng sản nhẹ nhàng len vào đời sống của chúng tôi khi chúng tôi không để ý. Tôi cũng không nhận thấy. Đến khi nhận ra thì nó đã ở đó rồi. Nhưng nhu cầu về những dịch vụ mà tôi cung cấp không mất đi trong thiên đường xã hội chủ nghĩa bất kể mấy tay đấu tranh đòi giải phóng phụ nữ nói gì. Tôi cứ tiếp tục công việc kinh doanh của mình. Cái khác trước có chăng chỉ là thay vì đặt văn phòng của mình tại một cái bàn ở khách sạn Astoria, bây giờ tôi được phân cho một chức vụ. Tôi vẫn làm ở quán cà phê cũ, ở đúng cái quán đó, nhưng bây giờ là với tư cách một chân chạy bàn, vẫn là những vị khách cũ lui tới, vẫn là những thứ họ để lại giống trước. Những cuộc trò chuyện trí thức như xưa không đổi, những chiếc bánh ngọt như thuở trước. Tất cả đều là những câu chuyện y hệt như cũ, chẳng khác gì lúc trước. Điều này làm cho tôi nhớ tới chuyện mà tôi gần như quên khuấy đi mất. Tôi đã đến tiệm Maison Bertaux và mua cái bánh đó rồi. Cô có muốn xơi thử một lát bánh không?

– Dạ thôi, cháu không ăn đâu. Cảm ơn bác. Nhưng sao bác lại cười?

– Sao lại không cười cơ chứ? Tôi còn sống mà, phải không? Bọn chúng cố giết tôi nhưng đâu có được. Đó chẳng phải là cách trả thù hay ho đối với những kẻ độc ác, xấu xa đó hay sao?

* * *

Ta đi xuống bóng tối rồi lại đi lên vùng ánh sáng. Đây là lẽ tự nhiên của một hệ thống tàu điện ngầm; và khi ta đi lên, ta đã ở một nơi khác. Ta không thấy cảnh vật thay đổi. Tám bản đồ biến thành phố thành một mạng lưới, một biểu đồ. Ta chẳng có cảm giác gì về khoảng cách giữa các trạm. Tất cả đều là tương đối. Tôi đi tới ga King's Cross, đi dọc suốt nút giao thông buồn tẻ, âm ỉ đó, chờ đợi ở sân ga, dừng lại hai lần ở tuyến Circle Line màu vàng, đi bộ xuôi xuống phố Portland Palace, rẽ vào con đường nhà mình, nhấn nút thang máy đi lên rồi tra khóa vào ổ. Đến khi tôi vào nhà thì mẹ tôi đã ở trong bếp. Tôi hỏi bà: “Sao bố mẹ không bao giờ kể về chiến tranh?”

Mẹ tôi đang đãi đậu xanh trong một cái chảo bằng kim loại.

– Chiến tranh hả? Sao tự nhiên bây giờ con lại hỏi về chuyện này thế? Nó đã qua lâu rồi cơ mà.

– Con chỉ muốn biết vì sao bố mẹ không bao giờ nhắc đến nó thôi.

– Ờ thì mẹ đã kể với con rồi. Bom đạn thật là kinh khủng và khẩu phần ăn thì...

– Không phải chiến tranh ở đây, ở cái thành phố London này mà là chiến tranh ở châu Âu ấy.

– Lúc đó bố mẹ không ở châu Âu mà đang ở Anh. Ôi, thật là ơn Chúa!

- Nhưng mẹ còn bà con họ hàng ở đó kia mà.
- Đúng là như vậy, con à.
- Thế chuyện gì đã xảy ra với họ, hở mẹ?

Mẹ tôi nhún vai. Trong khung cửa sổ của căn bếp tòa nhà bên cạnh, một người phụ nữ ăn vận trang nhã, sang trọng đang đứng cạnh bồn rửa bát, rót nước vào ấm.

– Bà ấy là người mới đến đây, - mẹ tôi nói. - Người ra người vào ở cái nhà bên đó cứ thay đổi xoành xoạch đến là chóng mặt. Chắc là phải có chuyện gì không ổn với cái nhà đó rồi. Có thể là nó quá ẩm thấp, con có nghĩ thế không?

- Đó là ông bà của con.
- Con nói đến ai cơ? Quý bà kia ấy à?
- Mẹ biết là con đang nói về chuyện gì mà.
- Sao đột nhiên con lại quan tâm đến chuyện này nhỉ? Con vừa xem một bộ phim à?
- Con chỉ muốn biết thôi.
- Mẹ kể gì được nào. Ông bà con đã mất cả rồi.
- Thế mẹ không có anh chị em gì hay sao?
- Bữa trưa của mẹ đang nguội lạnh hết cả rồi đây này. Đã 2g15 rồi. Mẹ đang chết đói đây. Con có muốn ăn thứ gì không? Mẹ đang chân quả trứng này. Hay mẹ chân cho con một quả nhé?

– Không, con không đói. Nhưng sao bố mẹ không bao giờ kể cho con nghe?

- Về cái gì?
- Về bất cứ điều gì.
- Thế con muốn nói đến chuyện gì nào? Nói đi rồi mẹ sẽ cố tranh luận với con dù mẹ chẳng được học hành cao như con.

Con biết điều đó mà.

– Chuyện gì đã xảy ra, chẳng hạn như với bác Sándor, trong chiến tranh?

– À, hẳn nhiên là ông ấy đã trải qua một quãng thời gian khủng khiếp. Không ai phủ nhận điều đó.

– Chẳng hạn như là chuyện gì?

– Nhưng nó chẳng làm cho ông ấy trở nên tốt đẹp hơn. Lẽ ra ông ấy đã có thể sửa chữa và sắp xếp để sống một cuộc đời tốt đẹp hơn nhưng ông ấy lại không lựa chọn như vậy. Đó là quyết định của ông ấy.

– Nói chuyện với mẹ mà con thấy như đang nói chuyện với một bức tường gạch ấy.

Chẳng có gì thay đổi và tôi cũng không thể làm nó thay đổi. Tôi cứ ngỡ rằng những thông tin tiết lộ vào buổi sáng hôm ấy sẽ làm thay đổi mọi thứ nhưng hóa ra mọi sự vẫn y hệt như cũ.

– Con muốn biết những chuyện này để làm gì vậy, Vivien? Sao con lại quan tâm tới tất cả cái chuyện cũ rích này? Cái gì đã nhiễm vào con vậy? Mẹ biết là con đang chán nản, đầu óc đầy những suy đoán. Có lẽ đây là lúc con cần tìm một cậu bạn trai mới đáng yêu.

– Chắc là con đã có rồi, – tôi trả lời một cách ác ý hằn học và giận dữ.

– Có phải cái cậu trông dung tục tâm thường mà mẹ thấy con đã đi cùng không?

– Ai cơ?

– Cách đây khoảng độ một tuần, mẹ thấy con đi trên đường với một cậu mặc áo khoác da với đủ thứ dây nhợ treo lòng thòng.

– Thế mà con không thấy mẹ.

– Con không thấy mẹ sao? Ờ thì, mẹ đã ở đó, không lâu sau bữa trưa đâu. Nếu đây là bạn trai của con thì con cần phải cẩn thận đừng để cậu ta kéo con xuống ngang hàng với cậu ta đấy. Bao giờ cũng có nguy hiểm khi con giao du với những hạng người ô hợp. Mẹ không hiểu sao con có thể đi lại với cậu ta sau khi đã lấy Alexander.

– Ôi mẹ! Mẹ đúng là quá đặt nặng địa vị xã hội, giàu sang phú quý rồi đấy, – tôi vừa nói vừa quay mặt đi để bà không phát hiện ra vẻ bối rối của mình.

Mẹ tôi bung cái đĩa lên, đổ ụp quả trứng chân cùng đậu xanh vào thùng rác.

– Thế là xong. Giờ thì mẹ chẳng còn muốn ăn uống gì nữa.

– Có một tấm màn sắt – tôi nói. – Con đã đập đầu vào một tấm màn sắt.

– Tốt – bà nói – mẹ hi vọng là con không đập đầu quá mạnh đến nỗi phọt cả óc ra ngoài.

Bà đi đến bồn rửa bát để rửa cái đĩa.

– Mẹ có muốn uống một tách cà phê không? – tôi hỏi bà.

– Sao thế? Con muốn uống cà phê cùng mẹ à?

– Vâng, mẹ ạ. Mẹ con mình cùng uống cà phê. Hiếm khi mẹ con mình uống với nhau như thế mà.

– Thôi được, ý cũng hay đấy. Có vài cái bánh bích quy trong hộp thiếc. Con xem thử có tìm được thứ gì. Mẹ thì lại thích ăn củ dong, mấy cái củ trông như những ngón tay thon dài.

Tôi xếp bánh bích quy vào một cái đĩa và đem cà phê sang phòng khách. Mẹ tôi nhặt một quyển tạp chí truyền hình lên và bắt đầu khoanh tròn những chương trình mà bà và bố tôi dự

định xem tối hôm đó. Ngón tay của bà ngập ngừng phân vân giữa một chương trình đố vui và một vở kịch.

– Mẹ không muốn kết bạn với những người tị nạn khác khi mẹ đến đây sao, mẹ? – tôi hỏi bà.

– À, lẽ ra thì bố mẹ cũng đã làm vậy nhưng bố con hơi nhạy cảm.

– Về chuyện gì?

– Ồ, con biết rồi mà, ông ấy không thích mấy chuyện ngòi lê đôi mách.

– Thế thiên hạ kháo nhau chuyện gì vậy mẹ?

– Vivien này, mẹ cảm thấy như mình đang ở trong chương trình Perry Mason^[49] mà con là luật sư còn mẹ là bị cáo. Con gọi đó là gì nhỉ? Điều tra chéo phải không? Mẹ mong là con sẽ ngừng lại.

Với một vẻ điềm tĩnh, từ tốn, mẹ tôi đã đánh trống lảng tất cả mọi câu hỏi của tôi. Tôi không thể moi được tí gì ở bà. Không phải là mẹ tôi chẳng biết gì vì khoảng một năm sau đó, sau khi ông bác Sándor chết, chính bà là người đã nói với tôi rằng trong thời gian ông bác của tôi đi lao động khổ sai, ông đã bị đánh rất bạo vào hạ bộ, dữ dội đến nỗi khiến ông bị vô sinh.

* * *

Suốt mùa hè năm ấy, nỗi sợ hãi và chứng bệnh hoang tưởng của bố mẹ tôi ngày một lớn dần cho đến khi nó vỡ òa ra ngoài mặt và thứ vốn trước giờ vẫn là một cuộc sống như trong mơ, một chu kỳ nữa phân rã dễ chịu đột nhiên giống như vừa bùng tình một con ác mộng đối với họ. Những sự kiện xảy ra ở bên

ngoài này - các lực lượng chính trị nổi lên vào năm 1977^[50] và tiếp diễn suốt hai năm sau đó cho đến khi chúng lắng xuống và một kiểu trật tự được văn hồi - khiến tôi muốn giúp và bảo vệ bố mẹ mình vì họ không thể tự giúp được mình. Thậm chí bố mẹ tôi còn không dám ra khỏi nhà vì quá khiếp hãi: chiếc ti vi quý giá của họ đã trở thành người thông tin những cảnh báo khủng khiếp về những gì có thể xảy ra khi ta bước chân ra khỏi vùng an toàn của tòa nhà Benson Court.

- Con thấy chưa - bố tôi vừa nói vừa trở một ngón tay vào màn hình ti vi, ngón tay trên bàn tay của một người thợ thủ công tài hoa, một bàn tay chính xác trong tất cả mọi cử động, các móng tay được bấm cách nhật ở một độ dài mà bố tôi đo bằng một cái thước nhỏ xíu - giờ thì chuyện đó đã bắt đầu rồi.

Bố mẹ tôi bám chặt lấy nhau khi họ ngồi trên chiếc ghế sofa bọc da màu nâu trầy xước; lưng thẳng đơ, không dựa vào những chiếc gối tựa màu be tươi tắn, thẳng đơ như thể có một thanh sắt bỗng nhiên luồn vào trong người họ.

- Chính phủ sẽ không cho phép chuyện này xảy ra - mẹ tôi nói sau khi buông một chiếc tất đang đan dở xuống. - Đây là nước Anh chứ không phải là Hungary - Nhưng cổ họng bà tắc lại ở chỗ này như thể máy từ vừa rồi đã bóp nghẹt bà.

- Bọn Mũi tên chữ thập trở lại nữa sao? Thế lúc trước ai đã chặn chúng chứ? Nói cho tôi biết đi, ai đã chặn chúng?

- Bọn chúng không phải là tụi Mũi tên chữ thập. Đây là một bọn khác. Chờ một tí. Tôi sẽ lấy giấy bút ghi tên chúng lại. Chúng ta cần phải biết. Điều này quan trọng lắm đấy. Vivien, bút đâu rồi? Con có nhiều bút trong phòng ngủ đấy. Lấy ngay một cây nhanh lên. Cả giấy nữa.

Tôi tới bàn của mình rồi lấy đưa cho mẹ một quyển vở kẻ ô

và một cây bút bi.

– Viết đi, con gái - mẹ tôi nói. - Nhớ là phải viết tên chúng cho chính xác đấy.

Và tôi đã viết: Mặt trận quốc gia (National Front)^[51]

– Nhìn chúng kìa - bố tôi thốt lên, mặt nhăn nhúm. - Chúng là lũ tội phạm. Tên nào tên nấy cũng như tội phạm. Rặt một lũ lưu manh, du côn du đảng. Trông cái tên này này. Một kẻ mới hạ đảng làm sao! Người Anh là những người hào hoa phong nhã nhưng cái tên này không phải là hạng người lịch thiệp, hoàn toàn không phải.

– Thật là kinh khủng! - mẹ tôi thốt lên. Nổi khiếp đảm chạy dọc xuống các bức tường.

– Sao chúng lại tuần hành qua những nơi mà dân da màu đang sống chứ? - bố tôi hỏi.

– Dĩ nhiên là để kiểm soát đường phố rồi - mẹ tôi trả lời. Đột nhiên tôi nhận thấy bà biết nhiều hơn những gì bà giả vờ như không biết. - Có thể người ta mới sợ không dám đi bộ lòng vòng ngoài phố hay làm ăn buôn bán gì. Rồi khi người ta sợ hãi, chúng mới đánh được họ. Em đã thấy chuyện này ở Budapest rồi. Đúng y như vậy luôn. Mà anh xem kìa, cảnh sát đang bảo vệ chúng kìa kìa. Họ cho chúng cái quyền được tuần hành. Họ đâu phải là vô tội đâu. Anh thấy đấy.

– Không phải cảnh sát nào cũng vậy - bố tôi nói.

– Bọn chúng đã xông vào các cửa hàng và đánh những người chủ tiệm vô tội đơn giản chỉ vì những người này là dân da đen - tôi nói.

– Ai? Cảnh sát hả? - bố tôi hỏi, vẻ như bị xúc phạm.

– Không, bọn Mặt trận quốc gia.

– Con lôi đâu ra những suy nghĩ như vậy hả? Bố cứ nghĩ con

vùi đầu cả buổi sáng vào sách ở thư viện. Con đọc được thứ này ở trong sách sao?

– Không, bố ạ. Chuyện này không có ở trong sách mà ở ngoài đời thực.

– Con đã biết gì về đời thực rồi? – bố tôi hỏi, lộ vẻ lo lắng trên khuôn mặt.

Cách sống trốn tránh ẩn dật của bố mẹ tôi càng được củng cố bởi một cuộc chạm trán khiếp sợ với thứ chưa biết là cuộc đời thực này vào giữa tháng hai. Bố tôi từ chỗ làm về nhà với khuôn mặt dính máu. Mẹ tôi đã thét lên thất thanh khi nhìn thấy ông. Tiếng thét nghe đĩnh tai nhức óc giống như tiếng mèo gào. “Ervin!” – bà la to – “Chuyện gì xảy ra với anh vậy?”

Ông phớt lờ câu hỏi của bà và đi thẳng vào bếp, tự rót cho mình một cốc nước rồi ngồi xuống. Máu đang khô bết cục trên tóc của ông. Mẹ tôi thấm ướt một cái khăn lau chén bát dưới một vòi nước và bắt đầu nhẹ nhàng lau những cục máu khô đi. Nhưng, những vết thương lại hở ra và máu lại chảy thành giọt xuống mắt ông.

Bố tôi vẫn tiếp tục lặng im chẳng nói chẳng rằng cho đến khi mẹ tôi băng lại vết thương cho ông. Ông để bà đỡ một bàn tay lên và dắt sang phòng khách, tới chiếc ghế bành quen thuộc của ông, ấn ông ngồi xuống cùng với một tách cà phê đậm đặc. Sau một hồi, bố tôi mới bắt đầu nói. Ông đã trông thấy một cảnh. Cảnh gì? Mẹ tôi và tôi hỏi. Bố tôi chỉ lắc đầu. Điều đó quá sức kinh khủng, không cần thiết phải kể lại chi tiết. Nhưng cả mẹ và tôi đều muốn biết chi tiết. Cả hai đều đòi bố kể lại. Và ông đã thuật lại bằng một giọng thì thầm cảnh một cô gái trẻ đang đi trên đường thì bỗng nhiên một băng côn đồ xuất hiện, vô cớ túm tóc cô và đập đầu cô vào tường như thế nào. Lũ côn đồ đó là loại người nào? – mẹ và tôi hỏi bố. Em và con biết không, lũ

chúng nó đi giày ống, cạo trọc đầu. Là loại đấy đấy. Còn cô gái kia là loại người nào? Là loại người đi cùng với Sándor lúc trước, một cô gái da màu, nhưng có lẽ là người đảng hoàng đứng đắn hơn một chút. Cô ta đi một đôi giày chắc chắn và có một cặp kính to trên mũi.

Thế thì bố tôi đã can dự vào việc này như thế nào? Không làm gì cả, ông chẳng có lựa chọn nào. Ông chỉ đứng đó nhìn với một nỗi khiếp đảm cảnh tượng diễn ra trên góc phố Farringdon ngay giữa thanh thiên bạch nhật, lúc vừa mới hơn 5 giờ chiều, khi cái cửa hàng ở góc phố đó đóng cửa còn ông thì đang đứng đợi đèn tín hiệu giao thông chuyển sang màu xanh. Và khi bố tôi thấy những gì mà ông chứng kiến, ông thậm chí đã dợm bước băng qua đường dù còn đèn đỏ nhưng xe cộ qua lại đông quá. Đấy, em và con thấy đấy, bố nói, chuyện này thậm chí không phải xảy ra ở một góc đường hay trong hẻm mà ngay ở trên con phố lớn. Rồi lũ côn đồ quay sang và trông thấy ông. Chúng nhận ra đã có một người chứng kiến việc làm của chúng.

Và thế rồi chúng bắt đầu gào rú, rửa xả những từ ngữ kinh tởm, những lời tục tĩu vào ông mà ông không sẵn sàng kể lại cho mẹ con tôi nghe đó là gì. Bố tôi đã không đương đầu với bọn du đảng cục súc, dĩ nhiên là không rồi. Chúng tôi phải đòi hỏi ông là người như thế nào cơ chứ - một anh hùng chẳng? Ông có súng hay lệnh bắt người không? Khi đèn tín hiệu giao thông đổi sang màu xanh, bố tôi co giò chạy thực mạng. (Tôi chưa từng thấy ông chạy bao giờ) nhưng ra đến chính giữa đường thì ông vấp phải dây giày mà ông đã không buộc cẩn thận trước khi rời xưởng làm. Ông ngã dúi người, tay và đầu gối úp xuống mặt đường, đầu đập vào vỉa hè. Đèn giao thông lại đổi tín hiệu và dòng xe cộ bắt đầu chuyển động. Ông không thể tin vào chuyện này. Các tài xế đang nhấn chân ga tăng tốc. Họ

đang rồ máy và chạy về phía trước vì họ có *quyền* đi tới. Bố tôi nằm đó, trên mặt đường, ngay lối đi của họ.

Một người phụ nữ chạy ra giữa đường giúp bố tôi đứng dậy. Cô ấy đứng, cầm một chiếc ô giương thẳng trên tay, khiến cho dòng xe cộ giống như một con quỷ độc ác phải lui lại. Ông kể, cô ấy vẫy vẫy cây dù vải lụa màu xanh lá cây trên đầu. Cô ấy đã đưa bố tôi sang bên kia đường và sau đó thì ông bình yên vô sự. Cô ấy muốn ông đến bệnh viện nhưng ông bảo không cần thiết. Bởi vì cho đến tận lúc này, ông vẫn còn cảm thấy hết sức hoảng sợ (thậm chí e sợ cả người phụ nữ có chiếc ô đó), sợ đến mức trong đầu chỉ nghĩ được mỗi một chuyện là về nhà càng nhanh càng tốt để được an toàn trong tòa nhà Benson Court, nơi tất cả mọi người đều tử tế, rộng lượng và chẳng ai phiền hà tới ai.

Quãng thời gian dài sống bình lặng trong cuộc đời của bố mẹ tôi, kéo dài từ khi chiến tranh kết thúc cho đến ngày hôm nay, những năm tháng bình yên không có biến cố sóng gió nào vốn là cách sống ưa thích của họ, sắp sửa kết thúc. Họ cảm thấy như đang đối mặt với một tương lai bất định, kinh khủng ở phía trước và hoàn toàn không biết mình có thể sẽ đi tới đâu vì nếu cần thiết phải di tản lần nữa thì dù sao bây giờ họ cũng đã quá già để bắt đầu một cuộc sống mới.

Nhưng với tôi thì không phải là quá trễ để làm lại từ đầu nếu tình hình trở nên xấu đi, bố mẹ tôi nói. Tôi luôn luôn có thể đi tới Mỹ, tất nhiên rồi? Nhưng tôi trả lời rằng tôi không hề có ý định đi đâu cả.

Sức hút như nam châm của tòa nhà Benson Court và cuộc sống khép kín ẩn dật của bố mẹ tôi đã suy yếu thành một lực kéo yếu ớt, đáng thương và bây giờ thì hiện thực phơi bày khắp xung quanh tôi, rõ mồn một, hiển hiện sắc nét như khắc như in. Đây những quận nội thành: King's Cross, Brixton, Wood

Green, Harlesden, Islington, Southall, New Cross, Lewisham và kia, xa hơn, tới những vùng đất chưa ai biết đến: cửa sông Thames và những hòn đảo của nó như Isle of Dogs, Isle of Grain, Sheppey. Thành phố London này giống như một con mắt khổng lồ đang nhìn lên, hấp háy hết ngày đến đêm. Những đường ray tàu hỏa chạy ngang qua thành phố, vẽ nên những vết sẹo trên khuôn mặt của nó. Từ những cây cầu, những tháp chuông nhà thờ. Dòng sông uốn khúc. Những nhà máy bị bỏ hoang vô chủ. Những tòa chung cư hình khối. Từ mùi da thịt con người cho đến vỏ cam, vỏ bao khoai tây rán, trạm chờ xe buýt trắng nhựa đường, cho đến những con người già, hằng ngày đứng xếp hàng mua đồ.

Khắp mọi nơi, đâu đâu cũng thấy chữ.

NF\$b

Dấu hiệu của Mặt trận dân tộc có mặt trên các trạm dừng xe buýt, ghế ngồi xe buýt, cửa sổ xe buýt. Trên các cây cầu dành cho tàu hỏa, trên các cửa hiệu, trên cả thùng rác. Trên những hình xăm ở ngón tay và trán của người ta. Đường nét thanh tú trong hình thức của hai chữ cái viết tắt đó đã đơn giản hóa tất cả mọi thứ. Ta có thể viết chúng một cách dễ dàng ngay cả khi ta không có hoa tay viết chữ đẹp. Nó lỗ mãng và chẳng cầu kỳ phức tạp, giống như một nắm đấm. Nhưng thực sự hai chữ cái đó có nghĩa là gì cơ chứ?

Thời đó, có rất nhiều lời bàn tán bình luận về điều này. Đối với một số người, nó là một nỗi hoài cổ về một thời vàng son đã lùi xa, khi nước Anh còn là một đế chế hùng mạnh cai trị một nửa thế giới; người da trắng đã đánh mất vị thế của mình. Còn Nữ hoàng - người đã lên ngôi và tổ chức lễ bạc kỷ niệm 25 năm trị vì của mình trong một nghi lễ mà bà đã ngồi trên một cỗ xe ngựa bốn bánh, đầu đội vương miện, tay cầm vương trượng, đi

đằng sau những con ngựa có gắn lông chim trên đầu, chạy nước kiệu qua các đường phố London - nhân vật biểu tượng của chế độ quân chủ, huyền bí và có quyền lực thiêng liêng - đã bị hạ bớt vai trò của mình thành một phụ nữ lớn tuổi, thấp lùn đeo kính lão, mặc áo khoác màu hoàng yến, mang đôi giày và đeo găng tay cài khuy cùng tông màu. Nhóm khác phản bác, cho rằng NF là quân Quốc xã thứ thiệt, rằng đây chính là lực lượng phát xít Anh vốn bị buộc phải rút lui vào hoạt động ngầm sau khi chiến tranh kết thúc nhưng vẫn âm thầm phát triển và vươn rộng giữa những lời đả kích, giống như lũ giòi bọ trắng nhờn sinh sôi nảy nở trong bóng tối. Phe này nói “Hãy tin tôi đi, chúng sẽ xây những phòng hơi ngạt ở Yorkshire cho mà xem”.

Cũng có một cách giải thích thứ ba về tình hình đang diễn ra, rằng NF đơn giản chỉ là lũ thanh thiếu niên côn đồ du đảng thích đánh người da đen và dân đồng tính nam để được nếm mùi vị Quyền lực của người da trắng trên đôi môi khô khát nứt nẻ của chúng.

Về phần mình, bản thân tôi không có ý kiến gì. Tôi chẳng có một phương tiện nào ngoài những lời đồn để đi đến bất kỳ một kết luận gì.

Cho đến giờ, chưa ai trong gia đình tôi từng tham gia một phong trào hay một đảng phái nào. Dòng họ Kovacs cứ thế mà sống. Họ đã có khả năng thích ứng với hoàn cảnh, hoặc là rời bỏ đất nước giống bố tôi, hoặc là tìm ra những cách thức và phương tiện để chiến thắng thời cuộc càng nhiều càng tốt, giống như ông bác Sándor của tôi đã nghĩ đến khía cạnh dặt dối trong công việc làm ăn của mình khi ông bị buộc phải thôi làm trong lĩnh vực địa ốc vì những luật lệ phân biệt chủng tộc ban hành. Bức tranh lớn hơn của xã hội không phải là điều làm

cho dòng họ nhà tôi quan tâm. Họ không bị cuốn theo một chiều hướng nào về mặt lý tưởng, chẳng ngả về những người theo chủ nghĩa cộng sản cũng chẳng đi theo những người ủng hộ chủ nghĩa phục quốc Do Thái. Đơn giản chỉ là vấn đề làm sao vượt qua thời buổi nhiễu nhương cho đến khi khó khăn qua đi như cách mà họ tin rằng trước sau gì mọi sự cũng sẽ diễn ra như thế. Như bác tôi, thậm chí khi còn phải đi lao động khổ sai, ông cũng không bao giờ tham gia vào bất kỳ một kế hoạch trốn thoát hay cuộc nổi dậy nào. Cái đặc tính “chỉ hành động vì lợi ích của riêng mình” đã ăn sâu thâm căn cố đế vào tính cách của ông và ông không để mình bị cuốn vào những chuyện ảo tưởng hảo huyền hay hào hiệp viễn vông kiểu Đông-ki-sốt.

Khắp thành phố London, đâu đâu cũng thấy bắt đầu xuất hiện huy hiệu mang biểu tượng như thế này trên quần áo của mọi người, được cài lên ve áo, váy, áo chui đầu và áo sơ mi:

HÌNH 2

Anti-Nazi League^[52]

Ban đầu, tôi chẳng hiểu nó có nghĩa là gì nên phải hỏi một người đứng chờ ở một trạm xe buýt. Anh ta lấy một tờ rơi từ túi khoác vai của mình ra và nó đã giải thích tất cả mọi thứ.

Có vẻ như điều tối thiểu mà tôi có thể làm để trả thù cho nỗi thống khổ kinh hoàng của bác tôi là tham gia vào tổ chức này, liên minh này và đấu tranh chống lại lực lượng phát xít ở ngay tại đây, tại thành phố London này.

Và điều đó đã thực sự mở mắt cho tôi nhiều biết bao nhiêu! Như thể là đôi mắt tôi trước đây đã bị bịt chặt và chứng hoang tưởng của bố mẹ tôi thực ra cũng có cơ sở.

Tôi được cử đến đứng bên ngoài các quán rượu và phát các tờ rơi của mình. Những tờ rơi này nhận được nhiều phản ứng khác

nhau. Bản chất con người không nhất thiết lúc nào cũng đẹp khi ta nhìn gần. Ta thấy một người hết sức đáng kính đi về phía mình cùng với một con chó đang chảy dãi nhớt lòng lòng và có một cái chân khập khiễng - con chó mà anh ta vỗ về nhẹ nhàng và nói với nó: “Chà chà cu cậu tội nghiệp, cu cậu đã phải trải qua chiến tranh, nhỉ?”. Và thế là dù cho ta sợ chó và đặc biệt không thích mùi bốc ra từ con chó ốm yếu què quặt này, ta vẫn cúi xuống chạm vào bộ lông thô ráp của nó, cố nở một nụ cười và gắng trao vào tay ông chủ của nó tờ rơi. Anh ta xem xét tờ rơi rồi sau đó nói với ta rằng lũ người nhập cư da màu, lũ khi hiếm khi dám trèo xuống khỏi những cái cây, sắp sửa nhấn chìm dân da trắng; rằng Enoch Powell^[53] đã nói thật chí phải, rằng ta có biết là chúng đã nhét cút đái thối tha của chúng vào những hộp thư của các quý bà già nua, rằng chờ đến khi con chó Buster của anh ta khỏe mạnh hơn thì anh ta sẽ xua nó ra đuổi cắn lũ khi đó, rằng anh ta đang huấn luyện cho con vật đánh hơi được mùi của lũ khi đen hôi hám.

Tôi trở về nhà và được mẹ tôi trao lại một mảnh giấy ghi chi chít chữ kiểu Trung Âu thẳng đứng với nội dung: *Mick gọi điện thoại, cậu ta nhắn là giục bạn đem tờ rơi đến Red Lion, đưa cho Claire. Dave có tiền đưa cho bạn để bạn đưa lại cho Steve. Họ đang cần tiền để trả phí in ấn. Và vào thứ bảy, bạn phải tập hợp ở một góc đường tại Phố cổ, góc đường mà Mick nói là bạn có biết. Và mẹ tôi liền dồn dập đổ lên tôi hàng loạt câu hỏi: “Máy cậu đó là ai hả Vivien? Những Mick, những Dave này, máy cậu đó xuất thân từ gia đình như thế nào? Gia đình có đảng hoàng không? Con có biết không? Vivien, mẹ đang nói chuyện với con đấy!”*

Ông bác Sándor của tôi chỉ quan tâm tới việc bảo vệ Eunice. “Cô ấy phải đến đây sống cùng với tôi,” - ông nói. “Wood Green, nơi cô ấy sống trong một căn hộ, không phải là một nơi

có hàng xóm láng giềng tốt đối với cô ấy. Dân ở đó là dân tứ chiếng đổ về. Nhưng cô ấy nói là sẽ không đến đây, sẽ không sống với tôi, rằng làm thế là không đúng đắn. Tôi làm được gì bây giờ đây?”

– Có phải mọi thứ xảy ra bây giờ cũng giống như chuyện ở Hungary hồi trước với Đảng Mũi tên chữ thập không hả bác? – tôi hỏi.

– Chuyện này hả? Ha ha. Lũ đó sẽ chẳng làm được trò trống gì cả. Bọn chúng là đồ cặn bã. Chúng thích khua chiêng gõ mõ âm ỉ. Chỉ có bấy nhiêu thôi và chấm hết. Ta nên đối xử với chúng giống như đối xử với bất kỳ lũ rác rưởi nào ở bất kỳ nơi đâu.

– Nghĩa là sao ạ?

– À, là thế này, cô phải chơi theo kiểu của chúng.

– Như thế nào ạ?

– Cô phải ăn miếng trả miếng, lấy độc trị độc. Tôi có thể nói được gì nữa nào?

Tôi nói cho ông biết mình đã gia nhập một tổ chức.

Tốt lắm, – ông nói, đoạn hỏi – Thế cô làm gì trong cái tổ chức đó?

– Cháu phát tờ rơi ở bên ngoài các quán rượu.

– Ô! Tờ rơi, rất tốt. Giờ thì tôi cảm thấy an toàn rồi. Eunice cũng sẽ cảm thấy thế khi tôi kể với cô ấy về chuyện này.

Nhưng tôi không quan tâm để ý. Ta chỉ cần phải nhớ bốn điều về Mặt trận dân tộc (gần 30 năm sau, tôi không thể nhớ được ba điều trong số đó là gì, chỉ đọng lại mỗi một điều duy nhất là những gì mà họ nói về họ – *Mặt trận dân tộc là một mặt trận phân biệt chủng tộc*. Cho tới giờ tôi vẫn không phân biệt được sự khác nhau giữa hai khái niệm “racist” và

“racialist”^[54]. Nội dung trong các tờ rơi của tôi tự nó đã giải thích đủ rồi, tôi không cần phải giải thích thêm điều gì cả. Đi ra ngoài phố cùng với những tờ rơi, tôi có thể nói chuyện với bất cứ ai miễn là tôi phải nói theo những gì có trong mảnh giấy đó và không sa đà lạc đề sang những vấn đề tranh luận khác. Yêu cầu đòi hỏi nhất định phải tập trung vào một chủ đề duy nhất là điều không dễ dàng đối với tôi. Có người đã phản ánh với tôi rằng tôi nói lan man ra khỏi chủ đề chính và quá dễ bị những chủ đề nói chuyện của người khác dẫn dắt. Nhưng sự thật là tôi đã dính chặt với chuyện này. Tôi đi ra ngoài mỗi tối cuối tuần để phát tờ rơi. Tôi nhặt những tờ rơi bị người ta vứt xuống vỉa hè. Tôi lấy lại những tờ rơi bị người ta vò nát rồi vứt vào thùng rác, vuốt phẳng chúng ra rồi về nhà ủi phẳng chúng để có thể dùng phát lại vào hôm sau. Tôi đi khắp nơi cùng với những tờ rơi này, tới bất cứ nơi nào mà người ta cử tôi đến. Tôi thậm chí còn đi qua bên kia sông Thames, về hướng Nam, tới các quận Lewisham, Brixton, Tooting, Morden, những nơi mà đối với tôi trước đây chỉ là những cái tên trên bản đồ tàu điện ngầm. Thế giới như tỏa rộng ra từ Benson Court và tòa nhà to lớn trên phố Marylebone High Street trở thành một cái chấm rất nhỏ; chỉ còn là một điểm bé tí tẹo, một giao lộ mà thôi.

Cáu ghét của thành phố London chui vào dưới các móng tay của tôi. Bụi bặm trên các vỉa hè của thành phố nằm dưới đế giày của tôi. Những con đường này là của tôi. Thành phố này là địa hạt của tôi. Con dốc thoải thoải của một quả đồi nằm dưới những phiến đá bê tông của nền văn minh, một quả đồi với một dòng suối thân quen, một cánh đồng cỏ bị lấp dưới dòng xe cộ giao thông đã lọt vào hệ thống định vị của riêng cơ thể tôi. Tôi cảm thấy như cuối cùng tôi cũng có quyền nói rằng mình thuộc về nơi này.

Thuộc về một nơi. Giờ thì điều đó thực sự có ý nghĩa. Trước đây, chưa có một ai trong dòng họ Kovacs từng cảm nhận được điều này!

Và rồi cũng đến một buổi sáng, tôi vừa cầm chiếc máy sấy tóc trên tay để duỗi mái tóc đen dày rậm của mình vừa nhìn mình trong gương và nghĩ: “Trông mình sẽ như thế nào nếu mình không để cái đám rừng rậm rạp ấy bao quanh mặt nhỉ? Và cả mấy bộ đồ cũ rích chết tiệt này nữa. Claude đã cười chúng. Anh ta nghĩ chúng hết sức kỳ quái. Và, tôi nhận ra thứ mà khởi đầu là một cuộc giải phóng khỏi bố mẹ tôi giờ đã chính xác biến thành một niềm đam mê ưa thích.

Những gì tôi đang cố gắng làm là một sự vận động phức tạp. Cứ hễ mỗi lần tôi cố gắng miêu tả lại quãng đời tuổi trẻ này của mình cho mọi người, tôi lại có cảm giác như họ chẳng hiểu gì cả. Hoặc cũng có thể là do tôi không biết cách diễn tả bản thân mình một cách chính xác. Tôi là một dạng phôi thai không thể tự quyết định được liệu mình sẽ trở thành một con gà con, một củ cà rốt hay một thổ dân Australia. Cái phôi ấy cứ thế mọc lông rồi sau đó chuyển sang màu cam và có da. Tôi nhìn lại con người trẻ tuổi bất định, yếu ớt là mình khi đó với một chút hài hước lẫn một chút thương hại. Tôi có thể cảm thông với Vivien trẻ tuổi dù quãng đường mà cô ấy đã đi để thử thách và nhào nặn mình thành con người như bây giờ dường như là hết sức kỳ quặc. Nhưng sự đời là thế đấy. Khi ta trẻ, ta tự do làm những việc buồn cười, tự do mặc quần áo trông đến là gớm guốc. Bởi chúng đang là mới, tự do phê phán các quan điểm hay thái độ. Và giờ thì ta nhìn lại mình trong những tấm ảnh ngày xưa rồi cau mày trong khi lẽ ra những gì ta nên làm là chạm ngón tay

vào tờ giấy phẳng lì như gương đỏ và cố gắng làm sống lại sự táo bạo ngây thơ mà ta đã từng có thuở còn đôi mươi.

Claude nói với tôi: “Sao em không để anh cắt tóc cho em? Anh biết cắt tóc mà. Về chuyện này thì anh khéo tay lắm.”

Claude nói mái tóc đen rậm rì của tôi làm anh ta thấy phát bực vì anh ta không thể nhìn thấy khuôn mặt tôi. Mỗi quan hệ của chúng tôi chỉ đơn thuần là tình dục chứ chẳng có một thứ gì khác. Chúng tôi rõ ràng là những phương tiện tình dục của nhau. Anh ta đọc những tờ rơi mà tôi đưa cho anh ta nhưng chỉ ngó chúng với một thái độ chẳng mấy thích thú. Chính trị làm anh ta thấy nhức đầu. “Quanh anh và em có vài gã kiểu đó đấy,” - cuối cùng anh ta nói với một vẻ căng thẳng kìm nén. “Tất cả bọn họ đều có cái đầu trông như thể bị luộc sôi ấy. Nhiều gã nuôi chó. Để anh nói cho em biết, anh đêch ưa nổi cái giống sủa ông ổng đó. Một lũ đáng ghét cay ghét đắng.”

Mối quan hệ giữa Claude với tôi không phải là kiểu quan hệ dựa trên nền tảng cùng chia sẻ mối quan tâm chung hay trao đổi quan điểm sống. Chúng tôi thậm chí còn không nói về âm nhạc. Claude là một người khá lệ thuộc vào ma túy, một người nghiện nói và ngoài lũ cá màu sắc, anh ta chẳng có một thú riêng nào. Cái ẩm ướt của vùng đầm lầy trên Isle of Sheppey đã chạy khắp huyết quản của anh ta. Cả những bản năng tinh mắt do ông bà làm nghề hàn thiếc của anh ta truyền lại nữa. Anh ta lúc nào cũng dòm ngó tìm kiếm một mối lợi cho mình.

“Tuyệt vời,” - Claude nói - “giờ thì em trông rất tuyệt. Em nên kiếm cho mình một đôi giày ống đi. Hãy đến mà khoe với mấy anh chàng cá đi chứ.”

Chúng tôi lên giường, vật lộn và quấy đạp trên cái khoảnh chật hẹp đó. Tôi ngủ thiếp đi một lúc. Có lẽ lũ rắn, bươm bươm hay nhiều con vật khác biến đổi từ hình thái này sang hình thái

khác cần phải nghỉ ngơi sau quá trình gắng sức vất vả thay đổi bản thân cả bên trong lẫn bên ngoài. Tôi ngủ một cách khó khăn nặng nhọc, một trong những giấc ngủ rơi thẳng vào bóng đen tăm tối không mộng mị.

Khi tôi tỉnh dậy, Claude đang lục lọi túi xách của tôi. Tôi hé mắt, dõi nhìn anh ta một lúc. Anh ta đẩy cây son môi của tôi lên xuống trong ống son, nhìn chăm chăm khuôn mặt mình trong cái gương của hộp phấn sáp màu vàng rồi sẫm soi tất cả các món đồ nhỏ lặt vặt trong túi. Tôi nghĩ anh ta chuẩn bị lấy mấy tờ 8 bảng mà bác tôi đã trả công cho tôi nhưng anh ta chỉ đếm tiền, liếm mấy đầu ngón tay rồi để trả lại vào túi xách một cách thận trọng. Thế là hôm nay không có cái trò lấy cắp tiền trong ví người chết. Tôi nghĩ bụng rồi giả vờ thức dậy, vươn hai cánh tay ra phía anh ta. Claude đặt cái túi xuống và quay lại nằm xuống bên cạnh tôi, vuốt mái tóc tôi như thể đang mài mặt sắt.

* * *

Bác tôi nghĩ rằng ông muốn tổ chức một bữa tiệc sinh nhật cho tôi ngay trong vườn nhà ông. Tôi sắp sửa được 25 tuổi rồi. Kế hoạch của ông là thuê thợ tới dọn dẹp sạch sẽ khu vườn, nhổ hết đám cỏ dại và cây con, xô các bụi cây ra và dựng một cái rạp to. Ông thậm chí còn nghĩ tới việc thuê một dàn nhạc nhảy tới chơi vào dịp này hoặc nếu không thuê được thì sẽ mượn một dàn âm thanh lớn mà người ta đã dùng ở các lớp dạy khiêu vũ. Kế hoạch tổ chức tiệc sinh nhật là một phần trong tính cách thích phô trương của bác tôi, người đã từng có thời sở hữu một căn nhà ở khu dành riêng cho giới thượng lưu, người đã từng

mua vé hạng nhất bay tới New York vào năm 1961 và xem Eartha Kitt^[55] biểu diễn nhạc sống tại Camegie Hall. Sự yêu thích một cuộc sống xa hoa nhưng lưa, yêu thích những cái bánh ngọt phết kem và những cô gái điếm đẩy đà tròn trịa đã có ở ông trước khi ông trở thành một nô lệ lao động khổ sai tại Ukraine. Nhưng khi ông không còn phải sống kiếp nô lệ nữa thì niềm yêu thích đó quay trở lại với một cấp độ mãnh liệt đến bạo tàn. Ông ham sống và khao khát, tham lam sở hữu vật chất. Đồ ăn thức uống, những món hàng xa xỉ, thú vui nhục dục. Rồi tiếp đó là 14 năm trở lại tù tội. Cuộc đời của ông là một chuỗi những thăng trầm, lên voi xuống chó.

Thế nên, ông mơ đến chuyện tổ chức tiệc sinh nhật cho tôi. Ông không còn là một tay triệu phú nữa, thậm chí lúc ông được như vậy, phần lớn tiền bạc chỉ tồn tại trên giấy tờ. Dầu vậy, ông không hề nghèo và chẳng biết đốt tiền vào thứ gì nữa cả. Bất kể ta có thể nói như thế nào về ông thì ông không bao giờ là một kẻ keo kiệt, bủn xỉn. Vấn đề không phải là ông yêu thích tiền mà là yêu thích những thứ ta có thể mua được bằng tiền. Có tiền chỉ để nhằm mục đích giàu có không phải là điều ông quan tâm thích thú.

Tôi không nghĩ bác mình có ý định nghiêm túc thật sự về chuyện tổ chức tiệc sinh nhật. Mãi đến khi mấy người thợ đến cùng bao thứ dụng cụ linh kinh nào cửa, nào hái, nào súng phun lửa, nào bình xịt thuốc trừ cỏ bằng nhựa và máy xén cỏ, tôi mới tin ông nói thật. Từ bồ công anh, cúc, mao lương hoa vàng, đám cây con, thường xuân mọc chen chúc, dây leo bạc bà đâm rễ từ dưới đất lên rồi bò khắp hàng rào cho tới bản thân cái hàng rào với những tấm phen giậu mục nát, tất cả đều bị dọn sạch. Mặt đất trơ trụi và tất cả những gì còn sót lại chỉ là vài chòm lá chảy nhựa, vài đám cỏ bị cày xéo, dập nát, vài bụi tử

đình hương và một cây tần bì. Ngày hôm sau, công việc dọn dẹp khoảnh đất kết thúc. Người ta quay lại, đào một cái hố và trồng một cây sơ ri đang trổ hoa mà họ cam kết là sẽ nở bung vào mùa xuân năm sau.

Tôi không biết liệu Eunice có cố can ngăn bác tôi thực hiện những ý tưởng ngày càng chi tiết tỉ mỉ của ông hay không. Ông thấy bị tổn thương bởi sự ghen tị của cô người tình. Tôi là tất cả những gì ông có; tôi là người sẽ cứu rỗi ông, không phải chỉ thông qua công việc liên quan đến câu chuyện của ông, quyển sách mà ông thực sự hình dung ra là sẽ được in và được xuất bản, bày bán tại các cửa hàng sách, mà còn thông qua hồi ức sống mãi trong một tâm trí khác, một cảm giác mà ở đó đối với tôi ông đóng vai trò như một người cha giống như bố tôi. Thậm chí còn sâu đậm hơn nữa. Vì ông hẳn đã hiểu ra rằng tôi đang nghiêng về phía ông trong cán cân đo lường mức độ phung phí của con người và niềm khao khát sống hơn là nghiêng về người thợ kim hoàn có nước da xanh tái, đeo mắt kính và vận bộ đồ bụi bặm, đếm ngày của mình thông qua cái vùng vô hình của màn hình ti vi.

Và bác tôi đã đúng. Tôi cũng giống ông. Tôi thực sự có tất cả mọi khuyết điểm của ông.

Như vậy là các kế hoạch tổ chức sinh nhật đã đầu vào đó. Rạp đã được đặt. Eunice sắp xếp chuyện đồ ăn nước uống.

– Cô có phiền không nếu tôi mời một số anh em bằng hữu của tôi tới dự tiệc sinh nhật? – bác tôi hỏi – Tôi muốn họ thấy tôi có một cô thư ký xinh đẹp nhường nào và cuốn sách mà cô ấy sắp sửa viết cho tôi ra sao. Cuốn sách về cuộc đời tôi.

– Chắc chắn là có đấy ạ – tôi đáp, cảm thấy buồn cười trước sự ngạo mạn của ông. Đối với tôi, bữa tiệc giống như một trò hề. Tôi không biết liệu có ai đến không. Nhưng ông bác Sándor

đã mời tất cả mọi người, từ Jim trong lớp học khiêu vũ cho đến ông thầy dạy nhảy đeo túi xách da cá sấu lộn ở mặt trong lẫn mặt ngoài.

– Chúng ta sắp sửa có một cuộc trình diễn tango, – ông nói.

– Thế cô định mặc gì? – Eunice hỏi – Chưa bao giờ trông cô giống dân hippie hơn lúc này.

– Chà, chà, tất nhiên rồi. Chúng ta sẽ đưa cô tới cửa hàng để mua cho cô một cái váy. Một cái đặc biệt cho dịp này, – bác tôi nói.

– Thôi được rồi, bác ạ. Cháu có váy rồi. Cái váy bác đã mua cho cháu đấy, – tôi đáp.

– Không, không, cô phải có một chiếc váy mới. À, nhân tiện đây cho tôi hỏi, cô có mời bố mẹ mình tới dự không?

– Sao lại không ạ?

Thậm chí họ chưa từng thân thiết với nhau, ngay cả khi còn niên thiếu, nhưng tôi nghĩ rằng họ cần được hàn gắn, nhích lại với nhau. Và sau đó, tôi phát hiện ra đây chính là điều mà bà nội tôi hẳn đã muốn làm và chính tôi, thế hệ tiếp theo của dòng họ Kovacs, là người thực hiện những ước nguyện cuối cùng của bà.

* * *

Chính cái chết của bà vào tháng 11.1965 mới là thứ khiến bác tôi quyết định đến đây, đến thành phố London này, chứ không phải là cuộc nổi loạn bất thành chống lại xe tăng của Liên Xô. Một khối u đã phát triển trong ngực bà mà không ai hay biết. Chẳng có bàn tay nào chạm vào hay vuốt ve âu yếm lên bộ ngực

đó kể từ khi chồng bà bị bắt đi lao động khổ sai vào năm 1939. Bà nằm trong bệnh viện, ốm yếu và bệnh tật, nói với bác tôi: “Con trai, hãy đi và tìm em trai con. Đi đi và ở cùng nó. Hai đứa con của mẹ phải thuộc về nhau. Đi đi. Đi đi, con!”

Bà đã nâng niu gìn giữ những bức thư mà bố tôi gửi cho bà kể từ sau chiến tranh trở đi, những bức thư mà trong đó bố tôi đã cẩn thận viết rất chung chung và tránh đề cập đến bất kỳ điều gì về cuộc sống của ông ở London nhằm tránh bị kiểm duyệt. Đây là lần đầu tiên ông bác Sándor của tôi nói xa nói gần tới chuyện ông có một đứa cháu gái và chờ xem liệu tôi có mắc câu không. Nhưng tôi đã không dính mồi, khi đó thì không. Tôi đang nghiên ngẫm thông tin bà nội tôi đã biết tất cả mọi việc về tôi từ khi tôi sinh ra cho đến khi tôi được ba tuổi, cũng là lúc bà mất. Bà có một tấm ảnh chụp tôi. Nó được lồng vào một khung bạc và được đặt trên một cái tủ com-mốt nhỏ trong căn hộ của bà. Nó cũng theo bà vào bệnh viện ung bướu. Tôi đã ở đó, cùng với bà khi bà chết - bác Sándor kể lại - cả hai chúng tôi, ông và cô cháu gái bé nhỏ, đều có mặt ở đó. Ông vẫn còn giữ tấm ảnh đó nhưng dĩ nhiên là không còn khung. Ông phải vứt bỏ cái khung khi ông đi ra nước ngoài nhưng bức hình thì vẫn nằm bên trong túi ngực của áo khoác, gần tim ông, lúc ông rời Budapest. Ông sẽ cho tôi xem vào tuần tới, sau bữa tiệc sinh nhật - một mảnh giấy chưa xén mép có tôi ở trong đó, một bé gái có cái đầu tròn với mái tóc đen đang nằm trên đôi tay của mẹ tôi ở phòng khách của chúng tôi tại Benson Court. Tôi đã quên đôi mắt mẹ tôi từng sáng như thế nào, mái tóc của bà bóng mượt mềm mại ra sao. Có một bàn tay với các móng được cắt sửa gọn gàng đặt trên vai bà nhưng nó bị cắt ngang trong khung hình: bố tôi. Tôi không biết ai đã chụp tấm ảnh này.

Ngày 1 tháng 12, hai tuần sau khi bà nội tôi mất, người con

traì cả của bà đứng trong nghĩa địa, biết rằng giờ đây ông không còn ràng buộc gấn bó với ai, rằng chẳng còn một ai đã từng mang họ Klein đến từ ngôi làng Mád, những người đã bị đẩy tới lò thiêu người của Đức Quốc xã, còn sống, ông lội bộ trong tuyết cùng với một nhóm những người tị nạn khác qua biên giới Hungary vào Áo. Quân đội bắn vào họ khi họ lẫn mất giữa rừng cây. Ông kể, chuyện này đối với ông thật dễ dàng: “Chỉ là một cuộc dạo bộ nhỏ trong rừng so với những gì chúng tôi đã trải qua trong suốt chiến tranh. Lần này lại có cả áo khoác và ủng tốt nữa.”

Một trận bão tuyết xảy đến và che lấp hết mọi dấu vết của họ. Những ánh đèn của ngôi làng đã hiện lên trong tầm mắt ở phía trước. Gió ngừng thổi. Mọi thứ trở nên tĩnh lặng. Một người nào đó nói anh ta nghĩ mình đã trông thấy một con đại bàng và tất cả mọi người phá lên cười. Làm sao có thể có một con đại bàng ở đây được, loài chim trong sách và những câu chuyện cổ tích? Một cậu bé đưa ống tay áo lên chùi mũi và mẹ cậu bắt đầu bảo cậu đừng làm thế vì mũi dãi sẽ làm hỏng cái áo khoác tốt. Bác tôi lúc đó thì mơ màng về tất cả những người tình mà ông đã từng ngủ với họ, tên của họ và thứ tự mà họ đến với ông.

Một cô đội tóc giả vì tóc thật của cô ta đã rụng hết; một cô có một chân bị thọt; một cô có một bàn tay bị khoèo. Đột nhiên, ông nhận ra rằng ông bị cuốn hút tới những người đàn bà hơi chút xấu xí, khiếm khuyết không ở chỗ này thì cũng ở chỗ kia, không phải những người khá hoàn hảo hay đẹp tròn trịa. Ông tự hỏi sao lại như vậy. Nhưng bác tôi không phải là tuýp người có tính cách hay tự vấn nội tâm mình nên ông bỏ lửng luôn suy nghĩ đó.

Họ vượt qua biên giới và bác tôi lần đầu tiên trông thấy

phương Tây. Ông được người ta đưa cho một bộ đồ mới. Ông trải qua vài tuần ở trong một trại tị nạn. Rồi sau đó là tới Vienna và chuyển đi trên một toa tàu tới một nơi mà trước đây ông chưa từng trông thấy bao giờ: một bờ biển. Biển. Xám xịt, cuộn cuộn sóng. Nhấp nhô, lắc lư. Đi phà, cập bến tại Dover và đi tàu hỏa hơi nước về hướng Bắc tới London. Ông kể đó là một ngày trời đẹp, quang đãng và sáng sủa nhưng sương giá và lạnh. Tràn ngập bởi tất cả mọi thứ bên ngoài cửa sổ, con tàu hơi nước ào ào lao qua ánh mặt trời vàng nhạt và bên trong toa tàu, chiếc ghế bọc vải nhung sang trọng màu hạt dẻ mà ông đang ngồi như thấm đẫm nỗi phấn khích của ông.

Những ngôi nhà mới kỳ lạ làm sao!

“Ngôi nhà nào cũng có vườn, ta có thể trông thấy chúng,” - ông kể - “vì chúng nằm ngay sau những đường ray. Một số khu vườn có cây ăn quả; một số thì có những bụi hồng còn số khác thì trông hoang vu, um tùm như thể chẳng có người nào chăm sóc chúng. Cửa sổ thì cao và các ngôi nhà cũng cao. Tôi chưa từng trông thấy cái nhà nào giống như kiểu nhà này ở Hungary, nơi mà chỉ có những khu chung cư mọc quanh một cái sân nhỏ và tất cả mọi người đều biết chuyện của người khác. Sau này tôi nghe được một câu châm ngôn mà người ta nói ở đây: “Nhà của một người Anh là thành trì của người ấy”. Tôi nghĩ, ở Buda, chúng tôi có một tòa lâu đài, nơi Đức vua từng sống. Nhưng ở Anh, tất cả mọi người đều có thể là vua, thậm chí đến ngay cả tôi. Đó là điều tôi đã nghiệm ra ngay cả trước khi tôi đặt chân tới thành phố London.

“Tôi nhìn những ngôi nhà, mở cả hai mắt ra nhìn hau háu. Tôi muốn biết ai là người chủ sở hữu chúng và ai là người sống ở bên trong những căn nhà đó, họ phải trả tiền thuê nhà là bao nhiêu và họ phải trả tiền đó cho ai? Những bộ luật nào quy định

những giao dịch này? Một người như bản thân tôi có thể kiếm được bao nhiêu tiền từ những giao dịch đó? Đây là tất cả những ý nghĩ đã lướt qua đầu tôi lúc con tàu đưa tôi mỗi lúc đến gần hơn với cuộc sống mới của mình. Từ trên tàu hỏa, tôi cũng thấy có nhiều mèo trong các khu vườn. Thậm chí còn có sóc trèo lên trèo xuống các cây và những tổ chim rất sạch sẽ trên những cành cây trơ trụi lá. Tôi ngạc nhiên trước tất cả mọi thứ.

Thời điểm mà bác tôi đặt chân đến Anh là lúc chiến tranh vừa kết thúc. Nếu ông không được cho thôi lao động khổ sai vào năm 1944 và được đưa trở lại Budapest, nếu ông được quân Anh hay Mỹ giải phóng và đưa tới một trại tị nạn, hẳn là ông đã đến Anh sớm hơn đó 10 năm. Ông bảo với tôi, thời đó, ta có thể đến một phòng đấu giá trên phố Queen Victoria và mua một căn nhà với giá chỉ 10 bảng Anh, thậm chí 5 bảng. Hồi đó làm ăn là như vậy. Mua rẻ như bèo rồi bán lại đắt như tôm tươi. Đó là một vận đỏ và chẳng có thuế má gì đối với tiền lời kiếm chác được. Nếu ông đã đến London khi đó thì hẳn ông đã trở thành một triệu phú bất động sản rồi và vào thời điểm người ta tống ông vào tù, ông hẳn đã nghỉ hưu rồi. Nhưng, đặt chân đến London vào năm 1956, ông đặt ra vài câu hỏi, nhận được vài câu trả lời và định hình suy nghĩ về cách một người như bản thân ông, một người tị nạn chẳng có một thứ gì trong tay, có thể tạo dựng một cuộc sống thoải mái như thế nào, thậm chí là phát đạt và trở nên giàu có.

Chính một cuộc gặp tình cờ trên đường phố đã dẫn ông tới một lĩnh vực kinh doanh mới. Bác tôi cũng thích có mặt ở trung tâm của mọi sự kiện, nơi mà người ta tụ tập, nơi mà ta có thể nhìn thấy một cơ hội, chứ không phải ngồi giam mình trên giường, ngó chăm chăm vào bốn bức tường. Ông nhận thấy cái nơi mà sau này trở thành đại lộ Piccadilly Circus, nơi có tượng

thần Tình yêu cầm cung tên, là nơi mà tất cả mọi người đều nghĩ rất nhiều về nó; hay khu phố Oxford Circus - nơi bốn con đường quan trọng giao nhau và mỗi con đường đều có nhiều cửa hàng lớn với đông người qua lại - cũng vậy. Những người qua lại nơi đây đều có tiền trong túi và có nhu cầu mua sắm. Có một cơ hội làm ăn và tất cả mọi người ai ai cũng nhận thấy điều đó.

Vào một ngày thứ bảy mùa đông ngay trước thêm Giáng sinh, trên phố Regent, vào khoảng 5 giờ chiều, ông bác Sándor của tôi đi ngang qua một cậu thanh niên bán những con gấu đồ chơi vắn dây cốt dựng trong một cái va li.

Anh chàng nhà nghèo chắc chỉ mới 22-23 tuổi nhưng đã hói sạch và đội một mái tóc giả trông gớm ghiếc. Mặc bộ đồ rẻ tiền, mang đôi giày kép da đánh màu xanh, anh ta lên dây cốt cho những con gấu rồi thả chúng chạy khắp trên vỉa hè, dưới chân của đám đông người qua đường đang tụ tập lại để xem. Bác tôi chẳng thích thú gì với mấy thứ đồ trẻ con đó nhưng ông chẳng có việc gì khác để làm. Ông quan sát anh chàng kia bán mấy con gấu đồ chơi. Anh ta bán rất chạy và dễ dàng. Nhưng anh chàng kia, về phần mình, đã trông thấy Sándor đang quan sát anh ta và ngay lập tức, bác tôi hiểu rằng anh ta nghĩ bác tôi là cảnh sát vì anh ta bắt đầu hốt hoảng cuống cuống vơ tất cả mấy con gấu đồ chơi ném vào chiếc thùng.

Anh ta không phải là một người khéo léo. Mấy con gấu bị lộn đầu trên vỉa hè. Một số con bị gãy đầu, gãy chân gãy tay vĩ rõ ràng chúng chỉ là mấy món đồ chơi rẻ tiền và có lẽ là đồ ăn cắp ở đâu đó. Hình ảnh mấy con gấu bị gãy tay gãy chân, què cụt đã làm lũ trẻ con hoảng sợ. Một vài đứa bắt đầu la khóc.

“Tôi muốn anh trả lại tiền cho tôi” - một người phụ nữ đòi và cố giằng con gấu đã mua ra khỏi tay của cậu con trai nhưng

một khi trẻ con đã có đồ chơi rồi thì nó sẽ không bao giờ thả ra. Giờ thì cảnh tượng thật ồn ào với những tiếng la hét, gào khóc trong lúc anh chàng có mái tóc giả cứ chạy vòng quanh, cố nhặt hết tất cả mọi con gấu. Với vốn tiếng Anh rất cơ bản của mình, ông bác Sándor cố giải thích với anh ta rằng ông không phải là cảnh sát và chứng minh điều đó qua bàn tay và đầu gối của mình. Rồi ông giúp anh chàng kia nhặt bỏ mấy con gấu vào trong thùng. Cả hai cùng nhau cố gắng sửa chữa, gắn lại đầu và tay chân của lũ gấu đồ chơi rồi vặn cái khóa lên dây cốt xem chúng có còn chạy được nữa hay không. Và giờ thì họ đã có rất nhiều con gấu chạy vòng quanh. Một cách khá tự nhiên, họ nhận thấy ngôn ngữ tốt nhất để hiểu nhau không phải là tiếng Anh, dĩ nhiên cũng không phải là tiếng Hungary, thứ tiếng mà anh chàng kia chẳng hề biết lấy đến một chữ, mà là tiếng Yiddish^[56], tiếng mẹ đẻ của họ, thứ tiếng mà họ đã học hồi còn là những cậu bé, một ở ngôi làng tại Zémlen và một ở Bethnal Green. Một ngôn ngữ mà ngày nay, thậm chí là trước đây, không còn được sử dụng ở tất cả các nước châu Âu, giờ đây đã vượt qua mọi biên giới. Bằng cách này, một người Anh và một người Hungary có thể nói chuyện được với nhau. Nói bằng tiếng Yiddish. Tên của anh chàng thanh niên đó là Mickey Elf. Họ đi đến một quán rượu để cùng nhau uống và bác tôi giải thích về hoàn cảnh của mình để Mickey biết ngay từ đầu rằng mặc dù ông là một người nhập cư, một dân tị nạn trong khi Mickey sinh ra ở đây nhưng ông sẽ làm chủ. Và thế là họ bắt đầu công việc làm ăn cùng nhau. Mickey lo một việc còn bác tôi lo một việc khác. Mickey có tất cả mọi mối quan hệ. Theo lời khuyên của Mickey, bác tôi mở một dịch vụ trung gian về thuê nhà, công việc mà ai cũng có thể làm. Ta có thể điều hành công việc kinh doanh từ một buồng ngủ nhưng sở hữu những căn

nhà và lấy tiền thuê nhà mới là nơi để ra tiền. Mickey giải thích, ta có thể mua nhà với giá rất rẻ, nhưng vấn đề rắc rối nằm ở chỗ những người thuê nhà bị kiểm soát, những người thuê được pháp luật bảo vệ: ta không thể tống khứ họ đi hay tăng tiền thuê nhà lên được. Ta cần phải tìm ra nhiều cách thức và phương tiện để lách vấn đề này. Bác tôi nói cách thức và phương tiện thì lúc nào mà chẳng có, dĩ nhiên là như vậy rồi. Nó đòi hỏi phải có đầu óc thông minh mưu mẹo và điều này thì bác tôi có.

Những gì mà tôi biết, những gì mà bất cứ ai theo dõi vụ xét xử bác tôi cũng biết - hay những gì mà họ đọc về ông trên các báo và nhìn chăm chăm khuôn mặt quý sứ của ông - là tình trạng bản thủ, hơi nước đọng lại trên các bức tường chảy thành dòng, những đứa trẻ chết vì bệnh viêm phế quản, cái rét buốt run người mà những người từ vùng Carribe vừa mới chân ướt chân ráo đặt chân tới London phải chịu đựng khi thuê nhà của ông bác tôi.

“Để tôi nói cho cô biết ai là người mà không ai muốn cho thuê nhà, - ông nói với tôi. - Đó là những người da màu, những người Tây Ấn đã rời khỏi các hòn đảo của mình tới đây trên những chiếc thuyền, những người mà người ta mang đến đây để lái xe buýt và tất cả công việc chỉ có thế. Tại sao? Tại sao người ta không muốn cho họ thuê nhà? Tiền của họ cũng có màu giống như tiền của bất kỳ người nào khác, chẳng khác nhau tí nào. Đồng 10 shilling trong tay một người Anh cũng có màu nâu như trong tay của một người Jamaica.”

“Định kiến. Tất cả chuyện này cũng chỉ vì thế. Họ đặt chân đến nhà ga Victoria, nhân tiện tôi cũng nói cho cô biết đó cũng là nơi tôi được đưa đến, và tất cả hành lý của họ bị chất thành một đống lớn cạnh sân ga. Họ đến cùng với một niềm hi vọng

trần trề trong tim nhưng họ đã tìm thấy gì nào? Những biển hiệu. Cấm người da màu. Cấm chó. Những biển hiệu này tôi đã biết do những trải nghiệm trước đó của tôi dù da của tôi có màu nhợt tái.

Không ai buộc những người da màu đó tới thuê nhà của tôi. Tôi chẳng sai một đĩa đầu bò đầu bấu nào ra ngoài để cò môi dụ dỗ khách hàng. Tất cả mọi người đều biết tên của tôi. Ngày đó, với họ, cái tên Sándor Kovacs cũng nổi tiếng ngang ngửa với công tước Ellington hay võ sĩ nhà nghề Sonny Liston. Tại tòa, một quý ông Tây Ấn đã cố nói cho tôi: “ông ấy là một vị cứu tinh và mọi người kính trọng ông ấy.” Đó là những gì ông ta nói và ông ta thậm chí không phải là một trong những khách thuê nhà của tôi mà là người mà người ta gọi là nhân viên xã hội. Thế thì có phải là tôi đã cho thuê nhà với cái giá cao hơn giá mà một người thuê nhà bị quản lý cần phải trả hay không? Tôi là người nhân đức, từ thiện đấy chứ?”

“Nói về một căn hộ, một căn phòng không có đồ đạc, ta không thể đẩy người thuê nhà ra ngoài, họ có thể ở đó cả đời và ta thậm chí không thể tăng tiền cho thuê nhà nếu không muốn ra tòa. Đó là luật. Còn về một căn hộ có đồ đạc đầy đủ thì đây lại là một vấn đề khác. Đối với khách thuê những căn hộ được trang bị đầy đủ, ta có thể lấy giá cho thuê ngang với mức thị trường chấp nhận và ta có thể gửi thông báo cho họ trước một tháng. Nếu họ không dọn ra, ta có thể kêu cảnh sát tới *tống* họ ra ngoài.”

“Giờ thì xem một người Tây Ấn có đồ đạc gì của mình nào? Anh ta đến đây mà không có giường, có bàn. Tôi chu cấp cho anh ta tất cả mọi thứ - giường, bàn, bếp hâm để anh ta có thể nấu cơm và đậu. Có thể là chiếu có mùi nước tiểu. Nhưng thế thì đã sao nào? Ở cái nơi mà tôi đã ra đi ấy, thậm chí còn chẳng

sang đến mức có chiếu. Để tôi nói cho cô nghe, đối với tôi, những căn phòng mà tôi cho thuê chắc chắn phải gọi là cung điện vào thời chiến tranh. Bọn họ gọi tôi là một tên ăn bám. Nghe này, những kẻ ăn bám là tội quý tộc, những kẻ chủ nhân ngồi chễm chệ trên cái mông của chúng cả trăm năm, chờ những hợp đồng thuê nhà tới. Còn tôi, vào những ngày đầu chân ướt chân ráo đặt chân tới đây, tôi đã làm việc bất kể ngày đêm từ những ngày đầu, đi thu tiền thuê nhà và thu tiền xu ở các điểm lắp đồng hồ đo khí đốt. Phải, trước khi tôi có một chiếc xe hơi, tôi đã trút những đồng xu lẻ kiếm được vào những cái thùng rồi lôi chúng về nhà bằng xe buýt. Đây, chuyện làm ăn kinh doanh của tôi hồi đầu là như thế đấy.”

“ Về sau, tôi có một đội ngũ những người chuyên đi thu tiền thuê nhà. Tôi luôn luôn thuê người của họ, những người Tây Ấn khác, cũng giống như họ. Tôi cho họ một công việc khi tất cả mọi cánh cửa đều đóng sầm vào mặt họ. Tôi nói với họ, tiền thuê nhà là 6 bảng Anh. Anh có thể giữ lại 5 bảng. Cô thấy không, họ sống nhờ vào tiền hoa hồng, họ có một động cơ làm việc. Tại tòa, tôi nghe rằng họ đã đe dọa những người thuê nhà nếu những người này không trả tiền đúng hạn. Trong chuyện này, đây là lỗi của ai? Tôi chưa bao giờ đe dọa một người nào hết. Lẽ ra người ta nên khiếu nại người của họ chứ không phải tôi.

“ Dĩ nhiên khi người Tây Ấn dọn tới ở thì những người thuê nhà da trắng làm ầm ĩ cả lên. Những người da trắng này chỉ phải trả 1 bảng một tuần mà vẫn kêu ca phàn nàn, trong khi đó số tiền thuê nhà quá nhỏ mọn nên gần như chẳng phải đáng để tôi thu tiền của họ. Họ phàn nàn rằng, làm sao tôi dám để họ thành hàng xóm với những người da đen đó? Họ chơi nhạc suốt đêm, uống rượu mạnh, tổ chức tiệc tùng. Lại còn nuôi súc vật

nữa.”

“Các người không thích điều này sao? tôi bảo. Thế thì chuyển đi chỗ khác.”

“Giờ thì họ buộc tội tôi là đã ép buộc họ ra khỏi nhà họ, cho lũ dốt mồi và gái điếm vào ở những căn nhà đang hoang. Đây là một vấn đề khác. Đến giờ này thì cô đã biết tôi rồi. Cô biết là tôi luôn luôn làm công việc mồi lái này mà.”

Nhưng còn chuyện về người em trai của bác thì như thế nào? Tôi cắt ngang lời bác tôi. Việc tái hợp giữa hai anh em diễn ra ra sao?

Bác tôi trông hết sức giận dữ. “Không,” - ông đáp cụt lủn - “chuyện đó không thành”. Rồi bác tôi vươn người tới trước để tắt chiếc máy thu âm. Tôi cần phải hiểu rằng buổi trò chuyện của chúng tôi hôm nay tới đây là kết thúc và đã đến lúc tôi bắt đầu đánh máy lại nội dung.

15

Một nhóm thợ khác đến một ngày trước khi diễn ra bữa tiệc sinh nhật của tôi. Họ dựng một cái rạp màu đỏ thẫm che khắp khu vườn. Cái rạp hắt ánh sáng màu hồng lung linh lên tất cả mọi thứ khi tấm vải bạt vô pháp phồng theo làn gió nhẹ. Họ đứng trên những cái thang và trang trí rạp bằng những vòng hoa và những bìa cứng nhũ vàng dày. Một đầu, họ dựng một cái cổng hoa và đặt một cái bục bằng gỗ ba bậc sơn màu vàng dẫn lên một sân khấu có ngai vàng mà ở phía trên có một mũ miện được treo lơ lửng vào một đoạn dây thừng gắn vào một cái ròng rọc. Những chiếc bàn dài phủ khăn trắng chất đầy các thùng kem, ly, đĩa và dao nĩa đi thuê. Nhiều chiếc bàn và ghế nhỏ được xếp rải rác xung quanh. Mỗi một cái ghế đều được thắt một cái nơ vàng và một miếng bìa cứng mạ vàng dày có một chùm tua bạc. Mặt đất gỗ ghê đã được đầm lặn cho phẳng và cỏ nhân tạo đã được xếp xuống.

– Nhìn xem này, - bác tôi gọi. - Cô đã từng nhìn thấy một cảnh tượng như thế này bao giờ chưa? Thật là tuyệt vời! Và tôi không nghĩ là trời sẽ mưa. Người ta nói buổi tối ngày mai sẽ là một buổi tối đẹp trời.

– Anh làm mọi thứ đẹp quá, Sándor - Eunice nhận xét. - Nơi này giống như một cung điện thần tiên ấy. Hơn cả lễ kỷ niệm ngày lên ngôi trị vì của Nữ hoàng rất nhiều nữa đấy!

– Cái lễ đó là dành cho Nữ hoàng nhưng cô gái này cũng là một nữ hoàng đấy chứ. Chờ cho trời tối, người ta sẽ đem đèn lồng tối, đèn lồng giấy nhưng có nến thật ở trong. Cả đồ ăn

nữa! Sẽ rất lộng lẫy. Tôi nói từ lộng lẫy có đúng không?

– Dạ, đúng ạ, - tôi đáp.

– Thấy chưa? Suốt thời gian qua, tiếng Anh của tôi luôn khá lên rồi đấy. Thật là một dịp may mắn cho tôi khi tôi gặp cô lúc đó trong công viên.

– Vâng, quả là một sự tình cờ hay tuyệt! - tôi nói. Tới giờ thì tôi nghĩ rằng cả bác Sándor và tôi, mỗi người đều biết về những gì mà người kia biết. Có hai con mèo đã giữ chặt mắt lưới của chúng tôi. Chúng thọc móng vuốt của chúng vào đó. Nhưng, đêm nay sẽ là đêm của tiết lộ bí mật, đêm của sự đoàn tụ giữa hai anh em và phơi bày những bí mật còn lại.

– Ai đã lo liệu sắp xếp trang hoàng tất cả mọi thứ ở đây thế ạ?

– Tôi hỏi, mắt nhìn quanh với vẻ kính nể, nhớ lại hình ảnh khách sạn Negresco và vẻ thanh lịch sang trọng của nó.

– Dĩ nhiên là cửa hàng Harrods rồi. Cửa hàng tốt nhất trên thế giới, nơi mà như tôi đã nói với cô, ta có thể mua bất cứ thứ gì mình muốn, từ một con mèo, một con chó cho đến một cái rạp. Họ chăm chút tất cả mọi thứ. Họ là những người phải nói là rất, rất giỏi. Và tôi cũng có một bất ngờ, một bất ngờ lớn dành cho cô, Meeranda.

– Ô, phải rồi, *Miranda* - Eunice vừa nói vừa quay sang tôi. - Còn ai được bảo trợ nữa. Vì cô ấy sắp đón sinh nhật của mình mà.

– Không phải ngày nào cũng là ngày người ta tròn 25 tuổi đâu, - bác tôi nói. - Ngày tôi 25 tuổi lại là một chuyện khác.

– Thậm chí cô còn không phải là bà con họ hàng với Sándor, phải không Miranda? - Eunice hỏi, xoáy đôi mắt đen của mình vào tôi.

– Nhưng tối nay chúng ta sẽ gặp gia đình cô ấy. Cô nói là họ sẽ đến tối nay, phải không?

– Vâng ạ, bố mẹ cháu sẽ đến.

– Tuyệt. Họ sẽ có một sự ngạc nhiên thú vị cho mà xem, - bác tôi nói.

– Thực vậy ạ? À, nhân tiện, bác cho cháu hỏi ai sẽ ngồi lên cái ngai vàng ấy ạ?

– Dĩ nhiên là cô chứ còn ai. Cô là nữ hoàng mà.

Tôi nhìn lên cái ngai vàng, cảm thấy thất kinh. Một nỗi khiếp đảm lạnh lẽo tràn ngập khắp người tôi. “Cháu sẽ không ngồi lên đấy đâu!”

– Đừng có ngớ ngẩn thế. Còn ai đáng ngồi vào đó nào?

– Cháu không biết, nhưng cháu sẽ không ngồi đâu.

– Sao lại không ngồi?

– Xấu hổ lắm!

– Cô sợ là mặt mình sẽ đỏ lên vì mọi người nhìn ngắm cô ư? Đừng lo! Tại đây, cô ở giữa bạn bè mà!

– Tôi không ngại ngồi vào một ngai vàng - Eunice nói. - Tôi không thể quay trở lại thuở còn 25 của mình được nữa nhưng nếu một người đàn ông muốn đối xử với tôi giống như một nữ hoàng thì tôi sẽ không ném trả nó lại vào mặt ông ấy đâu.

Tôi bắt đầu hoảng. Liệu có thể không xuất hiện trong bữa sinh nhật của mình vào phút cuối và ngăn mọi người đừng đến dự được không?

– Và chúng tôi có một chiếc váy mới cho cô - bác Sándor nói. - Chờ tới khi cô thấy nó. Nó đẹp lắm. Eunice đã đặt mua một chiếc váy đặc biệt.

– Đúng đấy, đặt hàng từ Italy.

- Nó đâu rồi ạ? - tôi hỏi và nhìn quanh.
- Tôi đã yêu cầu gửi đi rồi, - bác tôi nói.
- Gửi tới đâu ạ?
- Dĩ nhiên là tới nhà cô rồi.
- Nhưng bác có biết địa chỉ nhà cháu đâu.
- Ôi, cô gái của tôi! Tôi có nhiều bạn bè. Họ biết tất cả mọi thứ về một người. - Bác tôi cầm một bàn tay của tôi và hôn lên đó. Đôi mắt của ông ươn ướt. Thế là sau đó tôi gật đầu đồng ý.

Tất cả mọi người đều sắp sửa đến bữa tiệc để gặp mặt người đàn ông bí ẩn có một thư viện lớn, người đã thuê tôi làm suốt hai tháng qua. Bố mẹ tôi đã đồng ý đến dự. Gilbert, anh chàng họa sĩ vẽ tranh biếm họa, hứa sẽ xuất hiện, bà vũ công ballet già về hưu cùng với ông chồng là “đại gia” của bà chắc chắn sẽ đến vì họ yêu thích tiệc tùng đủ loại, đặc biệt là kiểu tiệc tùng mà ở đó ông chồng sẽ gặp những quý cô mới, trẻ trung, chưa đính hôn với ai còn bà vợ thì sẽ có một cơ hội để nhớ lại những ngày đứng trên sân khấu biểu diễn. Một số bạn của tôi trong Liên minh chống Quốc xã đã nhận lời mời, và dĩ nhiên là người cộng tác với bác tôi, Mickey Elf và vợ của anh ta là Sandra, cũng sẽ có mặt. Chỉ có Claude là không thể đến được vì anh ta làm ca đêm. Anh ta sẽ đến khi cái chai rỗng cuối cùng được vớt vào thùng rác. Nhưng, anh ta sẽ có một món quà cho tôi vì theo lời anh ta nói thì “Anh có lương và anh có thể mua được món quà đó. Nó sẽ làm em ngạc nhiên cho mà xem”.

Có quá nhiều sự ngạc nhiên.

Tôi về nhà vào đầu giờ trưa và thấy mẹ tôi đang đứng ở hành lang, tay cầm một cái hộp.

- Có thứ gì đó được gửi cho con. Cái gì thế nhỉ? - bà hỏi. - Mẹ không thể chờ đợi lâu hơn được nữa. Con mở nó ra đi.

- Con nghĩ đó là một cái váy, mẹ ạ.
- Ai mua váy cho con mới được chứ?
- Một người ngưỡng mộ con.
- Ôi, giờ thì con đây những bí mật.
- Mẹ đừng nhắc tới những điều bí mật với con nữa, - tôi vừa nói vừa mở cái hộp. - Mẹ mới là người toàn có những bí mật chứ không phải con.

Bố mẹ tôi mất vài ngày lo lắng về bữa tiệc sinh nhật: họ sẽ đến đó bằng cách nào, họ sẽ mặc gì và liệu có thích hợp không khi mang một món quà nào đó tặng cho vị chủ nhà, có lẽ là một hộp kẹo bạc hà After Eight hay chocolate Black Magic, thứ mà họ đã nhìn thấy ở các cửa hàng và cho rằng nó hết sức sành điệu, mang tính thượng lưu. Mẹ tôi tìm mua được một chiếc váy vải linen màu kem mới chỉ lỗi một vài mùa ở cửa hàng Oxfam. Bà thắt một cái nơ lên chiếc gậy nâu một đầu bọc cao su của mình vì “cái gậy này mới cũ kĩ và xấu xí làm sao. Đôi khi, mẹ cảm thấy xấu hổ khi phải mang theo nó”. Tôi nhìn bà, người phụ nữ suốt đời phải mang dấu ấn khuyết tật của mình, đang bện những vòng vải satin trắng thành một cái nơ. Bà ngược lên nhìn tôi. “Rồi, con xem. Trông nó đẹp hơn nhiều, phải không?”

Cho đến giờ tôi vẫn không biết mẹ tôi hẳn đã căm ghét cái biểu tượng cho sự tàn tật suốt đời của bà đến mức nào. Tôi nghĩ vì bà mặc những cái áo ghi lê nỉ màu nâu nên bà không quan tâm đến chuyện mình trông ra sao, mặc chúng đơn giản chỉ vì sự hữu dụng, tiện lợi. Tôi cảm thấy xấu hổ khi nhận ra rằng trước đây tôi chưa từng để ý đến chuyện cái gậy xấu xí luôn đi cùng bà và nó hẳn đã làm cho bà cảm thấy xấu xí theo.

Bà ngược lên nhìn vào khuôn mặt tôi.

– Sao? Không đẹp à? Mẹ nên cởi nó ra phải không?

– Đừng, mẹ! Cứ để như vậy. Nó làm cho cái gậy trông sinh động hơn một chút.

– Mẹ không muốn con bị mất mặt trước bạn bè và người đàn ông quan trọng đang thuê con làm. Chỉ mình cha con bị mất mặt về chuyện này cũng đủ lắm rồi.

– Con sẽ không bao giờ thấy mất mặt vì mẹ, - tôi nói - mẹ đừng suy nghĩ như thế nữa. Khi mẹ ở tuổi con bây giờ, mẹ có ghét cảnh lúc nào cũng phải đem theo kè kè một cái gậy không hở mẹ?

– Dĩ nhiên rồi, sao một cô gái trẻ lại thích chứ?

– Thế nó có làm mẹ xấu hổ trước các chàng trai không?

– Có.

– Thế mẹ gặp bố con như thế nào?

Bà dừng lại, đoạn mỉm cười. Mẹ tôi có một cái miệng có duyên, cái mà người ta bảo tôi được thừa hưởng từ bà. Khuôn mặt xanh xao của bà bừng lên một nét tươi tắn khỏe khoắn vốn bị lu mờ dần theo năm tháng và vỡ vụn. Những nụ cười thảng hoặc đó làm bà trông rạng rỡ hẳn lên.

– Để mẹ kể cho con nghe một bí mật nhưng con đừng có kể lại với bố con. Mẹ chỉ kể cho con nghe vì đó là một ngày đặc biệt. Không phải bố con là người đầu tiên mẹ gặp trong gia đình bố đâu mà là người anh kinh khủng của bố con đấy. Ông ấy đi ngang qua mẹ khi mẹ đang ngồi trong một quán cà phê cùng với một số người bạn gái. Ông ấy đẩy nhẹ chiếc mũ của mình, như thế này này. Không phải để chào những người khác mà là chào mẹ. Cái gậy của mẹ đang dựa vào bàn. Vì thế, không thể có chuyện ông ấy nhầm, ông ấy biết là mẹ bị tật ở chân. Mẹ hết sức ngạc nhiên và đỏ ửng cả mặt nhưng ông ấy lại gần và

hỏi mẹ có muốn hôm sau cùng ông ấy đi ăn kem không. Ồ, con biết không, trước đó chưa từng có ai để ý đến mẹ theo cách này. Vậy nên mẹ đi. Tại sao không cơ chứ? Đó là một dịp may tình cờ đối với mẹ. Mẹ đi, hoàn toàn chỉ có một mình. Lúc đó mẹ 18 tuổi.

– Đó là ở đâu hả mẹ?

– Ồ, một quán cà phê dọc bờ sông, nơi mình có thể ngồi ở ngoài trời, ăn kem, nhìn ngắm Buda, bờ bên kia của thành phố, và những con thuyền đang giương buồm chạy dọc sông. Lúc đó thì chỉ sau vài phút, thậm chí một người ngây thơ cũng có thể nhận ra rằng ông ấy là một người xấu, một người lẳng nhăng, hoàn toàn không phải là người thích hợp với mẹ. Nhưng sau đó, bố Ervin của con, xuất hiện và ông ấy giới thiệu mẹ với bố. Và rồi chuyện tình cảm giữa mẹ với bố con tiến triển tốt.

– Vậy là mẹ biết bác Sándor trước bố?

– Đúng là như vậy, trước chỉ có một ngày. Nhưng mẹ phải thừa nhận rằng nếu mẹ không bao giờ gặp ông ấy thì sau đó mẹ cũng chẳng bao giờ gặp được bố con rồi làm sao có con bây giờ, nhỉ?

– Con sẽ không có mặt trên đời này.

– Con nói chính xác đấy.

– Và sau đó, dĩ nhiên là bố con có đầu óc khôn ngoan đưa chúng ta ra khỏi Hungary đúng lúc. Sándor không có được khả năng xét đoán tình hình thông minh như vậy.

– Lúc đó trông bác Sándor thế nào hở mẹ?

– Xấu trai nhưng đồng thời cũng rất thu hút quyến rũ. Để ý mà xem, ông ấy là một kẻ dốt mồi. Ông ấy biết cách nói chuyện với phụ nữ như thế nào.

– Sao mẹ lại nghĩ bác Sándor đẩy mũ để chào mẹ và mời mẹ

đi ăn kem?

- Mẹ không biết. Ông ấy là một người phức tạp.
- Thế mẹ thấy điểm gì hấp dẫn ở bố con?
- Ông ấy có đôi mắt đẹp, ngay cả khi đeo kính. Đôi mắt của một người đàn ông hay để ý.

Sáng hôm sau, lúc đang ăn sáng, bố mẹ tôi tặng cho tôi một món quà sinh nhật, một dây chuyền làm từ hạt ngọc trai nhỏ. “Vì bố mẹ biết là con đã trải qua một thời gian kinh khủng như thế nào,” - bố tôi nói. - “Con cần phải có một thứ gì đó đặc biệt. Đừng nghĩ là bố mẹ không biết gì hay không quan tâm đến những gì con phải chịu đựng. Hết chuyện này đến chuyện khác”.

- Đúng là như vậy đấy - mẹ tôi phụ họa.

Cái dây chuyền ngọc trai này là biểu tượng cho tình yêu của bố mẹ dành cho tôi, một tình yêu được bày tỏ một cách vụng về, kỳ quặc nhưng tình yêu nào cũng giống nhau cả. Thánh thi đã nói tình yêu mạnh hơn cái chết và dữ dội hơn cả năm mô. Tình yêu của bố mẹ tôi đối với tôi không phải như vậy sao?

Mãi đến trưa muộn tôi mới đến nhà bác Sándor. Ông bảo tôi rằng mình đang bận nhiều việc khác nhau. Chắc chắn là để tạo thêm nhiều bất ngờ nữa. Mẹ tôi gọi đầu và tôi giúp bà tạo kiểu tóc. Chúng tôi thử dành vài phút trang điểm nhưng sau đó cả bà và tôi đều thấy rằng bà trông đẹp hơn khi không có phấn son. Thế là mẹ tôi lại chùi đi.

- Mẹ là một người giản dị - bà nói. - Đó là con người mẹ.

Khi bố tôi từ chỗ làm về nhà, ông đi ra ngoài với một cái kéo, xuống khu vườn tập thể của khu nhà. Đây là lần đầu tiên ông xuống khu vườn này kể từ cái đêm cuối cùng trốn trong hầm trú ẩn ở dưới đất để tránh pháo kích vào năm 1944. Bố tôi cắt

một bông hồng vàng, một bông hoa mới hé đang trong giai đoạn tự bung cánh. Rồi ông mang bông hoa trở lại thang máy để đi lên. Cành cây có gai nhọn được bọc cẩn thận trong một mảnh giấy vệ sinh. Bố tôi ngồi xuống bàn và dùng kéo cắt gọn những cái gai, cho cành hồng vào một cốc nước, để dành chốc nữa cài vào khuyết áo.

– Giờ thì đó là kết quả của một sự cố gắng, – mẹ tôi nhận xét.

Khu vườn đang chờ đợi. Tôi phải trao nó lại cho bác tôi. Ông đã thực hiện một công việc tổ chức sự kiện tuyệt vời. Thời tiết vẫn đẹp chiều lòng chúng tôi. Đó là một buổi tối mùa hè êm dịu, không khí không quá ẩm, một đêm mà ta có thể diện những bộ đồ không tay và có lẽ là đi cùng với một cái khăn choàng nhỏ. Tất cả mọi khả năng là bữa tiệc này sẽ thành công rực rỡ. Tôi bỗng nhớ tới một câu nói của Claude cách đây vài ngày, rằng đường sắt sẽ hoạt động hoàn hảo nếu nó không vì hành khách.

Cả ba chúng tôi – tôi, bác Sándor và Eunice – đứng dưới cái mái vải bạt màu hồng, bốn chôn chờ đợi những vị khách đầu tiên tới. Bác tôi nắm lấy tay của người tình. Trong phút chốc, tôi thoáng thấy hình ảnh ông vào cái thời hoàng kim, một căn nhà trên Đại lộ Bishops với toàn những món đồ đắt tiền, cái dây đồng hồ đeo tay nam kim cương, đôi giày da lộn. Ông thì thầm điều gì đó với Eunice của mình và cô người tình bật cười.

Nhiều phút trôi qua và cả ba người chúng tôi đều trải qua cảm giác hoang mang lo lắng của những người tổ chức tiệc mà không có khách nào đến dự, dù tôi biết bố mẹ tôi đã đi rồi, đã bắt đầu khởi hành tới ga tàu điện ngầm. Nhưng rồi cũng có hai bóng người xuất hiện. Một người đàn ông trông giống thần lùn giữ cửa với một mái tóc rõ ràng là giả cùng với một phụ nữ tóc

vàng, mặt đỏ, cao hơn người đàn ông vài centimet, và mặc một bộ đồ nhung màu xanh da trời tươi tắn.

– À, Mickey! – bác tôi vừa nói vừa ôm người đàn ông. – Bánh và đến sớm đây!

– Hơi tí thôi, hơi tí thôi.

– Anh ấy vừa ăn bữa điểm tâm cách đây không lâu đâu. – Sandra nói. – Với cá chiên ngậy ngắt và nước sốt cà chua nấm. Anh gọi đây là bữa điểm tâm sao? Em phải đứng suốt cả ngày để chiên cá nóng cho anh à?

– Chất đạm đem lại cho ta năng lượng, – Mickey nói. – Cá là thức ăn tốt cho trí não.

– Tất cả chúng ta đều biết ai là người quanh đây có đầu óc thông minh, phải vậy không, hử Sammy?

– Nhưng Mickey của em có một trái tim tốt, Sandra à. Điều đó đáng giá lắm đây.

– Cô hẳn là cô gái của bữa tiệc sinh nhật, – Mickey quay sang tôi nói. – Tôi hôn cô một cái được chứ?

Tôi chìa má ra. Hơi thở của anh ta có mùi rượu whisky, cá bơn sao và nước sốt cà chua.

– Dạo này anh sao rồi hử Mickey? – bác tôi hỏi.

– À, cứ chạy ào ào chỗ này chỗ nọ ấy mà.

– Tối qua anh ấy ngủ trong nhà kho đấy, – Sandra nói.

– Kinh doanh mà, người yêu của anh. Anh không muốn quấy rầy em.

– Anh cất giữ thứ gì trong kho của mình thế? – tôi hỏi Mickey.

– Đủ mọi thứ trên đời – anh ta đáp gọn lỏn. – Ở đây có thứ gì uống không?

– Dĩ nhiên rồi - bác tôi nói. - Thậm chí anh còn không phải tự phục vụ mình nữa cơ. Chúng tôi sẽ gọi mấy bồi bàn đem tới ngay cho anh bây giờ.

– Chiếc váy mới sang trọng làm sao! - Sandra nói với tôi khi hai người đàn ông đi ra để kêu nhóm phục vụ nước uống bắt đầu tiếp đãi khách.

– Là quà của bác Sándor đấy. Nhưng do cô Eunice chọn.

– Cô nàng da đen này có mắt thẩm mỹ gồm nhì. Tôi phải công nhận đấy. Nhìn xem cái áo dài tôi đang mặc này. Chỉ mất có 3 bảng và thêm vài xu lẻ sửa lại để được đẹp như thế này. Anh Mickey của tôi thì có mái tóc giả tốt nhất đấy. Nó được làm đặc biệt dành cho anh ấy. Mái tóc màu hạt dẻ tuyệt đẹp, trông rất tự nhiên, cô có thấy như vậy không?

– Nhưng nhìn thì vẫn nhận ra đó là tóc giả - tôi nói.

– Ái chà, hiển nhiên rồi. Nếu ta định tiêu một khoản tiền lớn thì ta cũng muốn có thứ gì chứng ra để cho thấy là mình đã tiêu tiền chứ.

Khu vườn giờ đây đang hiện diện một không khí sôi nổi phấn khích lạng lẽ, không khí của một không gian sắp sửa được lấp đầy người, dù một số người sẽ không bao giờ cảm thấy như vậy và sẽ rơi vào trạng thái thất vọng. Anh chàng Jim của lớp học tango đã đến và sau đó là một cặp mà tôi không biết. Rồi thêm nhiều người khiêu vũ tango đến. Tất cả đều thốt lên trầm trồ về cái rạp và cách bài trí, trang hoàng. Không lâu sau, hai người bạn của tôi trong Liên minh chống Quốc xã bước vào. Thoạt đầu, họ nhìn quanh một cách ngập ngừng, choáng trước vẻ xa hoa của cái rạp, tiệc buffet và dĩ nhiên là cả cái ngai vàng kinh khủng cùng cái vương miện bằng giấy bồi mạ vàng và bạc dày. Tôi không nghĩ là họ nhận ra bác tôi. Chuyện của ông xảy

ra lâu rồi. Lúc đó họ chỉ là những đứa trẻ, giống như tôi. Hơn nữa, ai lại nghĩ sẽ gặp một kẻ sát hại những đứa bé da đen trong những căn buồng rét cóng vừa dùng để ngủ vừa dùng để tiếp khách, đang khoác tay một phụ nữ như Eunice kia chứ?

Thấy đám khách của lớp học tango đang nhìn quanh thán phục sự bài trí, trang hoàng, hai người bị hút về đó và chẳng mấy chốc họ lập thành một nhóm ồn ào bàn tán sôi nổi về tình hình chính trị.

– Bọn chúng sẽ vào cửa hàng - giọng Jim oang oang. - Chúng sẽ làm cho lũ trẻ con đang mua kẹo và bà lão già đang mua tạp chí ở đó hoảng sợ. Phải để ý đến cách ăn mặc của bọn chúng nó nhé. Quần xắn lửng lên đầu gối, giày ống lớn có dây buộc, đầu tóc cạo trọc lóc.

– Anh phải hiểu rằng - Dave nói - gã Tyndall^[57] và lũ du thủ du thực của hắn đang lợi dụng mấy thằng ranh con của những tổ chức đó để phục dựng tư tưởng Quốc xã, bóc lột tầng lớp lao động. Bọn đó không phải chỉ là lũ cực đoan phân biệt chủng tộc mà là quân phát xít và lúc này, thay vì nhắm vào những người Do Thái, chúng lại chĩa mũi dùi tấn công vào những người như anh. Chúng ta phải chống trả, tận dụng tất cả mọi cơ hội chống trả chúng.

– Sao cảnh sát không tới bắt nhốt chúng?

– Vì tội cảnh sát cũng về cùng phe với chúng. Cảnh sát ủng hộ chúng. Chúng cũng có người trong cảnh sát mà.

– Nhưng chính phủ không cho phép...

– Ôi dào, chính phủ hả, toàn những kẻ phản bội giai cấp vô sản. Anh nghĩ bọn họ quan tâm tới người dân lao động sao? Hãy nhìn vào tất cả những người thất nghiệp...

– Họ nói chúng ta lấy mất công ăn việc làm của họ. Tôi có

một cửa hàng...

– Chính xác. Nhưng người da đen ở cái đất nước này luôn luôn phải hứng chịu những ảnh hưởng bản thủ tội tệ của tình hình. Hãy nghĩ lại những gì đã xảy ra với anh khi anh lần đầu tiên đến đây, dịch vụ nhà ở thật kinh khủng.

– Ô, phải. Đó là một quãng thời gian tội tệ nhưng...

Khu vườn đã chật kín người. Các vị khách đang bắt nhóm trò chuyện với nhau và ăn uống. Tôi nhìn lướt ra ngoài cửa, chờ đợi bố mẹ tôi tới. Gilbert tới. Bà vũ công ballet già cùng ông chồng “đại gia” cũng tới, mang theo những món quà.

– Cái này thật là buồn cười!- Gilbert vừa nói vừa nhìn quanh - Chuyện gì sẽ xảy ra với cái ngai vàng kia vậy?

– Em được đề nghị là ngồi lên đó và sau đó em nghĩ mọi người sẽ hát bài *Chúc mừng sinh nhật*.

– Em sẽ không làm vậy chứ, phải không?

– Không, em sẽ không làm đâu!

– Làm cách nào mà em thoát khỏi tình thế đó? Ông ta trông rất quả quyết. Đó là Sándor Kovacs có phải không? Anh nhớ là đã từng vẽ chân dung biếm họa ông ta trong thời gian diễn ra phiên tòa xét xử ông ta. Chân dung một kẻ đang ăn thịt trẻ con. Tất nhiên là tranh anh vẽ phải xếp sau Goya^[58] rồi.

– Đúng, là ông ấy đấy.

– Vậy đó là người mà em đã làm việc cho. Hấp dẫn nhỉ!

– Thực sự là ông ấy lôi cuốn, hấp dẫn theo một nghĩa nào đó.

– Anh lúc nào cũng thắc mắc tự hỏi không biết gia đình em có quan hệ gì với ông ta hay không.

– Có. Ông ấy là anh trai của bố em.

– Còn cái gã trông như yêu quái với mái tóc giả trên đầu và đi cùng với cô em tóc vàng đầy đà kia là ai?

Cái nơ hình con bướm trên chiếc gậy màu nâu của mẹ tôi thọc về phía trước vào khu vườn để kiểm tra xem mặt đất có bằng phẳng, chắc chắn không. Trước đây, tôi chỉ mới thấy cảnh bố mẹ tôi đi cùng với nhau như thế này có một lần duy nhất. Đó là vào dịp đám cưới tôi. Tâm cỡ của sự kiện đó đã làm họ bị ngợp đến nỗi họ chỉ vừa kịp cảm thấy vui sướng trước khi nó qua đi. Những kỷ niệm mà họ hẳn đã có, bất kể cơ hội nào làm sống lại một cách náo nức niềm vui mà họ có thể đã trải qua, đã bị xóa sạch ngay lập tức, ngay khi tuần trăng mật của tôi vừa bắt đầu. Vì vậy, tôi thấy lần này, bố mẹ tôi nhất định tận hưởng cái không khí tiệc tùng vui vẻ càng nhiều càng tốt, đón nhận những ly rượu mời, xoay xoay chân ly trên tay dù chỉ uống chưa đầy một ngụm nhấp môi; ăn những thứ được trao cho mình mà không khụt khịt mũi và làm bộ hỏi về thành phần cùng cách chế biến những thứ nằm trong đĩa của mình.

Bố tôi nhìn tôi và mỉm cười. Đó là một nụ cười nhẹ nhõm, ngụ ý rằng họ không ở trong một ngôi nhà lạ, không hoàn toàn đứng giữa những người xa lạ.

– Anh nhìn kìa! - mẹ tôi nói.

– Đẹp lắm! - bố tôi đáp, mắt ngấn nước. - Con gái của chúng ta ở trong khung cảnh này. Giống như chốn thần tiên. Chúng ta đã sinh ra một đứa con gái xinh đẹp, phải không Berta? Xem nó đã trở nên như thế nào, thậm chí sau tất cả những chuyện bi thảm đó!

Mẹ tôi nhắc cây gậy có cột nơ của mình lên.

– Anh nhìn kìa, ở đằng kia kìa!

– Cái gì cơ?

– Anh không lau mắt kính trước khi đi ra ngoài hay sao? Nhìn phía em chỉ này.

Chiếc gậy đang giơ lên, chỉ về phía bác tôi, người đang ngồi vòng tay ôm quanh eo của Eunice và nói chuyện với hai người đàn ông khuôn mặt béo núc thịt, mặc bộ đồ màu xanh đen chặt cứng, hai tay trông như thể sắp sửa không giữ nổi ly rượu nữa nếu không vô tình bóp nó vỡ vụn.

Lúc này, một tốp học sinh xô nhau chạy qua chúng tôi. Một người phụ nữ rõ ràng là cô giáo dẫn đầu đám học sinh đó vì một trong số những đứa trẻ gọi, “Cô ơi, cô, cháu muốn đi vệ sinh”. Bố mẹ tôi co người lại, dựa lưng vào tường.

– À, họ đến rồi! – bác tôi reo lên. – Cuối cùng thì cũng đã đến. Bắt đầu các thủ tục được rồi. Giờ thì, cô gái trẻ hôm nay tròn 25 tuổi ơi, mọi thứ bắt đầu rồi.

– Nào, lên nào! – Eunice nói và cầm lấy cổ tay tôi chặt cứng như tay thợ nề. – Cô đi lên cùng tôi.

Tôi bị kéo tới chỗ cái ngai và bị đẩy bước lên bục. “Ngồi xuống đi,” – Eunice nói. Chiếc ròng rọc hạ xuống và cái mũ miện được đưa thấp dần xuống đầu tôi. Một số vị khách vỗ tay. “Hoan hô!” – ông chồng “đại gia” của bà vũ công ballet la to còn bà ấy thì chạy tới chân ngai vàng và khẽ nhún đầu gối, tay nâng chiếc váy dự tiệc của mình lên cúi chào. Thêm nhiều tiếng vỗ tay tán thưởng. Đám trẻ con đã tự sắp xếp đứng thành hình vòng cung phía trước tôi. Bác tôi bước tới trước và giơ cao hai tay lên. Ông dùng tất cả mọi sức lực để kiểm soát cái môi dưới run run của mình.

– Thưa các quý vị! – ông nói to. – Quý vị có nghe thấy tôi nói không? Có không ạ? Tôi sẽ nói to hết sức nhé. Được rồi. Tôi không nghĩ chúng ta có một vị nữ vương ở đây tối nay, nhưng

nếu có một người như vậy thì người đó rất được chào đón. Hôm nay là một ngày trọng đại đối với tôi. Một số người ở đây biết tôi. Một số khác thì không. Một số người thì nghĩ trong đầu, khoan đã, mình nhận ra cái người này. Đúng, tôi là Sándor Kovacs, người mà quý vị đã đọc trên báo. Chính là tôi đây.

Đã nhiều năm trôi qua kể từ khi tên của bác tôi xuất hiện trên tất cả các tờ báo. Ông là một người dễ quên. Phải mất một lúc, hai người bạn đến từ Liên minh chống Quốc xã của tôi mới nhớ ra đây chính là con quý đã hút cạn khô máu của những người nhập cư nghèo. Nhưng, những người hoạt động xã hội bao giờ cũng thủ sẵn những câu khẩu hiệu, cái mà họ mang theo mình giống như lựu đạn cầm tay, sẵn sàng ném vào kẻ thù bất ngờ xuất hiện.

– Đồ cặn bã phân biệt chủng tộc! – Dave la to, giơ cao một nắm đấm siết chặt.

– Ở đây không cần kiểu nói đó! – Jim nói với vẻ ôn tồn. Nhưng Eunice còn có thứ hơn cả những câu khẩu hiệu để ném ra.

Eunice giật cái đĩa thức ăn khỏi tay của Jim rồi ném vào một chậu cọ cảnh. “Cậu ăn thức ăn của một người rồi gọi tên ông ấy ra mà chửi thẳng vào mặt như thế hả?”

– Đó là món cá hồi ngon. Thật là uống phí! – Mickey thốt lên.

– Anh có thể nhặt nó lên mà tự ăn, – Eunice nói, đoạn quay sang Dave. – Còn cậu, ngậm cái mồm lại và lắng nghe những gì ông ấy sắp sửa nói. Có thể là cậu sẽ học được một điều gì đó đấy.

Bác tôi sẽ không dừng lại. Ông đã từng thấy những kẻ mị dân diễn thuyết nhiều lần trong đời, trước lẫn sau chiến tranh. Ông

biết ta chỉ cần nói tiếp và vượt qua sự ngắt lời, quấy rối. Ông hiểu rằng thế nào cũng xảy ra chuyện ngắt lời, quấy rối. Những vị khách duy nhất ông quan tâm đến phản ứng của họ là em trai và em dâu ông, những người mà ông không thể nhìn thấy rõ trong đám đông đứng ở cuối vườn bởi đèn pha chiếu xuống sân khấu khiến mắt ông bị lóa. Họ là khán giả của ông còn đám thanh niên nam nữ vận những bộ đồ lố bịch cùng những tờ truyền đơn trẻ con của chúng chỉ như những xơ vải mà một người đàn ông ăn mặc thanh lịch phải khỏi bộ đồ của mình. Điều lo lắng duy nhất của ông là về dàn đồng ca học sinh mà cô giáo tái mét mặt mày của chúng đã tìm cách đưa chúng ra khỏi khu vườn lúc ông không để ý. Nhưng cô giáo đã bị Mickey Elf chặn ngang đường ra và chỉ thẳng rằng cô ta đã được trả tiền mặt tận tay để làm công việc này. Anh ta sẽ không đối xử tử tế với bất kỳ ai phá vỡ hợp đồng, ngay cả khi người đó có một cặp kính trên mũi và cầm một hộp nhạc bằng da trên tay.

– Kể từ khi tôi ra tù, - bác tôi nói tiếp - có hai điều tuyệt vời đã xảy ra với tôi. Điều thứ nhất là lần đầu tiên trong đời mình, tôi đã tìm thấy tình yêu của một người phụ nữ, một người phụ nữ đức hạnh mà bản thân cô ấy cũng có nỗi đau khổ bất hạnh của riêng mình. Tôi phải lòng cô ấy vì cô ấy đẹp, cô ấy tao nhã thanh lịch, cô ấy có gu thẩm mỹ tinh tế (dĩ nhiên là theo cảm nhận của tôi chứ không phải cảm nhận của quý vị. Ha ha). Tôi cũng phải lòng cô ấy vì tâm hồn của cô ấy, sức mạnh của cô ấy, phẩm cách của cô ấy và sự thủy chung của cô ấy.

Ông chỉ vào Eunice: “Cô ấy đây. Tất cả mọi người có nhìn thấy không?”

Như thường lệ, Eunice trông trang nhã trong một chiếc váy dự tiệc cocktail màu đen và đôi giày cao gót đính nơ nhỏ ở đằng sau gót. Còn khuôn mặt của bà ấy, khuôn mặt bước lên sân

khẩu và có hai đốm phấn hồng được thoa lên hai gò má, thì rạng ngời với một sự rực rỡ tỏa ra từ bên trong như thể có một tia sáng màu hồng được bật lên bên trong người phụ nữ này. Chúng ta trải nghiệm niềm hạnh phúc như vậy chỉ một hoặc hai lần trong đời, khi chúng ta tin (thường là một cách sai lầm) rằng tất cả mọi khó khăn rắc rối cuối cùng cũng đã ở sau lưng chúng ta và tương lai sẽ giống như những gì mà ta hằng mong ước. Tôi chưa bao giờ quên được khuôn mặt của Eunice đêm hôm đó. Điều có ý nghĩa với Eunice để có được sự công nhận của mọi người về những phẩm chất mà bà ấy đã cố gắng vất vả nhằm biến nó thành có thực và tồn tại mãi mãi là công việc tỉa tót móng tay vào lúc đêm khuya, khi bà đã quá mệt mỏi đến mức rũ cả hai mắt. Eunice xóa mờ lớp sơn mà mình đã sơn lên các móng trước đó, tẩy sạch nó rồi sơn mới lại tất cả từ đầu. Eunice mua sách dạy về nghệ thuật nói trước công chúng và tạp chí thời trang thay vì những đĩa nhạc. Bà ấy nghiên cứu chúng hàng đêm để khi có một khách hàng hỏi bà ấy những tin tức mới nhất về đường viền áo quần, bà có thể trả lời không chút ngập ngừng.

Nếu nói bác tôi đã thực hiện tốt một việc gì đó trong cuộc đời mình thì việc đó chính là bài diễn văn này - bài diễn văn ông nói cho thế giới biết về Eunice. Và sau đó, ông tiếp tục:

- Như vậy, đây là điều tuyệt vời thứ nhất. Trước mặt tất cả mọi người ở đây, tôi công bố tình yêu của mình dành cho người tình xinh đẹp của tôi, Eunice. Chưa kể đến chuyện bây giờ cô ấy đã là vợ chưa cưới của tôi chứ không phải là một người tình nữa vì sáng nay tôi đã cầu hôn cô ấy và được cô ấy chấp nhận. Chúng tôi vẫn chưa đeo nhẫn cho nhau nhưng chúng tôi sắp sửa làm điều đó trong một phút nữa thôi.

Jim bị chấn động mạnh đến đờ cả mặt mày. Anh ta đưa một

tay lên giữ đầu mình như thể lo sợ nó sẽ rơi xuống đất. Và lần đầu tiên Eunice mới nhận ra được điều mà bà ấy lẽ ra đã nhận ra từ trước rồi, điều hiển hiện rõ ràng đến ngay cả với tôi cũng phát hiện ra lúc tôi gặp Jim lần đầu tiên tại lớp học khiêu vũ tango, khi anh ta dìu tôi nhảy nhưng đôi mắt cứ dõi theo Eunice. Làm sao anh ta có thể cạnh tranh lại với người đàn ông đã mua cho Eunice những món quà hào nhoáng và dẫn bà ấy đến những nhà hàng đắt tiền?

Nhưng bác tôi vẫn chưa chấm dứt bài phát biểu với những tiết lộ của mình. “Còn điều thứ hai mà chúng ta tổ chức ăn mừng ngày hôm nay là gì?” - ông hỏi và mỉm cười - “Hãy ngắm nhìn một người khác, người đang ngồi trên chiếc ngai này, giống như một công chúa.”

Tôi chỉ muốn chết đi cho rồi.

- Tôi có một đứa cháu gái. Hôm nay, nó tròn 25 tuổi và đã là một cô gái xinh đẹp. Cô gái ấy là người như thế nào? Thông minh, tò mò, hay hoài nghi, có phẩm hạnh và nhiều đức tính khác nữa. Cô gái ấy không thích nhìn thấy điều bất công và cố gắng biến nó thành lẽ phải. Đó là bản tính của cô gái ấy. Và ở đây, tôi nhận thấy cũng có mặt em trai tôi, Ervin, người mà như thường lệ, đang ẩn mình đâu đó trong bóng tối. Hãy xem những gì mà em đã tạo dựng ra này, hãy nhìn cô con gái Vivien xinh đẹp này! Chúc mừng em, chúc mừng. Và bây giờ thì chúng ta sẽ hát một bài. Nào, các cháu bé! Hãy hát lên nào. Hát ngay bây giờ.

Mấy đứa trẻ ngẩng mặt lên, mở miệng và hát líu lo. Tôi nghĩ thầm, ôi chao, khung cảnh này mới tuyệt vời làm sao. Khi chúng vừa kết thúc bài hát đầu, chúng chuyển ngay sang bài *Chúc mừng sinh nhật*. Đó là một màn trình diễn hoàn hảo, không hề mắc một lỗi nào. Những tiếng vỗ tay vang lên. Sau

đó, lũ trẻ tản ra, chạy ùa về phía chiếc bánh sinh nhật đang được đẩy đi trên một cái xe phục vụ thức ăn. Tôi đang cố trèo xuống khỏi cái ngai. Một lần nữa, Eunice lại nắm lấy cổ tay tôi, giống như cách một cô giáo đang néo tai một đứa học trò nhỏ ngỗ ngược.

– Cô phải ra cắt bánh, – Eunice nói. – Nhớ làm cho khéo đấy!

– Chúc mừng cô về việc đính hôn, – tôi nói, giọng đút hơi.

Bác tôi đưa cho tôi một con dao lưỡi răng cưa. “Cháu cắt nhất đầu tiên đi!” – ông nói.

Tôi nhìn xung quanh, cố tìm bố mẹ mình. Tôi không nghĩ cuộc hòa giải sẽ diễn ra như thế này. Tôi đã hi vọng sẽ có một lời giới thiệu nhẹ nhàng, tiếp đến là những lời giải thích và những lời khẩn nài. Tôi đã chuẩn bị sẽ nhắc lại những lời của bà nội tôi, ước mong cháy bỏng của bà được trông thấy hai con trai lại hòa hợp cùng nhau. Tôi sẽ nhắc cho bác tôi và bố tôi nhớ tới tất cả những linh hồn không thể yên nghỉ trong khi anh em họ nô đùa xáo thịt. Tôi đã tưởng tượng cảnh họ dừng lại rồi ngã vào vòng tay của nhau, bật khóc vì vui sướng giống như những chương trình truyền hình đoàn tụ người thân thất lạc nhau đã lâu. Bất chấp tất cả mọi chuyện, tôi sẽ cố chiến thắng dòng máu Kovacs của tôi. Tôi đã nóng lòng mong chờ một kết thúc có hậu, khi lịch sử hẳn đã dạy cho tôi rằng điều tốt nhất mà ta có thể hi vọng là bi hài kịch.

Tôi cắt bánh kem rồi vội vã chạy đi để tìm bố mẹ tôi nhưng bác Sándor đã có ở đó trước tôi.

– Ervin – ông nói. – Em đã tới. Cậu em trai của tôi. – Ông cầm lấy hai cánh tay bố tôi rồi ôm lấy người em trai.

Tôi bỗng nhiên nhớ ra lúc trước mình đã bóng gió nói với

ông bác rằng bố tôi bị ung thư.

– Là ông ư? – Bố tôi nói to.

– Phải, là anh đây. Anh rất vui được gặp lại em. Em trông... – Bác Sándor nhìn khắp khuôn mặt của bố tôi để tìm xem những dấu hiệu của bệnh tật. – Không, em trông rất khỏe. Em sẽ sống suốt đời. Em sẽ là người chứng kiến tất cả chúng ta ra đi. Em biết là đường tới cái cánh cửa kêu cọt kẹt đó còn xa như thế nào mà.

Theo lẽ dễ hiểu, bố tôi hiểu những lời này theo một nghĩa khác. Thế nhưng ông bác Sándor vẫn tiếp tục mạch nói của mình.

– Sao nhỉ, có phải là đã 4 năm rồi kể từ dạo em đến thăm anh trong tù và đem cho anh xem ảnh của Vivien tốt nghiệp đại học không? Anh muốn em gặp vợ chưa cưới của anh, Eunice. Và anh cũng muốn nhờ em, với tư cách là em trai, làm hộ anh chiếc nhẫn đính hôn cho cô ấy, trước khi mất em mờ đi.

– Rất vui được gặp anh, – Eunice nói, đưa một tay của mình ra. Tôi thấy bố im lặng nhưng không phải là không nói được nên lời. Đôi mắt của ông đảo quanh đằng sau cặp mắt kính giống như những con cá mập đang lượn lờ.

— Vậy ra anh chính là ông chủ có cái thư viện đó hả? – mẹ tôi hỏi.

– Thư viện nào?

– Nó nói với chúng tôi là hàng ngày nó đi làm sắp xếp danh mục sách cho một thư viện.

– Không, chẳng có thư viện nào cả. Berta, anh chỉ kể với cháu câu chuyện cuộc đời của anh để nó viết thành sách.

– Ôi, sách ư! – mẹ tôi kêu lên thất kinh.

– Đúng vậy. Anh không có được một đứa con gái như em.

Anh chẳng có thứ gì để truyền lại cho đời sau. Anh muốn cho người ta biết sự thật về những tội lỗi mà họ đã hiểu không đúng và quy cho anh.

– Anh đã có thể bào chữa cho mình tại tòa rồi đấy thôi.

– Không, anh kể từ đầu, ngay từ đầu.

– Từ đầu cái gì? – Bố tôi hỏi, cuối cùng thì ông cũng đã mở miệng.

– Em biết không, cháu nó hỏi anh nhiều thứ mà thậm chí bây giờ anh cũng không nhớ tới, chẳng hạn như về làng mình. Em còn nhớ làng mình chứ, Ervin? Em còn nhớ cái ngày mà bố đã cãi nhau với ông nội chứ? Em còn nhớ ngôi trường đẹp đẽ đó không? Những con sư tử đá nữa? Ôi, quãng thời gian đó trước giờ lúc nào cũng tuyệt diệu, êm đềm đối với anh! Thật là hạnh phúc khi được trở về những ngày xưa, khi anh em mình còn trẻ con.

Một nỗi khiếp sợ chạy ngang qua khuôn mặt bố tôi. “Ông có quyền gì mà dám kể với con bé những điều như thế? Ai cho phép ông?”

– Tạo sao lại không được chứ? Chẳng có bí mật nào hết. Anh thích nhớ và kể lại.

– Bác ấy kể cho con nghe về ngôi làng thì có gì là nguy hiểm đâu? – tôi nói – Chuyện đó thật thú vị.

Bố tôi quay sang tôi. “Bố mẹ mang nặng đẻ đau ra con. Bố mẹ nuôi con khôn lớn, bố mẹ bảo vệ con khỏi tất cả những thứ gớm ghiếc, tất cả những điều thối tha bỉ ổi trên thế giới này – những ô trọc, rác rưởi của *lão ta*.”

– Cái gì rác rưởi hở bố?

– Thế *lão ta* có kể với con những gì *lão ta* làm để kiếm sống không?

– Dĩ nhiên là có ạ.

– Còn cô - bố tôi quay sang nói với Eunice. - Cô có phải là một trong mấy ả mèo của lão ta không? Không, không đâu, cô hơi già để cặp với lão ấy đấy. Có lẽ cô nên về vườn đi là vừa.

Tôi thấy khuôn mặt Eunice biến thành tro, như thể bà ấy đã bị lửa thiêu rụi hết, chẳng còn lại gì ngoài than củi đã tắt, nguội lạnh.

– Thăng nhãi khốn nạn - bác tôi rít lên, khuôn mặt ông đột nhiên bừng bừng máu đen.

– Ông và cái tên của ông mới là đồ khốn nạn, - bố tôi đáp trả.

Hai người xáp mặt vào nhau. Người này vờn quanh người kia giống như những đô vật. Tôi thấy bác tôi vận hết tất cả mọi công lực của mình - những vết sẹo trên lưng ông, hai lá phổi đã bị tàn phá, tất cả mọi thứ đều gắng sức lấy lại được hình thù của mình trong một cơ thể để có thể chiến đấu với một kẻ tử thù. Còn bố tôi thì vươn thẳng người dậy, giống như thủy ngân đột ngột dâng lên trong ống nhiệt kế và bắn vọt qua khỏi đầu cột bạc, không thể kiềm nén lại trong ống thủy tinh.

Tôi nghĩ bố tôi chưa từng chạm vào một ai ngoài vợ và con gái mình kể từ khi ông hôn tạm biệt mẹ mình trên sân ga tàu lửa ở Budapest. Thậm chí đến cả một cái bắt tay cũng là nỗi khó chịu cực hình đối với ông. Ông căm ghét chuyện đó. Bác Sándor có nhiều đàn em tay chân làm những chuyện bẩn thỉu cho ông nhưng ông lại là một người ôn tồn dịu dàng, một người đặc biệt hấp dẫn phụ nữ. Và giờ thì hai người đàn ông là kẻ thù truyền kiếp đã vận hết mọi cách mà chính mình có để gây ra những tổn hại tàn bạo lên đối phương.

– Tao sẽ giết mày. Tao sẽ chôn mày xuống đất giống như

chôn một kho báu mà không ai có thể tìm thấy được vì chẳng có một tấm bản đồ nào sất, - bác tôi tung ra những lời mạt sát đầu tiên.

- Được, được, ông cứ đào đi, vừa đào vừa vãi ra cả đồng giun xanh lét, - bố tôi phản pháo.

- Tao cầu cho mày gặp chuyện tệ hại đến mức phải đổ máu ra.

- Rồi ông sẽ bị sét đánh trúng cho mà coi.

- Còn mày sẽ bị những cơn đau đốn hành hạ trong bụng.

- Còn ông sẽ phải chuốc lấy những điều cay đắng...

- *Làm ơn thôi đi* - tôi nói, thấy kinh hoàng trước trận mưa những lời nguyên rủa thậm tệ. - *Thôi đi*. Con chỉ muốn bố và bác là những người bạn, những người anh em với nhau. Bà nội đã muốn hai người hòa thuận lại.

- Con đã biết gì về bà nội hả? - bố tôi vặn hỏi, chộp lấy cổ tay tôi, chỗ đã bị bầm vì bị Eunice siết chặt trước đó. - Lão ta đã kể với con những gì?

- Bác ấy nói bà là một...

- Nếu có ai đó xứng đáng kể cho con nghe về bà nội con thì người đó chính là bố chứ không phải một ai khác.

- Nhưng bố nào có kể cho con nghe đâu.

- Thì con phải hỏi chứ.

- Nếu mày kể thì mày sẽ kể chuyện gì? - bác tôi gặng hỏi.

- Không gì hết! Con bé thì có liên quan gì đến ông?

- Mày thấy chưa, Ervin. Chính điều này đã đẩy con bé tới vòng tay của bác nó. Vì nó là một đứa con gái thông minh, lại tò mò. Nó muốn biết tất cả mọi thứ.

Mẹ tôi cúi xuống chiếc gậy màu nâu của mình, tháo cái nơ

satanh màu trắng ra. “Này, cô cầm lấy đi,” – bà nói với Eunice đang đứng lặng thinh, mặt mày vẫn còn xám ngắt.

– Em cho ả đó làm gì? – bố tôi hỏi.

– Nó là một cái nơ đẹp. Rõ ràng là quý bà thanh lịch nào cũng ưa thích những món đồ xinh đẹp. Một thứ xinh đẹp có ăn nhập gì với em đâu?

– Berta, em điên à? Em đang nói cái gì thế?

Nhưng mẹ tôi quay mặt đi và nhìn xuống khu vườn nơi những vị khách rõ ràng là đang tiếp tục tự thưởng thức niềm vui của mình. Chiếc ngai đã được dọn khỏi cái bục được kê cao và Fabian đã leo lên cái bục ba bậc đó cùng với một phụ nữ trẻ. Ông ta giơ một tay lên giống như trong lớp học khiêu vũ. Nhạc bắt đầu nổi lên. Bản tango về đêm u buồn.

– Nhìn kìa – bác tôi nói – buổi trình diễn tango bắt đầu rồi.

Khuôn mặt mẹ tôi hóa đá, giống như tượng nhân sư ở kim tự tháp Giza.

– Bữa tiệc sinh nhật này là gì? – bố tôi hỏi. – Để tung hô cuộc sống ăn chơi trụy lạc của ông trước mặt tôi à?

– Cút ngay – bác tôi hét lên, đoạn quay sang tôi nói. – Bố cháu không có một chút cảm xúc con người nào. Chưa bao giờ có. Cháu không thể đem chúng ta gần lại với nhau. Cháu thật là tử tế khi cố gắng hòa giải hai chúng ta.

– Được, bọn tôi sẽ đi. Về thôi, Vivien! Còn ông, Sándor, cầu cho đám cưới của ông sẽ thành những giờ khắc đen tối.

Mẹ tôi ôm lấy một cánh tay của bố tôi và quơ chiếc gậy của bà ra ngoài cửa. Bà tiến tới trước và nhặt bông hồng vàng trên ve áo của ông ném xuống đất. Bác tôi cúi xuống, nhặt nó lên và bỏ vào túi của mình.

– Lần tới chúng ta sẽ gặp nhau ở một thế giới khác, đúng,

gặp nhau ở đó, ở thế giới *bên kia*. Chào! - bác Sándor nói với bố tôi. - Còn em, Berta... Thật tiếc là anh đã đem đến cho em một xiềng xích mà em phải kéo theo sau cả một cuộc đời trong khi em đã có gánh nặng phải mang của riêng mình. Anh xin lỗi. Nếu anh biết trước thì anh sẽ không làm vậy đâu.

Tôi nhìn quanh tất cả mọi người trong khu vườn. Họ đang cười nói, uống rượu, ăn cá hồi, nhịp nhịp ngón chân. Các cặp đôi trên cái sân khấu nhỏ ngả người vào vòng tay của nhau. Khuôn mặt ai cũng mỗi lúc một ửng đỏ và tấm vải bạt màu đỏ cứ vỗ phập phồng trên đầu chúng tôi. Những cái đèn lồng giấy đang được mang ra và nến được thắp lên bên trong chúng. Ngược về Hungary, tổ tông dòng họ tôi đang dõi theo chúng kiến rất chăm chú tới cảnh tượng quan trọng này, cảnh tượng mà tôi đang đứng ở trung tâm đồng thời cũng là hậu quả mà tôi đã gây ra.

* * *

Bố mẹ tôi đã rời khỏi nhưng khách khứa vẫn còn ở đó và tôi cũng vậy. Tôi xin lỗi Eunice vì những gì mà bố tôi đã nói với bà ấy. “Chuyện đó là không thể tha thứ được,” - tôi nói.

Nhưng Eunice quay sang tấn công tôi vì những mối hận của riêng bà.

- Sao cô lại nói dối Sándor? Sao ngay từ đầu cô không xuất hiện với đúng con người thật của mình? Cô đang theo dõi ông ấy phải không?

Tôi không biết phải nói với Eunice thế nào về cảnh thất nghiệp, về cảm giác cô đơn, cảm giác cuộc đời mình là một sự thất bại ngay cả trước khi nó bắt đầu. Tôi nghĩ Eunice sẽ cười

nhạo vào những nỗi đau buồn, sâu muện nhỏ nhoi này và sẽ chỉ ra rằng cuộc đời tôi có bao nhiêu đặc ân với tấm bằng tốt nghiệp đại học York và luận án cao học đang dở chỉ vì tôi thiếu nghị lực. Vì vậy, tôi chỉ nói với bà ấy về thư viện, về cuốn sách, về tấm ảnh của bác tôi.

– Thế bây giờ cô có nghĩ ông ấy là một con quỷ không? – Eunice hỏi tôi – Cô thấy thế nào?

– Không, cháu không nghĩ bác ấy là một kẻ xấu xa, quỷ dữ.

– Tốt. Vì cô không biết quỷ dữ là gì.

Bữa tiệc vẫn còn tràn đầy không khí nhảy nhót. Mọi người đang ăn uống, khiêu vũ. Nến vẫn đang cháy sáng qua lớp giấy màu trong đèn lồng. Ánh sáng thần tiên phủ lên các góc rạp. Các đôi tango đang thay phiên nhau ngồi vào chiếc ngai. Chẳng mấy chốc, những người bạn chống phát xít của tôi đã cạn kiệt nguồn khẩu hiệu và bắt đầu gia nhập vào nhóm khiêu vũ. Mãi đến nửa đêm mưa mới bắt đầu rơi. Những hạt mưa đầu tiên rơi nhẹ, không tạo thành tiếng rôi sau đó đổ rào rào xuống mái che bằng vải bạt. Chúng tôi tiếp tục nhảy, quên hết trời đất. Mưa mỗi lúc một nặng hạt và giờ thì tấm vải bạt trĩu xuống dưới sức nặng của vũng nước mưa đọng lại. Bất chấp, chẳng có ai ra về. Bác tôi leo lên cái bục tam cấp và ngồi lên chiếc ngai, giữ Eunice ngồi lên đầu gối và bắt đầu hôn bà ấy. Ai đó bắt đầu ngẫu hứng ném thức ăn. Bánh trứng đường bay vèo vèo trong không khí giống như những đồng tiền cổ bằng vàng xỉn màu.

Cuối cùng thì khách cũng bắt đầu ra về, say túy lúy, hò hét, vui vẻ. Ngoài cuộc gặp gỡ giữa hai anh em bố tôi và bác tôi, bữa tiệc sinh nhật đã thành công rực rỡ. Claude đến, đâm đĩa mỡ hôi và ướm sũng trên chiếc xe đạp. Mái tóc anh ta đẹp xuống và bết vào khuôn mặt. “Tiệc thế nào” – anh ta hỏi. “Em có thích không, cô gái sinh nhật?”. Đây là lúc tôi nói với anh ta về việc

tôi là ai, tên thật của tôi - Vivien Kovacs và mối quan hệ giữa tôi với “lão K đặc biệt”.

- Anh biết em là ai mà, - Claude nói. - Anh đoán chắc em phải có quan hệ gì đó và rồi anh đã thấy thẻ thư viện của em với tên thật của em trên đó. Cái thẻ em để trong ví đó. Cái họ có một chữ khác nhưng đọc lên thì nghe vẫn giống. Vì vậy, chắc hẳn phải là cùng họ với nhau rồi.

- Đó có phải lý do vì sao anh ngủ với em không?

- Không. Anh chỉ ngủ với những cô nàng làm cho anh thấy hứng. Anh sẽ không chơi bởi ăn nằm với một cụ già lắm tiền đã thỏa nào đó nếu bà ta trông không được ngon mắt. Nhưng mà dù sao thì anh cũng có một món quà cho em. Đây. Anh hi vọng là em thích nó. Nó tốt hơn cái mà anh có, chất lượng tốt hơn.

Một cái áo khoác da.

- Mặc vào đi. Anh muốn thấy em mặc nó trông như thế nào. Anh không biết mình có mua đúng kích cỡ không nữa.

Chiếc áo da kêu lên kít kít khi tôi gắng sức đút hai tay vào tay áo. “Nào, đút tay mạnh vào nữa đi. Kéo khóa lên. Chà chà! Tuyệt đẹp!”. Một tiếng cười ngắn vang lên. Claude chạm vào bộ ngực của tôi dưới lớp áo. “Giờ thì cởi nó ra đi nào”.

Một buổi tối dài lẽ ra không nên kết thúc theo cách này: tôi, người trơn nhẫy vì mồ hôi, cơ thể thâm tím, đôi tay tôi bấu chặt vào cẳng tay của Claude, đôi bàn tay tôi níu chặt lấy hai cẳng tay anh, cắm sâu những móng tay vào đó, miệng của anh ta sạo sục khắp người tôi. Lẽ ra tôi nên nhớ tới những người bà con họ hàng đã chết, nên ngồi xuống và ngẫm nghĩ về những gì tôi đã làm, về thảm họa mà tôi đã gây ra, một kết cục đoạn tuyệt cuối cùng giữa hai anh em bố tôi và bác tôi cùng sự thóa mạ, sỉ nhục Eunice. Tôi không xứng đáng nhận niềm khoái

cảm sâu sắc này. Vậy mà tôi vẫn đón nhận nó.

Tôi vẫn còn giữ cái áo khoác đó. Nó được gấp trong một ngăn kéo đầu đó tại nhà tôi. Giờ thì nó không còn vừa với tôi nữa. Tôi đã quên là mình đã từng thon thả như thế nào. Tôi không biết phải làm gì với nó, làm sao tôi có thể vứt nó đi được? Thịnh thoảng tôi cũng lôi ra mặc nó cùng với đôi giày dây cao gót đỏ mà Alexander đã mua cho tôi, và nghĩ về việc làm thế nào những thứ đồ đó vẫn còn tồn tại trong khi tất cả những người liên quan đến chúng đều đã chết hay ở một nơi nào đó không rõ.

Khi bố tôi bước ra khỏi khu vườn của bác Sándor cùng mẹ tôi, với khuôn mặt tím lại vì giận dữ, như thể ông đã bị lửa địa ngục thiêu đốt; trong khi ánh sáng rực rỡ màu đỏ thẫm của chiếc rạp phản chiếu lên hai tròng kính mắt của ông, tôi biết rằng mình sẽ không bao giờ còn được trải qua một đêm nào nữa trên chiếc giường thời thơ ấu. Tôi quay trở về Benson Court để lấy đồ đạc của mình.

Mẹ tôi ra ngoài cửa khi bà nghe thấy tiếng chìa khóa của tôi tra vào ổ khóa. Lúc đó là đầu giờ trưa, thời điểm mà tôi hay trở về nhà sau một buổi làm việc với bác Sándor, đúng ra là phòng vấn ông.

– Chuyện gì đang xảy ra với con lúc này vậy? – bà hỏi.

– Con không thể sống ở đây được nữa.

– Mẹ hiểu.

– Màu sơn thích hợp lắm, mẹ ạ, – tôi vừa nói vừa nhìn cái ghế đầu và ba cái ghế nhà bếp vừa mới thoát khỏi lớp sơn màu nâu của chúng một cách lộn xộn và trông giống như những con châu chấu đang đứng thẳng trên những cái chân có khớp gập.

– Phải, con nói cũng khá đúng đấy. Màu xanh lá cây là màu

tươi vui.

– Mẹ, con xin lỗi.

– Về cái gì?

– Về chuyện đã hành động quá nông nổi. Lẽ ra con phải hiểu là sẽ chẳng có tác dụng gì.

– Mẹ nghĩ là con cũng có cái lý của con.

– Bác ấy đã nói với con rằng bà nội muốn hai anh em bố và bác tái hợp với nhau. Con chỉ nghĩ là...

– Đừng có ngớ ngẩn như thế. Bố con không bao giờ ngừng giúp đỡ bác Sándor. Ông ấy cố gắng giúp bác con. Ông ấy đã đón bác con khi bác con đến đây, con có biết điều đó không? Ông ấy đã sắp xếp một công việc cho bác con.

– Công việc gì hở mẹ?

– Làm trong một nhà máy. Nhà máy sản xuất mảnh mảnh, mẹ nghĩ là như vậy. Nhưng ông bác của con không muốn làm việc đó. Ông ta thích tiếp tục con đường cũ của mình, là một tên tội phạm.

– Bác ấy không phải là loại người làm việc bằng đôi tay.

– Chính xác là như vậy. Quá tốt đối với ông ta. Ông ta lúc nào cũng chỉ thích đi theo con đường ăn chơi hào nhoáng, bất kể cái giá nào.

– Chứ không phải làm việc trong một *nhà máy*.

– Sao? Con nghĩ ông ta nên đi làm một công việc đứng đằng sau quầy của Ngân hàng Anh à? Hay là bố con nên sắp xếp cho ông ta điều hành một văn phòng giới thiệu mối cho mấy bà đã có chồng? Đó là một nhà máy tốt với mức lương hậu hĩnh, gần đầm lầy Hackney, mẹ nghĩ vậy. Công việc đó là sơn mảnh mảnh.

– Con nghĩ hai lá phổi của bác ấy đã bị hư rồi. Chẳng phải hóa chất sẽ không tốt cho bác ấy hay sao?

– Có lẽ là bố con không nghĩ đến chuyện đó nhưng ông ta lẽ ra phải cư xử tử tế hơn một chút thay vì nói những điều khó nghe.

– Điều gì vậy mẹ?

– Sao con lại tọc mạch vào những cuộc trò chuyện của người khác như vậy? Bố mẹ có nuôi dạy con thành như thế này bao giờ? Tất cả những gì mẹ đang nói với con bây giờ là bố con chưa bao giờ là một người em tồi, chưa bao giờ. Bố con đã đến thăm ông ta trong tù. Không thường xuyên nhưng có thăm.

– Sao mẹ không nói với con?

– Chỉ vì bố mẹ cố gắng bảo vệ con khỏi con người đó. Bố mẹ muốn con có một khởi đầu là một người được kính trọng. Đây là tất cả những gì bố mẹ mong ước cho con. Bố mẹ làm cho con một giấy chứng nhận từ nhà thờ để ngay từ đầu con là một người hợp thức.

– Nhưng làm sao mà bác ấy có thể hại con được chứ ạ?

– Chuyện không phải làm hại mà là có ảnh hưởng xấu, và người ta sẽ nghĩ gia đình mình không phải là một gia đình tử tế.

– Thế nhưng bây giờ bác ấy đang ổn định cuộc sống của mình. Mẹ nghĩ sao về cô Eunice?

– Ồ, cô ấy à. Cô ấy là một quý cô. Bất kỳ ai cũng thấy thế.

– Ngoại trừ bố.

– Đúng, ngoại trừ ông ấy.

– Sao bố có thể nói vậy với cô ấy? Điều đó thật kinh khủng. Con nghe thấy nó chướng lắm và chỉ muốn đánh bố thôi. Hành

động như vậy thật là hèn hạ...

Nhưng mẹ tôi nhún vai, đoạn nói: “Bố con không giống những người khác. Ông ấy nói ra những gì đến trong đầu ông ấy. Ông ấy cũng không giống con. Ông ấy không có tí trải nghiệm nào về chuyện làm việc trong một công ty. Bố mẹ chưa từng đi ra xã hội va chạm giống như mọi người. Con thấy chúng ta sống như thế nào rồi đấy. Một cuộc sống như mong đợi.”

– Thế mẹ có hối hận vì lấy bố con không?

– Hối hận sao? Con đang nói cái gì vậy? Dĩ nhiên là không. Một ý nghĩ mới điên rồ làm sao! Mẹ yêu bố.

– Ý mẹ nói mẹ yêu bố là sao? Mẹ thật sự muốn nói ý gì?

– Nghĩa là mẹ hiểu ông ấy, Vivien. Mẹ hiểu bố con, hiểu tất cả mọi điểm yếu của ông ấy. Đó là tình yêu.

– Thế còn điểm mạnh của bố con là gì? Điểm mạnh của ông ấy nằm ở chỗ nào? Với con, bố bây giờ là một chân dung biếm họa kịch cớm của một con người, một kẻ yếm thế bản tiện. Con ghét bố.

– Là việc ta cố đi ra ngoài làm lưng suốt 40 năm, đều đặn ngày nào cũng làm lặp đi lặp lại một việc, làm cho đến khi mắt đau nhức, chảy nước, đến khi xương cốt cứng đờ, đôi bàn tay co rút hết lại và ta phải ngâm tay trong bát nước nóng đặt trong một cái bồn bồn thiêu sau nhà trước khi ta nghỉ ngơi buổi tối. Con chưa biết mệt mỏi là thế nào đâu.

Mẹ tôi quay ngoắt đi và vội vã bước vào phòng ngủ của mình, đóng sầm cửa lại. Tôi đứng đó nhìn chiếc ghế đẩu màu xanh lá cây, khung cửa sổ trông ra tòa nhà to lớn bên cạnh, tấm màn màn đóng kín của cửa sổ đối diện, những cái vôi, bếp lò, những cái ấm cái bình và những cái xoong, cái chảo.

16

Bác tôi cho tôi ở trọ một căn hộ, thuê miễn phí (Cháu nghĩ là bác đi lấy tiền thuê nhà với người trong nhà sao? - ông nói với tôi). Đó là căn hộ tốt nhất trong toàn bộ khu nhà này, ngoại trừ căn hộ của riêng ông. Ông hẳn phải đá một ai đó ra ngoài để có chỗ cho tôi: trả tiền cho họ để họ dọn đi hoặc gửi một trong số những “mối giao du” của Mickey đến để tống họ đi. Tôi biết họ là ai. Họ rời đi vội vã, đem theo cả giường chưa kịp dọn, những tấm khăn trải giường bị ố bẩn và đầy những mảnh vụn, như thể chúng đã bị đảo lộn, xáo trộn vào ban đêm. Chính trong căn phòng đó, tôi bắt đầu đọc sách trở lại. Tờ rơi có rất ít thông tin nhưng cả một cuốn sách thì đầy những tư tưởng, ý nghĩ và bấy ta rơi vào những cảm xúc phức tạp. Không hề có sự chai lì tê liệt cảm xúc trong những trang tiểu thuyết. Thường thì ta hay cảm thấy khó chịu, cảm giác khó chịu của cô công chúa trong truyện cổ tích trần trọc vì nằm trên núi đê mê êm ái mà phía dưới có giấu một hạt đậu. Những cuốn sách tôi đọc nói về những vùng đất xa xôi, những nơi có đền chùa, đồng lúa, công chiêm bằng đồng, bọn giết người ẩn nấp trong các ngọn núi, những hành động phi thường táo bạo đã xa.

Nhưng lịch sử của dòng họ Kovacs, lịch sử của chúng tôi ở Hungary, tiếp tục quấy rầy tôi. Nhiều người đã mất và cuộc sống của họ trong quá khứ vẫn hiện diện trong các góc tối của căn phòng. Nói như các giáo viên dạy về lịch sử thì chỉ trong vòng một vài tuần, từ một cô gái chẳng có nguồn gốc tổ tiên, tôi đã trở thành người có quá khứ. Bác tôi và bố tôi đã có nhiều

lựa chọn khác nhau: một người sống sót bằng cách chống đối mạnh mẽ, người kia tồn tại trong trạng thái bị phân rã hết một nửa cuộc đời. Những lựa chọn khác nhau đó khiến tôi phải tự hỏi liệu mình sẽ làm gì khi ở vào địa vị của họ. Bẩm sinh, tôi không có bản năng tàn nhẫn như của bác tôi, không có đầu óc buôn bán tính toán nhanh nhạy, sẵn sàng thương lượng, giao dịch, trao đổi bất kỳ một loại hàng hóa nào, kể cả con người, như ông. Tôi cũng không thể chịu đựng nổi hàng chục năm tự giam cầm, giết dần giết mòn mình như bố tôi đã áp đặt lên chính ông; sự khuất phục một cách thấp hèn trước tất cả mọi thế lực của ông làm cho tôi phát điên vì cău giận. *Tôi muốn được sống. Tôi chỉ muốn được sống.*

Và, nếu cuộc đời dẫn dắt ta tới chỗ bất định, đẩy ta ra ngoài lề xã hội xa lạ, đến những nơi mà người ta vật lộn để trưng ra toàn bộ con người mình, thông qua áo váy, tình dục hay bất cứ hình thức phô bày cá tính nào như vậy, thì đó sẽ là nơi tôi muốn đến.

Vậy là, tôi dành buổi sáng làm việc bên cái máy ghi âm và máy đánh chữ; buổi trưa nằm dài trên giường đọc sách; đầu giờ chiều tới các quán rượu, đứng phát tờ rơi ở bên ngoài; buổi tối ở cùng Claude nếu hôm đó anh ta làm ca ngày. Tôi không lừa dối bản thân mình về những gì đang diễn ra. Chúng tôi chẳng có một mối quan hệ tình cảm nghiêm túc thật sự. Chúng tôi chỉ có tình dục. Tất cả chỉ có thế. Một mối quan hệ tình dục vội vàng, nóng bỏng và đáp ứng nhu cầu bức bối. Thế mà, Claude đã mua cho tôi chiếc áo khoác da và món quà đó đã ngốn của anh ta khá nhiều tiền. Claude đã phải cắt bớt khoản tiền tiết kiệm cá nhân mà anh ta dành dụm để xăm mình. Anh ta biết tôi không thể có đủ tiền để mua một chiếc áo khoác cho riêng mình nếu tôi cũng muốn có một cái. Nhưng anh ta đã trông thấy tôi mặc

cái áo của anh ta và không thể rũ được khỏi đầu ý nghĩ phải mua tặng cho tôi một cái. Có một cái gì đó khác về tôi khi mặc cái áo khoác da đó. Claude nói:

– Em trông như là một cô gái khác khi mặc cái áo da đó. Như thể em làm chủ luôn cả khoảnh đất mà em đang đứng. Ấy thế nhưng lúc em mặc mấy cái váy cũ rách mốc meo thì không được như vậy đâu.

– Váy áo của em sao nào?

– Chúng có mùi.

– Mùi gì?

– Mùi của mấy bà già. Và mùi của nước tiểu bà già.

Claude muốn gì ở tôi? Lúc nào trong đầu tôi cũng bán tín bán nghi rằng anh ta chỉ coi tôi là một phương cách để lấy được tiền của Lão K Đặc biệt. Tôi đã giúp anh ta đòi sửa xong cái cửa sổ rồi. Tôi có thể làm được điều gì nữa cho anh ta? Có thể là lão già K sẽ cho tôi một tờ séc có giá trị lớn, *hàng nghìn bảng Anh*, hoặc đơn giản là bỗng nhiên một đêm lão già ấy lăn ra chết, để lại cho tôi cái lô đất này. Hay cũng có thể tham vọng bình thường nhất của Claude chỉ là được khoác tay một “cô nàng giàu có, thượng lưu”, một cô nàng hấp dẫn đối với một anh chàng đến từ đảo Sheerness, để dạo bộ khắp thành phố London.

Hay thậm chí đơn giản hơn, Claude là nạn nhân của chính những hormone của mình. Những người đàn ông như anh ta phải vất vả sức lực mỗi đêm tìm kiếm gái về nhà với mình và nếu thông minh, họ sẽ hiểu rằng sắp xếp làm sao để thường xuyên có gái sẵn là chuyện thật quan trọng. Tôi không nghĩ mình là bạn gái mà là bạn tình của anh ta. Một bạn tình thường xuyên. Hẳn là anh ta còn có nhiều bạn tình khác nữa. Tôi không chắc lắm về điều này nhưng tôi không quan tâm. Claude

hắn cũng biết như vậy. Chúng tôi đang ở trong một hoàn cảnh thích hợp cho cả hai. Hoàn cảnh đó đáp ứng được nhu cầu hai bên, đó là điều quan trọng.

Cho lũ cá cảnh nhiệt đới ăn, nằm dài trên giường hàng giờ ngắm chúng bơi lội như phát sáng huỳnh quang trong chiếc bể là cách Claude giết thời gian rảnh rỗi của mình khi không đi làm hay không ngủ với ai đó. Sự tồn tại ngắn ngủi vô nghĩa, những hoa văn và sắc màu rực rỡ là điều mà anh ta thích ở lũ cá. Chúng ăn và bơi lội vòng quanh đằng sau lớp kính chẳng vì một mục đích nào cả. Ngắm nhìn lũ cá khiến cho trí tưởng tượng của Claude được bay nhảy tự do trong khi anh ta đang suy nghĩ thiết kế mẫu hình xăm của mình. Claude lúc nào cũng mơ tới cái hình xăm đó bất kể thức hay ngủ, khi ngắm nhìn lũ cá hay cưỡi chiếc xe đạp đến chỗ làm việc vào rạng sáng tinh mơ, băng qua những đường phố vắng vẻ ở mạn bắc thành phố London.

Trước khi rời Sheerness, anh ta đã mua một tập giấy vẽ phác họa, thứ mà anh đã cất kỹ trong va li khóa kín của mình. Tôi không được phép xem nó. Mà thực ra thì tôi cũng chẳng muốn xem vì tôi ghê những hình xăm, căm ghét cái ý tưởng thân hình Claude đâm ra xấu xí với mực màu, với những hình ảnh được xăm trở bằng kim đâm vào da thịt. Xăm mình thì có gì sai trái nào? Anh ta hỏi. Tôi nghĩ chúng dung tục, tầm thường nhưng không thể nói thẳng điều đó vào mặt Claude. Vì vậy, tôi hỏi xăm mình có đau không. Claude nói chắc là sẽ đau và thừa nhận anh ta cảm thấy tò mò lẫn lo lắng về chuyện này và không biết liệu mình có chịu nổi không. Đối với anh ta, chuyện phải chuẩn bị tinh thần, không để cho mình hét toáng lên, thậm chí là không kìm được đau mà bật khóc ồ ồ (đặc biệt là trước mặt thợ xăm mình, người mà Claude cho rằng là một

nhân vật có tính cách cứng rắn) là một chuyện hệ trọng. Anh ta bắt đầu tiến hành nhiều thí nghiệm cẩn trọng để thử ngưỡng chịu đau của mình, dụi điếu thuốc lá đang cháy vào mu bàn tay để xem mình có thể chịu đựng, không la hét được bao lâu. Tôi phải đi ra khỏi phòng và đứng ở hành lang khi anh ta thử làm điều đó. Khi tôi quay lại, điếu thuốc lá đã làm cháy xém da thịt của Claude, để lại một chỗ da bị cháy đen hình vòng tròn. Anh ta giơ nó ra và cười với chúng tích đạt được của mình, tiếng cười nghe giống như một con chó bị mắc kẹt chân trong bẫy.

Tối đó, anh ta rên rỉ trong giấc ngủ, vươn tay ra tìm tới ngực tôi, đặt mu bàn tay bị bỏng lên đó như thể ngực tôi có sức mạnh chữa lành vết thương.

Chỉ khi Claude đem đốt chiếc va li của mình thì cuối cùng tôi mới thấy những gì anh ta cất ở bên trong. Anh ta đang trải qua một giai đoạn muốn đốt phá. Claude tìm những con chim chết và hỏa thiêu chúng trên những giàn thiêu bằng lá. Anh ta nói về chuyện đốt những cột mốc ranh giới hành chính của thành phố London. Tôi nhắc đến trận Đại hỏa hoạn của London; cả thành phố bị thiêu rụi thành tro^[59]. Đôi khi tôi nghĩ hẳn là anh ta thích thú với những sự kiện cháy nổ bất ngờ, ví như sự kiện dội bom thành phố Dresden, và thích lang thang dọc khắp bộ mặt bị cháy đen, sém khói của một thành phố trống trơn chẳng còn bóng người^[60]. Tôi nghĩ Claude hơi kỳ dị nhưng vì đã lớn lên giữa những người lập dị nên chuyện đó chẳng có gì là mới mẻ đối với tôi. Bản thân tôi cũng mới thôi gặm những cái cốc uống nước cách đây chỉ vài tuần. Claude đem cái va li ra ngoài vườn để lập một bàn thờ mà trên đó anh ta bày một đồng nhỏ các món đồ cúng tế: chiếc mũ bảo vệ của anh ta, thứ mà anh ta phải trả tiền đền, một cặp quần lót, một trong số những chiếc áo kiểu bằng vải sa tanh của bà Prescott.

Mớ quần áo không bùng lên thành những ngọn lửa như Claude mong đợi mà chỉ cháy âm ỉ và tỏa mùi hóa chất khó chịu, chủ yếu từ chiếc mũ. Cuối cùng, chiếc áo kiểu cũng đã biến thành một đồng tro nhưng chiếc mũ vẫn ngoan cố còn nguyên hình dạng, sém màu nâu nâu, bắt lửa cháy rực chỉ tích tắc ở chòm. Claude thấy chán, nhắm mắt lại và ngủ. Tôi tiếp tục quan sát những món đồ bị đem ra đốt cúng tế. Sau vài phút, chiếc va li bén lửa.

Tôi lay Claude để đánh thức anh ta dậy. “Anh định đốt va li của mình thật hả?” – tôi hỏi rồi cười to.

– Bỏ mẹ rồi! – anh ta chửi rồi cầm cái va li lên để đập cái đồng lửa nhỏ nhưng cái quai cầm làm bằng sắt bọc da của va li đã bị lửa nung nóng. Claude hét lên, buông tay thả va li ra. Chúng tôi chẳng thấy chỗ nào gần đó có nước để dập lửa cả.

Chúng tôi phải chờ gần một tiếng đồng hồ cho cái va li nguội bớt mới đem nó vào nhà được. Cái khóa bị cong do sức nóng của lửa. Claude phải dùng con dao rọc giấy của mình để cạy mở va li. Anh ta nôn nóng muốn biết những thứ đồ cất bên trong có an toàn không. Nhưng anh cất gì trong đó thế? Tôi hỏi Claude. Thứ gì mà quan trọng đến vậy hả? Là đồ của anh – anh ta nói. Bên trong, chiếc va li chất đầy những món đồ nhỏ quý giá một cách khó hiểu đối với Claude: một cuốn tiểu thuyết bìa mềm “Người cuối cùng của bộ lạc Mohican” của James Fenimore Cooper với gáy sách tả tơi, cuốn truyện mà Claude nói với tôi là anh ta đã đọc nó không biết bao nhiêu lần và ám chỉ nó chứa tất cả những bài học lớn của cuộc đời. Nhưng tôi chưa bao giờ đọc cuốn đó. Tất cả những gì tôi biết là nó nói về người da đỏ; một cái vòng đeo tay của phụ nữ làm bằng những hạt bẹt bằng nhựa nhiều màu sắc xâu lại với nhau; một tấm bưu thiếp chụp Lâu đài Edinburgh; một túm lông chim kết được cột bằng một

sợi dây chun; những lá thư mang dấu bưu điện Sheerness và một túi kẹo.

Nhưng những lá thư, tấm bưu thiếp, cuốn sách, chiếc vòng đeo tay và túi kẹo không phải là thứ mà Claude lo lắng lấy ra khỏi chiếc va li. Tập giấy vẽ phác họa cuộn tròn được anh ta lấy ra và kiểm tra từng tờ để đảm bảo chắc chắn là nó không bị hư. Và thế là từng mẫu hình xăm của Claude bị phơi ra. Tấm đầu tiên là kết quả của nỗ lực cố gắng phác họa những chiếc mỏ neo của dân thủy thủ và những trái tim màu đỏ thẫm khắc tên của một người trong đó (HELEN - Claude giải thích - là tên của mẹ anh ta. Dù không yêu thương bà già khó chịu ấy đến mức đó nhưng ta cần phải đặt một thứ gì đó vào trong những trái tim). Các mẫu hình xăm trong những tấm tiếp theo càng lúc càng phức tạp và đầy tham vọng, thể hiện ý tưởng khá rõ, trong đó có mẫu vẽ một bầy cá đang bơi lội quanh một cánh tay. Tôi nhận ra một vài con vẽ theo mẫu thực trong bể cá. Cuối cùng, Claude lật tới trang cuối và đây, mẫu hình xăm cuối cùng của anh ta. Mẫu hoàn chỉnh.

– Em nghĩ sao? - anh ta hỏi tôi.

Tôi không tài nào rời mắt khỏi nó dù tôi rất muốn quay ra nhìn vào mặt Claude. Tôi cố gắng xem liệu có một sự sai lầm nào ở đây không, liệu rằng nếu ta nhìn nó từ một góc độ khác thì cái mẫu hình xăm đó có tự sắp xếp lại hình thù của mình và trở thành một thứ gì đó vô thưởng vô phạt hơn không. Nhưng, dù cho đôi mắt tôi vẫn dán dính vào trang giấy, nó vẫn nằm trơ trơ ra đó không đổi, neo chặt vào tờ giấy bằng bốn đầu của mình.

– Đó là một chữ thập ngược.

– Ừ, anh biết.

- Anh không hiểu nó là gì ư?
- Ừ thì đó là cái hình.
- Không đơn giản chỉ là một cái hình. Anh có biết nó là biểu tượng của cái gì không?
- Dĩ nhiên là anh biết. Mẹ kiếp! Đừng có ăn nói kiêu chạnh hòng anh như thế.
- Đó là biểu tượng của chủ nghĩa phát xít.
- Nó có thể là biểu tượng của bất cứ thứ gì em thích nhưng anh phải thừa nhận là chúng hơi có vẻ thô kệch, nặng nề. Chúng ẩn chứa rất nhiều quyền lực ở trong mình. Đó là lý do vì sao đã tồn tại hàng nghìn năm trước khi Đức Quốc xã chọn chúng làm biểu tượng cho mình. Người Ấn Độ, ý anh muốn nói là không phải người da đỏ ở Bắc Mỹ, đã nghĩ ra chúng đầu tiên. Anh thấy chúng quả thật là đáng kinh ngạc. Anh yêu chúng.
- Đừng có ngờ nghệch thế. Thời buổi này, chúng chỉ có một ý nghĩa duy nhất và anh cũng biết mà.
- Bạn gì đến ai nào?
- Có, đến em.
- Tại sao? Sao em lại quan tâm đến nó?

Chúng tôi cãi nhau một hồi lâu. Claude nháy qua cửa sổ xuống khu vườn, đứng dưới cây sô ri mới trồng đang trổ hoa và hút thuốc. Qua khung cửa sổ mở, tôi thấy anh ta ngồi trên nền đất cứng, hai tay bó quanh đầu gối mảnh khảnh, với một vẻ cố chấp yếu đuối đã lôi cuốn tôi, với cái miệng mà tôi không cưỡng lại được, phải hôn. Anh ta là một thực thể sống trong vườn, tràn đầy nhựa sống và hormone sinh dục.

Tôi sẽ không kể với Claude sự thật về bác tôi, về con người của ông, về nơi ông đã rời bỏ để đến đây, về những năm tháng

lao động khổ sai của ông. Chuyện đó chẳng liên quan gì đến Claude. Tôi cũng sẽ không kể với anh ta về việc mình là người gốc Do Thái. Bởi vì tôi chẳng cảm thấy chút Do Thái nào ở trong mình cả. Ngôi làng ở Zémlen, ông nội có những món tóc quăn trước tai, giáo đường Do Thái mà cả bác tôi lẫn bố tôi đều còn nhớ (bất chấp bố tôi phủ nhận) giống như trong những câu chuyện thần tiên của một thế kỷ khác.

Bố mẹ tôi nghĩ hòn đảo này, đất nước Anh này, là một ốc đảo của lòng khoan dung, độ lượng và đối xử tử tế. Nhưng, vượt qua phía bên kia Eo biển Anh, sự hoang tàn ảm đạm của những ý tưởng lớn có thể phồng to thành một hệ tư tưởng. Và, một khi người ta đã có một ý thức hệ rồi thì anh ta sẽ luôn luôn canh chừng để phòng kẻ thù. Khi ta là kẻ thù của một người có ý thức hệ, ta đang rơi vào một rắc rối nghiêm trọng. Nhưng, qua những buổi tối đi phát tờ rơi, tôi lại biết một điều khác hẳn. Tôi nhận thấy rằng những con người khá bình thường, chẳng có tư tưởng gì, chỉ có thuần tình cảm, cảm xúc, cũng có thể là những người nguy hiểm không kém.

Dĩ nhiên tôi biết Claude không hề có tư tưởng Quốc xã nhưng điều khiến tôi buồn và cảm thấy sợ hãi là việc phát hiện ra rằng tôi chẳng có chút sức mạnh nào làm thay đổi suy nghĩ của anh ta, rằng anh ta nhất định không chịu suy nghĩ cho logic, thật sự là không chịu hiểu. Claude đang ở trên hành tinh riêng của mình và trên đó, anh ta định ra những luật lệ riêng. Ở vùng đất của Claude, như anh ta giải thích, dấu chữ thập ngoặc có thể mang bất kỳ ý nghĩa nào mà ta thích, tùy vào việc ta gán cho chúng những ý nghĩa của riêng ta. Đó là những gì mà Claude muốn nói, dù không thể hiện bằng lời. Hình xăm của anh ta thể hiện ý nghĩa biểu tượng cho riêng anh ta mà thôi. Claude là một người duy ngã luận và mang tư tưởng hư vô. Tôi nói với

anh ta điều đó và khi nghe những từ ngữ nghiêm túc đao to búa lớn như thế dành cho mình, Claude đã cười một tràng thật dài, dài hơn tất cả mọi tràng cười mà tôi đã từng nghe từ trước đến giờ. Anh ta bắt tôi phải viết những từ đó xuống tập phác họa hình xăm của mình rồi tập viết lại chúng theo nhiều kiểu chữ nghệ thuật khác nhau.

Nhưng tôi sẽ không ngủ với anh ta nữa và Claude cảm thấy ngạc nhiên, tức giận vì chuyện chỉ vì một vài bức phác thảo trong một tập sách mà anh ta bị từ chối nhu cầu mỗi đêm.

* * *

Sau thành công của bữa tiệc sinh nhật, bác tôi và cô dâu tương lai của ông bắt đầu lên kế hoạch cho đám cưới của họ. Eunice đã đặt cho bác tôi một bộ comle chất liệu tơ tằm may ở Italy và đặt cho chính mình một chiếc váy mà chi tiết về nó là một bí mật được giữ kín như bưng nhưng người ta vẫn đoán rằng nó có nguồn gốc từ một trong những nhà may lớn của Pháp. Tất cả những gì bác tôi phải làm chỉ là viết séc và ông đã hết sức vui sướng về việc đó. Chiếc rạp và các dịch vụ ăn uống đã được ông đặt lại cho tiệc cưới vào cuối tháng 9. Như vậy là đã có một ngày được định. Đám cưới là một chuyện có thật.

Và thậm chí trước ngày đó, Eunice sẽ dọn đến ở cùng với bác tôi. Nói như Eunice thì họ sẽ sống với nhau như vợ chồng”. Họ đã ngủ với nhau một tuần ba đêm và suốt trong những đêm đó, bác tôi đã tin chắc rằng đây ắt hẳn là những gì xảy ra đối với một người đàn ông có vợ, lên giường với khuôn mặt của một người phụ nữ nằm cạnh mình bên gối, hôn cô ấy trong khi cô ấy đang say giấc. Làm sao một người đàn ông mà từ trong máu

huyết không có chút khái niệm đầu hàng trước một người khác, không chịu để ai sai khiến làm chủ, thậm chí ngay cả khi Eunice có bộ ngực đẹp và thân thể thơm mùi hương hoa và nước hoa nồng đậm, có thể bị khuất phục như vậy? Bất chấp, cơ thể của người phụ nữ ấy vẫn sưởi ấm ông lúc ông ngủ.

Và tiếp theo là giải quyết chuyện liên quan đến bọn đầu trọc ở khu phố Wood Green, lũ du côn đang khủng bố tất cả mọi người bằng những cuộc diễu hành, bằng những cái đầu cạo trọc xấu xí, bằng đôi ủng kinh khủng buộc dây cao lên trên cùng với cái quần xắn cao tới bắp vế để lộ ra da giày màu nâu và hàng lỗ xỏ dây. Nếu bác tôi cưới Eunice thì bà ấy sẽ bỏ lại tất cả mấy thứ ấy ở đằng sau mãi mãi. Ông sẽ có một vài sắp xếp khác nhau, chẳng hạn như đập tường giáp căn hộ bên cạnh để nối rộng căn hộ của mình. Ông dám chịu mất 6 bảng Anh tiền thuê nhà một tuần.

– Cô ấy nghĩ sao ạ? – tôi hỏi bác mình khi ông nói với tôi lần đầu tiên về kế hoạch tổ chức đám cưới với Eunice.

– À thì, cháu thấy đấy, Eunice không có cái nhìn thiện cảm về chuyện cưới xin. Cô ấy đã từng thử một lần nhưng đó là một thảm họa. Cô ấy là một người phụ nữ độc lập. Vì vậy, nếu ta sắp sửa trói chặt cô ấy thì ta phải có một thứ gì đó dâng tặng cho cô ấy, thứ mà cô ấy chưa có. Tiền không thôi cũng chưa đủ vì cô ấy có thể tự kiếm sống được.

Và cuối cùng thì bác tôi đã bị đánh bại, đã vượt qua được những lo lắng của riêng mình về việc bị mất tự do. Đó là một bước lớn đối với ông; chuyện ông trở thành một người đàn ông có gia đình sẽ là thực tế cho suốt quãng đời còn lại của ông. Bác tôi sắp sửa cưới vợ vì ông không thể để cho người phụ nữ của mình sống trong cảnh không được che chở bảo vệ ở Wood Green. Ông thậm chí còn không dám nghĩ tới chuyện đưa ra ý

tưởng họ sẽ sống với nhau như một cặp vợ chồng được công nhận do hôn nhân thực tế dù không làm hôn lễ. Không có lễ cưới, thậm chí chỉ là thủ tục tại một văn phòng đăng ký kết hôn, không có nhẫn đính hôn, áo cưới, bánh cưới và một bài phát biểu trong đám cưới thì Eunice sẽ không nhúc nhích thay đổi. Và chiếc nhẫn là lời tuyên bố rằng ông hoàn toàn nghiêm túc và không hề có ý định lừa Eunice.

“Không phải là em không thấy cái nhẫn,” - Eunice nói khi bác tôi cầu hôn trong một bữa trưa tại một nhà hàng Italy vào cái ngày tổ chức tiệc sinh nhật cho tôi. Một bữa trưa phô trương với những bộ đồ ăn bằng bạc, một xe đẩy phục vụ các món tráng miệng và quyền được có một người phục vụ đứng bên cạnh nướng cho ta một miếng bê thui trên một cái bếp trực tiếp ngay trước mắt ta. Bác tôi biết điều gì gây ấn tượng đối với phụ nữ. Từ trước đến giờ, không có thứ gì ở ông là keo kiệt bủn xỉn cả.

Và để cứu Eunice khỏi bọn đầu trọc ở Wood Green, ông cần phải mua một chiếc nhẫn đính hôn vì kể từ giờ phút này, không còn một cơ hội nào cho việc bố tôi sẽ chế tác cho anh mình một cái nhẫn nữa.

Bác Sándor có con mắt rất tinh tế, sắc sảo về nữ trang nhưng ông vẫn muốn tham khảo ý kiến của phụ nữ. Vì vậy, ông đề nghị tôi đi cùng ông tới cửa hàng Harrods để lựa chọn nhẫn. Thật sự thì việc mua nhẫn không xảy ra ở đó. Bác tôi không còn đủ tiền để mua nổi một cái nhẫn trị giá 10.000 tới 20.000 bảng Anh. Tiền cho thuê hai căn nhà ở Camden có thể cho phép ông thoải mái vung tay nhất định vào một số thứ, chẳng hạn như bữa tiệc sinh nhật của tôi, nhưng dù sao thì tài sản lưu động của ông cũng có một mức giới hạn. Kế hoạch của ông là lựa ra vài cái nhẫn thích hợp rồi sau đó đưa những chi tiết mô tả về

chúng cho Mickey. Anh này sẽ ngó nghiêng, lòng sục khoảng một hay hai tuần và xuất hiện với một cái tương tự, thậm chí giống y như chiếc nguyên mẫu được miêu tả, không phải là hàng giả, tuyệt đối không phải như vậy nhưng cũng không nhất định phải là chiếc được bày bán ở Harrods. Vì thành phố London của Mickey, thành phố tỏa ra khắp mọi hướng với bán kính hàng dặm tính từ tâm là cửa hàng nhỏ của anh ta ở chợ trời Dalston, đến những vùng ngoại ô ở phía bắc và phía nam (nhưng không vượt quá những xa lộ chạy dài như quỹ đạo, tới những thứ mà anh ta không hiểu và không muốn hiểu như bò, cừu và chim), có đủ tất cả mọi loại người mà có thể đáp ứng được cho ta gần như là bất cứ thứ gì ta muốn, chẳng hạn như một mẫu đá từ mặt trăng hay gần hơn là những mảnh vỡ của Bức tường Berlin.

Đây là sự thật: bác tôi muốn bố tôi làm cho ông cái nhẫn. Ông tự thấy mình hào phóng trả cho người em trai vì thời gian, công sức đã bỏ ra làm món đồ trang sức; hào phóng khen tặng tay nghề điêu luyện của em mình. Nhưng bố tôi đã làm phá sản kế hoạch đó.

– Bác nói cháu một lần nữa nhé, – bác tôi nói khi chúng tôi đang ở trên xe buýt đến quận Knightsbridge^[61] – lần tới bác sẽ gặp bố cháu ở một nơi khác. Khi đó, hai anh em sẽ nói chuyện với nhau.

– Nơi khác là nơi nào? – tôi hỏi ông.

– Đó là nơi người ta làm bảng cân đối kế toán cuối cùng. Bản tổng kết những ngày sống trên cõi đời.

– Sao bác lại nghĩ mình sẽ ra đi? Bác lo sợ sao?

– Không hề. Thượng đế không quan tâm nghĩ ngợi đến những thứ mà người ta lo lắng trong cuộc đời này. Ngài nhìn

mọi thứ theo một cách khác hẳn. Bác không lo lắng sợ hãi. Thượng đế không quan tâm đến chuyện con người ta sống như thế nào mà chỉ cần biết anh ta có sống hay không? Con người có bỏ phí món quà mà Ngài đã trao cho hay biết tận dụng món quà đó bằng hết khả năng của mình?

- Vậy là bác tin vào Chúa?
- Bác có nói gì về Chúa đâu?
- Chẳng phải đó là điều mà chúng ta đang nói đến hay sao?
- Không, không phải.

Nhưng điều bí ẩn này trong niềm tin của bác tôi vẫn chưa được giải thích rõ ràng vì chiếc xe buýt đã ngoặt vào đường Sloane và chúng tôi xuống xe, đi bộ tới cửa hàng Harrods. Bác tôi dừng lại bên cửa sổ của các cửa hàng nằm dọc theo đường Brompton và xuýt xoa trầm trồ trước những món hàng nữ trang xa xỉ.

Những chiếc nhẫn nằm trên giá đỡ bọc vải sa tanh và nhung. Chúng ngẩng cao đầu lên phía ánh sáng và giấu thân bằng vàng và bạch kim sâu xuống lớp đệm sang trọng màu xanh da trời và nắng. Tôi có thể kể ra mọi loại đá đang được bày bán ở đây.

Tôi đã lớn lên trong cái nghề này mà. Kim cương, ngọc bích, ngọc lục bảo, hồng ngọc và tiếp đó là những loại đá quý ít giá trị hơn như ngọc hồng lựu, ngọc mắt mèo, thạch anh tím và ngọc topaz. Bác tôi chỉ thích mỗi ngọc bích. “Màu xanh da trời là màu sang trọng, quý phái, cháu có thấy như vậy không?” - ông hỏi tôi. “Với bác thì nó là loại hảo hạng nhưng biết đâu bác cũng có thể sai. Thế đá mà Nữ hoàng có gắn trên vương miện của mình là đá gì ấy nhỉ?” - ông hỏi người bán hàng. Anh nhân viên này rất vui khi được hỏi như vậy và bắt đầu bài diễn giải

uyên thâm của mình về chủ đề này. Bởi vì nó không chỉ dừng ở một cái vương miện. Chúng tôi nhìn ngắm cẩn thận những cái nhẫn và bác tôi hỏi về giá cả, một câu hỏi tượng trưng để vờ chứng tỏ chúng tôi là những khách hàng thật tình muốn mua chứ không phải là những kẻ chỉ đi xem mà không mua, làm mất thời gian của người bán hàng. Chúng tôi trao đổi xem liệu Eunice thích nhẫn chỉ có một hạt đá hay một dãy, mặt đá hình vuông hay hình thoi. Rồi tiếp theo là hoa văn trang trí như thế nào? Chất liệu là gì?

Bác tôi nói to: “Cháu biết lời nguyện và thề thốt của bác rồi phải không? Sẽ phải lòng một người phụ nữ thanh lịch, có phong cách. Mọi thứ phải chuẩn chứ nếu không thì cô ấy sẽ coi thường. Bác muốn cái nhẫn này phải thật hoàn hảo, cháu có hiểu không, Vivien? Bác muốn khi cô ấy mở hộp ra, cô ấy phải há hốc miệng vì đây là thứ mà cô ấy đã chờ đợi suốt cả cuộc đời mình, kể từ khi cô ấy chỉ là một cô bé nữ sinh ở Vịnh Tiger và đọc nhiều câu chuyện về những nàng công chúa.”

– Xem này! – ông thì thầm – cái này này.

Đó là một cái nhẫn mặt đá màu xanh da trời hình vuông chỉ có một hạt đính trên cái vòng tròn bằng bạch kim.

– Cháu thấy sao?

– Hoàn hảo tuyệt vời ạ.

– Tao nhã chứ?

– Vâng ạ.

– Chúng tôi sẽ suy nghĩ về nó, – bác tôi nói với anh chàng bán hàng. – Cảm ơn anh. Anh đã giúp chúng tôi rất nhiều.

– Làm cách nào mà bác sẽ tìm ra một cái giống như vậy? – tôi hỏi ông khi chúng tôi bước dọc theo dãy cửa hàng.

– Chà chà, Mickey sẽ phải làm hết sức mình. Cậu ta sẽ cố

tìm được. Cậu ta chưa bao giờ làm bác thất vọng. Cháu có muốn đi uống cà phê không?

– Bác sẽ chụp ảnh cái nhẫn đó hay đại loại là làm điều gì tương tự như vậy phải không?

– Sao phải làm vậy? Không cần thiết. Bác nhớ kỹ lắm. Hình ảnh cái nhẫn đó đã ở trong đầu bác rồi. Bác nhớ được nó rồi mà.

Chúng tôi đi thang máy xuống những phòng trà. Những chiếc bàn nhỏ ở đó đứng như thể những cô gái mới đến sàn nhảy lần đầu, chờ đợi người tới mời khiêu vũ.

– Cái quán này thật dễ thương - bác tôi nhận xét. - Thật là quan trọng khi biết được bàn nào ở trong một quán cà phê sẽ đem lại cho ta dịch vụ tốt nhất. Bác biết điều này vì bác đã từng là một bồi bàn. Cách ta đối xử với bồi bàn như thế nào cũng quan trọng không kém, nếu ta muốn được phục vụ bánh ngọt hảo hạng nhất. - Những cái bánh phủ kem cứng ngắc trông như bạc màu dưới ánh sáng quá chói lọi của những bóng đèn chùm được bung ra cho chúng tôi trên một cái khay bạc.

– Cô có thứ gì đặc biệt cho hôm nay không? - bác tôi hỏi cô bồi bàn và mỉm cười với cô ta. Cười chủ yếu bằng mắt chứ không phải bằng miệng. Đôi mắt của ông có vẻ như chào cô ta với toàn bộ hàm ý ấm áp, thông cảm và hài hước. Một nụ cười biểu hiện ông hiểu tất cả mọi thứ về đôi bàn chân sưng phồng và thái độ phải nhịn nhục, nuốt vào trong những cay đắng trước những lời xúc xiểm.

– Tôi sẽ đi xem thử quán chúng tôi có không, thưa ngài, - cô bồi bàn nói và nháy mắt. Chỉ một giây sau, cô ta đã quay lại với một cái khay nhỏ hơn đựng một cái bánh ga tô tươi mới hơn: - Tôi nghĩ quý ngài nên chọn bánh bông lan cuộn mâm xôi và chocolate.

– Vậy thì chúng tôi sẽ chọn loại đó, – bác tôi đáp – tôi luôn luôn nghe theo lời khuyên của các nhân viên phục vụ. Bởi vì sao thì cô cũng biết rồi phải không? Các cô đều là những bậc thầy, những bậc thầy đáng yêu, tất cả các cô đều như vậy. Cảm ơn, cô bạn yêu quý! Chúc cô một ngày vui vẻ hạnh phúc. – Bác tôi nói đoạn quay sang tôi – Cháu thấy không? Chẳng đòi hỏi phải mất nhiều lời mới được phục vụ tốt nhất đâu.

– Thế bác đã định ngày cưới chưa? – tôi hỏi ông. Tôi không có ý nói là mình bị ông bác bỏ bùa mê nhưng tôi bị thu hút bởi người tự định ra những luật lệ của riêng mình và chẳng sợ ai. Những người không quan tâm đến những gì xã hội nghĩ gì hay nói gì về họ như vậy luôn tràn đầy sinh lực và khiến cho thế giới xoay tròn. Chồng tôi cũng là tuýp người này.

– Sẽ sớm thôi. Nhưng Eunice muốn có thời gian để chuẩn bị. Phụ nữ là như thế đó. Phải chấp nhận thôi. Ô cái bánh này mới ngon làm sao! Thật là một cái bánh ngon tuyệt. Cháu đã không nhìn thấy cái bánh này nằm ở trên khay phải không? Cái khay lớn đấy. Vivien này, trong cuộc đời bao giờ cũng có một cái khay lớn mà những người bình thường không biết rằng ở trong đó có một thứ gì đó đặc biệt đang chờ đợi họ. Lúc nào cũng có. Bác đã học được điều này cách đây lâu lắm rồi. Chờ đợi chiếc khay đặc biệt.

– Nhưng cuộc đời không phải là những cái bánh.

– Không, dĩ nhiên là không phải rồi nhưng nguyên tắc thì vẫn giống nhau. Cháu phải biết là có một thứ gì đó khác, một thứ gì đó tốt hơn bị che giấu khỏi tầm mắt cháu, thứ mà thiên hạ không muốn cháu phát hiện ra, thứ mà cháu phải đòi hỏi, hay đôi khi cháu chỉ cần đến và lấy đi. Bố cháu chưa bao giờ biết được điều này. Đó là thất bại lớn nhất của bố cháu đấy. Đừng để nó xảy ra với cháu.

– Gần đây mẹ cháu kể với cháu là bà đã gặp bác trước khi gặp bố cháu.

– Đúng là như vậy. Bác vui vì mẹ cháu còn nhớ. Một cô gái tội nghiệp cùng với một chiếc gậy, một cô gái xinh đẹp nhưng chẳng hề nghĩ mình xinh đẹp. Cái gậy đó sẽ đánh bại cô ấy nếu cô ấy từng tự nhủ rằng mình xinh đẹp. Cô ấy không những đẹp mà còn thông minh nữa. Bác biết mẹ cháu đúng là dành cho bố Ervin của cháu.

– Vậy là bác cố tình giới thiệu bố mẹ cháu với nhau à?

– Dĩ nhiên rồi. Tất cả hoàn toàn là sắp xếp. Bố cháu không biết là mình sắp sửa gặp một cô gái. Bác chỉ nói với bố cháu là đến quán uống cà phê với bác bên bờ sông Danube. Nhưng đây là kế hoạch của bác, giới thiệu hai người với nhau. Bố cháu cần một người phụ nữ nhưng bản thân lại quá khó tính, hay gắt gỏng nên không thể tự mình tìm gặp một người nào được.

Tôi cảm thấy tất cả mọi thứ đã xảy ra xong hết cả rồi, rằng chúng ta, những sinh vật sống, chỉ là những cái bóng của các sự kiện có thật, chỉ là những đường viền mờ nhạt phủ bóng xuống thời gian hàng chục năm.

– Nhưng sao bác lại làm vậy? – tôi kêu lên. – Sao mẹ cháu lại là một vật hi sinh? Chẳng lẽ mẹ cháu không đáng được hưởng điều tốt đẹp hơn thế sao?

– Không, không, cháu không hiểu rồi. Mẹ cháu đã nâng bố cháu lên ngang tầm với mình chứ không phải là bố cháu nâng mẹ cháu lên. Mẹ cháu đã biến bố cháu thành một con người.

– Cháu không cho điều bác nói là đúng. Mẹ cháu đã kể với cháu là bố từng hát cho bà nghe nhiều bài hát của Mỹ, những bài hát có trong phim.

– Vậy à? Bác chưa từng biết chuyện này.

– Mẹ cháu nói lúc đó bố cháu khác lắm.

– Ừ, có thể mẹ cháu hiểu bố cháu hơn bác – bác chỉ biết bố cháu là một thằng em trai và là một thằng đàn ông đúng tuổi đi xúc phạm chị dâu tương lai của mình. Xúc phạm một cách có chủ ý, như cháu thấy đấy. Bác chưa bao giờ nghe nó hát một bài hát nào và cũng chưa bao giờ biết nó đi xem một bộ phim nào. Nhưng lúc nào cháu cũng là người thắc mắc đặt câu hỏi chứ không phải bác. Thế còn cháu, cháu làm gì với mình nào? Cháu sử dụng thời gian của mình như thế nào?

– Cháu đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, – tôi đáp với một chút tự hào, hi vọng bác tôi ủng hộ việc mình làm. Tôi hi vọng ông sẽ nghĩ rằng tôi đang làm một việc nhỏ để bù lại những năm tháng ông đã phải lao động khổ sai.

– Cháu làm điều đó như thế nào?

– Thì cháu đã nói với bác rồi đấy thôi. Cháu đi phát tờ rơi tuyên truyền.

– Tờ rơi. Rất tốt. Thế những tờ rơi đó nói gì?

Tôi giải thích thông điệp chính trị quan trọng mà chúng tôi gửi đến mọi người về mối đe dọa Quốc xã ẩn đằng sau khuôn mặt dối trá của chủ nghĩa yêu nước Anh.

– Chà chà, bác chắc là người ta sẽ lắng nghe. Ai có thể bất đồng ý kiến với một tờ rơi được nào? Thế còn cái thằng Claude thì sao, nó có đi với cháu không?

Tôi cố che giấu mối quan hệ của mình với anh ta. Tôi cảm thấy bác tôi sẽ không hiểu được những gì tôi đang làm với một thằng con trai tầm thường, dung tục, một tên thô lỗ cục cằn như ông đã gọi Claude, một gã suốt ngày chỉ mặc áo khoác da và có một công việc thấp kém hạ đẳng. Nhưng chắc hẳn là bác tôi đã bắt gặp hình ảnh tôi và Claude đi cùng với nhau, từ quán

rượu trở về nhà, hoặc là cảnh tôi lén ra khỏi phòng của anh ta vào buổi sáng sớm trước khi tôi cũng có một căn hộ trong ngôi nhà đó. Và cả những mẫu phác họa hình xăm chữ thập ngược nữa. Tôi thấy hết sức xấu hổ.

– Bác có lo lắng cho cô Eunice không? - tôi hỏi, đánh trống lảng sang chủ đề khác.

– Dĩ nhiên là có rồi. Đó là lý do vì sao bác vội vàng cưới cô ấy để cô ấy rời bỏ căn hộ đó và dọn đến đây ở cho an toàn hơn. Chỗ đó không phải là nơi có hàng xóm láng giềng tốt lành tử tế.

– Bác Sándor, nói cho cháu biết vì sao bác luôn đi ra ngoài cùng với các cô da đen đi?

– Vì sao à? - ông nhìn tôi và mỉm cười giống như cách đã cười với cô bồi bàn, một nụ cười đầy ám áp và không hiểu sao cái môi dưới trề ra giống như môi của Hitchcock mềm ra thành một hình ảnh đầy cảm xúc mà trước đây tôi chỉ tình cờ trông thấy ở ông có duy nhất một lần. Vì ông có thể là một người kinh doanh lạnh lùng, một con thú gặm rống đòi hỏi lợi nhuận, người vung tay mua nợ bạt mạng, không suy tính những món hàng phô trương hào nhoáng mà ông khao khát muốn có vì ông đã từng là một nô lệ bị đánh đập nát cả hai tinh hoàn. Nhưng rồi, những hình ảnh xấu xa đó cũng đã có một hai lần tan biến, sửa đổi lại và khoác lên một hình dáng khác.

– Trước chiến tranh, bác chưa bao giờ trông thấy một cô gái da màu nào. Bác gần như không biết có một người như vậy tồn tại trên thế giới này, có lẽ ngoại trừ những cô xuất hiện trong mấy bộ phim của Mỹ mà bố cháu kể là đã từng đi xem và bác ngờ là bố cháu nói dối. Nhưng khi bác ra đi, đã quá trễ để rời khỏi Hungary, khi chủ nghĩa cộng sản nhẹ nhàng len vào đời sống chúng ta trong lúc chúng ta không để ý, chúng ta bị cắt đứt khỏi các nước còn lại của châu Âu. Những ban nhạc nhảy

như của Tommy Dorsey, những ca sĩ như Frank Sinatra, những nhân vật mà người ta yêu thích, không bao giờ đặt chân đến Đông Âu. Chúng ta có tình anh em, chúng ta có bạn bè đồng chí và trong số các bạn bè đồng chí đó có người Mỹ. Những người Mỹ theo chủ nghĩa cộng sản. Chỉ có một lần duy nhất một nữ ca sĩ đến từ Mỹ chuyên hát về tình yêu tan vỡ, ca sĩ theo chủ nghĩa cộng sản, đến quán cà phê mà bác đang làm bồi bàn.

Bác tôi ngả đầu ra sau và cười. “Một hình ảnh mới lạ lắm, hấp dẫn làm sao! Nhưng cháu biết không, cô ca sĩ đúng là như thế đó. Tên cô ấy là Elvira. Cô ấy mặc một cái váy được trang trí bằng những miếng bản tròn như đồng xu và đi đôi giày cao gót trong khi phụ nữ ở Budapest mặc áo khoác của đàn ông và đi giày ống da để chống chọi với cái lạnh giá của mùa đông cắt da cắt thịt. Elvira đến từ thành phố Kansas. Đó là người phụ nữ đẹp nhất mà bác từng thấy trong đời, kể cả trước đây và đến tận bây giờ. Bác không biết chuyện gì đã xảy ra với cô ấy. Bác cố tìm những đĩa thu âm của cô ấy nhưng bác nghĩ cô ca sĩ này chẳng ra một đĩa nào. Cô ấy là một người theo chủ nghĩa cộng sản thực sự, một thành viên của Đảng Cộng sản. Bác đảm bảo chắc chắn là cô ấy được phục vụ những cái bánh ngọt hảo hạng nhất, những cái mà chúng ta bày trên khay đặc biệt dành cho các quan chức của Đảng Cộng sản Hungary và quan khách đến từ thủ đô Moscow của Nga.

“Kể từ lúc đó, bác mất hẳn sự thích thú đối với phụ nữ da trắng. Bà của Elvira là một nô lệ và bác nói với cô ấy rằng mới trước đó 4 năm thôi, bác cũng là một nô lệ. Bác uống rượu Tokaj đựng trong đôi giày của cô ấy. Bác sẽ không bao giờ quên được điều đó. Trong căn hộ bé tí của mình, với một chai rượu xuất xứ từ những cánh đồng nho của Zémlen, bác uống rượu đựng trong gót giày vương mùi mồ hôi của cô ấy, vương tất cả

mùi thơm của cô ấy. Cho đến giờ, bác vẫn thấy đó là thứ nước uống ngọt ngào nhất trên thế giới.”

Khi chuyến tàu cuối cùng rời khỏi sân ga để đến đích, khi hành khách đã bước xuống trạm cuối cùng và ánh sáng của con tàu lóe lên rồi vụt tắt tối om, những con tàu lắc lư đến chỗ nghỉ ngơi ban đêm của chúng.

Chúng làm điều gì sai trái hay nghịch ngợm quậy phá ở dưới kia trong bóng tối?

17

– Anh muốn làm chuyện đó trên tàu với cô bé của anh, – Claude nói.

– *Cái gì?* Giữa thanh thiên bạch nhật ư?

– Sau khi chúng ta dừng máy. Anh sẽ đưa em tới chỗ nhà ga.

– Anh được phép làm vậy sao?

– Không. Nhưng điều đó không có nghĩa là không thể.

Chúng tôi chẳng có một mối quan tâm nào chung, một đời sống xã hội nào cùng với nhau. Phần lớn chuyện chúng tôi làm cùng nhau chỉ là nằm dài trên giường ngắm nhìn lũ cá bé tí của Claude có những con mắt như cái chấm. Thỉnh thoảng, một con cá bị bệnh nấm trắng và chết từ từ. Đôi khi chúng nhảy ra ngoài, phơi mình trên cái bếp hâm, với một ý định rõ ràng là tự tử: Thế giới ở đó thật là chật hẹp, ngột ngạt.

Cái chết của mấy con cá làm Claude buồn mất nhiều ngày. Những cái xác nhỏ xíu được gói trong một tờ giấy lụa và được chôn trong một hõm nông ở trong vườn được khoét bằng muỗng cà phê. Nhưng chỉ khoảng một tuần sau đó, anh ta sẽ đào chúng lên và xem xét những bộ xương trước khi chúng quá rã. Anh ta cảm thấy buồn vì chúng phải chết trên mặt đất lạnh lẽo của nước Anh trong khi chúng đến từ những vùng biển xa tít và những vùng khí hậu ấm áp. Cái đêm sau khi tôi đi cùng bác mình rảo xem mẫu nhãn đính hôn ở cửa hàng Harrods, nơi tôi đã nhìn thấy thứ được đặt trên cái khay đặc biệt, tôi mặc quần jeans và áo khoác da và đứng đợi gần tới nửa đêm trên

sân ga của trạm tàu điện ngầm Camden, ngóng nhìn về hướng bắc.

Những hành khách cuối cùng đang trên đường trở về nhà. Những tay ăn chơi người ngợm tái nhợt và những công nhân làm đêm bộ dạng mệt mỏi đã rời ngòi sụp xuống dựa vào thành tàu. Chuyến tàu cuối cùng là một hành trình hiu quạnh, đơn độc và ngày đang tàn khép lại sau lưng ta. Một cơn gió mạnh thổi dọc theo đường hầm, báo hiệu tàu đang đến. Bảng báo sáng lên rồi mờ dần. Những con tàu đến rồi đi cho đến lượt chuyến tàu cuối cùng. Những cánh cửa mở ra và Claude nhún nhảy bước ra, tìm kiếm giữa các khuôn mặt trong đám đông và nhận ra tôi đang đứng trên sân ga. Tôi bước nhẹ đôi giày ống cổ ngắn của mình lên tàu. Những cánh cửa đóng lại sau lưng chúng tôi và chúng tôi lên đường.

– Lại đây, – Claude nói. – Để anh âu yếm vuốt ve cho em. Em trông có vẻ bị lạnh đó. Em đã đợi lâu lắm rồi hả?

– Em không sao, – tôi đáp. Chúng tôi đứng ở khoảng trống chật hẹp nối giữa hai toa tàu đang kêu ầm ầm, trên sàn tàu có khe hở nơi hai toa được ghép lại với nhau. Đứng ở một nơi như vậy, ta cảm giác mình có thể sẽ bị xé toạc thành hai mảnh, nửa cơ thể này sẽ tách rời khỏi nửa cơ thể kia.

– Em thổi cái còi của anh được không? – tôi hỏi Claude.

– Được. Này, thổi đi. Thổi thử xem nào.

Tôi đặt cái còi lên miệng. Nó vẫn còn hơi ấm từ đôi môi của Claude. Rồi tôi thổi một hơi thật dài, danh và chói sắc.

Chúng tôi đang lao sầm sập về hướng Bắc. Claude chạy dọc khắp các toa; chiếc mũ lưỡi trai của anh ta phủ bóng xuống đôi mắt; cái áo khoác da lưng thùng quanh hai vai và bám muội than tàu xám xịt. Claude không đẹp trai: mũi quá sắc, tóc quá

mảnh, tất cả mọi đặc điểm của anh ta đều quy về hình mũi nhọn, ngoại trừ cái miệng. Đôi môi đó trông như thể được ghép lên khuôn mặt anh ta không phải để nói mà để bú, để hôn. Dù Claude chẳng đẹp trai nhưng những cô ả trẻ đang trên đường trở về nhà sau một đêm chơi bời ở bên ngoài cứ nhìn chăm chăm vào anh ta bằng những đôi mắt cười trơ trẽn.

Claude nói với các cô ả rằng tôi là “đào” của anh ta. Tôi cười bảo chúng tôi chỉ là bạn tình với nhau mà thôi.

– Quả đúng là như thế, anh quá tầm thường đối với em, – Claude xác nhận một cách chế nhạo.

– Em đang ở đây, phải vậy không? Nhìn em này, anh đã đặt đôi bàn tay tầm thường của anh lên ngực em, – tôi nói.

– Đơn giản là em muốn có một chút gì thô ráp, táo bạo, – Claude đáp.

– Thế còn anh thì muốn gì? – tôi hỏi – Kế hoạch của anh là gì?

– Anh chỉ đi theo tiền của em thôi, cô nàng ạ. Em nghĩ sao?

– Cứ việc lấy đi – tôi nói – 8 bảng một ngày là cả gia tài của em đấy. Em sẽ cho anh tất.

– Anh đang tưởng tượng mình là một tên trai bao, một thứ đồ chơi của một bà già giàu có. Một bà già giống như em. – Một tiếng cười cộc lốc, ngắn ngủn đột ngột vang lên – Chuyện này thú vị thật, phải không?

Claude không thể cất đôi tay mình khỏi mái tóc tôi. “Để anh vuốt ve em, quý bà già nua. Em giống như Nữ hoàng xứ Sheba. Vị nữ hoàng trong Kinh thánh ấy. Đức vua đã tặng cho nữ hoàng vàng và tặng vật. Anh cũng sẽ tặng vàng cho em nếu như anh có tiền.”

Tôi ước mình có thể dẫn Claude tới xem phòng ngủ của mình

ở Benson Court, bức tranh vẽ một cảnh trong vở múa ballet Hồ Thiên Nga, con chó bằng sứ, bộ chặn sách hình con ngựa, những bộ đồ cũ kinh khủng treo trong tủ quần áo. Nhưng, Claude sẽ không bao giờ để mắt xem xét bên trong Benson Court. Đó là điểm lôi cuốn thu hút của anh ta. Chúng tôi chỉ là những cơ thể đang rơi tự do.

Tới trạm Golders Green, chúng tôi ra khỏi những đường hầm sâu hun hút lên những đường ray trên mặt đất. Ở trên này, con tàu dường như yếu ớt, dễ bị tổn thương hơn, giống như một sinh vật sống dưới lòng đất bị đào lên trên và nằm phơi ra trước những kẻ thù ăn thịt tự nhiên của nó. Tàu dừng lại ở Hendon, Colindale, Burnt Oak rồi đến trạm cuối ở Edgware. Những hành khách đi tàu đang ngủ bồng bồng tỉnh, chen nhau tìm cách đi qua những cái cửa quay soát vé rồi về nhà.

– Em đừng xuống vội, – Claude nói với tôi – chúng mình vẫn chưa đến đó đâu.

Chúng tôi đứng đợi một lúc lâu. Những toa tàu đứng im lìm và trống trơn trong sân ga tối tăm trước khi chúng tôi lại di chuyển, chậm chạp quay ngược về hướng nam rồi tăng tốc. Lướt qua bên trên chúng tôi là bóng đen của cây cối, của nhà cửa mọc trên những đường đắp cao của tàu điện ngầm và bên trên nữa là vầng trăng mùa hè đẹp một cách đầy nhục cảm.

– Người ta nói nhiều con tàu có ma, em biết không? – Claude nói với tôi – Lúc nào cũng có hành khách chết trên tàu. Một số tàu cán chết người. Chúng là những con tàu sát nhân. Nhưng mình không thể biết đó là những con tàu nào vì người ta đã đổi số hiệu của chúng.

– Chúng giết người ta như thế nào?

– Những người tự tử nhảy vào đường ray ngay trước mũi tàu

và máu chảy dọc theo đường ray.

Chúng tôi vào nhà ga Golders Green. Tôi nghe thấy tiếng bước chân của người lái tàu vọng theo dọc lối đi khi ông rời tàu về nhà nghỉ ngơi buổi tối. Chỉ còn trơ trọi hai chúng tôi trong im vắng. Claude nói ở ngoài kia có những con cáo đang rón rén đi chuyển qua các bụi cây. Thỉnh thoảng anh ta nhìn thấy chúng. “Cô gái của anh! Giờ thì chỉ còn anh và em mà thôi.” - Claude vừa nói vừa cởi chiếc mũ và cái áo khoác. “Anh ước gì lúc này chúng mình đang di chuyển nhưng anh không thể liêu lĩnh như thế được.”

Chẳng có nơi nào để nằm xuống ngoài sàn tàu vút đầy bịch khoai tây chiên rỗng, những tờ giấy báo rách tả tơi, nhàu nát, bao ni lông, đầu mẫu thuốc lá, giấy bọc chocolate, một núm vú cao su của em bé, một chiếc ví đã bị móc hết ruột, một cái mũ, một đôi giày, một cái áo sơ mi và những chiếc vé đã bị xé. Claude mở cửa sổ cho không khí ban đêm tràn vào.

- Kéo khóa quần jeans của em xuống đi! - anh ta bảo. Claude cũng mở khóa quần của mình xuống rồi ngả người về phía trước, tuột chiếc quần lót của tôi xuống hông rồi đặt hai tay của anh lên hai quai móc tay thòng từ trên nóc của toa xe xuống. Chỗ đó quá tối, tôi gần như không trông thấy Claude. Anh ta chỉ là một cái bóng và một giọng nói vọng ra. “Hôn anh chút xíu đi rồi cho nó vào bên trong em.” Tôi nâng thân mình lên cho đến khi đầu gối của tôi kẹp chặt vào hai bên hông hẹp của Claude. Chúng tôi treo lơ lửng ở đó. Claude thì treo từ trần tàu còn tôi thì treo vào anh ta. Khi xong, anh ta lấy áo khoác của mình lau hai bắp đùi tôi. Tôi chẳng nói gì. Đó là sự tưởng tượng của Claude chứ không phải của tôi. Tôi cảm thấy chúng tôi đã đi quá xa: giống như tàu điện ngầm rời khỏi tuyến hành trình được thiết lập sẵn cho nó trên bản đồ, chúng tôi đã khởi

hành tới những miền đất xa lạ. Claude cuốn một điều thuốc lá trong bóng tối. Tôi ngồi xuống.

– Em có ngại không nếu anh ngồi vào lòng em một phút? - Anh ta hỏi.

– Được, không sao.

Cơ thể Claude nhẹ giống như một con chim hay một bóng ma.

– Anh gây quá, - tôi nói, ôm Claude cẩn thận để anh ta không rạn vỡ ra. - Anh không ăn đủ để mà sống, - tôi vừa nói vừa vuốt khuôn mặt anh.

– Anh đang sống ư? - Claude hỏi, quay đầu đi.

– Anh đang phí hoài sức lực của mình. Hồi mùa xuân anh khỏe hơn nhiều. Máy viên thuốc mà anh đang uống là thuốc làm gây đờ, anh có biết không? Đó là lý do tại sao cần phải có bác sĩ kê đơn. Đó là lý do tại sao anh chẳng thèm ăn.

– Anh sống bằng không khí - Claude đáp. Tiếng nói vọng ra từ đốm cháy nhỏ đang lập lòe trong bóng tối. - Đó là điều mà bà anh đã từng có lần nói với anh. Bà là một trong số những người Di gan lang thang và họ đều có dây mơ rễ má với lũ yêu tinh, - Claude bật cười. - Anh như thể đến từ một thế giới khác vậy. Đôi khi, anh nghĩ anh không thuộc về thế giới này.

Tôi biết mọi chuyện gần như đã kết thúc nhưng điều đó không có nghĩa là tôi sẽ ngưng thèm khát anh ta, hay những lời nói, cử chỉ dịu dàng, nhạy cảm mà thỉnh thoảng Claude phô bày ra sẽ không còn tiếp tục làm cho tôi xúc động hay sẽ thôi làm rung động một trái tim mà bản thân nó đã tự chữa lành những vết thương qua cảm giác bình yên thanh thản vô hình.

– Hai chúng mình, người này sẽ kể cho người kia một bí mật của mình chứ nhỉ? - Claude đề nghị - Chẳng phải đêm tối

là để sẻ chia cho nhau những câu chuyện như vậy sao, phải không nào?

– Em không ngại chia sẻ đâu.

– Thế ai kể trước nào?

– Là ý tưởng của anh mà.

– Thôi được. Anh kể một câu chuyện trước vậy. – Claude bắt đầu nói bằng một giọng nhanh và trầm, như thể anh ta đang săn đuổi những ý nghĩ của mình để tiêu diệt chúng. – Chuyện xảy ra khi anh còn là một thằng bé con bắt đầu đi học chính thức, gọi là đi học chính thức có đúng không? Bọn anh phải mang một đôi tất màu xám dài tới đầu gối. Đó là cách người ta biết mình đang học ở một trường lớn. Phải, chỉ cần nhìn qua những đôi tất. Ngày đầu tiên từ trường về nhà, bố anh bắt anh ra ngoài sân rửa sạch mấy cái đĩa đựng thức ăn cho chó.

– Chó gì vậy? – tôi hỏi Claude. Tôi biết anh ta sợ chó. Trước đây, Claude đã nói với tôi là cái mùi của chúng làm cho anh ta cảm thấy buồn nôn đến thế nào.

– Hai con chó lai có hàm răng nhọn hoắt, bộ lông thô xù và cái mõm đen. Đôi mắt thì lúc nào cũng chảy nước. Anh không biết bố anh muốn nuôi chúng để làm gì vì ông ấy chả bao giờ dẫn chúng đi dạo hay làm cái gì cả. Ông ấy chỉ xích chúng lại. Nhưng bố anh đến từ Ireland, một nơi nào đó trong đất nước này. Ông nói đàn ông mà không có một con chó thì không gọi là đàn ông.

“Thế là lúc anh đang khom lưng nhặt mấy cái đĩa thì cái con chó mà bố anh gọi là Alf, sau khi lùnh sục ở ngoài đường về, đã ghéch một chân lên rồi tè vào anh. Anh có thể cảm thấy nước đái của nó chảy ri rỉ ở tất của mình, nóng, ướt, khai khảm và toàn một màu vàng khè. Anh chạy vào trong nhà, la toáng lên,

phun ra hết mọi thứ chứa trong đầu còn mẹ anh thì chỉ đứng đó cười. Bà ấy hôn anh một cái và cởi đôi tất ra, giặt rồi phơi chúng suốt đêm trước lò sưởi. Hôm sau, anh đến trường, cái mùi khai khăm khăm vẫn còn tỏa ra từ người anh. Tất cả bọn con nít gọi anh bằng đủ cái tên xuất hiện trong giờ nghỉ giải lao. Còn anh thì bỏ chạy.”

– Anh bỏ chạy đi đâu?

Claude tựa mặt mình vào má tôi và tôi hôn lên đó, giống như hôn một đứa trẻ.

– Chạy xuống tới chỗ mấy con tàu cập bến, tới vài cái xưởng mà anh biết. Anh sống với mấy người lang thang và họ cho anh uống rượu táo. Lúc đó anh mới chỉ 11 tuổi nhưng anh đã thích cái mùi vị của nó và cái cách cảm nhận nó như thế nào khi nó đi vào trong huyết quản của mình. Bọn họ cũng tốt thôi. Anh không ngại gì mấy người đó cả dù dĩ nhiên là họ bốc mùi hôi hám và rồi thì anh cũng bốc mùi y như vậy. Anh giống như một con mèo đi hoang, em có hiểu ý anh nói không? Có bao giờ em từng cảm thấy như thế chưa? Giống như em chẳng thuộc về một cái gì hay một ai cả đấy? Anh nghĩ anh có thể ở đó suốt đời và không bao giờ quay trở lại trường nhưng cuối cùng người ta cũng tìm đến bắt anh về. Đi cùng còn có một cảnh sát và một bà của tổ chức xã hội. Anh phải về nhà. Mẹ anh đã vút đôi tất kia đi và mua cho anh một đôi mới nhưng anh luôn luôn nghĩ rằng người ta vẫn có thể ngửi thấy mùi nước đái của con chó, rằng nó sẽ theo anh khắp nơi chừng nào anh còn sống.

– Anh có mùi thơm thật tuyệt, - tôi nói. - Anh không biết điều đó ư?

– Ừ, nhiều cô trước đây cũng nói với anh như vậy nhưng ta không bao giờ tin được họ, phải không nào? Anh đã tắm rất nhiều, để chắc chắn là cái mùi kia không ám theo anh.

Những cánh cửa mở ra và xa hơn phía dưới con tàu, những công nhân vệ sinh đã bắt đầu công việc của họ, với túi đựng rác, giẻ lau sàn và vải lau chùi. Claude đứng dậy. “Bây giờ mình phải đi thôi,” - anh ta nói. “Bọn họ có thể báo cáo về anh. Anh thích ngồi lên lòng em. Lúc nào đó chúng mình sẽ làm lại.”

Mới chỉ 1 giờ 30. Cả một đêm dài vẫn còn ở phía trước chúng tôi.

– Chúng mình đi đâu bây giờ?

Claude nói chúng tôi có thể bắt đầu đi bộ về nhà khi trời hửng sáng nhưng trước hết chúng tôi sẽ uống chút trà trong phòng ăn tập thể. “Giờ thì em có thể kể cho anh nghe câu chuyện của em được rồi. Mà này, phải kể một câu chuyện thật hay đấy, người tình của anh?”

Tôi nhớ đến cái phòng khám lợp ngói, cái phòng chờ màu xanh lá cây, những cô nàng đang trong tâm trạng hoảng sợ, bàn tay của mẹ tôi lau mồ hôi trên cổ tôi, chiếc xe buýt, mùi của những chiếc ghế nhựa và cơn đau kinh khủng. Nhưng ai có thể thật sự nhớ được nỗi đau? Không, không thể. Ta không thể nhớ được nó. Ta chỉ sợ nó quay lại. Những ý nghĩ này giống như những đường may - ta khâu một ký ức dính vào với chúng và da thịt lành thành một vết sẹo. Vết sẹo là ký ức.

Mẹ tôi đem trà đến cho tôi.

– Con phải tắm rửa sao cho cẩn thận, - bà nói - con không được để viêm nhiễm. Cái chỗ dưới đó đang bị hở ra ngoài không khí đấy.

Trà có vị giống như mật sắt.

– Con không uống nổi thứ này đâu.

– Thế uống một cốc nước nhé?

– Vâng, nước tốt hơn mẹ ạ.

Nhưng khi nước đến thì nó lại nhờn như dầu và có mùi tanh khó chịu. Cơ thể ta biết được điều gì? Nó biết rất rõ là nó đã bị xâm lấn bằng một cái ống fuse hay ống tuýp thổi bay đi một khối sinh linh sống. Nó sẽ không bao giờ để cho ta quên đi. Trong cơ thể tôi có nhiều lỗ thủng. Những khoảng trống. Những chỗ thiếu hụt. Tôi cố không để ý đến chúng.

* * *

– Ôi không, ngậm những lời chết tiệt ấy lại, được không? Cô không thể giết một đứa bé được.

– Em không giết một đứa bé.

– Có đấy, cô đã làm. Nó đã chết, phải không? Nếu nó không chết thì bây giờ nó đang ở đâu? Đứa bé đó đâu, Viv, cho chúng ta thấy nó đi nào.

– Thôi đi, dừng lại được rồi đấy.

– Dừng cái gì? Cô đã giết một đứa bé và cô muốn tôi phải thấy cảm thông, thương hại cho cô à, có phải như vậy không?

– Nhưng em đã kể với anh câu chuyện của em rồi. Anh không hiểu là em buộc phải làm như vậy à? Còn có sự chọn lựa nào khác ở đây được chứ?

– Lúc nào cũng có một câu chuyện để bào chữa. Con người ta luôn có đầy mọi lý do. Lúc nào ta cũng nghe thấy những lời biện minh xin lỗi xin phải, ô mà này, anh ta nói anh ta sẽ cưới cô. Tôi không nghĩ cô có thể gục ngã ngay lần đầu tiên gặp khó khăn như vậy, đồ đĩ thỏa ngu ngốc!

Claude ném một cái túi đựng đường sang bên kia phòng ăn tập thể. Đường rắc như mưa từ trên cao xuống những cái ghế

nhựa, xuống sàn nhà trải nhựa vinyl màu nâu sẫm và chiếc bàn nhựa formica. “Xem cô đã khiến tôi làm gì này?”. Khuôn mặt Claude trông xanh xao bệnh hoạn dưới ánh đèn huỳnh quang, nửa như bị chết đói, nửa như phát điên.

Tôi nhớ đến hình ảnh bàn tay đặt lên lưng Claude khi bố anh ta đẩy anh ta lên đôi tới nhà thờ.

– Hẳn là một vị linh mục nào đó đã nhồi vào đầu óc anh đầy những thứ rác rưởi - tôi nói.

– Địa ngục chính là cái thế giới thực tế này. Đừng có nói với tôi rằng điều đó không đúng chỉ vì đức cha giảng về điều đó.

Tôi chẳng biết tí gì về Claude. Tôi không hiểu điều đầu tiên về anh ta. Anh ta là một khối vật chất mờ đục trong một cái áo khoác da và một cái áo phông. Đằng sau đôi mắt của anh ta là một con người phức tạp nào đó đang ẩn nấp. Tôi đã hoàn toàn không chạm tới được anh ta.

– Tôi đi đây, - tôi nói - tôi đi về nhà đây. Anh đúng là đồ điên khùng.

– Tốt thôi. Gặp lại đầu đó nhé! - Claude bắt đầu cuộn một điếu thuốc lá nhưng những ngón tay của anh ta cứ run run. Khi tôi quay người lại ở cửa, anh ta đang đứng ở cửa sổ nhìn theo tôi, như thể đột nhiên anh ta thuộc về một thời gian khác, một chiều khác; đóng khung trong cái khung hình vuông với ánh sáng ở đằng sau, một khoảng vuông ánh sáng nổi lên giữa khung cảnh tối đen như mực của nhà ga điện ngầm, giống như một trong số những bóng ma mà anh ta tin rằng đang vất vưởng lang thang trên những con tàu trống vào ban đêm, bóng ma của những người nhảy tàu tự tử.

Bầu trời sáng dần khi bóng đêm vỡ tan khắp thành phố London, thành phố của những tháp và gác chuông, của những

đường tàu chui qua những đường hầm. Càng về gần đến nhà, tôi càng bước nhanh hơn cho đến khi vùng lên chạy, chạy xuyên dọc phố Chalk Farm, chạy mãi cho đến lúc ánh sáng ban ngày rục rỡ bùng chiếu, mặt trời đang mọc dọc theo cửa sông.

Tôi cứ chạy, chạy qua các nhà máy, các xưởng sản xuất và các cửa hàng nhỏ. Sinh lực của thành phố London đã truyền sang tôi, tất cả sinh lực và sức sống của một thành phố đang thức giấc đã dâng lên trong tôi nhưng những ý nghĩ của tôi còn chạy nhanh hơn cả đôi chân.

Nếu tôi giữ đứa bé đó lại thì chắc hẳn là bây giờ nó đã có gần như đầy đủ mọi thứ mà nó cần để trở thành một con người thật sự rồi. Cái đầu, đôi chân, đôi tay, hai bàn tay, tóc và bây giờ đang phát triển đôi bàn chân và những ngón tay. Bộ óc của nó sẽ bắt đầu nhận được những thông điệp và hình thành ký ức về thời sống trong bụng mẹ, điều mà sau đó nó sẽ quên đi vì tất cả mọi người đều quên như vậy. Xoay xử một cách tài tình, nó sẽ lớn lên, mãi mê dốc sức tới mục đích trở thành người mà nó muốn. ADN của nó sẽ quyết định chọn những cái xương dài và mái tóc vàng của Alexander hay tay chân ngắn ngắn cùng ria mép đen của tôi. ADN sẽ làm việc để quyết định cái gì cần gửi lại cho tương lai - cái chuỗi mã hóa đó có thể quay trở về Đông Âu, tới tận ngôi làng ở Zémlen với những giáo sĩ Do Thái và những quả nho khô; hoặc là nó tới những thị tứ ở miền Tây nước Anh với những nhà thờ và những cây sồi. Cơ thể tôi sẽ là một cỗ máy bận rộn để cho ra con người mới toanh này.

Bằng giờ này năm sau, có thể tôi đã để con bé trong xe nô mà đẩy xuyên qua công viên Regent's, ngang qua vườn hồng. Có thể tôi đã chỉ cho con bé thấy cái hồ có những con chim nước và giải thích với nó về đời sống nội tâm của một con ngỗng, giống như bố nó đã hiểu như vậy. Một làn sóng hối hận

cực độ dâng lên khắp người tôi, một cảm giác đau đớn đến khô héo vì ngộ ra rằng tôi đã làm một điều sai trái và rằng Claude, theo cái cách thô thiển, giản đơn của anh ta, đã đúng. Tôi đã bị những lời lỗ mãng khó nghe của Claude đâm thấu tận nỗi đau thâm kín nhất.

Cuối cùng thì tôi cũng về tới nhà, bước vào căn phòng nhỏ của mình, nằm rũ xuống giường, không tắm rửa, để nguyên bộ đồ đó và chìm vào giấc ngủ. Tôi mơ tới đứa trẻ của tôi. Tên nó là Gertrude. Cái tên mới ngốc nghếch, buồn chán làm sao! Con bé có đôi mắt màu xanh lơ và mặc một cái váy nhung. Nó nắm lấy tay tôi. “Mẹ ơi” - nó gọi. “Gì thế con yêu?”. “Tên mẹ là gì?”. Tôi cố gắng nói với nó nhưng lưỡi tôi đã cứng như gỗ. Tôi cố gắng chum đôi môi để nói thành tiếng cái tên của mình và càng cố gắng, tôi càng thành công. Phải, rõ ràng tôi có thể nghe thấy tiếng của chính mình.

– Vivien! - bác tôi gọi - Vivien! Mười giờ rồi. Cháu vẫn còn đang ngủ à?

– Cháu với cái thằng đó đã cãi nhau, - bác tôi nói. - Bác có thể thấy điều đó hiện rõ rành rành trên mặt cháu.

– Vâng, đúng thế ạ - tôi thừa nhận. Khuôn mặt bác tôi sáng lên. Ông nói ông sẽ tống khứ anh ta đi. Chỉ mất vài bảng thôi và ngày mai, anh ta có thể rời khỏi đây. Nhưng tôi nói Claude có quyền được sống ở đây và dĩ nhiên bác tôi đảo tròn đôi mắt mình: - Cháu và những cái quyền của cháu thật là...

– Nói cho bác nghe nào, - ông bảo tôi. - Cháu thấy gì ở cái hạng người đó? Nó là thằng thấp kém, không xứng với cháu, với một cô gái có bằng cấp như cháu.

Làm sao tôi giải thích với ông bác mình về sức hút nhục dục đã kéo tôi về phía anh ta?

– Ô, bây giờ thì bác hiểu mọi chuyện đã qua như thế nào. Đừng xấu hổ ngượng ngùng. Đừng biến cái phần đời đó của cháu thành phần đời của một tên tù nhân, một kẻ phải sống tha hương giống như bố cháu đã làm. Được rồi, cháu xứng đáng được có một món đồ chơi nhỏ sau tất cả những gì mà cháu đã trải qua. Nhưng món đồ chơi đó bây giờ đã bị vỡ rồi. Cháu phải vứt nó đi và tiếp tục đi tìm một thứ khác.

– Có phải tất cả những người phụ nữ đó đối với bác là như vậy phải không?

– Thời trước thì đúng là như vậy. Nhưng bây giờ bác đã thay đổi rồi. Đó là sự thật. Một người thậm chí là tội phạm như bác cũng có thể thay đổi, giống như báo có thể thay đổi sọc lông của mình.

– Đốm chứ.

– Đốm gì cơ?

– Một con báo không thể thay đổi những đốm đen trên bộ lông của mình. Thành ngữ nói như vậy.

– Bác không biết. Bác chưa bao giờ trông thấy một con báo. Vì vậy, nó có thay những cái đốm đen trên người nó hay không thì bác không biết. Nhưng còn bác thì bác đã thay đổi. Bác sắp sửa trở thành một con người khác, rất khác. Rồi cháu sẽ thấy.

Tôi và bác Sándor ngồi trong căn hộ của ông, phía dưới bức tranh tường, cùng uống cà phê. Ông ngồi trong chiếc ngai mây hình đuôi công xòe ra còn tôi thì ngồi đối diện ông, trong chiếc áo phông và quần jeans, hai chân thu lên, hai tay ôm quanh đầu gối như thể đang bảo vệ cái bụng của mình khỏi sự tấn công từ bên ngoài.

Hôm nay chúng tôi không thu âm câu chuyện cuộc đời ông. Ông trông thấy tôi kiệt sức mệt mỏi và ông muốn tôi giữ gìn

sức lực để dành làm một việc mà ông nhờ đến tôi - đi cùng ông sáng đó tới Wood Green để giúp Eunice đóng gói dọn đồ đạc. Rốt cuộc thì người phụ nữ ấy cũng sắp sửa dọn tới ở cùng ông, tới căn hộ của ông. Những cái thùng để đóng đồ chuyển đi đã được giao tới chỗ của Eunice và xe tải dọn nhà sẽ đến vào ngày mai. Bà ấy đã xin nghỉ làm một ngày nhưng vẫn lưỡng lự chưa thừa nhận cần phải có thêm hai người nữa cùng phụ giúp một tay.

- Sao lại là cháu? Có nhiều người thế cơ mà, - tôi hỏi. - Cô ấy có thích cháu đâu.

- Chẳng qua là cô ấy chưa biết cháu đó thôi. Mà bác nói thật nhé, cháu không phải là người dễ hiểu đâu, về mặt này thì cháu giống bố cháu đấy. Nhưng các mặt khác thì không, đừng có hiểu sai ý bác. Ông Thánh là cháu chẳng có tí tính cách nào của bố cháu cả.

- Sao cháu lại khó hiểu đối với người khác thế cơ ạ? Cháu chẳng hiểu gì cả.

Bác tôi mỉm cười.

- Vậy thì, bác phải gọi cháu là gì nào? Miranda? Vivien? Hay gì khác? Cháu biết không, cháu là một cô gái cứ 5 phút một lần lại thích khoác lên mình một bộ mặt khác, giống như thay một cái áo váy mới, trong khi cô ấy hoàn toàn không cần vì bản thân cô ấy đã xinh đẹp, đáng yêu với khuôn mặt của chính mình rồi. Tất cả chỉ vì cô ấy không tự tin, cô ấy không tin tưởng vào những bản năng của mình khi người ta dẫn dắt cô ấy đi sai đường tới chỗ thảm họa. Bác biết đó là những gì mà cháu cảm thấy. Bác đã quan sát cháu khi chúng ta thu âm. Cháu cảm thấy ngờ vực ở bên trong và cần phải đặt câu hỏi. Tại sao cái này, tại sao cái kia. Tại sao và tại sao. Đó là những gì cháu che giấu ở bên trong. Những câu hỏi tại sao của cháu. Cháu nghĩ nếu cháu

hỏi tại sao thì cháu sẽ có một chút thời gian, về điểm này thì cháu giống như một đứa trẻ, nhỉ? Bởi vì, cháu có biết không, bác vẫn còn nhớ hình ảnh cháu đứng ở cạnh cửa với một khuôn mặt chỉ thấy mắt là mắt, và bác đã cố đưa cho cháu thanh kẹo chocolate nhưng bố cháu đã giật nó khỏi tay bác như thể nó là thuốc độc.

– Vâng, cháu cũng nhớ như vậy. Đó là ký ức rõ ràng nhất mà cháu có về thời thơ ấu của mình. – Tôi bận rộn đánh giá những nhận xét này về tính cách của tôi để xem xét lại sau này, khi tôi đã tìm thấy chút yên ả, thanh thản. Tôi thấy chúng thật là bất ngờ, thậm chí gây hoang mang vì tôi nghĩ mình là một người luôn luôn sục sạo để lý giải chuyện phải trái và logic ngay trước mặt bố mẹ mình, những người không có đầu óc lý trí cùng những hận thù cũ rích, những nỗi lo sợ bất an, chứng loạn thần kinh chức năng và những suy nghĩ gàn dở, lập dị.

– Thật vậy ư? Cháu vẫn còn nhớ bác à? – ông ngồi ngả về phía trước trong ngai mây, hỏi một cách hào hứng.

– Cháu nhớ bác mặc bộ đồ vest màu xanh dương, đi đôi giày da lộn và đeo đồng hồ kim cương, còn cô gái đi cùng với bác thì mặc áo khoác và đội mũ da báo. Cháu đã nhìn theo bác từ cửa sổ nhà mình khi bác và cô ấy về. Bác bước ra ngoài vỉa hè còn cô ấy thì dính đầy chocolate quanh miệng.

Ông mỉm cười. “Đúng rồi, cái cô gái ấy. Bác không biết chuyện gì đã xảy ra với cô ấy. Họ đến rồi đi. Bác cũng không biết điều gì xảy ra với bộ đồ đó hay cái đồng hồ đó nữa. Nhưng cháu đúng thật là một đứa bé đáng yêu. Bác chưa từng có một đứa con nào hay dù gì chẳng nữa, cũng chưa từng nghe ai nói đã có con với bác.”

– Thế bác có ước là mình có một đứa không? – tôi hỏi, vì lúc đó tôi chưa biết về chuyện không thể có con của ông. Gương

mặt bác tôi hơi đông cứng lại. Nét sa sầm xuất hiện trên những nếp nhăn của khuôn mặt ông.

– Nhiều năm qua, bác đã nghĩ đến một đứa con trai. Đàn ông mong muốn có con trai là chuyện bình thường. Nhưng sau đó khi ta trông thấy một đứa con gái bé bỏng, ước muốn của ta biến thành một điều gì đó khác hẳn. Ta nhận ra rằng cái cách mà ta đối xử với một người phụ nữ cũng là cách mà con gái bé bỏng của ta sẽ được những người đàn ông trong cuộc đời nó đối xử với nó. Ý nghĩ này đập vào ta giống như một tấm gỗ phang vào đầu. Cháu biết không, bác chưa từng đối xử tử tế với phụ nữ, chỉ toàn là vô tâm. Ta không nên làm như vậy với mọi người. Bác không muốn cháu trở thành người vô tâm. Đó là lý do tại sao bác không thích cháu giao du cùng với cái thằng đó. Nó chỉ là một thứ đồ chơi cho cháu thôi. Nhưng thôi, bác nói vậy cũng đủ rồi, đó không phải là chuyện của bác. Bác chỉ nói lên một ý kiến thôi. Tất cả chỉ có vậy. Còn bây giờ đã đến lúc xem tin tức rồi.

Ông bật ti vi lên. Người ta đang phỏng vấn John Tyndall, lãnh đạo của đảng Mặt trận Dân tộc, người đang nói về “chủng tộc da trắng”. Tôi nhìn xuống đôi tay mình để xem chúng có màu gì. Màu nâu ô liu tối. Đứng quanh hai bên mạn sườn Tyndall là những người đàn ông ủng hộ ông này, tất cả họ đó đều mặc áo sơ mi trắng, thắt cà vạt sẫm màu. Cái đầu của họ dường như đã sôi lên khiến máu dồn hết lên mặt.

– Nhìn xem cái tên dê tiện ghê sợ kia kìa! – bác tôi nói. – Cháu thấy chưa, bác không lo lắng cho bản thân mình mà bác lo cho Eunice. Bây giờ, cô ấy làm bác lo đến phát ốm, không biết chuyện gì đang xảy ra với cô ấy nữa. Lũ mang giày ống cột dây ngược lên cao đó có mặt ở khắp nơi, ai có thể kiểm soát được chúng đây?

– À, cháu sắp sửa tham gia tuần hành biểu tình vào tuần tới, – tôi nói, giọng kiêu hãnh.

Bác tôi cười to. Chiếc môi dưới trề rung rung trên khuôn mặt ông còn đôi mắt màu nâu thì ánh đầy vẻ hài hước giễu cợt:

– Bác đã thấy nhiều cuộc tuần hành biểu tình rồi. Người ta diễu hành thành đám đông với những biểu ngữ cầm trên tay. Bác đã thấy ở Budapest vào năm 1956. Cuối cùng thì chuyện đó tới đâu nào?

Nhưng bất chấp vẻ ngoài tỏ ra can đảm, bạo dạn, thực ra bác tôi đang lo sợ. Tôi thấy gương mặt ông trắng bệch dưới ánh sáng của màn hình ti vi. Hai bàn tay ông bấu chặt vào hai bên thành chiếc ngai mây hình đuôi công.

– Eunice! – ông kêu lên khi hình ảnh những kẻ theo chủ nghĩa phân biệt chủng tộc diễu hành từng hàng từng hàng qua màn hình. – Điều gì sắp sửa xảy ra? – ông quay sang tôi hỏi – Cháu định sẽ làm gì nào?

Tôi cố giải thích với ông rằng có những ngày tôi phải mất rất nhiều thời gian mới tổng sạch hết mấy tờ rơi của mình nhưng cũng có khi người ta nhận chúng rất nhiệt tình, họ gần như là vô lấy chúng khỏi tay ta, cảm ơn ta, chúc ta những điều tốt lành chỉ vì ta đứng đó và chỉ cho họ thấy rằng sắp sửa có chuyện, rằng sẽ có một ai đó đứng lên để mà tin tưởng, dựa vào.

– Ôi, cháu đúng là một đứa con gái ngốc nghếch, – bác tôi kêu lên với vẻ tuyệt vọng – ngốc nghếch với bộ óc trong đầu cháu với Shakespeare của cháu. Nhìn cháu kìa, ăn mặc thì như một thằng con trai, còn cái đầu thì đã cắt mất mái tóc đẹp đẽ đáng yêu.

– Cháu sẽ nuôi tóc mọc dài trở lại mà, – tôi nói – cháu

không muốn là một người ăn mặc bắt chước theo phong cách rock nữa.

– Tốt. Điều đó làm bác thấy rất vui. Bác cháu ta sẽ tiếp tục công việc ghi âm nữa chứ? Bác vẫn chưa kể với cháu điều gì quan trọng về câu chuyện thực sự sắp diễn ra, về những gì bác đã làm và người ta làm đối với bác. Cháu chưa biết đâu. Cháu mới chỉ biết phần bắt đầu thôi. Cháu hôn bác một cái được chứ?

Dĩ nhiên là được ạ - Tôi hôn nhẹ lên trán ông và bác tôi vươn người tới, chộp lấy một bàn tay tôi rồi đặt đôi môi của mình lên đó. Tôi cảm nhận được đôi môi trơn ướt đó trên làn da của mình, lực đè của những ngón tay ông vào cổ tay mình, những móng tay của ông trắng ra. Ôi, bác của tôi, người bà con họ hàng máu mủ ruột thịt của tôi, con người đã phải chịu đựng nhiều đau đớn khổ ải và cũng là người khiến người khác phải chịu đựng như vậy. Khiếp sợ và cảm thông là những tình cảm lẫn lộn mà tôi dành cho ông. Ông nhặt một mẩu vải hay vữa tường trắng khỏi tóc tôi. “Người cháu bụi quá” - ông nói và đưa một tay ngấp ngừng chạm vào má tôi. “Cháu để tóc dài lại đi, được chứ? Mái tóc cháu rất đẹp. Hãy để nó tự nhiên như những gì nó muốn, như khi bác trông thấy lúc cháu còn là một cô bé con. Khi đó, cháu có một mái tóc xoăn ở trên đầu. Bà nội của cháu cũng vậy. Có mái tóc xoăn y hệt. Bà đã cố chiến đấu với mái tóc xoăn đó giống như cháu đang làm nhưng chưa bao giờ bà có một chiến thắng đầy đủ. Bác thích một cô gái có mái tóc xoăn, thích nhất trong tất cả mọi phụ nữ đấy.”

Chúng tôi tiếp tục xem tin tức nhưng ông đã mất hết hứng thú với chương trình này. Tôi viết lại địa chỉ của Eunice và ông cảm ơn tôi. Tôi ước gì cuối cùng mình đã có phần cốt lõi của câu chuyện, về việc ông đã mua được những ngôi nhà ở phía tây London như thế nào và bắt đầu cho thuê chúng ra sao. Tôi

có nhiều câu hỏi muốn hỏi ông về những gì ông đã làm và ông có thể bào chữa cho mình ra sao. Nhưng hóa ra, đây là cuộc nói chuyện cuối cùng của ông và tôi, ngồi trong căn hộ của ông, phía trước bức tranh tường của ông vẽ những cây cọ đang đu đưa và mặt trời đang chiếu sáng rực rỡ xuống bãi cát.

Trên tay bác tôi cầm cái đĩa đựng một miếng bánh kem trang trí dâu tây bóng láng màu đỏ mà ông đã tới tận tiệm bánh Swiss Cottage để mua nhưng gần như không ăn. Lý do là vì dù ông nói về bánh ngọt rất nhiều và làm tất cả mọi thứ trong khả năng của mình để có chúng (tôi nghĩ chính cách nghĩ của ông về bánh đã thúc giục ông làm như vậy) nhưng bộ máy tiêu hóa của ông không thể chịu nổi lượng đường và chất béo nhiều đến mức vậy.

30 năm sau, tôi vẫn hình dung thấy ông ngồi trước bức tranh tường với cái đĩa đựng bánh kem trên tay, nhìn tôi với gương mặt của tình yêu thương rứt rứt và niềm khát khao mong mỏi, rồi đôi mắt màu nâu mờ đi và ông lấy một chiếc khăn tay chùi hai mắt kính của cặp kính lão giả đôi mắt.

* * *

Tôi luôn luôn nghĩ là Eunice sống trong một căn hộ cầu kỳ kiểu cách với rất nhiều thứ trang hoàng và suy nghĩ của tôi đã đúng. Bà ấy đã mua một vài thứ đẹp - một số bức tranh và đồ trang trí, những tấm màn nhung và hoa violet cắm trong mấy cái bình nhựa. Tuy nhiên, nó trông giống như một căn phòng nhỏ của khách sạn, như thể bà ấy quay về đây chỉ để ăn một bữa ăn, xem ti vi và ngủ; còn cuộc đời thực của bà, những gì phô bày trước thiên hạ, là ở cửa hàng bán quần áo hoặc ở trong

vòng tay của bác tôi. Ngôi nhà của bà ấy là nơi mà ở đó một con búp bê đẹp nhất của một đứa bé được cất đi cẩn thận trong chiếc hộp gỗ của nó và được bọc trong lớp giấy lụa màu hồng. Bà ấy sống đằng sau cổng trước của một khối nhà kiểu Victoria có một ô kính màu đầy bụi và rạn nứt. Chỉ có cái cửa là thứ khiến cho Eunice thấy thích thú. Nó là rào chắn ngăn cách bà với thế giới.

Bà ấy chỉ qua những căn hộ bên kia đường và nói: “Có một hạng người khác sống ở đằng kia. Không phải là hạng người tử tế.” Có nhiều thằng xấu xa, Eunice nói, những tên tội phạm vặt, những tên ăn cắp vặt, những thằng trộm đêm, những kẻ tiêu thụ hàng ăn cắp và những đứa trẻ lêu lổng, hoang đàng, xác xược chẳng biết kính trọng bậc cha chú của chúng. Có một ngày, một trong số bọn chúng đã giật túi xách của bà rồi bỏ chạy trong lúc bà đang đi tới ga tàu điện ngầm. Tất cả mọi thứ - ví tiền, chìa khóa son môi, thẻ bảo hiểm quốc gia của bà - đều nằm trong túi. Bà đã tìm kiếm quanh khu hàng xóm của mình và phát hiện chiếc túi tại một nơi đổ rác nhưng tất cả mọi thứ đều đã bay mất. Eunice buộc phải tốn tiền để thay hết các ổ khóa.

“Rồi sau đó một lũ xấu xa hơn xuất hiện,” - bà ấy nói - lũ da trắng đi giày ống và cạo trọc đầu.”

Thế là tôi kể với Eunice về những hoạt động của tôi trong Liên minh chống Quốc xã với hi vọng bà ấy sẽ có một phản ứng thân thiện, tích cực mà thích tôi nhưng tôi cũng không dám hết sức tự tin nghĩ rằng Eunice sẽ đánh giá cao điều đó hơn bác tôi.

- Chà chà, - bà ấy nói. - Thật tốt khi cô cũng đấu tranh chống lại bọn chúng. Chúng ta cần phải gắn bó, đoàn kết cùng với nhau, chúng tôi và những người Do Thái như cô. Nhưng có

điều, những tên đi giày ống kia chẳng buồn bận tâm đến mấy tờ rơi đâu.

– Thế cô nghĩ cháu nên làm điều gì? – tôi hỏi. Vì ít nhất thì tôi cũng đã ở đó, đứng ở ngoài đường thay vì trốn trong nhà.

Eunice nhún vai:

– Ờ, cô biết không, đây là lúc mà một người như Mickey Elf rất có giá trị đấy.

Tôi nghĩ anh ta là một người kỳ quặc và mối quan hệ thân thiết giữa anh ta với bác tôi đang xấu đi nhưng Eunice nhắc tôi nhớ rằng họ đã chơi với nhau rất lâu, từ thuở bác Sándor mới chân ướt chân ráo tới London. Còn bố tôi thì chẳng lúc nào tử tế và chào đón anh mình, tìm cho ông một công việc chân tay tại một nhà máy trong khi ông rõ ràng là một người có đầu óc của dân kinh doanh. Mickey đã giúp ông khởi dựng sự nghiệp. Mickey có nhiều mối quan hệ. Mickey chỉ cho ông những gì ông có thể làm, những điều mà bất cứ ai cũng có thể làm được nếu họ muốn hoặc có rất ít sự chọn lựa khác như trong trường hợp của bác tôi.

Tôi hỏi Eunice làm sao có thể tuyển mộ một người như Mickey vào cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít? Ừ thì, bà ấy đáp, Mickey đã giúp Jim giải quyết những kẻ đã quấy nhiễu tại cửa hàng của Jim và chúng không còn quay trở lại nữa.

Một nhân vật trông như thần lùn giữ cửa với mớ tóc giả kinh khủng đó đã đánh bại được lũ đầu trọc sao? Tôi hỏi với một vẻ kinh ngạc. Không, không, Eunice đáp, dĩ nhiên không phải đích thân Mickey làm điều đó mà là nhờ vào những mối quan hệ của anh ấy. Anh ấy biết rất nhiều người. Eunice không nói đó là cách đúng. Nó không phải là cách đúng nhưng nó vẫn cứ là một cách và đôi khi một cách cũng có nghĩa là cách duy nhất.

Eunice dán nhãn lên tất cả mọi thùng đồ chuyển đi để biết trước thứ gì sẽ được bỏ vào từng thùng. Tất cả mọi thứ được làm theo một hệ thống mà bà ấy đã học được qua nhiều năm làm việc trong lĩnh vực bán lẻ. Chỉ có những thứ trần tục như khăn trải giường, khăn lau chén bát, gối, dao, nĩa, một vài lon thức ăn và gói đựng súp sấy khô mới được bà cho phép tôi đóng thùng. Quần áo của mình, Eunice tự tay dọn, gấp chúng bằng những ngón tay nhanh nhẹn rồi đặt chúng vào va li như thể bà ấy đang nâng niu chăm sóc một đứa trẻ mong manh.

Sự lặp lại đều đều trong nhiệm vụ đóng thùng những món lặt vặt của tôi thật là dễ chịu vì nó cho phép tôi thấy thanh thản bình yên với tất cả những suy nghĩ giằng xé đã bùng lên trong đầu tôi kể từ lúc cãi nhau với Claude. Anh ta đã chịu ảnh hưởng tư tưởng nào đó từ người bố gốc Ireland của anh ta, một lão già đạo đức giả, bởi vì Claude là con một cho nên chắc chắn họ đã thách thức nhà thờ, không theo cách này thì cũng theo cách khác. Làm sao mà tôi biết rằng câu chuyện về cái chết của Alexander tại bàn ăn ở khách sạn và việc tôi phá thai sau khi trở về London lại khiến cho Claude trở nên giận dữ đến phát điên như thế cơ chứ? Anh ta trông như sắp hóa rồ ở đó, trong căn phòng ăn tập thể.

Tôi biết mọi sự với Alexander sẽ khác xa như thế nào. Tôi nghĩ chúng tôi sẽ ngồi xuống lặng lẽ cùng nhau bên bàn ăn, sẽ bàn bạc một cách hợp lý, chừng mực và anh ấy sẽ nói khá nhẹ nhàng rằng: “Được rồi, Vivien. Đó hoàn toàn là quyết định của riêng em, là sự lựa chọn của riêng em. Dĩ nhiên anh cũng có ý kiến nhưng đó là cơ thể của em chứ không phải cơ thể anh”. Những lời trao đổi từ tốn ôn tồn này, sự nhất trí chung về mặt tinh thần này, ngôn ngữ dành cho nhau của những con người có học thức này sẽ là những bánh xe để chúng tôi tiến về phía

trước. Nhưng, với tôi, những chuyện đó đã qua lâu lắm rồi.

Khi công việc đóng thùng đồ đạc đã xong xuôi, tôi mệt bã người. Cơn mệt mỏi rã rời đến chỉ ngay sau khi Eunice làm cho tôi một tách trà. “Tôi có một cái bánh dành cho cô đấy, giống như bánh của Sándor,” - Eunice nói. Tôi đáp, “Cháu muốn giữ dáng thon gọn.” Nhưng sau đó Eunice đã đưa ra một lời mời, một lời đề nghị mà ngay từ đầu đã hết sức đáng ngạc nhiên đến nỗi tôi hoàn toàn phải suy nghĩ lại sự từ chối của mình trước người phụ nữ đang ngồi đó trong chiếc quần mềm màu be, đôi dép nhung thêu đi trong nhà và chiếc áo kiểu vải tơ tằm màu cà phê môca, uống trà đựng trong một tách sứ trang trí bằng những nụ hồng.

- Cô có muốn chơi chút cần sa chung với tôi không? - Eunice lấy ra một miếng giấy bạc cùng một nhúm hasit^[62] và bắt đầu cuốn một điếu cần sa. - Tôi thích hút vào cuối ngày. Nó thật sảng khoái, sảng khoái hơn là uống một ly rượu. Sándor không thích hút. Ông ấy đã thử một lần rồi. Tôi đưa cho ông ấy hút một vài hơi nhưng nó làm ông ấy buồn nôn. Thế tặng ông không phù hợp với nó.

Bác tôi đã có nhiều lời nhận xét gièm pha, xem thường những người chơi ma túy, những người mà ông gọi là dân nghiện. Ông thích kiểm soát mọi thứ càng nhiều càng tốt. Ngoài chuyện bánh ngọt và phụ nữ, đối với ông, việc nuông chiều, thả lỏng không kiểm soát bản thân là một chuyện nguy hiểm vì cho phép bản thân ăn chơi thoải mái tức là đầu hàng trước thế lực của một người nào đó khác và ông chỉ chuẩn bị chấp nhận trong trường hợp của Eunice mà thôi. Đây là thói xấu duy nhất của người phụ nữ mà ông yêu và vì thế nên ông tha thứ cho Eunice. Bà ấy chỉ uống được vài ngụm rượu và kiểm soát rất kỹ những gì mình ăn. Đó là điếu cần sa cuối cùng của

Eunice. Bà ấy đã quyết định sẽ không đem ma túy vào ngôi nhà mới của mình vì cảnh sát lúc nào cũng tìm kiếm một cơ hội bắt nhất chồng chưa cưới của bà, người đang được tạm tha vì cam kết sẽ cải tạo tốt. Eunice cho rằng họ muốn bắt ông chẳng phải vì bất cứ những gì mà ông đã làm mà đơn giản chỉ vì thù ghét. Bà ấy chẳng ưa gì cảnh sát hơn bác tôi. Chúng tôi cùng hút chung điếu cần sa trong im lặng. Tôi cố hết sức thư giãn và tập trung đầu óc vào những nụ hồng ở mặt ngoài của chiếc tách trà mà tôi vẫn đang cầm trên tay phải. Chúng cứ lớn dần lên và đậm màu hơn cho đến khi bắt đầu trông giống những bông hồng biếm họa với những cái gai khổng lồ và trở nên xuẩn ngốc một cách nhạt nhòa thì tôi không thể nào xua ra khỏi đầu những ý nghĩ về đứa con không bao giờ chào đời của mình; những ý nghĩ xuất hiện giống như một bài tường thuật tại chỗ trên ti vi. Có phải tôi đã thực sự làm một chuyện sai trái hay không? Có phải đứa bé ấy cứ ương bướng không chịu đi, nhất định nán lại quanh quần đùi đây dưới dạng một linh hồn giống như một bóng ma hay không? Rồi tiếp đến là hình ảnh đôi mắt nhỏ màu xanh lơ của Alexander đang nhìn tôi từ trên thiên đàng; đôi môi anh dúm dó thành một nụ cười. Những người đã chết tụ tập chật kín: đứa con bé bỏng của tôi, bà nội tôi với một khối u ở ngực, ông nội tôi nằm trong cái hố rắc vôi bột. Họ nói bằng những thứ tiếng xa lạ. Ngay cả Alexander cũng bắt đầu nói tiếng Latinh với tôi còn đứa bé thì bập bẹ về oán giận, cáo buộc.

– Cái thứ này đúng là phê bỏ xừ luôn! – Eunice nhận xét. – Người ta trộn cái quái gì với nó nhỉ, thuốc phiện chẳng?

– Cháu chẳng cảm thấy dễ chịu chút nào, – tôi nói.

– Đúng rồi. Trông cô không được khỏe. Thôi ra mà nằm nghỉ đi!

Eunice đưa tôi sang phòng ngủ của bà ấy và đắp một cái chăn lên người tôi.

– Ngủ cho hết phê đi, – bà ấy nói. – Một hai tiếng nữa tôi sẽ đánh thức cô dậy.

Tôi rơi vào một giấc ngủ lơ mơ mệt mỏi kiệt sức đây những mộng mị đủ màu sắc và bị đánh thức bằng một yêu cầu vào bếp, ăn một quả trứng chần nước sôi đặt bên trên một miếng bánh mì nướng. Cái lòng đỏ trông giống như một con mắt đang giương lên nhìn tôi từ trong cái đĩa nhưng khi tôi ăn xong quả trứng, tôi cảm thấy khỏe hơn, linh lợi và tràn đầy sinh lực. Đã đến lúc phải đi. Eunice muốn đi bộ đưa tôi tới trạm xe điện ngầm nhưng tôi nói với bà ấy là tôi sẽ ổn.

– Cảm ơn vì cô đã tới, – bà ấy nói – tôi biết đó là ý tưởng của Sándor. Ông ấy muốn cô và tôi hiểu lẫn nhau. Chà, tôi thấy cô là một người làm việc chăm chỉ và trái tim của cô đang đặt đúng chỗ mặc dù cô đặt lòng tin vào tờ rơi. Nếu tôi không dọn đi vào ngày mai thì tôi sẽ phải nói rằng cô được chào đón đến nhà tôi bất cứ lúc nào.

– Sau ngày mai thì cô và cháu sẽ trở thành chỗ hàng xóm với nhau, – tôi nói.

– Đúng. Ngày mai chúng ta sẽ trở thành láng giềng của nhau.

– Và cháu muốn xin lỗi một lần nữa về những gì mà bố cháu đã nói về cô. – Nhưng, tôi nhận ra rằng tôi đã nói ra một điều sai lầm vì sự xúc phạm đó bây giờ đã được xếp vào hàng những sự kiện không nên nhắc lại, những thứ mà Eunice ngờ rằng chúng được đề cập tới chỉ nhằm gây bối rối, ngượng nghịu. Bà ấy gật đầu một cách cau sắng và mở cửa.

Tôi nói với Eunice là hôm sau tôi sẽ ở nhà, rảnh rang tại

Camden để giúp bà ấy đỡ đồ đạc ra nhưng bà ấy bảo không cần vì “Sándor sẽ ở đó. Tôi không cần thêm bất cứ sự giúp đỡ nào nữa”.

Dù vậy, tôi vẫn cố vươn người tới để hôn lên má của bà ấy và bà ấy đứng im, cứng đờ như khúc gỗ, đón nhận cái chạm nhẹ của đôi môi tôi nhưng không hôn trả tạm biệt tôi.

Khi tôi rẽ ở góc đường cuối con phố nhà của Eunice, đối diện với một giao lộ dơ bẩn và ồn ào gần trạm xe điện ngầm thì bất ngờ một băng xuất hiện, bốn tên dàn hàng ngang từ phía bên kia đi lại. Đối với một người không hiểu gì về quần áo thời đó, thời cuối thập niên 70, thì chúng và tôi đều ăn mặc giống nhau nhưng sự thực không hẳn là như vậy vì tôi mặc theo phong cách cục mịch kiểu ngoài giờ làm việc giống như của Claude, khác khá nhiều điểm so với quần áo của bọn đầu trọc. Chẳng hạn như, chúng mang giày da có dây buộc còn chúng tôi mang giày ống bằng vải dù. Chúng mặc quần jeans xắn lên tới đầu gối còn chúng tôi mặc quần jeans ống đứng, bó sát. Chúng mặc quần có dây đeo để kéo quần lên cao còn chúng tôi thì không có dây đeo. Mùa hè đó, chúng tôi để tóc kiểu chải dựng ngược như bờm ngựa, nhuộm màu hồng và xanh da trời trong khi chúng cạo sát đầu thành nham nhở, lởm chởm. Nữ trang của chúng tôi là những cái ghim an toàn còn chúng chẳng đeo món nữ trang nào. Vậy là giữa tôi và chúng có tất cả những điểm khác biệt mà ta có thể nhận ra ngay lập tức. Chúng biết tôi là kẻ thù của chúng và tôi cũng biết chúng là kẻ thù của mình. Trước đây tôi chưa từng trông thấy bọn đầu trọc gần đến như vậy. Tôi có thể ngửi thấy mùi da giày và trông thấy da đầu màu hồng của chúng. Chúng vỗ túi xách của tôi, giật mạnh nó khỏi tay tôi và bắt đầu ném các thứ ở bên trong ra ngoài đất. Có lẽ có một thứ gì đó đã được cắt trộn vào trong điều thuốc phiện ngoài thứ

nghi là cần sa, bởi thay vì co tròn người lại như một quả bóng và nằm hấp hối lặng lẽ ở đó, ngay trên góc phố, hoặc chạy ngược về nhà của Eunice thì tôi lại bắt đầu la hét, chửi bới bọn đầu trọc, rửa chúng là lũ hạ đẳng bản thủ, là bọn phát xít. Tôi chộp lại túi xách của mình từ tay chúng và dùng nó đánh vào đầu một trong số những tên đó. Cái móc khóa bằng kim loại của chiếc túi đập trúng mặt hắn, rạch một đường dài và sâu lên má hắn. Tôi đang chảy máu còn hắn thì la to, lấy khăn tay chấm chấm vết máu. Mấy tên còn lại bắt đầu cười tên này, chế giễu hắn là đồ trẻ con hay khóc nhè, mới bị cái túi xách của một đứa con gái làm xây xước có một tí mà đã đau khổ. Chúng quỳ xuống và bắt đầu thắt chặt lại dây giày của mình. Tôi thu nhặt các thứ của mình bị bọn chúng ném vương vãi khắp vỉa hè rồi bỏ lại vào túi xách.

Khi tôi cúi xuống, tôi cảm thấy một chiếc giày ống đập thẳng vào thắt lưng của mình. Tôi ngã sấp mặt xuống nền bê tông. Mặt đường cào trầy xước hết da hai bàn tay tôi và máu chảy dọc theo vết tôi trượt ngã.

Bọn đầu trọc đứng đó, cười hô hố rồi sau đó nhặt cái túi xách của tôi lên, nhét cái ví vào miệng tôi vì chúng nói tôi là một con chó cái Do Thái dâm dăng tục tĩu chỉ biết yêu tiền. Nhưng dù chúng có gọi tôi là gì đi chăng nữa thì cũng chẳng hề gì vì ngay khi tôi giải phóng được quai hàm mình khỏi cái ví là tôi lại tiếp tục chửi rửa chúng bằng tất cả những ngôn từ xấu xa nhất có trên đời này, rửa cho đến khi chúng thấy chán và bỏ đi. Không buông tha, tôi liền chạy theo sau chúng, không ngừng rửa xả và chúng quay lại, đánh tôi lần nữa. Nhưng trong cơn thịnh nộ điên cuồng, tôi hầu như chẳng có cảm giác gì trước những cú đánh, cú đấm của chúng. Tôi liên tục tuôn ra những lời nguyền rủa, khinh miệt cay nghiệt thậm tệ dành cho chúng để trả thù

cho những gì mà cha ông chúng đã làm đối với bác tôi. Tôi càng chửi thì chúng càng dấm đá túi bụi nhưng đôi chân tôi giờ là sắt và chẳng cảm thấy gì. Miệng tôi phun ra toàn những lời bưng bưng phần nộ như thể Chúa đang nguyên cho những kẻ thù của mình bị trời tru đất diệt.

* * *

Khi nghe thấy tiếng tôi đã về nhà, bác tôi gõ cửa căn hộ của tôi nhưng tôi không trả lời. Tôi mệt mỏi rã rời, người đau nhức ê ẩm và lạnh căm. Tôi trở về nhà một cách nhục nhã xấu hổ, run run lần dọc rào chắn giống như một con vật bị đánh tơi tả. Ông gọi to: “Vivien phải không? Cháu có ở đấy không?”. “Vâng, cháu ở đây” – tôi đáp. Giọng tôi nghe như một miếng sắt tây đang nứt gãy. “Cháu ổn chứ?”. “Vâng, cháu khỏe ạ”. “Chuyện gì xảy ra với cháu thế, kẻ nào làm cháu bị đau à?”. “Không ạ”. “Cháu có chắc không”. “Dạ chắc mà bác”. “Thôi được, thôi được, bác sẽ gặp lại cháu vào sáng mai vậy”. Cánh cửa trước mở ra và đóng vào như tất cả mọi buổi tối. Tôi nghe thấy tiếng Claude về, nghe thấy tiếng sột soạt của chiếc áo khoác da, tiếng ho húng hắng, tiếng bước chân dừng lại khẽ khàng khi đi ngang qua cửa căn hộ của tôi. Tôi nghe thấy tiếng anh ta mở cửa phòng mình rồi đóng lại. Khoảng một hai tiếng sau, cánh cửa lại mở ra và tôi nghe thấy anh ta đi lên cầu thang, gõ cửa căn hộ bác Sándor. Có tiếng nói chuyện nhưng tôi không thể nghe ra họ đã trao đổi với nhau chuyện gì. Rồi sau đó Claude quay trở lại. Chiếc giường võng xuống khi anh ta nằm lên đó. Tôi nghĩ tới hình ảnh anh ta nằm dài ở đó, ngắm nhìn lũ cá của mình, những con vật nhỏ bé sống giản đơn.

Cuối cùng, sau một vài tiếng ngủ chập chờn, tôi nhận ra chiếc quần jeans của mình đã bị rách ở đầu gối còn cái áo khoác da thì bị xé toạc. Tôi ngồi dậy, cởi đồ ra. Hai tay, hai chân phủ những sợi lông đen, ngắn và thô của tôi đang nổi lên những vết bầm tím lớn còn một cái móng tay thì thâm đen. Tôi đi tắm và nước nóng làm cho tôi vô cùng buồn ngủ. Tôi lơ mơ ngủ một lúc lâu; nước nguội dần cho đến khi có một người nào đó đập âm âm cửa phòng tôi, hỏi xem có phải tôi đang chết đuối trong đó không. Hối hận, tôi nhồm người bước ra khỏi bồn, quần một chiếc khăn tắm mỏng nhỏ quanh mình rồi lau khô người. Cơ thể để trần của tôi trông mỏng manh, yếu ớt và bị bầm dập đến nỗi tôi nghĩ nó có thể gấp lại được thành một cái hộp diêm. Tôi ứa nước mắt. Cuối cùng thì màn đêm cũng buông xuống. Tôi nằm xuống giường và đọc một bài thơ trữ tình ngắn nhưng mới đọc được vài chữ, tôi đã buồn ngủ. Sự ấm nóng của chiếc khăn tắm bọc lấy tôi. Tôi ngủ ngon lành, chìm sâu vào trong những mộng mị. Tôi là một người hay mơ mộng; lúc nào cũng thế, chúng đến với tôi thật dễ dàng. Tôi yêu thích mơ mộng.

Bác Sándor ngồi trong bóng tối. Đôi mắt ông mở to. Ông suy nghĩ về những gì ông đã nhìn thấy, những cảnh tượng sẽ không rời bỏ ông. Nó sáng lên chói lọi bằng thứ ánh sáng rực rỡ của kim loại. Ta phải bảo vệ những người mình yêu thương như thế nào? Ông không biết. Ông chưa từng có cơ hội nào làm như vậy trước đây. Người em trai của ông đã chạy khỏi ông. Cha ông bị cuốn vào trong những cuốn sách của mình còn mẹ ông thì ở cách xa. Khi bác tôi nghĩ về hoàn cảnh của bà thì thực sự bà vẫn an toàn hơn người con trai của mình, ngay cả lúc bà đang gặp nguy hiểm. Còn bây giờ, đột nhiên, tất cả mọi người - cháu gái ông, người yêu ông - đều dễ bị đe dọa. Một người đàn ông như ông phải làm gì đây?

Đầu óc của bác tôi là đầu óc của tính toán. Đúng là ông có một lũ đàn em tay chân hay đánh đập những người thuê nhà nếu họ không thể hay không chịu thanh toán tiền trọ nhưng ông luôn luôn thuê những kẻ đâm thuê chém mướn này từ chính người của họ. Bản thân mình, ông không ưa cảnh đánh đấm bạo lực. Ông không bao giờ có mặt ở đó khi bọn tay chân làm thuê ra tay với những người thuê nhà. Làm cách nào để lấy được tiền là chuyện riêng của bọn họ. Ông chỉ quay đầu đi và nói: đừng có lôi kéo tôi vào. Tôi không nhòm ngó đến những gì anh làm. Đó là những gì ông nói với Mickey, người giao du với giới anh chị bạo lực. Nhưng bây giờ thì có một thứ gì đó đang cuộn cuộn ở trong ông. Cái động lực mạnh mẽ đã theo ông suốt cuộc đời để giúp ông vượt qua những lúc thời cuộc gian khó, hành động tự cứu chính mình mà ông đã làm suốt 40 năm qua - ông không còn cảm thấy chắc chắn nó có ý nghĩa quan trọng nữa. Ông nhớ vào cái buổi trưa tháng 12 năm ấy, khi ông nhìn thấy Mickey lần đầu tiên ở trên phố, đèn từ những ô cửa sổ của các cửa hiệu sáng choang rực rỡ, đầy những món đồ tuyệt đẹp mà ta không thể nào mua ở đất nước Hungary theo chủ nghĩa cộng sản. Những con gấu đồ chơi lên dây cót chạy vòng quanh vỉa hè như thể chúng có việc riêng của chúng. Bác ước gì được trông thấy những con gấu ấy một lần nữa, ông nói với tôi, trong khi đang chìm trong những suy tưởng của mình. Bác chẳng có một con gấu nào giống vậy khi bác còn là một thằng bé lớn lên ở Zémplen. Những món đồ chơi mà bọn bác có hồi đó được làm bằng gỗ và chẳng bao giờ cử động. Ta phải dùng tay để di chuyển chúng, làm chúng cử động. Những quân lính và nhiều thứ khác. Cả ngựa nữa, những con ngựa có cái đuôi làm bằng cọng rơm. Một con gấu hoạt động bằng cách lên dây cót hẳn là một món đồ chơi kỳ diệu khi đó.

Bác tôi nhớ ngôi làng, nhớ những con đường làng vắng lặng, những chiếc xe bò không lá chắn để chở hàng, những quả nho khô trong vườn, những chùm nho đang chín dần trên cây, mùi của đôi bàn tay người mẹ vào những ngày bà giặt giũ - cái mùi xà phòng giàu chất kiềm: tất cả những ký ức này đã nằm ngự trị trong ông qua nhiều năm đến nỗi chúng được vỗ lớn, vùng vẫy để ngoi lên bề mặt giống như lũ cá đang há hốc mồm ra thở, bằng cái máy với những chiếc băng ghi âm kêu vo vo, chiếc máy đánh chữ và tập giấy đánh lại nội dung ghi âm.

Nhưng ta có thể làm gì? Ta thấy nó ngay trước mắt, vẫn còn lóe lên những tia sáng lấp lánh như kim loại. Nó - nỗi đau khổ, dằn vặt này - không để cho ta yên một mình. Thậm chí đến một âm thanh cũng để ý giở trò ma mãnh. Ông đã học được điều đó trong tù, vì giống như tất cả mọi thứ ông biết, những bài học luôn luôn đến với ông theo một cách khắc nghiệt.

* * *

Khi tôi cuối cùng cũng đã tắm xong, lau khô người, leo lên giường và chìm vào giấc ngủ, những ngọn đèn đường màu trắng bạc bật lên sáng bóng qua những tấm màn vẫn chưa được kéo lên. Những cành sơ ri đang trở bông trong khu vườn trở nên tối đen và huyền bí. Đèn giao thông chuyển từ đỏ sang vàng rồi sang xanh nhưng chẳng có bóng một người đi đường nào để nó phục vụ. Tôi đang mơ tới những bãi họp chợ phiên, những con ngựa gỗ chải chuốt có bờm bằng vàng. Tôi nghe thấy tiếng ai đó gọi tên mình. Nó vang lên giống như một mũi kim đâm nhức nhối.

Vivien, cứu tôi với. Cô đang ở đâu, Vivien?

Anh ta bị ngã ư?

Tôi bật công tắc đặt thời gian^[63] và loạng choạng đi ra ngoài hành lang. Cửa phòng anh ta mở. Cứu tôi với - anh ta la to.

Bên trong căn phòng, bóng đèn tròn bị vỡ vụn: cái công tắc đặt thời gian bên ngoài hành lang soi sáng khung cảnh hiện ra rồi sau đó lại trả mọi thứ vào lại bóng tối. Tôi thấy một đồng nằm cạnh giường, bóng một cơ thể hay nhiều cơ thể chồng thành đồng lù lù. Chiếc bể cá bị đập vỡ tan tành, lũ cá nằm giữa những vũng nước nhỏ, ngáp ngáp thở, sắp chết. Bác tôi đứng trên sàn nhà bên cạnh chúng còn Claude thì đang ở rất gần ông. Chính Claude là người đã gọi tên tôi. *Tước con dao đi*, anh ta rên rỉ và máu ông ộc chảy ra từ khí quản của anh ta. Tôi thấy một con dao trên sàn, cách tay của bác tôi vài ba tấc. Tôi cúi xuống nhặt nó lên. Lưỡi dao đen và ó bản. Lần trước, tôi đã cầm nó để cắt chiếc bánh sinh nhật của mình.

- Cái này là cái gì? - tôi hỏi.

- Lão ta tìm mọi cách cố giết tôi. Tôi đang ngủ thì lão ta vào và đâm tôi vào cổ. Nhìn xem lão ta đã làm gì. Cứu tôi với.

- Đừng gọi cảnh sát. - Bác tôi nói. - Làm ơn đi, Vivien. Đừng gọi cảnh sát.

- Được rồi, cháu sẽ không gọi - tôi nói. - Nhưng có chuyện gì đã xảy ra ở đây vậy?

- Viv, anh đang chảy máu tới chết ở đây. Vì Chúa, hãy gọi xe cứu thương cho anh.

Bác tôi ngược lên nhìn tôi. Chiếc môi dưới của ông đang giật một cách không thể kiểm soát được còn chiếc áo khoác của bộ pyjama mà ông đang mặc trên người bị kéo lên quanh vai ông. Tôi có thể thấy những vết sẹo nổi tiếng ở lưng ông, những đường sẹo chằng chịt dọc ngang bị vùi dưới lớp da xám xịt đồi

mỗi.

– Bác đã làm gì? – tôi hét to trong nỗi kinh hoàng vì Claude đang bất tỉnh, anh ta đang chảy máu ở cổ họng.

– Bác đã đánh nó từ đằng sau – bác tôi nói. – Bác trông thấy nó thực sự là người như thế nào. Nó đã sống như thế nào? Bác đã thấy, Vivien, bác đã thấy.

– Cháu không biết bác trông thấy gì. Cháu đi gọi xe cấp cứu đây.

– Đừng gọi cảnh sát!

Tôi đi ra ngoài hành lang, nơi có điện thoại tự động trả tiền và quay số gọi dịch vụ cấp cứu.

– Tôi cần một xe cấp cứu, – tôi nói và nghe thấy tiếng cười vang lên đằng sau đầu dây bên kia. Tôi nghĩ ai đó vừa mới kể xong một câu chuyện tiểu lâm trước khi tôi gọi đến.

– Bị thương ra sao?

– Một người vừa mới tự chém mình.

– Ở đâu?

– Ở lưng và cổ, tôi nghĩ là như vậy.

– Anh ta có vừa bị đâm không?

– Có.

– Thế cô có muốn tôi kêu cảnh sát tới không?

– Vâng.

Tôi vẫn cầm con dao. Tôi đi ra cửa trước, mở ra và ngồi xuống bậc tam cấp. Một lúc sau, tiếng còi bắt đầu vang lên từ đằng xa và mỗi lúc một tới gần hơn. Cuối cùng, tất cả họ đều cũng đã đến, chạy lên các bậc cầu thang, vượt qua cánh cửa. Tất cả họ đều mặc đồng phục, cả đàn ông lẫn đàn bà, những người trông thấy tôi cầm con dao trên tay. Nỗi khiếp sợ quay trở lại,

nổi kinh hoàng tâm tối mà tôi nhớ từ thời thơ ấu của mình về thế giới bên ngoài căn phòng nhỏ của tôi.

18

Bác tôi đang ngồi trong một xà lim và ngay khi tôi trông thấy ông, tôi biết ông như vậy là đã hết rồi. Tôi có thể nói ông sẽ không còn tiếp tục sống và ông thực sự không còn sống nữa. Sự bùng phát của cơn cuồng nộ đã xâm chiếm lấy ông, xui khiến ông đi xuống cầu thang cùng với con dao trên tay để giết chết con ác thú - con ác thú sống ngay dưới mái nhà của ông và đã đặt bàn tay của nó lên da thịt của người bà con họ hàng máu mủ ruột rà của ông. Khóï cảm hờn, giận dữ điên rồ vô lý này đã đánh bại không chỉ cơ thể của Claude mà còn chiến thắng cả chính thể xác của riêng ông: ba cơn đột quỵ trong vòng 24 tiếng đồng hồ. Ở đâu đó trong bệnh viện, Claude đang được băng bó vết thương. Gia đình anh ta từ Sheemess đã đến: mẹ anh ta, bố anh ta và một cô gái trẻ cỡ tuổi anh ta, người bỗng theo một đứa bé mới sinh nhỏ xíu mà cô ta ẵm lên gần Claude và anh ta hôn lên má thằng bé. Cô ta ngồi, cầm lấy tay của Claude và hỏi anh ta nếu anh ta về nhà bây giờ thì họ sẽ sắp xếp được có phải không?

Đừng bỏ đi, cô ta nói với Claude, đừng bỏ đi nữa. Thằng bé là con trai của chúng ta. Chúng ta sẽ tìm ra cách để kiếm được tiền lương. Em biết anh đang sợ chết khiếp nhưng mọi chuyện rồi cũng sẽ ổn cả thôi. Nhìn thằng bé đi, con trai của chúng ta đấy. Nó muốn anh quay lại. Nó cần có bố.

Tôi chỉ nhìn Claude có vài phút. Cô gái kia đứng ở bên ngoài, hút thuốc và nhìn trừng trừng vào tôi. Cô ta rất xinh đẹp.

- Tôi không biết mình đã làm gì, - Claude kể lại. - Tôi chỉ đi

lên để đưa giấy thông báo thôi không thuê nhà nữa. Tôi đã uống một đồng thuốc sau khi cô đi và tôi đã chán ngấy với câu chuyện số phận của nhà cô. Mẹ kiếp! Tôi muốn dọn tới Nam London hay đâu đó, tìm một công việc ở một trạm khác. Giữa lão bác cô và tôi không có một lời qua tiếng lại khó chịu nào.

– Tôi cũng không biết chuyện gì đã xảy ra – tôi nói. – Tôi chỉ nói với ông là anh và tôi đã cãi nhau. Bấy nhiêu đó không đủ để ông cố tìm cách giết anh.

– Anh Claude không muốn trông thấy cô thêm một chút nào nữa – cô gái kia nói khi vừa quay trở vào phòng. – Anh ấy sẽ trở về nhà với tôi, phải không, anh yêu?

– Anh không biết – Claude đáp. – Anh phải suy nghĩ đã. Nhưng cô ta lại bỗng đứa bé lên.

– Nhìn thằng bé này, – cô ta nói. – Nhìn xem anh đã bỏ lỡ những gì. Anh có thấy cái răng bé xíu của con không?

Từ dưới gối, Claude chăm chăm nhìn lên tôi một cách cầu cứu nhưng tôi biết tôi không thể cứu anh ta cũng như chẳng thể cứu được bác mình. Anh ta sẽ không bao giờ có được những hình xăm trên thân thể mình. Nó sẽ tiếp tục nằm trong các trang của cuốn vở nháp mà chẳng ai biết đến. Một ngày nào đó, cô gái kia sẽ tìm thấy nó, chờ đến khi anh ta ra ngoài đi làm là lạng lẽ vút đi cùng với những thứ rác rưởi. Claude sẽ nhớ tới nó suốt nhiều năm sau đó, nhớ cho đến khi nó phai mờ dần trong ký ức của anh ta. Tôi nghĩ những gì bị xáo trộn trong anh ta sẽ nhường chỗ cho thói rượu chè hay bê tha bệ rạc, điều không bị cấm ngặt ở Isle of Sheppey.

Hôm sau, khi tôi quay lại thì tất cả họ đã đi. Tôi chưa bao giờ gặp lại Claude, có chăng chỉ thấy anh ta trong những giấc mơ của mình. Anh ta chạy dọc theo con tàu, đầu đội chiếc mũ lưỡi

tra, mình khoác cái áo của nhân viên gác tàu, đóng và mở các cánh cửa, băng lên băng xuống xuyên thành phố London, đi phía dưới dòng sông trong con tàu điện ngầm bằng kim loại dài, phủ muội than đen nhem. Còn không thì tôi lại mơ thấy cái đêm hôm đó, trên chiếc thuyền máy nạo vét chạy lừ đừ dọc theo sông Thames trong khi những cái xác chết được vớt lên từ dưới nước và đôi bàn tay của anh ta đặt lên hai bầu ngực tôi.

– Anh sẽ ủ ấm cho em, – anh ta đã nói như vậy.

* * *

Bố tôi là người bà con họ hàng duy nhất của bác Sándor, trừ tôi. Vì vậy, ông phải có trách nhiệm. Bố mẹ tôi đến căn nhà của bác tôi và ngó quanh căn hộ của ông, nhìn bức tranh tường, chiếc ngai mây đuôi công và đồ đạc, bàn ghế bằng liễu gai. “Vậy ra đây là cách mà ông ấy sống đây,” – mẹ tôi nhận xét còn bố tôi thì chẳng nói gì. Một lúc sau, Mickey Elf xuất hiện với một mái tóc giả rối bù và đôi mắt có vành đỏ.

– Nghe này, – anh ta nói. – Tôi chẳng có quan hệ ruột rà máu mủ gì. Đây không phải là chuyện của tôi nhưng nếu ông bà muốn nhờ tôi...

– Ai đã hỏi nhờ tới anh nào? – bố tôi nói.

Nhưng Mickey không ngại bố tôi. Anh ta nhấn mạnh với vẻ khẳng khẳng, đưa một tay lên để chỉnh lại ngay ngắn mái tóc:

– Tôi biết ông ấy muốn gì. Tôi biết chính xác những gì ông ấy mong muốn. Tin tôi đi. Tôi biết mà.

– Được – bố tôi đáp. – Chúng tôi không thể bực bội với một người vì những ước nguyện cuối cùng của anh ta. – Nhưng thực ra lý do chỉ vì bố tôi không có một ý kiến nào hay hơn.

Ông đã giữ một thái độ hết sức im lặng khi tôi thông báo với ông cái tin về bác tôi. Bố tôi quay đầu đi. Vài phút sau, tôi thấy ông lấy một đầu cà vạt đã sờn rách của mình lau lau cặp mắt kính. “Vậy là anh ta đã chết,” - ông nói. “Thế nào mọi sự cũng sẽ kết thúc như thế này, một kẻ giết người trong dòng họ.”

Đám tang bác tôi là một cái đám lớn. Mickey và đám bạn bè giao du với anh ta lo liệu tất cả mọi thứ đến tận chi tiết cuối cùng. Họ đã lo cho bác tôi được chôn ở khu nghĩa địa của người Do Thái tại Bushey. Trước đây, tôi chỉ dự duy nhất một đám tang, đám tang của Alexander. Lễ tang kiểu Anh diễn ra ở đúng nhà thờ nhỏ nơi chúng tôi đã cưới nhau. Chiếc hòm gỗ gụ đẹp có những móc quai bằng đồng được sáu người của nhà thờ khiêng và đặt lên bệ thờ trong khi chúng tôi hát thánh ca. Bố của Alexander đọc bài diếu văn đầy những lời cầu nguyện, những câu trích dẫn từ cuộc đời và những lời răn dạy của Chúa. Ở Bushey, tất cả chúng tôi tụ tập tại một tòa nhà nhỏ được thiết kế dành riêng cho mục đích tổ chức tang lễ. Chẳng có một nhà nguyện nào. Cũng chẳng có bất cứ một thứ nào khác mà tôi có thể hiểu được. Bố tôi được phát một cuốn kinh để nói những lời cầu nguyện cụ thể mà người chủ lễ cầu cho người chết. Tuy vậy, bố tôi không biết cách nào đọc nó.

Chiếc quan tài bằng gỗ thông có móc quai bằng dây thừng được hạ xuống huyệt. Có nhiều thành phần xã hội đen có mặt ở đó và dĩ nhiên có cả báo giới. Họ đến và viết những mẫu tin ngắn xuất hiện trên các báo ngày hôm sau, in lại bức ảnh cũ của bác tôi, bức ảnh *gương mặt của quý dữ*.

Eunice cô độc trong bộ đồ đen, đội một chiếc mũ đen và đeo một cái mạng che mặt đen. Lần đầu tiên trông người đàn bà ấy mỏng manh yếu ớt.

- Người đàn ông tốt đẹp đó, - bà ấy nói - người đàn ông

đáng yêu đó đã yên nghỉ dưới mồ cùng với tất cả những gì mà anh ấy đã trải qua.

Người nào đang được chôn ở đó thế? Những người đi đưa tang ở các đám khác hỏi. Một tên chủ nhà trọ ổ chuột, một kẻ dốt mồi - một phóng viên cười khẩy trả lời.

Eunice liền dùng chiếc ô của mình bất ngờ quật vào chân anh ta. “Không ai biết người đàn ông này bằng tôi,” - bà ấy cất giọng từ sau tấm mạng che mặt.

- Tôi biết ông ấy lâu hơn bất cứ người nào ở đây, trừ bố cô - Mickey Elf nói với tôi. - Tôi biết ông ấy từ khi ông ấy vừa mới xuống tàu từ đất nước cũ của ông ấy. Tôi biết ông ấy qua suốt những thăng trầm lên voi xuống chó, qua những gì trước sau không thay đổi.

- Tôi đã kỳ cọ những vết sẹo trên lưng ông ấy - Eunice nói.
- Tôi đã thấy những gì người ta gây ra cho con người đáng thương tội nghiệp này, đã chứng kiến những điều khủng khiếp tồi tệ mà ông ấy phải chịu đựng. Tôi đã nghe thấy những gì ông ấy la hét thật to trong giấc ngủ của mình. Tôi đã nhìn thấy người đàn ông này, một người đàn ông to lớn mạnh mẽ, đầm đìa nước mắt, khóc như thể một đứa trẻ con nằm trong xe đẩy.

- Tôi biết ông ấy khi ông ấy là một ông vua, Vua Kovacs; khi ông ấy có nhà trên đại lộ Bishops và tất cả giới thượng lưu đến dự những buổi tiệc của ông ấy. Ông ấy có một hồ bơi và một phòng khiêu vũ. Tất cả những người thuộc tầng lớp quý tộc giàu sang - các ngôi sao điện ảnh và những người quý phái có tiền - đều đổ đến đó. Ông ấy có cả đồng những người khách như vậy.

- Còn anh thì chẳng biết gì về con người ta, - Eunice nói, trở ngón tay sơn màu nâu vào gã phóng viên. - Mãi cho đến khi

ông ấy sa cơ lỡ vận, gặp khó khăn rắc rối thì anh mới biết ông ấy.

Mọi người lần lượt cầm xẻng xúc một nhúm đất ném xuống cỗ quan tài. Mickey lấy một thứ gì đó trong túi của mình ra và ném vào huyết. Mọi người xầm xì: “Anh ta ném cái gì xuống dưới chỗ ông ấy vậy?”. Tôi thấy một thứ gì đó màu nâu bay vèo qua tôi. Một số dân anh chị đã tụ lại với nhau và mua một chiếc vòng hoa lớn nhất mà họ có thể tìm mua được nhưng Mickey yêu cầu họ để lại ở cổng. “Đám tang Do Thái là không có hoa nào hết,” - anh ta nói với họ. “Đó không phải là cách mà chúng ta tổ chức đám tang cho ông ấy”. Sau đó, họ quay lại và đặt nó lên cái gò đất, nơi nó nằm ở đó, khô héo và thối đi dưới ánh mặt trời và những cơn mưa đầu mùa thu cho đến vài tháng sau đó, khi chúng tôi quay lại đặt bia đá và thấy nó chỉ còn trơ lại chiếc khung kim loại.

Nhiều năm sau, tôi trở lại Bushey. Mộ của bác tôi vẫn còn ở đó, hiện lên rõ ràng với những viên cuội trắng và một bó diên vĩ héo khô được đặt theo đúng phong tục. Chẳng có nơi nào để đi sau đó nên mỗi người chúng tôi ai đi đường nấy. Tôi trở về Benson Court cùng bố mẹ mình. Chúng tôi đi lên thang máy và một lần nữa, tôi lại bước vào căn hộ với những mùi quen thuộc, với giấy dán tường dơ bẩn xám xịt và đồ đạc bếp núc cổ lỗ lôi thoi có từ trước chiến tranh. Nhưng trong thời gian tôi không sống ở đây, mẹ tôi đã miệt mài cố gắng với công việc dính tới hộp sơn xanh lá. Bà phủ sơn lên tất cả mọi thứ mà bà thấy sơn có thể ăn được. Màu xanh lá đập vào mắt bất cứ chỗ nào ta nhìn thấy.

Tôi mở cửa vào phòng ngủ của mình. Ở đó, chiếc hộp sơn đã không dám thâm nhập vào.

- Con thấy chưa, mẹ đã để tất cả mọi thứ y nguyên như cũ,

mẹ tôi nói. - Mẹ muốn nếu con quay về, con sẽ thấy là không có thứ gì bị thay đổi.

- Đó mới chính là vấn đề đấy mẹ ạ, - tôi đáp.

- Con nói gì cơ?

- Vấn đề chính là ở chỗ chẳng có gì thay đổi cả.

- Lạy Chúa, nên thay đổi cái gì cơ chứ?

- Tất cả mọi thứ. Cuộc sống cần phải thay đổi, luôn luôn thay đổi, mẹ ạ.

- Sao con lại nghĩ như vậy?

- Mẹ hãy nhìn lại cả bố lẫn mẹ mà xem. Bố mẹ đã sống ở đây, trong cái bảo tàng này, sống như một sự hiển tế.

- Hiển tế à? Cái từ đó là gì vậy? Mẹ không biết nó. Bố con và mẹ đã đến đây như những người dân tị nạn. Bố mẹ đã tự mình xây dựng một cuộc sống tươi tốt. Con còn đòi hỏi gì ở bố mẹ nữa nào?

- Sao mà bố mẹ lại có thể không muốn sống cho ra sống chứ?

- Sống ư? Sống như ông ta, con người khốn khổ đang nằm dưới mồ đó à?

- Con muốn được sống, - tôi la lên, ứa những giọt nước mắt thất vọng.

- Con sẽ sống, dĩ nhiên là con sẽ sống. Con đang nghĩ gì vậy? Con nghĩ rằng chuyện này sẽ kéo dài mãi mãi sao? Rằng giai đoạn này, thời gian này với tất cả những cái chết liên tiếp xảy ra sẽ ám ảnh vĩnh viễn sao? Đó chỉ là một thời khắc tạm thời mà thôi, con có hiểu không? Rồi nó sẽ qua đi và con sẽ sống. Hãy tin mẹ. Con sẽ sống. - Mẹ tôi dựa người vào tường một lát rồi đặt cái gậy xuống bên cạnh mình, tựa vào vai tôi

làm nạng để giữ cho thân mình đứng vững trong lúc hôn lên mặt tôi và đưa một tay vuốt ve mái tóc đã cắt ngắn của tôi.

Rồi tối hôm đó, tôi đòi bà kể cho tôi tất cả những gì bà có thể nhớ về bác Sándor vào những ngày mà bà biết ông trước khi họ rời khỏi Budapest. Mẹ tôi gật đầu.

– Ông ấy là một người đàn ông nguy hiểm nhưng quyến rũ, - bà vừa kể vừa nhấm nháp một tách cà phê - một người đàn ông làm cho các cô gái cười, người biết lắng nghe họ với một nỗi cảm thông, người thâm nhập được vào tất cả những điều thầm kín bí mật của họ để lợi dụng họ. Một người chẳng hiểu chút gì về những tình cảm sâu sắc. Mẹ nghĩ mãi cho đến sau chiến tranh, ông ấy mới hiểu được một chút. Có lẽ là về sau trong cuộc đời, ông ấy đã học được nhiều hơn. Có lẽ những suy nghĩ đó mới đến với ông ấy gần đây và ông ấy không biết cách nào đối xử với chúng. Mẹ hết sức ngạc nhiên khi thấy người phụ nữ xinh đẹp tử tế đó tại bữa tiệc sinh nhật của con. Hoàn toàn không phải là hạng đàn bà mà ông ấy thường cặp kè trước đây. Ông ấy lúc nào cũng thích những loại gái hư hỏng, dĩ nhiên hơn là các cô con nhà lành.

Bố tôi không bao giờ nói một từ nào về người anh hai của ông. Ông lặng thinh về chủ đề này cho đến tận ngày ông chết. Nhưng mẹ tôi đã kể với tôi về những lần ông tới nhà tù thăm bác tôi qua suốt nhiều năm, để cho bác tôi thấy những tấm hình chụp tôi lúc rời nhà đi học ở Đại học York, lúc tốt nghiệp và lúc đính hôn với Alexander. Ông đã khoe khoang kiêu hãnh về tất cả những thành công đạt được của tôi, muốn cho bác tôi thấy rằng ông - một con người biết phục tùng, làm việc cật lực, kín đáo, nhỏ bé thấp hèn - lại tạo nên được điều này. Ông đã nhìn anh mình - người anh thích ăn diện phô trương hào nhoáng - đang ngồi ở một cái bàn trong căn phòng thăm tù. Dù

vậy, mẹ tôi vẫn bóng gió cho tôi biết bố tôi luôn luôn về nhà với tâm trạng bất mãn, như thể bác Sándor bằng cách này hay cách khác đã cố gắng xoay sở được một cuộc sống tốt hơn ông, theo những cách mà bố tôi không thể nào lý giải được.

Tôi quay trở lại căn nhà ở Camden Town và tôi quyết định chọn căn hộ của bác tôi và sống ở đó hai tháng, cho đến khi ngôi nhà trở nên quá bẩn thỉu, không thể ở thêm được nữa.

Sau khi tới ở một vài ngày, tôi tìm thấy những chiếc chìa khóa vào phòng của Claude. Ai đó đã vào trước và lấy đi hầu hết các thứ của anh ta. Những thứ còn lại là chiếc bể cá vỡ nát vương vãi đầy mảnh kính khắp sàn nhà. Xác những con cá nhỏ xíu đã biến mất. Chỉ còn những bộ đồ treo trong tủ quần áo. Bộ đồng phục và chiếc mũ lưỡi trai gác tàu của anh ta, chiếc quần jeans, những cái áo phông và cái áo khoác. Mùi của cái áo khoác da này là một phần của anh ta, là một phần cơ thể trẻ trung của anh ta. Tôi lộn nó ra để ngắm nhìn nó. Những cái khóa kéo, cái cổ áo, những cái túi. Nó đựng đưa qua lại trên chiếc móc. Và rồi tôi thấy những gì anh ta đã làm. Anh ta đã tìm ra một cách để chống lại tôi kịch liệt như thế nào. Anh ta đã đi đến Chợ Camen, vào một trong những cửa hàng làm những thứ như thế này rồi yêu cầu người ta gắn một mẫu vẽ lên lưng áo khoác của mình, mẫu vẽ do chính anh ta thiết kế riêng cho mình vì tôi nhận ra nó: bốn cánh tay được vẽ quặp giống như những cái đinh tán kim loại, mẫu thiết kế chữ thập ngoặc của riêng anh ta.

Sách Do Thái cổ nói có 930 kiểu chết được Thượng đế tạo ra trên thế giới. Kiểu chết đau đớn khó khăn nhất là chết vì bệnh bạch hầu và kiểu chết dễ dàng nhất là chết vì một nụ hôn - nụ hôn được gọi *mise binishike*, cách mà ta giết 6 nhà tiên tri - những người mà Thần chết không có quyền lực chi phối,

những người chết bởi nụ hôn của Chúa^[64]. Cách chết thứ 931 đã được tạo ra để dành cho bác tôi. Ông chết vì chính con mắt của mình.

Câu chuyện về bác tôi, được kể bằng chính từ ngữ của ông. \$b Con người có nên bị săn đuổi hay không? Liệu con người có bị xếp dưới con chó hay không? Ta đánh một con chó, có thể nó sẽ quay lại cắn ta, đây là cảnh báo của tôi.

Phải, tôi là Sándor Kovacs. Chính là tôi đấy. Chính là người mà quý vị đang đọc truyện về anh ta đấy. Chính là con người kinh khủng ấy đây.

Tội ác của tôi là gì? Hãy đưa cho tôi xem bản cáo trạng.

Hành động theo bản năng nhưng với đầu óc xảo quyết lâu cá? Đúng. Tuyên có tội.

Đặt sự sống của cá nhân mình lên trên sự sống của những người khác? Dĩ nhiên rồi.

Và vì điều này mà tôi bị ghét bỏ, bị săn đuổi, bị hiểu sai, bị biến thành một biểu tượng của ác quỷ?

Trở lại những ngày đó, vào năm 1964, ngay trước khi tôi đi tù thiên hạ đã kháo rất nhiều câu chuyện về tôi trên các mặt báo thậm chí ngay ở ngoài đường. Một số câu chuyện làm tôi phải phá lên cười nhiều đến nỗi tôi thường phải ngồi xuống để ngực dịu bớt, vì kể từ khi hai lá phổi bị lao của tôi không còn tốt như trước và chẳng còn hữu ích gì cho tôi vào cái thời đó tôi lại bị thiên hạ bảo rằng tôi ưa xuất hiện với một điếu xì gà trên môi.

Ban đầu bọn chúng nói tôi bắt đầu khởi nghiệp kinh doanh là một tay võ sĩ quyền anh chuyên đi đấu lấy giải ở Chicago. Hay có lẽ tôi là một công nhân bốc vác ở Ba Lan hoặc là một lực sĩ chuyên biểu diễn cho một đoàn xiếc ở Bắc Kinh. Rồi sau đó,

bọn chúng thật sự trở nên điên rồ và tôi nghe chúng nó kháo rằng tôi là đứa con sản phẩm tình yêu của Joe Louis và Sophie Tucker^[65]. Và giờ thì chuyện đó biến thành một trò chơi, kết thúc với những sự kết hợp nực cười nhất - Benito Mussolini và Fay Wray^[66], Joe Stalin và Wallis Simpson^[67], Công nương Margaret và Lobby Ludd^[68].

Sau đó, tất cả bọn chúng lại tìm cách lách ra khỏi chuyện đó, không muốn bị chê cười, bị xem là một lũ ngốc. Bọn chúng đổ vấy rằng tất cả những chuyện đó là những trò tiểu lâm mà tôi đã tự thêu dệt ra cho mình rồi được bọn đàn em tay chân của tôi đi kể lại, truyền bá khắp nơi. Nhưng bọn chúng đã biết tất cả mọi điều về tôi như thế nào? Bọn chúng nói tôi chưa bao giờ trả lời một cuộc phỏng vấn nào cho báo chí. Quý vị biết tại sao không? Chẳng có một kẻ nào từng phỏng vấn tôi để đăng báo cả. Đấy, lý do là như vậy đấy. Những người khác cũng không nói gì với báo chí là những người mà bọn chúng gọi là các nạn nhân của tôi. Một số nạn nhân! Chỉ có một kẻ duy nhất là nói với bọn nhà báo và ngay cả hẳn ta cũng chưa từng gặp tôi bao giờ. Cái tên chính trị gia đó, tên nghị sĩ quốc hội vô cùng kiêu ngạo đó, tên người xứ Wales đó, chính là cái tên Clive Parry-Jones, quân chủ thập trợ trợ đó, phải, thiên hạ đã nói rất hay, rất tốt về hẳn nhưng thực ra hẳn chỉ là một thằng đê tiện lạnh lùng có cái giọng “Ồm Ồm” hay mở miệng rao giảng về Đức Chúa thánh thiện. Tất cả những gì tôi đọc trên báo viết về tài sản của tôi đều toàn những lời dối trá.

Chính thằng khốn đó, thằng Parry-Jones nói tôi đã nhét 13 gia đình người Tây Ấn vào một phòng, không có bếp cũng chẳng có phòng tắm. Hẳn kể chuột bọ rồi gián bò khắp lên mặt những đứa trẻ khi chúng ngủ. Hẳn nói một con chuột đã bò lên họng một đứa bé 3 tuổi rồi cắn rách toang họng đứa bé. Hẳn nói

tôi đã trả tiền cho gia đình đưa bé này để bịt miệng họ, sắp xếp tổ chức một đám tang có quan tài bằng gỗ gụ tuyệt đẹp kích cỡ dành cho trẻ con và một dàn nhạc công tin vào thuyết ba ngôi nhất thể mặc áo đuôi tôm trắng, đội mũ trắng chơi những nhạc cụ bằng thép, diễu trước cỗ xe tang đi qua khu Kensal tới nghĩa trang.

Không có một thứ nào giống như chuyện này từng xảy ra.

Tôi đến đây vào tháng 12 năm 1956, từ Hungary. Tôi ở trong tình cảnh còn tồi tệ hơn cả những người da đen. Tôi là một người tị nạn và cánh cửa sắt đã đóng sầm lại ngay sau lưng tôi. Chẳng có nơi nào để đi ngoài việc tiến về phía trước, chẳng có quá khứ dành cho tôi, chỉ có tương lai. Tôi nhớ tất cả mọi thứ về cái ngày đó, *tất cả mọi thứ*, thằng em trai tôi đã đến gặp tôi ở sân ga và đã nói những lời xúc phạm tôi như thế nào. Tôi bước ra đường mà không hề nghe thấy ai nói thứ tiếng của tôi. Tôi đã đi lang thang suốt sáu tiếng đồng hồ, hết lên rồi lại xuống. Tôi tới bờ sông, tới những cây cầu. Chẳng ai chặn tôi lại. Chẳng ai nói với tôi một lời nào, chẳng có một lời tốt đẹp cũng chẳng có một lời cay nghiệt nào. Tôi cảm thấy cô đơn trong tâm hồn. Tôi chán nản, mệt mỏi với chuyện cuộc bộ. Tôi muốn đầu hàng. Tôi có một chiếc áo chống thấm nước mackintosh, một cái khăn quàng cổ và một cái cặp da. Tất cả chỉ có thế. Tôi trông thấy đàn ông đội mũ quả dưa còn phụ nữ thì mặc áo khoác lông thú, trông thấy một cửa hàng bán tẩu, thuốc lá sợi và xì gà, trông thấy những rạp hát. Tất cả mọi thứ đều lạnh lùng, xa lạ và mới mẻ còn tôi thì đang đói.

Cuối cùng tôi cũng nghe được thứ tiếng của mình. Người ta đưa tôi tới một nơi, một khu nhà dành cho dân tị nạn. Họ cho tôi cà phê, súp, thịt, rau và một cái giường. Vậy đó, tôi đã đến đây. London, nhà của tôi. Tôi chẳng có một ngôi nhà nào khác.

Một người nhập cư bị đối xử rất khác với một người bản xứ. Chẳng có gì hàm ơn ta, ta chẳng có chút kỳ vọng, trông đợi nào từ ai. Ta phải chộp những gì ta có thể lấy, ngay khi ta trông thấy nó. Ta không thể lượn lơ chờ đợi cơ hội. Ở tuổi tôi, dĩ nhiên là không thể làm như vậy được. Lúc đặt chân tới London, tôi đã 40 tuổi nhưng đôi mắt tôi vẫn còn rất tinh anh, nhạy bén. Tôi có thể nhận ra một cơ hội kinh doanh. Cuộc sống ở khu Eastern Bloc không thể vắt kiệt được những bản năng đó khỏi tôi. Chẳng có một trại cải tạo nào của cộng sản có thể giáo dục, làm cho tôi, Sándor Kovacs, thấm nhuần được tình yêu giai cấp vô sản và đồng bào tôi. Tôi đến đây tay trắng nhưng chỉ trong vòng vài tuần, tôi đã bắt đầu khởi nghiệp kinh doanh. Người ta ví tôi với anh em sinh đôi nhà Kray^[69], những tên sát nhân, những kẻ ngu si đần độn. Bọn chúng chỉ là phường thô lỗ, cục súc thích gây đau đớn cho người khác. Hạng người đó không phải là tôi. Tôi không chấp nhận chuyện gây đau khổ cho người khác. Nó đi ngược lại những nguyên tắc của tôi. Bọn nhà Kray có tất cả mọi thứ. Chúng có gia đình. Chúng có cái mà chúng gọi là trang viên, điền sản, có hàng xóm láng giềng, nơi chúng lớn lên. Tôi chưa bao giờ có được thứ đó.

Tôi còn nhớ cái ngày khi người ta phát lệnh bắt tôi, tôi đang đi xuống phố Strand để mua vài chiếc xì gà. Đó là một ngày mùa xuân đẹp trời đầy nắng, giống như bây giờ. Mặt trời tỏa nắng ấm áp lên mặt ta. Cây cối xanh tươi và bắt đầu vươn lên tràn trề nhựa sống. Tôi nhớ những ngày như thế này cách đây nhiều năm, khi ta căm ghét mặt trời vì tỏa nắng rực rỡ, căm ghét thực tế rằng nó đem lại niềm vui thích thú cho những người khác nhưng cũng phải thừa nhận là mặt trời đem lại sự vui thích thú vị cả cho ta nữa. Chính vì điều này mà ta càng thêm căm ghét nó hơn.

Tên Kovacs đang lẩn trốn ở đâu? Đây là những gì được thể hiện trên áp phích của tờ *Evening Standard*. Tôi phì cười. Lẩn trốn ư? Tôi cần phải trốn ở đâu nhỉ? Lũ nhà báo là một bọn đối trá bẩm sinh. Đó là hạng người giàu óc tưởng tượng. Ta còn có thể giải thích những thứ rác rưởi mà bọn chúng đăng về tôi bằng cách nào khác nữa chứ? Chúng nói tôi đang sống trong một ngôi nhà lớn có giá trị ở Buckinghamshire được canh gác bởi những con chó bec-giê Đức mồm chảy dãi nhớt được nuôi bằng những khẩu phần ăn thiếu thốn. Một tờ báo khác thì lại nói không, không phải như vậy. Tôi đang ở trong một căn hộ trên tầng mái tại Chelsea, căn hộ có một cánh cửa trước làm bằng thép. Một tờ thứ ba thì lại đặt câu hỏi “Bạn đã biết gì về tên Kovacs? Hẳn ta đang chui nhủi trong hang ổ của mình là một chiếc sà lan sang trọng neo ở giữa sông, đoạn thượng lưu, đâu đó quanh Chiswick hoặc giả là Teddington Lock^[70]. Nhưng dù hẩn trốn ở đâu đi chăng nữa, tàu cảnh sát đặc biệt cũng đã được điều đi bắt hẩn ta.”

Một đêm, trên truyền hình xuất hiện một gã mà tôi chưa từng nghe danh: Kenneth Tynan - tôi nghĩ gã này chắc hẳn là một thứ gì đó trong giới sân khấu kịch nghệ nhưng dù sao, theo lời gã nói thì gã cũng có nhiều bằng của trường đại học Oxford. Gã này cho rằng tôi chẳng sống ở đâu cả; tôi không hề tồn tại. Tôi là sản phẩm của trí tưởng tượng tầm cỡ quốc gia, giống như quái vật hồ Loch Ness.

Đây là điều bịa đặt tồi tệ nhất trong số tất cả những chuyện thêu dệt về tôi. Tôi cảm thấy tâm hồn mình quặn thắt lại khi tôi nghe thấy điều này. Tôi căm ghét gã. Cho tới tận ngày hôm nay, tôi vẫn không hiểu được tại sao một người có thể nói ra một điều dối trá đến mức vậy và đây cũng là một trong những chuyện mà tôi định sẽ nêu lên. Tôi phải tìm hiểu cho rõ ngọn

ngành nguồn cơn.

Khi tôi ra khỏi tù cách đây một năm, chẳng còn người nào nhớ về tôi nữa. Một lần tôi nghe thấy trên xe buýt có một người nào đó đang bàn luận về tôi. Có phải cái tên Kovacs đó đã chết trong tù rồi phải không? Không, hắn chưa chết đâu. Hắn đào tẩu khỏi nhà tù, anh biết không, hắn đã trốn thoát giống như những tên cướp trong vụ cướp tàu hỏa lịch sử năm 1963, giống như Ronnie Biggs^[71] và hắn hiện đang sống rất phong lưu vương giả ở đâu đó tại Nam Mỹ.

Tôi ước gì điều đó là sự thật.

Bởi vì sao? Vì sự thật chính là thiên hạ quên tôi. Cứ như thể tôi là một thứ đồ chơi đang mốt như lắc vòng hay quay yoyo; là thứ mà người ta gọi là một hệ tư tưởng của thời đại Zeitgeist. Đây là một danh từ tiếng Đức, thứ tiếng mà tôi đã từng biết. Như vậy là có lẽ cái gã Tynan kia cuối cùng cũng đã nói đúng ở một mức độ nào đó.

Trong khi quý vị hiện đang đọc tin tức viết về tôi, thứ mà giờ rất hiếm xuất hiện trên mặt báo, tôi chỉ là một người chủ nhà trọ ổ chuột. Những căn nhà ổ chuột mà tôi sở hữu (thứ bị gọi là ổ chuột ấy, ngày xưa, vào cái thời hoàng kim của chúng, trông rất đẹp) đã bị kéo sập và mọc lên thay thế là những căn nhà mới do chính phủ xây dựng. Hai khối bê tông cao tầng. Sự đổi mới hay ho làm sao! Với tôi, chúng trông như những cái ổ chuột ngay từ khi công nhân xây dựng đang xây chúng. Chúng là những nhà tù. Bất cứ ai đã từng ở tù đều có thể nhận ra điều đó.

Đây mới là thân phận của Vua Kovacs. Người ta nói tôi là đại diện của thứ này thứ nọ nhưng chẳng có một kẻ nào hiểu được tôi, Kovacs, là người như thế nào. Làm sao mà họ biết được chứ? Tại đây, ở cái đất Anh này, bọn họ có thứ được gọi phép

tắc luật lệ, không phải là luật rừng, cái mà tôi biết. Ở đây có một chính phủ tin vào tiến bộ xã hội, vào việc cải tạo lại tâm hồn của một con người, xem đó là những thứ đảm bảo chắc chắn rằng anh ta thanh khiết và khỏe mạnh, chứ không phải tin vào việc chữa trị những ốm đau bệnh hoạn bên trong anh ta. Điều này thì chúng ta cũng đã có ở Hungary rồi, vào thời sau chiến tranh, khi phe chủ nghĩa cộng sản đến. Có điều ở đó người ta làm bằng xe tăng còn ở đây, người ta thực hiện qua những rao giảng thuyết giáo.

Bọn chúng nói, ôi, cái tên Kovacs này chẳng hề thích thú gì với chuyện đó. Hắn ta thật là lỗ mãng và cục súc. Hắn ta là một chướng ngại vật. Ta phải dẹp bỏ cái tên Kovacs đó nếu ta muốn xây dựng vùng đất thánh Jerusalem mà người ta nói tới đó, xây dựng xã hội công bằng, bình đẳng này.

Người Nhật có một cái trò gấp giấy gọi là origami, thứ mà tôi đã từng có lần trông thấy. Ai đó ở trong tù đã đưa cho tôi xem. Ta gấp một tờ giấy thành bất kỳ hình thù nào mà ta thích nếu ta đủ khéo tay: một con chim, một con gấu, một con rồng. Đó là điều mà bọn họ đã cố gắng làm với tôi. Nhưng, tôi không phải là một tờ giấy, tôi là một con người bằng xương bằng thịt và có thể phải có chuyện tôi không chịu để người ta bẻ gấp mình.

Còn bây giờ là lúc nói đến vấn đề tôi là người thế nào trong cuộc sống riêng tư của mình. Tôi phải thừa nhận ngay rằng mình không thể trở thành một thằng con trai tốt hơn của bố mẹ tôi.

* * *

Tôi không có ý định ngồi chết dí cả ngày trên chiếc ghế bành của bố tôi trong căn hộ trống rỗng nghe lại những cuốn băng mà không ăn và hầu như không uống gì. Sau một quãng thời gian nhiều năm như thế, tôi không mong muốn lại nghe thấy cái giọng ùng ục trong yết hầu đó một lần nữa, cái môi dưới trề ra đang cố gắng uốn ra thành từ, tiếng cười thoải mái của bác Sándor, những lời nhạo báng chua cay của ông. Tôi nghe thấy giọng của mình cách đây 30 năm. Do tôi tưởng tượng hay đúng là âm sắc nghe có thay đổi chút ít? Thật sự hồi đó tôi đã nói như vậy sao? Thật sự hồi đó tôi đúng là người như Claude gọi, một cô nàng kẻ cả bề trên ư?

Những cuộn băng chứa đựng bằng chứng của món quà còn mãi mà bác tôi đã để lại cho tôi: quá khứ. Ông đã tặng cho tôi ký ức về ông bà mình, ngôi làng ở Zémlen, những cây mận, những vườn nho, phân ngựa ở trên đường làng, những quán cà phê ở Budapest, hình ảnh mẹ tôi ngồi với một cây gậy trong một quán cà phê ở bờ sông Danube, mái tóc nâu ôm quanh khuôn mặt bà, đôi mắt màu nho khô của bà, chiếc cầm chẻ của bà. Dù chúng đúng hay sai (nhưng thật ra tôi chẳng có lý do nào để nghi ngờ chúng) thì quá khứ này là quá khứ duy nhất mà tôi có.

Chẳng có một quá khứ nào khác.

Tôi đã dọn dẹp xong, đóng gói tất cả mọi thứ, bỏ những cuộn băng và cái máy thu âm vào một thùng giấy bìa cứng rồi rời khỏi căn hộ, khép cửa lại sau lưng. Tôi đứng chờ cánh cửa thang máy cọt kẹt mở ra, đặt cái thùng giấy lên chiếc ghế đầu bọc da nhỏ trong lúc đợi thang máy đi xuống. Tới tiền sảnh, tôi gỡ chiếc thẻ có tên bố mẹ tôi gắn trên tấm bảng bằng đồng của hộp thư của ông bà đặt tại sảnh. Tôi tự hỏi không biết bao nhiêu lần rồi tôi mất cả cuộc đời mình để tránh né cái tòa nhà

này, tòa nhà lớn bằng gạch đỏ này; cố gắng tìm một con đường khác, một hướng đi khác.

Đó là một buổi chiều muộn đầy nắng. Đồng hồ mới chỉ qua 5g30. Những cái bóng đổ dài, những tiếng còi từ đằng xa vọng lại, sự lo âu và phấn khích hiện lên trên mặt của những người qua đường. Người ta đã bắt được một kẻ khủng bố, cô có nghe tin chưa? Thành phố vẫn nóng bức, căng thẳng, hầm hập sốt. Người ta không muốn đi lại nhưng họ chẳng có một sự lựa chọn nào - dù là đi tàu điện ngầm hay đi xe buýt thì cách nào cũng gặp những rủi ro đe dọa của bọn khủng bố. Tôi đi bộ vòng sang phố Seymour, tới cửa hàng quần áo của Eunice, mang theo cái thùng. Những khách hàng cuối cùng đang điên cuồng tập trung sục sạo các giá đồ bán hạ giá. Những bóng đèn chiếu trên trần rọi xuống mái tóc của Eunice, hắt ánh sáng lên quang lên hàng mi giả của bà ấy. Tôi không biết bà ấy phải đeo cái mặt nạ ấy, gương mặt của một phụ nữ bán hàng chuyên nghiệp hết ngày này qua ngày khác như thế nào. Với bà, khách hàng lúc nào cũng đúng, thậm chí ngay cả khi cô ta rõ ràng đã sai lè lè và chiếc váy mà cô ta đang mặc thử là quá chật nhưng ta vẫn khéo léo khen nó rất hợp, rất đẹp rồi nói có lẽ ở đây có một cái khác đẹp hơn.

Tôi khâm phục Eunice vì sự kiên nhẫn, độ lượng của bà, vì cái miệng ăn nói nhẹ nhàng lịch sự, vì khả năng chịu đựng những vị khách quấy rầy làm mất thời gian, những người chỉ đến để mà nhìn ngắm chứ không mua. Nhưng có lần Eunice đã nói với tôi: “Nếu một người trẻ tuổi thử một chiếc váy áo dự tiệc rượu cocktail mà cô ấy không có khả năng mua nổi nó và dù gì đi nữa cũng không bao giờ có được một lời mời đi dự tiệc rượu cocktail thì tôi vẫn sẽ để cho cô ấy thử. Vì cô thấy đấy, ta chẳng bao giờ biết được thứ gì sẽ đến sắp tới trong cuộc đời ta.

Biết đâu một ngày nào đó, cô gái lao động nghèo này có thể bước vào với một chiếc nhẫn kim cương trên ngón tay và cô ấy sẽ nhớ tới những nữ nhân viên bán hàng tử tế khi xưa đã cho cô ấy thử những chiếc váy mà cô ấy không có tiền mua nổi. Vì chính điều này mà cô ấy không cảm thấy e ngại, lo sợ trước ý nghĩ về những bữa tiệc rượu cocktail. Đây là lý do vì sao bán hàng là một cái nghề. Nhưng cần phải nói điều này cho lũ trẻ mà người ta thuê bán hàng ở phố Oxford, cái lũ chỉ biết quay đầu đi trước ánh mắt nhìn ngắm thích thú của khách hàng.”

Tôi nhìn Eunice gấp, vuốt phẳng phiu và bọc những món hàng bán được cuối cùng trong ngày. Đôi bàn tay với những móng sơn bạc vẫn còn nhanh nhẹn nhưng khi không có ai nhìn thấy, bà ấy lại xoa bóp hai cùi chỏ của mình. Tôi nhớ mẹ tôi cũng có những cử chỉ tương tự.

– Ô vậy là cô quay lại à - bà ấy nói khi người khách cuối cùng rời khỏi cửa hàng.

– Vâng, cháu có một thứ cho cô.

– Cái gì thế này, cô có cái gì ở trong thùng thế?

– Cô có nhớ những cuộn băng mà bác Sándor và cháu đã ghi âm không?

– Cô có chúng ư? Giọng của Sándor ư?

– Vâng.

– Sándor còn sống trong những cuộn băng! Ô, tôi sẵn sàng cho đi thật nhiều để được nghe thấy tiếng của ông ấy lần nữa, người đàn ông yêu quý.

– Tất cả chúng đều có ở đây, cả chiếc máy ghi âm nữa, có cả những gì mà bác Sándor đang viết vào cái ngày cháu gặp bác ấy trong công viên. Bút tích của chính bác ấy.

– Cảm ơn, - Eunice nói. - Thứ này rất có ý nghĩa đối với tôi.

Eunice nhìn vào đồng hồ đeo tay của mình. Gần 6 giờ rồi - bà ấy nói và đi khóa cửa. “Khoan đã, chờ tôi làm xong rồi chúng ta sẽ nói chuyện. Trông cô kia, mệt rồi đấy, cô gái ạ. Thôi, ngồi xuống đây”. Eunice chỉ vào một chiếc ghế bọc nhung vàng có hai thành sơn mạ vàng.

- Nhưng cô mới là người mệt mỏi chứ, cô nên ngồi đi.
- Tôi sẽ ngồi khi về nhà. Đó là lúc tôi ngồi nghỉ.
- Cô có muốn cháu chỉ cho cô cách mở cái máy ghi âm này không? - tôi hỏi - Ban đầu nó có thể rắc rối đấy.

Eunice đứng cạnh quầy kiểm tra các hóa đơn của mình. “Tôi biết cách mở mà, đừng lo. Tôi biết mấy cái máy nhỏ mà. Tôi làm tất cả mọi hóa đơn tín dụng với cái máy mới. Tôi mất chưa đầy một phút để học cách sử dụng nó.

- Trưa nay, cháu đã nghe lại những cuộn băng đó - tôi nói.
- Mọi chuyện kết thúc thật đột ngột. Cháu không bao giờ được nghe bác ấy giải thích cách bác ấy trở thành chủ nhà trọ như thế nào hay những gì bác ấy...

- Những gì lũ chúng nó làm đối với người đàn ông ấy là một tội ác. Cái tên thẩm phán đó, chính hắn mới là kẻ đáng ra phải vào tù.

- Nhưng ông ta...
- Ô, lại nhưng với nhị. Đừng tin những gì cô đọc trên báo. Tôi không bao giờ thèm ghé mắt tới cái thứ rác rưởi đó. Với tôi, một người mang những vết sẹo hằn lên lưng, một người đã từng là nô lệ giống như nô lệ ở Ai Cập, nơi mà người dân Do Thái xưa kia đã cất bước rời đi, là một vị vua.

- Những người thuê nhà, bác ấy đã...
- Tôi sẽ ra sau pha một bình trà. lát nữa quay lại, tôi sẽ kể cho cô nghe về những người thuê nhà đó.

- Để cháu giúp cô nhé?
- Không, cứ ngồi đây. Đừng có sốt ruột. Tôi sẽ ra ngay ấy mà.

Tôi nhìn quanh cửa hàng. Eunice đã tắt các bóng đèn chiếu, khóa cửa và treo bảng đóng cửa nghỉ bán. Chỗ này là một căn phòng quá nhỏ để trải qua phần lớn cuộc đời mình làm việc tại đây. Những bức tường màu xanh lá ngả vàng nhạt đã từng rất hợp một khi nó mới mở cửa cách đây 50 năm. Rồi những chiếc ghế bọc nhung nhỏ, những chiếc hộp trưng bày có kính ở mặt trước, chiếc bàn đá hoa cương trên đó đặt duy nhất một bình cúc màu đồng chớm nở (loài hoa mà ngay cả khi đang phát triển cũng đã trông như thể khao khát trông đợi được hái về), những buồng thay đồ có rèm buông cùng với những cái móc để treo áo khoác, một cái giá để bày túi xách, đủ mùi hương nước hoa thời xưa vương trong không khí, sự hòa lẫn của nhiều mùi hương khác nhau tỏa ra từ da thịt của nhiều phụ nữ. Shalimar, Poison, Air du Temps, Magie Noire, Blue Grass, No. 5.

Trong suốt quãng thời gian Eunice đã làm việc tại cái cửa hàng này với một phong cách không ngừng duyên dáng, có quá nhiều điều xảy ra với tôi, quá nhiều khúc quanh, ngã rẽ và đứt đoạn.

Tôi đã muốn được sống và tôi đã sống. Tôi đã muốn trốn thoát khỏi Benson Court và tôi đã trốn thoát được. Tôi đã ngồi ở Fountain Room của nhà hàng *Fortnum and Mason*^[72] thưởng thức món kem nước quả. Tôi đã ngồi ở đó, tại bàn, một mình. Phía đối diện, người chồng tương lai của tôi đang nhâm nhi một tách trà Earl Grey, ngược nhìn lên khỏi tờ báo đang đọc và trông thấy tôi có một giọt kem dính ở cằm, đang xúc một trái sơ ri ngâm đường màu đỏ bỏ vào miệng và anh đã phá lên cười. Tôi chuyển sự chú ý của mình khỏi ly kem nước quả. Anh ấy đã

thấy gì mà cười phá lên như thế nhỉ? Thì ra là anh ấy cười trước hình ảnh tôi chăm chú sốt sắng hết mức trong lúc dán chặt với cái món kem và hình ảnh kem dính thành một bộ ria trắng điểm những sợi lông đen trên môi trên của tôi. Một cô gái mảnh khảnh ngồi một mình trong một quán cà phê ăn ngẫu nhiên một cách không ý thức món kem. “Và khi ăn xong, em lấy ra một bao nhỏ thuốc lá sợi và cuốn một điếu thuốc lá bằng hai bàn tay trông quá lớn, lớn đến mức tưởng chừng như hai cổ tay không thể đỡ nổi chúng. Rồi em xóc diêm lạch xạch trong hộp. Anh nghĩ, giờ là lúc bắt đầu câu chuyện đây.”

Bạn biết rồi đấy, cuộc đời tôi trở nên vô vị hơn tôi từng nghĩ, vì như tôi nhận thấy, cuộc sống là nhàm chán bình thường.

Tôi có một hai bài phê bình sách được đăng rồi sau đó tìm được một công việc ở một tạp chí nhỏ, dọn tới ở cùng Vic trong căn hộ của anh tại Clapham, bắt đầu ăn mặc như một phụ nữ tới tuổi 30, có đứa con đầu lòng rồi tiếp thêm một đứa nữa. Ôi những đứa con gái! Một đường cong học tập mới dốc làm sao! Chúng tôi mua một cái nhà lớn ở gần Hạ viện. Rồi sau đó, Vic - vốn làm trong lĩnh vực thiết kế phần mềm trước khi tất cả mọi người hiểu được những từ chỉ nghề này nghĩa là gì - có một công việc ở Mỹ. Chúng tôi ở St Louis 5 năm. Tôi viết vài cuốn sách cho thiếu nhi khá thành công. Sách vẫn đang tiếp tục được in. Vài tháng một lần, tôi vào trang mạng Amazon để kiểm tra xem thứ hạng bán chạy của chúng như thế nào. Vic được trả một khoản lớn khi công ty của anh được Microsoft mua lại và chúng tôi dọn tới Deya, tới ngôi làng lờm chờm núi đá trên đảo Mallorca, để thực hiện giấc mơ của anh là mở một nhà hàng. Vic yêu việc nấu nướng.

Đó là một cuộc sống vui vẻ hạnh phúc dù có gián đoạn bởi hai lần ngoài chồng ngoài vợ, một lần của anh ấy và một lần

của tôi. Nhưng rồi ta cũng vượt qua được chuyện đó. Rồi, một bữa trưa Vic bị lên cơn đau tim khi đang lấy một cái khay đựng thịt cừu từ trong lò ra: mỡ từ cái khay kim loại rơi xuống giày của anh. Lúc xe cứu thương từ thành phố đến được tới nơi thì anh đã chết rồi. Vậy là hết.

Tôi bán nhà hàng và quay trở lại London cách đây 8 tháng. Sự thật là tôi đã để cho mình sống tự do thoải mái chẳng ràng buộc gì. Hai đứa con gái của tôi nói về chuyện này luôn. Chúng - những cô gái người Anh, da trắng, múp múp, chẳng có những nỗi lo âu và những điều nghi ngờ không chắc chắn như tôi - đã sống trọn cuộc đời của mình xuyên biên giới mà không gặp khó khăn trở ngại gì. Tôi ngắm chúng ăn mặc, tôi thấy sự chọn lựa của chúng khi chúng đứng ngắm mình trước gương. Chúng đã qua cái thời mới lớn, độ tuổi mà chúng phải ăn mặc giống chính xác những gì lũ bạn đang mặc: quần jeans hở bụng. Chúng lớn lên mỗi lúc một tự tin hơn và bắt đầu khẳng định mình. Lillian và Rose, mỗi đứa theo một hướng hơi khác nhau, mỗi đứa theo đuổi những điều lớn lao không đáng kể của riêng chúng.

Quần áo ta mặc là một phép biến đổi hình dáng. Chúng thay đổi ta từ trong ra ngoài. Tất cả chúng ta ai ai cũng đều bị mắc kẹt trong thân hình với hai bắp chân thô, hai bầu vú chảy xệ đung đưa, bộ ngực cháy nắng hay quai hàm dưới rũ xuống. Hàng triệu thứ không hoàn hảo làm hoen ố hình ảnh chúng ta. Có những tỳ vết, khiếm khuyết rất nặng mà chúng ta chẳng thể tự do làm gì được với chúng ngoại trừ chấp nhận dao kéo phẫu thuật. Vì vậy, điều tốt nhất mà ta có thể làm được là khoác lên một bộ cánh mới, một cái cà vạt khác. Chúng ta đang vĩnh viễn biến thành một con người khác và sẽ không bao giờ quên được rằng ai đó vẫn luôn luôn nhìn ngắm mình.

Eunice quay trở lại cùng với một cái khay, một bình trà bằng sứ, tách và đĩa lót tách, một chén đường và một bình sữa. “Tôi hi vọng là cô không mong có bánh bích quy” - bà ấy nói. - “Tôi chỉ ăn những món ngọt khi tôi đi ăn bên ngoài ở nhà hàng ngon. Sándor trước đây hay dẫn tôi đến một vài nơi thật đáng yêu có xe đẩy phục vụ những món ngọt tới tận bàn để mình chọn thứ mình muốn. Thôi, còn bây giờ thì kể cho tôi nghe xem chuyện gì đã xảy đến với cô nào?”

- Thì cháu đã kể với cô rồi đấy thôi.

- Ô, tôi biết cái quán cà phê đó ở Tây Ban Nha, nơi tất cả những người giàu có hay lui tới. Tôi đọc thấy điều đó trên báo. Ý tôi muốn hỏi vì sao mà cô lại trốn chạy khỏi đó nhanh đến thế?

- Ý cô là sao cơ?

- Sao cô không ở lại căn nhà đó và thu tiền cho thuê nhà của Sándor giúp ông ấy? Sao cô lại để mọi thứ thành hoang phế, xuống cấp xập xệ như vậy cho đến khi chẳng còn thứ gì sót lại, cho đến khi những căn nhà đó trở lại thành nhà ổ chuột giống như khi ông ấy mua chúng rồi dành tất cả thời gian và tiền bạc để biến chúng thành đẹp đẽ?

- Chuyện đó thì có liên quan gì tới cháu đâu?

- Cô được thừa kế tất cả mọi thứ, có phải không nào? Cô là cháu của ông ấy.

- Không, cháu không thừa kế.

- Thế thì ai?

- Bố cháu.

- Ôi là ông ấy ư! Thế thì tại sao ông ấy không tiếp tục công việc kinh doanh?

Tôi mỉm cười trước ý nghĩ bố tôi đeo một cái cặp da trên vai, gõ cửa tất cả những con người xa lạ ấy, hô tên họ lên nếu họ chậm trả tiền thuê nhà.

– Bố cháu không phải là kiểu người của kinh doanh, ông chẳng bao giờ có đầu óc tính toán tiền bạc và ông chắc chắn cũng chẳng có một kỹ năng xã hội.

– Quả đúng là như vậy, - Eunice đồng tình. - Phải, phải. Tôi cũng nhớ thế.

Bà ấy ném vào tôi một cái nhìn sắc lẹm nhức nhối với đôi mắt già nua. “Nhưng chẳng nhẽ bố cô không muốn có tiền sao?”

– Không ạ. Ông sẽ không đụng tới nó.

– Thật là một chuyện tai quái. Sao ông bố của cô lại không từ chối nhận gia tài thừa kế của anh trai mình?

– Bố cháu nghĩ nó đã bị ô uế như nhớp. Ông không tin vào chuyện vi phạm pháp luật vì bất cứ lý do gì.

– Còn cô thì nghĩ sao?

– Về cái gì ạ?

– Về chuyện vi phạm pháp luật ấy?

– Cháu không quan tâm nhiều đến pháp luật nhưng cháu vẫn còn nghĩ về những người thuê nhà.

– Ô, phải rồi, nhắc tới mấy người thuê nhà đó tôi mới nói. Chà, cô có biết không, một vài người trong số đó sống một cuộc sống thật kinh khủng tồi tệ hồi còn ở Jamaica quê nhà họ. Họ chẳng bao giờ biết tới có nhà vệ sinh ở trong nhà, bồn rửa bát hay bất cứ thứ gì như thế. Và khi họ đến đây, họ làm những người đáng kính phải thức dậy vào lúc nửa đêm vì những tiếng ồn những tiệt tùng của họ. Một số người trong bọn họ không

muốn làm việc; họ chỉ nằm ườn ra và hút bồ đà cả ngày rồi gây sự. Tôi nghĩ thỉnh thoảng hút tí cần sa cũng chẳng có gì là sai trái cả nhưng sau đó thì có nhiều thứ hệ lụy kéo theo. Và những người đàn ông hoang tử tế sinh ra ở đó buộc phải giữ con cái họ tránh xa những người thuê nhà vô công rồi nghề đến từ Jamaica. Những người này đã làm hư hỏng mấy đứa trẻ ngoan.

– Có phải đó là điều đã xảy ra với con trai cô không? – tôi hỏi Eunice.

– Điều gì?

– Con trai cô ấy. Có phải cậu ấy đã bị những người kia làm cho tiêm nhiễm hư hỏng?

– Nó chết rồi, – bà ấy đáp cụt lùn và uống trà như thể đang cố nhấn chìm đứa con trai ở bên trong mình.

– Cháu rất tiếc.

– Vì sao thế? Sao cô phải lấy làm tiếc?

– Thật là kinh khủng khi người mẹ mất đi đứa con của mình.

Eunice nhún vai. “Chết là chết thôi”.

– Thế con trai cô mất khi nào?

– Cách đây cũng không lâu.

– Bố của cậu ấy là ai vậy? – Tôi hỏi Eunice, cảm thấy như mình đang bước vào một nơi trong cuộc đời của bà ấy, một nơi bị che giấu khuất sau bộ đồ, mái tóc cài trâm và hàng lông mi giả, kín bưng đến nỗi nó dường như giống như một màn đêm đen đặc không thể xuyên qua được.

– Cô muốn biết điều đó ư? – Eunice nói – Muốn biết nhất trong số tất cả bao nhiêu điều muốn hỏi! – Bà ấy bật cười. Tôi nghĩ trước đây mình chưa nghe thấy Eunice cười thành những

âm thanh kiểu như thế này bao giờ, tiếng cười rúc rích khùng khục trong cổ họng.

Tôi đợi một lúc để xem bà ấy kể cho mình nghe nhưng rõ ràng là cuối cùng tôi đã khiến Eunice trở nên câm lặng vì tất cả những gì bà ấy làm là uống cạn tách trà của mình rồi nhìn ra ngoài cửa sổ, ngó những người khách qua đường, một dòng người đang đổ về hướng nam tới ga điện ngầm, trông ai nấy đều bất lực và yếu ớt trong những chiếc váy và đầm mùa hè - những bộ đồ vải mỏng, trong những đôi xăng-đan bám lỏng lẻo vào chân, trong dáng điệu lướt qua êm nhẹ, gần như thể là đang trôi bồng bềnh và bốc hơi khi đi vào đám hơi ẩm của buổi đầu hôm.

Eunice tiếp tục uống trà trong câm lặng, - giữa đôi mắt bà ấy hiện lên một đường lằn và đầu gục xuống trong khi chiếc tách đã trống trơn hết hẳn. Đó cũng chính là cử chỉ mà tôi đã thấy ở bà ấy vào buổi sáng, qua lớp kính của cửa hàng. Eunice ngồi đó, chống một tay dưới cằm để cố nâng nó lên.

- Là Jerome, - Eunice đột ngột cất lời. - Đã lâu lắm rồi tôi không nghĩ tới anh ta.

Tôi chờ đợi bà ấy thổ lộ thêm.

- Ừ thì, cô biết không, chuyện đó xảy ra thời chiến tranh. Lúc đó, tôi là một cô gái trẻ sống ở Cardiff và dĩ nhiên là có rất nhiều người Mỹ. Binh lính Mỹ ấy. Vậy là một tối, tôi gặp Jerome tại sàn nhảy. Tôi nhớ lúc ấy mình mặc một chiếc áo đầm màu thiên thanh với chân váy ren mà tôi đã tự mình may lấy bằng những mẫu vải mà tôi đã góp nhặt chỗ này chỗ kia vì thời chiến thì làm gì mà có thể kiếm được nhiều. Và Jerome đã dạy tôi cách nhảy điệu mới nhất đến từ Mỹ, điệu vũ mà họ gọi là Lindy Hop. Ông ấy đến ngay chỗ tôi và chọn tôi làm bạn nhảy vì tôi đang mặc một chiếc áo váy quá sức là xinh đẹp so với tất cả các

cô gái khác có trong phòng, những người trông thật là buồn tẻ. Ông ấy đi ra nước ngoài nhưng ơn Chúa là ông ấy không bị chết trận và ông ấy trở lại. Và thế là chúng tôi cưới nhau và tôi dọn đến sống cùng ông ấy ở Mississippi. Nhưng mọi thứ hoàn toàn không như những gì mà tôi trông đợi. Cuộc sống đó không phải là thứ mà tôi quen thuộc.

– Không quen như thế nào ạ? – tôi hỏi. Vậy là Eunice đã từng ở Mỹ. Thế mà tôi cứ nghĩ bà ấy chưa một lần nào rời khỏi những bờ biển này.

– Tôi không biết ở đó có những ngôi nhà không có nhà vệ sinh ở trong; còn lợn và chó thì ở khắp mọi nơi. Và tôi cũng không biết về người da trắng – những người hay nhìn ta như thể ta không phải là con người mà có họ hàng với lũ lợn và chó kia. Trước khi tôi đến Mỹ, chưa có người nào đánh tôi. Đánh bằng chổi bằng xích mà người ta dùng để xích chó. Tôi phải chạy trốn cùng với đứa con còn đỏ hỏn của mình. Mọi thứ với tôi lúc đó thật là khắc nghiệt. Tôi phải một mình một nách tự xoay xở, cố gắng xây dựng một cuộc sống đàng hoàng với một đứa con trai không có cha và từ bỏ tất cả mọi cảm dỗ. Tôi không biết vì sao chuyện đó lại xảy ra. Thành bé là một đứa trẻ mũm mĩm đáng yêu nhưng nó đã trở thành một thanh niên trẻ gầy còm có đôi mắt ở trên đầu thấy tất cả mọi thứ nhưng chẳng hiểu được chuyện gì. Chuyện tôi đã gặp gỡ Sándor như thế nào cũng là từ đó. Tôi đã gặp ông ấy khi tôi đi thăm nuôi thằng con trai và tôi đã đứng xếp hàng cùng với Mickey Elf. Tôi nghiệp Sándor, ông ấy chẳng có ai tới thăm ngoại trừ cái anh chàng Mickey Elf. Và thế là chúng tôi làm quen và cuối cùng thì chính ông ấy mới là người mà tôi đến thăm chứ không phải thằng con trai của tôi vì nó không còn muốn biết gì thêm về tôi.

“Phải mất nhiều năm làm việc sau quây tính tiền tôi mới có

được công việc này trong cái cửa hàng đáng yêu này. Và tôi nhớ, trong khi tôi đang đóng cửa hàng vào đêm hôm đó, cái ngày mà Sándor ra khỏi tù, ông ấy đã đợi tôi ở bên ngoài, trên vỉa hè. Ông ấy ngồi ở quán cà phê đối diện, ngồi chỉ để đợi mà thôi. Và rồi, ông ấy bước đến cùng với một bó hoa hồng và cúi chào. Ông ấy đã cúi người trước tôi. Cúi người để đối xử với một người như tôi giống như với một nữ hoàng trong lúc cô ta bị đánh đập và bị thiên hạ ngoài đường nhìn như thể cô ta không phải là người! Cô có hiểu không? Đây là phẩm giá, đây là sự tôn trọng.

– Vâng, cháu hiểu.

– Hiểu ư? Tôi chưa bao giờ nghĩ là cô hiểu được điều đó.

– Cháu không phải là kẻ thù của cô, Eunice. Cháu lúc đó chỉ là một cô gái trẻ chưa chín chắn, bị mất mát, cô đơn và không thể tìm thấy lối đi cho cuộc đời mình.

– Ái chà, nhưng với tôi, cô dường như là biết chính xác điều mình muốn là gì với tất cả những âm mưu kế hoạch.

Tôi đứng dậy và bưng chiếc khay đựng những chiếc tách trà đã uống hết lên. “Để cháu giúp cô thu dọn” - tôi nói.

Eunice gạt đầu vội vàng. Đằng sau bức màn có một căn phòng nhỏ để một ấm nước, một bồn rửa bát, các hóa đơn và hàng tồn kho. Một bó nhỏ hoa păng-xê có cuống ngắn được cắm trong một cái bình nhỏ đặt trên một cái khăn lót ren.

– Cái gì thế này? - tôi vừa nói vừa cầm một tấm ảnh được lồng khung.

Eunice trông hoảng sợ.

– Đừng nói với ai về thứ đó, - bà ấy nói. - Tôi có thể phải đi tù đấy.

– Nó được cắt ra từ trong một cuốn sách, có phải không ạ?

– Cuốn sách đó ở thư viện. Tôi đem nó về nhà và tôi thấy bức hình này. Tôi lấy một cái kéo và nghĩ sẽ không có ai chú ý phát hiện ra. Làm hư hỏng một cuốn sách mượn từ thư viện là một tội nghiêm trọng có phải không?

Tôi nhìn bức hình. Hiện lên trong đó là một hàng dài những người đàn ông đội mũ, mặc áo veston cài chéo và quần gấu lơ vê, mang xách va li, túi du lịch, cặp táp và túi đeo vai bằng da. Một hai người trong số họ đeo mắt kính màu giữa lúc trời chắc hẳn là nắng chói chang vì bóng của họ đổ dài xuống đường. Bác tôi đã bước về phía người thợ chụp ảnh và đang mỉm cười. Cái môi dưới trề ra đó không thể lẫn với ai được, ngay cả khi nó ở trên gương mặt của một người đàn ông trẻ. Tôi nhận ra điều mà tất cả mọi người đều nhìn thấy ở ông: vẻ gợi tình tự mãn, đôi mắt ánh lên tất cả nét hóm hình lẫn tham lam, cái nhìn đồng lõa, sự hiểu biết sâu sắc về một con người nhỏ bé ở bên trong, con người đang thét to đòi được sống và ham muốn cả thế giới này.

Tôi nhận thấy có một con người nhỏ bé như thế tồn tại cùng với nỗi khát khao thèm muốn mãnh liệt của nó cũng đang gào thét trong tôi.

Chúng tôi bắt tay nhau lần cuối cùng. Eunice tiễn tôi ra và đứng ở cửa ra vào cửa hàng, nhìn theo tôi đi ngược lên trên phố. Các tấm áp phích báo chí thông báo kẻ tình nghi khủng bố đã bị bắt. Tôi nghĩ về những vụ đánh bom hồi năm ngoái, vừa ngay khi tôi mới quay trở lại London, về những mảnh quần áo bị xé rách tơi tả nằm vương vãi trên đường tàu.

Tôi thả bộ qua công viên, móc hai quai của cái túi đựng chiếc váy mới giữa các ngón tay. Đó là một buổi chiều đẹp đẽ. Những con ngỗng trời vỗ cánh bay lên không trung oi ả bên trên mặt hồ. Tôi nghe thấy tiếng cửa vo vo một cành cây đang bị đốn và

cái cây đứng giống như người một tay in bóng lên đường chân trời đầy mây. Một chiếc áo váy mới. Có phải đây là tất cả những gì cần thiết để tạo nên một sự khởi đầu mới, khởi đầu từ mảnh vải nhuộm ôm sát vừa vặn với cơ thể của một người phụ nữ? Đám đông những người đi đường vội vã đi qua tôi. Khuôn mặt họ ánh lên nét lo lắng lẫn kích động. Sự yếu ớt dễ bị tổn thương của con người chúng ta đột nhiên chạm đến tôi, tất cả những gì mềm yếu gây mùi lòng nhưng kinh khủng của chúng ta nén lại bên trong một chiếc áo veston, một chiếc váy và một đôi giày.

HẾT

Lời cảm ơn

Trong tác phẩm này của mình, tôi đã viết về Đơn vị Lao động 110/34 dựa trên chuyện kể của Zoltan (csima) Singer, do Randolph L Berman tuyển tập trong *Hệ thống lao động khổ sai thời chiến tranh ở Hungary: Đủ loại trải nghiệm*, New York, NXB Đại học Columbia, 1995.

Nhân vật Sándor Kovacs được lấy cảm hứng từ Peter Rachman, chủ bất động sản ở Notting Hill, người sinh ra tại Lvov (Ba Lan) vào năm 1919, sống sót qua chiến tranh tại một trại lao động khổ sai ở Siberia, đến Anh với tư cách là một người tị nạn vào năm 1946 và mất tại London vào năm 1962. Tại thời điểm qua đời, ông này vẫn đang trong quá trình tìm kiếm tất cả những người họ hàng thân thuộc còn sống của mình. Đối với thông tin về nhà đất tại London thời hậu chiến, tôi lấy từ tiểu sử của ông, cuốn *Rachman* do Shirley Green viết. London: Michael Joseph, 1979.

Tôi chân thành gửi lời cảm ơn tới George Szirtes vì sự giúp đỡ của ông trong việc miêu tả cuộc sống của người Do Thái tại Hungary và đi sâu kể lại những nỗi kinh hoàng mà gia đình ông đã trải qua trong các trại lao động khổ sai. Nếu có bất kỳ điều gì không đúng, sai sót thì đó là lỗi của tôi, của riêng tôi mà thôi.

Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới Antony Beevor và Artemis Cooper vì sự thịnh tình hiếu khách mà họ đã dành cho tôi khi chào đón tôi tới nhà họ ở Kent trong suốt thời gian viết cuốn truyện này và cũng là nơi mà hai nhân vật Ervin và Berta Kovacs xuất hiện lần đầu tiên trong bối cảnh không

hoàn toàn giống với thực tế của một căn phòng ngủ trông ra ngoài khu vườn.

Tôi cũng muốn cảm ơn Gillian Slovo và Andrea Levy vì đã đồng ý đọc bản thảo đầu tiên của cuốn sách này và đã đóng góp những ý kiến phê bình hữu ích; cảm ơn Derek Johns, người đã giúp tôi tránh khỏi quá nhiều chỗ sai cần phải tẩy xóa chỉnh sửa - cảm ơn Susan de Soissons và Elise Dillsworth ở Virago - và trên hết, cảm ơn biên tập viên Lennie Goodings, người chưa bao giờ từ nan (công việc khó khăn là biên tập sách cho tôi).

[1] Canaletto (1697-1768): danh họa người Ý. (Toàn bộ chú thích trong sách là của người dịch.)

[2] Một thứ phấn đen đánh mi mắt của người Ả Rập.

[3] Anastasia là công chúa cuối cùng của vương triều Nga Sa hoàng Romanov.

[4] Tại Anh, đêm ngày 5 tháng 11 hằng năm là đêm của lễ hội pháo hoa trên toàn đất nước. Nó được gọi là *Bonfire Night* hay *Guy Fawkes Night*. Lễ hội này được tổ chức để tưởng niệm sự thất bại của một nhóm người theo đạo Cơ đốc, trong đó có Guy Fawkes, âm mưu đốt kho thuốc súng để lật đổ Quốc hội tại London nhưng bất thành vào đêm ngày 5.11.1605. Vua Anh lúc đó là James I theo đạo Tin lành.

[5] Một loại rượu có nguồn gốc từ Nam Tây Ban Nha, có màu vàng hoặc nâu được pha cho nặng thêm.

[6] Bà cô già Havisham là một nhân vật chính trong tiểu thuyết *Gia tài vĩ đại* (1861) của Charles Dickens. Nhân vật này là một phụ nữ không chồng giàu có, độ 55-56 tuổi, sống trong tòa lâu đài đồ nát của mình cùng với con gái nuôi Estella. Havisham được mô tả giống như “một mụ phù thủy” khó tính, tàn nhẫn với ngoại hình nửa như tượng sáp, nửa như một bộ xương và một đôi mắt dễ làm mủi lòng người. { *Gia tài vĩ đại* – Ý người dịch ở đây nhắc đến “Great Expectations” – *Những kỳ vọng lớn lao* }

[7] Elizabeth Taylor là nữ diễn viên điện ảnh người Mỹ sinh ra tại Anh, nổi tiếng với tài năng và nhan sắc lộng lẫy.

[8] Emma Bovary, nhân vật trong tiểu thuyết “*Bà Bovary*” (*Madame Bovary* - 1856) của nhà văn Pháp Gustave Flaubert.

[9] Nữ diễn viên huyền thoại của điện ảnh Mỹ.

[10] Mariene Dietrich là diễn viên, ca sĩ người Mỹ gốc Đức,

được xem là một biểu tượng vĩ đại của ngành giải trí thế kỷ 20. Viện phim Mỹ xếp bà ở vị trí thứ 9 trong danh sách những ngôi sao nữ vĩ đại nhất mọi thời đại.

[11] Elsa Schiaparelli (10.10.1890 - 13.11.1973) là một nhà thiết kế thời trang người Italy. Cùng với đối thủ lớn nhất của bà là Coco Chanel, Schiaparelli được xem là một trong những nhân vật nổi tiếng nhất trong ngành thời trang thời kỳ giữa 2 cuộc Thế chiến.

[12] Một rặng núi thuộc phía Tây dãy Alpes.

[13] *Câu chuyện mùa đông - the Winter Tale's* - là một vở hài kịch được đại văn hào Anh William Shakespeare sáng tác vào năm 1610.

[14] Amedeo Clemente Modigliani (12.7.1884 - 24.1.1920) là một nghệ sỹ người Italia, họa sỹ kiêm nhà điêu khắc đã hành nghề phần lớn thời gian ở Pháp.

[15] Đây là hình ảnh liên tưởng có liên quan đến một câu chuyện về sự không trung thực đối với Vua Henri VIII (28.6.1491 - 28.1.1547). Sau một mâu thuẫn giữa giáo hội Công giáo Anh và vua Henri VIII, giám mục hạt Glastonbury là Richard Whiting muốn lấy lòng vua Henri nên nảy ra ý định tặng vua 12 điền trang tại hạt Glastonbury. Whiting sai làm một chiếc bánh Giáng sinh lớn rồi bí mật giấu 12 chứng thư xác nhận quyền sở hữu 12 điền trang này vào bên trong chiếc bánh để tặng vua Henri. Jack Horner, quản gia thân tín của Whiting, đem bánh tới London. Trên đường đi, Homer đã bóc bánh, lấy trộm một chứng thư của điền trang trù phú nhất thuộc thái ấp Mells để giữ riêng cho mình.

[16] Fair Isle là một hòn đảo hẻo lánh ở Scotland.

[17] Hội thi chó Crufts được tổ chức lần đầu tiên vào năm 1891

theo sáng kiến của Charles Cruft và lâu nay vẫn được coi là hội thi chó lâu đời, qui mô và uy tín nhất thế giới. Nó được tổ chức hàng năm tại Birmingham, Anh.

[18] Vịnh Các Thiên thần - Baie des Anges nổi tiếng ở thành phố Nice của Pháp, nơi giới thượng lưu thường lui tới tắm nắng.

[19] Khu Đông London - East End - là một khu đa văn hóa nằm ở phía Đông thành phố London, tập trung đông đúc dân nhập cư nghèo. Vì vậy, cái tên East End còn đồng nghĩa với nghèo đói, chật chội, dịch bệnh và tội phạm.

[20] Glend Gould là nghệ sĩ dương cầm người Canada, một trong những nghệ sĩ dương cầm cổ điển nổi tiếng nhất thế kỉ 20.

[21] National Portrait Gallery là Phòng trưng bày chân dung quốc gia của Vương quốc Anh. Nó được mở vào năm 1896 để trưng bày chân dung những người nổi tiếng và có tầm quan trọng trong lịch sử nước Anh.

[22] Panh là đơn vị đo thể tích ở Anh, bằng 0,58 lít.

[23] Alfred Hitchcock là nhà làm phim nổi tiếng người Anh.

[24] Một kiểu đồ gỗ cổ thế kỷ 18 của Anh.

[25] Nữ diễn viên điện ảnh xinh đẹp và tài năng người Anh, từng đoạt giải Oscar với vai *Scarlett O'Hara* trong bộ phim *Cuốn theo chiều gió*.

[26] Macbeth là một nhân vật trong vở bi kịch cùng tên của đại văn hào Anh William Shakespeare. Đó là một kẻ ham hố quyền lực, độc đoán và khát máu, không từ bất cứ thủ đoạn nào, dù ghê tởm, ác độc đến mấy để giết vua xứ Scotland Duncan hòng chiếm đoạt ngai vàng.

[27] Cửa hàng bách hóa Harrods là một trong những cửa

hàng sang trọng nổi tiếng nhất thế giới, nằm trên đường Brompton ở khu Knightsbridge của London.

[28] Nữ ca sĩ người xứ Wales sinh ngày 8.1.1937, bắt đầu nổi tiếng vào cuối thập niên 50 và lừng danh trên toàn thế giới.

[29] Một nhân vật phản diện người Do Thái trong tác phẩm *Oliver Twist* của nhà văn Anh *Charles Dickens*. Lão già có tính cách độc ác này chặn dắt một đám trẻ đường phố, bắt chúng phải đi móc túi và làm nhiều việc phạm pháp khác để đổi một chỗ ngủ qua đêm.

[30] Triều đại nữ hoàng Victoria từ 1837-1901.

[31] Brixton là một quận phía Nam London; Notting Hill cũng là một quận của thủ đô Anh, nổi tiếng toàn thế giới vì sự giàu có và thời thượng của nó.

[32] Món jerk thịt gà hay thịt heo là món ăn dân tộc của Jamaica. Thịt được ướp rất nhiều ớt Scotch Bonnet - một giống ớt có hình dạng giống chuông Đà Lạt của Việt Nam nhưng nhỏ hơn, rau húng tây, hành tây và hành lá. Sau đó, thịt được gói trong lá ớt và nướng trên lửa than từ 6-8 giờ.

[33] Thuốc lá nhãn hiệu Balkan Sobranie Black Russians là một loại thuốc lá được sản xuất tại Ukraine.

[34] Mad nghĩa là điên rồ.

[35] Cá cuộn - fishfinger- là một món chế biến sẵn, thường được làm từ phi lê cá có thịt trắng như cá tuyết, cá minh thái... Phi lê cá được cắt thành từng thanh rồi được tẩm bột chiên xù hay nướng.

[36] Struwwelpeter là một chùm truyện tranh gồm 10 truyện của tác giả người Đức Heinrich.

[37] Bela Kuhn là một nhà Cộng sản Hungary lãnh đạo cuộc Cách mạng Bôn-sê-vic dẫn đến việc hình thành nhà nước Cộng

hòa Xô viết Hungary sau Thế chiến thứ nhất. Tuy nhiên, nhà nước này chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn từ 21.3 đến 6.8.1919.

[38] Vịnh Tiger - Tiger Bay - là một vùng thuộc thành phố Cardiff, thủ phủ của xứ Wales thuộc Anh.

[39] Khu Tây London - West End - là khu vực sang trọng của thủ đô London đồng thời là trung tâm tài chính của Vương quốc Anh.

[40] Nhãn hiệu nước hoa nổi tiếng được giới quý tộc Anh ưa thích.

[41] Soho là một quận nằm ở khu Tây London.

[42] Maison Bertaux là tiệm bánh ngọt lâu đời nhất London, sản xuất bánh ngọt hảo hạng nhất thành phố này.

[43] Một công trình đê quai được xây dựng vào thế kỷ 19 nhằm khai khẩn vùng đất ngập nước nằm cạnh bờ sông Thames ở trung tâm London.

[44] Harry Houdini (1874 - 1926) là một người Mỹ gốc Hungary nổi tiếng với sự nghiệp ảo thuật trốn thoát, biểu diễn nhào lộn, diễn viên và nhà sản xuất phim về các màn tẩu thoát giật gân của mình.

[45] South Bank Centre là một khu phức hợp biểu diễn và trưng bày nghệ thuật lớn nhất thế giới, nằm ở bờ nam sông Thames, thủ đô London.

[46] Đảng Mũi tên chữ thập - Arrow Cross - là phân tử dân tộc cực đoan Hungary thân phát xít Đức thời Chiến tranh Thế giới thứ II. Trong thời gian quân Đức chiếm đóng Hungary vào tháng 5~6 năm 1944, Đảng Mũi tên Chữ thập và cảnh sát Hungary đã trục xuất gần 440.000 dân Do Thái, đa số là đến trại tập trung Auschwitz khét tiếng.

[47] Bệnh lây nhiễm gây sốt, ốm yếu, cơ thể mọc lên những đốm đỏ tím.

[48] Sándor muốn ám chỉ tới chi tiết trong kinh Phúc Âm, Judas là kẻ bán đứng Chúa để lấy 30 đồng bạc.

[49] Perry Mason là một nhân vật chính trong loạt truyện trinh thám của tác giả - luật sư người Mỹ Erle Standley Gardner. Perry Mason hành nghề luật sư, chuyên bào chữa cho các bị cáo liên quan đến tội giết người.

[50] Năm 1977, bất chấp lệnh cấm đình công đối với lực lượng vũ trang, cảnh sát Anh đã tổ chức nhiều cuộc đình công lớn đòi chính phủ tăng lương trong bối cảnh lạm phát tăng cao. Các cuộc đình công sau đó biến thành biểu tình bạo loạn, gây bất ổn chính trị.

[51] Sự kiện Cuộc chiến quận Lewisham: Ngày 13.8.1977, đảng phái tân phát xít cực hữu phân biệt chủng tộc mang tên Mặt trận quốc gia - National Front (NF) - ở Anh đã tổ chức một cuộc tuần hành từ quận New Cross tới quận Lewisham ở Đông Nam thủ đô London. Tại đây, lực lượng này đã đụng độ với hàng nghìn người biểu tình chống chủ nghĩa phát xít và phân biệt chủng tộc. Cảnh sát đã can thiệp để đưa người của NF thoát khỏi đám đông biểu tình nên bị lực lượng biểu tình tấn công. Cảnh sát buộc phải triển khai hàng rào chống bạo động lần đầu tiên ở London.

[52] Liên minh chống Quốc xã (ANL): một tổ chức thành lập năm 1977 theo sự khởi xướng của Đảng Công nhân xã hội chủ nghĩa Anh, được sự tài trợ của một số công đoàn và được một số nhân vật có tiếng ủng hộ. ANL đối kháng với các nhóm cực hữu đang lên lúc đó tại Anh, tiêu biểu là NF.

[53] John Enoch Poivell là nghị sĩ của đảng Bảo thủ Anh, từng

giữ chức Bộ trưởng Y tế từ năm 1960-1963 và nổi tiếng nhất vào năm 1968 với bài diễn văn gây nhiều tranh cãi, cảnh báo về những mối nguy hiểm tiềm ẩn của làn sóng nhập cư ồ ạt đến từ các quốc gia trong Khối Thịnh vượng chung Anh. Vì bài diễn văn này mà Powell bị sa thải khỏi chức Bộ trưởng Quốc phòng (1965-1968) trong nội các sắp được bổ nhiệm của Thủ tướng Edward Heath (nhiệm kỳ 1970-1974).

[54] Racist ám chỉ định kiến đối với người khác vì chủng tộc của họ. Racialist ám chỉ sự nhấn mạnh hay quan tâm đến khía cạnh chủng tộc; nó khiến ta tin rằng cần phải phân loại con người theo nhiều chủng tộc khác nhau. Khái niệm này không hàm ý xếp loại chủng tộc theo thứ bậc cao thấp; không ám chỉ chủng tộc này có vị thế chính trị cao hơn hay có tư tưởng ưu việt hơn dân tộc khác.

[55] Ngôi sao điện ảnh, ca sĩ nổi tiếng người Mỹ.

[56] Yiddish là tiếng Đức cổ của người Do Thái ở Trung và Đông Âu.

[57] John Hutchyns Tyndall (1934-2005) là một chính trị gia người Anh tham gia vào một số phong trào phát xít ở Anh, được biết đến nhiều nhất với vai trò là lãnh đạo Mặt trận dân tộc NF vào những năm 70 của thế kỷ 20 và sáng lập đảng Quốc gia Anh (BNP).

[58] Francisco de Goya y Lucientes là danh họa người Tây Ban Nha nổi tiếng thế giới.

[59] Năm 1966, thành phố London xảy ra một vụ hỏa hoạn thảm khốc. Nhiều khu vực trung tâm London đã chìm trong biển lửa suốt 3 ngày, từ ngày 2-5.9.1966, 13.200 căn nhà, 87 nhà thờ và hầu hết trụ sở của chính quyền thành phố bị thiêu rụi.

[60] Trong Thế chiến II, vào các ngày 13-15.2.1945, lực lượng Không quân Hoàng gia Anh và Không quân Mỹ đã 4 lần oanh kích thành phố cổ Dresden của Đức, dội hơn 3.900 tấn bom cháy và bom có sức công phá lớn xuống thành phố, tàn phá 39km² trung tâm Dresden.

[61] Knightbridge là một quận ở phía Tây trung tâm thủ đô London, nơi giới thượng lưu Anh thường lui tới để mua những món hàng xa xỉ.

[62] Hasit là thuốc lá chế bằng lá thuốc lá non và đọt gai dầu ở Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ...

[63] Một loại công tắc điện ấn định đèn sáng trong một thời gian nhất định rồi tự tắt, thường được lắp đặt dọc theo hành lang lên xuống cầu thang.

[64] Trong truyền thuyết của Do Thái giáo, ở thiên đàng các thiên thần phụng sự trước Ngôi Thiên chúa đều hôn Đức Chúa trời trong buổi cầu nguyện trưa. Có một kiểu hôn đặc biệt gọi là mise binishike tức “Nụ hôn của Chúa”, ám chỉ cái chết trực tiếp trong tay Chúa, Chỉ có 6 nhà tiên tri của Do Thái giáo là Abraham, Isaac, Jacob, Miriam, Aaron và Moses chết như vậy.

[65] Joe Louis là một nhà vô địch quyền anh hạng nặng thế giới còn Sophie Tucker là một diễn viên - ca sĩ người Mỹ gốc Ukraine.

[66] Benito Mussolini là một cố thủ tướng độc tài Ý và Fay Wray là nữ diễn viên Mỹ lai Canada.

[67] Joe Stalin là một cố thủ tướng Liên Xô còn Wallis Simpson là vợ của Quận công Windsor, tức vua Edivard VIII của Anh.

[68] Công nương Margaret là em gái Nữ hoàng Anh còn Lobby Ludd là một nhân vật hư cấu do một tạp chí Anh tên là

Westminster Gazette nghĩ ra vào tháng 7.1927.

[69] Ronald “Ronnie” Kray (1933-1995) và Reginald “Reggie” Kray (1933-2000) được biết đến như những tên tội phạm song sinh khét tiếng nhất, là hai kẻ đầu sỏ của đường dây tội phạm ở London trong những năm 1950-1960.

[70] Teddington Lock là một công trình gồm 3 đập nước và cửa xả trên sông Thames ở vùng ngoại ô phía Tây London.

[71] Vụ cướp tàu hỏa Great Train Robbery là vụ cướp tàu hỏa lớn nhất lịch sử nước Anh, xảy ra vào ngày 8.8.1963. Băng cướp gồm 15 tên do Ronnie Biggs cầm đầu đã tấn công một tàu chở thư tín ở phía Bắc London và cướp 2,6 triệu bảng Anh. Người ta không tìm lại được số tiền này, vào thời đó đây là một tài sản khổng lồ.

[72] *Fortnum and Mason* là nhà hàng sang trọng nổi tiếng ở trung tâm London.